

JEFFREY ARCHER

CHỈ THỜI GIAN CÓ THỂ CẮT LỜI

Biên niên Clifton #1



LÊ ĐÌNH CHI dịch



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

BIÊN NIÊN CLIFTON #1
CHỈ THỜI GIAN CÓ THỂ CẤT LỜI

Tác giả: Jeffrey Archer

Người dịch: Lê Đình Chi

Phát hành: Bách Việt

Nhà xuất bản Lao Động 08/2019



ebook©vctvegroup

30/01/2020

MAISIE CLIFTON



1919

VÀO TRUYỆN

Câu chuyện này sẽ không bao giờ được viết ra nếu tôi không có thai. Các bạn biết đấy, tôi vẫn luôn lên kế hoạch sẽ để mất đi sự trong trắng của mình vào dịp đi chơi ở Weston-super-Mare, chỉ có điều, không phải với người đàn ông đó.

Arthur Clifton chào đời tại Still House Lane, giống như tôi; thậm chí còn học cùng trường với tôi, trường Tiểu học Merrywood, nhưng vì tôi kém anh hai tuổi, nên thậm chí anh còn chẳng biết tôi tồn tại trên đời. Tất cả đám con gái lớp tôi đều mê mẩn anh, và không phải chỉ đơn thuần vì anh là đội trưởng đội bóng đá của trường.

Cho dù Arthur chưa bao giờ tỏ ra quan tâm đến tôi khi còn học ở trường nhưng điều đó nhanh chóng thay đổi khi anh từ mặt trận phía Tây trở về. Thậm chí tôi không dám chắc anh nhận ra tôi là ai khi mời tôi nhảy vào buổi tối thứ bảy đó ở Palais, song một cách công bằng, tôi cũng phải nhìn đến hai lần trước khi nhận ra anh vì anh đã nuôi một hàng ria bút chì và chải tóc lật ra sau như Ronald Colman. Anh không để mắt tới bất cứ cô gái nào khác tối hôm ấy, và sau khi chúng tôi cùng nhau nhảy điệu waltz cuối cùng, tôi biết chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi anh cầu hôn tôi.

Arthur nắm lấy tay tôi trên đường quay về nhà, và khi về tới trước cửa nhà tôi, anh đã cố tìm cách hôn tôi. Tôi quay mặt tránh đi. Xét cho cùng, mục sư Watts vẫn thường nhắc tôi rằng tôi cần giữ mình trong trắng cho tới ngày cưới, và cô Monday, người phụ trách ban đồng ca của chúng tôi, cảnh cáo rằng đàn ông chỉ muốn có một thứ, và một khi có được nó, họ sẽ nhanh chóng mất đi hứng thú. Tôi vẫn thường tự hỏi liệu có phải cô Monday nói từ kinh nghiệm bản thân hay không.

Tối thứ bảy tiếp theo, Arthur mời tôi tới rạp chiếu bóng để xem Lilian Gish trong phim *Những bông hoa gãy nài*, và mặc dù cho phép anh khoác vai mình, tôi vẫn chưa chấp nhận để anh hôn. Anh cũng không làm âm lên vì chuyện đó. Sự thực là Arthur có phần dè dặt.

Đến thứ bảy tiếp theo, tôi cho phép anh hôn mình, nhưng khi anh định luồn một tay vào trong áo tôi, tôi lập tức đẩy anh ra. Kỳ thực, tôi

đã không cho phép anh làm thế cho tới khi anh ngỏ lời cầu hôn tôi, trao cho tôi nhẫn đính hôn, còn mục sư Watts đã đọc bản thông báo kết hôn giữa hai người đến lần thứ hai.

Anh trai Stan của tôi nói với tôi rằng tôi là cô gái cuối cùng còn trinh bên phía bờ bên này của sông Avon, dù tôi dám ngờ phần lớn những cuộc chinh phục của anh ấy chỉ tồn tại trong đầu anh mà thôi. Tuy vậy, tôi vẫn quyết định đã tới lúc, và còn dịp nào tốt hơn chuyển đi chơi tới Weston-super-Mare với người đàn ông tôi sắp sửa kết hôn trong vài tuần nữa?

Tuy nhiên, ngay khi Arthur và Stan nhảy xuống khỏi xe buýt, cả hai lập tức tông thẳng tới quán rượu gần nhất. Nhưng tôi đã dành cả tháng vừa qua để lên kế hoạch cho khoảnh khắc này, thế nên khi rời khỏi xe, như một cô gái ngoan được hướng dẫn chu đáo, tôi đã sẵn sàng.

Tôi bước về phía bến tàu với tâm trạng chán nản thì cảm thấy có ai đó đang đi theo tôi. Tôi ngoái lại nhìn và ngạc nhiên khi nhận ra người ấy là ai. Anh ta bắt kịp tôi, và hỏi có phải tôi đang một mình hay không.

“Đúng thế,” tôi đáp, biết chắc lúc này Arthur hẳn đã nốc đến vai bia thứ ba rồi.

Khi anh ta đưa tay sờ lên máng tôi, đáng lẽ phải tát vào mặt anh ta, song tôi lại không làm thế vì vài lý do. Đầu tiên, tôi nghĩ tới những lợi thế khi làm tình với một người đàn ông nhiều khả năng sẽ chẳng bao giờ gặp lại. Và cũng phải thừa nhận tôi khá thích thú trước sự sẵn sàng của anh ta.

Khi Arthur và Stan có lẽ đã cạn hết vai bia thứ tám của họ, người đàn ông kia thuê phòng cho chúng tôi ở một nhà nghỉ ngay gần bờ biển. Dường như tại đó người ta có mức giá đặc biệt cho những khách thuê phòng không có ý định nghỉ qua đêm. Anh ta bắt đầu hôn tôi ngay khi chúng tôi kịp lên tới chiếu nghỉ cầu thang lầu một, và khi cửa phòng ngủ đã đóng lại, anh ta hối hả cởi khuy áo tôi ra. Rõ ràng với anh ta đây không phải là lần đầu tiên. Kỳ thực, tôi tin chắc mình không phải là cô gái đầu tiên được anh ta đưa lên giường trong một chuyến đi chơi như thế này. Nếu không phải khách quen, làm sao anh ta biết được mức giá đặc biệt?

Phải thú thực là tôi không trông đợi mọi thứ trôi qua nhanh đến thế. Sau khi rời khỏi người nhau, tôi lao ngay vào phòng tắm, còn anh ta ngồi ở cuối giường và châm một điếu thuốc. Có lẽ lần thứ hai sẽ khá hơn, tôi thầm nghĩ. Nhưng khi quay ra, anh ta đã biến mất. Phải thừa nhận là, tôi cảm thấy có chút thất vọng.

Có lẽ tôi đã cảm thấy tội lỗi hơn về chuyện không chung thủy với Arthur nếu anh không nôn ọe ra khắp người tôi trong hành trình trở về Bristol.

Ngày hôm sau, tôi kể với mẹ tôi về chuyện đã xảy ra, song không tiết lộ thân phận người đàn ông kia. Suy cho cùng, mẹ tôi chưa bao giờ gặp anh ta, và nhiều khả năng sẽ chẳng bao giờ gặp. Bà bảo tôi hãy giữ mồm giữ miệng, vì bà không muốn phải hủy bỏ đám cưới, thậm chí nếu quả thực tôi có thai đi nữa, cũng sẽ chẳng ai đủ tinh ý để nhận ra, bởi đến khi cái bụng lộ rõ thì chắc hẳn Arthur và tôi đã kết hôn rồi.

HARRY CLIFTON



1920 - 1933

1

Tôi được kể rằng bố mình đã chết trong chiến tranh.

Mỗi khi hỏi mẹ về cái chết của ông, bà không nói lên gì ngoài việc ông phục vụ trong Trung đoàn Hoàng gia Gloucestershire, và tử trận ở mặt trận phía Tây chỉ vài ngày trước khi hiệp định Đình chiến được ký kết. Bà tôi nói ông là một người dũng cảm, và một lần nọ, khi chỉ có hai bà cháu với nhau trong nhà, bà chỉ cho tôi xem những chiếc huân chương của bố. Ông tôi hiếm khi đưa ra ý kiến về bất cứ điều gì. Nhưng ông vốn điếc đặc, nên rất có thể ngay từ đầu ông đã không nghe thấy các câu hỏi.

Người đàn ông duy nhất tôi có thể nhớ là bác Stan, người hay ngồi ở đầu bàn vào bữa sáng. Khi bác rời nhà vào buổi sáng, tôi thường đi theo bác ra khu cầu cảng của thành phố, nơi bác làm việc. Mỗi ngày tôi trải qua trên cầu tàu đều là một cuộc phiêu lưu. Những chiếc tàu hàng tới từ các miền đất xa xôi bốc dỡ hàng hóa của chúng xuống: gạo, đường, chuối, sợi đay và nhiều thứ khác tôi chưa từng nghe nói tới. Khi các khoang tàu đã trống trơn, công nhân bốc xếp ở cầu cảng sẽ chất đầy chúng với muối, táo, thiếc, thậm chí cả than (thứ hàng hóa tôi không ưa hơn cả, vì nó luôn để lại dấu vết không thể chối cãi về những gì tôi đã làm trong ngày và làm mẹ tôi phiền lòng), trước khi những con tàu tiếp tục lên đường tới đâu tôi không rõ. Tôi luôn muốn giúp bác Stan bốc dỡ bất cứ thứ hàng hóa nào cập bến tàu sáng hôm ấy, nhưng bác chỉ bật cười và nói, “vẫn chưa tới lúc, chàng trai.” Với tôi, thời điểm đó hẳn cũng sớm đến thôi, nhưng vậy đấy, không một lời báo trước, trường học chen vào.

Tôi được đăng ký vào trường tiểu học Merrywood khi lên sáu, và tôi nghĩ đó hoàn toàn là chuyện lãng phí thời gian. Học hành trường lớp mà làm gì trong khi tôi có thể học tất cả những gì tôi cần ngay tại cầu tàu? Chắc chắn tôi sẽ chẳng buồn quay trở lại trường ngày hôm sau nếu mẹ không lôi xềnh xệch tôi tới tận cổng trường, để tôi lại đó, và quay lại lúc bốn giờ chiều để đón tôi về nhà.

Tôi đã không hiểu là mẹ có những dự định khác cho tương lai của tôi, trong đó không hề có việc đến làm việc ở cầu tàu với bác Stan.

Sau khi mẹ để tôi lại trường mỗi buổi sáng, tôi sẽ nán lại trong sân trường cho tới khi mẹ đi khuất, sau đó lén mò ra bến tàu. Tôi luôn chú ý để luôn có mặt ở cổng trường khi bà quay lại đón tôi vào buổi chiều. Trên đường về nhà, tôi kể với mẹ mọi thứ diễn ra ở trường. Tôi rất giỏi bịa chuyện, nhưng chẳng bao lâu sau mẹ đã phát hiện ra bản chất thật của chúng: những câu chuyện.

Có một hai cậu nhóc nữa cùng trường với tôi cũng hay la cà ngoài cảng, nhưng tôi luôn giữ khoảng cách với chúng. Hai đứa đó đều lớn tuổi và to con hơn tôi, và thường hay thui tôi nếu tôi đi ngang đường chúng. Tôi cũng phải để mắt tới ông Haskin, người đốc công trường, vì nếu ông ta bắt gặp tôi lảng vảng, nói theo cách ưa thích của ông ta, ông ta sẽ đuổi cổ tôi đi với một cú đá đít kèm theo lời đe dọa: “Nếu còn thấy mày lảng vảng ở đây, nhóc con, tao sẽ tóm cổ mày tới chỗ thầy hiệu trưởng.”

Đôi khi, Haskin cho rằng ông ta thấy tôi quá thường xuyên, vậy là tôi sẽ bị lôi tới chỗ thầy hiệu trưởng, thầy lấy roi da quất cho tôi một trận trước khi trả tôi về lớp học. Thầy chủ nhiệm của tôi, thầy Holcombe, không bao giờ cho tôi vào nếu trước đó tôi không vào lớp từ đầu giờ, nhưng sau đó ông trở nên mềm lòng hơn. Mỗi khi mẹ phát hiện ra tôi trốn học, bà không hề giấu sự tức giận của mình và sẽ lập tức cắt khoản tiêu vặt nửa penny một tuần của tôi. Nhưng bất chấp những cú đấm thỉnh thoảng phải nhận từ mấy thằng nhóc lớn hơn, những lần đều đặn ăn roi da của thầy hiệu trưởng và việc bị mất tiền tiêu vặt, tôi vẫn không sao cưỡng nổi sức hút của cầu tàu.

Tôi có được người bạn thực sự duy nhất của mình trong lúc “lảng vảng” trên bến cảng. Tên ông là Già Jack Tar. Ông Tar sống trong một toa tàu bỏ không nằm ở cuối dãy nhà kho. Bác Stan nói với tôi

hãy tránh xa Già Jack vì đó là một ông già ngu ngốc, bần thủ. Với tôi, ông già cũng không đến nỗi quá bần, chắc chắn là không bần bằng bác Stan, và chẳng mất bao lâu sau thì tôi phát hiện ra ông ấy cũng chẳng hề ngốc.

Sau bữa ăn trưa cùng bác Stan, một miếng sandwich Marmite của ông, một cái lõi táo ông bỏ đi và một ngụm bia, tôi quay trở lại trường cho kịp giờ trận bóng đá; hoạt động duy nhất tôi cảm thấy đáng để mình có mặt. Xét cho cùng, sau khi rời trường học, tôi sẽ trở thành đội trưởng của Bristol City, hay đóng một con tàu có thể đi vòng quanh thế giới. Nếu thầy Holcombe chịu giữ mồm giữ miệng và ông đốc công không mách tôi với thầy hiệu trưởng, tôi có thể tha hồ lang thang nhiều ngày liền mà chẳng bị ai phát hiện. Chừng nào tôi cẩn thận tránh xa những chiếc xà lan chở than và đứng trước cổng trường lúc bốn giờ chiều, mẹ tôi sẽ chẳng bao giờ phát hiện được gì.

* * *

Cứ cách một ngày thứ bảy, bác Stan lại dẫn tôi đi xem Bristol City thi đấu tại sân Ashton Gate. Sáng Chủ nhật, mẹ thường đưa tôi tới Nhà thờ Holy Nativity, một việc tôi chẳng tài nào tìm được cách để thoát khỏi.

Sau khi mục sư Watts ban phước lành cuối buổi lễ, tôi sẽ lập tức chạy một mạch tới sân chơi, gia nhập cùng lũ bạn trong một trận bóng đá trước khi quay về nhà kịp giờ bữa tối.

Khi tôi lên bảy tuổi, bất cứ ai hiểu biết ít nhiều về bóng đá cũng thấy rõ tôi sẽ chẳng bao giờ có nổi một chân trong đội bóng của trường, chớ đừng nói tới trở thành đội trưởng của Bristol City. Song cũng chính khi đó tôi khám phá ra rằng, Chúa đã ban cho tôi một món quà nhỏ, và nó không nằm ở đôi chân của tôi.

Thoạt đầu, tôi không nhận ra là bất cứ ai ngồi gần tôi trong nhà thờ vào mỗi sáng Chủ nhật đều ngừng hát mỗi khi tôi mở miệng. Đáng lẽ tôi đã chẳng để tâm tới chuyện này lấy một giây nếu mẹ không gợi ý tôi nên gia nhập ban đồng ca. Tôi bật cười coi thường; vì thực tế là ai cũng biết ban đồng ca là dành cho bọn con gái và

mấy thằng nhóc ẻo lả. Hẳn tôi đã gạt phăng chuyện này đi ngay lập tức nếu mục sư Watts không cho tôi biết mỗi đứa con trai trong ban đồng ca được trả một penny cho mỗi đám tang và một xu cho mỗi đám cưới; đây là trải nghiệm đầu tiên của tôi về sự mua chuộc. Nhưng ngay cả sau khi tôi đã miễn cưỡng đồng ý thử giọng, quý sứ vẫn quyết định tạo nên một chương ngại vật trên con đường của tôi dưới hình hài của cô Eleanor E. Monday.

Chắc hẳn tôi sẽ chẳng bao giờ biết mặt cô Monday nếu cô không phải là người phụ trách ban đồng ca tại Nhà thờ Holy Nativity. Dù cô chỉ cao một mét sáu và trông như thể gió thổi cũng bay nhưng không ai dám đùa với cô. Tôi có cảm giác thậm chí cả quý sứ cũng phải hãi cô Monday, vì mục sư Watts chắc chắn là sợ cô một phép.

Tôi đồng ý thử giọng, nhưng chỉ sau khi mẹ tôi đã ứng trước một tháng tiền tiêu vặt. Chủ nhật tiếp theo, tôi đứng xếp hàng cùng nhóm mấy đứa con trai khác, đợi đến khi được gọi.

“Các con sẽ phải luôn có mặt đúng giờ để luyện tập cùng ban đồng ca,” cô Monday thông báo, một ánh mắt sắc như dùi xuyên nhìn chằm chằm vào tôi. Tôi giương mắt lên nhìn lại đầy thách thức. “Các con sẽ không được lên tiếng, trừ khi được gọi tên.” Bằng cách nào đó, tôi vẫn tiếp tục giữ được im lặng. “Và trong buổi lễ, các con phải luôn tập trung từ đầu đến cuối.” Tôi miễn cưỡng gật đầu. Rồi sau đó, xin Chúa ban phước lành cho cô, cô đã cho tôi lối thoát. “Nhưng quan trọng hơn cả,” cô tuyên bố, hai tay chống hông, “trong vòng mười hai tuần, các con sẽ phải trải qua một kỳ thi đọc và viết, để ta có thể chắc chắn các con hát được một giai điệu mới hay một bài thánh ca không quen thuộc.”

Tôi hẳn sẽ rất hân hoan khi bị loại ngay từ lần thử thách đầu tiên đó. Nhưng rồi như tôi khám phá ra cô Eleanor E. Monday không phải là người dễ dàng bỏ cuộc.

“Con đã chọn hát bài nào vậy, cậu bé?” Cô hỏi tôi khi đến lượt tôi tới đầu hàng.

“Con vẫn chưa chọn bài nào cả,” tôi nói với cô.

Cô giở một cuốn sách đồng ca ra, đưa cho tôi rồi ngồi xuống bên chiếc đàn piano. Tôi mỉm cười với ý nghĩ tôi vẫn còn có thể tham gia vào hiệp hai trận bóng sáng chủ nhật của chúng tôi. Cô bắt đầu chơi một giai điệu quen thuộc, và khi thấy mẹ nhìn mình chằm chằm từ

dưới hàng ghế cầu nguyện, tôi quyết định tốt hơn nên thực hiện tử tế phần thử giọng, chỉ để bà vui lòng.

“Mọi thứ sáng rực rỡ và đẹp đẽ, mọi tạo vật cả lớn và nhỏ. Mọi điều thông thái và diệu kỳ...” Một nụ cười đã xuất hiện trên khuôn mặt cô Monday từ rất lâu trước khi tôi hát tới *“Chúa Toàn Năng đã tạo nên tất cả.”*

“Tên con là gì, cậu bé?”

“Harry Clifton, thưa cô.”

“Harry Clifton, con sẽ tới luyện tập cùng ban đồng ca vào các ngày thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu, vào đúng sáu giờ.” Quay sang cậu bé đang đứng đằng sau tôi, cô nói, “Người tiếp theo!”

Tôi hứa với mẹ sẽ đến buổi tập đầu tiên đúng giờ, cho dù tôi biết đó cũng sẽ là buổi cuối cùng, vì cô Monday sẽ nhanh chóng phát hiện ra tôi chẳng hề biết đọc hay biết viết. Và lần ấy hẳn cũng sẽ là lần cuối cùng của tôi, nếu không phải tất cả những ai lắng nghe đều thấy rõ ràng giọng hát của tôi thuộc về một đẳng cấp khác hẳn so với giọng của bất kỳ cậu bé nào khác trong ban đồng ca. Trên thực tế, cứ mỗi lần tôi cất tiếng hát, những người khác lại im lặng, và những cái nhìn ngưỡng mộ, hay thậm chí kinh ngạc, mà tôi vẫn tìm kiếm vô vọng trên sân bóng, thì tôi lại tìm thấy ở nhà thờ. Cô Monday giả bộ như không chú ý.

Sau khi cô cho chúng tôi giải tán, tôi không quay về nhà ngay mà chạy thẳng một mạch ra bến tàu, để hỏi ông Tar tôi nên làm thế nào về chuyện tôi không biết đọc hay viết. Tôi cẩn thận lắng nghe lời khuyên của ông lão, và hôm sau tôi trở lại trường học, ngồi vào chỗ của mình trong lớp của thầy Holcombe. Thầy không giấu nổi ngạc nhiên khi thấy tôi ngồi ngay hàng ghế đầu, và còn ngạc nhiên hơn nữa khi tôi lần đầu tiên chăm chú theo dõi bài giảng buổi sáng.

Thầy Holcombe bắt đầu dạy tôi bảng chữ cái, và trong vòng vài ngày tôi đã có thể viết ra được cả hai mươi sáu chữ cái, cho dù không phải lúc nào cũng theo đúng thứ tự. Mẹ tôi hẳn sẽ giúp tôi học thêm khi tôi về nhà buổi chiều, nếu không phải giống như những người khác trong gia đình tôi, mẹ cũng không biết đọc biết viết.

Bác Stan chỉ biết nguệch ngoạc ký tên của mình, và cho dù bác có thể nhận biết được sự khác biệt giữa bao thuốc lá loại Will's Star và Wild Woodbines, tôi dám chắc trên thực tế bác không thể đọc được

những gì viết trên nhãn hiệu. Bất chấp những lời thì thầm chẳng mấy hữu ích của bác, tôi vẫn bắt tay vào tập viết các chữ cái trên bất cứ mảnh giấy bỏ đi nào tôi vớ được. Bác Stan dường như chẳng hề nhận thấy những tờ báo cũ nhàu nát trong nhà vệ sinh luôn đặc kín chữ viết.

Sau khi đã thành thạo bảng chữ cái, thầy Holcombe dạy cho tôi vài từ đơn giản: “chó”, “mèo”, “bố” và “mẹ.” Đó cũng là lần đầu tiên tôi bắt đầu hỏi thầy về bố tôi, hy vọng thầy có thể cho tôi biết ít nhiều về bố. Nói cho cùng, thầy dường như biết mọi thứ. Nhưng thầy có vẻ ngỡ ngàng khi thấy tôi biết về bố của mình ít đến thế. Một tuần sau, thầy viết cho tôi từ đầu tiên có bốn chữ cái lên bảng đen, “sách”, và sau đó là năm chữ cái “chuối” và sáu chữ cái, “trường”. Đến cuối tháng, tôi đã có thể viết được câu đầu tiên của mình, “Con cáo nâu nhanh nhẹn nhảy qua con chó lười biếng”, trong câu đó, như thầy Holcombe chỉ cho tôi thấy, có mặt tất cả các chữ cái. Tôi đã xem lại, và hóa ra thầy nói đúng thật.

Đến cuối kỳ, tôi có thể đánh vần được “quốc ca”, “thánh thi” và thậm chí cả “thánh ca”, cho dù thầy Holcombe luôn nhắc là tôi vẫn luôn quên phát âm chữ “h” bất cứ khi nào tôi nói. Nhưng sau đó chúng tôi bị gián đoạn vì kỳ nghỉ, và tôi bắt đầu lo tôi sẽ chẳng bao giờ vượt qua được bài kiểm tra đầy thách thức của cô Monday nếu không được thầy Holcombe giúp. Và rất có thể điều đó đã trở thành sự thật, nếu Già Jack không thế vào chỗ của thầy.

* * *

Tôi đến buổi tập tối thứ Sáu sớm nửa giờ. Khi biết mình cần vượt qua bài kiểm tra thứ hai nếu tôi muốn được tiếp tục là thành viên của ban đồng ca. Tôi ngồi lặng im trên ghế, hy vọng cô Monday sẽ gọi tên ai đó khác trước khi cô gọi đến tôi.

Tôi đã vượt qua được bài kiểm tra đầu tiên một cách như cô Monday mô tả là xuất sắc. Tất cả chúng tôi đều được yêu cầu hát trích đoạn bài *Lời cầu nguyện của Chúa*. Đây không phải là vấn đề với tôi, bởi vì mẹ luôn quỳ xuống cạnh giường tôi mỗi tối, và lặp đi lặp lại những lời cầu nguyện quen thuộc này trước khi bà kéo chăn

lên cho tôi. Tuy nhiên bài kiểm tra tiếp theo của cô Monday cho thấy nó là một thử thách khó khăn hơn nhiều.

Đến lúc này, đã là cuối tháng thứ hai, chúng tôi được thông báo sẽ phải hát đồng ca một bài thánh thi trước mặt những thành viên còn lại của ban đồng ca. Tôi chọn bài Thánh thi 121, bài tôi vốn đã thuộc lòng từ lâu, vì trước đây tôi đã nhiều lần hát bài này. *Ta sẽ đổi mắt nhìn xuống các ngọn đồi, và từ đó sự giúp đỡ của ta sẽ tới.* Tôi chỉ có thể hy vọng rằng mình sẽ nhận được sự trợ giúp từ Chúa. Mặc dù có thể giờ tới đúng trang trong quyển thánh thi, vì bây giờ tôi đã biết đếm từ một đến một trăm, tôi vẫn sợ cô Monday sẽ phát hiện ra rằng tôi không thể lần theo từng dòng thơ. Nếu thế, không đời nào cô chịu cho qua, vì tôi đã được ở lại trong ban đồng ca thêm một tháng nữa, trong khi hai đứa bắt tội khác - đấy là lời của cô, mà thực lòng tôi chỉ hiểu nghĩa của nó khi hỏi thầy Holcombe vào ngày hôm sau - đều bị mời trở xuống giáo đoàn.

Đến thời điểm tôi phải trải qua bài kiểm tra thứ ba và cũng là cuối cùng, tôi đã sẵn sàng cho nó. Cô Monday yêu cầu tất cả những đứa còn lại viết ra Mười điều giới luật theo đúng thứ tự mà không được xem trong Sách Xuất Ai Cập Ký.

Cô phụ trách ban đồng ca tảng lờ chuyện tôi đã xếp trộm cấp lên trên giết người, không thể viết được hai từ “ngoại tình” và chắc chắn là không hề biết nó có nghĩa là gì. Chỉ sau khi hai cậu chàng bắt tội kia bị loại vì những lỗi còn nhẹ hơn nhiều, tôi mới thực sự nhận ra giọng hát của mình phải hiếm có đến mức nào.

Vào ngày Chủ nhật đầu tiên của mùa Giáng sinh, cô Monday tuyên bố cô đã chọn ba nam thiếu niên có giọng kim mới - hay “những thiên thần bé nhỏ,” như mục sư Watts vẫn thường gọi chúng tôi - gia nhập ban đồng ca của cô. Những đứa còn lại bị loại vì đã phạm phải những tội lỗi không thể tha thứ được như nói chuyện trong giờ giảng lễ, mút kẹo viên và, trong trường hợp của hai cậu con trai, bị bắt quả tang chơi chọi xâu hạt trong khi đang hát bài *Nunc Dimitti*.

Ngày Chủ nhật tiếp theo, tôi mặc một chiếc áo chùng dài màu xanh với một chiếc cổ còn trắng. Chỉ mình tôi được phép đeo một chiếc mè dây bằng đồng thau mang hình Đức Mẹ Đồng Trinh quanh cổ, để ra hiệu tôi được chọn làm giọng kim hát solo. Tôi chắc sẽ đeo

chiếc mề đay đầy tự hào trên cả con đường về nhà, thậm chí tới trường sáng hôm sau, để khoe với những đứa con trai khác, nếu cô Monday không thu lại nó vào cuối mỗi khóa lễ.

Vào các ngày Chủ nhật tôi như được đưa vào một thế giới khác, nhưng tôi e rằng trạng thái lâng lâng này sẽ không kéo dài mãi mãi.

2

Khi bác Stan thức dậy vào buổi sáng, bằng cách nào đó bác luôn thành công trong việc đánh thức cả nhà dậy. Không ai phàn nàn gì cả vì bác là người kiếm tiền chính trong nhà, và dù thế nào đi nữa bác cũng rẻ tiền và đáng tin cậy hơn một cái đồng hồ báo thức.

Tiếng động đầu tiên Harry nghe thấy là tiếng cửa phòng ngủ đóng sầm lại. Tiếp theo âm thanh này là tiếng ông bác cậu rầm rầm bước đi trên lối đi bằng gỗ ọp ẹp, lao xuống cầu thang và ra khỏi nhà. Sau đó, một cánh cửa nữa sẽ đóng sầm lại khi bác biến mất vào trong nhà vệ sinh. Nếu ai đó vẫn còn ngái ngủ, tiếng nước xối ào ào khi bác Stan giật dây xích, kéo theo hai tiếng cửa đóng sầm lại nữa trước khi bác quay trở lại phòng sẽ giúp nhắc họ là bác Stan đang trông đợi bữa sáng của mình phải sẵn sàng trên bàn khi bác bước chân vào bếp. Bác chỉ rửa mặt, cạo râu vào các buổi tối thứ Bảy trước khi tới Palais hay Odeon. Bác chỉ tắm bốn lần một năm chia đều ra các quý. Sẽ không ai có thể buộc tội bác Stan phung phí những đồng tiền kiếm được đầy khó nhọc của mình vào xà phòng.

Maisie, mẹ Harry, sẽ là người tiếp theo thức dậy, rời khỏi giường chỉ tích tắc sau tiếng cửa đóng sầm đầu tiên. Sẽ có một bát cháo trên bàn ăn sẵn sàng khi bác Stan ra khỏi nhà vệ sinh. Bà ngoại cậu thức giấc ngay sau đó, và sẽ xuống bếp đến bên con gái trước khi bác Stan ngồi vào chỗ của bác ở đầu bàn. Harry cần có mặt dưới nhà trong vòng năm phút sau tiếng cửa đóng đầu tiên nếu cậu muốn có được chút gì đó để ăn sáng. Người cuối cùng xuất hiện trong bếp sẽ là ông ngoại, người đã điếc nặng đến mức thường vẫn ngủ ngon trong suốt thời gian diễn ra nghi thức sáng sớm của bác Stan. Nhịp

sống thường nhật này trong gia đình Clifton không bao giờ thay đổi. Khi bạn chỉ có một nhà vệ sinh duy nhất ở bên ngoài, một chậu rửa và một chiếc khăn tắm, thứ tự trở thành điều cần thiết bắt buộc.

Khi Harry hoàn tất việc vắt vãi vốc nước lạnh lên để rửa mặt, mẹ cậu cũng đã chuẩn bị xong bữa sáng trong bếp: hai lát bánh mì dày phết mỡ heo dành cho Stan, và bốn lát mỏng cho các thành viên còn lại trong nhà, chỗ bánh này sẽ được cô nướng lên nếu còn lại chút than nào trong cái bao vứt ngoài cửa trước vào mỗi ngày thứ Hai. Sau khi bác Stan đã ăn xong cháo, Harry sẽ được phép liếm bát.

Một bình trà lớn màu nâu luôn được chuẩn bị sẵn trên bếp lò, bà ngoại sẽ rót trà ra một lô cốc uống trà cộc cạch nhờ một ấm chuyên lọc trà khảm bạc mà bà được thừa kế từ mẹ mình. Trong lúc những thành viên khác của gia đình thường thức một cốc trà không đường - đường chỉ được dành cho những dịp long trọng và các ngày nghỉ lễ - bác Stan sẽ khui nắp chai bia đầu tiên của mình, mà thường là bác sẽ tu cạn nó chỉ trong một hơi. Sau đó, bác sẽ đứng dậy khỏi bàn ăn, ợ một hơi thật to trước khi cầm lấy hộp đồ ăn trưa mà bà ngoại đã chuẩn bị khi bác đang ăn sáng: hai miếng sandwich Marmite, một cái xúc xích, một quả táo, thêm hai chai bia và một gói năm điều thuốc lá. Sau khi bác Stan rời nhà đi ra bến tàu, tất cả mọi người ngay lập tức bắt đầu nói chuyện.

Bà ngoại luôn muốn biết những ai đã ghé vào tiệm trà nơi con gái mình làm phục vụ bàn: họ ăn những gì, mặc ra sao, ngồi ở đâu; từng chi tiết về những món ăn nấu trên bếp trong một căn phòng được chiếu sáng nhờ những bóng đèn điện không để lại chút sập nến nào, đó là chưa nói tới những vị khách thỉnh thoảng để lại một đồng ba penny làm tiền bo, khoản tiền mà Maisie sẽ phải chia đôi với người đầu bếp.

Maisie lại bận tâm hơn nhiều với việc tìm hiểu xem Harry đã làm gì ở trường ngày hôm trước. Cô yêu cầu con trai phải báo cáo mỗi ngày, một việc có vẻ dường như không làm bà ngoại quan tâm mấy, có lẽ vì bà chưa bao giờ đến trường. Mà nếu nghĩ cho cùng, bà cũng chưa bao giờ đặt chân tới một tiệm trà.

Ông ngoại hiếm khi bình luận gì, vì sau bốn năm liên tục nạp đạn rồi tháo vỏ đạn cho một khẩu pháo dã chiến cả sáng, trưa, chiều và

tối, ông đã điếc đặc đến mức đành phải hài lòng với việc quan sát môi những người còn lại mấp máy và thỉnh thoảng lại gật gù. Về bề ngoài này có thể làm người lạ có ấn tượng ông lão là một kẻ ngớ ngẩn, điều mà các thành viên còn lại của gia đình đều biết là không phải sau khi tự thân đã trả giá.

Nhịp sinh hoạt buổi sáng chỉ thay đổi đôi chút vào cuối tuần. Các ngày thứ Bảy, Harry sẽ bám theo ông bác rời khỏi bếp, luôn lui lại sau vài nhịp chân trong lúc ông bác cậu tới cầu tàu. Đến Chủ nhật, mẹ Harry sẽ đưa cậu bé tới nhà thờ Holy Nativity, tại đó, từ hàng ghế cầu nguyện thứ ba, cô sẽ có một quãng thời gian đắm mình trong ánh hào quang của cậu con trai, giọng solo bè cao trong ban đồng ca của nhà thờ.

Nhưng hôm nay là thứ Bảy. Trong suốt quãng đường hai mươi phút đi bộ tới cầu tàu, Harry không bao giờ mở miệng trừ khi bác cậu lên tiếng. Mỗi lần như thế, câu chuyện lại bắt di bắt dịch quay lại đúng cuộc trò chuyện mà hai bác cháu đã nói với nhau vào thứ Bảy tuần trước.

“Khi nào cháu định rời khỏi trường và làm việc hàng ngày, hả chàng trai trẻ?” luôn là câu mở màn của bác Stan.

“Cháu không được phép rời khỏi trường cho tới năm mười bốn tuổi,” Harry nhắc nhở bác cậu. “Luật quy định như thế.”

“Thứ luật mắc dịch ngu ngốc, nếu cháu muốn biết ý kiến của bác. Bác đã chuồn khỏi trường và làm việc ở bến tàu từ khi bác mười hai tuổi,” Stan sẽ tuyên bố như thể Harry chưa bao giờ nghe qua lời nhận xét rất mực sâu sắc này. Harry chẳng buồn trả lời, vì cậu đã biết trước câu nói tiếp theo của bác cậu sẽ là: “Và hơn thế nữa, bác đã đăng ký gia nhập quân đội của Kitchener trước ngày sinh nhật thứ mười bảy của bác.”

“Hãy kể cho cháu nghe về chiến tranh đi, bác Stan,” Harry nói, biết chắc chuyện này sẽ làm ông bác cậu bận bịu trong suốt mấy trăm yard tiếp theo.

“Bác và bố cháu gia nhập Trung đoàn Hoàng gia Gloucestershire cùng một ngày,” bác Stan nói, đưa tay lên chiếc mũ vải của bác như thể đang chào một hồi ức xa xăm. “Sau mười hai tuần huấn luyện cơ bản ở trại Taunton, bọn bác được chở bằng tàu thủy tới Wipers để đánh nhau với bọn Boche. Khi tới nơi, phần lớn thời gian bọn bác

ngồi ru rú trong các chiến hào nhưng nhúc chuột, chờ tới khi được một tay sĩ quan mặt mày vênh vác ra lệnh rằng khi kèn hiệu nổi lên, bọn bác sẽ phải xông ra khỏi chiến hào, lưỡi lê giương sẵn, súng bắn liên tục trong lúc tiến tới chiến tuyến quân địch.” Sau những lời này là một khoảng im lặng thật lâu, rồi bác Stan sẽ nói thêm, “Bác là một trong số những người may mắn. Trở về nước Anh yêu dấu nguyên vẹn như lúc ra đi, vẫn còn nguyên chất Bristol.” Harry đoán trước được câu tiếp theo chính xác từng từ một, nhưng cậu vẫn im lặng. “Quả thực cháu không biết cháu may mắn đến thế nào đâu, chàng trai. Bác đã mất hai người anh trai, là bác Ray và bác Bert của cháu, còn bố cháu không chỉ mất một người anh trai, mà cả bố của ông ấy, tức là ông nội cháu, người cháu chưa bao giờ biết mặt. Một người đàn ông đúng nghĩa, có thể uống cạn một vai bia nhanh hơn bất cứ công nhân cầu tàu nào khác bác từng được gặp qua.”

Nếu bác Stan cúi xuống, hẳn bác đã nhìn thấy cậu nhóc lẩm nhẩm theo từng lời của mình, nhưng ngày hôm nay, trước sự ngạc nhiên của Harry, bác Stan lại nói thêm một câu bác chưa bao giờ nói ra trước đây. “Và bố cháu chắc vẫn còn sống đến tận hôm nay, nếu ông quản lý chịu nghe lời bác.”

Harry đột nhiên trở nên chăm chú. Cái chết của bố cậu vẫn luôn là chủ đề của những câu trò chuyện thì thào khe khẽ và những tiếng sụt. Nhưng bác Stan chợt cảm như hén, như thể bác nhận ra mình đã đi quá xa. Có thể là tuần sau, Harry thầm nghĩ, đuổi theo bác cậu và giữ nhịp bước đều đặn với bác như thể hai bác cháu là hai người lính đang đi duyệt binh.

“Vậy chiều nay City đá với đội nào vậy?” Bác Stan hỏi, lên tiếng trở lại.

“Charton Athletic,” Harry trả lời.

“Bọn họ là một đám thợ giày già khú.”

“Mùa trước họ đã hành chúng ta ra bã đấy,” Harry nhắc bác cậu.

“May mắn chết tiệt, nếu cháu hỏi ý kiến của bác,” bác Stan nói, và rồi không mở miệng thêm nữa. Khi hai bác cháu tới lối vào khu bến cảng, bác Stan chăm công trước khi đi tới bãi cảng nơi bác đang làm việc cùng một nhóm công nhân bến tàu khác, không ai trong họ dám cho phép mình đến muộn dù chỉ một phút. Tỷ lệ thất nghiệp đang ở mức cao kỷ lục từ trước đến nay và đang có vô khối cậu

thanh niên trẻ tuổi chầu chực ngoài cổng, sẵn sàng chờ để thế chỗ họ.

Harry không đi theo bác cậu, vì cậu biết nếu ông Haskin bắt gặp cậu lảng vảng quanh bãi hàng, cậu sẽ bị véo tai đến đỏ lừ, sau đó phải nhận thêm một cú đá vào mông từ ông bác vì tội làm ông đốc công khó chịu. Thay vì làm thế, cậu cất bước đi theo hướng ngược lại.

Đích đến đầu tiên của Harry vào mỗi sáng thứ Bảy là Già Jack Tar, người sống trong một toa xe lửa bỏ không ở tít đầu kia của bến tàu. Cậu chưa bao giờ kể với bác Stan về những chuyến ghé thăm đều đặn của mình, vì bác cậu đã cảnh cáo cậu cần tránh xa ông già bằng mọi giá.

“Có lẽ lão ấy không tắm cả bao nhiêu năm nay rồi,” ông bác mỗi quý tắm một lần của cậu nói, và cũng chỉ chịu đi tắm sau khi mẹ Harry phàn nàn về mùi của bác.

Nhưng sự tò mò từ lâu đã chiếm phần thắng với Harry, và một buổi sáng nọ cậu rón rén bò tới gần toa xe lửa bằng hai tay và đầu gối, nhòm người dậy và ngó vào qua một khung cửa sổ. Ông già đang ngồi ở ghế hạng nhất và đọc một quyển sách.

Già Jack quay lại đối diện với cậu và nói, “Vào đi, chàng trai.” Harry nhảy xuống, cầm đầu cắm cổ chạy một mạch cho tới khi về đến trước cửa nhà mình.

Ngày thứ Bảy tiếp theo, Harry lại một lần nữa leo lên toa xe lửa và ngó vào trong. Già Jack dường như đang ngủ say, nhưng rồi Harry nghe thấy ông nói, “Sau cháu không vào đi, chàng trai? Ta không cần đâu.”

Harry xoay cái tay nắm cửa nặng nề bằng đồng thau và dè dặt kéo mở cửa toa xe, nhưng cậu không bước vào trong. Cậu chỉ nhìn chằm chằm vào ông lão đang ngồi giữa toa xe. Thật khó có thể nói chính xác ông bao nhiêu tuổi, vì khuôn mặt ông bị lấp dưới bộ râu màu muối tiêu cắt tỉa gọn gàng, bộ râu làm ông lão trông giống như người thủy thủ trên vỏ bao thuốc lá Players Please. Nhưng ông lão nhìn Harry với sự ám áp trong ánh mắt, một điều mà bác Stan chưa bao giờ làm được.

“Có phải ông là Già Jack Tar không?” Harry đánh bạo hỏi.

“Người ta gọi ông như thế đấy,” ông lão trả lời.

“Và ông sống ở chỗ này ạ?” Harry hỏi, đưa mắt nhìn quanh toa xe, đôi mắt cậu bé dừng lại ở một chông báo cũ chắt cao trên cái ghế đối diện.

“Phải rồi,” ông lão đáp. “Nơi này đã trở thành nhà của ta trong hai mươi năm qua. Sao cháu không đóng cửa lại và ngồi xuống, chàng trai?”

Harry cân nhắc một lát về lời mời trước khi cậu nhảy xuống khỏi toa tàu và thêm một lần nữa cầm đầu cầm cổ chạy.

Đến ngày thứ Bảy tiếp theo, Harry có đóng cửa lại, nhưng tay vẫn đặt trên tay nắm, sẵn sàng tháo chạy nếu ông lão chỉ cần nhúc nhắc chân tay. Hai người nhìn nhau chằm chằm một lúc trước khi Già Jack hỏi, “Tên cháu là gì?”

“Harry.”

“Và cháu học trường nào?”

“Cháu không đi học.”

“Vậy cháu sẽ làm gì với cuộc đời mình, chàng trai?”

“Tới làm việc ở bến tàu cùng bác cháu, tất nhiên rồi,” Harry trả lời.

“Sao cháu lại muốn làm việc đó?” Ông lão hỏi.

“Sao lại không?” Harry nóng mặt. “Ông nghĩ cháu không đủ tốt để làm việc đó chắc?”

“Cháu quá tốt là đằng khác,” Già Jack đáp. “Khi ta ở vào tuổi cháu,” ông nói tiếp, “ta đã muốn nhập ngũ, và dù bố ta có nói gì hay làm gì cũng không thể thuyết phục được ta từ bỏ ý định ấy.” Trong một giờ đồng hồ tiếp theo, Harry đứng đó, mê mẩn, trong khi Jack Già hỏi tường về các bến cảng, về thành phố Bristol, và về những miền đất bên kia biển lớn mà cậu chưa được dạy trong các bài học về địa lý.

Ngày thứ Bảy tiếp theo, và nhiều ngày thứ Bảy nữa mà cậu bé không thể nhớ được hết, Harry tiếp tục đến thăm Già Jack Tar. Nhưng cậu không hề kể gì với bác hay mẹ mình, vì sợ hai người sẽ cấm không cho cậu được tiếp tục tới thăm người bạn thật sự đầu tiên của cậu.

Khi Harry gõ cửa toa xe lửa vào sáng thứ Bảy đó, Già Jack rõ ràng là đang chờ cậu, vì quả táo giống Cox's Orange Pippin quen thuộc của ông đã được để trên chiếc ghế đối diện. Harry cầm quả táo lên, cắn một miếng rồi ngồi xuống.

“Cảm ơn ông Tar,” Harry vừa nói vừa chùi nước táo trên cằm. Cậu chưa bao giờ hỏi những quả táo từ đâu tới; việc này chỉ góp thêm vào vẻ bí ẩn của ông lão vĩ đại.

Ông thật khác biệt bao so với bác Stan, người luôn lặp đi lặp lại mãi vài điều ít ỏi mà bác biết, trong khi Già Jack giới thiệu cho Harry những từ mới, những trải nghiệm mới, thậm chí cả những thế giới mới mỗi tuần. Cậu thường tự hỏi tại sao ông Tar không phải là một thầy giáo - Ông lão dường như thậm chí còn biết nhiều hơn cả cô Monday, và nhiều gần như chẳng kém gì thầy Holcombe. Harry hoàn toàn bị thuyết phục rằng thầy Holcombe biết mọi thứ, bởi vì thầy chưa bao giờ đầu hàng bất cứ câu hỏi nào mà Harry đặt ra cho thầy. Già Jack mỉm cười nhìn cậu, nhưng không nói gì cho tới khi Harry đã ăn xong quả táo và ném cái lõi qua cửa sổ.

“Cháu đã học được những gì ở trường tuần này,” ông lão hỏi, “mà cháu đã không biết vào tuần trước đó?”

“Thầy Holcombe nói với cháu rằng có những đất nước khác nằm bên kia đại dương là một phần của Đế chế Anh, và tất cả những đất nước này đều do nhà vua trị vì.”

“Thầy của cháu nói đúng đấy,” Già Jack nói. “Cháu có thể kể tên được nước nào trong số những đất nước này không?”

“Úc. Canada. Ấn Độ.” Cậu ngần ngừ. “Và Mỹ nữa ạ.”

“Không, nước Mỹ thì không,” Già Jack nói. “Đúng là đã từng như thế, nhưng giờ thì không, vì một vị thủ tướng nhu nhược và một ông vua ốm yếu.”

“Ai là ông vua, và ai là vị thủ tướng ạ?” Harry giận dữ hỏi.

“Vua George III đang ngồi trên ngai vàng vào năm 1776,” Già Jack nói, “nhưng nói cho công bằng thì nhà vua là một người ốm yếu, trong khi huân tước North, thủ tướng của ông ấy, thì đơn giản là tảng lờ những gì đang diễn ra tại các thuộc địa, vậy là thật đáng buồn, cuối cùng chính những người đồng bào của chúng ta lại cầm súng chống lại chúng ta.”

“Nhưng hẳn là chúng ta đã đánh bại họ chứ ạ?” Harry hỏi.

“Không, chúng ta đã không thắng,” Già Jack nói. “Không những lẽ phải thuộc về phía họ - cho dù đây không hẳn là một điều kiện tiên quyết cho chiến thắng...”

“Điều kiện tiên quyết nghĩa là gì ạ?”

“Là điều kiện cần đến trước tiên,” Già Jack nói, sau đó tiếp tục như thể ông chưa hề bị ngắt lời. “Mà họ còn được lãnh đạo bởi một vị tướng xuất sắc.”

“Tên ông ấy là gì ạ?”

“George Washington.”

“Tuần trước ông có kể với cháu Washington là thủ đô của nước Mỹ. Có phải ông ta được đặt tên theo thành phố đó không ạ?”

“Không, mà là thành phố đó được đặt theo tên ông ấy. Nó được xây dựng lên tại một vùng đồng lầy có tên là Columbia, nơi có sông Potomac chảy qua.”

“Có phải Bristol cũng được đặt tên theo một người không ạ?”

“Không,” Jack Già bật cười, thích thú trước cách cái đầu ham học hỏi của Harry có thể nhanh chóng chuyển từ chủ đề này sang chủ đề khác. “Thoạt đầu Bristol có tên là Brigstowe, nghĩa là nơi có một cây cầu.”

“Vậy thì nó trở thành Bristol từ khi nào ạ?”

“Các nhà sử học có phần khác nhau trong quan điểm của họ,” Già Jack nói, “cho dù tòa lâu đài Bristol được Robert xứ Gloucester xây vào năm 1109, khi ông ta nhận thấy cơ hội buôn bán lông cừu với người Ireland. Sau đó, thành phố đã phát triển thành một cảng biển thương mại. Kể từ đó, nó đã trở thành một trung tâm của ngành đóng tàu trong hàng trăm năm, và thậm chí còn phát triển nhanh hơn nữa khi hải quân cần mở rộng quy mô vào năm 1914.”

“Bố cháu đã chiến đấu trong Cuộc chiến Vĩ đại,” Harry nói đầy tự hào. “Ông cũng thế phải không ạ?”

Lần đầu tiên Già Jack do dự trước khi trả lời một câu hỏi của Harry. Ông chỉ đứng đó, không nói một lời. “Cháu xin lỗi, ông Tar,” Harry nói. “Cháu không có ý tọc mạch.”

“Không, không,” Già Jack nói. “Chỉ là đã nhiều năm qua không có ai hỏi ta câu hỏi đó.” Không nói thêm lời nào, ông lão xòe bàn tay ra

để lộ một đồng sáu penny.

Harry cầm lấy đồng xu bạc nhỏ xíu và thử cắn nó, một việc cậu đã từng thấy bác mình làm. “Cháu cảm ơn ông,” cậu nói trước khi bỏ đồng xu vào túi.

“Hãy đi mua cho mình ít cá và khoai tây rán ở chỗ quán cà phê gần cầu cảng, nhưng đừng nói gì với bác của cháu, vì thế nào bác cháu cũng hỏi cháu lấy tiền ở đâu ra.”

Kỳ thực, Harry chưa bao giờ nói với bác cậu bất kỳ điều gì liên quan tới Già Jack. Cậu từng có lần nghe thấy bác Stan nói với mẹ cậu, “Lão khùng đó đáng ra phải bị nhốt lại.” Cậu đã hỏi cô Monday xem lão khùng là gì, vì cậu không thể tìm thấy từ đó trong từ điển, và khi cô nói cho cậu biết, lần đầu tiên cậu nhận ra bác Stan chắc chắn phải ngốc đến mức độ nào.

“Không hẳn là ngốc,” cô Monday đính chính, “chỉ đơn giản là không có thông tin đúng đắn, từ đó trở nên định kiến. Ta không hề nghi ngờ, Harry,” cô nói thêm, “rằng con rồi sẽ gặp thêm nhiều người như thế trong đời mình, một số người trong số họ còn ở những vị trí cao quý hơn nhiều so với bác con.”

3

Maisie đợi cho tới khi cô nghe thấy cửa trước đóng sầm lại và tin chắc rằng bác Stan đang trên đường đi làm trước khi thông báo, “Con đã tìm được việc làm nhân viên phục vụ tại khách sạn Royal.”

Không người nào đang ngồi quanh bàn lên tiếng đáp lại, vì những cuộc trò chuyện trong bữa ăn sáng thường diễn ra theo một xu hướng quen thuộc và chẳng khiến ai ngạc nhiên. Harry có cả tá điều muốn hỏi nhưng cậu muốn đợi bà ngoại lên tiếng trước. Bà chỉ bận bịu rót cho mình thêm một tách trà nữa, như thể chưa hề nghe thấy con gái mình nói gì.

“Có ai đó làm ơn nói gì đi chứ?” Maisie lên tiếng.

“Con thậm chí còn không nhận ra là mẹ đang tìm một công việc khác,” Harry đánh bạo nói.

“Mẹ có tìm đâu,” Maisie nói. “Nhưng tuần trước có ông Frampton, giám đốc điều hành khách sạn Royal, ghé qua quán Tilly’s uống cà phê. Ông ấy quay lại thêm vài lần nữa, sau đó đề nghị dành cho mẹ một chỗ làm!”

“Mẹ nghĩ con đang thoải mái với công việc tại quán trà,” cuối cùng bà cũng lên tiếng, tham gia vào cuộc trò chuyện. “Nói cho cùng, cô Tilly trả công khá, và giờ giấc thì cũng phù hợp.”

“Đúng là con thấy thoải mái ở đó,” mẹ Harry nói, “nhưng ông Frampton đang đề nghị trả con năm bảng một tuần, cộng thêm một nửa tổng các khoản tiền boa của khách. Đến mỗi thứ Sáu, con có thể mang về nhà đến sáu bảng.”

Bà ngồi đó, miệng há hốc.

“Mẹ có phải làm việc vào ban đêm không?” Harry hỏi, sau khi đã liếm sạch bát cháo của bác Stan.

“Không, mẹ sẽ không phải làm đêm,” Maisie nói, xoa đầu con trai cô, “và hơn thế, cứ nửa tháng mẹ lại được nghỉ một ngày.”

“Liệu quần áo của con có đủ thơm tạt cho một khách sạn lớn như Royal không?” Bà ngoại hỏi.

“Con sẽ được phát một bộ đồng phục, cùng một cái tạp dề mới trắng tinh mỗi buổi sáng. Khách sạn thậm chí còn có xưởng giặt riêng của họ.”

“Mẹ không nghi ngờ chuyện đó,” bà ngoại nói, “nhưng mẹ có thể nghĩ đến một rắc rối mà rồi tất cả chúng ta sẽ phải học cách sống chung với nó.”

“Là gì vậy hả mẹ?” Maisie hỏi.

“Như thế con sẽ kiếm được nhiều tiền hơn Stan, và anh con sẽ không thích chuyện này đâu, không một chút nào.”

“Vậy thì nó sẽ phải học cách sống với điều đó, phải không nào?” Ông ngoại lên tiếng, lần đầu tiên đưa ra ý kiến sau nhiều tuần.

* * *

Số tiền kiếm được thêm sẽ có lúc trở nên hữu ích, nhất là sau những gì diễn ra tại nhà thờ Holy Nativity. Khi ấy, Maisie đang chuẩn bị rời khỏi nhà thờ sau buổi lễ thì cô Monday chủ động đi dọc lối đi tới chỗ cô.

“Tôi có thể nói chuyện riêng một lát với bà không, bà Clifton?” Cô Monday hỏi, trước khi quay đi và đi ngược trở lại theo lối đi tới phòng thay đồ của ban đồng ca. Maisie hối hả chạy theo cô ta như một đứa trẻ bị hút theo Người Thổi Sáo. Cô lo sợ điều tồi tệ nhất. Lần này Harry đã gây ra chuyện gì vậy?

Maisie đi theo cô phụ trách ban đồng ca vào trong phòng và cảm thấy đôi chân như khuyu xuống khi cô nhìn thấy mục sư Watts, thầy Holcombe và một quý ông khác đang đứng sẵn ở đó. Cô Monday lặng lẽ đóng cửa lại, Maisie bắt đầu run bần bật không sao kiểm soát được.

Mục sư Watts khoác tay lên vai cô. “Con không có gì phải lo cả, con gái của ta,” ông trấn an cô. “Ngược lại, ta hy vọng con sẽ cảm thấy chúng ta là người mang đến tin mừng,” ông nói thêm, rồi mời cô ngồi. Maisie ngồi xuống, nhưng vẫn không ngừng run rẩy.

Sau khi tất cả mọi người đã ngồi xuống, cô Monday lên tiếng. “Chúng tôi muốn trao đổi với bà về Harry, bà Clifton,” cô bắt đầu nói. Maisie cắn môi; con trai cô có thể đã làm gì để đến mức ba người quan trọng thế này phải tập trung lại?

“Tôi sẽ không vòng vo nữa,” cô phụ trách ban đồng ca nói tiếp. “Thầy phụ trách âm nhạc tại St. Bede đã tới gặp tôi và hỏi liệu Harry có muốn ghi danh đăng ký xin một suất học bổng đồng ca của họ hay không.”

“Nhưng con trai tôi đang rất hạnh phúc tại nhà thờ Holy Nativity,” Maisie hỏi. “Hơn nữa, nhà thờ St. Bede nằm ở đâu vậy? Tôi chưa bao giờ nghe nói đến nó.”

“St. Bede không phải là nhà thờ,” cô Monday trả lời. “Đó là một trường dạy đồng ca chuyên cung cấp thành viên ban đồng ca cho St. Mary Redcliff, nơi nổi tiếng vì được Nữ hoàng Elizabeth vinh danh là nhà thờ đẹp đẽ và thánh thần nhất trên thế giới.”

“Như thế tức là con trai tôi sẽ phải rời khỏi trường học của nó và cả nhà thờ nữa ư?” Maisie hỏi với vẻ không thể tin nổi.

“Hãy cố gắng nhìn nhận việc này như một cơ hội có thể làm thay đổi cả cuộc đời cậu bé, thừa bà Clifton,” thầy Holcombe nói, lần đầu lên tiếng.

“Nhưng chẳng phải như thế nó sẽ phải ở bên những cậu bé bánh bao, thông minh sao?”

“Tôi không nghĩ tại St. Bede sẽ có nhiều cậu bé thông minh hơn Harry,” thầy Holcombe nói. “Con trai bà là cậu bé thông minh nhất mà tôi từng dạy. Cho dù chúng tôi đã từng có cơ hội gửi các cậu bé vào trường trung học phổ thông, nhưng từ trước đến nay chưa từng có học sinh nào của chúng tôi có cơ hội giành được một chỗ tại St. Bede.”

“Có một điều con nên biết trước khi quyết định,” mục sư Watts nói. Maisie trông có phần còn lo lắng hơn. “Harry sẽ phải sống xa nhà trong suốt kỳ học, vì St. Bede là trường nội trú.”

“Thế thì không được,” Maisie nói. “Con làm sao có đủ tiền được a.”

“Điều đó sẽ không phải là khó khăn,” cô Monday nói. “Nếu Harry được trao học bổng, nhà trường sẽ không chỉ miễn mọi khoản phí mà cậu bé còn được hưởng mức học bổng là mười bảng một học kỳ.”

“Nhưng có phải đây là một trong những ngôi trường mà các ông bố thì mặc áo vét và đeo cà vạt, và các bà mẹ thì không phải làm gì không?” Maisie hỏi.

“Còn tệ hơn nữa kia,” cô Monday nói, cố làm cho mọi thứ trở nên nhẹ nhàng. “Các thầy giáo mặc áo chùng dài màu đen và đội mũ vương trên đầu.”

“Dẫu vậy,” mục sư Watts thêm vào, “ít nhất với Harry là sẽ không còn chuyện bị đánh bằng roi da nữa. Ở St. Bede người ta tao nhã hơn nhiều. Ở đó họ chỉ phạt gậy các cậu bé thôi.”

Chỉ có Maisie là không hề cười. “Nhưng sao thằng bé lại muốn xa nhà cơ chứ?” Cô hỏi. “Nó đã yên ổn tại trường tiểu học Merrywood, và nó cũng sẽ không muốn từ bỏ vị trí thành viên dàn đồng ca lâu năm tại nhà thờ Holy Nativity.”

“Tôi phải thú thực là mắt mát của tôi còn lớn hơn của cậu bé,” cô Monday nói. “Nhưng thế đấy, tôi tin chắc rằng Chúa của chúng ta không muốn tôi ngáng đường của một cậu bé tài năng như thế, chỉ đơn giản vì những mong muốn ích kỷ của riêng tôi,” cô lặng lẽ nói thêm.

“Kể cả nếu tôi đồng ý,” Maisie nói, tung ra quân bài cuối cùng của cô, “điều đó không có nghĩa là Harry cũng đồng ý.”

“Tuần trước tôi đã nói chuyện với cậu bé,” thầy Holcombe thừa nhận. “Tất nhiên nó rất sợ trước một thách thức như thế, nhưng nếu tôi nhớ không lầm, những lời chính xác của cậu bé là ‘Con cũng muốn thử xem sao, thưa thầy, nhưng chỉ khi thầy nghĩ là con đủ giỏi.’ Nhưng,” thầy nói thêm trước khi Maisie kịp phản ứng, “con trai bà cũng đã nói rõ rằng nó thậm chí sẽ không buồn cân nhắc chuyện đó trừ khi mẹ nó đồng ý.”

Harry vừa kinh hãi vừa bị kích động trước ý nghĩ được tham gia kỳ thi đầu vào, nhưng cũng lo lắng về việc sẽ thi trượt và làm nhiều người thất vọng ngang với việc thi đỗ và phải xa nhà.

Trong suốt học kỳ tiếp theo, cậu không bao giờ vắng một tiết học nào tại trường Merrywood, và khi quay về nhà vào mỗi buổi tối, cậu đi thẳng lên phòng ngủ mà cậu chia sẻ với bác Stan, tại đó, với một cây nến, cậu học miệt mài nhiều giờ liền cho tới khi không còn ý thức về thời gian nữa. Thậm chí có những lần mẹ cậu thấy Harry ngủ say sưa trên sàn nhà, sách vở rải rác xung quanh.

Vào mỗi buổi sáng thứ Bảy, cậu bé tiếp tục tới thăm Già Jack, người dường như biết rất nhiều về St. Bede, ông tiếp tục dạy Harry về rất nhiều thứ khác, cứ như thể ông già biết thầy Holcombe đã giảng tới đâu.

Vào các chiều thứ Bảy, trước sự khinh bỉ ra mặt của bác Stan, Harry không còn đi cùng bác tới Ashton Gate để xem Bristol City thi đấu mà quay trở lại Merrywood, nơi thầy Holcombe sẽ phụ đạo thêm cho cậu. Phải nhiều năm sau Harry mới biết được thầy Holcombe cũng đã phải bỏ qua những lần ra sân cổ vũ cho đội bóng Robins ưa thích để dạy thêm cho cậu.

Trong khi ngày thi tới gần, Harry ngày càng trở nên lo sợ hơn về khả năng thất bại hơn là thành công.

Tới ngày thi, thầy Holcombe tháp tùng cậu học sinh ngôi sao của ông tới hội trường Colston Hall, nơi sẽ diễn ra kỳ thi kéo dài hai giờ đồng hồ. Ông để Harry lại lối vào tòa nhà với lời căn dặn, “Đừng quên đọc kỹ mỗi câu hỏi hai lần trước khi con nhắc bút lên,” một lời khuyên ông đã nhắc đi nhắc lại vài lần trong suốt tuần vừa qua. Harry mỉm cười bồn chồn, rồi bắt tay thầy Holcombe như thể hai thầy trò là những người bạn vong niên.

Cậu bước vào phòng thi và thấy chừng sáu mươi cậu bé khác đang đứng rải rác thành từng nhóm nhỏ trò chuyện với nhau. Harry có thể thấy rất nhiều trong đám trẻ này đã quen nhau từ trước, trong khi cậu không quen ai cả. Bất chấp chuyện đó, một vài cậu bé ngừng nói chuyện và đưa mắt về phía cậu trong lúc cậu bước tới trước sảnh, cố tỏ ra tự nhiên.

“Abbott, Barrington, Cabot, Clifton, Deakins, Fry...”

Harry ngồi xuống chỗ của mình tại một bàn ở hàng đầu tiên, và chỉ trong khoảnh khắc trước khi đồng hồ đổ chuông báo mười giờ, vài vị giám thị mặc áo chùng đen, đội mũ vuông bước vào, đặt đề thi trên mặt bàn cho từng thí sinh.

“Các quý ông,” một vị giám thị đứng phía trước sảnh, người không tham gia phát đề, lên tiếng, “Tên tôi là thầy Frobisher, và tôi là chánh giám thị của các trò. Các trò có hai giờ để trả lời một trăm câu hỏi. Chúc may mắn.”

Một chiếc đồng hồ mà cậu không thể trông thấy điểm chuông mười giờ. Xung quanh cậu, tiếng ngồi bút thi nhau nhúng vào lọ mực và bắt đầu hăng hái lướt đi loạt xoạt trên giấy, nhưng Harry chỉ ngồi khoanh hai cánh tay lại, tựa người lên bàn và chậm rãi đọc từng câu hỏi. Cậu là một trong những thí sinh cuối cùng cầm lấy bút.

Harry không thể biết rằng thầy Holcombe đang bồn chồn đi đi lại lại trên vỉa hè phía bên ngoài, còn lo lắng hơn cậu học trò của ông rất nhiều. Hay mẹ cậu cứ vài phút lại ngược mắt nhìn lên chiếc đồng hồ trong đại sảnh khách sạn Royal trong lúc phục vụ cà phê buổi sáng cho khách. Hay cô Monday đang quỳ gối im lặng cầu nguyện trước ban thờ tại nhà thờ Holy Nativity.

Ngay sau khi đồng hồ điểm chuông mười hai giờ, các bài thi được thu về và các cậu bé được phép rời khỏi phòng thi, một số vui vẻ, một số cau có, số khác lại trầm ngâm.

Khoảnh khắc đầu tiên khi thầy Holcombe thấy cậu, tim ông chùng xuống. “Không lẽ lại tòi đến thế?” Thầy hỏi.

Harry không trả lời cho tới khi cậu tin chắc không cậu bé nào khác có thể nghe thấy lời cậu nói. “Không như những gì con đã trông đợi tí nào,” cậu nói.

“Ý con là gì?” thầy Holcombe lo lắng hỏi.

“Các câu hỏi quá dễ,” Harry trả lời.

Thầy Holcombe cảm thấy chưa bao giờ trong đời, ông nhận được một lời khen tuyệt vời hơn thế.

* * *

“Hai bộ vét, thưa bà, màu xám. Một quần dài, màu xanh hải quân. Năm áo sơ mi trắng. Năm cổ cồn hồ cứng màu trắng. Sáu đôi tất dài tới ngang bắp chân, màu xám. Sáu bộ đồ lót, màu trắng. Và một chiếc cà vạt St. Bede.” Người phụ việc của cửa hàng cẩn thận kiểm tra lại danh sách. “Tôi nghĩ thế là đủ mọi thứ rồi đấy. Ồ, không, cậu bé còn cần một cái mũ của trường nữa.” Anh ta cúi người xuống dưới quầy, mở một cái ngăn kéo ra, cầm lên một chiếc mũ lưới trai màu đỏ và đen rồi đội lên đầu Harry. “Vừa như in,” anh ta tuyên bố. Maisie mỉm cười nhìn con trai cô, không khỏi cảm thấy tự hào. Harry trông đã ra dáng một học sinh của St. Bede đến từng chân tơ kẽ tóc. “Tất cả là ba bảng, mười shilling và sáu penny, thưa bà.”

Maisie cố không tỏ ra quá choáng váng. “Có thể mua được món nào trong số này là đồ cũ không?” Cô khẽ nói.

“Không, thưa bà, đây không phải là cửa hàng bán đồ cũ,” người phụ việc nói, anh ta cũng đã đi đến quyết định rằng vị khách này sẽ không được phép mở một tài khoản.

Maisie mở ví của cô, lấy ra bốn bảng đưa cho anh ta và đợi lấy tiền trả lại. Cô cảm thấy thật nhẹ nhõm vì trường St. Bede đã ứng trước học bổng cho học kỳ đầu tiên, nhất là khi cô vẫn còn cần phải mua hai đôi giày da màu đen có buộc dây, hai đôi giày tập thể thao màu trắng có buộc dây, và một đôi dép dùng để đi trong phòng ngủ.

Người phụ việc khẽ háng giọng. “Cậu bé sẽ còn cần hai bộ đồ ngủ và một cái áo choàng mặc ngày lễ.”

“Vâng, tất nhiên rồi,” Maisie nói, hy vọng cô vẫn còn đủ tiền trong ví để trả cho những món này.

“Và theo như tôi hiểu, cậu bé là học sinh được học bổng đồng ca?” Người phụ việc hỏi, chăm chú nhìn kỹ hơn vào bản danh sách của anh ta.

“Vâng, đúng thế,” Maisie tự hào trả lời.

“Thế thì cậu ấy sẽ còn cần đến một cái áo chùng đỏ, hai áo thun trắng, và một huy chương St. Bede.” Maisie chỉ muốn chạy ra khỏi cửa hàng. “Những thứ này sẽ được nhà trường cung cấp khi cậu bé tham dự buổi tập đồng ca đầu tiên,” người phụ việc nói thêm trước khi đưa tiền thừa lại cho cô. “Bà còn cần thêm gì nữa không, thưa bà?”

“Không, cảm ơn ông,” Harry nói, tay cầm lấy hai cái túi, nắm lấy cánh tay mẹ cậu và hồi hải kéo cô ra khỏi cửa hàng của T.C. Marsh - Thợ may Danh tiếng.

* * *

Harry dành buổi sáng thứ Bảy trước khi cậu phải có mặt để trình diện tại St. Bede cùng Già Jack.

“Cháu có hồi hộp về việc sắp chuyển tới trường mới không?” Già Jack hỏi.

“Không, cháu không hồi hộp,” Harry trả lời đầy thách thức. Già Jack mỉm cười. “Mà cháu sợ lắm,” cậu bé thú nhận.

“Tất cả những tay mới đến, như cháu sẽ được gọi, đều thế cả thôi. Hãy cố coi tất cả chuyện này như thể cháu sắp khởi hành chuyến phiêu lưu tới một thế giới mới, nơi mọi người đều khởi đầu bình đẳng như nhau.”

“Nhưng ngay khi những đứa khác nghe thấy cháu nói, bọn nó sẽ nhận ra cháu không hề ngang hàng với chúng.”

“Có thể lắm, nhưng ngay khi các học sinh khác nghe cháu hát, họ sẽ nhận ra họ không thể ngang hàng với cháu.”

“Phần lớn các học sinh khác đều là con em gia đình giàu có, với kẻ hầu người hạ.”

“Điều đó sẽ chỉ là sự an ủi cho những kẻ ngu ngốc hơn mà thôi,” Già Jack nói.

“Và một số đứa trong chúng sẽ có anh em trai ở trường, thậm chí từng có bố hay ông đã từng học ở đó trước chúng nữa.”

“Bố cháu là một người đàn ông hoàng,” Già Jack nói, “và không ai trong số bọn chúng có một người mẹ tốt hơn mẹ cháu, về chuyện này ta có thể cam đoan với cháu.”

“Ông biết bố cháu ạ?” Harry hỏi, không thể giấu nổi sự ngạc nhiên của cậu.

“Nói là biết thì hơi quá,” Già Jack nói, “nhưng ta đã quan sát bố cháu từ xa, như ta từng quan sát nhiều người khác làm việc tại bến tàu. Bố cháu là một người tử tế, can đảm, biết kính Chúa.”

“Nhưng ông có biết bố cháu chết như thế nào không ạ?” Harry hỏi, nhìn thẳng vào mắt Già Jack, hy vọng cuối cùng cậu cũng có được một đáp án trung thực cho câu hỏi đã làm cậu băn khoăn bấy lâu nay.

“Cháu đã được kể những gì rồi?” Già Jack thận trọng hỏi.

“Rằng bố cháu đã tử trận trong Cuộc chiến Vĩ đại. Nhưng vì cháu ra đời vào năm 1920, ngay cả cháu cũng có thể đoán được điều đó là không thể.”

Già Jack không nói gì suốt một hồi lâu. Harry vẫn ngồi yên trên mép ghế của cậu.

“Chắc chắn bố cháu đã bị thương nặng trong chiến tranh, nhưng cháu nói đúng, đó không phải là nguyên nhân gây ra cái chết của bố cháu.”

“Vậy thì bố cháu đã chết như thế nào?” Harry hỏi.

“Nếu ta biết, ta đã nói với cháu rồi,” Già Jack nói. “Nhưng có quá nhiều tin đồn lan truyền vào thời gian đó và ta không dám chắc nên tin ai. Tuy nhiên, có vài người, và cụ thể là ba người, chắc chắn biết sự thật về chuyện xảy ra tối hôm đó.”

“Bác Stan của cháu chắc hẳn phải là một trong số đó,” Harry nói, “nhưng hai người còn lại là ai vậy?”

Già Jack do dự trước khi trả lời, “Là Phil Haskins và ông Hugo.”

“Ông Haskin? Ông đốc công ư?” Harry hỏi. “Ông ấy sẽ chẳng bao giờ cho cháu lắng vẳng trước mặt mình. Thế còn ông Hugo là ai ạ?”

“Hugo Barrington, con trai của Sir Walter Barrington.”

“Chính là gia đình sở hữu công ty tàu biển đúng không ạ?”

“Đúng thế,” Già Jack đáp, sợ rằng ông đã đi quá xa.

“Và họ cũng là những người tử tế, can đảm, biết kính Chúa đúng không ạ?”

“Sir Walter là một trong những con người đáng kính nhất ta từng biết.”

“Nhưng con trai ông ấy, ông Hugo, thì sao ạ?”

“Không được cắt ra từ cùng một mảnh vải, ta e là vậy,” Già Jack nói mà không giải thích gì thêm.

Cậu bé ăn mặc chần chu ngồi cạnh mẹ trên băng ghế cuối tàu điện.

“Đây là điểm dừng của mẹ con mình rồi,” người mẹ nói khi tàu điện dừng lại. Hai mẹ con xuống tàu, bắt đầu chậm rãi đi bộ lên đồi về phía ngôi trường, càng lúc họ càng chậm dần sau mỗi bước.

Harry nắm lấy tay mẹ cậu bằng một tay, trong khi dùng tay kia ôm chắc lấy một chiếc vali đã cũ sờn. Không ai trong hai mẹ con nói một lời khi họ quan sát mấy cỗ xe ngựa đẹp đẽ, cũng như vài chiếc xe hơi có tài xế riêng cứ thỉnh thoảng lại dừng ngay bên ngoài cổng trước của ngôi trường.

Những ông bố đang bắt tay với các cậu con trai, trong khi những bà mẹ mặc áo choàng lông còn mãi ôm lấy các quý tử của mình trước khi dành cho các cậu một nụ hôn trên má, giống như chim mẹ cuối cùng cũng phải thừa nhận bầy con đã rõ ràng của nó sắp sửa bay khỏi tổ.

Harry không muốn mẹ hôn cậu trước mặt các cậu bé khác, vì thế cậu đã buông tay mẹ ra khi hai mẹ con vẫn còn ở cách cổng trường năm mươi yard. Maisie, cảm nhận được sự không thoải mái của con trai mình, đã cúi xuống hôn nhanh lên trán cậu. “Chúc con may mắn, Harry. Hãy làm tất cả chúng ta tự hào về con.”

“Tạm biệt mẹ,” cậu bé nói, cố kìm những giọt nước mắt.

Maisie quay lại, bắt đầu bước đi xuống đồi, nước mắt tuôn ròng ròng trên hai bên má cô.

Harry tiếp tục bước tới, nhớ lại những gì mà bác cậu đã mô tả về việc leo lên khỏi chiến hào ở Ypres trước khi xung phong lao về phía chiến tuyến của kẻ thù. “Đừng bao giờ nhìn lại sau, nếu không coi như cháu đã chết.” Harry muốn ngoái lại nhìn, nhưng cậu biết nếu làm thế, cậu sẽ không thể ngừng chạy cho tới khi đã ngồi yên ổn trên tàu điện. Cậu nghiêng rặng và tiếp tục bước đi.

“Kỳ nghỉ của cậu tuyệt chứ, ông bạn?” Một cậu bé đang hỏi một người bạn.

“Tuyệt vời,” cậu kia trả lời. “Ông bố đưa tớ tới Lord’s xem trận đấu của đội trường đại học.”

Có phải Lord’s là một nhà thờ không nhỉ, Harry thắc mắc, và nếu đúng thì thứ trận đấu gì lại có thể diễn ra trong một nhà thờ nhỉ? Cậu quả quyết bước về phía cổng trường, chợt dừng bước khi nhận ra một người đàn ông đứng bên cổng chính của trường, trên tay cầm một cái bìa cặp hồ sơ.

“Trò là ai vậy, chàng trai trẻ?” Ông hỏi, dành cho Harry một nụ cười chào đón.

“Harry Clifton, thưa ngài,” cậu trả lời, bỏ mũ ra khỏi đầu đúng như thầy Holcombe đã dạy cậu làm, mỗi khi một giáo viên hay một quý bà nói chuyện với cậu.

“Clifton,” người đàn ông nhắc lại, lướt một ngón tay lần theo một danh sách dài những cái tên. “À, đây rồi.” Ông đánh dấu vào cạnh tên của Harry. “Thế hệ đầu tiên, học bổng đồng ca. Nhiệt liệt chúc mừng trò, và chào mừng trò đến với St. Bede. Tôi là Frobisher, phụ trách nhà nội trú của trò, và đây là Nhà Frobisher. Nếu trò để vali lại ngoài tiền sảnh, một trưởng lớp sẽ dẫn trò tới phòng ăn, tại đó tôi sẽ nói chuyện với tất cả các học sinh mới trước giờ ăn tối.”

Trước đó Harry chưa bao giờ ăn bữa tối. “Bữa trà chiều” là bữa ăn cuối cùng tại nhà Clifton, trước khi cậu bị xua lên giường đi ngủ khi trời vừa tối. Điện vẫn chưa hiện diện ở Still House Lane, và gia đình họ cũng không có dư dả để quá phung phí tiền vào những cây nến.

“Cảm ơn ngài,” Harry nói rồi bước qua khung cửa trước vào một gian tiền sảnh rộng ộp ván gỗ bóng loáng. Cậu để vali xuống và ngược mắt nhìn chăm chú lên bức tranh chân dung một ông già với

mái tóc xám và râu má trắng rậm, mặc áo thụng dài màu đen với một tấm áo chùng đỏ khoác quanh vai.

“Tên mày là gì?” Một giọng nói gắt gỏng vang lên sau lưng cậu.

“Clifton, thưa ngài,” Harry nói, quay lại và nhìn thấy một cậu thiếu niên cao lớn mặc quần dài.

“Mày không gọi tao là ngài. Mày gọi tao là Fisher. Tao là lớp trưởng, không phải là thầy.”

“Xin lỗi, thưa ngài,” Harry nói.

“Để vali của mày đằng kia rồi đi theo tao.”

Harry đặt chiếc vali rẻ tiền, cũ sòn của cậu xuống cạnh một hàng những chiếc vali da sang trọng. Vali của cậu là cái duy nhất không có các chữ cái đầu họ tên được khảm lên nó. Cậu bé đi theo cậu lớp trưởng dọc một hành lang dài treo đầy những bức ảnh chụp các đội thể thao trước đây của trường và những tủ kính xếp đầy những chiếc cúp bạc để nhắc nhở thế hệ tiếp theo về ánh hào quang của quá khứ. Khi hai người tới phòng ăn, Fisher nói, “Mày có thể ngồi bất cứ chỗ nào mày muốn, Clifton. Chỉ có điều hãy nhớ ngừng nói chuyện ngay khi thầy Frobisher bước vào phòng ăn.”

Harry do dự một lúc trước khi quyết định xem cậu sẽ ngồi xuống bàn nào trong số bốn chiếc bàn dài. Một số học sinh đã ngồi xúm lại thành từng nhóm, khe khẽ nói chuyện. Harry từ tốn bước tới góc xa nhất của căn phòng và ngồi xuống tận cuối bàn. Cậu ngược mắt nhìn lên và thấy một loạt các cậu nhóc bước vào phòng, trông cũng dè dặt hết như cậu. Một cậu bé trong đám này tới ngồi xuống bên cạnh Harry, trong khi một cậu nhóc khác ngồi xuống đối diện với cậu ta. Hai anh chàng tiếp tục huyền thuyên với nhau như thể cậu không hề có mặt ở đó.

Không hề báo trước, một tiếng chuông vang lên, và tất cả mọi người đồng loạt ngừng nói chuyện khi thầy Frobisher bước vào phòng ăn. Ông ngồi xuống sau một bục giảng mà Harry đã không để ý thấy và giật mạnh các ve áo thụng của ông.

“Chào mừng các trò,” ông cời cái mũ vương khỏi đầu rồi bắt đầu nói, “hôm nay, ngày đầu tiên trong học kỳ đầu tiên của các trò tại St. Bede. Chỉ chốc lát nữa thôi, các trò sẽ thưởng thức bữa ăn đầu tiên của mình ở trường, và tôi có thể hứa với các trò rằng nó chẳng hề khá lên chút nào.” Một hai cậu bé rụt rè bật cười. “Sau khi đã ăn

xong bữa tối, các trò sẽ được đưa tới khu ký túc, nơi các trò sẽ sắp xếp đồ đạc của mình ra khỏi vali. Vào lúc tám giờ, các trò sẽ nghe thấy một tiếng chuông nữa. Kỳ thực đó vẫn chỉ là một chiếc chuông, có điều được rung lên tại một thời điểm khác.” Harry mỉm cười, cho dù phần lớn các cậu bé còn lại đều không hiểu câu pha trò nho nhỏ của thầy Frobisher.

“Ba mươi phút sau đó, cũng chính chiếc chuông đó sẽ vang lên lần nữa, và khi đó các trò sẽ lên giường đi ngủ, nhưng không được trước khi các trò đã đánh răng rửa mặt. Các trò sẽ có ba mươi phút để đọc trước khi đèn tắt, sau đó các trò sẽ ngủ. Bất cứ trò nào bị bắt gặp nói chuyện sau khi đèn tắt sẽ bị giám thị trực ban phạt. Các trò sẽ không nghe thấy thêm tiếng chuông nào nữa,” thầy Frobisher tiếp tục nói, “cho tới sáu giờ ba mươi phút sáng mai, khi đó các trò sẽ thức dậy, rửa mặt và mặc quần áo đúng thời gian để có mặt tại phòng ăn trước bảy giờ. Bất cứ trò nào đến muộn sẽ phải nhịn bữa sáng.”

“Giờ tập trung buổi sáng sẽ diễn ra vào lúc tám giờ ở đại sảnh, tại đó thầy hiệu trưởng sẽ nói chuyện với chúng ta. Tiếp theo, giờ học đầu tiên của các trò sẽ bắt đầu lúc tám giờ ba mươi. Sẽ có ba tiết học, mỗi tiết sáu mươi phút vào buổi sáng, với mười phút giải lao giữa các tiết học, cho phép các trò có thời gian đổi phòng học. Tiếp theo sẽ là bữa trưa vào lúc mười hai giờ.”

“Vào buổi chiều sẽ chỉ có thêm hai tiết học nữa trước giờ thể thao, lúc đó các trò sẽ chơi bóng đá.” Harry mỉm cười lần thứ hai. “Giờ thể thao này là bắt buộc với tất cả các trò không phải là thành viên của ban đồng ca.” Harry cau mày. Không ai nói cho cậu biết các học viên đồng ca sẽ không được chơi bóng đá. “Sau hoạt động thể thao hay luyện tập đồng ca, các trò sẽ quay lại Nhà Frobisher để ăn tối, sau bữa tối là một giờ tự học trước khi các trò quay về giường, tại đó các trò lại có thể đọc sách cho tới khi đèn tắt - nhưng chỉ trong trường hợp cuốn sách đó đã được quản lý phê chuẩn,” thầy Frobisher nói thêm. “Tất cả những chuyện này hẳn nghe có vẻ rất đáng kinh ngạc với các trò” - Harry thầm ghi nhớ trong đầu sẽ tra nghĩa của từ “kinh ngạc” trong quyển từ điển mà thầy Holcombe đã tặng cho cậu. Thấy Frobisher lại một lần nữa giật mạnh các ve áo thụng của ông trước khi nói tiếp. “Nhưng đừng lo lắng, các trò sẽ sớm quen với truyền thống của chúng ta tại St. Bede. Đó là tất cả

những gì thầy sẽ nói vào lúc này. Bây giờ, thầy sẽ để các trò thoải mái thưởng thức bữa tối. Chúc buổi tối vui vẻ, các chàng trai.”

“Chúc buổi tối vui vẻ, thưa thầy,” một vài cậu bé đủ can đảm lên tiếng trả lời khi thầy Frobisher rời khỏi căn phòng.

Harry không hề động đậy trong lúc mấy người phụ nữ mặc tạp dề đi đi lại giữa các dãy bàn và đặt những bát súp trước mặt mỗi học sinh. Cậu chăm chú quan sát cậu bé ngồi đối diện với mình cầm lên một chiếc thìa có hình thù kỳ lạ, nhúng vào bát súp của cậu ta rồi đưa nó ra xa khỏi người trước khi đưa thìa lên miệng. Harry thử bắt chước thao tác này, nhưng chỉ dẫn đến kết quả làm rớt vài giọt súp lên mặt bàn, và kể cả khi cậu thành công trong việc đưa được chỗ súp còn lại vào miệng, thì phần lớn chúng lại chảy xuống dưới cằm. Cậu dùng tay áo lau miệng. Cử chỉ này không thu hút mấy sự chú ý, nhưng khi cậu húp xì xụp thành tiếng với mỗi thìa súp đầy, một vài cậu bé ngừng ăn và đưa mắt nhìn cậu chằm chằm. Bối rối, Harry đặt thìa xuống bàn và để cho chỗ súp còn lại của cậu nguội lạnh.

Món thứ hai là món bánh cá khoai tây, và Harry không động đậy cho tới khi cậu thấy được cậu bé ngồi đối diện với mình dùng chiếc nĩa nào để lấy bánh. Cậu lấy làm ngạc nhiên khi thấy cậu bé kia đặt dao ăn và nĩa của cậu ta xuống đĩa giữa mỗi lần lấy đồ ăn, trong khi Harry nắm chặt dao hay đĩa của cậu trong tay như thể chúng là những cây đinh ba xỉa rơm.

Một cuộc trò chuyện bắt đầu được khơi mào giữa cậu bé ngồi đối diện với cậu và anh chàng ngồi cạnh cậu ta, về chủ đề cưới ngựa đi theo chó săn. Harry không tham gia vào câu chuyện, một phần cũng là vì kinh nghiệm gần nhất với cưới ngựa mà cậu từng trải qua là một lần cưới lừa với giá nửa penny vào một buổi chiều trong chuyến đi chơi dã ngoại tới Weston-super-Mare.

Sau khi những cái đĩa đã được mang đi, và được thay thế bằng những cái bánh pudding, thứ mẹ cậu vẫn gọi là món đại tiệc, bởi vì không mấy khi cậu được thưởng thức chúng. Lại thêm một cái thìa khác, thêm một lần ném thử, và lại thêm một sai lầm nữa. Harry không hề biết rằng một quả chuối thì không giống như một quả táo, vì thế trước sự kinh ngạc của tất cả mọi người đang ngồi quanh mình, cậu đã cố thử ăn cả phần vỏ. Với những cậu bé còn lại, giờ

học đầu tiên của họ hiển nhiên sẽ là vào lúc tám giờ ba mươi phút sáng hôm sau, nhưng giờ học của Harry thì đã bắt đầu rồi.

Sau khi bữa tối đã được dọn đi, Fisher quay trở lại, và với tư cách giám thị trực ban, anh ta dẫn đám học sinh do mình phụ trách lên một cầu thang gỗ rộng tới các phòng nội trú trên lầu một. Harry bước vào một căn phòng có ba mươi chiếc giường được sắp xếp một cách thẳng thớm thành ba hàng, mỗi hàng gồm mười chiếc giường. Mỗi chiếc giường đều có một cái gối, hai tấm ga trải giường và hai cái chăn. Harry chưa bao giờ có đến hai món của bất cứ thứ gì.

“Đây là phòng ngủ dành cho học sinh mới nhập trường,” Fisher nói với vẻ khinh khinh. “Đây là nơi các cậu sẽ phải ở cho tới khi đã được cải tạo văn minh. Các cậu sẽ tìm thấy tên mình theo thứ tự abc, ở phía cuối mỗi chiếc giường.”

Harry ngạc nhiên khi thấy vali của cậu nằm trên giường và tự hỏi ai đã để nó lại đó. Cậu bé ở cạnh giường cậu đã bắt tay vào lấy đồ từ trong vali ra.

“Tớ là Deakins,” cậu ta nói, đẩy cặp kính trên mũi lên cao hơn để có thể nhìn Harry rõ hơn.

“Tớ là Harry. Tớ đã ngồi cạnh cậu trong các kỳ thi mùa hè năm ngoái. Tớ không thể tin nổi là cậu trả lời được hết tất cả câu hỏi chỉ trong có hơn một giờ.”

Deakins đỏ bừng mặt.

“Điều đó giải thích vì sao cậu ta là một học giỏi,” cậu bé ở sát giường Harry bên đối diện lên tiếng.

Harry ngoảnh lại. “Cậu cũng là một học giỏi à?” Cậu hỏi.

“Lạy Chúa lòng lành, không,” cậu nhóc kia vừa trả lời vừa tiếp tục lấy đồ ra khỏi vali. “Lý do duy nhất người ta cho phép tớ vào học ở St. Bede là vì bố và ông nội tớ từng học ở trường này trước đây. Tớ sẽ là thế hệ thứ ba theo học tại đây. Liệu bố các cậu có tình cờ từng học ở đây không?”

“Không,” Harry và Deakins cùng đồng thanh nói.

“Thôi tán chuyện đi!” Fisher gắt lên, “và tập trung vào sắp xếp đồ của các cậu đi.”

Harry mở vali của cậu ra và bắt đầu xếp quần áo ngăn nắp vào hai ngăn kéo ngay cạnh giường mình. Mẹ cậu đã để một thanh socola Fry's Five Boys lẫn vào trong chõng áo sơ mi của cậu. Harry giấu thanh kẹo xuống dưới gối.

Tiếng chuông vang lên. “Đã đến giờ thay quần áo!” Fisher thông báo. Harry chưa bao giờ cởi quần áo ra trước mặt một cậu bé khác, chứ chưa nói gì trong một căn phòng đầy ắp những cậu nhóc trạc tuổi mình. Cậu quay mặt vào tường, chậm rãi cởi quần áo ra và hối hả mặc bộ pyjama của cậu lên người. Sau khi đã thắt đai lưng áo ngủ, cậu đi theo các cậu bé khác sang phòng vệ sinh. Thêm một lần nữa, cậu quan sát cẩn thận trong lúc họ rửa mặt trước khi đánh răng. Harry chẳng hề có khăn mặt hay bàn chải đánh răng. Cậu bé ở giường bên cạnh lục lọi trong túi đựng đồ vệ sinh cá nhân của cậu ta và lấy ra đưa cho Harry một cái bàn chải mới nguyên với một tuýp thuốc đánh răng. Harry không muốn cầm lấy chúng cho tới khi cậu kia nói, “Mẹ tớ luôn chuẩn bị sẵn mỗi thứ hai cái.”

“Cảm ơn cậu,” Harry nói. Cho dù đánh răng rất nhanh, cậu vẫn nằm trong số những học sinh cuối cùng quay trở lại phòng ngủ. Cậu trèo lên giường, với hai tấm ga trải giường sạch, hai cái chăn và một cái gối. Cậu vừa liếc mắt nhìn sang bên và thấy Deakins đang đọc cuốn *Tiếng Latinh sơ cấp* của Kennedy thì cậu bé còn lại ở cạnh giường cậu nói, “Cái gối này cứng như cục gạch ấy.”

“Cậu có muốn đổi với của tớ không?” Harry hỏi.

“Tớ nghĩ cậu sẽ thấy tất cả chúng đều giống hệt nhau thôi,” cậu kia vừa nhe răng ra cười vừa nói, “nhưng rất cảm ơn cậu.”

Harry lấy thanh socola của mình từ dưới gối ra và bẻ thành ba phần. Cậu đưa một phần cho Deakins, một phần nữa cho cậu bé đã cho cậu bàn chải và thuốc đánh răng.

“Tớ thấy là mẹ cậu nhạy cảm hơn mẹ tớ nhiều,” cậu này nói sau khi cắn một miếng. Lại một tiếng chuông vang lên. “Nhân tiện đây, tên tớ là Giles Barrington. Tên cậu là gì vậy?”

“Clifton. Harry Clifton.”

Harry không thể ngủ được quá nhiều hơn mấy phút mỗi lần, và không chỉ vì cái giường của cậu quá êm ái dễ chịu. Có thể nào Giles lại có quan hệ họ hàng với một trong số ba người đàn ông biết được sự thật về việc bố cậu đã chết như thế nào? Và nếu đúng như thế,

liệu cậu ta được cắt ra từ cùng một thứ vải như bố cậu ta, hay như ông nội cậu ta?

Đột nhiên Harry cảm thấy thật cô đơn. Cậu mở nắp tuýp thuốc đánh răng Barrington vừa đưa cho cậu và bắt đầu mút nó cho tới lúc ngủ thiếp đi.

* * *

Khi tiếng chuông - lúc này đã trở nên quen thuộc - reo lên lúc sáu giờ ba mươi phút sáng hôm sau, Harry lờ đờ trèo ra khỏi giường, cảm thấy mệt rã rời. Cậu đi theo Deakins vào phòng vệ sinh, và thấy Giles đang thử nước trong đó. “Các cậu nghĩ là liệu nơi này đã từng bao giờ nghe nói tới nước nóng chưa?” Cậu này hỏi.

Harry vừa định trả lời thì người giám thị quát lớn tiếng, “Không được nói chuyện trong phòng vệ sinh!”

“Anh ta còn tệ hơn cả một viên tướng Phổ,” Barrington nói, dậm hai gót chân vào nhau. Harry bật cười.

“Ai vừa nói đấy?” Fisher hỏi, gườm gườm liếc mắt về phía hai cậu nhóc.

“Em ạ,” Harry trả lời ngay lập tức.

“Tên?”

“Clifton.”

“Cứ thử mở cái mồm của mày ra lần nữa, Clifton, và tao sẽ cho mày ăn dép.”

Harry không hiểu ăn dép là gì, nhưng cậu có cảm giác đó không phải là chuyện hay ho gì. Sau khi đã đánh răng xong, cậu hỏi hả quay lại phòng ngủ mặc quần áo mà không nói thêm một lời nào nữa. Sau khi đã thắt xong cà vạt - một thứ cậu vẫn chưa thành thạo lắm - cậu đuổi theo và bắt kịp Barrington cùng Deakins trong lúc hai cậu kia đang bước xuống cầu thang tới phòng ăn.

Không ai nói một lời nào, vì các cậu bé không dám chắc họ có được phép trò chuyện trên cầu thang hay không. Khi cả ba đã yên vị trong phòng ăn để ăn sáng, Harry ngồi vào giữa hai người bạn mới quen của cậu, chăm chú quan sát trong lúc những bát cháo được

đặt xuống trước mặt từng học sinh. Cậu thở phào nhẹ nhõm khi thấy chỉ có một cái thìa duy nhất trước mặt mình, vậy là lần này cậu không thể nhầm được nữa.

Harry húp một hơi bát cháo của cậu cứ như thể cậu sợ rằng bác Stan sẽ xuất hiện và giật nó khỏi tay cậu. Cậu là học sinh đầu tiên ăn xong, và không hề dành lấy một giây để suy nghĩ, Harry đặt thìa xuống bàn, cầm bát của cậu lên và bắt đầu liếm nó. Mấy cậu học sinh khác tròn mắt nhìn cậu kinh ngạc như thể không tin nổi, một số chỉ trỏ, trong khi một số khác cười khẩy. Harry đỏ bừng mặt và đặt cái bát trở lại xuống bàn. Chắc hẳn cậu đã òa khóc, nếu Barrington không cầm bát của cậu ta lên và bắt đầu liếm.

Mục sư Samuel Oakshott, tiến sĩ tốt nghiệp trường Oxford, đứng ở chính giữa sân khấu, hai chân cách rời nhau. Ông hiền từ đưa mắt nhìn xuống bày con chiên của mình, vì đó chắc chắn là cách thầy hiệu trưởng của St. Bede nhìn nhận các học sinh.

Harry, ngồi trên hàng ghế đầu, chăm chú ngược mắt nhìn lên thân hình đáng sợ đang sừng sững tựa như một tòa tháp phía trên cậu. Tiến sĩ Oakshott cao hơn sáu foot, thầy có một mái tóc dày màu xám và hai bên râu má dài rậm, càng làm đáng vẻ bên ngoài của ông thêm đáng sợ hơn. Đôi mắt sâu màu xanh của ông như nhìn xuyên thấu qua bạn, và dường như ông không bao giờ chớp mắt, trong khi những nếp nhăn ngang dọc trên vàng trán thầy hiệu trưởng cho biết ẩn sau chúng là một trí tuệ kiệt xuất. Ông háng giọng trước khi bắt đầu nói chuyện với các cậu bé.

“Hỡi các học sinh St. Bede,” thầy hiệu trưởng bắt đầu nói. “Chúng ta lại một lần nữa tập trung cùng nhau vào ngày đầu tiên của một năm học mới, và hẳn đã chuẩn bị sẵn sàng để đối diện với bất cứ thách thức nào đặt ra trước chúng ta. Với các trò năm cuối,” thầy hướng sự chú ý về phía cuối hội trường, “các trò sẽ không có một giây nào để lãng phí nếu các trò hy vọng giành được một chỗ tại trường học là lựa chọn số một của các trò. Đừng bao giờ hướng tới lựa chọn tốt thứ nhì.”

“Với các trò năm giữa,” đôi mắt thầy chuyển tới giữa hội trường, “đây sẽ là thời điểm chúng ta khám phá xem ai trong số các trò có triển vọng đạt được những điều lớn lao hơn. Khi các trò quay lại trường vào năm sau, liệu các trò sẽ là giám thị, lớp trưởng, trưởng

nhà nội trú hay đội trưởng đội thể thao? Hay các trò chỉ đơn giản là một người trong số còn lại?” Có mấy cậu bé cúi đầu xuống.

“Trách nhiệm tiếp theo của chúng ta là chào đón các em học sinh mới, và làm tất cả những gì trong quyền hạn của chúng ta để giúp các trò mới cảm thấy như ở nhà. Họ sẽ lần đầu tiên được trao cho cây gậy tiếp sức khi bắt đầu cuộc đua đường dài của cuộc đời. Nếu thử thách tỏ ra quá khắc nghiệt, một hay hai người trong số các trò có thể sẽ quy ngã bên đường,” thầy cảnh báo, nhìn chăm chăm xuống ba hàng ghế đầu tiên. “St. Bede không phải là ngôi trường dành cho những kẻ yếu đuối. Hãy đoán chắc các trò sẽ không bao giờ quên những lời Cecil Rhodes vĩ đại từng nói: *‘Nếu anh đủ may mắn để được sinh ra là một người Anh, như thế có nghĩa là anh đã trúng giải độc đắc trong trò xổ số của cuộc đời’.*”

Cả hội trường đồng loạt vang lên tiếng hoan hô khi thầy hiệu trưởng rời khỏi sân khấu, theo sau là một đoàn các giáo viên được ông dẫn xuống lối đi ở giữa hội trường, rời khỏi đại sảnh ra bên ngoài và bước vào trong ánh mặt trời buổi sáng.

Harry, tinh thần trở nên phấn chấn hẳn, quyết tâm sẽ không để thầy hiệu trưởng thất vọng. Cậu theo sau các học sinh lớp trên ra khỏi hội trường, nhưng ngay khoảnh khắc cậu vừa đặt chân ra ngoài, niềm hứng khởi của Harry đã bị dội một gáo nước lạnh. Một đám học sinh lớn tuổi hơn đang nấn ná lại trong góc, hai tay đút túi quần, dấu hiệu chứng tỏ bọn họ đều là các giám thị.

“Nó kia rồi,” một anh chàng trong nhóm thiếu niên nọ lên tiếng, chỉ tay về phía Harry.

“Vậy ra một đứa trẻ ranh đường phố trông như thế đấy,” một cậu khác nói.

Một người thứ ba, mà Harry nhận ra chính là Fisher, tay giám thị trực ban tối hôm trước, nói thêm, “Nó là một con vật, và trách nhiệm của chúng ta không gì khác hơn là tìm cách đưa nó trở lại đúng môi trường tự nhiên của nó càng nhanh càng tốt.”

Giles Barrington chạy theo sau Harry. “Nếu cậu tặng lời bọn chúng đi,” cậu ta nói, “chẳng mấy chốc bọn chúng sẽ phát chán và bắt đầu chọn ai khác để sinh sự.” Harry không hề thấy được thuyết phục, và chạy một mạch đến lớp học trước rồi ngồi đợi Barrington và Deakins đến gia nhập cùng mình.

Một lát sau, thầy Frobisher bước vào phòng. Ý nghĩ đầu tiên của Harry là liệu ông có nghĩ cậu là một đứa trẻ ranh đường phố, không xứng đáng có một chỗ tại St. Bede không?

“Chúc các trò buổi sáng tốt lành,” thầy Frobisher nói.

“Chúc thầy buổi sáng tốt lành,” các cậu bé đáp lời trong khi người thầy của chúng đi tới chỗ của ông trước bảng đen. “Tiết học đầu tiên sáng hôm nay của các trò,” ông nói, “sẽ là môn lịch sử. Vì tôi rất nóng lòng muốn tìm hiểu về các trò, chúng ta sẽ bắt đầu bằng một bài kiểm tra đơn giản để xem xem các trò đã được học nhiều đến đâu, hay cũng có thể là ít đến mức nào. Vua Henry Đệ Bát có bao nhiêu bà vợ?”

Vài cánh tay giơ lên. “Abbott,” thầy giáo gọi tên, nhìn xuống bàn sơ đồ trên bàn của thầy và chỉ tay vào một cậu bé ngồi ở dãy ghế đầu.

“Sáu ạ, thưa thầy,” cậu trả lời lập tức được đưa ra.

“Tốt, nhưng ai có thể liệt kê được tên của họ không?” Không còn nhiều cánh tay giơ lên nữa. “Clifton?”

“Catherine xứ Aragon, Anne Boleyn, Jane Seymour và thêm một người nữa tên là Anne, em nghĩ vậy,” cậu bé nói trước khi ngừng lại.

“Anne xứ Cleves. Ai có thể nói được hai cái tên còn lại nào?” Chỉ còn lại một cánh tay đang giơ lên. “Deakins,” thầy Frobisher gọi tên sau khi kiểm tra lại sơ đồ.

“Catherine Howard và Catherine Parr. Cả Anne xứ Cleves và Catherine Parr đều sống lâu hơn Vua Henry ạ.”

“Rất tốt, Deakins. Bây giờ, chúng ta hãy vận động hồ tiến lên vài thế kỷ. Ai đã chỉ huy hạm đội của chúng ta trong trận Trafalgar?” Tất cả các học sinh trong phòng cùng đồng loạt giơ tay lên. “Matthews,” thầy giáo gọi, gạt đầu về phía một cánh tay đặc biệt khấn khoản.

“Là Nelson ạ, thưa thầy.”

“Đúng rồi. Và lúc đó ai đang là thủ tướng?”

“Công tước xứ Wellington, thưa thầy,” Matthews nói, giọng không còn tự tin như lần trước.

“Sai rồi,” thầy Frobisher nói, “không phải là Wellington, cho dù ông đúng là người sống cùng thời với Nelson.” Ông nhìn quanh lớp,

nhưng chỉ còn hai cánh tay của Clifton và Deakins là đang còn giơ lên. “Deakins nào.”

“Pitt Trẻ, từ năm 1783 đến 1801, và từ năm 1804 đến 1806.”

“Đúng rồi, Deakins. Và Công tước sắt làm thủ tướng vào thời gian nào?”

“1828 đến 1830, và một lần nữa năm 1834,” Deakins nói.

“Và có trò nào có thể cho tôi biết chiến thắng nổi tiếng nhất của ông là trận đánh nào không?”

Lần đầu tiên Barrington giơ tay lên. “Waterloo, thưa thầy!” Cậu ta lớn tiếng trước khi thầy Frobisher kịp có thời gian lựa chọn ai khác.

“Phải rồi, Barrington. Và Wellington đã đánh bại ai tại Waterloo?”

Barrington tiếp tục im lặng.

“Napoleon,” Harry thì thầm.

“Napoleon ạ, thưa thầy,” Barrington lên tiếng đầy tự tin.

“Đúng rồi, Clifton,” thầy Frobisher mỉm cười nói. “Và có phải Napoleon cũng mà một công tước không?”

“Không, thưa thầy,” Deakins lên tiếng, sau khi không có học sinh nào khác muốn thử trả lời câu hỏi. “Ông ta đã lập nên Đế chế Thứ nhất tại Pháp, và tự phong mình làm Hoàng đế.”

Thầy Frobisher không mấy ngạc nhiên trước câu trả lời của Deakins, vì cậu bé này được học bổng toàn phần, nhưng ông thực sự thấy ấn tượng trước hiểu biết của Clifton. Xét cho cùng, cậu ta là học sinh được học bổng đồng ca, và sau nhiều năm dạy học, ông đã học được rằng các giọng ca đầy năng khiếu của ban đồng ca, cũng giống như các vận động viên thể thao tài năng, hiếm khi vươn rộng được sự xuất sắc ra ngoài lĩnh vực của họ. Clifton đã chứng minh cậu là một ngoại lệ so với quy luật ấy. Ông Frobisher thực sự muốn biết ai đã dạy dỗ cậu bé này.

Khi tiếng chuông báo tiết học kết thúc vang lên, thầy Frobisher thông báo, “Tiết học tiếp theo của các trò sẽ là môn địa lý với thầy Henderson, và ông không phải là một thầy giáo thích phải chờ đợi học sinh. Tôi khuyên các trò trong thời gian nghỉ giải lao hãy tìm xem lớp học của ông ở đâu, và ngồi đúng vào chỗ của mình trước khi thầy bước vào lớp.”

Harry bám sát lấy Giles, cậu bạn dường như biết mọi thứ nằm ở đâu. Trong lúc hai cậu bé cùng nhau đi qua sân trong của trường, Harry để ý thấy những cậu học sinh khác hạ giọng xuống khi họ đi ngang qua, và một hay hai anh chàng thậm chí còn quay sang nhìn cậu chằm chằm.

Nhờ vào vô số buổi sáng thứ Bảy trải qua cùng Già Jack, Harry có thể có được vị trí nổi bật trong tiết học địa lý, nhưng đến môn toán, tiết học cuối cùng của buổi sáng, thì không ai có thể theo kịp Deakins, và thậm chí cả thầy giáo cũng phải trở hết trí tuệ của ông để theo kịp cậu học trò.

Khi ba cậu bé ngồi vào bàn ăn trưa, Harry có thể cảm thấy cả trăm con mắt đang chăm chú theo dõi từng cử chỉ của cậu. Cậu làm bộ như không để ý thấy, và chỉ đơn giản bắt chước theo tất cả những gì Giles làm. “Thật dễ chịu khi biết vẫn còn thứ gì đó tớ có thể dạy cậu,” Giles vừa nói vừa gọt một quả táo bằng con dao của cậu ta.

Harry thực sự thích thú với giờ hóa học đầu tiên của cậu vào buổi chiều hôm đó, nhất là khi thầy giáo cho phép cậu châm một cây đèn ga. Nhưng cậu bé không thể nổi bật được trong môn tự nhiên, tiết học cuối cùng của ngày hôm ấy, vì Harry là cậu bé duy nhất trong lớp sống trong một ngôi nhà mà không có vườn.

Khi tiếng chuông báo hết giờ học vang lên, các bạn còn lại của lớp ra sân chơi thể thao, trong khi Harry phải có mặt tại nhà nguyện để tham gia buổi luyện tập đồng ca đầu tiên. Thêm một lần nữa, cậu để ý thấy tất cả mọi người đều đang chăm chú nhìn mình, nhưng lần này hoàn toàn vì những lý do tích cực.

Nhưng vừa rời khỏi nhà nguyện, cậu lại trở thành đối tượng cho những lời châm biếm như lúc trước từ những cậu thiếu niên đang quay về sau giờ thi đấu thể thao.

“Chẳng phải kia là thằng nhóc đường phố nhãi ranh của chúng ta sao?” Một đứa lên tiếng.

“Thật tội nghiệp, đến một cái bàn chải nó cũng chẳng có,” một giọng khác thêm vào.

“Tớ còn nghe người ta kể là nó vẫn ngủ vạ vật ngoài cầu cảng vào ban đêm đấy,” một giọng thứ ba vang lên.

Harry không thấy Deakins và Barrington đâu trong lúc cậu đi một mạch về nhà ký túc của mình, tránh mọi nhóm học sinh tụ tập trên đường đi.

Trong thời gian diễn ra bữa tối, những cặp mắt sẫm soi trâng tráo đã bớt lộ liễu hơn, nhưng chỉ vì Giles đã làm rõ với tất cả các học sinh ngồi xung quanh đó rằng Harry là bạn của cậu ta. Nhưng Giles không thể giúp gì được khi tất cả các học sinh cùng đi lên phòng ngủ sau giờ tự học và trông thấy Fisher đứng cạnh cửa, rõ ràng là đang chờ sẵn Harry.

Khi các cậu bé bắt đầu thay quần áo, Fisher lớn tiếng thông báo, “Tôi rất lấy làm tiếc về mùi khó ngửi, thưa các quý ông, nhưng một người trong các vị đến từ một ngôi nhà không có nhà tắm.” Một hay hai cậu nhóc cười khẩy, hy vọng lấy được cảm tình của Fisher. Harry tăng lờ anh ta. “Không những anh chàng bụi đời này không có nhà tắm, cậu ta thậm chí còn chẳng có bố nữa cơ.”

“Bố tôi là một người đảng hoàng từng chiến đấu cho đất nước này trong chiến tranh,” Harry tự hào nói.

“Điều gì khiến cậu nghĩ tôi đang nói về cậu, hả Clifton?” Fisher nói. “Tất nhiên, trừ khi cậu cũng chính là anh chàng có mẹ là” - anh ta dừng lại - “những người phục vụ khách sạn.”

“Một người,” Harry nói, chỉnh lại anh chàng giám thị.

Fisher vớ lấy một chiếc dép. “Đừng có bao giờ cãi trả lại tao, Clifton,” anh ta tức giận nói. “Cúi xuống, chống tay vào cuối giường.” Harry làm theo, và Fisher đánh cậu sáu lần một cách hung tợn đến mức Giles phải quay mặt đi. Harry trèo lên giường, cố gồng mình lên để nước mắt không trào ra.

Trước khi Fisher tắt đèn, anh ta nói thêm, “Tôi hy vọng sẽ được gặp lại tất cả các cậu vào tối mai, khi tôi sẽ tiếp tục câu chuyện kể bên giường ngủ về Nhà Clifton ở Still House Lane. Hãy đợi cho đến khi các cậu được nghe kể về ông bác Stan.”

Tối hôm sau, lần đầu tiên Harry được biết bác cậu từng trải qua mười tám tháng trong tù về tội ăn cắp. Tình tiết mới này còn tồi tệ hơn cả chuyện bị đánh bằng dép. Harry trèo lên giường, thầm tự hỏi liệu có phải bố cậu vẫn còn sống nhưng đang ở trong tù, và đó chính là nguyên nhân thực sự khiến cho không ai ở nhà chịu nói gì về ông.

Đã ba đêm rồi mà Harry hầu như không ngủ chút nào, và không có sự thành công nào trong các tiết học hay sự ngưỡng mộ giành được ở nhà nguyện có thể giúp cậu thôi không nghĩ tới cuộc chạm trán không thể tránh khỏi tiếp theo với Fisher. Bất cứ lý do nhỏ nhặt nào, một giọt nước làm rớt xuống sàn nhà vệ sinh, một cái gối để không ngay ngắn, một cái tát để tụt xuống sát mắt cá chân đều đảm bảo chắc chắn rằng Harry sẽ phải chờ đợi sáu cú đòn mạnh hết cỡ từ tay giám thị trực ban; một hình phạt sẽ được thi hành trước mặt các học sinh còn lại trong phòng, nhưng chỉ sau khi Fisher đã kể thêm một đoạn nữa của “*Câu chuyện dài kỳ về gia đình Clifton.*” Tối buổi tối thứ năm, Harry đã cảm thấy quá đủ, và thậm chí cả Giles và Deakins cũng không thể an ủi cậu được nữa.

Trong giờ tự học tối thứ Sáu, trong khi những cậu bé khác đang miệt mài giở các trang sách trong cuốn *Tiếng Latinh sơ cấp* của Kennedy, Harry bỏ qua Hoàng đế Caesar và những người Gaul để ngẫm nghĩ về một kế hoạch đảm bảo Fisher sẽ không bao giờ quấy rầy cậu được nữa. Cho đến khi cậu leo lên giường buổi tối hôm ấy, sau khi Fisher phát hiện ra một mảnh giấy gói kẹo socola ở cạnh giường của Harry và dùng dép đánh cậu lần nữa, kế hoạch của Harry đã đầu vào đấy. Cậu nằm thao thức trên giường rất lâu sau khi đèn tắt, và nằm im không cựa quậy cho tới khi đoán chắc tất cả các cậu bé khác đều đã ngủ say.

Harry không biết lúc đó là mấy giờ khi cậu chuồn ra khỏi giường. Cậu lặng lẽ mặc quần áo mà không gây ra một tiếng động nào, sau đó lách đi giữa những chiếc giường cho tới khi cậu đến đầu phía bên kia của căn phòng. Cậu mở cửa sổ, và một luồng không khí lạnh ủa vào làm cậu bé nằm trên chiếc giường gần cửa sổ nhất trở mình. Harry leo ra lối thoát hiểm phòng hỏa hoạn rồi từ tốn đóng cửa sổ lại trước khi leo xuống đất. Cậu đi men theo rìa bãi cỏ, tận dụng bất kỳ bóng tối nào để tránh khỏi ánh sáng của trăng tròn dường như đang chiếu thẳng xuống cậu chẳng khác gì một ngọn đèn pha.

Harry kinh hoàng phát hiện ra cổng trường bị khóa. Cậu lom khom lần theo bờ tường bao, tìm kiếm một vết nứt hay vết lõm dù nhỏ nhất cho phép cậu có thể trèo qua tường và tìm về với tự do. Cuối cùng, Harry tìm thấy một chỗ bị khuyết mất một viên gạch và có thể leo lên cho tới khi cậu có thể vắt được chân qua phía bên kia tường. Cậu hạ thấp người mình xuống phía bên kia, các đầu ngón tay bám

chặt vào rìa tường, thềm cầu nguyện, rồi buông tay. Cậu nặng nề ngã phịch xuống đất, nhưng dường như cậu không bị gãy xương ở đâu cả.

Sau khi đã trấn tĩnh lại, Harry bắt đầu chạy xuống dọc theo con đường, thoát đầu còn từ tốn, nhưng rồi cậu tăng dần tốc độ và không chịu dừng lại cho tới khi đã ra tới bến cảng. Những người làm ca đêm vừa tan ca và Harry thở phào nhẹ nhõm khi thấy bác cậu không có trong đó.

Sau khi người công nhân bến tàu cuối cùng đã đi khuất khỏi tầm mắt, cậu bé chậm rãi đi men theo cầu tàu, ngang qua một dãy những con tàu đang buông neo chạy dài đến hút tầm mắt. Cậu nhìn thấy trên một trong các ống khói ngạo nghễ ngụy trị một chữ B, và chợt nhớ tới cậu bạn lúc này hẳn đang say ngủ của mình. Liệu có lúc nào đó cậu ta... ý nghĩ của cậu bị gián đoạn khi cậu dừng chân bên ngoài toa xe lửa của Già Jack.

Cậu băn khoăn không biết liệu lúc này ông lão đã ngủ chưa. Câu hỏi của cậu được trả lời khi một giọng nói cất lên, “Đừng có đứng đực ở ngoài đó thế chứ, Harry, vào trong này trước khi cháu làm mình chết cồng vì lạnh đi nào.” Harry mở cửa toa xe và thấy Già Jack đang chằm diêm và cố thắp một cây nến. Harry gieo mình ngồi phịch xuống chiếc ghế đối diện với ông lão. “Có phải cháu đã bỏ chạy khỏi trường không?” Già Jack hỏi.

Harry bị câu hỏi trực tiếp của ông làm sững sờ đến mức cậu không trả lời được ngay. “Vâng, đúng thế ạ,” cuối cùng thì cậu lí nhí trả lời.

“Và hẳn là cháu tới để kể cho ta biết vì sao cháu đưa ra quyết định đột ngột này.”

“Cháu đâu có đưa ra quyết định,” Harry nói. “Người ta đã quyết định cho cháu rồi.”

“Do ai vậy?”

“Tên anh ta là Fisher.”

“Một thầy giáo hay học sinh?”

“Giám thị phòng nội trú của cháu,” Harry vừa nói vừa nhăn nhó. Sau đó, cậu kể lại cho Già Jack nghe tất cả mọi chuyện đã xảy đến với cậu trong tuần đầu tiên tại St. Bede.

Thêm một lần nữa, ông già lại làm cậu phải ngạc nhiên. Khi Harry kết thúc câu chuyện của cậu, Già Jack nói, “Ta thật đáng trách.”

“Tại sao ạ?” Harry hỏi. “Ông làm sao có thể giúp cháu nhiều hơn thế được nữa ạ.”

“Có, có thể đấy,” Già Jack nói. “Đáng ra ta phải giúp cháu sẵn sàng đối diện với một đám người hợm hĩnh mà không một quốc gia nào khác trên trái đất này có thể sản sinh ra được. Đáng ra ta nên dành nhiều thời gian hơn để kể cho cháu nghe về tầm quan trọng của những mối liên hệ truyền thống cũ kỹ, và ít thời gian hơn cho địa lý và lịch sử. Thế mà ta lại cứ hy vọng rằng mọi thứ có lẽ sẽ thay đổi sau cuộc chiến đã kết thúc mọi cuộc chiến, nhưng rõ ràng là tại St. Bede chúng chưa hề thay đổi.” Ông lão chìm vào dòng suy tư trong im lặng một hồi trước khi hỏi, “Vậy tiếp theo đây cháu định làm gì, chàng trai?”

“Chạy trốn ra biển ạ. Cháu sẽ lên bất cứ con tàu nào chịu chấp nhận cháu,” Harry nói, cố tỏ vẻ hào hứng.

“Một ý tưởng mới hay ho làm sao,” Già Jack nói. “Tại sao cháu không trực tiếp đối mặt với Fisher?”

“Ý ông là sao cơ ạ?”

“Chỉ là sẽ không có gì khiến Fisher khoái trá hơn là việc có thể ba hoa với bạn bè của anh ta rằng thằng nhãi ranh đường phố kia là kẻ nhát như cáy, nhưng thế đấy, các cậu còn trông đợi gì từ đứa con trai của một tay công nhân bến tàu và có mẹ làm nhân viên phục vụ cơ chứ?”

“Nhưng Fisher nói đúng mà ạ. Cháu không ở cùng một đẳng cấp với anh ta.”

“Không, Harry ơi, vấn đề là ở chỗ Fisher đã nhận ra rằng anh ta không ở cùng đẳng cấp với cháu, và sẽ chẳng bao giờ đạt được điều đó.”

“Có phải ông đang nói cháu nên quay lại cái nơi kinh khủng đó không ạ?” Harry nói.

“Nói cho cùng, chỉ cháu là người có thể đưa ra quyết định đó,” Già Jack nói, “nhưng nếu cháu cứ bỏ chạy mỗi khi bắt gặp phải một gã Fisher của thế giới này, cháu sẽ lại kết thúc giống như ta, một người trong số còn lại, theo như lời thầy hiệu trưởng của cháu.”

“Nhưng ông là một người vĩ đại mà,” Harry nói.

“Ta có thể như thế lắm,” Già Jack nói, “nếu ta không bỏ chạy vào khoảnh khắc ta chạm trán với gã Fisher của ta. Nhưng ta đã chọn con đường dễ dàng, và chỉ nghĩ đến bản thân ta.”

“Nhưng liệu còn ai để nghĩ đến nữa ạ?”

“Trước hết là mẹ cháu,” Già Jack nói. “Đừng quên tất cả những sự hy sinh mà mẹ cháu đã làm để cho cháu có được một bước khởi đầu trong cuộc đời tốt hơn tất cả những gì mẹ cháu từng mơ là có thể. Và rồi còn thầy Holcombe nữa, khi biết được cháu đã trốn chạy thì ông ấy hẳn sẽ chỉ tự trách móc bản thân.”

“Và đừng quên cô Monday, người đã kêu gọi mọi mối quen biết, nhờ cậy, thuyết phục và dành ra hàng giờ đồng hồ để đảm bảo chắc chắn cháu đủ khả năng giành được suất học bổng đồng ca đó. Và khi cháu cân nhắc giữa được và mất, Harry, ta khuyên cháu hãy đặt Fisher lên một bên đĩa cân, và bên kia là Barrington cùng Deakins, vì ta ngờ rằng Fisher rồi đây sẽ nhanh chóng tan biến thành vô nghĩa, trong khi Barrington và Deakins chắc chắn sẽ là những người bạn thân thiết trong suốt phần đời còn lại của cháu. Nếu cháu bỏ chạy, các cậu ấy sẽ buộc phải lắng nghe Fisher liên tục nhắc đi nhắc lại với chúng rằng cháu không phải là con người như họ từng nghĩ.”

Harry im lặng một lúc lâu. Cuối cùng, cậu bé từ từ đứng dậy. “Cảm ơn ông,” cậu nói. Rồi không nói thêm một lời nào, cậu mở cửa toa xe lửa và bước ra ngoài.

Harry chậm rãi bước đi dọc theo cầu tàu, thêm một lần nữa ngược mắt nhìn lên những con tàu chờ hàng khổng lồ, tất cả chẳng bao lâu nữa đều sẽ lên đường tới các hải cảng xa xôi. Cậu tiếp tục bước đi cho tới khi ra tới cổng bến tàu, đến đây cậu bé vùng chạy và hối hả quay trở lại thành phố. Khi cậu về tới cổng trường, cánh cổng đã mở rộng, và chiếc đồng hồ trong đại sảnh chuẩn bị điểm bảy hồi chuông.

Bất chấp cuộc điện thoại nhận được, thầy Frobisher vẫn sẽ phải đi bộ tới ngôi nhà của thầy hiệu trưởng và báo cáo rằng một trong các học sinh của ông đã vắng mặt. Khi thầy đưa mắt nhìn ra ngoài qua cửa sổ phòng làm việc của mình, ông chợt nhìn thấy bóng Harry thấp thoáng đi qua giữa các thân cây khi cậu đang thận trọng đi về phía ngôi nhà. Harry dè dặt mở cửa trước đúng lúc tiếng chuông

cuối cùng lặng hẳn, và đang đứng mặt đối mặt với thầy giáo phụ trách nhà ký túc của cậu.

“Tốt hơn hết trò nên khăn trương lên, Clifton,” thầy Frobisher nói, “nếu không thì trò sẽ lỡ mất bữa sáng đấy.”

“Vâng, thưa thầy.” Harry nói, và hồi hả chạy xuống hành lang. Cậu tới phòng ăn vừa kịp trước khi cánh cửa đóng lại, và tìm đến chỗ ngồi giữa Barrington và Deakins.

“Tớ vừa mới nghĩ là có khi sáng nay tớ sẽ là anh chàng duy nhất liếm bát của mình cơ đấy,” Barrington nói. Harry bật cười.

Cậu không gặp mặt Fisher ngày hôm đó, và rất ngạc nhiên khi thấy một giám thị khác đã thay thế anh ta trực ban tại phòng nội trú vào tối hôm ấy. Lần đầu tiên trong tuần đó, Harry được ngủ bình yên.

6

Chiếc xe hiệu Rolls-Royce chạy qua cánh cổng của khu nhà Manor House và chạy dọc theo một lối đi dài nằm giữa hai hàng cây sồi cao vươn lên sừng sững như hai hàng quân danh dự. Harry đếm được có sáu người thợ làm vườn trước khi cậu nhìn thấy tòa dinh thự.

Trong thời gian theo học tại St. Bede, Harry đã ít nhiều hình dung ra được Giles sống như thế nào mỗi khi cậu bạn trở về nhà vào các dịp nghỉ lễ, song cậu chưa chuẩn bị sẵn sàng cho việc đối diện với khung cảnh này. Khi Harry lần đầu tiên nhìn thấy tòa nhà, miệng cậu há hốc, và rồi cứ đứng hình như thế.

“Tớ đoán là xây vào đầu thế kỷ mười tám,” Deakins nói.

“Không tồi,” Giles lên tiếng, “Năm 1722, do Vanburg xây. Nhưng tớ dám cược là cậu không thể nói được ai đã thiết kế khu vườn. Khu vườn này có cả sau tòa nhà đấy.”

“Tớ mới chỉ nghe nói đến một người thợ làm vườn phong cảnh,” Harry nói, mắt vẫn dán vào tòa dinh thự. “Brown làm-được-tuốt.”

“Đó chính xác là lý do tại sao gia đình tớ đã chọn ông ta,” Giles nói, “chỉ đơn giản để các bạn tớ có thể nghe nói tới ông ta ngay cả hai trăm năm sau đó.”

Harry và Deakins phá lên cười trong khi chiếc xe dừng lại trước một tòa nhà ba tầng được xây bằng thứ đá Cotswold vàng óng. Giles nhảy xuống xe trước khi người tài xế kịp tới mở cửa sau. Cậu ta chạy tốt lên các bậc thềm, theo sau là hai cậu bạn với bộ dạng có đôi chút ngập ngừng hơn.

Cửa trước đã được mở ra từ lâu trước khi Giles lên tới bậc thềm trên cùng, và một người đàn ông cao ráo, mặc một chiếc áo khoác dài màu đen tào nhả, quần vải sọc và đeo nơ màu đen, hơi cúi đầu chào khi cậu chủ nhỏ chạy vụt qua ông ta. “Chúc sinh nhật vui vẻ, cậu Giles,” ông ta nói.

“Cảm ơn bác Jenkins. Nhanh lên nào anh em!” Giles lớn tiếng gọi rồi biến mất vào trong ngôi nhà. Người quản gia giữ cửa mở để Harry và Deakins có thể bám theo sau.

Vừa bước chân vào tiền sảnh, Harry chợt nhận ra mình đang bị hút vào bức chân dung một người đàn ông lớn tuổi có vẻ như đang nhìn chăm chăm thẳng vào cậu. Giles thừa hưởng chiếc mũi điều hâu của người đàn ông trong bức tranh, cùng đôi mắt xanh cương nghị và cái cằm vuông. Harry nhìn quanh tới những bức chân dung khác được treo trên tường. Vài bức tranh sơn dầu hiếm hoi trước đây cậu từng được xem qua đều ở trong sách: *Mona Lisa*, *Người kỹ sĩ tươi cười* và *Cuộc tuần đêm*. Cậu đang mãi chiêm ngưỡng bức tranh phong cảnh được một họa sĩ có tên là Constable vẽ thì một người phụ nữ bước vào tiền sảnh, mặc thứ trang phục mà Harry chỉ có thể mô tả là một bộ váy dạ hội.

“Chúc con sinh nhật vui vẻ, con yêu quý,” bà nói.

“Cảm ơn mẹ,” Giles trả lời, trong lúc mẹ cậu cúi xuống hôn cậu. Đây là lần đầu tiên Harry thấy bạn cậu trông có vẻ ngượng ngùng. “Đây là hai bạn thân nhất của con, Harry và Deakins.” Trong khi Harry bắt tay với người phụ nữ không cao hơn cậu là mấy, bà mỉm cười với cậu thật hồn hậu, và ngay lập tức cậu cảm thấy hoàn toàn thoải mái.

“Sao chúng ta không cùng vào phòng khách,” bà gợi ý, “và dùng trà nhỉ?” Nói rồi bà dẫn các cậu bé qua tiền sảnh vào một căn phòng lớn nhìn ra bãi cỏ trước nhà.

Khi Harry bước vào, cậu không muốn ngồi xuống mà chỉ muốn tới xem những bức tranh được treo trên tất cả các bức tường. Song bà Barrington đã ngay lập tức dẫn cậu tới ghế sofa. Cậu ngồi lún xuống tấm đệm ghế êm ái và không thể ngừng mê mẩn nhìn chăm chăm ra bãi cỏ được xén tỉa đẹp đẽ qua khung cửa sổ cao, khu vườn này đủ rộng để chơi một trận cricket. Tít đằng xa phía sau bãi cỏ, Harry có thể nhìn thấy một hồ nước có những con vịt trời đang hững hờ bơi

vòng vòng, hiển nhiên là không hề lo lắng về chuyện bữa ăn tiếp theo của chúng sẽ đến từ đâu. Deakins tự ngồi xuống bên cạnh Harry.

Không ai nói gì khi một người đàn ông khác, người này mặc một chiếc áo khoác ngắn màu đen, bước vào phòng, theo sau là một phụ nữ trẻ mặc bộ đồng phục màu xanh lịch thiệp, trông không khác mấy so với bộ đồ mà mẹ của Harry vẫn mặc tại khách sạn. Người hầu gái bưng một khay bạc lớn rồi đặt khay lên trên mặt bàn hình bầu dục ở trước mặt bà Barrington.

“Ấn Độ hay Trung Hoa?” bà Barrington hỏi, đưa mắt nhìn Harry.

Harry thực sự không hiểu ý bà muốn hỏi gì.

“Tất cả bọn con đều dùng Ấn Độ, cảm ơn mẹ,” Giles nói.

Harry vốn cho rằng Giles hẳn đã dạy cậu mọi thứ cần biết về phép tắc xử thế trong xã hội thượng lưu lịch sự, nhưng bà Barrington vừa đột ngột nâng trình độ lên một tầm cao mới.

Sau khi người phụ việc của quản gia đã rót ra ba tách trà, người hầu gái mang trà tới bày trước mặt ba cậu bé, kèm theo một đĩa đựng đồ ăn kèm. Harry nhìn chăm chú vào núi sandwich chất đầy trong đĩa, không dám động đến. Giles nhón lấy một cái rồi để vào đĩa của cậu. Mẹ cậu cau mày. “Mẹ đã nhắc con bao nhiêu lần rồi, Giles, rằng con luôn phải đợi cho tới khi khách của con quyết định họ thích dùng gì trước khi lấy đồ ăn cho chính mình?”

Harry muốn nói với bà Barrington rằng Giles luôn là người làm trước, chỉ để giúp cậu biết mình cần làm gì, và quan trọng hơn cả là không được làm gì. Deakins chọn một cái bánh sandwich rồi để vào đĩa của cậu ta. Harry cũng làm y hệt. Giles kiên nhẫn đợi cho tới khi Deakins đã cầm miếng sandwich của mình lên rồi mới cắn một miếng.

“Cô hy vọng các cháu thích cá hồi hun khói,” bà Barrington nói.

“Ngon tuyệt,” Giles nói, trước khi các bạn cậu có cơ hội thú nhận rằng cả hai chưa từng được nếm qua cá hồi hun khói trước đây. “Chúng con chỉ được ăn sandwich cá xay ở trường thôi,” cậu nói thêm.

“Được rồi, hãy kể cho mẹ nghe xem con và các bạn học hành thế nào ở trường,” bà Barrington nói.

“Vẫn cần nỗ lực tiến bộ thêm nhiều, con nghĩ đó là những gì thầy Frob mô tả về những cố gắng của con,” Giles vừa nói vừa lấy thêm một cái sandwich nữa. “Nhưng Deakins thì lúc nào cũng đứng đầu trong mọi môn học.”

“Trừ môn Anh văn ạ,” Deakins lên tiếng lần đầu tiên, “Harry vẫn còn nhỉnh hơn cháu tí xíu trong môn này ạ.”

“Thế con có môn nào mà con dẫn đầu không, Giles?” Mẹ cậu hỏi.

“Bạn ấy đứng thứ nhì trong môn toán, thừa bà Barrington,” Harry lên tiếng giải cứu cho Giles. “Bạn ấy đúng là có năng khiếu trời cho với những con số.”

“Giống hệt ông nội nó,” bà Barrington nói.

“Bà có bức chân dung treo trên lò sưởi đẹp quá, thừa bà Barrington,” Deakins nói.

Bà chủ nhà mỉm cười. “Đó không phải là cô, Deakins, mà là chân dung của mẹ cô.” Deakins cúi đầu xuống trước khi bà Barrington vội nói thêm. “Nhưng lời khen mới lịch thiệp làm sao. Mẹ cô từng được coi là một người đẹp nổi tiếng vào thời của bà.”

“Ai đã vẽ bức chân dung vậy ạ?” Harry hỏi, tiếp lời để ứng cứu cho Deakins.

“László,” bà Barrington trả lời. “Sao cháu lại hỏi vậy?”

“Vì cháu đang thắc mắc liệu có phải bức chân dung quý ông ngoài tiền sảnh cũng do cùng một họa sĩ vẽ không ạ.”

“Cháu quả là có khiếu quan sát đấy Harry ạ,” bà Barrington nói. “Bức chân dung cháu thấy ngoài tiền sảnh là của bố cô, và đúng là cũng do László vẽ.”

“Thế bố của bà làm công việc gì ạ?” Harry hỏi.

“Harry chẳng bao giờ thôi đặt ra các câu hỏi cả,” Giles nói. “Người ta chỉ còn biết quen dần với chuyện đó thôi.”

Bà Barrington mỉm cười. “Ông ấy nhập khẩu rượu vang vào đất nước này, và đặc biệt là rượu sherry từ Tây Ban Nha.”

“Giống hệt như Harvey’s,” Deakins nói, miệng đầy áp sandwich dưa chuột.

“Giống hệt như Harvey’s,” bà Barrington lặp lại. Giles nhe răng cười. “Lấy thêm một chiếc sandwich nữa đi, Harry,” bà Barrington

nói, nhận ra đôi mắt cậu như bị hút vào đĩa bánh.

“Cảm ơn bà,” Harry nói, không biết phải chọn thế nào giữa kẹp cá hồi hun khói, dưa chuột, hay trứng và cà chua. Cậu quyết định chọn cá hồi, thậm tự hỏi hương vị của món này sẽ như thế nào.

“Thế còn cháu thì sao, Deakins?”

“Cảm ơn bà, bà Barrington,” cậu đáp, và lấy thêm một miếng sandwich dưa chuột nữa.

“Cô không thể tiếp tục cứ gọi cháu là Deakins,” mẹ Giles nói. “Như thế sẽ làm cháu giống như một người làm vậy. Hãy cho cô biết tên thánh của cháu đi.”

Deakins lại cúi đầu xuống. “Cháu thích được gọi là Deakins hơn,” cậu nói.

“Là Alan ạ,” Giles lên tiếng.

“Một cái tên thật đẹp,” bà Barrington nói, “cho dù cô chắc là mẹ cháu vẫn gọi cháu là Alan.”

“Dạ không ạ,” Deakins nói, đầu vẫn cứ cúi gằm xuống. Hai cậu bé còn lại có vẻ ngạc nhiên trước lời hé lộ này, nhưng không nói gì. “Tên cháu là Algernon,” cuối cùng cậu lí nhí.

Giles phá lên cười.

Bà Barrington không hề để tâm tới tràng cười của cậu con trai. “Mẹ cháu hẳn phải là người rất ngưỡng mộ Oscar Wilde,” bà nói.

“Vâng, đúng thế ạ,” Deakins nói. “Nhưng cháu ước gì mẹ cháu gọi cháu là Jack, hay thậm chí là Ernest cũng được ạ.”

“Cô sẽ không để điều đó làm cháu lo lắng đâu,” bà Barrington nói. “Nói cho cùng, Giles cũng phải chịu đựng điều khó xử tương tự.”

“Mẹ, mẹ đã hứa là mẹ sẽ không...”

“Các cháu cần phải bảo nó cho các cháu biết tên đệm của nó,” bà nói, tăng lời sự phản đối. Khi Giles không trả lời, Harry và Deakins đưa mắt nhìn bà Barrington đầy mong chờ. “Là Marmaduke,” bà vừa nói vừa thở dài. “Giống như bố và ông nội nó trước đây.”

“Nếu một trong hai cậu nói với bất cứ ai về chuyện này khi bọn mình quay lại trường,” Giles nói, nhìn sang hai cậu bạn, “tớ xin thề là tớ sẽ giết các cậu, và ý tớ là giết thật đấy.” Cả hai cậu nhóc còn lại cùng bật cười.

“Cháu có tên đệm không, Harry?” Bà Barrington hỏi.

Harry đang định trả lời thì cửa phòng khách mở toang, và một người đàn ông không thể bị nhầm lẫn là người làm sai bước vào phòng, mang theo một hộp quà lớn. Harry ngược mắt nhìn lên con người chỉ có thể là ông Hugo. Giles đứng lên, chạy tới phía bố, ông đưa cho cậu con trai hộp quà rồi nói, “Chúc sinh nhật vui vẻ, con trai của bố.”

“Con cảm ơn bố,” Giles nói, và lập tức bắt đầu tháo ruy băng ra.

“Trước khi con mở hộp quà của mình, Giles,” mẹ cậu lên tiếng, “có lẽ con nên giới thiệu các vị khách mời của con với bố trước đã.”

“Con xin lỗi bố. Đây là hai bạn thân nhất của con, Deakins và Harry,” Giles nói, đặt hộp quà trên mặt bàn. Harry nhận thấy bố Giles có cùng vóc người thể thao vạm vỡ, tràn đầy năng lượng mà cậu từng cho rằng đó là nét đặc trưng riêng của con trai ông.

“Rất vui được gặp cháu, Deakins,” ông Barrington vừa nói vừa bắt tay cậu bé. Sau đó ông ta quay sang Harry. “Xin chào, Clifton,” ông nói thêm, trước khi ngồi xuống chiếc ghế trống bên cạnh vợ mình. Harry ngỡ ngàng khi thấy ông Barrington không bắt tay với mình. Và làm sao mà ông ta biết họ của cậu là Clifton?

Sau khi người phụ việc của quản gia đã rót một tách trà cho ông Barrington, Giles tháo giấy gói quà ra và reo lên thích thú khi nhìn thấy một chiếc radio hiệu Roberts. Cậu cắm phích điện vào một ổ cắm trên tường và bắt đầu chỉnh radio bắt sóng các đài phát khác nhau. Cả ba cậu bé cùng vỗ tay hoan hô và cười vang mỗi lần một âm thanh mới phát ra từ trong chiếc hộp gỗ to.

“Giles cho em biết nó đứng thứ nhì trong môn Toán học kỳ này,” bà Barrington quay sang chồng mình và nói.

“Điều đó cũng chưa đủ bù lại việc nó đội sổ trong hầu hết các môn khác,” ông chồng vắn lại. Giles cố không tỏ ra bối rối, trong khi vẫn tiếp tục dò tìm kênh mới trên chiếc radio của mình.

“Nhưng giá như ông được chứng kiến bàn thắng cậu ấy ghi được trong trận đấu với Avonhurst,” Harry nói. “Tất cả chúng cháu đều kỳ vọng cậu ấy sẽ là đội trưởng đội cricket vào năm tới.”

“Các bàn thắng sẽ không giúp nó vào được Eton,” ông Barrington nói, không hề nhìn Harry. “Đã đến lúc nó cần tu tỉnh lại và nỗ lực

hơn nữa.”

Không ai nói thêm gì một hồi lâu cho tới khi bà Barrington phá vỡ sự im lặng. “Có phải cháu chính là Clifton hát trong ban đồng ca tại St. Mary Redcliff không?” Bà hỏi.

“Harry là người hát solo giọng kim,” Giles nói. “Thực ra, cậu ấy là người được học bổng đồng ca.”

Harry ý thức được lúc này bố Giles đang nhìn mình chăm chăm.

“Cô nghĩ cô nhận ra cháu mà,” bà Barrington nói. “Cô cùng ông ngoại của Giles đã đến xem một buổi trình diễn vở Messiah tại St. Mary, khi ban đồng ca của trường St. Bede cùng biểu diễn với trường Ngữ Văn Bristol Grammar School. Bài *Con biết người chuộc tội cho con sống mãi* mà cháu hát quả là tuyệt vời, Harry ạ.”

“Cảm ơn bà, bà Barrington,” Harry đỏ mặt nói.

“Cậu đang hy vọng là sẽ vào học trường Bristol Grammar School sau khi rời St. Bede chứ, Clifton?” Ông Barrington hỏi.

Lại là Clifton, Harry thầm nghĩ. “Chỉ khi cháu có được học bổng thôi, thưa ông,” cậu trả lời.

“Nhưng sao điều đó lại quan trọng vậy?” Bà Barrington hỏi. “Chắc chắn cháu sẽ được dành cho một suất nhập học, như bất cứ cậu bé nào khác chứ?”

“Vì mẹ cháu không thể nào mà cáng đáng được mức học phí, thưa bà Barrington. Mẹ cháu là nhân viên phục vụ tại khách sạn Royal.”

“Nhưng chẳng lẽ bố cháu...”

“Bố cháu mất rồi,” Harry nói. “Bố cháu tử trận trong chiến tranh.” Cậu cẩn thận quan sát xem ông Barrington phản ứng ra sao, nhưng hết như một tay chơi poker lão luyện, ông ta không để lộ bất cứ điều gì.

“Cô xin lỗi,” bà Barrington nói. “Cô không hề biết.”

Cánh cửa mở ra sau lưng Harry và người phụ việc của quản gia bước vào, mang một chiếc bánh sinh nhật hai tầng trên khay bạc rồi đặt nó xuống chính giữa bàn. Sau khi Giles đã thành công trong việc thổi tắt cả mười hai ngọn nến chỉ bằng một hơi duy nhất, mọi người đồng loạt vỗ tay chúc mừng.

“Ngày sinh của cậu là khi nào, Clifton?” Ông Barrington hỏi.

“Nó rơi vào thánɡ trước, thưa ông,” Harry trả lời.

Ông Barrington ngoảnh mặt đi.

Người phụ việc của quán gia gỡ nển ra trước khi đưa cho cậu chủ nhỏ con dao lớn dùng để cắt bánh. Giles cắt sâu vào chiếc bánh và đặt năm miếng bánh không đều nhau vào mấy chiếc đĩa tách mà người hầu gái đã bày sẵn ra trên mặt bàn.

Deakins khoan khoái ngấu nghiêng phần kem rớt ra trong đĩa của cậu ta trước khi ăn một miếng bánh. Harry bắt chước theo bà Harrington. Cậu nhắc chiếc nĩa bạc nhỏ để cạnh đĩa bánh của mình lên rồi dùng nó để lấy một miếng bánh nhỏ trước khi đặt cái nĩa trở lại xuống đĩa.

Chỉ có ông Barrington không động tới phần bánh của mình. Rồi đột nhiên, không hề có động thái nào báo trước, ông đứng vụt dậy rồi bước ra khỏi phòng mà không nói thêm một lời nào.

Mẹ của Giles không giấu nổi vẻ ngạc nhiên trước thái độ của chồng bà, nhưng bà không nói gì. Harry không hề rời mắt khỏi ông Hugo khi ông rời khỏi phòng, trong khi Deakins, sau khi đã ăn xong phần bánh của cậu ta, lại chuyển sự chú ý trở lại với những cái sandwich cá hồi hun khói, hiển nhiên không hề để ý nhận thấy những gì vừa xảy ra quanh mình.

Sau khi cánh cửa đóng lại, bà Barrington tiếp tục trò chuyện như thể chưa có gì bất thường xảy ra. “Cô tin chắc cháu sẽ giành được một học bổng vào trường Bristol Grammar School thôi Harry ạ, nhất là với những gì mà Giles đã kể cho cô nghe về cháu. Cháu hiển nhiên là một cậu bé rất thông minh, và cũng là một giọng ca tài năng nữa.”

“Giles luôn có xu hướng phóng đại mọi thứ lên, thưa bà Barrington,” Harry nói. “Cháu có thể cam đoan với bà là chỉ mình Deakins là chắc chắn sẽ dành được một suất học bổng thôi.”

“Nhưng Bristol Grammar School không có học bổng âm nhạc sao?” Bà hỏi.

“Với các giọng ca có giọng kim thì không ạ,” Harry trả lời. “Họ sẽ không chịu mạo hiểm đâu ạ.”

“Cô không dám chắc là cô hiểu lắm,” bà Barrington nói. “Không gì có thể lấy đi những năm tháng luyện tập đồng ca mà cháu đã trải

qua.”

“Đúng là thế ạ, nhưng thật đáng buồn là không ai có thể đoán trước chuyện gì sẽ xảy ra khi cháu vỡ giọng. Một số giọng kim cuối cùng trở thành giọng nam trầm hay nam trung, và những người thực sự may mắn trở thành giọng nam cao, nhưng không có cách nào để biết trước được cả.”

“Tại sao lại không?” Deakins lên tiếng, lần đầu tiên trở nên hứng thú.

“Có rất nhiều người hát solo có giọng kim thậm chí còn không tìm nổi một chỗ trong ban đồng ca địa phương nơi họ sống sau khi vỡ giọng. Thử hỏi thầy Ernest Lough xem. Tất cả các gia đình tại nước Anh đều đã từng nghe ông ấy hát bài *Ôi, vì đôi cánh của một con bọ câu*, nhưng sau khi ông ấy vỡ giọng, chẳng còn ai được nghe lại giọng hát của ông ấy nữa.”

“Cậu chỉ cần học tập nỗ lực hơn nữa thôi,” Deakins vừa nhòm nhòm vừa nói. “Đừng quên là trường ngữ văn cấp mười hai suất học bổng mỗi năm, và tớ chỉ có thể giành được một suất thôi,” cậu nói thêm với vẻ hiển nhiên.

“Nhưng vấn đề chính là ở chỗ ấy đấy,” Harry nói. “Nếu tớ định học hành chăm chỉ hơn, tớ sẽ phải từ bỏ ban đồng ca, và nếu không có học bổng, tớ sẽ buộc phải rời khỏi St. Bede, vậy nên...”

“Cậu đang ở thế tiến thoái lưỡng nan,” Deakins nói.

Harry chưa bao giờ nghe thấy cách nói này trước đây và quyết định sẽ hỏi Deakins sau xem nghĩa của nó là gì.

“À có một điều này là chắc chắn,” bà Barrington nói, “Giles sẽ khó lòng có được học bổng vào bất kỳ trường nào.”

“Không hẳn là thế đâu ạ,” Harry nói. “Trường Ngữ Văn Bristol Grammar School sẽ không bỏ qua một tay đập thuận tay trái có đẳng cấp như cậu ấy đâu ạ.”

“Vậy chúng ta sẽ phải hy vọng là Eton cũng có cùng suy nghĩ ấy,” bà Barrington nói, “vì đó là nơi mà bố nó muốn nó theo học.”

“Con không muốn tới Eton,” Giles nói, đặt nĩa của cậu xuống. “Con muốn tới trường Ngữ Văn Bristol và học cùng các bạn của con.”

“Mẹ tin chắc con sẽ có thêm nhiều bạn mới tại Eton,” mẹ cậu nói. “Và bố con sẽ thất vọng lắm nếu con không đi theo con đường của bố.”

Người phụ việc của quản gia khẽ háng giọng. Bà Barrington nhìn qua cửa sổ và thấy một chiếc xe đang chạy tới dưới chân bậc thềm. “Mẹ nghĩ đã đến lúc con và các bạn đều phải quay lại trường rồi,” bà nói. “Chắc chắn là mẹ không muốn phải chịu trách nhiệm về việc có ai đó bị muộn giờ tự học đâu.”

Harry thềm thường nhìn về phía cái khay lớn đựng đầy sandwich và chiếc bánh sinh nhật còn đang ăn dở nhưng đành phải miễn cưỡng rời khỏi chỗ của mình và bắt đầu bước về phía cửa. Cậu ngoái lại nhìn một lần và dám thề là đã thấy Deakins nhét vội một cái sandwich vào túi quần cậu ta. Harry nhìn một lần cuối qua cửa sổ và ngạc nhiên khi lần đầu tiên nhìn thấy một cô bé cao lênh khênh buộc tóc đuôi ngựa đang cuộn tròn trong góc và đọc một quyển sách.

“Đó là Emma, cô em gái kinh khủng của tớ,” Giles nói. “Nó chẳng bao giờ ngừng đọc cả. Cứ kệ nó đi.”

Harry mỉm cười với Emma, nhưng cô bé không hề nhìn lên. Deakins thậm chí còn chẳng buồn nhìn cô bé đến lần thứ hai.

Bà Barrington tiễn ba cậu bé ra cửa trước, rồi bà bắt tay Harry và Deakins. “Cô thực sự hy vọng cả hai cháu sẽ lại sớm đến đây chơi,” bà nói. “Các cháu có ảnh hưởng thật tốt tới Giles.”

“Cảm ơn bà rất nhiều vì đã mời chúng cháu dùng trà, bà Barrington,” Harry nói. Deakins chỉ gật đầu. Cả hai cậu nhóc cùng quay mặt nhìn đi chỗ khác khi bà ôm lấy cậu con trai và dành cho cậu một cái hôn.

Trong lúc người tài xế lái chiếc xe theo con đường dài dẫn ra cổng, Harry ngoái lại nhìn về phía tòa nhà qua khung cửa kính đằng sau xe. Cậu không hề để ý thấy Emma đang chăm chú nhìn qua cửa sổ về phía chiếc xe đang khuất dần.

Cửa hiệu bánh kẹo của trường mở cửa từ bốn giờ đến sáu giờ các buổi chiều thứ Ba và thứ Năm.

Harry hiếm khi tìm đến “Emporium,” là cách mà các cậu bé vẫn gọi cửa hàng này, vì cậu chỉ có hai shiling tiền tiêu vặt mỗi học kỳ, và cậu biết mẹ cậu sẽ không tán thành bất kỳ khoản chi phí phụ trội nào dù nhỏ nhất xuất hiện trong hóa đơn cuối kỳ của cậu. Tuy vậy, vào ngày sinh nhật của Deakins, cậu có một ngoại lệ, vì Harry đã dự định mua một thanh kẹo ngọt mềm có giá một penny cho bạn mình.

Bất chấp những chuyến ghé thăm hiếm hoi đến cửa hàng bánh kẹo của Harry, lúc nào cũng có một thanh socola hiệu Fry’s Five Boys xuất hiện trên bàn học của cậu vào các buổi tối thứ Ba và thứ Năm. Cho dù đã có quy định của trường là không cho phép một học sinh tiêu quá sáu penny mỗi tuần ở cửa hàng bánh kẹo, Giles cũng luôn để lại một gói kẹo cam thảo Liquorice Allsorts cho Deakins, đồng thời tuyên bố rõ với hai người bạn là cậu ta không trông đợi gì đổi lại.

Khi Harry tới cửa hàng bánh kẹo vào ngày thứ Ba ấy, cậu đứng vào một hàng dài học sinh đang chờ đến lượt được phục vụ. Miệng cậu ứa nước bọt khi cậu nhìn đăm đăm lên những chiếc giá ngăn nắp xếp đầy socola, kẹo mềm, kẹo dẻo, kẹo cam thảo, và món quà vặt mới xuất hiện gần đây nhất, khoai tây lát chiên giòn. Harry cân nhắc việc tự mua cho mình một gói, nhưng sau lần được giới thiệu với ông Wilkins Micawber gần đây, cậu không còn chút nghi ngờ nào về giá trị của một đồng sáu penny.

Trong lúc Harry còn đang thèm thuồng ngắm nghĩa kho báu của Emporium, cậu chợt nghe thấy giọng nói của Giles và nhận thấy cậu bạn đang đứng xếp hàng trên cậu vài chỗ. Đang định lên tiếng gọi bạn mình, thì cậu nhìn thấy Giles lấy một thanh socola từ trên giá và nhẹ nhàng nhét nó vào trong túi quần. Vài giây sau, đến lượt một gói kẹo cao su. Khi đến lượt Giles tới đầu hàng, cậu ta để lên quầy một hộp Liquorice Allsorts có giá hai penny cùng một túi khoai tây giá một penny, hai món hàng được ông Swivals, nhân viên của trường phụ trách cửa hàng, nắn nót vào sổ dưới tên của Barrington. Hai món còn lại vẫn nằm yên trong túi quần Giles, không được tính tiền.

Harry kinh hoàng, và trước khi Giles kịp quay lại, cậu đã lảng lạng rời khỏi cửa hàng, không muốn để bạn nhìn thấy mình. Harry lững thững đi một vòng quanh khối nhà của trường, cố gắng lý giải tại sao Giles lại muốn đánh cắp một món đồ, trong khi cậu ta hiển nhiên có thể trả tiền được. Harry đoán chắc phải có một lời giải thích đơn giản, cho dù cậu không thể hình dung ra nó có thể là gì.

Harry lên tới phòng học vừa kịp lúc giờ tự học bắt đầu, và thấy một thanh socola đặt sẵn trên bàn, còn Deakins thì đang mải mê khám phá một hộp Liquorice Allsorts. Cậu bé cảm thấy khó lòng tập trung nổi vào các nguyên nhân của Cách mạng Công nghiệp trong khi cố quyết định xem điều gì, nếu có, mà cậu có thể làm về điều cậu vừa biết.

Cho đến khi giờ tự học kết thúc, cậu đã đi đến quyết định. Harry cất thanh socola còn nguyên vào ngăn kéo trên cùng bàn học của cậu, quyết định rằng cậu sẽ trả lại cửa hàng thanh kẹo vào thứ Năm, đồng thời sẽ không nói gì với Giles.

Tối hôm ấy, Harry không tài nào ngủ được, và sau bữa sáng cậu kéo Deakins sang một bên để giải thích tại sao cậu không thể tặng được cho bạn một món quà sinh nhật. Deakins không giấu nổi vẻ kinh ngạc.

“Bố tớ từng gặp chuyện tương tự tại cửa hàng của ông,” Deakins nói. “Chuyện ấy gọi là ăn cắp trong cửa hàng. Tờ Daily Mail cho rằng nguyên nhân là do cuộc Suy Thoái.”

“Tớ không nghĩ gia đình Giles bị ảnh hưởng nhiều từ cuộc Suy Thoái,” Harry nói, không khỏi có chút bất bình.

Deakins gật gù nghĩ ngợi. “Có lẽ cậu nên báo thầy Frob.”

“Mách lẻo người bạn thân nhất của tớ ư?” Harry nói. “Không đời nào.”

“Nhưng nếu Giles bị bắt quả tang, cậu ấy có thể bị đuổi học,” Deakins nói. “Điều tối thiểu cậu có thể làm là cảnh báo trước rằng cậu đã biết chuyện cậu ấy làm.”

“Tớ sẽ suy nghĩ về chuyện đó,” Harry nói. “Song cho tới lúc ấy tớ sẽ trả lại tất cả những gì Giles cho tớ về cửa hàng bánh kẹo mà không cho cậu ấy biết.”

Deakins cúi lại gần Harry. “Cậu có thể trả luôn hộ tớ không?” Cậu bé thì thầm. “Tớ chưa bao giờ đến cửa hàng bánh kẹo cả, thành ra tớ chẳng biết phải làm gì.”

Harry đồng ý nhận trách nhiệm, và từ đó trở đi cậu tới cửa hàng bánh kẹo hai lần một tuần để trả lại những món quà không mong muốn của Giles về giá hàng. Cậu đã đi tới kết luận Deakins có lý và cậu cần nói chuyện thẳng thắn với bạn của mình trước khi Giles bị bắt quả tang, nhưng quyết định hoãn chuyện này tới cuối học kỳ.

* * *

“Cú đánh tuyệt lắm, Barrington,” thầy Frobisher nói khi bóng lăn qua vạch giới hạn. Một tràng hoan hô vang dậy khắp sân. “Ngài hiệu trưởng, hãy nhớ lấy lời tôi, Giles sẽ thi đấu cho Eton chống lại Harrow ở Lord’s.”

“Không đâu, nếu Giles được quyết định chuyện đó,” Harry thì thầm với Deakins.

“Cậu định làm gì vào kỳ nghỉ hè, Harry?” Deakins hỏi, dường như hoàn toàn thờ ơ với những gì diễn ra xung quanh.

“Tớ không hề có kế hoạch đi thăm vùng Tuscan năm nay, nếu đó là điều cậu muốn hỏi,” Harry vừa cười vừa trả lời.

“Tớ cũng không nghĩ Giles thực sự thích tới đó,” Deakins nói. “Nói cho cùng, người Ý sẽ chẳng bao giờ có thể hiểu gì về cricket.”

“À, tớ sẽ rất vui được đổi chỗ cho cậu ấy,” Harry nói. “Tớ chẳng thấy phiền lòng chút nào về chuyện Michelangelo, Da Vinci và Caravaggio chưa bao giờ được giới thiệu về những thủ thuật còn

ting tế hơn thế của môn bowling bắt người ta phải cong người xoạc căng ra, đó là chưa kể tới cả món pasta mì Ý mà cậu ấy sẽ có dịp nếm thử nữa.”

“Vậy cậu sẽ đi đâu?” Deakins hỏi.

“Một tuần tại Riviera của miền Tây,” Harry làm bộ can đảm. “Cầu tàu lớn ở Weston-super-Mare thường là đỉnh điểm, tiếp theo là cá và khoai tây rán tại quán cà phê Coffins. Có muốn đi cùng tớ không?”

“Tớ không có thời gian,” Deakins nói, cậu này hiển nhiên cho rằng Harry đang nghiêm túc.

“Sao lại thế?” Harry hỏi lại, tiếp tục vào vai.

“Tớ có quá nhiều bài phải làm.”

“Cậu định tiếp tục học trong kỳ nghỉ sao?” Harry hỏi, kinh ngạc không tin nổi.

“Học với mình chính là kỳ nghỉ đấy,” Deakins nói. “Mình say mê việc này cũng hết như Giles khoái môn cricket của cậu ấy, hay cậu thích hát vậy.”

“Nhưng cậu sẽ học ở đâu?”

“Ở thư viện thành phố chứ ở đâu nữa, thằng đàn này. Ở đó có tất cả những gì tớ cần.”

“Tớ có thể tới học cùng cậu không?” Harry hỏi, giọng hoàn toàn nghiêm túc. “Tớ cần đến mọi sự giúp đỡ có thể nếu muốn có cơ hội đạt được học bổng của Bristol Grammar School.”

“Chỉ trong trường hợp cậu đồng ý luôn giữ im lặng,” Deakins nói. Harry vốn định phá lên cười, song cậu biết bạn mình không coi học là chuyện đùa.

“Nhưng tớ thực sự rất cần trợ giúp với môn ngữ pháp tiếng Latinh,” Harry nói. “Tớ vẫn chưa hiểu về mệnh đề liên tiếp, chưa nói gì tới câu giả định, và nếu tớ không có được mức điểm đạt yêu cầu trong bài thi tiếng Latinh, tất cả coi như chấm hết, cho dù tớ có làm tốt tất cả các môn khác.”

“Tớ sẵn sàng giúp cậu môn Latinh,” Deakins nói, “nếu đổi lại cậu có thể giúp tớ một việc.”

“Cứ nói đi,” Harry nói, “cho dù tớ không tin cậu lại hy vọng được trình diễn solo vào dịp mừng lễ Giáng sinh năm nay.”

“Đánh tuyệt lắm, Barrington,” ông Frobisher lại reo lên. “Đây là cú ghi điểm năm mươi thứ ba của cậu ta mùa này rồi đấy, thưa ngài hiệu trưởng,” ông Frobisher nói thêm.

“Đừng đùa thế chứ Harry,” Deakins nói. “Sự thực là bố tớ cần một người giao báo buổi sáng trong kỳ nghỉ hè, và tớ đã đề xuất cậu. Thù lao là một shiling một tuần, và miễn là cậu có thể có mặt tại cửa hàng lúc sáu giờ sáng mỗi ngày, công việc này là của cậu.”

“Sáu giờ ư?” Harry nói với vẻ xem thường. “Khi cậu có một ông bác luôn khua cả nhà dậy vào lúc năm giờ, thì đó là điều cuối cùng cậu có thể coi là vấn đề.”

“Vậy là cậu sẵn sàng nhận việc này?”

“Phải, tất nhiên rồi,” Harry nói. “Nhưng sao cậu không muốn làm việc này? Một shiling một tuần đâu có ít.”

“Không phải nhắc tớ,” Deakins nói, “nhưng chả là tớ không biết đạp xe.”

“Ôi, quý thật,” Harry nói. “Tớ thậm chí còn chẳng có lấy một cái xe đạp.”

“Tớ đâu có nói tớ không có xe đạp đâu,” Deakins thờ dãi, “Tớ chỉ nói là tớ không biết đạp xe.”

“Clifton,” thầy Frobisher nói trong khi các đấu thủ cricket rời sân để uống trà, “tôi muốn gặp trò trong phòng làm việc của tôi sau giờ tự học.”

* * *

Harry luôn có cảm tình với thầy Frobisher, thầy là một trong số ít các thầy giáo cư xử với cậu một cách bình đẳng. Ông cũng có vẻ không thiên vị bất cứ học trò nào, trong khi một số thầy giáo khác tỏ thái độ rõ ràng để cậu không còn nghi ngờ gì về việc đáng ra con trai của một công nhân bến tàu không bao giờ được phép bước chân qua ngưỡng cửa thiêng liêng của St. Bede, cho dù giọng hát của cậu ta có khá đến thế nào đi nữa.

Khi chuông reo báo hiệu hết giờ tự học, Harry buông bút xuống, đứng dậy đi dọc theo hành lang dẫn tới phòng làm việc của thầy

Frobisher. Cậu không hiểu vì sao thầy phụ trách nhà lại muốn gặp mình, và cũng không bận tâm nghĩ ngợi nhiều về điều đó.

Harry gõ cửa phòng làm việc.

“Vào đi,” giọng nói của người đàn ông chưa bao giờ phung phí lời lẽ vang lên. Harry mở cửa vào, lấy làm ngạc nhiên khi cậu không được chào đón bằng nụ cười quen thuộc của thầy Frob.

Thầy Frobisher ngược mắt lên và chăm chú nhìn Harry trong lúc cậu dừng lại trước bàn làm việc của ông. “Clifton ạ, tôi đã được báo rằng, trò đã ăn cắp ở cửa hàng bánh kẹo.” Đầu óc Harry bỗng trở nên trống rỗng khi cậu cố tìm một câu trả lời mà không liên lụy đến Giles. “Một giám thị đã nhìn thấy cậu lấy đồ khỏi giá hàng,” thầy Frobisher tiếp tục nói bằng giọng nghiêm khắc không khoan nhượng, “rồi sau đó chuồn khỏi cửa hàng trước khi lên tới đầu hàng.”

Harry những muốn nói, “không phải là lấy đi, thưa thầy, mà là trả về,” nhưng tất cả những gì cậu có thể nói là, “Em chưa bao giờ lấy gì từ cửa hàng bánh kẹo, thưa thầy.” Bất chấp thực tế là cậu đang nói thật, Harry vẫn có thể cảm thấy hai má mình đang đỏ ửng lên.

“Vậy trò giải thích thế nào về việc mỗi tuần hai lần trò đi tới Euporium, trong khi không có một mục ghi chú mua hàng nào mang tên trò trong sổ cái của ông Swivals?”

Thầy Frobisher kiên nhẫn chờ đợi, nhưng Harry biết nếu cậu nói sự thật, Giles chắc chắn sẽ bị đuổi học.

“Và còn cả thanh socola này cùng gói Liquorice Allsorts được tìm thấy trong ngăn kéo trên cùng bàn học của trò, không lâu sau khi cửa hàng bánh kẹo đóng cửa.”

Harry nhìn xuống hai gói kẹo, nhưng vẫn không nói gì.

“Tôi vẫn đang chờ một lời giải thích, trò Clifton,” thầy Frobisher nói. Sau một hồi lâu im lặng, thầy nói tiếp, “và tất nhiên tôi biết trò có ít tiền tiêu vặt hơn rất nhiều so với các trò khác trong lớp, nhưng đó không phải là lý do biện hộ cho việc ăn cắp.”

“Em chưa bao giờ ăn cắp thứ gì trong đời mình,” Harry nói.

Đến lượt thầy Frobisher tỏ vẻ bất bình. Ông đứng dậy từ bàn làm việc của mình. “Nếu đúng là thế, trò Clifton - và tôi cũng muốn tin lời trò - sau giờ thực hành với ban đồng ca, trò sẽ quay trở lại đây với

lời giải thích đầy đủ về việc bằng cách nào mà trò lại có trong tay những món kẹo mà rõ ràng là trò không hề trả tiền. Nếu trò không thể làm tôi hài lòng, cả hai chúng ta sẽ cùng tới gặp thầy hiệu trưởng, và tôi không có chút nghi ngờ nào về quyết định của thầy hiệu trưởng.”

Harry rời khỏi phòng. Cậu cảm thấy choáng váng buồn nôn ngay khi cánh cửa vừa đóng lại sau lưng mình. Cậu quay trở lại phòng học, hy vọng rằng Giles không có ở đó. Khi Harry mở cửa, thứ đầu tiên cậu nhìn thấy là thêm một thanh socola nữa trên bàn học của mình.

Giles ngẩng lên. “Cậu thấy ổn chứ?” cậu ta hỏi khi thấy khuôn mặt đỏ ửng lên của Harry. Harry không trả lời. Cậu cất thanh socola vào ngăn kéo rồi rời khỏi phòng tới dự buổi thực hành ban đồng ca mà không nói thêm lời nào với cả hai cậu bạn. Giles không rời mắt khỏi cậu, và khi cánh cửa đóng lại, cậu ta quay sang Deakins và hờ hững hỏi, “Cậu ấy làm sao thế?” Deakins tiếp tục miệt mài viết như thể không nghe thấy câu hỏi. “Cậu có nghe tớ không đấy, anh chàng nặng tai?” Giles nói. “Sao Harry lại ử dột thế?”

“Tất cả những gì tớ biết là cậu ấy có một cuộc hẹn gặp với Frob.”

“Sao vậy?” Giles hỏi, nghe có vẻ quan tâm hơn.

“Tớ chịu thôi,” Deakins nói, tay vẫn không ngừng viết.

Giles đứng bật dậy, sải bước qua phòng tới cạnh Deakins. “Còn điều gì mà cậu không nói với tớ?” cậu ta nói, chộp lấy tai anh bạn.

Deakins buông bút, đưa tay lên bối rối chạm vào cầu kính và đẩy cặp kính lên cao hơn trên sống mũi, và rồi cuối cùng cậu ta cũng phải nói. “Có vẻ cậu ấy đang gặp rắc rối.”

“Rắc rối gì vậy?” Giles vừa hỏi vừa xoắn tai anh bạn.

“Tớ nghĩ cậu ấy có thể bị đuổi học,” Deakins khóc thút thít.

Giles buông tai cậu ta ra và bật cười. “Harry bị đuổi học ư?” Giles cười giễu. “Giáo hoàng còn có nhiều nguy cơ bị mất chức hơn.” Cậu ta hẳn đã quay về bàn học của mình nếu không nhìn thấy những giọt mồ hôi rịn ra trên trán Deakins. “Vì sao?” Cậu hỏi nhỏ.

“Thầy Frob nghĩ cậu ấy ăn cắp ở cửa hàng bánh kẹo,” Deakins nói.

Nếu Deakins ngẩng lên nhìn, hẳn cậu đã thấy khuôn mặt Giles bỗng trở nên tái mét. Một giây sau, cậu ta nghe thấy tiếng cửa đóng sầm lại. Cậu cầm bút lên và cố lấy lại sự tập trung, nhưng lần đầu tiên trong đời mình, cậu không thể hoàn thành được giờ tự học.

* * *

Khi Harry quay về từ buổi luyện hát đồng ca một giờ sau đó, cậu nhìn thấy Fisher đứng tựa lưng vào tường, không giấu nổi nụ cười. Khi đó, Harry hiểu ra ai là người đã tố cáo cậu. Cậu tảng lờ Fisher và quay về nhà nội trú của mình như thể không có gì phải bận tâm trên đời, trong khi thực tế cậu có cảm giác như người đang bước lên đoạn đầu đài, biết chắc trừ khi cậu phản bội người bạn thân nhất của mình, bản án hẳn sẽ được thi hành lập tức. Cậu do dự một lát trước khi gõ cửa phòng thầy phụ trách nhà nội trú của mình.

Câu “Vào đi” lần này dịu hơn nhiều so với lúc buổi chiều, nhưng khi Harry bước vào phòng, cậu vẫn được chào đón bằng một cái nhìn nghiêm khắc không khoan nhượng. Harry cúi đầu.

“Tôi nợ trò một lời xin lỗi, trò Clifton,” thầy Frobisher nói, rồi đứng dậy từ phía sau bàn làm việc. “Bây giờ tôi đã biết rằng trò không phải là thủ phạm.”

Tim Harry vẫn đập nhanh, nhưng giờ đây sự lo lắng của cậu là dành cho Giles. “Cảm ơn thầy,” cậu nói, đầu vẫn cúi xuống. Cậu còn rất nhiều điều còn muốn hỏi thầy Frobisher, nhưng Harry biết sẽ không có câu nào được trả lời.

Thầy Frobisher bước ra từ sau bàn làm việc của mình và tới bắt tay Harry, một điều trước đây ông chưa bao giờ làm. “Tốt hơn là trò nên khẩn trương lên, Clifton, nếu trò muốn được ăn tối.”

Khi Harry bước ra khỏi phòng làm việc của Frob, cậu chậm chạp bước về phía phòng ăn. Fisher đang đứng cạnh cửa, khuôn mặt lộ rõ vẻ ngạc nhiên. Harry đi thẳng qua mặt anh ta rồi tới ngồi xuống chỗ của cậu ở cuối băng ghế cạnh Deakins. Chỗ ngồi đối diện với cậu không có ai cả.

8

Giles đã không xuất hiện vào bữa tối, và cũng không ngủ trên giường của cậu vào tối hôm đó. Nếu St. Bede không thua Avonhurst trong trận đấu hàng năm với khoảng cách ba mươi một điểm, Harry dám ngờ rằng không có nhiều học sinh trong trường, hay thậm chí cả các thầy giáo, nhận ra sự vắng mặt của Giles.

Nhưng, thật không may cho Giles, đó lại là một trận đấu trên sân nhà, vậy nên tất cả mọi người thắc mắc về lý do tại sao tay đập xuất sắc nhất của trường lại không có mặt tại vị trí của anh ta trên sân, Fisher hơn ai hết, anh ta luôn mồm lặp đi lặp lại với bất cứ ai muốn nghe rằng trường đã đuổi học nhằm người.

* * *

Harry không mấy hào hứng trông đợi kỳ nghỉ; không chỉ vì cậu tự hỏi liệu mình còn cơ hội gặp lại Giles hay không, mà còn vì nghỉ hè cũng đồng nghĩa cậu phải quay về ngôi nhà số 27 Still House Lane và lại phải ở chung phòng với bác Stan, người vẫn thường quay về nhà với tình trạng say nhiều hơn tỉnh.

Sau khi dành buổi tối xem lại các bài thi cũ, Harry sẽ lên giường ngủ vào khoảng mười giờ. Cậu nhanh chóng ngủ thiếp đi, chỉ để rồi bị ông bác, người thường say tới mức không tìm thấy nổi giường của chính mình, đánh thức vào lúc nào đó sau nửa đêm. Tiếng động khi bác Stan cố đi tiểu vào cái xô trong phòng, và không phải lúc nào

cũng cần được trúng đích, là một ký ức sẽ luôn ám ảnh tâm trí Harry trong suốt phần đời còn lại của cậu.

Sau khi Stan đã gieo mình nằm vật ra giường - ông hiếm khi bận tâm tới chuyện cởi quần áo ra - Harry sẽ cố gắng ngủ lại lần thứ hai, để rồi bị đánh thức dậy vài phút sau đó bởi tiếng ngáy như sấm của người say. Cậu ao ước được quay trở lại St. Bede, chia sẻ phòng ngủ với hai mươi chín cậu bạn khác.

Harry vẫn hy vọng vào một giây phút bất cần nào đó bác Stan có thể sẽ hé lộ thêm vài chi tiết về cái chết của bố cậu, nhưng phần lớn thời gian, ông bác cậu đã trở nên quá không minh mẫn để có thể trả lời cho dù là câu hỏi đơn giản nhất. Trong vài dịp hiếm hoi mà bác Stan đủ tỉnh táo để nói chuyện, ông chỉ nổi cáu và cảnh cáo sẽ nện cậu một trận nên thân nếu Harry còn dám đả động tới chủ đề ấy thêm lần nữa.

Điều tích cực duy nhất đến từ việc phải ngủ chung phòng cùng bác Stan là cậu không bao giờ có cơ hội bị muộn giờ giao báo.

Mỗi ngày của Harry tại Still House Lane đều diễn ra theo trình tự đều tăm tắp: thức dậy lúc năm giờ, một lát bánh mì nướng cho bữa sáng - giờ đây cậu không liếm bát của bác mình nữa - có mặt tại quầy bán báo của ông Deakins lúc sáu giờ, sắp xếp những tờ báo theo đúng thứ tự, rồi đi giao chúng. Toàn bộ quá trình kéo dài trong hai giờ đồng hồ, cho phép cậu bé quay về nhà kịp giờ để uống một tách trà với mẹ trước khi bà đi làm. Đến khoảng tám giờ rưỡi, Harry sẽ lên đường tới thư viện, tại đây cậu gặp Deakins, anh chàng luôn ngồi sẵn trên bậc thềm cao nhất đợi ai đó tới mở cửa.

Buổi chiều, Harry tới luyện tập hát đồng ca tại St. Mary Redcliff, một phần nghĩa vụ bắt buộc của cậu với trường St. Bede. Tuy vậy, cậu bé không bao giờ coi đây là nghĩa vụ bắt buộc vì cậu thực sự rất thích hát. “Lạy Chúa, khi con vỡ giọng, hãy cho con có được giọng nam cao, và con sẽ không bao giờ cầu xin thêm điều gì nữa.”

Sau khi quay về nhà ăn bữa chiều, Harry lại học thêm chừng hai giờ nữa tại bàn ăn rồi lên giường đi ngủ, e sợ việc bác Stan quay về chẳng khác gì cậu từng sợ Fisher trong tuần lễ đầu tiên tại St. Bede, ít nhất thì Fisher đã chuyển tới học tại trường Trung học phổ thông Colston, và Harry đoán con đường đời của cậu và anh ta sẽ chẳng bao giờ giao nhau nữa.

* * *

Harry đang nóng lòng chờ đợi năm học cuối của cậu tại St. Bede, cho dù cậu không mấy may có chút nghi ngờ nào về việc cuộc đời cậu sẽ thay đổi lớn nhường nào nếu con đường đời của cậu và hai người bạn sẽ đi theo những ngã rẽ khác nhau: Giles tới nơi nào đó mà cậu không biết, Deakins tới trường Ngữ Văn Bristol Grammar School, trong khi đó, nếu Harry không giành được học bổng của trường này, rất có thể cậu sẽ phải quay về trường Tiểu học Merrywood rồi sau đó ở độ tuổi mười bốn, sẽ rời trường và tìm một việc làm. Cậu cố không nghĩ tới những hậu quả của thất bại, bắt chập việc bác Stan sẽ chẳng bao giờ bỏ lỡ bất cứ cơ hội nào để nhắc đi nhắc lại với cậu rằng Harry luôn có thể tìm được việc làm tại bến tàu.

“Đáng lẽ ngay từ đầu không nên cho phép thằng bé tới học ở cái trường nội trú đó,” người bác thường xuyên lèm bèm với Maisie mỗi khi cô đặt bát cháo xuống trước mặt ông anh trai. “Chuyện ấy nhồi nhét vào đầu nó những ý nghĩ viển vông xa vời so với thân phận của nó,” ông bác nói thêm, như thể Harry không hề có mặt ở đó. Một quan điểm hẳn Fisher sẽ rất vui vẻ tán đồng, nhưng đã từ lâu Harry đi tới kết luận rằng bác Stan và Fisher có rất nhiều điểm tương đồng.

“Nhưng chắc chắn Harry nên có cơ hội để trở nên tốt đẹp hơn chứ?” Maisie vạch lại.

“Tại sao?” bác Stan nói. “Nếu bến tàu đủ tốt với tôi và bố nó, thì tại sao nó không đủ tốt với Harry chứ?” ông anh trai hỏi lại với giọng điệu dứt khoát không cho phép đôi co thêm.

“Có thể vì thằng bé thông minh hơn cả hai chúng ta,” Maisie gợi ý.

Câu nói làm bác Stan im lặng một lát, nhưng sau một thìa cháo đầy, ông lại nói tiếp, “Cái đó còn tùy xem theo ý cô thông minh nghĩa là gì. Nói cho cùng, có kiểu thông minh này, rồi lại có kiểu thông minh kia.” Người bác xúc thêm một thìa cháo đầy nữa, nhưng không bổ sung thêm gì cho câu nhận xét sâu sắc của mình.

Harry sẽ cắt lát bánh mì nướng của cậu ra làm bốn phần trong lúc nghe ông bác nhắc đi nhắc lại cùng một câu chuyện vào mỗi buổi

sáng. Cậu không bao giờ lên tiếng biện hộ cho bản thân, vì rõ ràng bác Stan đã có quan điểm bất di bất dịch về tương lai của Harry và sẽ chẳng có điều gì khiến bác cậu thay đổi. Điều bác Stan không hề nhận ra là những lời dè bĩu của ông bác chỉ càng làm cậu nỗ lực học hành hơn nữa.

“Tôi không thể ngồi không ở đây cả ngày,” sẽ là câu nói cuối cùng của bác Stan, nhất là khi ông bác cảm thấy mình đang đuối lý. “Vài người trong chúng ta có công việc phải làm,” bác ta nói thêm khi đứng dậy khỏi bàn ăn. Chẳng ai buồn nói gì. “Và còn một chuyện nữa,” bác ta vừa nói vừa mở cửa nhà bếp. “Mọi người không ai nhận ra là thằng bé đã trở nên yếu đuối rồi. Thậm chí nó còn chẳng chịu liếm bát cháo của tôi nữa. Có Chúa mới biết được người ta đã dạy nó những gì ở cái trường ấy.” Cánh cửa đóng sầm lại sau lưng ông bác.

“Đừng để ý đến bác con,” mẹ Harry nói. “Bác ấy chỉ ghen tỵ thôi. Bác con không thích việc tất cả chúng ta đều rất tự hào về con. Và thậm chí cả bác ấy cũng sẽ phải đổi giọng khi con giành được học bổng đó, giống như cậu bạn Deakins của con.”

“Nhưng mẹ ơi, vấn đề chính là ở chỗ ấy đấy,” Harry nói. “Con không giống Deakins, và con bắt đầu tự hỏi liệu tất cả những chuyện này có đáng để nhọc công hay không nữa.”

Những thành viên còn lại trong gia đình đều im lặng nhìn Harry như thể không tin nổi, cho tới khi ông ngoại lên tiếng lần đầu tiên trong nhiều ngày. “Ông ước gì mình cũng có được cơ hội tới học ở trường Bristol Grammar School.”

“Sao vậy hả ông?” Harry hét thật to hỏi.

“Bởi vì nếu ông có được cơ hội ấy, chúng ta đã không phải sống cùng bác Stan của cháu suốt bấy nhiêu năm qua.”

* * *

Harry thực sự thích thú với cỡ giao báo buổi sáng, và không chỉ vì nó cho phép cậu được ra khỏi nhà. Với mỗi tuần trôi qua, cậu dần trở nên thân quen với một số khách hàng thường xuyên của ông Deakins, vài người trong số họ từng nghe cậu hát tại St. Mary's và

luôn vẫy tay chào khi cậu giao báo cho họ, có người mời cậu một tách trà, hay thậm chí cả một quả táo. Ông Deakins đã cảnh báo cậu phải dè chừng hai con chó trên tuyến đường giao báo; chỉ sau hai tuần, cả hai đều hân hoan vẫy đuôi mỗi khi cậu xuống xe.

Harry rất vui khi phát hiện ra thầy Holcombe cũng là một trong những khách hàng thường xuyên của ông Deakins, và hai thầy trò thường trò chuyện vài câu mỗi khi cậu giao tờ *The Times* cho thầy vào mỗi buổi sáng. Người thầy đầu tiên của Harry nói thẳng với cậu rằng ông không muốn phải gặp lại cậu ở trường Merrywood, đồng thời nói thêm rằng nếu Harry cần phụ đạo thêm, ông luôn rảnh vào hầu hết các buổi tối.

Khi Harry quay về cửa hàng báo sau khi kết thúc công việc, ông Deakins luôn nhét một thanh socola Fry's có giá một penny vào túi của cậu trước khi để cậu về. Thanh kẹo làm Harry nhớ tới Giles. Cậu thường băn khoăn không biết bạn mình bây giờ ra sao. Cả cậu lẫn Deakins đều không nghe thấy điều gì về Giles kể từ ngày ông Frobisher yêu cầu gặp Harry sau giờ tự học. Sau đó, trước khi rời cửa hàng để về nhà, cậu luôn dừng lại trước tủ kính bày hàng ngắm nghía một chiếc đồng hồ đeo tay mà cậu biết mình sẽ không bao giờ có đủ tiền mua. Thậm chí cậu còn chẳng bận tâm đến chuyện hỏi ông Deakins về giá tiền.

Có hai ngoại lệ thường xuyên xảy ra trong nhịp sống hàng tuần của Harry. Cậu luôn cố gắng dành buổi sáng thứ Bảy với Già Jack, mang theo tất cả các số báo *Times* của tuần trước đó, và vào các buổi tối Chủ nhật, sau khi Harry hoàn thành trách nhiệm của cậu tại nhà thờ St. Mary's, cậu lập tức hối hả băng qua thành phố để có mặt tại nhà thờ Holy Nativity kịp giờ lễ tối.

Một cô Monday gây yếu sẽ hân hoan đầy tự hào khi bà lắng nghe giọng kim solo. Bà chỉ mong có thể sống đủ lâu để được chứng kiến Harry nhập học ở Cambridge. Bà đã lên kế hoạch sẽ kể cho cậu về ban đồng ca tại King's College, nhưng chỉ khi nào Harry giành được một chỗ tại trường Bristol Grammar School.

* * *

“Thầy Frobisher sẽ cho cháu làm giám thị chứ?” Già Jack hỏi, trước khi Harry kịp ngồi xuống chiếc ghế quen thuộc của cậu ở phía đối diện của toa xe lửa.

“Cháu cũng không biết nữa,” Harry trả lời. “Ông biết đấy, thầy Frob luôn nói,” cậu nói tiếp, vừa nói vừa giật giật ve áo, “*Trò Clifton, trong cuộc đời trò sẽ nhận được những gì trò xứng đáng, không nhiều hơn và chắc chắn là không ít hơn.*”

Già Jack tặc lưỡi, và kịp ngăn mình không buột miệng thốt lên, “Một sự bất chước Frob không tồi chút nào.” Ông già tự hài lòng với cậu bé. “Vậy thì ta cược là cháu sẽ sớm trở thành một giám thị thôi.”

“Cháu thích giành được một học bổng vào trường Bristol Grammar School hơn,” Harry nói, đột nhiên trở nên già trước tuổi.

“Thế còn về các bạn cháu, Barrington và Deakins, thì sao?” Già Jack hỏi, giải tỏa không khí. “Liệu các cậu ấy cũng có triển vọng giành được một vị trí nào quan trọng không?”

“Người ta sẽ không bao giờ cho Deakins làm giám thị,” Harry nói. “Cậu ấy thậm chí còn chẳng lo lắng được cho bản thân nữa là, nói gì đến giám sát người khác. Dù thế nào đi nữa, cậu ấy hy vọng được làm chân giám sát thư viện, và vì chẳng có ai khác muốn công việc đó, ông Frobisher chắc chắn sẽ không phải mất ngủ nhiều với sự bổ nhiệm này.”

“Thế còn Barrington?”

“Cháu không chắc cậu ấy có trở lại vào kỳ sau hay không nữa,” Harry buồn phiền nói. “Mà cho dù có đi nữa, cháu tin chắc người ta sẽ chẳng cho cậu ấy làm giám thị đâu ạ.”

“Đừng đánh giá thấp bố cậu ta,” Già Jack nói. “Người đàn ông đó, chắc chắn là sẽ tìm ra cách để đảm bảo rằng con trai ông ta sẽ quay lại trường vào ngày đầu tiên của học kỳ mới. Và ta sẽ không bỏ tiền đặt cược cho khả năng cậu ta không được làm giám thị đâu.”

“Chúng ta hãy hy vọng là ông đúng,” Harry nói.

“Và nếu ta đúng, ta đoán cậu ta sau đó sẽ theo gót ông bố tới học ở Eton đúng không?”

“Không đâu, nếu cậu ấy có quyền quyết định. Giles chắc chắn sẽ thích tới Bristol Grammar School với Deakins và cháu hơn.”

“Nếu cậu ta không tới Eton, sẽ khó có khả năng họ dành cho cậu ta một chỗ ở trường Bristol Grammar School. Kỳ thi tuyển sinh của trường này là một trong những kỳ thi khó nhất nước.”

“Cậu ấy nói với cháu là cậu ấy đã có một kế hoạch.”

“Vậy thì tốt nhất đó nên là một kế hoạch hay ho, nếu cậu ta hy vọng có thể qua mặt được ông bố cũng như hội đồng tuyển sinh.”

Harry không bình luận gì.

“Mẹ cháu bây giờ thế nào rồi?” Già Jack hỏi, thay đổi chủ đề của cuộc trò chuyện, vì rõ ràng cậu bé không muốn nói gì thêm về chủ đề đó nữa.

“Mẹ cháu mới được đề bạt. Bây giờ mẹ cháu phụ trách tất cả nhân viên phục vụ tại phòng trà Palm Court, và chịu sự quản lý trực tiếp của ông Frampton, giám đốc điều hành khách sạn.”

“Hẳn cháu rất tự hào về mẹ cháu,” Già Jack nói.

“Vâng, đúng thế ạ, và còn hơn thế nữa, cháu sẽ chứng minh điều đó.”

“Cháu đang có ý tưởng gì vậy?”

Harry kể cho ông nghe bí mật của cậu. Ông lão chăm chú lắng nghe, và thỉnh thoảng lại gật gù tán thưởng. Ông có thể thấy có một khó khăn nhỏ, nhưng không phải là không thể khắc phục được.

* * *

Khi Harry quay về cửa hàng sau khi hoàn tất tua giao báo cuối cùng trước khi quay trở lại trường, ông Deakins đưa cho cậu một đồng shilling tiền thưởng. “Cháu là cậu bé giao báo cừ nhất mà chú từng có được,” ông nói.

“Cháu cảm ơn chú,” Harry nói, cho đồng tiền vào túi. “Chú Deakins ơi, cháu có thể hỏi chú một chuyện được không ạ?”

“Tất nhiên là được chứ, Harry.”

Harry bước tới tủ bày hàng, nơi hai chiếc đồng hồ đeo tay được bày cạnh nhau trên tầng ở giá trên cùng. “Cái đồng hồ kia có giá bao nhiêu ạ?” cậu hỏi, chỉ tay về phía chiếc đồng hồ hiệu Ingersoll.

Chú Deakins mỉm cười. Ông đã chờ đợi Harry hỏi câu hỏi này từ mấy tuần qua, và cũng đã chuẩn bị sẵn sàng câu trả lời. “Sáu shiling,” ông nói.

Harry không tin nổi. Cậu vẫn tin chắc một món đồ tuyệt đẹp như thế phải có giá hơn gấp đôi từng ấy. Nhưng bất chấp việc đã để dành ra nửa số tiền kiếm được mỗi tuần, ngay cả khi tính thêm khoản tiền thưởng của chú Deakins, Harry vẫn còn thiếu mất một shiling.

“Cháu có để ý rằng đây là một cái đồng hồ nữ không, Harry?” chú Deakins hỏi.

“Có chứ, thưa chú,” Harry nói. “Cháu đang hy vọng có thể tặng nó cho mẹ cháu.”

“Vậy thì cháu có thể có nó với giá năm shiling.”

Harry không tin nổi vận may của cậu.

“Cháu cảm ơn chú,” cậu nói trong lúc đưa cho ông chủ cửa hàng bốn đồng một shiling, một đồng sáu penny, một đồng ba penny và ba đồng một penny, không còn một đồng lẻ nào trong túi.

Ông Deakins lấy chiếc đồng hồ đeo tay ra khỏi tủ bày hàng, tế nhị bóc đi mảnh giấy ghi giá mười sáu shiling rồi để nó vào trong một cái hộp lịch sự.

Harry hân hoan huyết sáo rời khỏi cửa hàng. Chú Deakins mỉm cười bỏ tờ giấy bạc mười shiling vào ngăn kéo quầy thu ngân, cảm thấy thật hạnh phúc vì ông đã hoàn thành phần của mình trong thỏa thuận.

Tiếng chuông vang lên.

“Đã tới giờ thay quần áo rồi,” người giám thị trực ban nói với các cậu học sinh mới trong phòng ngủ khu nội trú vào buổi tối đầu tiên của học kỳ. Tất cả trông đều thật nhỏ bé và lúng túng, Harry thàn nghĩ. Một vài cậu bé rõ ràng đang cố kìm nước mắt, trong khi những cậu học sinh mới khác đang nhìn quanh, không biết phải làm gì tiếp theo. Một cậu bé đang quay mặt nhìn vào tường, người run bần bật. Harry hồi hải bước tới bên cậu ta.

“Tên em là gì?” Harry nhẹ nhàng hỏi.

“Stevenson ạ.”

“À, anh là Clifton. Chào mừng em tới St. Bede.”

“Còn em là Tewkesbury,” một cậu bé đang đứng ở phía bên kia giường của Stevenson lên tiếng.

“Chào mừng em tới St. Bede, Tewkesbury.”

“Cảm ơn anh, Clifton. Thực ra bố và ông em đã từng học ở đây, trước khi họ tới Eton.”

“Anh không nghi ngờ gì chuyện đó,” Harry nói. “Và anh dám cược họ từng là đội trưởng của trường Eton thi đấu với Harrow tại Lord’s,” cậu nói thêm, và nhanh chóng hồi tiếc những lời vừa nói.

“Không, bố em là thành viên của đội đua thuyền,” Tewkesbury nói không chút e dè, “Không phải của đội cricket.”

“Một thành viên đội đua thuyền ư?” Harry hỏi.

“Bố em là đội trưởng của trường Oxford trong cuộc đua thuyền với trường Cambridge.”

Stevenson òa khóc.

“Có chuyện gì vậy?” Harry hỏi, ngồi xuống cạnh cậu bé.

“Bố em là công nhân lái tàu điện.”

Tất cả các học sinh khác cùng ngừng dở đồ và chăm chú nhìn vào Stevenson.

“Ồ thế à?” Harry nói. “Vậy thì anh sẽ cho em biết một bí mật nhé,” cậu nói thêm, đủ lớn để chắc chắn rằng tất cả các cậu bé trong phòng ngủ đều có thể nghe thấy lời mình nói. “Anh là con trai của một công nhân bến tàu. Anh sẽ không ngạc nhiên nếu biết được em là học sinh mới được nhận học bổng đồng ca.”

“Không ạ,” Stevenson nói, “em được học bổng toàn phần.”

“Nhiệt liệt chúc mừng,” Harry nói, bắt tay cậu bé. “Em đang tiếp nối một truyền thống lâu đời và cao quý.”

“Cảm ơn anh. Nhưng em có một rắc rối này,” cậu bé thì thầm.

“Là gì vậy, Stevenson?”

“Em không có kem đánh răng.”

“Đừng lo chuyện đó, anh bạn,” Tewkesbury nói, “mẹ tớ luôn chuẩn bị thêm để dự phòng.”

Harry mỉm cười và chuông lại reo. “Tất cả lên giường nào,” cậu nghiêm khắc vừa nói vừa bước dọc qua phòng ngủ ra cửa.

Cậu nghe thấy một giọng nói thì thầm, “Cảm ơn cậu vì cái tuýp kem đánh răng.”

“Đừng bận tâm về chuyện đó, anh bạn.”

“Bây giờ,” Harry nói sau khi tắt điện, “anh không muốn nghe thấy một lời nào nữa từ bất cứ ai trong các em cho tới khi chuông reo vào lúc sáu giờ ba mươi phút sáng mai.” Cậu nán lại một lát trước khi nghe thấy ai đó thì thầm. “Nào, anh nói thật đấy - không một lời nào nữa.” Harry mỉm cười trong lúc cậu bước xuống cầu thang để nhập hội cùng Deakins và Barrington trong phòng học của học sinh lớp trên.

Có hai điều làm Harry ngạc nhiên khi cậu quay lại St. Bede vào ngày đầu học kỳ. Vừa bước qua cổng trường, Harry đã được thầy

Frobisher kéo sang một bên.

“Chúc mừng trò, Clifton,” ông dịu giọng nói. “Việc này phải tới buổi tập trung sáng mai mới được công bố, nhưng trò sẽ là phụ trách mới của khóa.”

“Đáng ra phải là Giles mới đúng,” Harry nói luôn không nghĩ ngợi gì.

“Barrington sẽ là phụ trách các đội thể thao, và...”

Harry đã nhảy căng lên ngay khi cậu được biết bạn mình sẽ quay lại St. Bede. Già Jack đã đúng khi ông lão nói ông Hugo sẽ tìm ra cách nào đó để đảm bảo con trai ông ta được trở lại trường vào ngày đầu tiên của học kỳ mới.

Khi Giles bước vào tiền sảnh một lát sau đó, hai cậu bé đã bắt tay nhau, và Harry không bao giờ đã động tới chủ đề hằn đang nằm trong tâm trí của cả hai, dù chỉ một lần.

“Mấy cậu học sinh mới thế nào?” Giles hỏi khi Harry bước vào phòng học.

“Một đứa trong số họ làm tớ nhớ đến cậu,” Harry nói.

“Hẳn là Tewkesbury rồi.”

“Cậu biết nhóc đó à?”

“Không, nhưng bố tớ học ở Eton cùng thời gian với bố cậu ta.”

“Tớ nói với cậu ta tớ là con trai một công nhân bến tàu,” Harry vừa nói vừa thả mình ngồi xuống chiếc ghế êm ái duy nhất trong phòng.

“Thế cơ á?” Giles nói. “Và thằng nhóc có nói với cậu rằng cậu ta là con trai một bộ trưởng trong nội các không?”

Harry không nói gì.

“Còn ai khác mà tớ cần để ý đến không?” Giles hỏi.

“Stevenson,” Harry nói. “Cậu ta là một sự kết hợp giữa tớ và Deakins.”

“Vậy thì tốt hơn hết là chúng ta khóa cửa thoát hiểm phòng hỏa hoạn lại trước khi cậu ta định bỏ trốn qua đó.”

Harry vẫn thường nghĩ bây giờ cậu sẽ ra sao nếu Già Jack không thuyết phục cậu quay trở lại St. Bede buổi tối hôm đó.

“Tiết học đầu tiên của bọn mình ngày mai là môn gì?” Harry hỏi, nhìn lướt qua thời khóa biểu.

“Tiếng Latinh,” Deakins nói. “Và đó là lý do vì sao tớ đang dẫn dắt Giles qua Cuộc chiến tranh Punic thứ nhất.”

“264 tới 241 trước Công nguyên,” Giles nói.

“Tớ cược là cậu rất thích chủ đề này,” Harry nói.

“Phải, đúng thế,” Giles nói, “Và tớ rất nóng lòng được biết phần sau, Cuộc chiến tranh Punic thứ hai.”

“218 đến 201 trước Công nguyên,” Harry nói.

“Mình luôn thấy kinh ngạc về chuyện dường như người Hy Lạp và người La Mã biết chính xác Chúa sẽ được sinh ra khi nào,” Giles nói.

“Ho, ho, ho,” Harry thốt lên.

Deakins không cười nhưng nói, “Và cuối cùng, chúng ta sẽ phải xem xét tới Cuộc chiến tranh Punic thứ ba, 149 đến 146 trước Công nguyên.”

“Bọn mình có nhất thiết phải biết về cả ba cuộc chiến không?” Giles hỏi.

* * *

Nhà thờ St. Mary Redcliff đông kín người tới dự lễ cầu kinh dịp Giáng sinh gồm tám bài giảng kinh và tám bài thánh ca. Ban đồng ca tiến vào qua vòm cuốn chính giữa giáo đường, vừa chậm rãi bước đi theo lối đi chính vừa hát *Hỡi những người trung tín hãy tới đây*, sau đó ngồi vào chỗ của họ tại các hàng ghế dành cho ban đồng ca.

Thầy hiệu trưởng đọc bài giảng kinh đầu tiên. Tiếp theo sau là bài đồng ca *Ôi thành phố nhỏ Bethlehem*. Tờ chương trình của buổi lễ cho biết người hát solo đoạn thứ ba sẽ là Harry Clifton.

Im lặng làm sao, im lặng làm sao, món quà huyền diệu đã được trao, trong khi Chúa... Mẹ Harry ngồi đầy tự hào ở hàng ghế thứ ba, trong khi bà lão ngồi cạnh cô muốn nói cho tất cả mọi người dự lễ biết là họ đang lắng nghe cháu ngoại bà. Người đàn ông ngồi cạnh

Maisie ở phía đối diện không thể nghe thấy một từ nào, nhưng người khác chẳng thể nào biết được điều đó khi nhìn vào nụ cười đầy mãn nguyện trên khuôn mặt ông. Bác Stan không có mặt.

Đội trưởng các đội thể thao của trường đọc bài giảng kinh thứ hai, và khi Giles quay về chỗ của cậu ta, Harry nhận thấy bạn mình đang ngồi cạnh một người đàn ông với vẻ bề ngoài cao quý và mái tóc bạc trắng, người mà cậu đoán hẳn là Sir Walter Barrington. Giles từng có lần kể cho cậu nghe rằng ông nội cậu sống trong một tòa nhà thậm chí còn lớn hơn nơi gia đình cậu sống, song Harry đã không tin có thể có chuyện đó. Phía bên kia Giles là bố mẹ cậu. Bà Barrington mỉm cười nhìn về phía Harry, song ông Barrington thì không nhìn cậu dù chỉ một lần.

Khi tiếng đàn organ vang lên những nốt nhạc dạo của bài *Chúng ta, Ba Vua*, cả thánh đường cùng đứng lên hát thật hùng tráng. Bài giảng kinh tiếp theo do thầy Frobisher đọc, sau đó đến lượt phần được cô Monday báo trước sẽ là tâm điểm của buổi lễ. Cả nghìn người dự lễ im lặng không nhúc nhích trong khi Harry hát bài *Điểm Im Lặng* với giọng ca trong trẻo tràn đầy tự tin khiến cả thầy hiệu trưởng cũng phải mỉm cười.

Người phụ trách giám sát thư viện đọc bài giảng kinh tiếp theo. Harry đã huấn luyện cho cậu bạn đọc qua các lời của Thánh Mark vài lần. Deakins đã cố tìm cách thoái thác khỏi nhiệm vụ, như cậu đã nói với Giles, nhưng thầy Frobisher vẫn kiên quyết; bài giảng kinh thứ tư luôn do người phụ trách giám sát thư viện đọc. Deakins không phải là Giles, nhưng cậu cũng không đến nỗi nào. Harry nháy mắt với bạn mình khi cậu quay trở về chỗ ngồi cạnh bố mẹ.

Sau đó ban đồng ca đứng lên hát *In Dulci Jubilo* trong khi những người dự lễ vẫn ngồi. Harry coi bài thánh ca này là một trong những bài có độ thử thách cao nhất trong chương trình của ban đồng ca vì giai điệu độc đáo của nó.

Thầy Holcombe nhắm mắt lại để ông có thể nghe cậu học sinh lớp trên được học bổng đồng ca hát rõ hơn. Khi Harry đang hát bài *Giờ hãy để mọi trái tim cùng cất lên lời ca* thì ông nghĩ mình nghe thấy một tiếng vỡ rất nhỏ, gần như không thể nhận ra, trong giọng hát của cậu. Ông đoán Harry bị cảm lạnh. Còn cô Monday thì hiểu ngay vấn đề. Cô đã nghe thấy những dấu hiệu đầu tiên này nhiều lần

trước đây rồi. Cô thầm cầu nguyện rằng mình đã làm, nhưng cô biết rõ lời cầu nguyện của mình sẽ không được đáp ứng. Harry sẽ trải qua phần còn lại của buổi lễ với chỉ vài người hiểu được chuyện gì vừa xảy ra, và thậm chí cậu còn có thể tiếp tục thêm vài tuần, thậm chí là vài tháng, nhưng đến lễ Phục sinh chắc chắn sẽ là một cậu bé khác sẽ hát bài *Hãy vui lên Chúa đã hồi sinh*.

Một ông lão xuất hiện chỉ ít lâu sau khi buổi lễ bắt đầu, là một trong số ít những người không có chút nghi ngờ nào về việc đã xảy ra. Già Jack rời nhà thờ ngay trước khi cha giám mục nói lời ban phước cuối cùng. Ông biết Harry sẽ không thể tới gặp mình cho tới tận thứ Bảy tiếp theo, như thế ông sẽ có đủ thời gian để tìm ra đáp án cho câu hỏi không thể tránh khỏi.

* * *

“Tôi có thể trao đổi riêng với trò một chút được không, Clifton?” thầy Frobisher nói khi chuông báo hết giờ tự học vang lên. “Có lẽ trò nên tới phòng làm việc của tôi.” Harry không bao giờ quên được lần gần đây nhất cậu nghe thấy những lời này.

Khi Harry đóng cửa phòng lại, thầy phụ trách nhà ký túc của cậu ra hiệu cho cậu ngồi xuống một chiếc ghế bên cạnh lò sưởi, điều ông chưa bao giờ làm trước đây. “Tôi chỉ muốn đảm bảo với trò, Harry,” - lại thêm một cách xưng hô lần đầu tiên được sử dụng - “rằng việc trò không thể hát trong ban đồng ca nữa sẽ không ảnh hưởng tới học bổng của trò. Ở trường St. Bede, tất cả chúng ta đều biết những đóng góp của trò cho nhà trường vượt xa khuôn khổ của nhà nguyện.”

“Em cảm ơn thầy,” Harry nói.

“Tuy nhiên, bây giờ chúng ta cần cân nhắc tới tương lai của trò. Thầy dạy nhạc cho tôi biết sẽ phải mất thêm một thời gian nữa trước khi giọng của trò phục hồi hoàn toàn, và tôi e rằng điều đó có nghĩa là chúng ta cần phải thực tế với triển vọng trò được đề nghị một suất học bổng đồng ca tại Bristol Grammar School.”

“Sẽ không có cơ hội nào hết,” Harry bình thản nói.

“Thầy buộc phải đồng ý với trò,” thầy Frobisher nói. “Tôi thấy mừng là trò nhận thức được tình hình. Nhưng,” ông nói tiếp, “tôi sẽ rất vui được điền tên trò vào danh sách đề nghị xin học bổng toàn phần của Bristol Grammar School. Tuy nhiên,” ông nói thêm trước khi Harry có thời gian để trả lời, “trong hoàn cảnh hiện tại, trò có thể cân nhắc tới thực tế là trò sẽ có nhiều cơ hội giành học bổng tại, chẳng hạn, trường Colston, hay King’s College Gloucester hơn, cả hai trường này đều có kỳ thi đầu vào ít ngặt nghèo hơn nhiều.”

“Dạ không ạ, em cảm ơn thầy,” Harry nói. “Lựa chọn đầu tiên của em vẫn sẽ là Bristol Grammar School.” Cậu cũng vừa trả lời tương tự với Già Jack với vẻ kiên quyết như thế vào thứ Bảy vừa rồi, khi ông lão đã lẩm bầm gì đó với cậu về việc đừng chặn mất đường lui của mình.

“Vậy cứ thế đi,” thầy Frobisher nói, ông vốn không chờ đợi một câu trả lời nào khác, nhưng vẫn cảm thấy mình cần có trách nhiệm đề xuất một lựa chọn thay thế. “Giờ thì chúng ta hãy biến bất lợi này thành lợi thế của chúng ta.”

“Theo thầy em nên làm thế nào?”

“À, vì bây giờ trò đã được giải phóng khỏi việc luyện tập hát đồng ca, trò sẽ có nhiều thời gian hơn để chuẩn bị cho kỳ thi đầu vào.”

“Vâng, thưa thầy, nhưng em vẫn còn trách nhiệm của...”

“Và tôi sẽ làm mọi thứ trong thẩm quyền của mình để đảm bảo trách nhiệm phụ trách khóa của em sẽ bớt nặng nề hơn trong tương lai.”

“Em cảm ơn thầy.”

“Nhân đây, Harry này,” Thầy Frobisher nói trong khi thầy đứng dậy khỏi ghế, “thầy vừa đọc qua bài luận của trò về Jane Austen, và thầy thấy rất kinh ngạc với đề xuất của trò rằng nếu bà Austen có cơ hội vào học đại học, có lẽ bà ấy sẽ không bao giờ viết một cuốn tiểu thuyết nào, và thậm chí dù có viết đi nữa, các tác phẩm của bà hẳn cũng không được sắc sảo như thế.”

“Đôi khi bất lợi lại chính là một lợi thế,” Harry nói.

“Nghe không giống Jane Austen cho lắm,” Thầy Frobisher nói.

“Không đâu ạ,” Harry trả lời. “Nhưng đó là những lý do một người khác cũng chưa từng đi học đại học nói ra,” cậu nói tiếp mà không

giải thích thêm.

* * *

Maisie liếc mắt nhìn xuống chiếc đồng hồ đeo tay mới của cô và mỉm cười. “Mẹ phải về bây giờ rồi, Harry, không thì mẹ sẽ muộn giờ làm mất.”

“Tất nhiên rồi, mẹ,” Harry nói, đứng dậy rời khỏi bàn. “Con sẽ tiễn mẹ ra bến tàu điện.”

“Harry, con đã nghĩ xem con sẽ làm gì nếu không giành được học bổng đó chưa?” mẹ cậu hỏi, cuối cùng thì cô cũng thốt ra thành lời câu hỏi cô đã lẩn tránh suốt nhiều tuần qua.

“Con vẫn luôn nghĩ về điều đó,” Harry nói trong lúc cậu mở cửa cho mẹ. “Nhưng trong chuyện này con sẽ không có nhiều lựa chọn. Con sẽ phải quay về Merrywood, và đến năm mười bốn tuổi, con sẽ rời trường đi tìm việc làm.”

“Cháu đã cảm thấy sẵn sàng để đối diện với kỳ thi chưa, chàng trai?” Già Jack hỏi.

“Chưa bao giờ cháu cảm thấy sẵn sàng như lúc này,” Harry đáp. “Hơn nữa, cháu đã làm theo lời khuyên của ông và kiểm tra lại tất cả các đề thi trong vòng mười năm vừa qua. Ông nói đúng, quả là có một xu hướng rõ ràng, với một số câu hỏi lặp lại sau một chu kỳ nhất định.”

“Tốt. Thế môn tiếng Latinh của cháu thế nào rồi? Chúng ta không được phép trượt môn này, cho dù cháu làm các môn khác tốt đến thế nào đi nữa.”

Harry mỉm cười khi Già Jack nói “chúng ta.”

“Nhờ có Deakins, cháu đã đạt được mức 69% trong bài kiểm tra thử vào tuần trước, cho dù đúng là cháu đã trả lời là Hannibal vượt qua dãy Andes.”

“Chỉ lệch mất có sáu nghìn dặm thôi,” Già Jack tặc lưỡi. “Vậy theo cháu khó khăn lớn nhất của cháu sẽ là gì?”

“Là bốn mươi học sinh của St. Bede cũng sẽ tham dự kỳ thi, đó là chưa kể tới hai trăm năm mươi học sinh từ các trường khác.”

“Quên bọn họ đi,” Già Jack nói. “Nếu cháu làm tốt theo đúng khả năng của cháu, bọn họ sẽ không phải là vấn đề.”

Harry vẫn im lặng.

“À, thế giọng nói của cháu ra sao rồi?” Già Jack hỏi, ông luôn chuyển chủ đề mỗi khi Harry im lặng.

“Cũng chẳng có gì mới để nói,” Harry trả lời. “Sẽ phải mất nhiều tuần nữa trước khi cháu biết liệu mình sẽ là một giọng nam cao, nam trung hay nam trầm, và thậm chí ngay cả khi đó cũng sẽ không có gì đảm bảo giọng của cháu còn tốt. Một điều đã chắc chắn, Bristol Grammar School sẽ không dành cho cháu học bổng đồng ca khi cháu đang giống như một con ngựa què thế này.”

“Bỏ qua chuyện đó đi,” Già Jack nói. “Đâu có tệ đến mức ấy.”

“Nó còn tệ hơn thế,” Harry nói. “Nếu cháu là một con ngựa, họ đã bắn cháu và giải thoát cháu khỏi cảnh khốn khổ này rồi.”

Già Jack bật cười. “Vậy khi nào kỳ thi sẽ diễn ra?” ông lão hỏi, mặc dù đã biết rõ câu trả lời.

“Thứ Năm tuần sau nữa ạ. Bọn cháu sẽ bắt đầu với kiến thức chung vào lúc chín giờ, và sẽ có thêm năm bài thi nữa trong cùng ngày, kết thúc là môn Anh văn vào bốn giờ.”

“Thật tốt, như thế cháu sẽ kết thúc với môn học ưa thích của cháu,” Già Jack nói.

“Hy vọng là vậy,” Harry nói. “Nhưng hãy cầu nguyện để có một câu hỏi về Dickens, vì đã không có câu nào về ông trong suốt ba năm qua, và đó chính là lý do vì sao cháu đọc sách của ông ấy tới tận sau khi tắt đèn.”

“Wellington từng viết trong hồi ký của ông,” Già Jack nói, “rằng khoảnh khắc tệ hại nhất trong bất cứ chiến dịch nào là chờ đợi mặt trời mọc vào buổi sáng diễn ra trận đánh.”

“Cháu hoàn toàn đồng ý với Công tước sắt, như thế có nghĩa là cháu sẽ không ngủ được nhiều trong hai tuần tới.”

“Càng thêm lý do để không tới gặp ta vào thứ Bảy tới, Harry ạ. Cháu cần sử dụng tốt hơn thời gian của cháu. Dù thế nào đi nữa, nếu ta nhớ không sai, thì hôm đó chính là sinh nhật của cháu.”

“Làm thế nào mà ông biết được ạ?”

“Ta phải thú nhận ta không đọc được nó trên trang xã hội của *The Times*. Nhưng vì nó diễn ra vào cùng ngày này năm ngoái, ta đã đánh liều và mua cho cháu một món quà nhỏ.” Ông lão cầm lên một cái hộp được gói trong một tờ báo cũ của tuần trước, và trao nó cho Harry.

“Cháu cảm ơn ông.” Harry vừa nói vừa tháo dây buộc. Cậu lột tờ báo bọc ngoài, mở chiếc hộp nhỏ màu xanh sẫm ra và nhìn chăm chăm ngõ ngàng không tin nổi khi thấy chiếc đồng hồ nam hiệu Ingersoll mà cậu từng ngắm nghía trong tủ bày hàng tại cửa hàng của chú Deakins.

“Cháu cảm ơn ông,” Harry lặp lại trong lúc cậu đeo chiếc đồng hồ lên cổ tay. Harry không thể rời mắt khỏi nó một hồi lâu, và băn khoăn tự hỏi bằng cách nào Già Jack có thể có được sáu shiling.

* * *

Harry đã thức dậy từ lâu trước khi mặt trời mọc vào buổi sáng diễn ra kỳ thi. Cậu bỏ qua bữa sáng để lướt qua một số đề thi cũ môn kiến thức chung, đối chiếu tên thủ đô với tên quốc gia các nước từ Đức tới Brazil, ngày tháng tại nhiệm của các thủ tướng từ Walpole tới Lloyd George, và các vị vua từ Vua Alfred tới George Đệ Ngũ. Một tiếng sau, cậu cảm thấy đã sẵn sàng đối diện với kỳ thi.

Thêm một lần nữa, cậu lại ngồi trên hàng ghế đầu, giữa Barrington và Deakins. Liệu đây có phải là lần cuối cùng không, Harry tự hỏi. Khi đồng hồ trên tháp đổ chuông mười giờ, các thầy giám thị bước xuống theo các dãy bàn phát đề thi môn kiến thức chung cho bốn mươi cậu bé đang bồn chồn lo lắng. À không, là ba mươi chín cậu bé đang bồn chồn lo lắng và Deakins.

Harry thông thả đọc qua các câu hỏi. Khi tới câu số 100, cậu cho phép một nụ cười được xuất hiện thoáng qua trên khuôn mặt mình. Harry cầm bút, chấm ngòi bút vào lọ mực và bắt đầu viết. Bốn mươi phút sau, cậu đã quay lại câu hỏi số 100. Cậu liếc mắt nhìn đồng hồ; cậu vẫn còn mười phút nữa để soát lại các câu trả lời của mình. Harry ngừng lại một thoáng ở câu hỏi số 34 và cân nhắc lại câu trả lời ban đầu của mình. Liệu Oliver Cromwell hay Thomas Cromwell là người đã bị tổng giam vào Tháp London vì tội phản nghịch? Cậu nhớ lại số phận của Hồng y giáo chủ Wolsey, và lựa chọn người đã thay thế vị trí tể tướng của ông ta.

Khi đồng hồ lại bắt đầu đổ chuông, Harry đã soát tới câu hỏi 92. Cậu nhanh chóng lướt qua tám câu trả lời cuối cùng của mình trước

khi bài làm của cậu bị thu lại, mực vẫn còn đang chưa kịp khô trên câu trả lời cuối cùng, Charles Lindberg.

Trong thời gian hai mươi phút giải lao, Harry, Giles và Deakins chậm rãi đi quanh sân cricket, nơi Giles vừa thực hiện một cú ghi bàn một trăm điểm chỉ mới một tuần trước đó.

“*Amo, amas, amat,*” Deakins nói trong lúc cậu cẩn thận hướng dẫn hai người bạn qua các bài chia động từ mà không một lần phải nhìn qua cuốn *Tiếng Latinh sơ cấp* của Kennedy.

“*Amamus, amatis, amant,*” Harry lặp lại trong lúc ba người bọn họ quay trở lại phòng thi.

Khi Harry nộp bài thi tiếng Latinh một giờ sau đó, cậu cảm thấy tự tin mình đã đạt được cao hơn mức 60% được yêu cầu, và thậm chí cả Giles cũng có vẻ hài lòng với bản thân cậu ta. Trong lúc ba người bọn họ đi tới nhà ăn, Harry khoác một cánh tay lên vai Deakins và nói, “Cảm ơn, ông bạn.”

Sau khi Harry đọc qua đề môn địa lý ở bài thi cuối cùng của buổi sáng hôm đó, cậu thầm cảm ơn vũ khí bí mật của mình. Già Jack đã truyền lại cho cậu biết bao kiến thức trong những năm qua mà không bao giờ khiến cậu có cảm giác đang ở trong lớp học.

Harry không hề đụng đến dao hay nĩa trong suốt bữa trưa. Giles cố ăn hết nửa cái bánh nhân thịt lợn, trong khi Deakins không ngừng ăn.

Lịch sử là môn thi đầu tiên buổi chiều, và không làm Harry phải lo lắng chút nào. Henry VIII, Elizabeth, Raleigh, Drake, Napoleon, Nelson và Wellington đều xuất trận, và Harry đẩy lùi được mọi đòn tấn công của tất cả bọn họ.

Bài thi môn toán dễ hơn nhiều so với trông đợi, và thậm chí Giles còn nghĩ có lẽ cậu ta đã ghi thêm được cú ăn một trăm điểm nữa.

Trong thời gian nghỉ giữa giờ cuối cùng, Harry quay về phòng học của cậu và đọc qua một bài luận cậu đã viết về *David Copperfield*, tự tin rằng cậu sẽ đạt kết quả xuất sắc trong môn học ưa thích của mình. Harry thông thả quay lại phòng thi, nhắm đi nhắm lại hai từ ưa thích của thầy Holcombe. Tập trung.

Cậu nhìn chăm chú xuống đề thi cuối cùng của ngày hôm đó, để rồi nhận ra rằng năm nay thuộc về Thomas Hardy và Lewis Carroll.

Cậu đã đọc *Ngài thị trưởng của Casterbridge* và *Cuộc phiêu lưu của Alice tới Xứ sở thần tiên*, nhưng Mad Hatter, Michael Henchard và Con Mèo Cheshire với cậu không được quen thuộc bằng Pegotty, bác sĩ Chillip và Barkis. Ngòi bút của cậu chậm chạp lướt trên trang giấy, và khi đồng hồ điểm chuông báo một giờ trôi qua, Harry không chắc cậu đã làm đủ yêu cầu. Cậu rời khỏi phòng thi, bước ra ngoài ánh nắng chiều, cảm thấy hơi có chút thất vọng, cho dù có thể thấy rõ trên khuôn mặt các đối thủ của cậu là không ai nghĩ đó là một bài thi dễ dàng. Điều đó khiến Harry tự hỏi liệu có phải cậu vẫn còn một cơ hội.

* * *

Tiếp theo là quãng thời gian thầy Holcombe vẫn thường mô tả là phần tệ hại nhất của bất cứ kỳ thi nào, những ngày chờ đợi dài đằng đẳng trước khi kết quả được chính thức thông báo trên bảng tin của trường; đó là quãng thời gian các cậu bé thường dễ làm những việc mà chúng sẽ phải hối hận, cứ như thể họ muốn bị đuổi học tạm thời thay vì biết số phận của mình. Một cậu học sinh bị bắt quả tang uống rượu táo đằng sau nhà để xe đạp, một cậu khác hút một điếu thuốc lá hiệu Woodbine trong phòng vệ sinh, trong khi một anh chàng thứ ba lại bị trông thấy rời khỏi rạp chiếu bóng địa phương sau giờ tắt đèn đi ngủ.

Giles không đánh trượt bóng lần nào vào thứ Bảy sau đó, lần đầu tiên cậu ta đạt được thành tích này trong suốt mùa giải. Trong khi Deakins quay lại thư viện, Harry tha thẩn đi bộ từng thôi dài, không ngừng nhẩm đi nhẩm lại từng câu trả lời của cậu. Nó cũng chẳng cải thiện tình hình được chút nào.

Vào chiều Chủ nhật, Giles lại lập kỷ lục ghi điểm; đến thứ Hai, Deakins miễn cưỡng bàn giao trách nhiệm lại cho người giám sát thư viện mới, và đến thứ Ba Harry ngồi đọc *Xa đám đông điên loạn* và bật rửa lớn tiếng. Đến tối thứ Tư, Giles và Harry trò chuyện đến tận khuya, trong khi Deakins ngủ ngon lành.

* * *

Rất lâu trước khi đồng hồ trên tháp đổ chuông lúc mười giờ sáng ngày thứ Năm đó, bốn mươi cậu bé đã lượn lờ quanh sân, tay đút túi quần, đầu cúi gằm trong lúc chờ thầy hiệu trưởng xuất hiện. Cho dù tất cả các học sinh đều biết tiến sĩ Oakshott sẽ không xuất hiện sớm hay muộn dù chỉ một phút, đến mười giờ kém năm phần lớn mọi cặp mắt đều đã nhìn chăm chú qua sân, chờ đợi cửa ngôi nhà của thầy hiệu trưởng mở ra. Số còn lại ngược nhìn lên chiếc đồng hồ treo ở đại sảnh, thăm mong chiếc kim phút chạy nhanh thêm chút nữa.

Trong lúc tiếng chuông đầu tiên ngân vang, mục sư Samuel Oakshott mở cánh cửa trước nhà của ông và bước xuống lối đi. Một tay ông đang cầm tờ giấy, tay kia cầm theo bốn cái đinh thiếc ngắn. Ông không phải là người bỏ sót bất kỳ chi tiết nào. Khi tới cuối lối đi, ông mở cánh cổng nhỏ và đi ngang qua sân theo nhịp chân bình thường, tặng lờ mọi thứ xung quanh. Đám học sinh nhanh chóng đứng dẹp sang bên, tạo thành lối đi để thầy hiệu trưởng không bị cản trở. Ông dừng lại trước bảng thông báo vừa lúc tiếng chuông thứ mười vang lên. Ông gắn kết quả thi lên bảng, rồi quay đi không nói một lời.

Bốn mươi cậu bé cùng ùa tới, tạo thành một đám đông xúm quanh bảng thông báo. Không ai ngạc nhiên khi thấy Deakins đứng đầu danh sách, với điểm số 92%, và giành được học bổng Pelouin của trường Bristol Grammar School. Giles nhảy cẫng lên không trung, không hề giấu diếm sự phấn khởi khi cậu ta nhìn thấy kết quả 64% cạnh tên mình.

Cả hai cậu bé cùng quay lại tìm kiếm bạn mình. Harry đang đứng một mình, tránh xa đám đông điên loạn.

MAISIE CLIFTON



1920 - 1936

Khi Arthur và tôi kết hôn, lễ cưới của chúng tôi khó có thể mô tả là xa hoa tốn kém, nhưng vậy đấy, cả gia đình Tancock lẫn gia đình Clifton đều chẳng có lấy một đồng xu dính túi. Món chi phí lớn nhất cuối cùng lại là tiền thuê ban đồng ca, mất nửa crown, và quả thực đáng giá đến từng xu. Tôi vẫn luôn muốn được là một thành viên trong ban đồng ca của cô Monday, và cho dù cô ấy có nói với tôi rằng giọng hát của tôi đủ tốt, tôi không thể cân nhắc tới chuyện đó vì trên thực tế tôi không hề biết đọc biết viết.

Lễ cưới, nếu bạn có thể gọi nó như thế, diễn ra tại ngôi nhà có sân trước của bố mẹ Arthur tại Still House Lane: một thùng bia, vài chiếc sandwich phết bơ lạc và một tá bánh nhân thịt lợn. Anh trai Stan của tôi còn tự mua cá và khoai tây chiên mang tới. Và đã thế chúng tôi còn phải rời nhà sớm để bắt kịp chuyến xe buýt cuối cùng tới Weston-super-Mare cho kỳ trăng mật của hai vợ chồng. Arthur đã đặt phòng cho chúng tôi tại một nhà nghỉ sát biển vào tối thứ Sáu, và vì trời mưa suốt cả dịp cuối tuần, chúng tôi hiếm khi rời khỏi phòng ngủ.

Cảm giác thật lạ lùng khi lần thứ hai tôi làm tình cũng tại Weston-super-Mare. Tôi thực sự sốc khi lần đầu tiên thấy Arthur trần truồng. Một vết sẹo sâu đỏ lựng, sần sùi chạy ngang qua bụng anh. Quỷ tha ma bắt bọn Đức đi. Chồng tôi chưa bao giờ nói anh bị thương trong chiến tranh.

Tôi không ngạc nhiên khi Arthur đã “dựng lên” ngay khi tôi vừa cởi quần lót ra, nhưng tôi phải thú thực rằng tôi đã trông đợi anh cởi ửng ra trước khi chúng tôi làm tình.

Chúng tôi trả phòng vào chiều Chủ nhật và bắt chuyến xe buýt cuối cùng quay về Bristol vì Arthur phải có mặt ở cầu tàu vào lúc sáu giờ sáng thứ Hai.

Sau đám cưới, Arthur chuyển đến nhà tôi ở - chỉ cho tới khi chúng tôi có thể thu xếp được một chỗ ở riêng, anh nói với bố tôi, và điều này thường có nghĩa là cho tới khi một trong bố mẹ hai bên qua đời. Dù thế nào đi nữa, cả hai gia đình chúng tôi đều đã sống ở Still House Lane lâu đến nỗi chẳng còn ai nhớ là từ bao giờ.

Arthur đã rất phấn khởi khi tôi nói cho anh biết là mình có thai, vì chồng tôi muốn có ít nhất sáu đứa con. Điều tôi lo lắng là liệu đứa trẻ đầu tiên có phải là con anh không, nhưng vì chỉ có mẹ và tôi biết sự thật, chẳng có lý do gì để Arthur nghi ngờ cả.

Tám tháng sau, tôi sinh được một bé trai, và tạ ơn Chúa, không có bất cứ điều gì có thể cho rằng đứa nhỏ không phải là con của Arthur. Chúng tôi đặt tên thằng bé là Harold, điều làm bố tôi rất vui, vì như thế có nghĩa là tên của ông sẽ được lưu lại thêm một thế hệ nữa.

Từ đó trở đi, tôi cứ tin chắc rằng, cũng giống như mẹ và bà tôi, tôi cũng sẽ ở nhà và hai năm lại cho ra đời một đứa con. Nói gì thì nói, Arthur sinh ra trong một gia đình có tám người con, còn tôi là con thứ tư trong năm anh chị em. Nhưng hóa ra Harry lại là đứa con duy nhất của tôi.

* * *

Arthur thường đi thẳng về nhà sau giờ làm việc buổi tối để có được chút thời gian chơi với con trai trước khi tôi cho bé đi ngủ. Khi chồng tôi không về vào tối ngày thứ Sáu đó, tôi đoán là anh đã rẽ vào quán rượu cùng anh trai tôi. Nhưng khi Stan loạng choạng bước về nhà ngay sau nửa đêm, say bí tỉ và vung vẩy một nắm tiền năm bảng, tôi đã không thấy Arthur đâu cả. Kỳ thực, Stan đã đưa cho tôi một tờ năm bảng, điều đó khiến tôi tự hỏi liệu có phải anh tôi đã cướp ngân hàng hay không. Nhưng khi tôi hỏi anh trai mình Arthur đang ở đâu, thì anh tôi im tịt.

Tối hôm đó tôi không hề lên giường, chỉ ngồi trên bậc thềm cuối cùng của cầu thang chờ đợi chồng quay về nhà. Arthur chưa bao giờ đi đâu qua đêm kể từ ngày chúng tôi cưới nhau.

Cho dù Stan đã tỉnh rượu khi anh bước xuống bếp buổi sáng hôm sau, anh trai tôi không hề rằng nói một lời nào suốt bữa sáng. Khi tôi gắng hỏi anh xem Arthur ở đâu, anh tôi nói anh ta không nhìn thấy chồng tôi kể từ khi hai người tan ca buổi tối hôm trước. Chẳng khó để khẳng định Stan đang nói dối, vì anh không dám nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi đang định hỏi dồn tiếp thì nghe thấy tiếng đám thình thình ngoài cửa trước. Thoạt đầu tôi nghĩ đấy hẳn là Arthur, vậy nên tôi vội chạy ra mở cửa.

Khi tôi mở cửa, hai viên cảnh sát xông thẳng vào nhà, chạy xuống bếp, tóm lấy Stan, còng tay anh trai tôi và báo cho anh biết anh bị bắt vì tội ăn cắp. Giờ thì tôi đã biết những tờ năm bảng là từ đâu mà có.

“Tôi không ăn cắp gì hết,” Stan phản đối. “Là ông Barrington đã cho tôi tiền.”

“Câu chuyện nghe hay lắm, Tancock,” viên cảnh sát thứ nhất nói.

“Nhưng có Chúa chứng giám, đó là sự thật, thưa ngài sĩ quan,” anh tôi cố nói trong khi bị lôi ra xe. Lần này thì tôi biết Stan không nói dối.

Tôi để Harry lại cho mẹ trông và chạy một mạch tới cầu tàu, hy vọng tìm thấy Arthur có mặt điểm danh ca sáng và nói cho tôi biết tại sao Stan lại bị bắt. Tôi cố không nghĩ tới khả năng có thể cả Arthur cũng đã bị bắt.

Người gác cổng nói với tôi rằng ông ta chưa thấy Arthur từ đầu giờ sáng. Nhưng sau khi kiểm tra lại bảng chấm công, ông ta có vẻ lúng túng, vì Arthur cũng đã không trình diện rời khỏi nơi làm việc buổi tối hôm trước. Tất cả những gì ông ta có thể nói là, “Đừng trách tôi. Tối qua tôi không phải là người trực.” Mãi đến sau này tôi mới bản khoăn là tại sao ông ta lại dùng đến từ “trách.”

Tôi đi vào khu cầu tàu và hỏi thăm vài người bạn của Arthur, nhưng tất cả họ đều lặp đi lặp lại. “Chưa thấy chồng chị từ lúc anh ấy ra về tối hôm qua.” Sau đó họ vội vàng bỏ đi. Tôi đang định tìm đến đồn cảnh sát xem liệu có phải cả Arthur cũng đã bị bắt hay không thì nhìn thấy một ông già đi ngang qua, đầu cúi gằm.

Tôi đuổi theo ông ta, cứ nghĩ rằng ông sẽ bảo tôi hãy cuốn xéo đi hay tuyên bố ông ta không biết tôi đang nói về chuyện gì. Nhưng khi tôi lại gần, ông già dừng lại, bỏ mũ ra và nói, “Xin chào bà.” Tôi thực sự ngạc nhiên trước thái độ tử tế của ông, và điều đó giúp tôi đủ can đảm để hỏi xem ông có trông thấy Arthur sáng hôm đó không.

“Không,” ông già đáp. “Lần cuối cùng tôi thấy chồng bà là chiều hôm qua, khi chồng bà làm ca muộn cùng anh trai bà. Có lẽ cô nên hỏi anh trai mình.”

“Tôi không thể,” tôi nói. “Anh tôi đã bị bắt và giải về đồn rồi.”

“Họ bắt anh trai bà vì tội gì?” Già Jack hỏi, tỏ vẻ ngỡ ngàng.

“Tôi không biết,” tôi trả lời.

Già Jack lắc đầu. “Tôi không thể giúp được gì cho bà, thưa bà Clifton,” ông già nói. “Nhưng có ít nhất hai người biết toàn bộ câu chuyện.” Ông già hát hàm về phía tòa nhà lớn xây bằng gạch đỏ mà Arthur luôn gọi là “ban quản lý.”

Tôi rùng mình khi nhìn thấy một người cảnh sát bước ra khỏi cửa chính tòa nhà, và khi tôi ngoái lại, Già Jack đã biến mất.

Tôi đã nghĩ đến chuyện đi vào tòa nhà “quản lý”, còn gọi là Barrington House, là tên gọi chính xác của nó, nhưng rồi lại quyết định thôi. Nói cho cùng, tôi biết nói gì nếu tôi đến đối diện với ông chủ của Arthur? Cuối cùng thì tôi uể oải đi bộ quay về nhà, cố suy nghĩ để hiểu những gì đã xảy ra.

* * *

Tôi quan sát Hugo Barrington khi ông ta làm chứng, vẫn vẻ tự tin đó, vẫn thái độ cao ngạo đó, vẫn thứ sự thật pha lẫn dối trá được trình bày một cách đầy thuyết phục trước bồi thẩm đoàn, giống hệt như khi ông ta thì thầm với tôi trong không gian riêng tư của một căn phòng ngủ. Khi ông ta bước xuống khỏi bục nhân chứng, tôi biết Stan sẽ không có cơ hội nào thoát khỏi bị kết án.

Trong bản luận tội của thẩm phán, ông ta mô tả anh trai tôi như một kẻ ăn cắp tầm thường, kẻ đã lợi dụng vị trí của anh ta để ăn cắp từ người chủ thuê anh ta làm công. Ông thẩm phán chốt lại với việc

nói rằng ông ta không có lựa chọn nào khác ngoài kết án anh trai tôi ba năm tù.

Tôi ngồi tham dự tất cả các ngày diễn ra phiên tòa, hy vọng tìm được manh mối nào đó cho phép tôi có được chút thông tin về những gì đã xảy ra với Arthur ngày hôm ấy. Nhưng cho tới khi ông thẩm phán tuyên bố, “Phiên tòa kết thúc,” tôi vẫn chẳng biết được gì hơn, cho dù tôi hoàn toàn tin chắc anh trai tôi vẫn chưa kể hết toàn bộ câu chuyện. Và phải mất thêm một thời gian nữa thì tôi mới biết được nguyên nhân tại sao.

Người duy nhất ngoài tôi tham dự tất cả các ngày diễn ra phiên tòa là Già Jack Tar, nhưng chúng tôi không nói gì với nhau. Kỳ thực, có lẽ tôi đã chẳng bao giờ gặp lại ông nếu không có Harry.

* * *

Phải mất một thời gian trước khi tôi có thể chấp nhận được sự thật là Arthur sẽ không bao giờ quay trở về nữa.

Stan mới chỉ bị bắt vài ngày thì tôi đã khám phá ra ý nghĩa thực sự của khái niệm “cháy túi.” Với một trong hai trụ cột kiếm bánh mì chính của gia đình bị tống vào tù, trong khi người kia thì chỉ Chúa mới biết đang ở đâu, chẳng mấy chốc chúng tôi nhận ra mình sắp chết đói theo đúng nghĩa đen. Thật may vẫn có một quy định bất thành văn hiện hữu ở Still House Lane: nếu có ai đó đang “đi nghỉ,” xóm giềng sẽ làm tất cả những gì họ có thể để hỗ trợ cho gia đình anh ta.

Mục sư Watts đều đặn ghé qua, và thậm chí còn trả lại một phần những đồng xu chúng tôi từng để lên đĩa quyên góp của ông từ năm này qua năm khác. Cô Monday thỉnh thoảng lại xuất hiện, chia sẻ không chỉ những lời khuyên hữu ích, luôn ra về với cái giỏ rỗng không. Nhưng không gì có thể bù đắp lại cho tôi việc mất đi một người chồng, một người anh trai vô tội bị nhốt trong tù và một đứa con trai thơ dại giờ đây không còn bố.

Harry mới vừa chập chững những bước đi đầu tiên, song tôi đã thấy sợ phải nghe thấy những lời đầu tiên con trai tôi nói. Thậm chí liệu thằng bé có thể nhớ nổi người từng ngồi ở đầu bàn, và rồi thắc

mắc tại sao bố nó không còn ngồi ở đó nữa? Chính bố tôi là người đã đưa ra một giải pháp về những gì chúng tôi cần nói nếu Harry bắt đầu đặt ra các câu hỏi. Tất cả chúng tôi đều thỏa thuận sẽ cùng bám lấy một câu chuyện duy nhất; nói cho cùng, sẽ khó có khả năng Harry gặp gỡ Già Jack.

Nhưng vào thời gian ấy, vấn đề cấp bách nhất với gia đình Tancock là làm cách nào để không chết đói, hay quan trọng hơn thế, làm thế nào để đối phó với người thu tiền nhà và chủ nợ. Sau khi tôi tiêu hết năm bảng của Stan, đem cầm cố chiếc ấm chuyên trà bằng bạc của mẹ tôi, chiếc nhẫn đính hôn của tôi, và cuối cùng là cả nhẫn cưới, tôi sợ rằng chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ bị đuổi ra ngoài đường.

Nhưng tai họa này đã được trì hoãn lại vài tuần nhờ một cú gõ cửa khác. Lần này không phải cảnh sát, mà là một người tự xưng là ông Spark, ông ta nói với tôi mình là đại diện công đoàn của Arthur, và ông ta tới để tìm hiểu xem tôi đã nhận được tiền bồi thường từ công ty chưa.

Sau khi dẫn ông Spark xuống bếp và rót cho ông ta một tách trà, tôi cho ông ta hay, “Không một xu. Họ nói chồng tôi vắng mặt không báo trước, vì thế họ không phải chịu trách nhiệm về hành động của chồng tôi. Và tôi vẫn chưa biết điều gì đã thực sự xảy ra ngày hôm đó.”

“Tôi cũng thế,” ông Spark nói. “Tất cả bọn họ đều cảm như hén, và không chỉ mình ban quản lý, mà cả các công nhân cũng thế. Tôi không thể moi được lời nào từ họ. ‘Còn hơn giá mạng sống của tôi’, một người trong bọn họ nói với tôi. Nhưng các khoản lệ phí của chồng bà đã được đóng đầy đủ,” ông ta nói thêm, “vì thế bà sẽ được công đoàn đền bù.”

Tôi chỉ biết đứng đó, không hiểu người đàn ông này định làm gì.

Ông Spark lấy từ trong cặp ra một tập tài liệu, đặt nó lên bàn bếp và giờ tới trang cuối cùng.

“Bà hãy ký vào đây,” ông ta nói và chỉ ngón trỏ vào một dòng kẻ nét đứt.

Sau khi tôi viết một dấu X vào chỗ ông ta chỉ, người đàn ông lấy từ trong túi ra một chiếc phong bì. “Tôi xin lỗi chỉ có ít như vậy,” ông ta nói trong khi đưa phong bì cho tôi.

Tôi không mở phong bì cho tới khi ông ta uống xong tách trà và ra về.

Bảy bảng, chín shilling và sáu penny hóa ra là giá trị họ dành cho mạng sống của Arthur. Tôi ngồi một mình bên bàn bếp, và tôi nghĩ đó chính là khoảnh khắc tôi biết tôi sẽ không bao giờ gặp lại chồng mình nữa.

Chiều hôm ấy, tôi quay lại hiệu cầm đồ và chuộc lại chiếc nhẫn cưới từ tay ông Cohen; đó là điều tối thiểu tôi có thể làm để tưởng nhớ Arthur. Sáng hôm sau, tôi thanh toán hết khoản tiền nhà còn nợ, cũng như các món mua chịu ở hàng thịt, hàng bánh mì và, phải, cửa hàng bán nển. Chỉ còn lại vừa đủ tiền để mua vài món quần áo cũ từ cuộc bán hạ giá từ thiện của nhà thờ, phần lớn là dành cho Harry.

Nhưng chưa đến một tháng sau, những dòng ghi nợ bằng phấn lại xuất hiện trên bảng bán chịu ở hàng thịt, hàng bánh mì và hàng bán nển, và không lâu sau đó tôi buộc phải quay lại hiệu cầm đồ và đưa chiếc nhẫn cưới của mình lại cho ông Cohen.

Khi người thu tiền nhà tới gõ cửa số nhà 27 và không hề được trả lời, tôi nghĩ không ai trong gia đình sẽ ngạc nhiên khi người gõ cửa tiếp theo sẽ là viên chưởng lý tới tịch thu nhà. Đó là lúc tôi quyết định đã tới lúc mình cần đi tìm việc làm.

Những nỗ lực tìm việc của Maisie hóa ra không hề dễ dàng, và càng khó khăn hơn khi gần đây chính phủ vừa ban hành một chỉ thị cho tất cả các nhà tuyển dụng lao động, khuyến khích họ nên tuyển dụng những người đàn ông đã phục vụ trong quân đội trước khi xem xét tới bất cứ ứng viên nào khác. Chỉ thị này nhằm để giữ lời hứa của Lloyd George rằng những người lính Anh sẽ trở về một đất nước xứng đáng với những người anh hùng.

Cho dù phụ nữ trên ba mươi tuổi đã được quyền bỏ phiếu trong kỳ bầu cử gần nhất sau sự phục vụ hữu hiệu của họ tại các nhà máy quân khí trong thời gian chiến tranh, họ vẫn bị đẩy xuống cuối hàng dài dằng dặc khi tìm kiếm công việc trong thời bình. Maisie quyết định rằng cơ hội tốt nhất mà cô có để tìm được việc làm là tìm những công việc mà đàn ông không thèm ngó ngang tới, hoặc vì họ coi chúng quá thấp kém, hoặc vì mức lương quá bèo bọt. Với suy nghĩ này, Maisie đứng xếp hàng bên ngoài W.D. & H.O. Wills, nhà tuyển dụng lao động lớn nhất thành phố. Khi đến lượt mình, cô hỏi người phụ trách, “Có đúng là các ông đang tuyển thợ đóng gói ở nhà máy thuốc lá không?”

“Đúng thế, nhưng cô còn quá trẻ, cô gái,” ông ta nói với cô.

“Tôi hai mươi hai tuổi rồi.”

“Cô quá trẻ,” ông ta lặp lại. “Hãy quay lại sau hai hay ba năm nữa.”

Maisie quay trở lại Still House Lane vừa kịp giờ để chia sẻ một bát súp gà và một lát bánh mì cũ mua từ tuần trước cùng với Harry và

mẹ cô.

Ngày hôm sau, cô gia nhập vào một hàng người thậm chí còn dài hơn bên ngoài Harvey's, công ty kinh doanh rượu vang. Ba tiếng sau, khi đến lượt cô, một người đàn ông mặc áo cổ trắng bóc và đeo một chiếc cà vạt đen mảnh nói với cô rằng họ chỉ nhận những người đã có kinh nghiệm.

"Vậy thì làm sao để tôi có kinh nghiệm được," Maisie hỏi, cố không tỏ ra quá tuyệt vọng.

"Bằng cách tham gia chương trình hướng nghiệp của chúng tôi."

"Vậy tôi xin tham gia," cô nói với người đàn ông đeo cổ còng.

"Cô bao nhiêu tuổi rồi?"

"Hai mươi hai."

"Cô quá nhiều tuổi rồi."

Maisie lặp lại từng chữ trong cuộc phỏng vấn thứ sáu mươi hai của cô với mẹ mình bên một bát súp loãng hơn mức ra từ cùng một nồi và chút bánh mì vụn từ cùng ổ bánh mì cũ.

"Con vẫn có thể thử ở chỗ bến tàu," mẹ cô gợi ý.

"Mẹ nghĩ gì vậy? Con có nên xin làm công nhân bốc vác không?"

Mẹ Maisie không cười, nhưng Maisie quả tình không còn nhớ lần cuối cùng bà cười là khi nào nữa. "Họ luôn có việc làm cho lao công lau dọn," bà nói. "Và Chúa biết là họ còn nợ con những gì."

Maisie đã thức dậy mặc quần áo chỉnh tề từ lâu trước khi mặt trời mọc sáng hôm sau, và vì không còn đủ đồ ăn cho bữa sáng của tất cả mọi người, cô đã ôm cái bụng đói mà đi bộ một quãng đường dài đến bến tàu.

Khi cô tới nơi, Maisie nói với người gác cổng là cô cần tìm một công việc lau dọn.

"Hãy tới gặp bà Nettles," ông ta nói, hất hàm về phía ngôi nhà lớn xây bằng gạch đỏ mà trước đây đã có lần cô suýt tí nữa là đặt chân vào. "Bà ấy phụ trách việc thuê và đuổi việc các lao công." Hiển nhiên ông ta không hề nhớ lần ghé thăm trước đây của cô.

Maisie bần chồn bước đi về phía tòa nhà, nhưng dừng lại khi cô còn cách cửa trước vài bước chân. Cô đứng đó, quan sát, trong khi

những người đàn ông ăn vận lịch sự đầu đội mũ, mặc áo khoác, tay cầm ô không ngừng ra vào qua khung cửa hai cánh.

Maisie đứng im như trời trồng, run rẩy trong bầu không khí lạnh lẽo buổi sáng trong lúc cố viện đủ can đảm để đi theo những người kia vào trong. Cô đang định quay về thì nhìn thấy một người phụ nữ lớn tuổi mặc bộ áo liền quần đi vào qua một cánh cửa khác ở bên hông ngôi nhà. Maisie đuổi theo bà ta.

“Cô muốn gì?” người phụ nữ hỏi đầy nghi ngờ khi Maisie bắt kịp bà ta.

“Tôi đang tìm việc làm.”

“Tốt,” người phụ nữ nói. “Chúng tôi cũng đang cần vài người trẻ. Hãy tới gặp bà Nettles,” bà ta nói thêm, chỉ tay về phía một cánh cửa hẹp hoàn toàn có thể bị nhầm là chỗ để chổi. Maisie đánh bạo đi tới đó gõ cửa.

“Vào đi,” một giọng nói mệ mại vang lên.

Maisie mở cửa và thấy một phụ nữ trạc tuổi mẹ cô đang ngồi trên cái ghế duy nhất trong phòng, xung quanh là xô, cây lau và vài bánh xà phòng to.

“Tôi được chỉ hãy đến gặp bà nếu muốn tìm việc.”

“Cô được chỉ dẫn đúng rồi đấy. Đó là nếu cô muốn làm việc suốt từng ấy giờ Chúa đã tạo ra, để đổi lấy mức lương khôn khổ.”

“Giờ làm thế nào, mức lương là bao nhiêu?” Maisie hỏi.

“Cô bắt đầu lúc ba giờ sáng, và cô phải rời khỏi các phòng làm việc trước bảy giờ, khi những người làm tại đó xuất hiện và trông đợi được thấy phòng làm việc của họ sạch sẽ tinh tươm. Hoặc cô có thể bắt đầu lúc bảy giờ tối và làm việc tới tận nửa đêm, tùy cô chọn xem thời gian nào phù hợp với cô hơn. Mức lương vẫn như thế dù cô có chọn ca nào, sáu penny một giờ.”

“Tôi sẽ làm cả hai ca,” Maisie nói.

“Tốt,” người phụ nữ nói, chọn lấy một cái xô và một cây lau. “Tôi sẽ đợi cô quay lại đây lúc bảy giờ tối nay, lúc đó tôi sẽ hướng dẫn cho cô cụ thể hơn. Tên tôi là Vera Nettles. Tên cô là gì?”

“Maisie Clifton.”

Bà Nettles buông cái xô xuống sàn và dựng cây lau trở lại dựa vào tường. Bà ta đi thẳng ra cửa, mở nó ra và nói. “Không có công

việc nào cho bà ở đây hết, bà Clifton.”

* * *

Trong tháng tiếp theo, Maisie cố xin việc tại một hiệu giày, nhưng người quản lý không cảm thấy ông ta có thể thuê một người với những lỗ thủng trên giày của cô ta; rồi đến một cửa hàng bán mũ và quần áo thời trang, tại đây cuộc phỏng vấn kết thúc ngay khi người ta phát hiện ra cô không biết cộng trừ; sau đó đến một cửa hàng bán hoa, nơi người chủ không chấp nhận tuyển bất cứ ai không có một khu vườn riêng. Miếng đất nhỏ của bố cô không được tính đến. Trong tuyệt vọng, cô đã xin làm nhân viên phục vụ quầy bar ở một quán rượu địa phương, nhưng người chủ quán nói, “Xin lỗi cô gái, nhưng ngực của cô không đủ to.”

Ngày thứ Bảy tiếp theo tại nhà thờ Holy Nativity, Maisie đã quỳ xuống cầu xin Chúa hãy giúp cô một tay.

Bàn tay đó cuối cùng lại là của cô Monday, người nói với Maisie là bà có một người bạn sở hữu một tiệm trà trên phố Broad và đang tìm người phục vụ.

“Nhưng tôi không có chút kinh nghiệm nào cả,” Maisie nói.

“Điều đó có khi lại là một lợi thế,” cô Monday nói. “Cô Tilly là một người rất chi li, và thích tự đào tạo nhân viên theo cách riêng của bà ấy.”

“Có thể bà ấy sẽ nghĩ tôi quá già, hoặc quá trẻ.”

“Cô không quá già cũng không quá trẻ,” cô Monday nói. “Và hãy yên tâm, tôi sẽ không giới thiệu cô nếu tôi không nghĩ rằng cô đáp ứng được yêu cầu. Nhưng tôi cần cảnh báo cô trước, Maisie, rằng cô Tilly là một người rất khắt khe với chuyện giờ giấc. Hãy có mặt ở tiệm trà trước tám giờ sáng mai. Nếu cô đến muộn, đó sẽ không chỉ là ấn tượng đầu tiên cô tạo nên, mà cũng là ấn tượng cuối cùng.”

Maisie đã đứng bên ngoài Tiệm Trà Tilly vào lúc sáu giờ sáng hôm sau, và không di chuyển trong suốt hai tiếng đồng hồ sau đó. Vào đúng tám giờ kém năm phút, một người phụ nữ trung niên tròn trịa, ăn mặc lịch sự, với mái tóc cuộn thành búi gọn gàng và một đôi kính

có tròng hình bán nguyệt đeo trĩ xuống sát chóp mũi xuất hiện, xoay mặt “đóng cửa” của tấm biển báo treo trên cửa sang thành “mở cửa” để cho phép một Maisie đang sắp chết cứng bước vào trong tiệm.

“Cô đã có được việc làm rồi, cô Clifton,” là những lời đầu tiên của bà chủ mới dành cho cô.

* * *

Harry được để cho bà ngoại trông mỗi khi Maisie đi làm. Cho dù cô chỉ được trả có chín penny một giờ, nhưng cô được phép giữ lại một nửa số tiền thưởng cô thu được, vì thế cho đến cuối một tuần lễ suôn sẻ, cô có thể mang về nhà đến ba bảng. Ngoài ra còn có thêm một món thu nhập ngoài dự kiến nữa. Một khi tấm biển báo “mở cửa” đã được chuyển thành “đóng cửa” vào lúc sáu giờ tối, cô Tilly sẽ cho phép Maisie mang về nhà bất cứ món đồ ăn nào còn thừa. Những từ “đồ quá đắt” là điều không bao giờ được phép xuất hiện trong cửa hàng dù chỉ là thoáng qua.

Sau sáu tháng, cô Tilly hài lòng với sự tiến bộ của Maisie đến mức đề cử cô phụ trách một bộ phận riêng gồm tám bàn, và sáu tháng sau, một số khách quen luôn khăng khăng đề nghị được Maisie phục vụ. Cô Tilly giải quyết rắc rối này bằng cách tăng số bàn do Maisie phụ trách lên thành mười hai, và nâng lương của cô lên thành một shilling một giờ. Với hai lần trả lương đều đặn mỗi tuần, Maisie một lần nữa lại có thể đeo trên tay cả nhẫn đính hôn và nhẫn cưới của cô, và chiếc ấm trà bằng bạc cũng được trở lại chỗ cũ của nó.

* * *

Nếu Maisie buộc phải thành thật với lòng mình, việc Stan được ra tù vì thái độ tốt sau chỉ mười tám tháng hóa ra lại là một cảm xúc đan xen lẫn lộn.

Harry, giờ đây đã ba tuổi rưỡi, đành phải trở về phòng của mẹ cậu, và Maisie cố không nghĩ đến chuyện gia đình đã yên ả biết bao

trong lúc Stan vắng nhà.

Maisie rất ngạc nhiên khi Stan có lại công việc cũ ở bến tàu như thể chưa có chuyện gì xảy ra. Việc này chỉ càng làm cô bị thuyết phục rằng anh trai mình biết nhiều hơn rất nhiều những gì anh ta đã thể hiện ra bên ngoài về sự biến mất của Arthur, cho dù cô có thúc ép anh mình đến đâu đi nữa. Có một lần khi cô vắn hỏi quá quyết liệt, anh ta đã dùng thất lưng quật cô một cái. Cho dù sáng hôm sau cô Tilly vờ như không hề thấy một bên mắt tím bầm, một vài người khách lại để ý, vậy là Maisie không bao giờ đã động tới chủ đề này với anh trai cô thêm một lần nào nữa. Nhưng bất cứ khi nào Harry hỏi bác mình về bố nó, Stan lại bám theo câu chuyện cả nhà đã thống nhất và nói, “Bố cháu bị giết trong chiến tranh. Bác đã đứng cạnh bố cháu khi viên đạn bắn trúng bố cháu.”

* * *

Maisie cố dành nhiều thời gian rảnh bên Harry hết mức có thể. Cô nghĩ là khi con trai mình đã đủ lớn để vào học tại trường Tiểu học Merrywood, cuộc sống của cô sẽ trở nên dễ dàng hơn. Nhưng đưa Harry đến trường vào buổi sáng có nghĩa là cô phải bỏ tiền ra cho một chuyến xe điện để đảm bảo không bị muộn giờ làm. Sau đó cô phải nghỉ giải lao vào buổi chiều để có thể đón cậu bé từ trường về. Sau khi Maisie cho con trai uống trà, cô để cậu lại cho bà ngoại trông và quay về làm việc tiếp.

Harry mới chỉ đến trường được vài ngày khi Maisie phát hiện thấy những vết roi trên lưng cậu bé trong lúc cô tắm cho cậu mỗi tuần.

“Ai đã đánh con?” cô hỏi.

“Thầy hiệu trưởng ạ.”

“Tại sao?”

“Con không biết.”

Khi Maisie nhìn thấy sáu lần đỏ mới thậm chí còn trước khi những lần cũ kịp mờ đi, cô lại hỏi Harry, nhưng cậu bé vẫn nhất quyết không chịu nói gì. Lần thứ ba các lần roi xuất hiện, cô choàng áo

khoác vào người và đi tới trường Tiểu học Merrywood với ý định quyết nói chuyện rõ ràng với thầy giáo của cậu.

Thầy Holcombe hoàn toàn không giống như những gì Maisie đã hình dung. Trước hết, ông không nhiều tuổi hơn cô là mấy, và ông đã đứng dậy khi cô bước vào phòng - không hề giống các giáo viên trong trí nhớ của cô khi cô còn theo học ở Merrywood.

“Tại sao con trai tôi bị thầy hiệu trưởng phạt roi?” cô hỏi, thậm chí trước cả khi ông Holcombe kịp có cơ hội mời cô ngồi.

“Vì con trai bà liên tục trốn học, bà Clifton. Cậu bé biến mất ngay sau giờ tập trung buổi sáng, và quay về kịp thời gian cho trận bóng buổi chiều.”

“Vậy thì cả ngày nó đi đâu?”

“Tôi đoán là ở bến tàu,” ông Holcombe nói. “Có lẽ bà có thể cho tôi biết lý do.”

“Vì bác nó làm việc ở bến tàu, và bác nó luôn nói với Harry rằng trường học chỉ là một sự lãng phí thời gian vô ích vì sớm muộn gì thì nó cũng sẽ tới làm cùng ông ấy ở bến tàu của nhà Barrington.”

“Tôi hy vọng là không,” thầy Holcombe nói.

“Sao thầy lại nói vậy?” Maisie hỏi. “Việc đó đã đủ tốt với bố nó.”

“Có thể thế lắm, nhưng như thế là chưa đủ tốt với Harry.”

“Ý thầy là gì?” Maisie phẫn nộ hỏi.

“Harry là một cậu bé sáng dạ, bà Clifton. Rất sáng dạ. Nếu như tôi có thể thuyết phục cậu bé đi học đều đặn hơn, khó lòng nói trước con trai bà có thể đi xa tới đâu.”

Maisie đột nhiên băn khoăn liệu có khi nào cô thực sự tìm ra ai trong số hai người đàn ông kia là bố của Harry.

“Có những đứa trẻ thông minh không hề biết chúng sáng dạ đến mức nào cho đến khi chúng đã rời khỏi trường học,” thầy Holcombe nói, “và sau đó trải qua suốt phần đời còn lại hối tiếc về những năm tháng đã bị phí hoài đó. Tôi muốn đảm bảo chắc chắn Harry không rơi vào trường hợp đó.”

“Thầy muốn tôi làm gì?” Maisie hỏi, cuối cùng thì cô cũng chịu ngồi xuống.

“Động viên con trai bà lên lớp, đừng trốn ra cầu tàu mỗi ngày nữa. Hãy nói cho cậu bé biết bà sẽ tự hào thế nào nếu cậu ấy có thành tích tốt ở trường, mà không chỉ trên sân bóng - môn thể thao mà trong trường hợp bà chưa nhận ra, thừa bà Clifton, vốn không phải là thể mạnh của cậu bé.”

“Thể mạnh của con trai tôi?”

“Tôi thực sự xin lỗi. Nhưng có lẽ ngay cả Harry bây giờ cũng đã nhận ra cậu bé sẽ chẳng bao giờ lọt được vào đội tuyển của trường, chứ chưa nói gì đến chuyện thi đấu cho Bristol City.”

“Tôi sẽ làm bất cứ điều gì tôi có thể để giúp nó,” Maisie hứa.

“Cảm ơn bà, bà Clifton,” thầy Holcombe nói trong lúc Maisie đứng dậy ra về. “Nếu bà cảm thấy có thể động viên được con trai mình, tôi tin chắc điều đó về lâu dài sẽ hiệu quả hơn nhiều so với cây roi của thầy hiệu trưởng.”

Từ hôm ấy, Maisie bắt đầu để tâm hơn nhiều tới những gì Harry học được ở trường. Cô thích thú lắng nghe các câu chuyện cậu bé kể về thầy Holcombe và những gì ông dạy cho cậu ngày hôm đó, và vì những lần roi không còn xuất hiện nữa, cô đoán hẳn con trai mình đã thôi không còn trốn học. Thế rồi vào một buổi tối ngay trước khi lên giường đi ngủ, cô kiểm tra cậu con trai đang ngủ say và thấy những lần roi đã xuất hiện trở lại, đỏ hơn, hằn sâu hơn. Cô không cần phải tới tìm gặp thầy Holcombe, vì người thầy đã tới tiệm trà tìm cô ngay ngày hôm sau.

“Cậu bé đã cố gắng đến học tại lớp của tôi đều đặn suốt một tháng,” thầy Holcombe nói, “thế rồi sau đó con trai bà lại biến mất.”

“Nhưng tôi không biết mình có thể làm gì hơn được nữa,” Maisie tuyệt vọng nói. “Tôi đã cắt tiền tiêu vặt của thằng bé, và nói với nó đừng hòng mong có thêm đồng penny nào từ tôi nữa trừ khi nó chịu đi học tử tế. Sự thật là bác Stan của nó có nhiều ảnh hưởng lên thằng bé hơn tôi.”

“Càng thêm đáng tiếc,” thầy Holcombe nói. “Nhưng có thể tôi đã tìm ra một giải pháp cho vấn đề của chúng ta, bà Clifton. Tuy nhiên, nó sẽ không có bất cứ cơ hội thành công nào nếu không có sự hợp tác toàn diện của bà.”

* * *

Maisie cho rằng dù cô mới chỉ hai mươi sáu tuổi, chắc hẳn cô sẽ không bao giờ tái hôn nữa. Nói cho cùng, một bà góa kèm theo một đứa con chẳng phải là một đám hấp dẫn cho lắm trong thời buổi có quá nhiều phụ nữ còn độc thân. Việc cô vẫn luôn đeo trên tay chiếc nhẫn đính hôn cũng như nhẫn cưới nhiều khả năng đã làm giảm đi số lời đề nghị cô nhận được ở tiệm trà, cho dù vẫn có một, hai người kiên trì cố gắng tiếp tục theo đuổi. Cô không đưa vào diện này ông Craddick già cả đáng mến, người chỉ thích cầm tay cô.

Ông Atkins là một trong số khách hàng quen của cô Tilly, và người đàn ông này thích ngồi tại một trong những chiếc bàn do Maisie phục vụ. Gần như sáng nào anh ta cũng ghé qua tiệm, luôn gọi một tách cà phê đen cùng một chiếc bánh quả. Trước sự ngạc nhiên của Maisie, vào một buổi sáng, sau khi thanh toán tiền, anh ta đã mời cô đi xem phim.

“Greta Garbo trong *Xác thật và Quỷ dữ*,” anh ta nói, cố làm cho lời đề nghị của mình thêm cảm dỗ.

Đây không phải là lần đầu tiên một trong các khách hàng mời Maisie đi chơi, nhưng đây là lần đầu tiên một người trẻ tuổi và đẹp trai tỏ vẻ quan tâm đến cô.

Trước đây, câu trả lời được chuẩn bị sẵn sàng của cô đã thành công trong việc đẩy lùi ngay cả những kẻ theo đuổi dai dẳng nhất. “Ông thật tử tế quá, ông Atkins, nhưng tôi muốn dành tất cả thời gian rảnh có được với con trai tôi.”

“Nhưng tất nhiên cô có thể tạo ra ngoại lệ cho chỉ một buổi tối thôi chứ?” người khách nói, không chịu bỏ cuộc dễ dàng như những người khác.

Maisie đưa mắt liếc nhanh qua bàn tay trái của anh ta: không hề có dấu hiệu nào của một chiếc nhẫn cưới, hay còn đáng nguyên rủa hơn thế, một vết mờ cho thấy chiếc nhẫn đã bị tháo ra.

Cô nghe thấy chính mình nói, “Ông thật tử tế, ông Atkins,” rồi đồng ý gặp anh ta vào tối thứ Năm, sau khi cô đã cho Harry đi ngủ.

“Hãy gọi tôi là Eddie,” anh ta nói, để lại sáu penny tiền boa.

Maisie thực sự bị ấn tượng khi Eddie xuất hiện trên một chiếc xe Flatnose Morris để đưa cô tới rạp chiếu bóng. Và trước sự ngạc nhiên của cô, tất cả những gì anh ta làm khi hai người ngồi cạnh nhau ở hàng ghế dưới cùng trong rạp là theo dõi bộ phim. Cô hẳn sẽ không hề than phiền nếu anh ta có khoác một cánh tay qua vai cô. Kỳ thực, cô đang tự hỏi mình có thể để anh ta đi xa tới đâu trong lần hẹn hò đầu tiên của hai người.

Sau khi màn hạ, tiếng đàn organ vang lên và tất cả mọi người cùng đứng dậy hát Quốc ca.

“Em muốn uống gì không?” Eddie hỏi trong lúc hai người rời khỏi rạp.

“Em cần quay về nhà trước chuyến tàu điện cuối cùng.”

“Em không cần phải lo về chuyến tàu cuối cùng, Maisie, khi em đang ở bên Eddie Atkins.”

“Vậy thì được, nhưng chỉ một lát thôi,” cô nói trong khi anh ta dẫn cô băng qua đường tới quán Red Bull.

“Anh làm nghề gì vậy, Eddie?” Maisie hỏi khi anh ta đặt một ly nước cam vắt nửa panh xuống mặt bàn trước mặt cô.

“Anh làm trong ngành giải trí,” anh ta nói, không đi sâu vào chi tiết. Thay vào đó, anh ta chuyển chủ đề sang Maisie. “Anh không cần phải hỏi em làm gì nhỉ.”

Sau ly nước cam thứ hai, anh ta nhìn đồng hồ đeo tay và nói, “Sáng mai anh phải bắt đầu làm việc sớm, vậy có lẽ tốt hơn anh nên đưa em về.”

Trên đường quay về Still House Lane, Maisie không ngừng nói chuyện về Harry, về việc cô đang hy vọng cậu bé sẽ gia nhập ban đồng ca tại nhà thờ Holy Nativity. Eddie có vẻ chân thành quan tâm, và khi anh ta dừng xe trước số nhà 27, cô chờ đợi anh ta hôn mình. Nhưng anh ta chỉ xuống xe, mở cửa xe cho cô và đưa cô về tận trước cửa nhà.

Maisie ngồi xuống bên bàn bếp và kể lại cho mẹ cô nghe mọi chuyện đã diễn ra, hay không diễn ra, buổi tối hôm ấy. Và mẹ cô chỉ nói, “Anh ta đang chơi trò gì vậy?”

Khi Maisie trông thấy thầy Holcombe bước vào nhà thờ Holy Nativity cùng một người đàn ông ăn mặc lịch lãm, cô đoán hẳn Harry lại gây ra rắc rối. Cô thực sự ngạc nhiên, vì những vết lằn đã không còn xuất hiện từ hơn một năm qua.

Cô cố giữ bình tĩnh trong lúc thầy Holcombe đi về phía cô, nhưng khi thấy Maisie, người thầy giáo chỉ e dè mỉm cười với cô trước khi tiếp tục cùng người đồng hành tới ngồi xuống hàng ghế cầu nguyện thứ ba ở bên kia lối đi.

Cứ một lúc, Maisie lại đưa mắt nhìn về phía họ, nhưng cô không thể nhận ra được người đàn ông còn lại, người trông có vẻ lớn tuổi hơn thầy Holcombe khá nhiều. Cô thầm tự hỏi liệu người đó có phải là hiệu trưởng của trường Tiểu học Merrywood.

Khi ban đồng ca đứng dậy để hát bài thánh ca đầu tiên, cô Monday đưa mắt nhìn về phía hai người, trước khi gạt đầu ra hiệu với người chơi đàn organ rằng bà đã sẵn sàng.

Maisie cảm thấy Harry đã xuất sắc vượt lên chính bản thân mình buổi sáng hôm ấy, nhưng cô thực sự ngạc nhiên khi vài phút sau cậu bé đứng dậy để thực hiện bài solo thứ hai, và thậm chí còn ngạc nhiên hơn nữa khi con trai cô hát solo thêm lần thứ ba nữa. Mọi người đều biết cô Monday không bao giờ làm gì mà không có lý do xác đáng, nhưng Maisie chưa rõ lý do ấy là gì.

Sau khi mục sư Watts đã ban phước cho các con chiên của ông vào cuối buổi lễ, Maisie vẫn ngồi yên tại chỗ, chờ đợi Harry xuất hiện, hy vọng con trai mình có thể nói cho cô biết vì sao cậu được

yêu cầu hát tận ba bài solo. Trong lúc nói chuyện với mẹ với tâm trạng bồn chồn, cô vẫn không rời mắt khỏi thầy Holcombe, đang giới thiệu người đàn ông lớn tuổi hơn với cô Monday và mục sư Watts.

Một lát sau, mục sư Watts dẫn hai người đó vào trong phòng thay đồ lễ. Cô Monday đi dọc theo lối đi hướng về phía Maisie, trên khuôn mặt hiện rõ vẻ quả quyết, một thái độ khiến mọi người trong giáo xứ đều biết ngay cô đang có một nhiệm vụ quan trọng. “Tôi có thể nói riêng vài lời với bà không, bà Clifton?” cô hỏi.

Cô thậm chí không cho Maisie kịp có cơ hội trả lời mà lập tức quay người, đi ngược lại theo lối đi về phía phòng thay đồ lễ.

* * *

Eddie Atkins bắt tăm ở tiệm trà Tilly suốt hơn một tháng, và rồi vào một buổi sáng anh ta lại xuất hiện và ngồi vào chỗ ngồi quen thuộc của mình tại một trong những bàn do Maisie phụ trách. Khi cô bước tới để phục vụ anh ta, vị khách dành cho cô một nụ cười hết cỡ, như thể anh ta chưa hề biến mất.

“Chúc ông buổi sáng tốt lành, ông Atkins,” Maisie chào hỏi trong lúc cô mở quyển sổ ghi yêu cầu của khách. “Tôi có thể phục vụ ông thứ gì được?”

“Thứ quen thuộc của tôi,” Eddie nói.

“Đã quá lâu rồi, thưa ông Atkins,” Maisie nói. “Ông cần giúp tôi nhớ lại.”

“Anh rất xin lỗi đã không giữ liên lạc với em, Maisie,” Eddie nói, “nhưng anh có việc đột xuất phải đi Mỹ, và anh cũng mới quay về tối hôm qua.”

Cô muốn tin anh ta. Maisie đã thú thực với mẹ là có chút thất vọng khi không nghe tin gì từ Eddie sau lần anh ta mời cô đi xem phim. Cô thấy thích ở bên anh ta và cảm thấy buổi tối hôm đó trôi qua khá tuyệt.

Có một người đàn ông khác bắt đầu đều đặn ghé qua tiệm trà, và giống như Eddie, người này cũng chỉ ngồi tại một trong số các bàn do Maisie phục vụ. Cho dù cô nhận thấy người đàn ông này thể hiện

sự quan tâm khá rõ ràng với mình, cô vẫn không cho ông ta chút khích lệ nào, vì người này không những đã lớn tuổi, mà trên tay ông ta còn đang đeo nhẫn cưới. Vị khách trung niên có vẻ gì đó xa cách, giống như một luật sư đang tìm hiểu về khách hàng, và bất cứ khi nào ông ta nói với cô, cũng với vẻ hơi trịnh trọng. Maisie như thể nghe thấy mẹ cô hỏi, “Ông ta đang chơi trò gì vậy?” nhưng có lẽ cô đã hiểu nhầm ý định của người này, vì ông ta không bao giờ tìm cách bắt chuyện với cô.

Thậm chí ngay cả Maisie cũng không tìm được nụ cười khi một tuần sau đó, cả hai vị khách đang theo đuổi cô cùng ghé qua uống cà phê vào một buổi sáng, và cả hai cùng đề nghị liệu họ có thể gặp riêng cô hay không.

Eddie là người hỏi trước, và anh ta vào thẳng vấn đề. “Tối nay anh đón em sau giờ làm nhé, Maisie? Có một thứ anh rất nóng lòng được chỉ cho em.”

Maisie muốn nói với anh ta rằng cô có hẹn, chỉ để anh ta biết không phải cô sẽ luôn sẵn sàng bất cứ lúc nào anh ta có thời gian, nhưng khi Maisie quay trở lại bàn anh ta sau đó vài phút, cô nhận ra mình đang nói, “Vậy thì em sẽ gặp anh sau giờ làm, Eddie.”

Cô vẫn giữ nguyên nụ cười trên khuôn mặt khi vị khách còn lại hỏi, “Tôi có thể nói chuyện với bà một chút được không, bà Clifton?”

Maisie tự hỏi làm sao ông ta biết được tên cô. “Có lẽ ông sẽ muốn nói chuyện với bà chủ tiệm hơn chẳng, ông...?”

“Frampton,” vị khách đáp. “Không, cảm ơn bà, chính bà là người tôi hy vọng được nói chuyện cùng. Tôi có thể hẹn gặp bà tại khách sạn Royal vào giờ nghỉ chiều của bà được không?”

“Cứ hết như đám xe buýt chẳng bao giờ chịu xuất hiện khi bà cần dù chỉ một,” Maisie nói với cô Tilly, “thế rồi hai cái cùng xuất hiện một lúc.” Cô Tilly nói với Maisie rằng bà nghĩ mình nhận ra ông Frampton, nhưng không nhớ nổi ông ta là ai.

Khi Maisie đưa hóa đơn thanh toán cho ông Frampton, cô nhận mạnh chỉ có thể dành ra được mười lăm phút vì cô cần có mặt đúng giờ để đón con trai mình ở trường lúc bốn giờ. Vị khách gật đầu như thể đó là một chuyện nữa ông đã biết từ trước.

* * *

Có thực đăng ký xin một suất học bổng vào trường St. Bede sẽ tốt nhất cho Harry không?

Maisie không biết nên trao đổi việc này với ai nữa. Stan chắc chắn sẽ phản đối ý tưởng đó, và không có vẻ gì sẽ cân nhắc tới những ý kiến ngược lại. Cô Tilly là một người bạn quá thân thiết của cô Monday để có thể đưa ra một cái nhìn phản biện, còn mục sư Watts thì khuyên cô nên tìm đến sự chỉ dẫn của Chúa, một điều đã được chứng minh rằng không thực sự đáng tin cậy trong quá khứ. Ông Frobisher dường như có vẻ là một người có thể trông cậy, nhưng ông ta đã nói rõ cô phải là người đưa ra quyết định cuối cùng. Thầy Holcombe không cho cô bất cứ lý do nào để nghi ngờ về suy nghĩ của ông.

Maisie không hề nghĩ đến ông Frampton cho tới khi cô đã hoàn tất việc phục vụ vị khách cuối cùng của mình. Sau đó cô cởi chiếc váy yếm phục vụ ra và mặc áo khoác vào.

Cô Tilly quan sát qua cửa sổ trong lúc Maisie bước đi về hướng khách sạn Royal. Bà cảm thấy có chút lo lắng, mà không rõ tại sao.

Dù cho trước đây Maisie chưa bao giờ tới khách sạn Royal, cô vẫn biết nơi này có tiếng là một trong những khách sạn được quản lý tốt nhất vùng West Country, và có cơ hội được ngắm nhìn nó từ bên trong là một trong những lý do khiến cô đồng ý tới gặp ông Frampton.

Cô đứng trên vỉa hè phía đối diện quan sát trong lúc khách hàng ra vào qua cửa xoay. Cô chưa từng thấy thứ cửa này bao giờ, và chỉ khi đã tự tin rằng mình biết chắc chúng hoạt động ra sao cô mới băng qua đường và bước vào trong. Cô đẩy cửa có phần hơi mạnh quá và thấy mình bị văng vào trong tiền sảnh nhanh hơn cô đã dự kiến.

Maisie nhìn quanh và trông thấy ông Frampton đang ngồi trong một góc riêng yên tĩnh ở góc sảnh. Cô bước qua sảnh tới chỗ ông. Ông lập tức đứng dậy, bắt tay cô, và đợi cho tới khi cô đã ngồi xuống ghế đối diện với mình.

“Tôi có thể mời bà một tách cà phê chứ, bà Clifton?” ông hỏi, và trước khi cô kịp trả lời, ông nói thêm, “tôi cần cảnh báo với bà là nó không có được cùng đẳng cấp như ở tiệm Tilly đâu.”

“Không, cảm ơn ông, ông Frampton,” Maisie nói, mối quan tâm duy nhất của cô là khám phá xem vì sao người đàn ông này lại muốn gặp cô.

Ông Frampton thông thả châm một điếu thuốc, sau đó rít một hơi sâu. “Bà Clifton,” ông ta bắt đầu nói trong lúc dụi điếu thuốc xuống gạt tàn, “bà không thể không nhận thấy tôi mới trở thành khách quen của tiệm Tilly gần đây.” Maisie gật đầu. “Tôi phải thú thực lý do duy nhất khiến tôi tìm đến đó là bà.” Maisie chuẩn bị sẵn sàng câu trả lời quen thuộc cho một “người theo đuôi si tình” để đưa ra ngay khi ông ta ngừng lời. “Trong suốt bao nhiêu năm lăn lộn trong ngành kinh doanh khách sạn,” ông nói tiếp, “tôi chưa từng gặp ai làm công việc của mình hiệu quả như bà. Tôi ước gì mọi nhân viên phục vụ bàn tại khách sạn này có được năng lực như của bà.”

“Tôi đã được huấn luyện chu đáo,” Maisie nói.

“Bốn nhân viên phục vụ bàn còn lại trong tiệm trà đó cũng vậy, nhưng không ai trong họ có được đẳng cấp của bà.”

“Tôi rất hân hạnh, ông Frampton. Nhưng tại sao ông lại nói...”

“Tôi là giám đốc điều hành của khách sạn này,” ông Frampton nói, “và tôi muốn bà phụ trách tiệm cà phê của chúng tôi, có tên là Palm Court. Như bà có thể thấy,” ông khoát tay đưa một vòng rộng, “chúng tôi có chừng một trăm bàn, nhưng chỉ có chưa đến một phần ba số đó thường xuyên có khách. Đó không phải là một kết quả xứng đáng với sự đầu tư mà công ty bỏ ra. Và chắc chắn là tình hình này sẽ thay đổi nếu bà tiếp nhận việc phụ trách. Tôi tin tôi có thể đảm bảo để công sức bà bỏ ra được đền đáp xứng đáng.”

Maisie không hề ngắt lời ông.

“Tôi không thấy lý do nào buộc giờ giấc của bà phải thay đổi nhiều so với công việc hiện tại. Tôi sẵn sàng trả bà năm bảng mỗi tuần, và tất cả số tiền thưởng của các nhân viên phục vụ bàn tại Palm Court nhận được sẽ được chia đôi với bà. Nếu bà có thể xây dựng một lượng khách hàng trung thành, điều đó sẽ rất có lợi cho thu nhập của bà. Và khi đó tôi...”

“Nhưng tôi không thể nghĩ tới chuyện rời bỏ cô Tilly,” Maisie ngắt lời vị giám đốc. “Bà ấy đã rất tử tế với tôi trong suốt sáu năm qua.”

“Tôi hoàn toàn tán thưởng suy nghĩ của bà, bà Clifton. Thành thực mà nói, tôi chắc sẽ rất thất vọng nếu đó không phải là phản ứng ngay lúc này của bà. Lòng trung thành là một phẩm chất tôi rất ngưỡng mộ. Tuy vậy, bà cũng nên không chỉ cân nhắc tới tương lai của mình, mà của cả con trai bà nữa, nếu cậu bé được nhận học bổng đồng ca của trường St. Bede.”

Maisie không biết nói sao.

* * *

Khi Maisie hết giờ làm tối hôm đó, đã thấy Eddie đang ngồi trong xe của anh ta đợi cô bên ngoài tiệm trà. Cô để ý thấy lần này anh ta không nháy xuống mở cửa xe cho cô nữa.

“Anh định đưa em đi đâu đây?” cô hỏi trong lúc lên xe ngồi xuống ghế cạnh anh ta.

“Đó là một bất ngờ,” Eddie nói trong lúc nở má, “nhưng anh không nghĩ là em sẽ thất vọng đâu.”

Anh ta gạt cần số sang số một, và lái xe về phía một khu vực của thành phố mà Maisie chưa bao giờ đặt chân tới. Vài phút sau, anh ta rẽ vào một đường ngách nhỏ rồi dừng lại bên ngoài một cánh cửa lớn bằng gỗ sồi nằm dưới tấm biển bằng đèn neon với những chữ cái màu đỏ lấp lánh, CẦU LẠC BỘ ĐÊM EDDIE.

“Nơi này là của anh sao?” Maisie hỏi.

“Từng phân vùng một,” Eddie tự hào nói. “Mời em vào trong và tự khám phá.” Anh ta chui ra khỏi xe, mở cửa trước và dẫn Maisie vào trong. “Nơi này từng là một kho ngũ cốc,” anh ta giải thích trong lúc dẫn cô đi xuống một cầu thang gỗ hẹp. “Nhưng bây giờ, khi những con tàu không còn có thể đi ngược dòng xa tới tận đây, công ty chủ quản cũ đã phải cuốn gói, vậy là anh có thể thuê lại chỗ này của họ với giá rất hợp lý.”

Maisie bước vào một căn phòng rộng, được chiếu sáng mờ mờ. Phải mất một lát mắt cô mới thích nghi để nhìn thấy hết khung cảnh

xung quanh. Có sáu người đàn ông đang ngồi trên những chiếc ghế đầu cao bọc da ở chỗ quầy bar uống rượu, và cũng có tầm ấy nữ tiếp viên đang lượn lờ quanh họ. Bức tường đằng sau quầy bar là một tấm gương cực lớn tạo nên ấn tượng căn phòng rộng hơn rất nhiều so với kích thước thực của nó. Ở chính giữa phòng là một sàn nhảy, bao quanh là những chiếc bàn nhỏ phủ khăn trải bàn bằng nhung chỉ vừa đủ chỗ ngồi cho hai người, ở phía trong cùng của căn phòng có một sân khấu nhỏ với một chiếc piano, đàn đại hồ cầm, một dàn trống và vài giá nhạc.

Eddie ngồi xuống một chiếc ghế tại quầy bar. Anh ta vừa nhìn quanh phòng vừa nói, “Đây là lý do vì sao anh đã dành nhiều thời gian ở Mỹ đến thế. Những nơi thư giãn tâm tình thế này đang mọc ra khắp nơi ở New York và Chicago, và bọn họ đã kiếm được cả gia tài.” Anh ta châm một điếu thuốc lá. “Và anh hứa với em, sẽ không có thứ gì tương tự như nơi này ở Bristol, cái đó là chắc chắn.”

“Chắc rồi,” Maisie lặp lại trong khi cô tới cạnh anh ta ở quầy bar, nhưng không hề thử leo lên ngồi trên một trong những chiếc ghế cao lênh khênh đó.

“Em uống gì nào, búp bê?” Eddie nói, bằng thứ giọng mà anh ta cho đó là khẩu âm Mỹ.

“Em không uống rượu,” Maisie nhắc nhở anh ta.

“Đó là một trong những lý do anh chọn em.”

“Chọn em?”

“Tất nhiên. Em sẽ là người lý tưởng để phụ trách các nữ tiếp viên phục vụ cocktail. Anh sẽ không chỉ trả cho em sáu bảng một tuần, mà nếu nơi này làm ăn phát đạt, chỉ riêng tiền thưởng của khách thôi cũng đã nhiều hơn những gì em có thể hy vọng kiếm được tại tiệm Tilly.”

“Và em sẽ phải mặc như thế kia?” Maisie hỏi, chỉ tay về phía một trong các nữ tiếp viên đang mặc một chiếc áo trễ vai màu đỏ và một chiếc váy đen bó sát dài chưa tới đầu gối. Maisie không khỏi cảm thấy thú vị khi nhận thấy chúng có cùng màu sắc với đồng phục của trường St. Bede.

“Sao lại không? Em có thân hình rất tuyệt, và đám khách sẽ sẵn sàng trả bọn để được người như em phục vụ. Em cũng sẽ nhận

được những lời đề nghị khiêm nhã tất nhiên rồi, nhưng anh có niềm tin rằng em sẽ thu xếp được thôi.”

“Thế sàn nhảy kia dùng làm gì nếu đây là một câu lạc bộ chỉ dành cho đàn ông?”

“Thêm một ý tưởng nữa mà anh học được từ Mỹ,” Eddie nói. “Nếu một người khách muốn nhảy với một trong các nữ tiếp viên phục vụ cocktail, anh ta sẽ phải trả tiền.”

“Và khoản tiền đó còn bao gồm những gì nữa?”

“Cái đó thì tùy thuộc vào họ,” Eddie vừa nói vừa nhún vai. “Chừng nào những chuyện đó không diễn ra ngay tại đây, chúng chẳng liên quan gì đến anh cả,” anh ta nói thêm, phá lên cười có phần quá lớn. Maisie không hề cười. “Vậy em nghĩ thế nào?” anh ta hỏi.

“Em nghĩ tốt hơn em nên quay về nhà,” Maisie nói. “Em còn chưa kịp cho Harry biết là em sẽ về muộn.”

“Bất cứ điều gì em muốn, bé con,” Eddie nói. Anh ta đưa một cánh tay khoác lên vai cô và dẫn cô ra khỏi quầy bar theo cầu thang quay trở lên trên.

Trong lúc lái xe đưa cô về Still House Lane, anh ta nói cho Maisie biết những kế hoạch cho tương lai của mình. “Anh đã để mắt tới một địa điểm thứ hai,” Eddie nói đầy phấn khích, “vậy nên sẽ không có gì là giới hạn cả.”

“Không có gì là giới hạn cả,” Maisie lặp lại khi họ dừng xe trước cửa số nhà 27.

Maisie xuống xe, bước đi một mạch đến cửa nhà.

“Vậy là em sẽ cần vài ngày để cân nhắc à?” Eddie vừa nói vừa chạy theo cô.

“Không, cảm ơn anh, Eddie,” Maisie nói không chút do dự. “Em đã quyết định rồi,” cô nói thêm, lấy chìa khóa nhà ra khỏi túi.

Eddie nhăn nhó và đưa một cánh tay ôm quanh người cô. “Anh không nghĩ đó không phải là một quyết định quá khó khăn với em.”

Maisie gỡ tay anh ta ra, mỉm cười tươi tắn và nói, “Anh thật tử tế khi đã nghĩ đến em, anh yêu, nhưng em nghĩ em sẽ trung thành với việc phục vụ cà phê.” Cô mở khóa cửa trước trước khi nói thêm, “Nhưng em vẫn muốn cảm ơn anh vì lời đề nghị.”

“Em muốn sao cũng được thôi, bé con, nhưng nếu em đổi ý, cánh cửa của anh luôn rộng mở.”

Maisie đóng cánh cửa lại sau lưng cô.

Maisie cuối cùng cũng chọn được người khiến cô cảm thấy mình có thể có được lời khuyên. Cô quyết định tìm tới khu bến tàu mà không báo trước và hy vọng rằng người đó sẽ có mặt khi cô gõ cửa nhà ông ta.

Cô không nói cho cả Stan lẫn Harry biết mình sẽ đi gặp ai. Một trong hai người hẳn sẽ tìm cách ngăn cản cô, trong khi người kia có lẽ sẽ cảm thấy cô đã phản bội một tâm sự riêng tư bí mật.

Maisie đợi cho đến ngày nghỉ của cô, sau khi đã đưa Harry tới trường, cô bắt tàu điện tới bến tàu. Cô lựa chọn thời điểm một cách cẩn thận: vào cuối buổi sáng, khi người này nhiều khả năng vẫn đang còn ở văn phòng, còn Stan thì đang bận bịu với việc bốc dỡ hàng hóa ở tận cuối cầu tàu.

Maisie nói với người gác cổng là cô tới xin làm lao công. Ông ta hứng hờ chỉ tay về phía tòa nhà xây bằng gạch đỏ và vẫn không hề nhận ra cô.

Trong lúc cô bước về phía khu nhà Barrington House, Maisie ngược nhìn lên các ô cửa sổ trên lầu năm và tự hỏi đâu là phòng làm việc của người mà cô cần tìm. Cô nhớ lại cuộc gặp gỡ với bà Nettles, cũng như cái cách cô bị đuổi thẳng ra khỏi cửa ngay khi vừa mới nói ra tên của mình. Giờ đây Maisie không chỉ có một công việc yêu thích ở nơi cô được tôn trọng, mà cô còn nhận được hai lời mời làm việc nữa chỉ trong vài ngày vừa qua. Cô không buồn bận tâm đến bà Nettles trong lúc đi qua mặt trước tòa nhà và tiếp tục bước đi theo bờ kè.

Maisie không giảm nhịp bước cho tới khi cô nhìn thấy nơi ở của người đó. Cô thấy thật khó tin là ai đó lại có thể sống trong một toa xe lửa, và bắt đầu tự hỏi liệu có phải mình đang phạm một sai lầm khủng khiếp hay không. Chẳng lẽ những câu chuyện Harry đã kể về một phòng ăn, một phòng ngủ và thậm chí cả một thư viện đều là phóng đại sao? “Giờ thì mày không thể dừng lại một khi mày đã đi xa đến thế này rồi Maisie Clifton ơi,” cô tự nhủ, rồi đánh bạo gõ lên cửa toa xe.

“Mời bà vào, bà Clifton,” một giọng nói nhẹ nhàng cất lên.

Maisie mở cửa và trông thấy một người đàn ông già đang ngồi trên một chiếc ghế êm ái, xung quanh ông rải rác sách và các thứ đồ vật khác. Cô ngạc nhiên thấy toa xe thật sạch sẽ, và nhận ra rằng, bất chấp những gì Stan từng nói, chính cô, chứ không phải Già Jack, mới là người sống ở hạng ba. Cái giai thoại mà Stan vẽ nên đã hoàn toàn bị phớt lờ dưới con mắt của một đứa trẻ không mang chút định kiến.

Già Jack lập tức đứng dậy và mời cô ngồi xuống chiếc ghế đối diện. “Hẳn là bà đến gặp tôi để nói về cậu bé Harry.”

“Đúng là vậy, ông Tar,” cô trả lời.

“Để tôi đoán nhé,” ông già nói. “Bà vẫn chưa thể quyết định được xem con trai mình nên tới St. Bede, hay ở lại trường Tiểu học Merrywood.”

“Làm sao mà ông biết được?” Maisie hỏi.

“Vì chính tôi cũng đang suy nghĩ về chuyện này trong suốt tháng vừa qua,” Già Jack nói.

“Vậy theo ông con trai tôi nên học ở đâu?”

“Tôi nghĩ bất chấp rất nhiều khó khăn mà chắc chắn cậu bé sẽ gặp phải tại St. Bede, nếu con trai bà không đón lấy cơ hội này, cậu bé rất có thể sẽ phải ân hận trong suốt quãng đời còn lại.”

“Có thể con trai tôi sẽ không giành được học bổng và như vậy quyết định sẽ không còn nằm trong tay chúng ta nữa.”

“Quyết định đã không còn nằm trong tay chúng ta,” Già Jack nói, “kể từ khoảnh khắc ông Frobisher nghe cậu bé Harry hát. Nhưng tôi có cảm giác rằng đây không phải là lý do duy nhất khiến bà tới đây tìm tôi.”

Maisie bắt đầu hiểu tại sao Harry lại ngưỡng mộ người đàn ông này đến thế. “Ông nói đúng, ông Tar, tôi cần lời khuyên của ông về một việc khác.”

“Con trai bà gọi tôi là Jack, trừ khi cậu bé nổi đóa với tôi, khi đó cậu bé gọi tôi là Jack Già.”

Maisie mỉm cười. “Tôi lo lắng rằng, thậm chí nếu Harry có thực sự giành được học bổng, tôi cũng không thể kiếm đủ tiền cho Harry để nó có thể tham gia các hoạt động ngoại khóa mà những học sinh khác tại một trường như St. Bede sẽ coi là chuyện đương nhiên. Nhưng thật may là tôi vừa được đề nghị một công việc khác, đồng nghĩa với việc kiếm được nhiều tiền hơn.”

“Và bà đang lo về chuyện cô Tilly sẽ phản ứng như thế nào khi bà nói với bà ấy rằng bà đang cân nhắc tới việc rời đi?”

“Ông biết cô Tilly sao?”

“Không, nhưng Harry đã kể về bà ấy rất nhiều lần. Bà ấy rõ ràng cũng thuộc về cùng một kiểu người như cô Monday, và hãy cho phép tôi cam đoan với bà, trên đời không có nhiều những người như thế đâu. Bà không có gì cần phải lo lắng cả.”

“Tôi không hiểu,” Maisie nói.

“Cho phép tôi được giải thích,” Già Jack nói. “Cô Monday đã dành rất nhiều thời gian và kinh nghiệm của bà ấy để đảm bảo chắc chắn rằng Harry sẽ không chỉ giành được một suất học bổng theo học tại St. Bede, mà còn quan trọng hơn rất nhiều, là cậu bé sẽ chứng tỏ rằng mình xứng đáng. Tôi dám cược là bà ấy đã bàn bạc mọi khả năng có thể xảy ra với người bạn thân nhất của mình, tình cờ cũng chính là cô Tilly. Vậy nên khi bà nói với bà ấy về công việc mới, nhiều khả năng bà sẽ thấy chuyện đó không thực sự gây ngạc nhiên.”

“Cảm ơn ông, Jack,” Maisie nói. “Harry thật may mắn biết bao khi có một người bạn như ông. Là người bố nó chưa từng có,” cô dịu dàng nói.

“Đó là lời khen ngợi đáng trân trọng nhất tôi từng nhận được suốt bao nhiêu năm qua,” Già Jack nói. “Tôi chỉ lấy làm tiếc là cậu bé đã mất đi người bố trong hoàn cảnh bi thảm đến thế.”

“Ông biết chồng tôi chết như thế nào sao?”

“Phải, tôi có biết,” Già Jack nói. Ý thức được rằng ông không bao giờ nên động vào chủ đề này, ông lão vội nói thêm. “Nhưng vì là Harry đã kể cho tôi biết.”

“Con trai tôi đã kể những gì với ông?” Maisie bồn chồn hỏi.

“Rằng bố cậu bé bị tử trận trong chiến tranh.”

“Nhưng ông biết đó không phải là sự thật,” Maisie nói.

“Phải, tôi biết,” Già Jack nói. “Và tôi ngờ rằng cả Harry cũng biết rằng bố nó không phải đã chết trong chiến tranh.”

“Vậy tại sao con trai tôi không nói với tôi?”

“Có thể con trai bà nghĩ có điều gì đó bà không muốn nói cho cậu bé biết.”

“Nhưng chính tôi cũng không hề biết sự thật,” Maisie thừa nhận.

Già Jack không nói gì thêm.

Maisie chậm rãi đi bộ về nhà; một câu hỏi đã được trả lời, một câu hỏi khác vẫn còn nguyên chưa có lời đáp. Dẫu vậy, cô không hề nghi ngờ chút nào về việc có thể thêm Già Jack vào danh sách những người biết sự thật về chuyện đã xảy ra với chồng cô.

Cuối cùng hóa ra Già Jack đã có lý về cô Tilly, vì khi Maisie kể với bà về lời đề nghị của ông Frampton, phản ứng của bà chủ tiệm không thể nào cảm thông và ủng hộ hơn.

“Tất cả chúng tôi sẽ nhớ cô,” bà nói, “và thẳng thắn mà nói, khách sạn Royal thật may mắn khi có được cô.”

“Làm thế nào để tôi có thể cảm ơn bà vì tất cả những gì bà đã làm cho tôi suốt bấy nhiêu năm qua?” Maisie hỏi.

“Harry mới là người cần cảm ơn cô,” cô Tilly nói, “và tôi nghĩ sẽ chỉ là vấn đề thời gian trước khi con trai cô nhận ra điều đó.”

* * *

Maisie bắt đầu công việc mới của cô một tháng sau đó, và chẳng mất nhiều thời gian để cô khám phá ra nguyên nhân khiến Palm Court chẳng bao giờ kín khách được quá một phần ba.

Các nhân viên phục vụ nhìn nhận công việc của họ chỉ đơn thuần là một việc làm, không giống như cô Tilly, người coi đó là một thiên chức. Bọn họ chẳng bao giờ thêm bận tâm ghi nhớ tên khách hàng, hay vị trí bàn ưa thích của khách. Tệ hơn nữa, cả phê thường nguội ngắt khi được mang ra phục vụ, còn bánh ngọt bị để lưu trữ lại cho tới khi có ai đó mua chúng. Maisie chẳng ngạc nhiên khi họ không nhận được khoản tiền thưởng nào của khách; đơn giản chỉ là vì bọn họ không xứng đáng.

Sau một tháng nữa, cô bắt đầu nhận ra cô Tilly đã dạy mình nhiều đến mức nào.

Sau ba tháng, Maisie đã thay thế năm trong số bảy nhân viên phục vụ mà không cần phải tuyển mộ bất cứ ai từ tiệm trà Tilly. Cô cũng đã yêu cầu những bộ đồng phục mới lịch thiệp cho tất cả nhân viên của mình, cùng với khay, tách và đĩa mới, và còn quan trọng hơn thế, thay đổi người cung cấp cà phê và người làm bánh. Đó là những điều cô sẵn lòng đánh cắp của cô Tilly.

“Cô đang làm tôi tốn khá nhiều tiền đấy, Maisie,” ông Frampton nói khi một tập hóa đơn nữa xuất hiện trên bàn làm việc của ông. “Cố gắng đừng quên những gì tôi nói về thu nhập từ đầu tư.”

“Hãy cho tôi thêm sáu tháng nữa, ông Frampton, và ông sẽ thấy kết quả.”

Cho dù Maisie làm việc ngày đêm, cô vẫn luôn có thời gian để đưa Harry tới trường vào buổi sáng và đón cậu bé buổi chiều. Nhưng cô đã báo trước với ông Frampton rằng sẽ có một ngày cô không thể đến chỗ làm đúng giờ.

Khi cô cho ông giám đốc biết lý do, ông lập tức cho cô nghỉ nguyên cả ngày.

* * *

Ngay trước khi họ rời khỏi nhà, Maisie nhìn lại mình trong gương. Cô đang mặc trên người bộ trang phục đẹp nhất dành cho ngày Chủ nhật nhưng không phải để tới nhà thờ. Cô cúi xuống mỉm cười với con trai, cậu bé trông thật bảnh trong bộ đồng phục màu đỏ và đen

mới tinh của trường học mới. Dẫu vậy, cô vẫn cảm thấy có chút e dè khi hai mẹ con ngồi chờ ở trạm tàu điện.

“Hai vé tới phố Park,” cô nói với người bán vé khi chuyển tàu điện số 11 bắt đầu chuyển bánh. Cô không thể giấu nổi sự tự hào khi nhận thấy ông ta đang chăm chú nhìn Harry kỹ hơn. Điều đó chỉ càng thuyết phục Maisie rằng cô đã quyết định đúng.

Khi họ tới trạm cần xuống, Harry từ chối để mẹ cậu xách hộ vali. Maisie vẫn bám vào tay con trai trong khi hai mẹ con thông thả đi bộ lên đồi về phía ngôi trường, không dám chắc ai trong số họ là người bồn chồn lo lắng hơn. Cô không thể rời mắt khỏi những cỗ xe ngựa đẹp đẽ và những chiếc xe hơi có lái xe riêng đang chờ những cậu bé khác tới dự ngày tựu trường. Cô chỉ hy vọng rằng Harry có thể tìm được ít nhất một người bạn trong số những cậu bé kia. Nói cho cùng, một vài cô bảo mẫu còn ăn mặc tươm tất hơn cả cô.

Harry bắt đầu đi chậm dần lại khi hai mẹ con tới gần cổng trường. Maisie có thể cảm thấy sự bối rối của con trai cô - hay đó chỉ là nỗi sợ trước một nơi xa lạ?

“Mẹ sẽ để con lại đây,” cô nói rồi cúi xuống hôn con trai. “Chúc may mắn, Harry. Hãy làm chúng ta tự hào về con.”

“Tạm biệt mẹ.”

Trong lúc cô nhìn con trai bước đi, Maisie nhận ra có một người khác có vẻ cũng quan tâm tới Harry Clifton.

Maisie sẽ không bao giờ quên được lần đầu tiên cô buộc phải từ chối một khách hàng.

“Tôi chắc chắn sẽ có một bàn trống sau vài phút nữa, thưa ngài.”

Cô tự hào về bản thân trước việc mỗi khi một khách hàng thanh toán tiền xong, nhân viên của cô có thể ngay lập tức lau dọn bàn, thay khăn trải và sắp xếp sẵn sàng để đón người khách tiếp theo trong vòng năm phút.

Palm Court nhanh chóng trở nên nổi tiếng tới mức Maisie luôn phải giữ sẵn hai bàn dự trữ để phòng trường hợp những người khách quen xuất hiện đột ngột.

Cô có phần hơi bối rối khi một số khách hàng cũ của mình ở tiệm Tilly đã bắt đầu di tản sang Palm Court, không chỉ ông già Craddick đáng mến, người vẫn nhớ Harry từ đợt đi giao báo của cậu bé. Cô coi đó là một lời khen ngợi khi cô Tilly cũng đích thân ghé qua uống một tách cà phê buổi sáng.

“Chỉ để đánh giá đối thủ thôi mà,” bà nói. “À mà Maisie này, thứ cà phê này quả là tuyệt hảo.”

“Phải thế chứ,” Maisie trả lời. “Đây là thứ cà phê của bà mà.”

Eddie Atkins thỉnh thoảng cũng ghé qua, và nếu lấy kích thước những miếng xì gà anh ta hút, đó là chưa kể đến vòng eo, làm tiêu chí đánh giá, hẳn giới hạn với anh ta vẫn chỉ là bầu trời. Cho dù tỏ ra thân thiện, anh ta không bao giờ mời Maisie đi chơi, nhưng vẫn thường xuyên nhắc cô rằng cánh cửa của anh ta vẫn luôn rộng mở.

Cũng không phải Maisie không có một hàng dài những người hâm mộ mà thỉnh thoảng cô vẫn cho phép họ mời mình đi đâu đó vào buổi tối, có thể tới ăn tối tại một nhà hàng thời thượng nào đó, thỉnh thoảng là một chuyến ghé thăm Old Vic hay rạp chiếu bóng, nhất là nếu có một bộ phim của Greta Garbo đang được trình chiếu. Nhưng khi chia tay vào cuối buổi tối, cô không cho phép bất cứ ai có nhiều hơn một cái hôn lên má trước khi trở về nhà. Ít nhất cũng là vậy cho tới khi cô gặp Patrick Casey, người chứng minh rằng sức hấp dẫn của đàn ông Ai-len không phải chỉ là chuyện tầm phào.

Khi Patrick lần đầu tiên bước chân vào Palm Court, cô không phải là người duy nhất ngoái lại để nhìn kỹ anh hơn. Anh ta cao hơn sáu foot một chút, với mái tóc đen bồng bênh dọn sóng và thân hình của một vận động viên điền kinh. Chừng ấy cũng đã đủ để thu hút ánh mắt của phần đa phụ nữ, nhưng nụ cười của anh mới chính là điều thu hút Maisie, và như cô vẫn ngờ, cả rất nhiều người khác nữa.

Patrick nói anh làm trong ngành tài chính, nhưng Eddie cũng từng nói anh ta ở trong ngành kinh doanh giải trí. Công việc đưa anh tới Bristol một hay hai lần mỗi tháng, khi đó Maisie sẽ cho phép anh đưa cô đi ăn tối, tới nhà hát hoặc rạp chiếu bóng, và thỉnh thoảng thậm chí cô còn phá vỡ nguyên tắc vàng của mình, không bắt chuyến tàu cuối về Still House Lane nữa.

Cô sẽ chẳng ngạc nhiên gì nếu phát hiện ra Patrick đã có một vợ và nửa tá đứa con ở quê nhà Cork, cho dù anh ta đặt tay lên ngực mà thề rằng anh ta vẫn còn độc thân.

* * *

Bất cứ khi nào thầy Holcombe ghé qua Palm Court, Maisie đều đưa thầy tới một bàn nằm ở góc phòng, bị che khuất sau một cây cột to và cũng là nơi các khách hàng quen của cô luôn tránh xa. Song sự riêng tư ở đây cho phép cô cho thầy biết những tin tức mới nhất về tình hình học tập của Harry.

Hôm nay, người thầy giáo có vẻ quan tâm tới tương lai nhiều hơn quá khứ, và hỏi, “Cô đã quyết định xem Harry sẽ làm gì sau khi rời khỏi St. Bede chưa?”

“Tôi vẫn chưa nghĩ nhiều tới chuyện đó,” Maisie thừa nhận. “Nói cho cùng, vẫn còn nhiều thời gian mà.”

“Cũng không lâu nữa đâu,” thầy Holcombe nói, “và tôi thì không tin là cô muốn con trai mình quay lại trường Tiểu học Merrywood.”

“Không,” Maisie cương quyết nói, “nhưng còn lựa chọn nào khác đây?”

“Harry nói cháu muốn vào học ở Bristol Grammar School, nhưng nếu không giành được học bổng, con trai cô lo rằng cô sẽ không có đủ tiền để trả các khoản phí.”

“Đó không phải là vấn đề,” Maisie cam đoan với thầy. “Với thu nhập hiện tại của tôi, cộng với các khoản tiền thưởng, không ai biết rằng mẹ cháu là một nhân viên phục vụ.”

“Một nhân viên phục vụ phi thường,” thầy Holcombe nói, đưa mắt nhìn quanh căn phòng đông nghịt khách. “Tôi chỉ thấy ngạc nhiên là cô chưa mở tiệm của riêng mình.”

Maisie bật cười, và không hề nghĩ đến điều này cho tới khi cô nhận được chuyển thăm bất ngờ của cô Tilly.

* * *

Maisie dự lễ tại nhà thờ St. Mary Redcliffe vào tất cả các Chủ nhật để cô có thể nghe con trai mình hát. Cô Monday đã cảnh báo cô rằng không bao lâu nữa Harry sẽ vỡ giọng, và cô không nên trông chờ sau vài tuần lễ cậu bé lại có thể được hát solo giọng nam cao.

Maisie cố tập trung vào buổi lễ sáng Chủ nhật đó nhưng nhận ra tâm trí cô đang trôi dạt đi tận đâu tận đâu. Cô đưa mắt nhìn qua hàng ghế phía bên kia lối đi và thấy ông bà Barrington đang ngồi cùng Giles, con trai họ, và hai cô bé mà cô đoán hẳn là các cô con gái, nhưng tên của hai cô bé thì cô không biết. Maisie đã rất ngạc nhiên khi Harry kể với cô rằng Giles Barrington chính là bạn thân nhất của cậu. Chỉ là tình cờ khi thứ tự bảng chữ cái đã xếp hai cậu bé ở cạnh nhau ngay từ đầu, con trai cô kể. Cô hy vọng sẽ không bao giờ cần phải nói với con trai mình rằng rất có thể Giles còn hơn là một người bạn tốt với Harry.

* * *

Maisie vẫn thường ước mình có thể làm được nhiều hơn để giúp Harry trong những nỗ lực của cậu nhằm giành được một suất học bổng của Bristol Grammar School. Cho dù cô Tilly đã dạy cô cách đọc một bản thực đơn, cách cộng và trừ, thậm chí viết vài từ đơn giản, nhưng chỉ nguyên chuyện nghĩ tới những gì Harry đang phải trải qua cũng làm cô tràn ngập lo âu.

Cô Monday giúp Maisie thêm tự tin bằng cách liên tục nhắc nhở rằng Harry sẽ không thể đi xa được đến thế nếu không nhờ vào những hy sinh lớn lao của cô. “Và dù thế nào đi nữa,” bà nói thêm, “cô cũng thông minh không kém gì Harry, chỉ đơn giản là cô không có được cơ hội tương tự thôi.”

Thầy Holcombe liên tục cập nhật cho cô biết về cái ông gọi là “thời gian biểu”, và càng đến gần ngày thi, Maisie càng trở nên bồn chồn lo lắng chẳng kém gì con trai cô. Cô bỗng nhận ra sự đúng đắn trong một nhận xét của Già Jack rằng, thường những người đứng ngoài trông đợi còn khổ sở hơn cả những người trong cuộc.

Palm Court giờ đây ngày nào cũng đông kín khách, nhưng điều đó cũng không ngăn cản Maisie thực hiện nhiều thay đổi hơn nữa trong một thập kỷ mà báo chí đang mô tả là “những năm ba mươi phù phiếm”.

Vào buổi sáng, cô phục vụ khách hàng một loạt các loại bánh quy khác nhau để dùng kèm với cà phê, và đến buổi chiều, thực đơn trà của cô cũng chứng tỏ nó được ưa chuộng không thua kém gì, đặc biệt là sau khi Harry kể cho cô biết việc bà Barrington đã cho cậu lựa chọn giữa trà Ấn Độ và trà Trung Quốc. Tuy nhiên, ông Frampton đã phủ quyết gợi ý cung cấp món sandwich cá hồi hun khói trên thực đơn.

Mỗi Chủ nhật, Maisie lại quỳ trên cái đệm nhỏ của cô; lời cầu nguyện duy nhất của cô thật rõ ràng. “Xin Chúa hãy giúp Harry có được một suất học bổng. Nếu con trai con có được nó, con sẽ không bao giờ cầu xin Người điều gì nữa.”

Khi chỉ còn một tuần nữa là đến kỳ thi, Maisie nhận ra cô không tài nào ngủ được, và đành nằm thao thức băn khoăn tự hỏi Harry đang

cảm thấy thế nào. Có rất nhiều khách hàng muốn gửi những lời chúc tốt đẹp nhất của họ tới cậu bé, một số vì họ đã nghe cậu hát trong ban đồng ca nhà thờ, một số khác vì cậu từng giao báo buổi sáng cho họ, hay chỉ đơn giản vì chính con cái họ đã từng, đang chuẩn bị hay rồi cũng sẽ có trải nghiệm này. Với Maisie, dường như có đến một nửa Bristol đang cùng chuẩn bị tham gia kỳ thi này.

Vào buổi sáng diễn ra kỳ thi, Maisie đã dẫn vài khách hàng quen ngồi sai bàn, mang tới cho ông Craddick cà phê thay vì món socola nóng thường ngày của ông, và thậm chí đưa cho hai khách hàng hóa đơn thanh toán của người khác. Không một ai phàn nàn gì.

Harry nói với cô rằng cậu nghĩ mình đã làm bài khá tốt, nhưng không dám chắc rằng đã đủ tốt hay chưa. Con trai cô nhắc đến ai đó tên là Thomas Hardy, nhưng Maisie không dám chắc đó là một cậu bạn học hay một thầy giáo của con trai cô nữa.

* * *

Khi chiếc đồng hồ quả lắc hộp đứng ở Palm Court đổ chuông báo mười giờ vào sáng ngày thứ Năm đó, Maisie biết thầy hiệu trưởng sắp sửa dán kết quả thi lên bảng thông báo. Nhưng phải đến hai mươi hai phút nữa thì thầy Holcombe mới bước vào phòng và hướng thẳng tới chỗ chiếc bàn quen thuộc nằm sau cây cột của thầy. Maisie không thể đoán được kết quả của Harry qua biểu hiện trên khuôn mặt người thầy giáo. Cô hỏi hỏi bằng qua phòng tới chỗ thầy, và lần đầu tiên trong bốn năm cô ngồi xuống đối diện với một khách hàng, cho dù “khuyu xuống” có lẽ là cách mô tả chính xác hơn.

“Harry đã vượt qua kỳ thi rất xuất sắc,” thầy Holcombe nói, “nhưng tôi e là con trai cô đã lỡ mất cơ hội giành được một suất học bổng.”

“Thế có nghĩa là gì?” Maisie hỏi, gắng không để hai bàn tay mình run bần lên.

“Mười hai thí sinh đứng đầu kỳ thi đều đạt được từ 80% trở lên, và tất cả đều được trao học bổng toàn phần. Trên thực tế, cậu bạn Deakins của Harry đứng đầu, với 92%. Harry đạt kết quả rất khá ở mức 78%, và đứng thứ mười bảy trên ba trăm thí sinh. Ông

Frobisher cho tôi biết chính bài thi Anh văn đã làm điểm của cậu bé bị tụt xuống.”

“Đáng ra nó nên đọc Hardy thay vì Dickens,” người phụ nữ chưa bao giờ đọc quyển sách nào nói.

“Harry sẽ vẫn được nhận vào học tại Bristol Grammar School,” thầy Holcombe nói, “nhưng cậu ấy sẽ không nhận được khoản học bổng một trăm bảng hàng năm của nhà trường.”

Maisie đứng bật dậy khỏi ghế. “Thế tức tôi sẽ chỉ phải làm ba ca thay vì hai, phải không nào? Vì con trai tôi sẽ không quay lại trường Tiểu học Merrywood, thầy Holcombe, tôi có thể khẳng định với thầy điều đó.”

* * *

Trong mấy ngày sau đó, Maisie không khỏi ngạc nhiên trước việc có nhiều khách hàng quen ngỏ lời chúc mừng về thành tích xuất sắc của Harry đến thế. Cô cũng biết một vài người khách của mình có con trượt kỳ thi đó, và có trường hợp chỉ vì thiếu đúng một phần trăm. Những cậu bé này sẽ phải chấp nhận lựa chọn thứ hai của chúng. Điều đó làm Maisie càng thêm quyết tâm rằng không điều gì có thể ngăn cản Harry đến nhập học tại Bristol Grammar School trong ngày đầu tiên của học kỳ mới.

Thêm một điều lạ lùng cô nhận thấy trong tuần tiếp theo là các khoản tiền thưởng cô nhận được tăng gấp đôi. Ông lão Craddick đáng mến còn đưa cho cô một tờ năm bảng và nói, “Cho Harry. Mong sao cậu bé chứng tỏ nó xứng đáng với mẹ mình.”

Khi chiếc phong bì trắng mỏng manh xuất hiện trong hộp thư ở Still House Lane, bản thân nó đã là cả một sự kiện, Harry mở lá thư ra và đọc to cho mẹ cậu cùng nghe. “Clifton, H. đã được dành cho một suất học khối A vào học kỳ một bắt đầu từ ngày 15 tháng Chín.” Khi cậu đọc tới đoạn cuối cùng, trong đó yêu cầu bà Clifton cần viết thư trả lời xác nhận liệu ứng viên chấp nhận hay từ chối đề nghị của trường, Harry lo lắng ngược mắt lên nhìn mẹ cậu.

“Con cần viết thư trả lời ngay, chấp nhận lời đề nghị!” mẹ cậu nói.

Harry đưa hai cánh tay ôm chầm lấy mẹ mình và thì thầm, “Con chỉ ước gì bố con vẫn còn sống.”

Có thể bố của con trai cô vẫn còn sống, Maisie thầm nghĩ.

* * *

Vài ngày sau, một lá thư thứ hai xuất hiện trên tấm thảm chùi chân ngoài cửa. Lá thư này liệt kê chi tiết một bản danh sách dài những thứ cần phải mua trước ngày khai giảng. Maisie nhận thấy Harry được yêu cầu phải có hai cho mọi thứ, trong một số trường hợp thậm chí là ba hay hơn nữa, và có một mục đến tận sáu: những đôi tất, màu xám dài tới bắp chân, kèm theo nịt tất.

“Tiếc là con không thể mượn cặp dây đeo tất của mẹ được,” cô nói. Harry đỏ mặt.

Một lá thư thứ ba xuất hiện, mời các học sinh mới lựa chọn ba hoạt động ngoại khóa từ một danh sách bao gồm từ câu lạc bộ xe hơi cho tới Lực lượng Thiếu sinh quân - một số hoạt động đi kèm với khoản phí lên tới năm bảng cho một hoạt động. Harry lựa chọn ban đồng ca, vì không có phụ phí, cùng với câu lạc bộ sân khấu và Hội cảm thụ Mỹ thuật. Hoạt động thứ ba đi kèm một ghi chú rằng bất cứ chuyến tham quan nào tới các phòng trưng bày bên ngoài Bristol đều sẽ có chi phí phát sinh kèm theo.

Maisie ước gì có thêm vài ông Craddick nữa, nhưng cô không bao giờ cho phép Harry nghi ngờ rằng có bất cứ lý do nào để e ngại, cho dù ông Holcombe đã nhắc nhở cô rằng con trai cô sẽ học ở Bristol Grammar School trong năm năm tới. Đây sẽ là thành viên đầu tiên trong gia đình không rời trường học trước tuổi mười bốn, cô nói với người thầy giáo.

Maisie cắn răng quyết định ghé thăm T.C. Marsh, Thợ may Danh tiếng thêm một lần nữa.

Khi Harry đã được trang bị đầy đủ và sẵn sàng cho ngày đầu năm học mới, Maisie lại bắt đầu đi bộ đi làm và về nhà, nhằm tiết kiệm được năm penny mỗi tuần tiền vé tàu điện, hay như cô nói với mẹ mình, “Một bảng một năm, đủ để mua một bộ đồ mới cho Harry.”

* * *

Những ông bố bà mẹ, Maisie đã dần học được theo năm tháng, đôi khi bị coi là một sự cần thiết không may đối với con cái của họ, nhưng thường họ còn trở thành nguồn cơn gây ra sự bối rối.

Trong buổi họp phụ huynh học sinh đầu tiên tại St. Bede, Maisie là bà mẹ duy nhất đã không đội mũ. Sau lần đó, cô đã mua một cái mũ tại cửa hàng đồ cũ, và cho dù nó có trở nên lỗi mốt thế nào chẳng nữa, thì cái mũ đó sẽ vẫn tiếp tục phải bám trụ cho tới khi Harry rời khỏi Bristol Grammar School.

Harry đã đồng ý là cô sẽ đi cùng con trai tới trường vào ngày đầu tiên của học kỳ, nhưng Maisie cho là con trai cô đã đủ trường thành để tự đi tàu điện về nhà vào buổi tối. Lo lắng lớn nhất của cô không ở chuyện Harry sẽ phải đi tới trường và quay về nhà như thế nào, mà đó là chuyện sẽ thu xếp thế nào cho cậu vào các buổi tối, khi bây giờ cậu chỉ còn học ban ngày và không ngủ lại trường trong suốt học kỳ. Cô không chút nghi ngờ về việc nếu Harry lại phải ở chung phòng với ông bác Stan, kết quả chỉ có thể là tồi tệ. Cô cố gắng tạm xua mối băn khoăn này ra khỏi đầu trong lúc chuẩn bị cho ngày đầu tiên của Harry tại ngôi trường mới.

Mũ đã đội trên đầu, chiếc áo choàng tốt nhất và cũng là duy nhất đã được giặt là cẩn thận, đôi giày đen bóng cùng với đôi tất lụa duy nhất mà cô có, Maisie cảm thấy cô đã sẵn sàng để đối mặt với các bậc phụ huynh khác. Khi cô bước xuống dưới nhà, Harry đã đợi sẵn cạnh cửa. Trông cậu thật bảnh bao trong bộ đồng phục mới màu đỏ rượu vang và đen, đến mức mà cô những muốn dắt con trai mình đi ngược đi xuôi khắp Still House Lane để những người láng giềng biết có người trong khu phố này sắp nhập học ở Bristol Grammar School.

Cũng giống như ngày đầu tiên của cậu bé tại St. Bede, hai mẹ con đi tàu điện, nhưng Harry đã hỏi Maisie liệu họ có thể xuống tàu cách đường University một điểm dừng không. Cô không còn được phép cầm tay con trai mình, cho dù cô vẫn chỉnh lại mũ và cà vạt cho cậu bé không chỉ một lần.

Khi Maisie nhìn thấy đám đông thiếu niên ồn ào đang đứng trước cổng trường, cô nói, “Tốt hơn mẹ nên về nếu không mẹ sẽ bị muộn làm mất,” khiến Harry không khỏi ngỡ ngàng vì cậu biết ông Frampton đã cho mẹ cậu nghỉ làm hôm đó.

Cô ôm hôn con trai thật nhanh, nhưng rồi lại buồn bã đưa mắt dõi theo trong lúc cậu bé đi lên đồi. Người đầu tiên tới đón chào Harry là Giles Barrington. Maisie rất ngạc nhiên khi thấy cậu ta, vì Harry đã kể với cô rất có thể cậu ta sẽ tới học ở Eton. Hai cậu bạn bắt tay như hai người đàn ông trưởng thành vừa hoàn tất một thỏa thuận quan trọng.

Maisie có thể thấy ông bà Barrington đang đứng ở phía cuối đám đông. Có phải ông ta đang muốn đảm bảo chắc chắn sẽ tránh mặt được cô không? Vài phút sau, ông bà Deakins đến gặp họ cùng cậu học sinh được nhận học bổng Peloquin. Thêm thật nhiều những cái bắt tay nữa, bằng tay trái trong trường hợp của ông Deakins.

Khi các bậc phụ huynh bắt đầu chia tay con họ, Maisie quan sát ông Barrington trong lúc ông ta bắt tay trước hết với con trai mình, rồi sau đó với Deakins, nhưng làm ngỡ khi Harry chìa tay ra. Bà Barrington có vẻ bối rối, và Maisie tự hỏi sau đó bà ta liệu có băn khoăn tại sao Hugo lại tặng lờ cậu bạn thân nhất của Giles hay không. Nếu quả thực bà ta có hỏi, Maisie chắc chắn ông ta sẽ không nói cho vợ biết lý do thực sự. Cô sợ rằng không bao lâu nữa Harry sẽ hỏi mẹ mình vì sao ông Barrington luôn khinh miệt cậu. Chừng nào chỉ có ba người biết sự thật, cô không thể nghĩ tới một lý do nào khiến Harry tại một thời điểm thích hợp sẽ khám phá ra điều này.

Cô Tilly đã trở thành vị khách thường xuyên ở Palm Court đến mức bà có hẳn bàn riêng của mình.

Bà thường có mặt vào khoảng bốn giờ chiều và gọi một tách trà (Earl Grey) cùng một chiếc sandwich kẹp dưa chuột. Bà luôn từ chối thử bộ sưu tập phong phú các loại bánh kem, bánh giòn phết mứt và bánh socola, nhưng thỉnh thoảng tự cho phép mình thưởng thức một chiếc bánh nướng bơ. Khi bà ghé qua vào một buổi chiều lúc gần năm giờ, muộn hơn hẳn bình thường, Maisie thấy nhẹ cả người khi bàn bà hay ngồi vẫn còn trống.

“Hôm nay, tôi có thể ngồi ở chỗ nào đó kín đáo hơn không, Maisie. Tôi cần nói vài lời với cô.”

“Tất nhiên là được, cô Tilly,” Maisie nói, và dẫn bà tới chiếc bàn ưa thích của thầy Holcombe đằng sau cây cột ở góc trong phòng. “Tôi sẽ xong việc sau mười phút nữa,” Maisie nói với bà. “Khi đó tôi sẽ đến gặp bà.”

Khi Susan, người phó của cô, tới để thay ca, Maisie nói với cô này mình sẽ tới nói chuyện với cô Tilly một lát, nhưng sẽ không cần phục vụ gì.

“Bà lão ấy chắc đang buồn vì chuyện gì rồi?” Susan hỏi.

“Chính bà lão ấy đã dạy tôi mọi thứ đấy,” Maisie mỉm cười nói.

Khi chuông điểm năm giờ, Maisie băng qua phòng tới ngồi xuống đối diện với cô Tilly. Cô hiếm khi ngồi cùng một khách hàng, và trong vài dịp hiếm hoi đó, cô chưa bao giờ cảm thấy thoải mái.

“Cô có muốn uống trà không, Maisie?”

“Không, cảm ơn bà.”

“Tôi hiểu. Tôi sẽ cố không giữ cô quá lâu, nhưng trước khi tôi cho cô biết mục đích thực sự của việc tôi muốn gặp cô, tôi có thể hỏi Harry bây giờ thế nào không?”

“Tôi ước gì thằng bé ngừng lớn lên,” Maisie nói. “Tôi liên tục phải xuống gấu quần cho nó mỗi tuần. Cứ đà này, tất cả quần dài của thằng bé sẽ trở thành quần soóc trước khi hết năm nay.”

Cô Tilly bật cười. “Thế còn chuyện học hành của cậu bé thì sao?”

“Bản nhận xét cuối học kỳ của Harry viết là-” Maisie dừng lại để cố nhớ những từ chính xác - “ ‘Một sự khởi đầu rất đáng hài lòng. Rất hứa hẹn’. Thằng bé đứng đầu lớp môn Anh văn.”

“Có phần thật trớ trêu,” cô Tilly nói. “Nếu tôi nhớ không nhầm, chính môn đó đã làm hạ điểm thi đầu vào của con trai cô.”

Maisie gật đầu, cố không nghĩ tới những hậu quả tài chính của việc Harry không đọc đủ nhiều Thomas Hardy.

“Cô hẳn rất tự hào về cậu bé,” cô Tilly nói. “Và khi tôi tới nhà thờ St. Mary ngày Chủ nhật, tôi rất mừng khi thấy cậu bé đã quay lại ban đồng ca.”

“Vâng, nhưng bây giờ Harry đành phải hài lòng với một chỗ ở hàng sau cùng các giọng nam trung khác. Những ngày được làm giọng ca solo của nó đã qua rồi. Nhưng con trai tôi có tham gia câu lạc bộ sân khấu, và vì tại Bristol Grammar School không có nữ sinh nên là Harry đang đóng vai Ursula trong vở kịch của trường.”

“Cũng chẳng có gì để phải rộn lên cả,” cô Tilly nói. “Tuy vậy, tôi không nên làm lãng phí thêm thời gian của cô nữa, nên tôi sẽ cho cô biết lý do tôi muốn gặp cô.” Bà nhấp một ngụm trà, như thể muốn trấn tĩnh lại trước khi tiếp tục, rồi sau đó tất cả được nói ra thật hối hả.

“Đến tháng sau tôi sẽ sáu mươi tuổi, tôi đã suy nghĩ về việc nghỉ ngơi được một thời gian rồi.”

Maisie chưa bao giờ nghĩ tới việc cô Tilly lại không làm việc mãi mãi.

“Cô Monday và tôi đang nghĩ tới việc chuyển xuống Cornwall ở. Chúng tôi đã để mắt tới một ngôi nhà đồng quê nhỏ bên bờ biển.”

Các bà không thể rời khỏi Bristol, Maisie muốn nói vậy. Tôi yêu cả hai người, và nếu hai người ra đi, tôi biết tìm kiếm lời khuyên từ ai đây?

“Có một việc này phát sinh vào tháng trước,” cô Tilly tiếp, “có một thương gia trong vùng ngờ ý muốn mua tiệm trà. Ông ta muốn thêm nó vào đế quốc đang phát triển của mình. Và cho dù tôi không mấy bận tâm về việc tiệm Tilly trở thành một phần trong chuỗi cửa hàng, đề nghị của ông ta quả thực quá hấp dẫn để có thể bỏ qua.” Maisie chỉ có một câu hỏi, nhưng cô không ngắt lời trong khi cô Tilly đang mãi nói. “Kể từ khi đó, tôi đã nghĩ tới chuyện này rất nhiều, và tôi quyết định nếu cô có thể trả khoản tiền tương đương như ông ta đề nghị, tôi sẽ thích để cô tiếp quản công việc làm ăn của tôi hơn là nhượng lại nó cho một người lạ.”

“Ông ta trả cho bà bao nhiêu?”

“Năm trăm bảng?”

Maisie thở dài. “Tôi rất biết ơn bà đã nghĩ đến tôi,” cuối cùng cô lên tiếng, “nhưng sự thật là trong túi tôi còn không có nổi năm trăm penny chứ đừng nói gì đến năm trăm bảng.”

“Tôi cũng sợ rằng cô sẽ nói thế,” cô Tilly nói. “Nhưng nếu cô có thể tìm thấy một người trợ vốn, tôi tin chắc rằng họ sẽ thấy vụ làm ăn này là một món đầu tư tốt. Nói cho cùng, năm ngoái tôi đã thu được lợi nhuận một trăm mười hai bảng và mười shiling, đó là chưa kể đến tiền lương của tôi. Đáng ra tôi có thể nhượng lại cho cô với giá thấp hơn năm trăm bảng, nhưng chúng tôi đã tìm thấy một ngôi nhà tuyệt đẹp ở St. Mawes, và người chủ ở đó không chịu bớt một penny nào và giá là ba trăm bảng. Cô Monday và tôi có thể sống được với tiền tiết kiệm của chúng tôi trong một hay hai năm, nhưng vì cả hai chúng tôi đều không có khoản trợ cấp nào để trông cậy vào, khoản hai trăm bảng dôi ra sẽ tạo nên sự khác biệt.”

Maisie vừa định nói với cô Tilly cô lấy làm tiếc đến mức nào nhưng cô không thể đáp ứng được thì Patrick Casey bước vào phòng và ngồi vào vị trí quen thuộc của anh ta.

* * *

Phải tới sau khi hai người làm tình với nhau thì Maisie mới kể cho Patrick nghe về lời đề nghị của cô Tilly. Anh ta ngồi dậy trên giường, chầm một miếng thuốc và rít một hơi thật sâu.

“Huy động số vốn đó không phải là chuyện quá khó khăn. Nói cho cùng, đó đâu phải chuyện Brunei huy động vốn để xây cây cầu treo Clifton.”

“Không, nhưng đây là chuyện bà Clifton tìm cách huy động năm trăm bảng trong khi cô ta chẳng có lấy hai đồng nửa penny.”

“Đúng thế, nhưng em có thể chi ra dòng luân chuyển tiền mặt và một nguồn thu nhập đã được chứng minh, chưa kể tới thiện ý của chủ tiệm trà. Nhưng em cần nhớ, anh sẽ phải xem qua sổ sách trong năm năm qua và đảm bảo rằng em đã được cho biết tất cả mọi chuyện.”

“Cô Tilly sẽ không bao giờ tìm cách lừa dối bất cứ ai.”

“Em cũng cần kiểm tra để đảm bảo không có khoản vay nào sắp đáo hạn trong tương lai gần,” Patrick nói tiếp, tăng lời sự phản đối của cô, “và kiểm tra đối chiếu để đảm bảo kế toán của bà ấy không gài vào đó những điều khoản bồi thường khi em bắt đầu có lãi.”

“Cô Tilly sẽ không bao giờ làm chuyện gì như thế,” Maisie nói.

“Em cả tin quá, Maisie. Điều em cần phải nhớ là chuyện này không nằm trong tay cô Tilly, mà trong tay một luật sư cảm thấy ông ta cần kiếm thù lao và một tay kế toán đang chờ ngày thanh toán phòng trường hợp em không giữ anh ta lại.”

“Rõ ràng anh chưa bao giờ gặp cô Tilly rồi.”

“Niềm tin em dành cho quý bà này thật cảm động, Maisie, nhưng công việc của anh là bảo vệ những người như em, và món lợi tức một trăm mười hai bảng mười shilling mỗi năm sẽ không đủ để em sống, vì hãy nhớ là em sẽ có nghĩa vụ phải đều đặn trả nợ cho người bỏ vốn đầu tư cho em.”

“Cô Tilly cam đoan với em là khoản lời đó chưa bao gồm tiền lương của bà ấy.”

“Có thể đúng là thế lắm, nhưng em không biết mức lương đó ra sao. Em sẽ cần thêm ít nhất hai trăm năm mươi bảng nữa mỗi năm nếu em muốn sống sót, nếu không em không chỉ sẽ cháy túi, mà Harry cũng sẽ phải ngừng việc học.”

“Em rất nóng lòng muốn đưa anh gặp cô Tilly.”

“Thế còn các khoản tiền thưởng của khách thì sao? Ở khách sạn Royal em được hưởng 50% của các khoản tiền thưởng, một khoản lên tới hai trăm bảng mỗi năm, và chưa bị đánh thuế vào lúc này, cho dù anh không nghi ngờ chuyện một chính phủ nào đó trong tương lai sẽ để mắt tới nó.”

“Có lẽ em nên nói với cô Tilly là nguy cơ quá lớn. Nói cho cùng, như anh vẫn thường nhắc nhở em, em đang có một nguồn thu nhập đảm bảo ở khách sạn Royal mà không phải mạo hiểm gì.”

“Đúng là như thế, nhưng nếu cô Tilly tử tế chỉ bằng một nửa những gì em vẫn nói, thì đây có thể là một cơ hội có một không hai.”

“Hãy quyết định đi, Patrick,” Maisie nói, cố không tỏ vẻ quá tuyệt vọng.

“Anh sẽ làm thế ngay sau khi kiểm tra qua sổ sách.”

“Anh sẽ có quyết định ngay khi anh gặp cô Tilly,” Maisie nói, “vì khi đó anh sẽ hiểu ý nghĩa thực sự của sự tử tế.”

“Anh rất nóng lòng được gặp gỡ hiện thân của phẩm hạnh đó.”

“Như thế có nghĩa là anh sẽ đại diện cho em?”

“Đúng thế,” anh ta vừa nói vừa dụi điếu thuốc của mình.

“Và ông sẽ tính phí bao nhiêu với bà góa không một xu dính túi này, ông Casey?”

“Tắt đèn đi.”

* * *

“Cô chắc đây là một sự mạo hiểm mà cô đáng thử không,” ông Frampton nói, “khi cô có quá nhiều điều để mất?”

“Người tư vấn tài chính cho tôi nghĩ thế,” Maisie đáp. “Anh ấy cam đoan với tôi rằng không chỉ mọi con số đều khớp, mà một khi đã trả hết các khoản vay, tôi sẽ bắt đầu có lời trong vòng năm năm.”

“Nhưng đó cũng là năm năm mà Harry theo học tại trường Bristol Grammar School.”

“Tôi ý thức được chuyện đó, ông Frampton, nhưng ông Casey đã đảm bảo một khoản lương đáng kể cho tôi như một phần trong thỏa thuận, và sau khi chia tiền thưởng của khách cùng nhân viên, chắc tôi sẽ kiếm được một khoản gần như tương đương với số tiền tôi đang kiếm được. Quan trọng hơn thế, sau năm năm tôi sẽ được sở hữu một khối tài sản thực sự, và kể từ đó trở đi, tất cả lợi nhuận đều là của tôi,” cô nói, cố nhớ lại một cách chính xác những lời của Patrick.

“Tôi thấy rõ là cô đã quyết định rồi,” ông Frampton nói. “Nhưng cho phép tôi cảnh báo cô, có sự khác biệt rất lớn giữa việc làm nhân viên, khi cô biết chắc mình sẽ mang về nhà một khoản tiền lương mỗi tuần, so với làm một người chủ, khi cô sẽ có trách nhiệm phải trả vài khoản tiền lương cho mọi người vào mỗi thứ sáu hàng tuần. Thành thực mà nói, Maisie, cô là người giỏi nhất trong chuyên môn của cô, nhưng cô có thực sự chắc là cô muốn chuyển từ vị trí hiện tại sang làm quản lý không?”

“Ông Casey sẽ luôn có mặt để tư vấn cho tôi.”

“Casey là một người có năng lực, tôi phải công nhận, nhưng anh ta còn phải lo cho nhiều khách hàng quan trọng hơn ở khắp mọi nơi. Cô mới là người sẽ phải điều hành công việc kinh doanh mỗi ngày. Nếu có gì không ổn, anh ta sẽ không thể luôn có mặt để dìu cô đi được.”

“Nhưng có thể cả đời mình tôi sẽ không bao giờ có được một cơ hội như thế nữa.” Thêm một lời tuyên bố nữa của Patrick.

“Vậy cứ như ý muốn của cô đi, Maisie,” Frampton nói. “Và đừng nghi ngờ gì về việc tất cả chúng tôi tại Royal đều sẽ rất nhớ cô. Lý do duy nhất khiến cô không phải là người không thể thay thế được là vì cô đã đào tạo người phó của mình thật tuyệt.”

“Susan sẽ không làm ông thất vọng đâu, ông Frampton.”

“Tôi biết chắc là không. Nhưng cô ấy sẽ không bao giờ có thể là Maisie Clifton. Hãy cho phép tôi được là người đầu tiên chúc cô mọi thành công trong thử thách mới của cô, và nếu mọi thứ không diễn ra như dự kiến, sẽ luôn có một chỗ làm cho cô tại Royal.”

Ông Frampton đứng dậy sau bàn làm việc và bắt tay Maisie, hết như ông đã làm sáu năm về trước.

Một tháng sau, Maisie ký sáu văn bản trước sự chứng kiến của ông Prendergast, giám đốc điều hành ngân hàng National Provincial Bank trên phố Corn. Nhưng việc đó chỉ diễn ra sau khi Patrick đã dẫn cô qua từng trang, từng dòng của bản hợp đồng, và giờ đây anh ta đã vui vẻ thừa nhận mình đã nhầm đến thế nào khi đã hoài nghi về cô Tilly. Nếu tất cả mọi người đều cư xử đáng trọng như bà, anh nói, hẳn anh sẽ trở thành thất nghiệp.

Maisie đưa cho cô Tilly tấm séc trị giá 500 bảng vào ngày 19 tháng Ba năm 1934, và nhận lấy một cái ôm hôn chân thành và một tiệm trà. Một tuần sau đó, cô Tilly và cô Monday lên đường đi Cornwall.

Khi Maisie mở cửa phục vụ khách hàng sáng hôm sau, cô đã giữ lại biển hiệu "Tilly's." Patrick khuyên cô không bao giờ được đánh giá thấp ảnh hưởng tích cực của cái tên Tilly's trên cửa hàng ("Khai trương năm 1898") và cô không nên nghĩ tới chuyện thay đổi cái tên đó cho tới khi cô Tilly chỉ còn là một ký ức xa xôi, và thậm chí kể cả sau đó cũng không nên. "Các khách hàng quen không thích sự thay đổi, nhất là những thay đổi đột ngột, thế nên đừng áp đặt bất cứ điều gì lên họ."

Dẫu vậy, Maisie nhận thấy có một số thay đổi mà cô có thể thực hiện mà không làm phật ý bất cứ khách hàng quen nào. Cô cảm thấy một loạt khăn trải bàn mới là điều cần thiết, đồng thời những chiếc ghế, thậm chí cả bàn, đã bắt đầu trông có vẻ cũ kỹ. Và chẳng lẽ cô Tilly không thấy thảm đang trở nên hơi mỏng dần sao?

“Cứ bình tĩnh thôi,” Patrick từng cảnh báo cô ở một trong những chuyến ghé thăm hàng tháng của anh ta. “Hãy nhớ tiêu tiền luôn dễ hơn kiếm tiền rất nhiều, và đừng ngạc nhiên nếu một số khách hàng cũ biến mất và em không kiếm được nhiều như dự kiến trong vài tháng đầu tiên.”

Và Patrick đã nói đúng. Số khách hàng đã giảm xuống trong tháng đầu tiên, rồi lại tiếp tục giảm trong tháng thứ hai, chứng minh cô Tilly được lòng khách hàng đến mức nào. Nếu lượng khách hàng tiếp tục giảm trong tháng thứ ba, Patrick hẳn đã cảnh báo Maisie về dòng tiền cũng như giới hạn bội chi, nhưng xu hướng này đã chạm đáy - theo như cách mô tả của Patrick - và khách hàng bắt đầu tăng lên vào tháng tiếp theo, cho dù không nhanh lắm.

* * *

Vào cuối năm đầu tiên của mình, Maisie đã vượt qua mức hòa vốn, nhưng cô vẫn chưa kiếm được đủ để trả bất kỳ khoản vay ngân hàng nào.

“Đừng lo lắng quá, cô gái thân mến,” cô Tilly nói với cô trong một chuyến ghé thăm Bristol hiếm hoi của bà. “Tôi cũng đã phải mất vài năm mới bắt đầu có lãi.”

Nhưng Maisie thì làm gì có vài năm.

Năm thứ hai bắt đầu thuận lợi, với một vài khách hàng quen của cô ở Palm Court quay lại với chốn quen thuộc của họ. Cân nặng của Eddie Atkins tiếp tục tăng lên nhiều, và những điều xì gà của anh ta cũng to hơn nhiều, qua đó Maisie có thể đoán là ngành kinh doanh giải trí đang rất phát đạt. Ông Craddick xuất hiện lúc mười một giờ các buổi sáng, áo mưa trên người, ô trên tay, bất chấp thời tiết có ra sao. Thầy Holcombe thỉnh thoảng cũng ghé qua, luôn muốn được cập nhật tình hình học tập của Harry, và cô không bao giờ chấp nhận để thầy trả tiền. Điểm dừng chân đầu tiên của Patrick mỗi khi anh ta trở lại Bristol luôn là tiệm Tilly's.

Trong năm hoạt động thứ hai của mình, Maisie đã buộc phải thay thế một nguồn cung vật liệu vì anh ta dường như không phân biệt được giữa hàng mới và hàng để lưu trữ lâu ngày, cũng như một nữ

phục vụ bàn không phục về quan điểm khách hàng luôn đúng. Vài cô gái trẻ xin được làm ở vị trí đó, vì việc phụ nữ đi làm ngày càng được chấp nhận rộng rãi hơn. Maisie lựa chọn một cô gái trẻ có tên là Karen, người có mái tóc vàng lượn sóng, đôi mắt xanh to và có một thân hình mà như các tạp chí thời trang gọi là thân hình đồng hồ cát. Maisie có cảm giác Karen có khả năng thu hút một số khách hàng mới có độ tuổi trẻ hơn phần lớn khách quen của cô.

Lựa chọn nhà cung cấp bánh ngọt mới lại là chuyện khó khăn hơn nhiều. Và cho dù có một số công ty muốn giành lấy hợp đồng cung cấp nhưng Maisie đặt ra yêu cầu rất cao. Tuy thế, khi Bob Burrow của Burrows' Bakery (thành lập năm 1935) xuất hiện trước cửa nhà cô và nói với cô rằng Tilly's sẽ là khách hàng đầu tiên của anh ta, cô cho phép anh cung cấp thử trong một tháng.

Hóa ra Bob là một người cần cù và đáng tin cậy, và thậm chí còn hơn thế, bánh của anh ta luôn mới và ngon lành hấp dẫn đến mức khách hàng của cô thường nói, "À, có lẽ chỉ thêm một cái nữa thôi." Bánh kem và bánh nướng hoa quả của anh ta đặc biệt nổi tiếng, nhưng chính món bánh socola hạnh nhân, một sáng tạo mới của anh ta, mới là món dường như luôn biến mất khỏi kệ bày hàng rất lâu trước giữa trưa. Cho dù Maisie thường xuyên thúc giục anh ta, Bob luôn nói với cô rằng anh ta không thể làm nhiều hơn thế.

Một buổi sáng, sau khi Bob đã giao bánh, Maisie nghĩ trông anh có vẻ hơi buồn phiền, vậy là cô mời anh ngồi và rót một tách cà phê. Anh thú nhận với cô đang gặp vấn đề về dòng tiền đúng như cô từng gặp phải trong năm đầu tiên của mình. Nhưng anh tự tin rằng tình hình sẽ sớm được cải thiện vì mới đây anh vừa được hai cửa hàng nữa chọn cung cấp hàng, anh nói rất cảm kích Maisie vì đã cho anh bước thành công đầu tiên.

Nhiều tuần trôi qua, những cuộc trò chuyện bên tách cà phê đó trở thành giống như một thói quen. Dẫu vậy, Maisie vẫn rất ngạc nhiên khi Bob mời cô đi chơi, vì cô vẫn luôn coi mối quan hệ giữa hai người chỉ là thuần túy là làm ăn. Anh ta đã mua vé xem vở *Đêm quyến rũ*, một vở nhạc kịch mới đang được diễn tại Hippodrome, nơi Maisie từng hy vọng Patrick sẽ dẫn cô tới. Cô cảm ơn Bob, nhưng nói cô không muốn làm hỏng mối quan hệ giữa hai người. Cô những muốn nói thêm đã có hai người đàn ông trong cuộc đời cô, một cậu

thiếu niên mười lăm tuổi đang lo lắng về những nốt trứng cá của mình, và một người đàn ông người Ai-len, người chỉ ghé thăm Bristol mỗi tháng một lần và dường như không hề nhận ra rằng cô yêu anh ta.

Bob không chấp nhận câu trả lời “không,” và một tháng sau Maisie thậm chí còn bối rối hơn khi anh ta tặng cô một cây trâm nam đá marcasite. Cô hôn lên má anh ta, và băn khoăn tự hỏi làm thế nào anh ta biết được sinh nhật cô. Tối hôm ấy, cô cất cây trâm vào ngăn kéo, và rất có thể đã quên khuấy nó nếu những món quà khác không đều đặn xuất hiện sau đó.

Patrick có vẻ thú vị trước sự bẽn lẽn từ phía tình địch của anh ta, và trong một bữa tối, anh ta nhắc lại với Maisie rằng cô là một phụ nữ hấp dẫn có nhiều triển vọng.

Maisie không cười. “Chuyện này cần chấm dứt,” cô nói.

“Vậy sao em không tìm một nhà cung cấp khác?”

“Bởi vì tìm những nhà cung cấp tốt khó hơn nhiều so với một người tình. Nói gì thì nói, Bob là người đáng tin cậy, bánh ngọt của anh ta có chất lượng khá nhất trong thành phố, và giá cả lại thấp hơn bất kỳ đối thủ cạnh tranh nào.”

“Và anh ta đang say đắm em,” Patrick nói.

“Đừng đùa, Patrick. Chuyện này cần phải chấm dứt.”

“Anh sẽ cho em biết một chuyện quan trọng hơn nhiều cần phải chấm dứt,” Patrick nói và cúi xuống mở ca táp của anh ta ra.

“Em có cần phải nhắc anh không,” Maisie nói, “là chúng ta đang có một bữa ăn tối lãng mạn trong ánh nến cùng nhau chứ không phải bàn chuyện làm ăn.”

“Anh sợ là chuyện này không thể đợi được,” anh ta vừa nói vừa đặt một xấp giấy lên bàn. “Đây là kết quả quyết toán thu chi của em trong ba tháng vừa qua, và kết quả không đáng vui vẻ lắm đâu.”

“Nhưng em nhớ là anh đã nói tình hình đang sáng sủa hơn.”

“Đúng thế. Em đã thành công trong việc khống chế chi phí trong giới hạn ngân hàng khuyến cáo, nhưng thật không thể lý giải nổi, thu nhập của em lại giảm xuống cũng trong cùng thời kỳ đó.”

“Làm thế nào có thể vậy được?” Maisie nói. “Tháng trước chúng ta vừa có số lượng khách hàng kỷ lục.”

“Đó là lý do tại sao anh quyết định kiểm tra cẩn thận tất cả các hóa đơn và chứng từ của em trong tháng vừa qua. Các số liệu không khớp. Anh đã phải đi tới một kết luận đáng buồn, Maisie, rằng một trong số các nhân viên của em hẳn đã ăn cắp tiền. Chuyện này cũng hay gặp trong kinh doanh ăn uống; thường thủ phạm là nhân viên quầy bar hay người phụ trách nhân viên chạy bàn, nhưng một khi chuyện này đã bắt đầu, sẽ không có cách nào để ngăn nó lại cho tới khi em tìm thấy thủ phạm và sa thải họ. Nếu em không sớm tìm ra kẻ tắt mắt, em sẽ lại có thêm một năm nữa không có lợi nhuận, và không thể trả được ngân hàng dù một penny, chưa nói gì đến việc giảm bội chi.”

“Vậy anh khuyên em nên làm gì?”

“Em sẽ phải để ý đến nhân viên của mình sát sao hơn trong tương lai, cho tới khi có ai đó để lộ mình.”

“Làm thế nào em biết được là ai?”

“Có một số dấu hiệu mà em có thể nhận ra,” Patrick nói. “Ai đó sống trên mức khả năng của họ, có thể là mặc một chiếc áo khoác mới hay đeo một món trang sức đắt tiền, hay có một kỳ nghỉ mà bình thường họ không thể đáp ứng được. Cô ta có thể sẽ nói với em rằng cô ta vừa có một anh bạn trai mới, nhưng ...”

“Ồi, chết tiệt,” Maisie nói, “Em biết đó có thể là ai rồi.”

“Ai vậy?”

“Là Karen. Cô ta mới vào làm cho em được vài tháng, và mới đây cô ta thường xuyên lên London vào các dịp cuối tuần được nghỉ. Thứ Hai tuần trước, cô ta xuất hiện tại nơi làm việc với một chiếc khăn quàng mới và một đôi găng tay da khiến em cũng phải ghen tỵ.”

“Đừng hấp tấp đưa ra bất cứ kết luận nào,” Patrick nói, “nhưng hãy để ý sát sao tới cô ta. Hoặc cô ta giữ lại tiền thưởng của khách, hoặc đã táy máy trong ngăn kéo quầy thu ngân, hoặc cả hai. Và có một điều anh dám hứa với em, chuyện đó sẽ không dừng lại. Trong phần lớn trường hợp, những kẻ ăn cắp sẽ trở nên ngày càng tự tin hơn cho tới khi bị bắt quả tang. Em cần chấm dứt chuyện này, và thật nhanh, trước khi cô ta khiến em phá sản.”

* * *

Maisie ghét phải theo dõi nhân viên của mình. Nói cho cùng, chính cô đã tự mình lựa chọn những người trẻ hơn, còn những người lớn tuổi đã làm việc nhiều năm tại Tilly's.

Cô đặc biệt để mắt tới Karen, nhưng chẳng có dấu hiệu rõ rệt nào chứng tỏ cô ta đang ăn cắp. Nhưng thế đấy, Patrick đã cảnh báo với cô, những kẻ trộm cắp luôn khôn ngoan hơn người trung thực, và Maisie không thể lúc nào cũng để mắt tới cô ta.

Và rồi sau đó vấn đề tự được giải quyết. Karen đưa cho cô một lá đơn cho biết cô ta đã đính hôn và sẽ chuyển tới London sống cùng vị hôn phu của mình vào cuối tháng. Maisie nghĩ chiếc nhẫn đính hôn của cô ta quả thực khá đẹp, cho dù cô chỉ có thể tự hỏi ai đã trả tiền cho nó. Nhưng cô gạt ý nghĩ này đi, cảm thấy nhẹ nhõm khi giờ đây cô đã bớt đi được một mối lo.

Nhưng khi Patrick quay lại Bristol vài tuần sau đó, anh ta cảnh báo Maisie là doanh thu hàng tháng của cô vẫn sụt giảm, vậy thì thủ phạm không phải là Karen.

“Liệu đã đến lúc nên báo cảnh sát chưa?” Maisie hỏi.

“Chưa phải lúc. Thứ cuối cùng em cần là một lời cáo buộc sai lầm hay những tin đồn chỉ tạo nên tâm trạng không hay trong nội bộ nhân viên của em. Có thể cảnh sát sẽ tóm được thủ phạm, nhưng trước khi họ làm được điều đó em có thể đã mất đi vài nhân viên khá nhất của mình, những người sẽ không thích bị nghi ngờ. Và em cũng có thể tin chắc nhiều khách hàng sẽ biết chuyện, và em không cần điều đó.”

“Em có thể chấp nhận để chuyện này tiếp diễn bao lâu nữa?”

“Hãy để thêm một tháng nữa. Nếu đến lúc ấy chúng ta vẫn chưa tìm ra thủ phạm, em sẽ phải báo cảnh sát.” Anh ta dành cho cô một nụ cười hết cỡ. “Giờ hãy thôi nói về công việc và hãy nhớ chúng ta đang mừng sinh nhật em.”

“Đó là từ hai tháng trước rồi,” cô nói. “Và nếu không vì Bob, chắc anh sẽ chẳng bao giờ biết.”

Patrick lại mở ca táp của anh ta ra, nhưng lần này anh lấy ra một cái hộp màu xanh hoàng gia với biểu tượng quen thuộc của Swan's

trên đó. Anh ta đưa cái hộp cho Maisie, người thông thả mở hộp ra và tìm thấy trong đó một đôi găng tay da màu đen và một chiếc khăn quàng len với các họa tiết Burberry truyền thống.

“VẬY RA ANH CHÍNH LÀ NGƯỜI ĐÃ ĐÁNH CẤP CỦA EM,” Maisie nói trong lúc đưa tay ôm lấy anh ta.

Patrick không đáp.

“CÓ CHUYỆN GÌ THẾ?” Maisie hỏi.

“Anh có một tin nữa.” Maisie nhìn thẳng vào mắt anh ta, và thầm tự hỏi liệu còn có gì không ổn tại Tilly’s nữa. “Anh đã được thăng chức. Anh sẽ trở thành phó giám đốc mới tại hội sở công ty ở Dublin. Anh sẽ bị trói chặt vào bàn làm việc phần lớn thời gian, vì thế một người khác sẽ đảm nhiệm công việc của anh tại đây. Anh sẽ vẫn có thể tới thăm em, nhưng không thể thường xuyên như trước.”

Maisie nằm trong vòng tay anh ta và khóc suốt đêm hôm đó. Cô từng nghĩ mình sẽ không bao giờ muốn kết hôn lần nữa, cho tới khi người đàn ông cô yêu tuột khỏi tay cô.

Cô tới tiệm làm muện sáng hôm sau, và thấy Bob đã đợi sẵn ngoài bậc cửa. Sau khi cô mở cửa trước, anh ta bắt đầu chuyển số bánh giao buổi sáng từ xe tải vào.

“TÔI SẼ GẶP ANH SAU MỘT LÁT NỮA,” Maisie vừa nói vừa đi vào phòng thay đồ của nhân viên.

Cô chào tạm biệt Patrick trước khi anh ta lên tàu tại Temple Meads, và tại đó cô lại bật khóc lần nữa. Trông cô hẳn là khá thảm hại và cô không muốn các khách hàng quen nghĩ là có chuyện gì đó không ổn. “ĐỪNG BAO GIỜ MANG VẤN ĐỀ CÁ NHÂN CỦA CÁC CÔ ĐẾN NƠI LÀM VIỆC,” cô Tilly vẫn hay nhắc nhở nhân viên của bà. “Khách hàng của chúng ta vốn đã có nhiều mối bận tâm của riêng họ để mà phải lo lắng chuyện của chúng ta rồi.”

Maisie nhìn vào gương: toàn bộ lớp trang điểm của cô đã tèm lem hết. “Khỉ thật,” cô thốt lên thật to khi nhớ ra mình đã để quên xác tay ngoài quầy thu ngân. Khi cô quay trở ra cửa hàng để lấy xác, cô chợt cảm thấy buồn nôn. Bob đang đứng quay lưng về phía cô, một tay đặt vào trong ngăn kéo quầy thu ngân. Cô đứng quan sát trong khi anh ta vơ một nắm cả tiền giấy và tiền xu vào túi quần, lặng lẽ đóng ngăn kéo lại rồi ra xe lấy thêm một khay bánh nữa.

Maisie biết chắc điều Patrick khuyên sẽ là gì. Cô bước vào tiệm, đứng cạnh quầy thu ngân khi Bob đang quay vào. Anh ta không cầm theo một khay bánh, mà là một cái hộp nhỏ bằng da màu đỏ. Anh ta dành cho cô một nụ cười hết cỡ và quỳ xuống bằng một chân.

“Anh hãy rời khỏi đây ngay lập tức, Bob Burrows,” Maisie nói, bằng một giọng khiến cả cô cũng ngạc nhiên. “Và nếu như tôi còn thấy anh bén mảng quanh tiệm trà của tôi thêm một lần nữa, tôi sẽ báo cảnh sát.”

Cô trông chờ một tràng giải thích hay thề thốt, nhưng Bob chỉ đứng lên, để số tiền mà anh ta đã lấy cắp trở lại quầy thu ngân và ra về không nói một lời. Maisie khuyu xuống chiếc ghế gần nhất khi nhân viên đầu tiên của cô tới.

“Chúc buổi sáng tốt lành, bà Clifton. Hôm nay thật là một ngày đẹp trời.”

Bất cứ khi nào một cái phong bì mỏng màu nâu xuất hiện trong thùng thư tại số nhà 27, Maisie lập tức đoán ngay là nó được gửi tới từ Bristol Grammar School, và nhiều khả năng lại là một hóa đơn yêu cầu thanh toán học phí cho Harry, cũng như các khoản “phụ phí”, như cách mà các tổ chức từ thiện thành phố Bristol thích dùng để mô tả.

Cô luôn ghé vào ngân hàng trên đường về nhà để gửi khoản thu nhập trong ngày vào tài khoản kinh doanh của mình, còn phần tiền thưởng được chia cô gửi vào một tài khoản riêng hẳn, được đặt tên là “Tài khoản của Harry”, hy vọng rằng đến cuối mỗi quý cô sẽ có đủ tiền để trả cho kỳ hóa đơn tiếp theo từ Bristol Grammar School.

Maisie xé phong bì, và cho dù không thể đọc được hết mọi từ trên hóa đơn, cô vẫn nhận ra chữ ký, và trên đó là con số ba mươi bảy bảng và mười shiling. Lần này quả thực là sát nút, nhưng sau khi thầy Holcombe đọc bản thông báo kết quả học tập mới nhất của Harry cho cô, Maisie hoàn toàn nhất trí với người thầy giáo: số tiền ấy đã chứng tỏ đó là một khoản đầu tư tốt.

“Bà hãy nhớ,” thầy cảnh báo Maisie, “chi phí sẽ không giảm xuống khi Harry rời trường.”

“Tại sao lại không?” Maisie hỏi. “Hẳn con trai tôi sẽ không gặp nhiều khó khăn trong việc tìm được một việc làm sau từng ấy năm ăn học, và khi đó nó sẽ có thể tự trang trải lấy các hóa đơn cho mình.”

Thầy Holcombe buồn bã lắc đầu, như thể một học sinh thiếu tập trung của ông đã không nắm được ý bài giảng. “Tôi thì lại đang hy vọng rằng khi cậu bé rời khỏi Bristol, Harry sẽ muốn tới Oxford và học Anh văn.”

“Và chuyện đó sẽ mất bao lâu,” Maisie hỏi.

“Ba, cũng có thể là bốn năm.”

“Đến khi đó hẳn con trai tôi đã đọc nhiều Anh văn lắm rồi.”

“Chắc chắn là đủ để kiếm được một việc làm.”

Maisie bật cười. “Có thể thằng bé sẽ trở thành một thầy giáo giống thầy.”

“Cậu bé không giống tôi,” thầy Holcombe nói. “Nếu tôi buộc phải đoán, chắc con trai bà sẽ trở thành một nhà văn.”

“Người ta có thể kiếm sống được khi là một nhà văn không?”

“Tất nhiên rồi, nếu anh ta thành công. Nhưng nếu chuyện đó không thành, bà có thể đúng đấy - rất có thể cuối cùng cậu bé sẽ trở thành một thầy giáo giống tôi.”

“Tôi sẽ thích điều đó,” Maisie nói, có vẻ như không hiểu được sự mỉa mai trong lời thầy Holcombe vừa nói.

Cô cho chiếc phong bì vào xác tay của mình. Khi rẽ vào ngân hàng chiều hôm đó, cô sẽ phải đảm bảo chắc chắn có ít nhất ba mươi bảy bảng và mười shilling trong tài khoản của Harry trước khi nghĩ đến chuyện viết một tấm séc chi trả cho toàn bộ khoản tiền. Chỉ ngân hàng mới kiếm được tiền khi ta rút quá số tiền gửi, Patrick đã nói với cô như thế. Trong quá khứ, cũng đã có đôi ba lần nhà trường đã cho cô chậm thanh toán, nhưng Patrick đã giải thích rằng, cũng giống như tiệm trà, họ cũng sẽ phải cân đối sổ sách thu chi của mình vào cuối mỗi học kỳ.

Maisie không phải đợi tàu điện lâu, và khi ngòi xuống rồi, suy nghĩ của cô lại trở về với Patrick. Cô không bao giờ thổ lộ với bất cứ ai, kể cả mẹ mình, rằng cô nhớ anh ta đến mức nào.

Dòng suy nghĩ của cô bị cắt ngang khi một chiếc xe cứu hỏa lao vọt qua tàu điện. Một vài người khách ngược mắt qua cửa sổ dõi theo hướng đi của nó. Khi chiếc xe đã khuất khỏi tầm nhìn, Maisie chuyển sự chú ý của cô sang tiệm trà Tilly's. Kể từ khi cô đuổi Bob Burrows, giám đốc điều hành ngân hàng thông báo với cô rằng tiệm

trà bắt đầu phát sinh lãi đều đặn mỗi tháng, và thậm chí còn có thể sẽ phá vỡ kỷ lục 112 bảng 10 shiling vào cuối năm của bà Tilly, điều này cho phép Maisie có thể bắt đầu thanh toán một phần trong số năm trăm bảng mà cô đã vay. Thậm chí có thể còn dư ra một chút đủ để mua một đôi giày mới cho Harry.

Maisie xuống tàu điện ở cuối phố Victoria. Trong khi đi qua cầu Bedminster, cô nhìn đồng hồ, món quà đầu tiên mà cô được tặng, và một lần nữa cô lại nghĩ tới con trai. Bây giờ ba mươi hai: cô sẽ còn dư thời gian để mở cửa tiệm trà và sẵn sàng phục vụ khách hàng vào lúc tám giờ. Cô luôn thấy vui mỗi khi thấy một hàng người đứng chờ sẵn ngoài vỉa hè trong khi cô lật tấm biển “đóng cửa” thành “mở cửa.”

Ngay trước khi cô vừa tới đầu phố High, thêm một chiếc xe cứu hỏa nữa chạy vụt qua, và lúc này cô có thể thấy một cuộn khói đen bốc lên bầu trời. Nhưng phải tới khi rẽ sang phố Broad tim cô mới bắt đầu đập mạnh hơn. Ba chiếc xe cứu hỏa và một xe cảnh sát đang đổ thành vòng bán nguyệt bên ngoài tiệm Tilly's.

Maisie bắt đầu chạy.

“Không, không thể là Tilly's được,” cô thét lên, rồi sau đó cô nhìn thấy mấy nhân viên của mình đang đứng thành một nhóm ở phía bên kia đường. Một người trong số họ đang khóc. Maisie chỉ còn cách nơi từng là cửa trước của tiệm vài yard thì một nhân viên cảnh sát xuất hiện chắn đường cô, ngăn không cho cô đi tiếp.

“Nhưng tôi là chủ tiệm!” cô phản đối trong lúc nhìn chăm chăm không tin nổi vào một đồng hồ nát đang bốc cháy nghi ngút nơi từng là tiệm trà được ưa chuộng nhất trong thành phố. Nước mắt cô trào ra, và cô bắt đầu ho khi làn khói đen đặc quánh bao quanh cô. Cô nhìn chăm chăm vào đồng cháy đen từng là quầy thu ngân đẹp đẽ long lanh, trong khi một lớp tro dày phủ trên sàn nhà nơi từng bày các bộ bàn ghế với khăn trải bàn trắng bóc không một vết ố khi cô đóng cửa hàng quay về tối hôm trước.

“Tôi rất lấy làm tiếc, thưa bà,” người cảnh sát nói, “nhưng vì an toàn của chính bà, tôi buộc phải yêu cầu bà tới chỗ các nhân viên của mình ở phía bên kia đường.”

Maisie quay lưng lại phía tiệm Tilly's và bắt đầu miễn cưỡng bước qua đường. Trước khi sang tới phía bên kia đường, cô nhìn thấy

anh ta đang đứng bên rìa đám đông. Khi ánh mắt hai người chạm nhau, anh ta quay lại và bỏ đi.

* * *

Thám tử thanh tra Blakemore mở sổ ghi chép của ông ra và nhìn qua bàn về phía đối tượng nghi vấn.

“Bà vui lòng cho tôi biết bà ở đâu vào lúc ba giờ sáng nay, thưa bà Clifton?”

“Tôi đang nằm trên giường ở nhà,” Maisie đáp.

“Có ai có thể xác nhận điều này không?”

“Thanh tra Blakemore, nếu ý ông là có ai trên giường cùng tôi vào lúc đó hay không, thì câu trả lời là không. Tại sao ông lại hỏi vậy?”

Người cảnh sát ghi chép vào sổ, điều này cho ông ta có thêm thời gian để suy nghĩ. Rồi ông ta nói, “Tôi đang cố tìm hiểu xem có ai khác can dự không.”

“Can dự vào cái gì?” Maisie hỏi.

“Cố ý gây hỏa hoạn,” viên thanh tra nói, đồng thời chăm chú quan sát cô.

“Nhưng có ai lại có thể muốn đốt tiệm Tilly’s cơ chứ?” Maisie hỏi.

“Tôi lại đang hy vọng bà có thể giúp tôi trong việc này,” Blakemore nói. Ông ta dừng lời, hy vọng rằng cô Clifton sẽ nói thêm điều gì đó mà sau này cô ta sẽ phải ân hận. Nhưng cô đã không nói gì.

Thanh tra Blakemore không thể đoán chắc được liệu bà Clifton là một kẻ tình nghi quá tinh táo, hay chỉ đơn giản là quá ngây thơ. Ông biết một người có thể trả lời được câu hỏi đó.

* * *

Ông Frampton đứng dậy từ sau bàn làm việc, bắt tay Maisie và ra hiệu mời cô ngồi xuống ghế.

“Tôi lấy làm tiếc khi được biết tin về vụ hỏa hoạn xảy ra tại tiệm Tilly’s,” ông nói. “Ơn Chúa là không có ai bị thương.” Maisie đã không cảm ơn Chúa nhiều lắm trong thời gian gần đây.

“Tôi hy vọng là cửa tiệm cùng đồ đạc bên trong đã được bảo hiểm thích đáng,” ông nói thêm.

“Ồ vâng, có chứ,” Maisie nói. “Nhờ ông Casey mà mọi thứ đã được bảo hiểm chu đáo, nhưng không may là công ty bảo hiểm từ chối chi trả dù chỉ một penny cho tới khi cảnh sát xác nhận rằng tôi không có liên quan.”

“Tôi không thể tin nổi cảnh sát lại coi cô là một đối tượng tình nghi,” Frampton nói.

“Với những khó khăn tài chính của tôi,” Maisie nói, “ai có thể trách họ được chứ?”

“Sẽ chỉ là vấn đề thời gian trước khi họ thấy đó là một nghi vấn thật lố bịch.”

“Tôi thì không có thời gian,” Maisie nói. “Đó là lý do mà tôi đến gặp ông. Tôi cần phải tìm một công việc, và lần cuối cùng chúng ta gặp nhau trong căn phòng này, tôi còn nhớ ông có nói nếu lúc nào đó tôi muốn quay trở lại Royal...”

“Và tôi thực sự có ý đó,” ông Frampton ngắt lời cô. “Nhưng tôi không thể cho lại cô công việc cũ, vì Susan đang làm việc rất tốt, và mới đây tôi vừa tuyển dụng ba nhân viên cũ của Tilly’s, vậy nên tôi không còn vị trí nào ở Palm Court cả. Chỗ làm duy nhất tôi có sẵn lúc này khó lòng có thể coi là xứng đáng...”

“Tôi sẵn sàng nhận bất cứ công việc nào, ông Frampton,” Maisie nói, “và ý tôi thực sự là bất cứ công việc nào.”

“Một số khách của chúng tôi đã nói rằng họ muốn có gì đó để ăn vào buổi tối sau khi khách sạn đóng cửa,” ông Frampton nói. “Tôi đang cân nhắc tới việc mở một dịch vụ hạn chế phục vụ cà phê và sandwich sau mười giờ tối, và duy trì phục vụ cho tới khi phòng ăn sáng mở cửa vào lúc sáu giờ. Khởi đầu, tôi chỉ có thể trả cô ba bảng một tuần, cho dù tất nhiên toàn bộ tiền thưởng của khách đều thuộc về cô. Tất nhiên, tôi có thể hiểu nếu cô cảm thấy...”

“Tôi sẽ nhận việc này.”

“Khi nào cô có thể bắt đầu?”

“Tối nay.”

* * *

Khi chiếc phong bì nâu tiếp theo xuất hiện trên thảm chùi chân ngoài cửa số nhà 27, Maisie nhồi nó vào xách tay, mà không thèm mở ra, cô tự hỏi sẽ bao lâu nữa thì cô nhận được một phong bì thứ hai, hoặc có thể thứ ba, rồi cuối cùng là một chiếc phong bì dày màu trắng đựng một lá thư được gửi không phải từ người phụ trách tài chính của trường mà là từ ông hiệu trưởng, đề nghị bà Clifton đưa con rời khỏi trường vào cuối học kỳ. Cô sợ hãi khoanh khắc khi Harry phải đọc lá thư này cho cô nghe.

Đến tháng chín là cậu bé sẽ vào lớp sáu, và cậu bé không giấu nổi sự phấn khích trong ánh mắt mỗi khi nói về chuyện “sẽ lên” Oxford và học Anh văn dưới chân Alan Quilter, một trong những học giả danh tiếng nhất thời đó. Maisie không chịu đựng nổi ý nghĩ phải nói với con trai đó rằng điều đó giờ đây là không thể.

Vài đêm đầu tiên của cô ở khách sạn Royal rất im ắng, và tình hình cũng không trở nên sôi động hơn trong tháng tiếp theo. Cô ghét phải chịu cảnh ngồi không, và khi các nhân viên lao công tới khách sạn vào lúc năm giờ sáng, họ thường thấy là chẳng còn gì để họ phải làm ở Palm Court nữa. Thậm chí vào đêm bận rộn nhất của mình Maisie cũng không có nhiều hơn sáu khách hàng, và vài người trong số này mới vừa ra khỏi quầy bar của khách sạn sau nửa đêm và dường như quan tâm tới chuyện tán tỉnh cô hơn là gọi cà phê và một chiếc sandwich kẹp giăm bông.

Phần lớn khách của cô là những người có công chuyện làm ăn chỉ đặt phòng một đêm, vì thế cơ hội để thiết lập một lượng khách hàng quen với cô có vẻ không hứa hẹn lắm, và các khoản tiền thưởng chắc chắn sẽ không thể giúp trang trải được khoản tiền trong chiếc phong bì màu nâu vẫn nằm yên chưa được mở ra trong xách tay của cô.

Maisie biết, nếu muốn Harry được ở lại Bristol Grammar School và có cơ hội nhỏ nhất được tới học Oxford, chỉ còn một người duy nhất cô có thể tìm kiếm sự giúp đỡ. Cô sẽ cầu xin nếu cần thiết.

“Điều gì khiến bà nghĩ ông Hugo sẽ sẵn lòng giúp đỡ?” Già Jack hỏi, ngả lưng tựa vào ghế của ông. “Ông ta chưa bao giờ có bất cứ dấu hiệu nào có vẻ quan tâm tới Harry trong quá khứ. Ngược lại...”

“Nhưng nếu có ai đó trên thế gian này buộc phải cảm thấy có chút trách nhiệm với tương lai của Harry, thì chính là người đàn ông đó.” Maisie lập tức cảm thấy ân hận những lời cô đã nói.

Già Jack im lặng một lúc trước khi ông hỏi, “Có chuyện gì cô chưa nói với tôi phải không, Maisie?”

“Không,” cô trả lời, có phần hơi nhanh nhẩu quá. Cô ghét phải nói dối, nhất là với Già Jack, nhưng cô đã quyết định rằng đây là một bí mật mà cô sẽ mang theo xuống mồ.

“Bà đã nghĩ xem bà sẽ gặp ông Hugo ở đâu và khi nào chưa?”

“Tôi biết chính xác mình sẽ làm gì. Ông ta hiếm khi rời phòng làm việc trước sáu giờ tối, và lúc ấy phần lớn nhân viên làm việc trong tòa nhà đã ra về rồi. Tôi biết phòng làm việc của ông ta ở trên lầu năm, và tôi biết cửa phòng ông ta là cánh cửa thứ ba bên tay trái. Tôi biết...”

“Nhưng bà có biết gì về cô Potts không?” Già Jack ngắt lời. “Cho dù bà có vượt qua được tiếp tân và bằng cách nào đó lên được lầu năm không bị ai phát hiện, sẽ chẳng có cách nào tránh được cô ta đâu.”

“Cô Potts ư? Tôi chưa bao giờ nghe nói tới cô ta.”

“Cô ta là thư ký riêng của ông Hugo trong suốt mười lăm năm qua. Tôi có thể nói với bà từ kinh nghiệm cá nhân của chính mình,

bà sẽ không cần đến chó giữ nhà nếu đã có cô Potts là thư ký riêng.”

“Vậy là tôi sẽ phải đợi tới khi cô ta về nhà.”

“Cô Ports không bao giờ về nhà trước ông chủ của cô ta, và luôn có mặt ở bàn làm việc trước ba mươi phút vào mỗi buổi sáng.”

“Nhưng vậy thì tôi còn có ít cơ hội hơn để có thể lọt được vào Manor House,” Maisie nói, “nơi họ cũng có một con chó gác nhà có tên là Jenkins.”

“Vậy thì bà cần tìm một thời điểm và địa điểm mà ông Hugo chỉ có một mình, không thể trốn tránh và không thể dựa vào cô Potts hay Jenkins tới ứng cứu cho ông ta được.”

“Liệu có thời điểm và địa điểm nào như thế không?” Maisie hỏi.

“Ồ có đấy.” Già Jack nói. “Nhưng bà cần cần thời gian thật đúng.”

* * *

Maisie đợi cho đến lúc trời tối hẳn mới rời khỏi toa xe lửa của Già Jack. Cô rón rén bước đi trên con đường rải sỏi, hé mở cánh cửa sau, leo vào, và đóng cửa lại sau lưng mình. Chấp nhận chờ đợi một thời dài, cố ngồi xuống hàng ghế da êm ái. Cô có thể nhìn thấy rõ mồn một tòa nhà qua một khung cửa sổ bên. Maisie kiên nhẫn chờ đợi từng ngọn đèn tắt đi. Già Jack đã cảnh báo cô đèn phòng ông ta sẽ là một trong những ngọn đèn cuối cùng được tắt.

Cô tranh thủ thời gian để nhẩm lại những câu hỏi cô dự định sẽ hỏi ông ta. Những câu hỏi cô đã nhẩm đi nhẩm lại trong mấy ngày liền trước khi thử nói chúng ra trước mặt Già Jack chiều hôm ấy. Ông già đã đưa ra một vài đề xuất, và đều được cô vui lòng chấp nhận.

Vừa quá sáu giờ, một chiếc Rolls-Royce xuất hiện và đậu lại trước mặt tòa nhà. Một người lái xe bước ra đứng cạnh xe. Một lát sau, Sir Walter Barrington, chủ tịch công ty, bước ra khỏi cửa trước tòa nhà, leo lên băng ghế sau và được chở đi.

Thêm nhiều ngọn đèn nữa được tắt đi, cho tới khi chỉ còn một ô cửa sáng đèn, như một ngôi sao đơn độc duy nhất trên đỉnh một cây

thông Giáng sinh. Đột nhiên Maisie nghe thấy tiếng bước chân bước lạo xạo trên sỏi. Cô rời khỏi ghế, nằm dài ép mình xuống sàn xe. Cô có thể nghe thấy tiếng hai người đàn ông, đang mãi mê trò chuyện, và bước về phía mình. Kế hoạch của cô không tính đến hai người đàn ông, và cô đang định luồn ra ngoài qua phía bên kia và cố biến mất vào màn đêm thì hai người kia dừng lại.

“... nhưng bất chấp điều đó,” một giọng nói mà cô nhận ra ngay cất lên, “tôi sẽ rất biết ơn nếu sự can dự của tôi được giữ kín hoàn toàn giữa hai chúng ta.”

“Tất nhiên rồi, thưa ngài, ngài có thể trông cậy vào tôi,” một giọng nói nữa cô cũng đã từng nghe qua vang lên, cho dù cô không nhớ nổi đã nghe thấy nó ở đâu.

“Hãy giữ liên lạc với tôi, ông bạn thân mến,” giọng thứ nhất nói. “Tôi tin chắc sẽ có lúc tôi lại phải cần đến dịch vụ của ngân hàng.”

Maisie nghe thấy tiếng một đôi chân bước đi. Cả người cô chợt lạnh toát khi cửa xe mở ra.

Ông ta chui vào trong xe, ngồi vào trước vô lăng và đóng cửa lại. Không có lái xe riêng, thích tự lái lấy chiếc Bugatti của mình, thích tận hưởng cảm giác sau tay lái - tất cả những thông tin vô giá đó đều do Già Jack cung cấp.

Ông ta khởi động xe, và chiếc xe rùng mình sống dậy. Ông ta rờ máy vài lần trước khi gạt cần số vào số một. Người gác cổng vẫy tay chào trong lúc Barrington lái ra đường lớn và hướng về phía thành phố, như ông ta vẫn làm hàng đêm, trên đường quay về Manor House.

“Đừng để ông ta biết bà ở đằng sau cho tới khi ông ta đã vào tới trung tâm thành phố,” Già Jack đã khuyên như thế. “Ông ta sẽ không dám mạo hiểm dừng xe tại đó, vì ông ta sợ có thể ai đó nhìn thấy ông ta cùng với bà và nhận ra ông ta. Nhưng một khi đã ra tới ngoài ô thành phố, ông ta sẽ không ngần ngại tống bà ra khỏi xe. Bà sẽ chỉ có tối đa mười, mười lăm phút thôi.”

“Đó là tất cả những gì tôi cần.” Maisie đã nói vậy với ông già.

Maisie đợi đến khi ông ta lái xe quá nhà thờ lớn và đang chạy ngang qua College Green, vốn luôn nhộn nhịp vào giờ này mỗi tối. Nhưng đúng lúc cô định nhồm dậy và vỗ vào vai ông ta, chiếc xe bắt đầu chạy chậm lại rồi dừng hẳn. Cửa mở, ông ta ra khỏi xe, rồi cửa

đóng lại. Maisie ghé mắt nhìn qua giữa hai ghế trước và kinh hoàng nhận ra ông ta đang đậu xe trước cửa khách sạn Royal.

Cả tá ý nghĩ cùng lóe lên trong tâm trí cô. Liệu cô có nên nhảy ra khỏi xe trước khi quá muộn? Tại sao ông ta lại ghé qua khách sạn Royal? Và liệu có phải là chuyện trùng hợp ngẫu nhiên khi ông ta chọn đúng ngày nghỉ của cô? Ông ta định nán lại trong đó bao lâu? Cô quyết định sẽ ở yên trong xe, sợ rằng mình sẽ bị phát hiện khi chui ra khỏi xe ở một nơi công cộng như ở đây. Hơn nữa, đây rất có thể cũng là cơ hội cuối cùng của cô để mặt đối mặt với ông ta trước khi đến hạn chót phải thanh toán hóa đơn.

Câu trả lời cho một trong hai câu hỏi của cô là hai mươi phút, nhưng từ rất lâu trước khi ông ta trở ra ngồi xuống ghế lái xe và rồ máy lao đi, Maisie đã ướt đầm mồ hôi vì sợ. Cô không thể ngờ tim mình có thể đập nhanh đến thế. Cô đợi cho tới khi ông ta đã đi được khoảng nửa dặm rồi mới ngồi dậy đập tay lên vai ông ta.

Barrington quay lại nhìn và có vẻ ngỡ ngàng, rồi sau đó là ánh nhìn có vẻ như đã nhận ra cô, và cuối cùng là ý thức được tình thế. “Cô muốn gì?” ông ta hỏi, ít nhiều đã trấn tĩnh.

“Tôi có cảm giác ông biết chính xác tôi muốn gì,” Maisie nói. “Mối quan tâm duy nhất của tôi là Harry, và đảm bảo rằng học phí của con trai tôi được trang trải đầy đủ trong hai năm tới.”

“Hãy cho tôi một lý do thuyết phục lý giải tại sao tôi phải trang trải học phí cho con trai cô?”

“Vì thằng bé là con trai ông,” Maisie bình thản trả lời.

“Và điều gì làm cô chắc chắn thế?”

“Tôi đã quan sát ông khi ông nhìn thấy thằng bé lần đầu tiên ở St. Bede,” Maisie nói, “và tất cả các Chủ nhật tại St. Mary khi Harry hát trong ban đồng ca. Tôi đã thấy ánh mắt của ông lúc đó, và tôi lại thấy ánh mắt đó khi ông từ chối bắt tay thằng bé vào ngày đầu năm học.”

“Đó không phải là bằng chứng,” Barrington nói, nghe đã có vẻ tự tin hơn một chút. “Đó chẳng qua chỉ là linh cảm của phụ nữ mà thôi.”

“Vậy thì có thể đã tới lúc cho một người phụ nữ khác biết ông đã làm gì ở bên ngoài.”

“Điều gì khiến cô nghĩ cô ấy sẽ tin cô?”

“Không gì ngoài linh cảm của một người phụ nữ,” Maisie nói. Những lời này khiến Barrington im bật, đồng thời cũng giúp cô có tự tin để tiếp tục. “Bà Barrington rất có thể cũng muốn biết vì sao ông phải mất công đến thế để khiến anh trai tôi bị bắt hôm sau ngày Arthur mất tích.”

“Một trùng hợp ngẫu nhiên, không hơn.”

“Và chắc cũng chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên khi sau đó không ai từng trông thấy chồng tôi nữa?”

“Tôi chẳng liên quan gì tới cái chết của Clifton cả!” Barrington vừa gầm lên vừa đánh lái chiếc xe, thiếu chút nữa đụng phải một chiếc xe đi ngược chiều.

Maisie ngồi thẳng cứng người, sững sờ trước những gì cô vừa nghe thấy. “Vậy ra chính ông là người phải chịu trách nhiệm về cái chết của chồng tôi.”

“Cô chẳng có bằng chứng nào hết.”

“Tôi không cần thêm bằng chứng nào nữa. Nhưng bất chấp những khổ đau ông đã gây ra cho gia đình tôi suốt bấy nhiêu năm qua, tôi vẫn sẽ dành cho ông một con đường thoát dễ dàng. Ông lo lắng cho việc học hành của Harry trong thời gian nó theo học tại Bristol Grammar School, và tôi sẽ không bao giờ quấy rầy ông nữa.”

Phải một lúc sau Barrington mới trả lời. Và rồi ông ta lên tiếng, “Tôi sẽ cần thêm vài ngày cân nhắc cách tốt nhất để thực hiện việc chi trả.”

“Quý từ thiện của công ty ông có thể dễ dàng thu xếp một khoản tiền nhỏ như thế,” Maisie nói. “Nói cho cùng, bố ông chính là chủ tịch mà.”

Lần này thì ông ta không thể có sẵn câu trả lời. Liệu có phải ông ta đang ngẫm nghĩ xem cô có được thông tin đó bằng cách nào không? Ông ta không phải là người đầu tiên đánh giá thấp Già Jack. Maisie mở xác tay của cô, lấy ra chiếc phong bì nâu mỏng và đặt nó xuống cái ghế bên cạnh ông ta.

Chiếc xe rẽ vào một con hẻm tối tăm. Barrington nhảy xuống xe và mở cửa sau. Maisie bước ra khỏi xe, cảm thấy cuộc đối đầu không thể diễn ra thuận lợi hơn. Chân cô vừa chạm đất, ông ta đã chộp mạnh lấy vai cô và lắc cô dữ dội.

“Giờ hãy nghe tôi nói đây, Maisie Clifton, và hãy nghe cho thật kỹ,” ông ta nói, đôi mắt đầy căm giận. “Nếu cô còn dám đe dọa tôi lần nữa, tôi sẽ đảm bảo để không chỉ anh trai cô bị sa thải, mà anh ta còn không bao giờ tìm được việc làm trong thành phố này nữa. Và nếu có lúc nào đó cô trở nên ngu ngốc tới mức hé miệng với vợ tôi rằng tôi là bố thằng nhóc đó, tôi sẽ khiến cô bị bắt giữ, và đoạn kết của cô sẽ không phải là một nhà tù đâu, mà là một trại tâm thần.”

Ông ta buông cô ra, siết chặt nắm tay lại rồi đâm thẳng vào mặt cô. Cô khụy xuống đất, người co tròn lại, trông đợi ông ta sẽ đá cô liên hồi. Khi không có chuyện gì xảy ra, cô ngược nhìn lên và thấy ông ta đang đứng cạnh mình. Ông ta đang xé vụn chiếc phong bì nâu ra thành từng mảnh và tung hê chúng như rắc hoa xuống đầu một cô dâu vậy.

Không nói thêm một lời, ông ta chui lại vào trong xe và lái đi.

* * *

Khi chiếc phong bì trắng xuất hiện trong thùng thư, Maisie biết cô đã bị hạ gục. Cô sẽ phải cho Harry biết sự thật khi con trai cô từ trường quay về chiều hôm ấy. Nhưng trước hết cô cần ghé qua ngân hàng, gửi khoản tiền thưởng còn cỗi kiếm được tối hôm trước, và báo với ông Prendergast sẽ không có thêm hóa đơn nào từ Bristol Grammar School gửi tới nữa, vì con trai cô sẽ rời khỏi trường vào cuối kỳ.

Cô quyết định sẽ đi bộ tới ngân hàng và tiết kiệm một penny tiền vé tàu điện. Trên đường đi, cô nghĩ tới tất cả những người mà cô đã phụ sự kỳ vọng. Liệu cô Tilly và cô Monday có bao giờ tha thứ được cho cô không? Một số nhân viên của cô, nhất là những người lớn tuổi, đã không thể tìm được việc làm khác. Còn bố mẹ cô nữa, vẫn luôn trông nom Harry để cô có thể đi làm; Già Jack, người đã làm rất nhiều để giúp con trai cô; và hơn tất cả là bản thân Harry, người mà nói như theo lời của ông Holcombe, sắp giành được vòng nguyệt quế của chiến thắng.

Khi tới ngân hàng, cô đứng xếp vào hàng dài nhất, cứ như thể cô không vội vã gì để cần phải được phục vụ ngay vậy.

“Chúc buổi sáng tốt lành, bà Clifton,” người thu ngân vui vẻ chào khi cuối cùng cũng đến lượt cô lên tới đầu hàng.

“Xin chào ông,” Maisie đáp trước khi để lên quầy bốn shiling và sáu penny.

Người thu ngân cẩn thận kiểm tiền, sau đó xếp các đồng tiền xu vào các khay khác nhau dưới quầy. Sau đó anh ta viết một tờ biên lai để xác nhận khoản tiền bà Clifton đã gửi, rồi đưa cho cô. Maisie đứng tránh sang bên nhường chỗ cho khách hàng tiếp theo trong lúc cô cất tờ biên lai vào xách tay.

“Bà Clifton,” người thu ngân gọi.

“Vâng?” cô nói, ngược mắt nhìn lên.

“Ngài giám đốc muốn trao đổi vài lời với bà.”

“Tôi hiểu,” cô nói. Maisie chẳng cần ông ta nhắc để biết rằng không còn đủ tiền trong tài khoản của cô để thanh toán khoản hóa đơn mới nhất từ trường gửi đến. Kỳ thực, hẳn sẽ là sự giải thoát khi cho ông Prendergast biết sẽ không có thêm hóa đơn thanh toán nào cho các hoạt động ngoại khóa nữa.

Người đàn ông trẻ lặng lẽ dẫn cô qua đại sảnh của ngân hàng và đi theo một hành lang dài. Khi tới văn phòng giám đốc, anh ta gõ nhẹ lên cánh cửa, mở ra và nói, “Bà Clifton, thưa ngài.”

“A, phải rồi,” ông Prendergast nói. “Tôi thực sự cần trao đổi vài lời với bà, bà Clifton. Mời bà vào.”

Cô đã nghe thấy giọng nói này ở đâu rồi nhỉ?

“Bà Clifton,” ông ta tiếp tục khi cô đã ngồi xuống, “tôi lấy làm tiếc phải báo cho bà biết chúng tôi đã không thể đáp ứng được tám séc trị giá ba mươi bảy bảng và mười shiling gần đây nhất của bà, thanh toán cho Bristol Municipal Charities. Tôi e rằng không còn đủ tiền trong tài khoản của bà để trang trải cho toàn bộ khoản này. Tất nhiên, trừ khi bà dự định gửi bổ sung thêm tiền vào tài khoản trong tương lai gần.”

“Không,” Maisie nói, lấy chiếc phong bì trắng từ trong xách tay ra và đặt nó lên bàn trước mặt ông giám đốc. “Có lẽ ông có thể vui lòng báo với Bristol Municipal Charities rằng nếu được cho thêm thời gian, tôi sẽ nộp đủ mọi khoản chi phí phát sinh trong học kỳ cuối cùng của Harry.”

“Tôi rất tiếc, thưa bà Clifton,” ông Prendergast nói. “Tôi ước gì có thể giúp được chút nào đó.” Ông ta cầm chiếc phong bì trắng lên. “Tôi có thể mở nó được chứ?” ông ta hỏi.

“Vâng, tất nhiên rồi,” Maisie nói, cho tới lúc đó cô vẫn né tránh không muốn biết mình còn nợ trường học bao nhiêu tiền.

Ông Prendergast cầm lấy con dao rọc giấy bằng bạc thanh mảnh trên bàn làm việc và mở phong bì. Ông ta lấy ra một tấm séc của Công ty Bảo hiểm Bristol và Tây Anh trị giá sáu trăm bảng, thanh toán cho bà Maisie Clifton.

HUGO BARRINGTON



1921 - 1936

Tôi thậm chí còn chẳng thể nhớ nổi tên cô ta, nếu như sau đó cô ta không buộc tội tôi giết chồng cô ta.

Tất cả bắt đầu khi cha tôi khẳng khái yêu cầu tôi đi cùng các công nhân trong chuyến đi dã ngoại hàng năm tới Weston-super-Mare của công ty. “Sẽ tốt cho tinh thần của họ khi họ thấy con trai của chủ tịch bày tỏ sự quan tâm,” ông đã nói vậy.

Tôi không hề thấy thuyết phục, và khá thẳng thắn bày tỏ quan điểm rằng chuyện đó chỉ là sự lãng phí thời gian vô ích, song một khi cha tôi đã quyết định bất cứ việc gì, chẳng bao giờ có chuyện cãi lý lại được với ông. Và chuyến đi đó hẳn đã đúng là phí thời gian vô ích nếu như Maisie - một cái tên thật tầm thường - không xuất hiện cho một cuộc phiêu lưu ngắn ngủi. Thậm chí tôi cũng phải kinh ngạc khi thấy cô ta hăng hái đến thế với việc leo lên giường cùng con trai của ông chủ. Tôi cứ nghĩ rằng một khi chúng tôi quay trở lại Bristol tôi sẽ không bao giờ nghe nói tới cô ta nữa. Rất có thể sẽ là như thế, nếu cô ta không kết hôn với Arthur Clifton.

* * *

Lúc ấy tôi đang ngồi tại bàn làm việc xem lại hồ sơ dự thầu cho hợp đồng đóng chiếc *Maple Leaf*, kiểm tra đi kiểm tra lại các con số, hy vọng tìm ra một cách nào đó để công ty có thể cứu vãn được một ít tiền, nhưng dù tôi có cố gắng khổ công đến thế nào đi nữa, dòng

tổng kết cuối cùng vẫn chẳng hay ho chút nào. Và tôi chính là người đã quyết định nhận thầu vụ này.

Người đồng nhiệm của tôi tại Myson đã mặc cả rất quyết liệt và ngặt nghèo, sau vài trì hoãn mà tôi đã không dự toán ngân sách trước, chúng tôi đã chậm mất năm tháng so với dự kiến, những điều khoản trừng phạt sẽ có hiệu lực nếu chúng tôi không hoàn thành việc đóng tàu vào ngày 15 tháng Mười hai. Vụ làm ăn vốn ban đầu có vẻ là một hợp đồng trong mơ đem tới món lợi nhuận hấp dẫn đã biến thành một cơn ác mộng, chúng tôi sẽ tỉnh giấc vào ngày 15 tháng Mười hai với những khoản tổn thất khổng lồ.

Cha tôi đã phản đối việc công ty Barrington tiếp nhận hợp đồng này ngay từ đầu và bày tỏ quan điểm của ông một cách rõ ràng. “Chúng ta nên trung thành với công việc chúng ta có thể làm tốt,” ông nhắc đi nhắc lại từ ghế chủ tịch trong mọi cuộc họp hội đồng quản trị. “Trong suốt một trăm năm qua công ty vận tải Barrington’s Shipping Line đã vận chuyển hàng hóa tới khắp nơi trên trái đất này, nhường lại cho các đối thủ của chúng ta ở Belfast, Liverpool và Newcastle việc đóng tàu.”

Tôi biết mình không thể lay chuyển được ông, vậy là tôi dành thời gian để thuyết phục những thành viên trẻ tuổi hơn trong hội đồng quản trị rằng chúng tôi đã bỏ lỡ một số cơ hội trong vài năm gần đây, trong khi những người khác vớ được nhiều hợp đồng béo bở đáng ra đã có thể dễ dàng thuộc về chúng tôi. Cuối cùng tôi cũng thuyết phục được họ, bằng một chỉ số sít sao, đưa công ty chen chân vào lĩnh vực làm ăn mới và ký hợp đồng với Myson để đóng một tàu chở hàng cho đội tàu đang phát triển nhanh chóng của họ.

“Nếu chúng ta làm tốt và bàn giao chiếc *Maple Leaf* đúng hạn,” tôi nói với hội đồng quản trị, “chắc chắn chúng ta sẽ có thêm nhiều hợp đồng nữa.”

“Hãy hy vọng rằng rồi đây chúng ta sẽ không phải hối tiếc vì đã ký kết nó,” là lời bình luận duy nhất của cha tôi sau khi ông thất bại trong cuộc biểu quyết tại hội đồng quản trị.

Lúc này đây tôi đã cảm thấy hối tiếc về quyết định của mình. Cho dù Barrington Line dự báo sẽ thu được mức lợi nhuận kỷ lục vào năm 1921, bắt đầu có vẻ rõ ràng là công ty con của nó, công ty đóng tàu Barrington Shipbuilding, sẽ là dòng thua lỗ duy nhất trong bảng

quyết toán năm. Một số thành viên trong hội đồng quản trị đã xa lánh quyết định, và liên tục nhắc để mọi người nhớ họ đã biểu quyết tán thành cha tôi.

Tôi mới được bổ nhiệm làm giám đốc điều hành công ty gần đây, và tôi chỉ có thể hình dung ra những gì đang được nói sau lưng tôi. “Phá vỡ khuôn khổ cũ,” hiển nhiên là những lời chằng ai nói đến. Một giám đốc đã từ chức và không thể bày tỏ quan điểm của ông ta rõ ràng hơn khi ra đi với việc cảnh báo cha tôi, “Cậu ta thiếu năng lực xét đoán. Hãy cẩn thận để cậu ta không là nguyên nhân dẫn đến việc làm công ty phá sản.”

Nhưng tôi chưa cam chịu bỏ cuộc. Tôi vẫn tin tưởng nếu hoàn tất công việc đúng hạn, chúng tôi sẽ vượt qua được mức hòa vốn và nhiều khả năng thu được một món lợi nhuận nhỏ. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào những gì diễn ra trong vài tuần tiếp theo. Tôi đã ra lệnh làm việc suốt ngày đêm thành ba ca tám tiếng, và hứa dành cho các công nhân những món tiền thưởng hấp dẫn nếu họ có thể hoàn thành hợp đồng kịp thời hạn. Nói cho cùng, đang có đủ người xếp hàng dài ngoài cổng, tuyệt vọng tìm kiếm một việc làm.

* * *

Tôi đang định báo với thư ký riêng của mình là tôi sẽ đi về nhà thì anh ta xông xộc lao vào phòng làm việc của tôi mà không hề báo trước.

Đó là một người đàn ông thấp, to ngang, với đôi vai rộng và cơ bắp vạm vỡ, vóc dáng của một công nhân bốc vác. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là tự hỏi làm thế nào anh ta qua mặt được cô Potts, người đang hối hả lao theo sau anh ta với khuôn mặt bối rối hiếm thấy. “Tôi không thể ngăn được anh ta,” cô ta lên tiếng, nói ra một chuyện đã quá hiển nhiên. “Tôi có cần gọi bảo vệ không?”

Tôi nhìn thẳng vào mắt người đàn ông và nói, “Không cần.”

Cô Potts đứng nguyên ngoài cửa trong lúc hai chúng tôi nhìn nhau, hết như một con cây măng-gút và một con rắn, mỗi người đều tự hỏi ai sẽ ra đòn trước. Sau đó người đàn ông kia miễn cưỡng bỏ

mũ ra và bắt đầu nói huyền thuyên. Phải mất một lúc tôi mới hiểu được anh ta đang nói gì.

“Người bạn thân nhất của tôi sắp chết mất! Arthur Clifton sẽ chết mất trừ khi ông làm gì đó.”

Tôi bảo anh ta hãy bình tĩnh lại và giải thích xem có chuyện gì đã xảy ra, đúng lúc đó thì người quản lý công nhân của tôi lao vào phòng.

“Tôi rất xin lỗi rằng Ngài đã bị Tancock quấy rầy, thưa ngài,” ông ta nói sau khi thở lấy hơi, “nhưng tôi có thể cam đoan với ngài là mọi thứ đã nằm trong tầm kiểm soát. Ngài không có gì phải bận tâm cả.”

“Cái gì đã nằm trong tầm kiểm soát?” tôi hỏi.

“Tancock đây nói rằng anh bạn Clifton của anh ta đang làm việc bên trong vỏ thân tàu khi thay ca, và không hiểu bằng cách nào ca mới lại nhốt anh này bên trong.”

“Ông cứ tự đến mà xem đi,” Tancock hét lên. “Ông có thể nghe thấy tiếng cạu ấy gỗ.”

“Có thể nào có chuyện như thế không, Haskins?” tôi hỏi.

“Chuyện gì cũng có thể xảy ra, thưa ngài, nhưng nhiều khả năng hơn là Clifton đã kết thúc giờ làm việc trong ngày và tới quán rượu rồi.”

“Vậy thì tại sao cạu ấy lại không ký tên ra về ở ngoài cổng?” Tancock hỏi.

“Chuyện đó cũng chẳng có gì lạ,” Haskins nói, không thèm nhìn người công nhân. “Chấm công khi tới mới quan trọng, chứ không phải là khi ra về.”

“Nếu ông không chịu tới và nhìn tận mắt,” Tancock nói, “ông sẽ xuống mồ với máu của cạu ấy trên hai bàn tay ông.”

“Cô Potts, tôi sẽ xuống cầu tàu số một,” tôi nói. “Tôi sẽ không đi lâu đâu.”

Người đàn ông thấp to ngang lao ra khỏi phòng làm việc của tôi mà không nói thêm một lời.

“Haskins, hãy lên xe cùng tôi,” tôi nói. “Chúng ta sẽ bàn về những việc cần phải làm trên đường.”

“Không cần phải làm gì hết, thưa ngài,” ông ta khẳng định. “Tất cả chỉ là trò vớ vẩn vô nghĩa thôi.”

Mãi tận tới khi chỉ còn lại hai chúng tôi trong xe, tôi mới thẳng thừng hỏi người chánh đốc công của mình. “Liệu có khả năng nào mà Clifton thực sự bị mắc kẹt lại trong vỏ thân tàu không?”

“Không thể nào, thưa ngài,” Haskins quả quyết. “Tôi chỉ lấy làm tiếc đã làm lãng phí thời gian của ngài.”

“Nhưng người đàn ông đó có vẻ rất chắc chắn,” tôi nói.

“Như việc anh ta luôn chắc chắn về việc ai sẽ thắng trận lúc ba giờ ba mươi tại Chepstow vậy thôi.”

Tôi đã không cười.

“Ca của Clifton kết thúc lúc sáu giờ,” Haskins nói tiếp, chuyển sang giọng nghiêm túc hơn. “Anh ta chắc chắn phải biết tốt thợ hàn sẽ tới làm việc và được dự kiến phải hoàn thành công việc của họ trước khi ca sau vào làm việc lúc hai giờ sáng.”

“Mà Clifton đang làm gì dưới vỏ thân tàu vậy?”

“Kiểm tra lần cuối trước khi các thợ hàn bắt tay vào việc.”

“Có khả năng anh ta không nhận ra rằng ca mình đã hết giờ làm không?”

“Thậm chí ở tận trung tâm thành phố Bristol ngài cũng sẽ nghe thấy tiếng còi báo hết ca,” Haskins nói trong lúc tôi lái xe vượt qua bên Tancock, người đang chạy như bị ma nhập.

“Thậm chí cả khi ông đang ở sâu bên trong vỏ thân tàu sao?”

“Tôi đoán là có khả năng anh ta không nghe thấy còi nếu anh ta đang ở dưới đáy kếp của vỏ tàu, nhưng tôi chưa từng gặp qua người công nhân nào làm việc ở cầu tàu lại không biết khi nào thì hết ca làm cả.”

“Chỉ nếu như anh ta có đồng hồ thôi,” tôi nói, rồi đưa mắt nhìn xem Haskins có đồng hồ không. Ông ta không có. “Nếu đúng Clifton còn ở dưới đó, liệu chúng ta có đủ thiết bị cần thiết để đưa anh ta ra không?”

“Chúng ta có đủ đèn xì a-xê-ty-len để cắt thủng vỏ tàu và gỡ hẳn một mảng ra. Vấn đề là chuyện đó sẽ tốn nhiều giờ, và nếu Clifton ở dưới đó, không có nhiều khả năng anh ta vẫn còn sống khi chúng ta tới được chỗ anh ta. Hơn nữa, công nhân của chúng ta sẽ mất thêm

nửa tháng, có khi còn lâu hơn, để thay thế lại toàn bộ phần đó. Và như ngài vẫn liên tục nhắc nhở tôi, thưa ngài, ngài đã thưởng tiền mọi người để tiết kiệm chứ không phải lãng phí thời gian.”

Ca đêm đã bước sang giờ làm việc thứ hai khi tôi dừng xe lại bên con tàu. Chắc chắn phải có hơn một trăm người trên tàu, làm việc cật lực, đập búa, hàn và tán các đinh tán. Trong lúc đi trên cầu ván bắc lên tàu, tôi có thể thấy Tancock đang chạy về phía con tàu. Khi đuổi kịp tôi một lát sau, anh ta phải cúi gập người xuống, hai tay chống đùi trong lúc thở lấy hơi.

“Vậy anh muốn tôi làm gì bây giờ, Tancock?” tôi hỏi khi anh ta đã có thể hô hấp bình thường trở lại.

“Hãy bảo tất cả họ ngừng làm việc, thưa ông, chỉ vài phút thôi, khi đó ông có thể nghe thấy cậu ấy gõ.”

Tôi gạt đầu đồng ý.

Haskins nhún vai, rõ ràng không tin nổi tôi có thể đưa ra một mệnh lệnh như thế. Phải mất đến vài phút ông ta mới lệnh cho mọi người dừng tay và giữ im lặng. Tất cả mọi người trên tàu cũng như dưới cầu tàu đều đứng im và chăm chú lắng nghe, nhưng ngoài tiếng kêu của một con hải âu thỉnh thoảng bay qua hay tiếng ho của một người nghiện thuốc lá, tôi không nghe thấy gì khác.

“Như tôi đã nói, thưa ngài, chuyện này chỉ làm phí thời gian của mọi người thôi,” Haskins nói. “Lúc này hẳn Clifton đã uống tới vài bia thứ ba của anh ta ở quán Pig & Whistle rồi.”

Ai đó đánh rơi một cái búa, tiếng rơi âm vang khắp cầu tàu. Thế rồi trong một khoảnh khắc, chỉ một khoảnh khắc ngắn ngủi, tôi nghĩ tôi đã nghe thấy một âm thanh khác, đều đặn và khẽ hơn.

“Là cậu ấy đấy!” Tancock la lên.

Và rồi sau đó, cũng đột ngột như khi nó bắt đầu, âm thanh đó ngừng bật.

“Có ai khác nghe thấy gì không?” tôi lớn tiếng hỏi.

“Tôi chẳng nghe thấy gì hết,” Haskins nói, đưa mắt nhìn quanh đám công nhân, gần như thách thức họ dám phản kháng ông ta.

Vài người trong đám công nhân gườm gườm nhìn lại ông ta, trong khi một hai người cầm búa lên đầy đe dọa, như thể họ đang đợi ai đó cầm đầu dẫn họ xông tới.

Tôi cảm thấy mình giống một thuyền trưởng đang đứng trước cơ hội cuối cùng để dập tắt một cuộc nổi loạn. Làm thế nào thì tôi cũng không thể thắng được. Nếu tôi yêu cầu họ quay lại làm việc, tin đồn sẽ lan ra cho tới khi tất cả mọi người làm việc tại cầu tàu đều sẽ tin cá nhân tôi phải chịu trách nhiệm về cái chết của Clifton. Sẽ phải mất hàng tuần, hàng tháng, thậm chí hàng năm trước khi tôi khôi phục lại được quyền lực của mình. Nhưng nếu tôi ra lệnh cắt mở vỏ thân tàu ra, mọi hy vọng thu được lợi nhuận từ hợp đồng coi như sẽ tan biến, và cùng với nó là cơ hội một ngày nào đó được trở thành chủ tịch hội đồng quản trị của tôi. Tôi chỉ đứng đó, hy vọng sự im lặng tiếp tục kéo dài sẽ thuyết phục mọi người rằng Tancock đã nhầm. Mỗi giây im lặng trôi qua, sự tự tin của tôi càng tăng lên.

“Có vẻ như không ai nghe thấy gì hết, thưa ngài.” Một lát sau, Haskins nói. “Ngài cho phép tôi ra lệnh cho mọi người quay lại làm việc chứ?”

Những người công nhân vẫn không hề nhúc nhích, họ chỉ tiếp tục nhìn tôi gườm gườm đầy thách thức. Haskins trừng mắt nhìn lại họ, và một hay hai người cúi mặt xuống.

Tôi quay sang người chánh đốc công và ra lệnh tiếp tục cho làm việc. Trong khoảnh khắc im lặng tiếp theo, tôi có thể thề mình đã nghe thấy một tiếng gõ. Tôi liếc nhìn sang Tancock, nhưng âm thanh đó đã bị chìm lấp đi dưới hàng nghìn tiếng ồn khác khi những người công nhân quay lại làm việc một cách đầy bất bình.

“Tancock, sao anh không chạy tới quán rượu tìm xem bạn anh có ở đó không,” Haskins nói. “Và khi tìm thấy anh ta, hãy nện cho bạn anh một trận vì đã làm phí thời gian của tất cả mọi người.”

“Và nếu anh ta không có mặt ở đó,” tôi nói, “hãy ghé qua nhà anh ta và hỏi vợ anh ta xem cô ấy đã gặp chồng mình chưa.” Tôi nhận ra sai lầm của mình ngay sau khi vừa nói xong, và vội thêm, “Nghĩa là nếu bạn anh có vợ.”

“Có, thưa ông, cậu ấy có vợ,” Tancock nói. “Vợ cậu ấy chính là em gái tôi.”

“Nếu anh vẫn không thể tìm thấy bạn mình, hãy báo lại với tôi.”

“Lúc ấy thì quá muộn rồi,” Tancock vừa nói vừa quay đầu bước đi, hai vai rũ xuống.

“Haskin này, tôi sẽ có mặt trong phòng làm việc nếu ông cần tôi,” tôi nói, rồi mới bước xuống cầu ván. Tôi lái xe quay lại Barrington House, hy vọng không bao giờ phải gặp lại Tancock nữa.

Tôi quay về bàn làm việc của mình, nhưng không thể nào tập trung được vào những văn bản mà cô Potts để lại cho tôi ký. Tôi vẫn như nghe thấy tiếng gõ đó vang lên trong đầu mình, liên tục lặp đi lặp lại, như một giai điệu ư thích không ngừng lặp lại trong đầu bạn, thậm chí ngăn không cho bạn ngủ. Tôi biết nếu Clifton không tới chấm công làm việc vào sáng hôm sau, tôi sẽ không bao giờ dứt bỏ nỗi âm thanh ấy.

Trong suốt giờ tiếp theo, tôi bắt đầu cảm thấy tự tin hơn rằng Tancock hẳn đã tìm thấy bạn anh ta và lúc này đang lấy làm tiếc vì đã xử sự ngớ ngẩn như vậy.

Hôm đó là một trong những dịp hiếm hoi cô Potts rời khỏi văn phòng trước tôi, và tôi vừa mới khóa cái ngăn kéo trên cùng của bàn làm việc lại trước khi ra về thì nghe thấy tiếng bước chân chạy lên cầu thang. Tiếng bước chân đó chỉ có thể là của một người.

Tôi ngược nhìn lên, và người đàn ông tôi đã hy vọng không bao giờ phải gặp lại đang đứng ngay ngưỡng cửa, cơn giận dữ ngùn ngụt trong đôi mắt anh ta.

“Ông đã giết chết người bạn thân nhất của tôi, đồ khốn kiếp,” anh ta vừa nói vừa dứ dứ một nắm đấm lên. “Chẳng khác gì ông đã tự tay giết chết anh ấy!”

“Nào, hãy bình tĩnh lại, Tancock, bạn của tôi,” tôi nói. “Từ tất cả những gì chúng ta biết, rất có thể Clifton vẫn còn sống.”

“Cậu ấy đã phải xuống mồ chỉ để ông có thể kết thúc cái hợp đồng chết tiệt của ông đúng hạn. Sẽ chẳng ai thèm bước chân lên còn tàu ấy nếu họ biết sự thật.”

“Người ta vẫn chết mỗi ngày trong các tai nạn xảy ra khi đóng tàu,” tôi yếu ớt chống chế.

Tancock bước một bước về phía tôi. Anh ta phẫn nộ đến mức trong một khoảnh khắc tôi nghĩ anh ta sắp sửa đánh tôi, nhưng anh ta chỉ đứng đó, chân giang rộng, hai nắm tay siết chặt, nhìn tôi chằm chằm. “Khi tôi nói với cảnh sát những gì tôi biết, ông sẽ phải thừa nhận rằng ông đã có thể cứu mạng cậu ấy chỉ bằng một lời nói của ông. Nhưng vì ông chỉ quan tâm đến chuyện kiếm được bao nhiêu

tiền, tôi sẽ đảm bảo để sau này không còn ai trên các cầu tàu ở đây làm việc cho ông nữa.”

Tôi biết nếu quả thực cảnh sát can dự vào, một nửa Bristol sẽ nghĩ Clifton vẫn còn kẹt lại bên trong vỏ tàu, và công đoàn sẽ yêu cầu mở nó ra. Nếu chuyện này xảy ra, tôi không có chút nghi ngờ nào về thứ họ tìm thấy bên trong.

Tôi chậm rãi đứng dậy khỏi ghế, bước tới chỗ kết an toàn ở phía đối diện của căn phòng. Tôi nhập mã số, xoay chìa khóa và kéo mở cửa kết lấy ra một chiếc phong bì dày màu trắng trước khi quay lại bàn. Tôi cầm lấy một con dao bạc dùng để mở phong bì, rạch phong bì lấy ra một tờ giấy bạc năm bảng. Thậm chí tôi còn thăm tự hỏi liệu Tancock đã bao giờ trông thấy một tờ năm bảng chưa. Tôi để tờ bạc lên chiếc lán thăm mực trước mặt anh ta và quan sát đôi mắt như mắt lợn của anh ta mở to dần ra từng giây một.

“Sẽ không gì có thể mang bạn anh trở lại,” tôi nói, để một tờ bạc thứ hai lên trên tờ thứ nhất. Đôi mắt anh ta không rời khỏi chỗ tiền.

“Và hơn nữa, ai mà biết được, có thể anh ta chỉ biến đi đâu đó vài ngày. Chuyện đó cũng chẳng lạ với những người làm công việc như của anh ta.” Tôi để thêm một tờ bạc thứ ba lên trên hai tờ đầu tiên. “Và khi anh ta quay trở về, các bạn đồng nghiệp của anh sẽ không cho anh quên được chuyện này đâu.” Tờ bạc thứ tư được nối tiếp bằng tờ thứ năm. “Và anh sẽ không muốn bị buộc tội làm lãng phí thời gian quý báu của cảnh sát chứ, phải không nào? Đó là một tội nghiêm trọng có thể khiến anh phải vào tù.” Thêm hai tờ nữa. “Và tất nhiên anh cũng sẽ mất việc làm của anh.” Anh ta ngược lên nhìn tôi, cơn tức giận của anh ta rõ ràng đã chuyển thành sợ hãi. Thêm ba tờ bạc nữa. “Khó có thể trông đợi tôi tuyển dụng một người đã cáo buộc tôi giết người.” Tôi để hai tờ bạc cuối cùng lên xấp tiền. Chiếc phong bì đã rỗng không.

Tancock quay đi. Tôi móc ví ra và thêm một tờ năm bảng, ba đồng một bảng và mười shiling vào xấp tiền: tổng cộng là 68 bảng và 10 shiling. Đôi mắt anh ta quay lại xấp tiền, “vẫn còn thêm nhiều nữa ở chỗ xấp tiền này được lấy ra,” tôi nói, hy vọng giọng nói của mình có vẻ thuyết phục.

Tancock chậm chạp bước lại gần bàn làm việc của tôi và, không hề nhìn tôi, vơ lấy xấp tiền, nhét vào túi quần rồi ra về không nói một

lời. Tôi tới bên cửa sổ nhìn theo trong lúc anh ta rời khỏi tòa nhà chậm chạp đi về phía cánh cổng.

Tôi để két an toàn mở toang, ném vài thứ để trong đó rải rác xuống nền nhà, ném chiếc phong bì rỗng không trên bàn làm việc của mình và rời phòng làm việc của mình mà không khóa cửa. Tôi là người cuối cùng rời khỏi tòa nhà.

“Là thám tử thanh tra Blakemore, thưa ngài,” cô Potts nói, sau đó đứng tránh sang một bên để cho phép người cảnh sát bước vào phòng làm việc của giám đốc điều hành.

Hugo Barrington chăm chú quan sát viên thanh tra trong lúc ông này bước vào trong phòng. Viên cảnh sát có lẽ không cao hơn mấy so với chiều cao quy định tối thiểu là một mét bảy mươi lăm, và có phần hơi quá cân, nhưng trông vẫn gọn ghẽ. Ông ta cầm theo một cái áo mưa nhiều khả năng được mua từ khi viên thanh tra vẫn còn là cảnh sát viên, trên đầu đội một cái mũ phớt có phong cách gần đây hơn, cho biết ông ta trở thành thanh tra cũng chưa được lâu.

Hai người đàn ông bắt tay, và khi Blakemore đã ngồi xuống, ông này lấy một quyển sổ ghi chép và một cây bút ra từ túi trong áo khoác. “Như ngài biết, thưa ngài, tôi đang phụ trách điều tra một trường hợp nghi ngờ mất trộm xảy ra tại đây tối hôm qua.” Barrington không thích hai từ “nghi ngờ”. “Liệu tôi có thể bắt đầu bằng việc đề nghị ngài cho biết khi nào ngài phát hiện ra số tiền bị mất được không?”

“Vâng, tất nhiên rồi, thanh tra,” Barrington nói, cố trưng ra giọng của một người sẵn sàng hợp tác tối đa. “Tôi tới bến tàu lúc khoảng bảy giờ sáng nay và lái xe thẳng tới cầu tàu để xem ca đêm đã làm tới đâu.”

“Ngài vẫn làm thế mỗi buổi sáng à?”

“Không, chỉ thỉnh thoảng thôi,” Hugo nói, lúng túng trước câu hỏi.

“Và ngài đã ở đó bao lâu?”

“Hai mươi phút, cũng có thể là ba mươi phút. Sau đó tôi tới phòng làm việc của mình.”

“Vậy là ngài hẳn đã có mặt tại phòng làm việc của mình vào lúc bảy giờ hai mươi, hay muộn nhất là lúc bảy giờ ba mươi phút.”

“Vâng, cũng là tầm đó đấy.”

“Và lúc đó thư ký của ông đã có mặt tại đây rồi phải không?”

“Vâng, đúng thế. Hiếm khi tôi đến được sớm hơn cô ấy. Cô ấy quả là một quý bà đáng kính nể,” anh ta nói thêm với một nụ cười.

“Quả vậy,” viên thám tử thanh tra nói. “Vậy cô Potts là người đã báo cho ngài biết két an toàn đã bị phá?”

“Vâng. Cô Potts nói rằng khi cô ấy vào phòng sáng nay, cô ấy thấy cửa két an toàn mở tung và một vài thứ để trong đó vương vãi dưới nền nhà, vậy là cô ấy lập tức báo cảnh sát.”

“Cô ấy không gọi cho ngài trước sao?”

“Không, thưa thanh tra. Vào thời điểm đó nhiều khả năng tôi đang trên xe đến đây.”

“Vậy ngài đang nói rằng sáng nay thư ký của ngài đã tới đây trước ngài. Và có phải tối qua ngài ra về trước cô ấy không, thưa ngài?”

“Tôi không nhớ nữa,” Barrington nói. “Nhưng hiếm khi tôi ra về sau cô ấy.”

“Phải, cô Potts đã xác nhận như thế,” viên thám tử thanh tra nói. “Nhưng cô ấy cũng nói,” ông này cúi xuống sổ ghi chép của mình. “Tối qua tôi về trước ông Barrington, vì đã xảy ra một rắc rối cần ông ấy xử lý ngay.”

Blakemore ngược lên. “Ngài có thể cho tôi biết rắc rối đó là gì không, thưa ngài?”

“Khi ông điều hành một công ty lớn thế này,” Hugo nói, “rắc rối luôn xuất hiện mọi lúc mọi nơi.”

“Vậy là ngài không nhớ cụ thể có rắc rối gì xảy ra tối hôm qua?”

“Không, thanh tra, tôi không nhớ.”

“Khi ngài tới phòng làm việc của mình sáng nay và thấy cửa két an toàn mở tung, việc đầu tiên ngài làm là gì?”

“Tôi kiểm tra xem có bị mất gì không.”

“Và ngài phát hiện ra điều gì?”

“Tất cả tiền mặt của tôi đều đã bị mất.”

“Làm thế nào ngài biết chắc *tất cả* số tiền đã bị lấy hết?”

“Vì tôi thấy chiếc phong bì bị mở tung này để trên bàn làm việc của tôi,” Hugo nói, đưa phong bì cho viên thanh tra.

“Và đáng ra trong này phải có bao nhiêu tiền, thưa ngài?”

“Sáu mươi tám bảng và mười shiling.”

“Dường như ngài rất chắc chắn về chuyện này.”

“Vâng, đúng thế,” Hugo nói. “Sao việc đó lại làm ông ngạc nhiên?”

“Đơn giản là vì cô Potts nói với tôi là chỉ có sáu mươi bảng trong két, tất cả là tiền năm bảng. Vậy ngài có thể cho tôi biết, thưa ngài, chỗ tám bảng và mười shiling kia ở đâu ra không?”

Hugo không trả lời ngay. “Thỉnh thoảng tôi vẫn giữ một ít tiền lẻ trong ngăn kéo bàn làm việc, thưa thanh tra,” cuối cùng anh ta nói.

“Đó là một khoản tiền khá lớn để có thể gọi là ‘một ít tiền lẻ’. Tuy nhiên, bây giờ hãy cho phép tôi quay lại với cái két an toàn. Khi ngài bước vào phòng làm việc của mình sáng hôm nay, điều đầu tiên ngài nhận thấy là cửa két bị mở.”

“Đúng vậy, thanh tra.”

“Ngài có chìa khóa cho két an toàn chứ?”

“Vâng, tất nhiên.”

“Ngài có phải là người duy nhất biết mã số két và chìa khóa không, thưa ngài?”

“Không, cô Potts cũng có thể mở được két.”

“Ngài có thể khẳng định là két an toàn đã được khóa khi ngài quay về nhà tối qua chứ?”

“Vâng, luôn là như thế.”

“Vậy chúng ta phải đặt giả thiết đây là vụ trộm do một tay chuyên nghiệp gây ra.”

“Điều gì khiến ông cho là vậy, thanh tra?” Barrington hỏi.

“Nhưng nếu hắn là một kẻ chuyên nghiệp,” Blakemore nói, tảng lờ câu hỏi, “điều làm tôi băn khoăn là tại sao hắn lại để cửa két mở ra như thế.”

“Tôi không chắc tôi theo kịp được ông, thanh tra?”

“Tôi sẽ giải thích, thưa ngài. Những tay trộm chuyên nghiệp thường có xu hướng để lại nguyên mọi thứ đúng như nguyên trạng, như thế hành động phạm tội của chúng sẽ không bị phát giác ra ngay. Điều đó cho phép chúng có nhiều thời gian hơn để tẩu tán đồ ăn cắp được.”

“Có nhiều thời gian hơn,” Hugo lặp lại.

“Một tay trộm chuyên nghiệp sẽ đóng cửa kết lại và cầm theo chiếc phong bì, đảm bảo rằng phải mất một thời gian trước khi ngài phát hiện ra có thứ gì đó bị mất. Theo kinh nghiệm của tôi, một số người còn không mở kết của họ suốt nhiều ngày, thậm chí hàng tuần liền. Chỉ một kẻ nghiệp dư mới để phòng làm việc của ông trong cảnh tanh bành thế này.”

“Vậy thì có lẽ đó là một kẻ nghiệp dư chẳng?”

“Vậy thì làm thế nào hẳn lại mở kết ra được, thưa ngài?”

“Có thể bằng cách nào đó hẳn lấy được chìa khóa của cô Potts chẳng?”

“Và cả mã số nữa sao? Nhưng cô Potts quả quyết với tôi rằng tối nào cô ấy cũng mang chìa khóa kết về nhà, và tôi nghĩ là ngài cũng sẽ làm như thế, thưa ngài.” Hugo không nói gì. “Tôi có thể nhìn vào bên trong kết không?”

“Vâng, tất nhiên.”

“Cái gì đây?” Viên thanh tra hỏi, chỉ tay vào một cái hộp thiếc ở tầng dưới cùng của kết.

“Đây là bộ sưu tập tiền xu của tôi, thanh tra. Một thú vui cá nhân.”

“Ngài có thể vui lòng mở ra được không, thưa ngài?”

“Có thực sự cần thiết không?” Hugo sốt ruột hỏi.

“Vâng, tôi e là có, thưa ngài.”

Hugo miễn cưỡng mở hộp, để lộ ra vô vàn tiền xu vàng anh ta đã sưu tập được qua nhiều năm.

“Giờ ta lại có thêm một bí ẩn nữa,” viên thanh tra nói. “Tay trộm của chúng ta lấy đi sáu mươi bảng từ trong kết, và tám bảng mười shiling từ trong ngăn kéo, nhưng lại bỏ lại cả bộ sưu tập tiền vàng chắc chắn có giá trị lớn hơn nhiều. Và còn vấn đề với chiếc phong bì nữa.”

“Chiếc phong bì ư?” Hugo hỏi.

“Phải, thưa ngài, chiếc phong bì mà ngài nói có đựng tiền.”

“Nhưng tôi thấy nó trên bàn làm việc của mình sáng nay.”

“Tôi không nghi ngờ chuyện đó, thưa ngài, nhưng ngài sẽ thấy nó được rọc mở rất gọn ghẽ.”

“Có thể bằng con dao mở bì thư của tôi,” Hugo nói, đắc thắng giơ con dao lên.

“Có thể lắm, thưa ngài, nhưng theo kinh nghiệm của tôi, những tên trộm thường có xu hướng xé toạc phong bì ra, chứ không rọc chúng gọn ghẽ bằng một con dao chuyên dụng như thể chúng đã biết trước có gì bên trong.”

“Nhưng cô Potts nói với tôi là các ông đã tìm thấy kẻ trộm rồi,” Hugo nói, cố không tỏ ra bực bội.

“Không, thưa ngài. Chúng tôi đã tìm thấy số tiền, nhưng tôi không tin là chúng tôi đã tìm thấy đối tượng phạm tội.”

“Nhưng các ông đã tìm thấy một phần tiền trên người kẻ đó?”

“Đúng vậy, thưa ngài.”

“Vậy ông còn muốn gì thêm nữa?”

“Đảm bảo chắc chắn rằng chúng tôi bắt đúng người.”

“Và người bị các ông buộc tội là ai?”

“Tôi không hề nói tôi buộc tội anh ta, thưa ngài,” viên thanh tra vừa nói vừa lật trang cuốn sổ ghi chép của ông ta. “Một người có tên là Stanley Tancock, trên thực tế là một công nhân làm việc cho ngài. Cái tên này có nói lên điều gì với ngài không?”

“Tôi không thể nói là có,” Hugo nói. “Nhưng nếu anh ta làm việc ở khu bến tàu, chắc chắn anh ta biết phòng làm việc của tôi ở đâu.”

“Thưa ngài, tôi không hề nghi ngờ chuyện Tancock biết chỗ phòng làm việc của ngài nằm ở đâu, vì anh ta nói là đã tới đây gặp ngài vào lúc khoảng bảy giờ tối qua để báo với ông rằng em rể anh ta, Arthur Clifton, bị mắc kẹt bên trong vỏ thân một con tàu đang đóng ngoài cầu tàu, và nếu ngài không ra lệnh cứu người đó ra thì anh ta sẽ chết.”

“À phải, giờ thì tôi nhớ ra rồi. Tầm chiều hôm qua quả thực tôi có đi tới cầu tàu, như người chánh đốc công của tôi có thể xác nhận,

song cuối cùng hóa ra đó là một trường hợp báo động nhằm gây lãng phí thời gian của tất cả mọi người. Rõ ràng anh ta chỉ muốn xem xem kết an toàn ở đâu, để sau đó anh ta có thể quay lại ăn trộm của tôi.”

“Anh ta thừa nhận có quay lại phòng làm việc của ngài thêm một lần nữa,” Blakemore nói, lật sang một trang sổ khác, “khi đó anh ta khẳng định ngài đề nghị cho anh ta sáu mươi tám bảng và mười shiling nếu anh ta giữ kín miệng về chuyện của Arthur Clifton.”

“Tôi chưa bao giờ phải nghe một lời bịa đặt trắng trợn đến thế.”

“Vậy chúng ta hãy cùng nhau xem xét khả năng còn lại một lát, thưa ngài. Chúng ta hãy giả thiết rằng Tancock thực sự quay lại phòng làm việc của ngài với ý định ăn trộm vào một thời điểm nào đó giữa bảy giờ và bảy giờ ba mươi phút tối hôm qua. Sau khi đã tìm được cách nào đó để lọt vào tòa nhà không bị phát hiện, anh ta đi lên lầu năm, vào trong phòng làm việc của ngài, và mở khóa két bằng chìa khóa của ngài hoặc của cô Potts, nhập mã số, mở két lấy chiếc phong bì ra, dùng dao rọc mở nó một cách gọn ghẽ và lấy hết số tiền trong đó, song lại chẳng buồn để tâm tới cái hộp đựng đầy tiền vàng. Anh ta để mặc cửa két mở toang, rải vài thứ để trong đó xuống nền nhà rồi để chiếc phong bì được rọc mở ngay ngán lại trên bàn làm việc của ngài, rồi sau đó, giống như Scarlett Pimpernel, biến mất vào không khí.”

“Việc đó không nhất thiết phải xảy ra trong khoảng thời gian từ bảy giờ tới bảy giờ ba mươi phút tối hôm qua,” Hugo chống chế. “Vụ trộm có thể diễn ra vào bất cứ lúc nào trước tám giờ sáng nay.”

“Tôi không nghĩ vậy, thưa ngài,” Blakemore nói. “Tancock có một bằng chứng ngoại phạm trong khoảng thời gian từ tám giờ đến mười một giờ tối qua.”

“Không nghi ngờ gì cái gọi là ‘bằng chứng ngoại phạm’ này là một trong số đám bạn của anh ta,” Barrington nói.

“Ba mươi một người tất cả, theo lần thống kê cuối cùng,” người thám tử thanh tra nói. “Dường như sau khi lấy trộm tiền của ngài, anh ta đã xuất hiện tại quán rượu Pig & Whistle vào khoảng tám giờ, và không chỉ bao cả quán, mà dường như còn thanh toán mọi khoản nợ nần. Anh ta đã trả cho chủ nhà một tờ năm bảng mới tinh, mà tôi đang cầm trong tay đây.”

Người thám tử lấy ví, rút ra một tờ bạc và đặt nó lên bàn làm việc của Barrington.

“Người chủ đất cũng cho biết Tancock rời khỏi quán lúc mười một giờ, và say khướt đến mức hai người bạn của anh ta phải đưa anh ta về nhà ở Still House Lane, nơi chúng tôi tìm thấy anh ta sáng hôm nay. Tôi buộc phải nói, thưa ngài, nếu đúng Tancock là người đã ăn trộm của ngài, thì chúng tôi đang tóm được một tay tội phạm bậc thầy và tôi sẽ rất hãnh diện được là người buộc hắn phải ra tòa. Tôi nghi ngờ rằng đó cũng chính xác là điều ngài nghĩ trong đầu, thưa ngài,” ông nói thêm, nhìn thẳng vào Barrington, “khi ngài *đưa tiền* cho anh ta.”

“Và tại sao tôi lại phải làm điều đó?” Hugo nói, cố giữ giọng bình thản.

“Bởi vì nếu Stanley Tancock bị bắt và tống vào tù, sẽ không ai cho rằng câu chuyện của anh ta về Arthur Clifton là nghiêm túc. Cũng thật tinh cò, không ai nhìn thấy Clifton từ chiều hôm qua. Vì thế tôi sẽ đề xuất lên thượng cấp của tôi đề nghị lập tức cho mở vỏ tàu ra để chúng tôi có thể khám phá xem liệu đây có phải là một trường hợp báo động nhằm và có đúng là Tancock đã làm lãng phí thời gian của tất cả mọi người hay không.”

* * *

Hugo Barrington đứng trước gương và chỉnh lại chiếc nơ của mình. Anh ta vẫn chưa nói gì với bố mình về việc Arthur Clifton mất tích hay chuyến thăm của thám tử thanh tra Blakemore. Ông già biết ít bao nhiêu sẽ tốt bấy nhiêu. Tất cả những gì anh ta nói là một ít tiền đã bị lấy trộm tại phòng làm việc của mình và một công nhân làm việc tại cầu tàu đã bị bắt.

Sau khi đã mặc áo vét dạ tiệc, Hugo ngồi xuống chân giường và đợi vợ mình hoàn tất việc mặc đồ. Anh ta ghét đến muộn, nhưng biết rõ chẳng cách hỏi thúc nào có thể làm Elizabeth khản trương hơn. Anh ta xem qua cậu con trai Giles cùng cô em gái nhỏ Emma, cả hai đứa trẻ đều đã nhanh chóng ngủ say.

Hugo muốn có hai con trai, một người thừa kế và một để dự phòng. Emma là một mối phiền toái, vì thế có nghĩa là anh ta sẽ phải cố thử thêm. Bố anh ta là con thứ và anh trai của ông đã mất khi tham chiến chống lại người Boer ở Nam Phi. Anh trai ông ta tử trận ở Ypres cùng với nửa trung đoàn của mình. Vì thế, sẽ có lúc, Hugo có thể hy vọng sẽ kế tục bố mình làm chủ tịch công ty, và đến khi bố anh ta qua đời, thừa kế tư sản vị cùng gia tài của gia đình.

Vậy là anh ta và Elizabeth sẽ phải thử lại. Không hẳn là vì làm tình với vợ anh ta vẫn còn hứng thú mà kỳ thực là anh ta không nhớ nổi liệu mình đã bao giờ từng có hứng thú chưa. Gần đây, anh ta đã tìm thú vui ở nơi khác.

“Các con là một cặp trời sinh,” mẹ anh ta từng nói thế. Bố anh ta thực tế hơn nhiều. Ông lão cảm thấy việc kết hợp con trai cả của mình cùng cô con gái duy nhất của huân tước Lord Harvey giống một cuộc sát nhập hơn là một cuộc hôn nhân. Khi anh trai của Hugo tử trận ngoài Mặt trận phía Tây, vị hôn thê của ông anh được chuyển tới tay Hugo. Không còn là một cuộc sát nhập nữa, mà là một cuộc chiếm quyền kiểm soát. Vào đêm tân hôn, Hugo không hề ngạc nhiên khi biết rằng Elizabeth vẫn còn trinh; kỳ thực là gái trinh thứ hai mà anh ta từng có.

Elizabeth cuối cùng cũng xuất hiện từ trong phòng thay đồ, xin lỗi vì đã để anh ta phải chờ, cũng giống như mọi khi. Quãng đường từ Manor House tới Barrington Hall chỉ chừng hai dặm, và tất cả đất đai nằm giữa hai tòa dinh thự đều là của gia đình. Khi Hugo và Elizabeth bước vào phòng khách trong tòa dinh thự của bố mẹ anh ta chỉ vài phút sau lúc tám giờ, Lord Harvey đã sang ly rượu sherry thứ hai của ông. Hugo đưa mắt quanh phòng quan sát các vị khách khác. Chỉ có một cặp mà anh ta không nhận ra.

Bố Hugo lập tức dẫn anh ta đi ngang qua phòng và giới thiệu anh ta với đại tá Danvers, người mới được bổ nhiệm làm cảnh sát trưởng của hạt. Hugo quyết định không dấn động gì đến cuộc gặp sáng hôm đó của mình với thám tử thanh tra Blakemore với ông đại tá, nhưng ngay trước khi họ ngồi vào bàn ăn tối, anh ta kéo bố mình sang bên để cập nhật cho ông biết về vụ trộm, không bao giờ nhắc đến tên Arthur Clifton dù chỉ một lần.

Sau bữa tối với súp thịt thú rừng, thịt cừu ngon lành cùng đậu xanh, tiếp theo bằng kem caramen, nội dung cuộc trò chuyện bao gồm từ chuyến thăm của Hoàng tử xứ Wales tới Cardiff cũng như những tuyên bố khó có thể coi là hữu ích của ông ta về sự đồng cảm với các thợ mỏ, tới các mức thuế suất nhập khẩu mới của Lloyd George và những tác động của chúng lên ngành công nghiệp đóng tàu, cũng như vở kịch *Ngôi nhà trái tim tan vỡ* của George Bernard Shaw, mới bắt đầu trình diễn tại nhà hát Old Vic và nhận được những lời bình luận đủ cả khen chê, trước khi quay trở lại với Hoàng tử xứ Wales cùng câu hỏi đáng bực mình về chuyện làm thế nào để tìm được một người vợ thích hợp cho ông ta.

Khi những người hầu đã dọn bàn sau món tráng miệng, các quý bà lui ra phòng khách và thưởng thức cà phê, trong lúc viên quản gia mời các quý ông rượu brandy hay porto.

“Do tôi chuyên chở và do ngài nhập khẩu,” Sir Walter vừa nói vừa nâng ly với Huân tước Lord Harvey, trong khi người quản gia đi vòng quanh bàn mời quan khách xì gà. Sau khi điệu Romeo y Julieta của Lord Harvey đã được chiêm đến độ ông vừa lòng, ông quay sang con rể mình và nói, “Bố anh nói với tôi vừa có một kẻ du đảng lên vào phòng làm việc của anh lấy cắp một lượng tiền mặt lớn.”

“Vâng, đúng thế,” Hugo đáp. “Nhưng con rất mừng có thể nói với bố rằng người ta đã bắt được thủ phạm. Nhưng thật đáng buồn, kẻ đó hóa ra lại là một công nhân làm việc cho con tại cầu tàu.”

“Có đúng vậy không, Danvers?” Sir Walter hỏi. “Ông đã bắt được kẻ đó rồi sao?”

“Đúng là tôi có được nghe nói đến việc này,” ông cảnh sát trưởng đáp, “nhưng tôi chưa được báo cáo rằng có ai bị buộc tội.”

“Sao lại chưa?” Lord Harvey hỏi.

“Vì kẻ đó nói là *chính* con đã đưa tiền cho hắn ta,” Hugo chen vào. “Thực ra, khi người thám tử thanh tra tới thăm vấn con sáng nay, con bắt đầu băn khoăn tự hỏi ai là tội phạm và ai mới là người bị hại.”

“Tôi lấy làm tiếc được biết ông cảm thấy như thế,” đại tá Danvers nói. “Tôi có thể được biết sĩ quan phụ trách cuộc điều tra là ai không?”

“Thám tử thanh tra Blakemore,” Hugo nói, trước khi nói thêm, “tôi có cảm giác ông ta có lẽ có chút gì đó đổ kị với gia đình tôi.”

“Khi ông tuyển mộ nhiều nhân viên như chúng tôi,” Sir Walter nói, đặt ly của ông xuống bàn, “thế nào cũng sẽ có người mang lòng đổ kị.”

“Tôi phải thừa nhận,” Danvers nói, “Blakemore không phải là người được biết đến vì sự tế nhị. Nhưng tôi sẽ để tâm tới chuyện này, và nếu tôi cảm thấy anh ta đi quá giới hạn, tôi sẽ chỉ định một người khác phụ trách điều tra.”

*T*hời đi học là những ngày đẹp nhất trong đời bạn, R.C.Sheriff đã tuyên bố như thế, song đó không phải là trải nghiệm cá nhân của Hugo Barrington. Cho dù anh ta có cảm giác là Giles, theo như cách bố anh ta nhận xét, “đã xoay xử tốt hơn trong mọi chuyện.”

Hugo đã cố quên đi những gì đã xảy ra vào ngày đầu tiên đến trường của anh ta, chừng hai mươi bốn năm trước. Anh ta được một cỗ xe lộng lẫy chở đến trường St. Bede, đi cùng với bố mẹ và anh trai Nicholas, người vừa được chỉ định làm trưởng khóa. Hugo đã òa khóc khi một cậu học sinh mới khác ngây thơ hỏi, “Có đúng ông nội cậu là công nhân bốc xếp ở bến tàu không?” Sir Walter luôn tự hào rằng bố ông đã “làm nên tất cả từ hai bàn tay trắng,” nhưng với những cậu nhóc tám tuổi, ấn tượng ban đầu lưu lại mãi. “Ông nội là công nhân bốc xếp! Ông nội là công nhân bốc xếp! Thằng mít ướ! Thằng mít ướ!” những cậu nhóc còn lại trong cùng phòng ngủ hò hét.

Ngày hôm nay, cậu con trai Giles của anh ta sẽ được đưa tới St. Bede trên chiếc xe Rolls-Royce của Sir Walter Barrington. Hugo muốn đưa con trai anh ta đến trường trên chiếc xe của mình, nhưng bố anh ta nhất định không chịu. “Ba thế hệ của nhà Barrington đã được giáo dục tại St. Bede và Eton. Người thừa kế của tôi phải xuất hiện đúng phong cách.”

Hugo không buồn đề cập với bố anh ta rằng hiện tại Giles vẫn chưa giành được một chỗ tại Eton, và thậm chí có thể cậu nhóc đã có ý tưởng riêng của mình về nơi cậu muốn học hành. “Có Chúa

chứng giám,” anh ta có thể nghe thấy bố mình nói. “Các ý tưởng chứng tỏ hơi hướng nổi loạn và những cuộc nổi loạn cần bị dẹp bỏ.”

Giles không nói gì kể từ khi họ rời nhà, cho dù mẹ cậu không ngừng quát quát với cậu con trai duy nhất trong suốt cả tiếng vừa qua. Emma đã bắt đầu khóc khi cô bé được cho biết là mình sẽ không được đi cùng bố mẹ và anh trai, trong khi Grace - lại là một đứa con gái nữa; và rồi anh ta cũng chẳng buồn thử thêm nữa - chỉ nắm chặt tay người bảo mẫu và vẫy tay từ trên bậc thềm trên cùng trong lúc chiếc xe bắt đầu di chuyển.

Hugo còn nhiều điều để nghĩ tới trong tâm trí hơn là về mấy cô con gái trong lúc chiếc xe chạy đi qua các tuyến đường đồng quê hướng về phía thành phố. Liệu có phải anh sẽ lần đầu tiên nhìn thấy Harry Clifton không? Liệu anh sẽ thừa nhận cậu bé là đứa con trai thứ hai mà anh vẫn muốn nhưng sẽ không bao giờ có được, hay anh sẽ không còn chút nghi ngờ nào ngay giây phút nhìn thấy cậu bé rằng cậu ta không thể là người cùng huyết thống với anh?

Hugo đáng ra cần cẩn thận tránh mặt mẹ của cậu nhóc Clifton. Mà liệu anh còn có thể nhận ra cô ta không? Mới đây anh vừa được biết cô ta hiện đang là nhân viên phục vụ tại tiệm cà phê Palm Court tại khách sạn Royal, nơi anh vẫn thường ghé qua mỗi khi có một cuộc gặp gỡ làm ăn trong thành phố. Giờ thì anh sẽ phải chú ý chỉ thỉnh thoảng ghé qua vào buổi tối, và ngay cả khi ấy, chỉ khi nào anh đã chắc chắn cô ta đã hết giờ làm.

Anh trai của Maisie, Stan Tancock, đã được thả sau mười tám tháng thi hành án trong bản án ba năm. Hugo không bao giờ thực sự biết chuyện gì đã xảy đến với thám tử thanh tra Blakemore, nhưng anh không bao giờ thấy lại viên cảnh sát kể từ sau bữa dạ tiệc tại nhà bố mình. Một viên thượng sĩ thám tử trẻ tuổi ra làm chứng trong phiên tòa xử Tancock, và anh chàng này rõ ràng không có chút nghi ngờ nào về chuyện ai là kẻ có tội.

Một khi Tancock đã bị nhốt an toàn sau song sắt, những lời xì xào về chuyện xảy ra với Arthur Clifton nhanh chóng lắng xuống. Trong một loại hình công việc nơi những tai nạn chết người là chuyện thường xuyên xảy ra, Arthur Clifton trở thành chỉ là một con số thống kê. Dầu vậy, khi phu nhân Harvey làm lễ hạ thủy chiếc *Maple Leaf*

sáu tháng sau đó, Hugo không khỏi nghĩ rằng *Davy Jones's Locker* có lẽ là một cái tên thích hợp hơn dành cho nó.

Khi những con số cuối cùng được đưa ra công bố trước hội đồng quản trị, công ty Barrington rốt cuộc bị thua lỗ 13,712 bảng cho dự án đóng tàu. Hugo không còn đề nghị họ tham gia đấu thầu bất cứ hợp đồng đóng tàu nào nữa trong tương lai, còn Sir Walter cũng chẳng bao giờ nhắc lại chuyện này. Trong những năm kế tiếp, công ty Barrington quay trở lại ngành kinh doanh vận tải biển truyền thống của mình, và tiếp tục làm ăn phát đạt.

Sau khi Stan bị chuyển tới thụ án tại nhà tù địa phương, Hugo đã cho rằng đó sẽ là lần cuối cùng anh nghe nói về người công nhân. Nhưng ít lâu trước khi Tancock tới hạn được trả tự do, ông phó giám đốc nhà tù Bristol gọi điện cho cô Potts đề nghị hẹn gặp. Tại buổi gặp mặt, ông phó giám đốc đề nghị Barrington cho Tancock lại công việc cũ, nếu không anh ta sẽ khó có hy vọng kiếm được việc làm. Thoạt đầu, Hugo lấy làm vui mừng trước tin này, nhưng sau khi cân nhắc suy nghĩ, anh ta đổi ý và cử Phil Haskins, chánh đốc công của mình, tới thăm Tancock trong tù và cho anh ta biết sẽ có lại việc làm cũ với một điều kiện: không bao giờ được nhắc đến tên Arthur Clifton. Nếu làm thế, anh ta có thể cuốn gói đi tìm việc ở nơi khác. Tancock mừng rỡ chấp nhận lời đề nghị, và sau từng ấy năm trôi qua, có thể thấy rõ anh ta đã giữ lời.

Chiếc Rolls-Royce dừng lại phía ngoài cổng trước trường St. Bede, người lái xe nhanh nhẹn ra khỏi xe và mở cửa sau. Vài cặp mắt hướng về phía họ, ánh mắt ngưỡng mộ xen lẫn ghen tị.

Giles rõ ràng không khoái sự chú ý cho lắm và nhanh chóng bước đi, làm cả người lái xe lẫn bố mẹ cậu chững hững. Mẹ cậu đuổi theo con trai, cúi xuống kéo tất lên cho cậu bé, trước khi kiểm tra qua bộ móng tay của cậu lần cuối cùng. Hugo dành thời gian để tâm quan sát khuôn mặt của vô số cậu bé, tự hỏi liệu anh ta có lập tức nhận ra ai đó anh ta chưa bao giờ gặp.

Và rồi sau đó anh ta trông thấy một cậu bé đi bộ lên đồi, không có bố hay mẹ đi cùng. Anh ta nhìn ra phía sau cậu bé, và nhìn thấy một người phụ nữ đang nhìn theo cậu, một người phụ nữ anh ta không bao giờ có thể quên được. Cả hai người họ hẳn đều đang tự hỏi liệu

anh ta có một hay hai đứa con trai đến St. Bede nhập học ngày hôm đó.

* * *

Khi Giles bị mắc ho gà và phải nằm điều trị vài ngày tại bệnh xá, bố cậu nhận ra đây có thể là cơ hội để anh có thể chứng minh Harry Clifton không phải là con mình. Anh không nói cho Elizabeth biết mình chuẩn bị tới bệnh xá thăm Giles, vì anh không muốn vợ mình có mặt ở đó khi anh hỏi người y tá trưởng một câu hỏi dường như vô hại.

Sau khi đã giải quyết xong công việc buổi sáng, Hugo nói với cô Potts rằng anh sẽ tạt qua St. Bede thăm con trai, và phải ít nhất hai giờ nữa mới quay về. Anh lái xe vào thành phố và đỗ xe bên ngoài Frobisher House. Anh biết quá rõ bệnh xá nằm ở đâu, vì từng phải thường xuyên tìm đến đó khi còn học tại St. Bede.

Giles đang ngồi trên giường để đo thân nhiệt khi bố cậu thông dong bước vào phòng. Khuôn mặt cậu lập tức sáng lên ngay khoảnh khắc cậu nhìn thấy bố mình.

Y tá trưởng đang đứng cạnh giường, kiểm tra nhiệt độ bệnh nhân của bà. “Xuống còn ba mươi bảy độ hai. Cháu sẽ kịp bình phục trước giờ học đầu tiên của sáng thứ Hai, chàng trai,” bà nói trong lúc vẩy nhiệt kế, “bây giờ tôi sẽ để ông lại đây, ông Barrington, như thế ông có thể ngồi cùng con trai mình một lát.”

“Cảm ơn bà,” Hugo nói. “Tôi không rõ tôi có thể nói với bà vài lời trước khi ra về chăng?”

“Tất nhiên rồi, ông Barrington. Ông có thể tìm tôi trong phòng làm việc của tôi.”

“Trông con không tệ chút nào cả, Giles,” Hugo nói sau khi người y tá trưởng rời khỏi phòng.

“Con ổn rồi mà, bố. Thực ra con đang hy vọng bà y tá trưởng cho con ra ngoài sáng thứ Bảy để con có thể chơi bóng đá.”

“Bố sẽ nói vài lời với bà ấy trước khi về.”

“Con cảm ơn bố.”

“Chuyện học hành của con thế nào rồi?”

“Cũng không tồi,” Giles nói. “Nhưng được thế cũng nhờ con chung phòng học với hai bạn xuất sắc nhất lớp con.”

“Và họ là ai vậy?” Ông bố hỏi, thậm e sợ câu trả lời.

“Đầu tiên là Deakins, cậu ấy là học sinh thông minh nhất trong trường. Thực ra, các cậu khác thậm chí còn chẳng nói chuyện với cậu ấy, vì bọn họ nghĩ cậu ấy là một kẻ học gạo. Nhưng bạn thân nhất của con là Harry Clifton. Cậu ấy cũng rất thông minh, nhưng không được thông minh bằng Deakins. Chắc bố từng nghe thấy cậu ấy hát trong ban đồng ca. Con biết bố sẽ thích cậu ấy.”

“Nhưng không phải Clifton là con trai một công nhân bến tàu sao?” Hugo hỏi.

“Vâng, và cũng giống như ông nội, cậu ấy không hề che giấu chuyện đó. Nhưng làm thế nào bố biết được?”

“Bố nghĩ nhà Clifton từng làm việc cho công ty nhà ta,” Hugo nói, và lập tức hối tiếc những lời vừa nói.

“Chuyện đó hẳn phải từ trước thời của bố,” Giles nói, “vì bố cậu ấy bị chết trong chiến tranh.”

“Ai nói cho con biết?” Hugo hỏi.

“Mẹ của Harry ạ. Cô ấy là nhân viên phục vụ tại khách sạn Royal. Bọn con đã tới uống trà ở đó vào dịp sinh nhật cậu ấy.”

Hugo muốn hỏi ngày sinh của Clifton, song lại sợ rất có thể là hỏi nhiều quá. Thay vì thế, anh ta nói, “Mẹ con gửi lời hỏi thăm con với tất cả tình yêu của mẹ. Bố nghĩ mấy hôm nữa mẹ và Emma dự định sẽ tới thăm con đấy.”

“Ái chà, đó là tất cả những gì con cần,” Giles nói. “Ho gà và một chuyến thăm của cô em gái kinh khủng.”

“Em gái con đâu có kinh khủng đến thế,” bố cậu vừa cười vừa nói.

“Nó còn tệ hơn thế,” Giles nói. “Và Grace cũng chẳng có vẻ gì sẽ khá hơn. Thế mẹ với các em có đi nghỉ cùng bố con mình không bố?”

“Có chứ, tất nhiên là có.”

“Con không biết liệu Harry Clifton có thể tới Tuscany cùng chúng ta mùa hè này không. Cậu ấy chưa bao giờ được ra nước ngoài.”

“Không,” Hugo đáp có phần hơi quá gay gắt. “Các kỳ nghỉ dứt khoát chỉ dành cho gia đình, không phải để chia sẻ cùng người lạ.”

“Nhưng cậu ấy không phải là người lạ,” Giles nói. “Cậu ấy là bạn thân nhất của con.”

“Không,” Hugo lặp lại, “và không bàn cãi gì về chuyện này nữa.” Giles có vẻ thất vọng. “Vậy con thích quà gì cho ngày sinh nhật của con hả chàng trai?” Hugo hỏi, nhanh chóng thay đổi chủ đề.

“Chiếc radio mới nhất,” Giles trả lời ngay không chút do dự. “Nó được gọi là một chiếc Roberts Reliable.”

“Các con có được phép có radio ở trường không?”

“Có ạ,” Giles nói, “nhưng bọn con chỉ được phép mở chúng vào dịp cuối tuần. Nếu có ai bị bắt gặp nghe radio sau lúc tắt đèn hay trong tuần, nhà trường lập tức sẽ tịch thu.”

“Bố sẽ xem bố có thể làm được gì. Con sẽ về nhà vào dịp sinh nhật chứ?”

“Vâng, nhưng chỉ vào bữa chiều thôi. Con phải quay lại trường cho kịp giờ tự học.”

“Vậy bố sẽ cố gắng tạt về nhà,” Hugo nói. “Bây giờ bố phải về đây. Bố muốn nói chuyện một lát với y tá trưởng trước khi về.”

“Bố đừng quên hỏi bà ấy xem bà ấy có thể cho phép con ra ngoài sáng thứ Bảy không bố nhé,” Giles nhắc bố cậu trong khi anh rời khỏi phòng để thực hiện mục đích thật sự của chuyến ghé thăm.

“Tôi rất mừng vì ông có thể ghé qua, ông Barrington. Chuyện này sẽ không ảnh hưởng nhiều tới sức khỏe của Giles,” bà y tá trưởng nói khi Hugo bước vào phòng. “Như ông cũng thấy đấy, cậu bé gần như đã hồi phục hoàn toàn rồi.”

“Vâng, và con trai tôi hy vọng bà có thể cho phép nó ra ngoài sáng thứ Bảy để nó có thể tham gia một trận bóng đá.”

“Tôi chắc việc này hoàn toàn có thể,” bà y tá trưởng nói. “Nhưng ông đã nói còn một điều nữa ông muốn trao đổi với tôi?”

“Vâng, thưa bà. Như bà cũng biết, Giles bị mù màu. Tôi chỉ muốn hỏi liệu điều này có gây khó khăn gì cho con trai tôi hay không.”

“Theo như chỗ tôi biết thì không,” bà y tá trưởng nói. “Nếu đúng là có, thì những khó khăn đó cũng không ngăn cản được con trai ông

đánh một quả bóng đỏ bay qua sân đấu màu xanh lá cây cho tới khi nó tới một vạch trắng.”

Barrington bật cười trước khi anh ta đưa ra câu thăm dò tiếp theo đã được chuẩn bị cẩn thận. “Trước đây khi tôi học tại St. Bede, tôi đã từng bị đùa cợt vì tôi là học sinh duy nhất bị mù màu.”

“Tôi dám chắc với ông,” bà y tá trưởng nói, “rằng không có ai trêu ghẹo Giles cả. Và dù thế nào đi nữa, cậu bạn thân nhất của con trai ông cũng bị mù màu.”

* * *

Hugo lái xe quay về văn phòng, suy nghĩ rằng cần phải làm gì đó ngay trước khi tình hình vượt ra ngoài tầm kiểm soát. Anh quyết định liên lạc với đại tá Danvers thêm một lần nữa.

Sau khi đã ngồi xuống bàn làm việc, anh nói với cô Potts mình không muốn bị quấy rầy. Anh đợi cho đến khi cô thư ký đã đóng cửa phòng lại rồi mới nhắc điện thoại lên. Sau vài giây, ông cảnh sát trưởng đã nhắc máy.

“Tôi là Hugo Barrington, thưa đại tá.”

“Cậu vẫn khỏe chứ, chàng trai?” Ông cảnh sát trưởng hỏi.

“Tôi vẫn khỏe, thưa ngài. Tôi tự hỏi không biết ngài có thể dành cho tôi lời khuyên về một vấn đề riêng tư được không?”

“Cậu cứ nói đi, chàng trai.”

“Tôi đang tìm kiếm một người phụ trách an ninh mới, và tôi không rõ ông có thể chỉ cho tôi đúng hướng chăng?”

“Thực tế thì đúng là tôi có biết một người nhiều khả năng sẽ phù hợp với yêu cầu của cậu, nhưng tôi không rõ anh ta còn sẵn sàng hay không. Tôi sẽ thử tìm hiểu và gọi lại cho cậu.”

Ông cảnh sát trưởng quả là một người đáng tin cậy, gọi lại ngay sáng hôm sau. “Người tôi nghĩ tới hiện đang có một việc làm bán thời gian, nhưng anh ta cũng đang tìm kiếm một công việc nào đó ổn định hơn.”

“Ông có thể cho tôi biết ít nhiều về anh ta được không?” Hugo hỏi.

“Anh ta từng được nhắm đến cho những vị trí quan trọng hơn trong ngành, nhưng buộc phải rời khỏi lực lượng vì bị thương nặng trong lúc tìm cách bắt giữ một tên cướp trong vụ cướp ngân hàng Midland. Chắc là cậu vẫn còn nhớ câu chuyện đó. Thậm chí nó còn xuất hiện cả trên các báo phát hành trên toàn quốc. Theo đánh giá của tôi, anh ta là ứng viên lý tưởng cho vị trí phụ trách an ninh của cậu, và thẳng thắn mà nói, cậu thực sự là người may mắn nếu có được anh ta. Nếu cậu vẫn còn quan tâm, tôi có thể cung cấp cho cậu thông tin chi tiết về anh ta.”

* * *

Barrington gọi cho Derek Mitchell từ nhà riêng, vì anh không muốn cô Potts phát hiện ra ý định của mình. Anh đồng ý gặp người cựu cảnh sát tại khách sạn Royal lúc sáu giờ tối thứ Hai, sau khi bà Clifton đã kết thúc ngày làm việc và Palm Court trở nên vắng vẻ.

Hugo đến sớm vài phút và hướng thẳng tới chỗ một chiếc bàn nằm ở tận góc xa của căn phòng, vị trí mà bình thường anh sẽ không bao giờ thèm để mắt tới. Anh ngồi xuống chiếc ghế phía sau cột trụ, nơi anh biết cuộc trao đổi của mình với Mitchell sẽ không bị nhìn hay nghe thấy. Trong khi chờ đợi, anh rà lại một danh sách các câu hỏi trong đầu cần được trả lời nếu anh định đặt niềm tin vào con người hoàn toàn xa lạ này.

Lúc sáu giờ kém ba phút, một người đàn ông cao ráo, thân hình cân đối có phong cách quân nhân lách mình đi qua cánh cửa quay, mặc chiếc áo vét màu xanh nước biển, quần vải flannel xám, tóc cắt ngắn, giày đánh xi bóng nhoáng, tất cả đều cho thấy đây là con người đã quen với lối sống có kỷ luật.

Hugo đứng dậy, giơ một tay lên như thể đang gọi bồi bàn. Mitchell chậm rãi bước qua phòng, không hề tìm cách che dấu dáng đi hơi tập tễnh, hậu quả của vết thương mà theo như Danvers nói chính là lý do khiến Mitchell phải rời khỏi lực lượng cảnh sát vì thương tật.

Hugo nhớ lại lần cuối anh mặt đối mặt với một nhân viên cảnh sát, nhưng lần này anh sẽ là người đặt câu hỏi.

“Chúc buổi tối tốt lành, thưa ngài.”

“Chúc anh buổi tối tốt lành, Mitchell,” Hugo nói trong khi hai người bắt tay. Sau khi Mitchell đã ngồi xuống, Hugo quan sát kỹ hơn hơn sống mũi gãy và hai vành tai bị rách của anh ta, đồng thời nhớ lại từ biên bản ghi chú đại tá Denvers cung cấp rằng người này từng chơi ở hàng tiền vệ cho đội Bristol.

“Hãy cho phép tôi nói luôn nhé, Mitchell,” Hugo nói, không muốn mất thời gian, “rằng những gì tôi muốn trao đổi với anh là chuyện tuyệt đối bí mật, và nhất thiết phải giữ kín giữa hai chúng ta.” Mitchell gật đầu. “Kỳ thực, việc này bí mật đến mức cả đại tá Denvers cũng không biết lý do thật khiến tôi cần gặp anh, vì chắc chắn không phải tôi đang tìm một người phụ trách công tác an ninh cho mình.”

Khuôn mặt Mitchell vẫn bình thản không thể hiện chút cảm xúc nào trong khi anh ta chờ nghe những gì đang được Hugo nghĩ trong đầu.

“Tôi đang tìm kiếm ai đó thực hiện công việc của một thám tử tư. Nhiệm vụ duy nhất của anh ta là báo lại với tôi hàng tháng hoạt động của một người phụ nữ sống trong thành phố này, và trên thực tế làm việc tại đây.”

“Tôi hiểu, thưa ngài.”

“Tôi muốn biết mọi thứ cô ta làm, cho dù là trong công việc hay đời tư, cho dù có vẻ nhỏ nhặt đến thế nào đi chăng nữa. Cô ta không bao giờ, tôi nhắc lại là không bao giờ, được biết anh quan tâm tới cô ta. Vì thế trước khi tôi tiết lộ danh tính người phụ nữ này, anh có nghĩ mình đủ khả năng thực hiện một nhiệm vụ như vậy không?”

“Những việc như thế này không bao giờ dễ dàng,” Mitchell nói, “nhưng cũng không phải là không thể. Khi còn là một thượng sĩ thám tử trẻ, tôi từng tham gia vào một chiến dịch ngầm với kết quả là một tên tội phạm đặc biệt đáng ghê tởm phải ngồi sau song sắt mười sáu năm. Nếu lúc này hấn bước vào khách sạn này, tôi tin chắc hấn không thể nhận ra tôi.”

Hugo lần đầu tiên mỉm cười. “Trước khi tôi nói tiếp,” anh ta nói, “tôi cần biết anh có sẵn sàng nhận đảm nhiệm một việc như thế không?”

“Điều đó còn phụ thuộc vào vài thứ, thưa ngài.”

“Chẳng hạn?”

“Liệu đó có phải là một công việc toàn thời gian hay không, vì hiện tại tôi đang làm nhân viên an ninh ban đêm cho một ngân hàng.”

“Hãy nộp đơn xin thôi việc ngay ngày mai,” Hugo nói. “Tôi không muốn anh làm việc cho bất cứ ai khác.”

“Và thời gian làm việc sẽ như thế nào?”

“Tùy anh quyết định.”

“Còn mức lương của tôi?”

“Tôi sẽ trả cho anh tám bảng mỗi tuần, ứng trước một tháng, đồng thời chi trả mọi chi phí hợp lý khác.”

Mitchell gật đầu. “Thưa ngài, liệu tôi có thể đề nghị ngài trả tất cả bằng tiền mặt, để không dấu vết nào có thể lần được đến ngài, được không?”

“Như vậy có lẽ là sáng suốt,” Hugo nói, anh ta vốn cũng đã định như vậy.

“Và ngài muốn báo cáo hàng tháng dưới dạng văn bản hay do tôi đích thân báo lại?”

“Do anh đích thân báo lại. Tôi muốn càng ít dính dáng đến giấy tờ càng tốt.”

“Vậy thì chúng ta nên gặp nhau ở các địa điểm khác nhau và không bao giờ vào cùng một ngày trong tuần. Như thế, sẽ khó có khả năng ai đó bắt gặp chúng ta gặp nhau nhiều hơn một lần.”

“Tôi không có vấn đề gì về chuyện đó cả,” Hugo nói.

“Khi nào thì ngài muốn tôi bắt đầu, thưa ngài?”

“Anh đã bắt đầu từ nửa tiếng trước,” Barrington nói. Anh ta lấy từ trong túi áo trong ra một mảnh giấy và một phong bì đựng 32 bảng rồi đưa chúng cho Mitchell.

Mitchell đọc qua tên người và địa chỉ viết trên mảnh giấy vài giây rồi đưa trả nó lại cho ông chủ mới của mình. “Tôi còn cần số điện thoại riêng của ngài, thưa ngài, cũng như thông tin chi tiết về nơi chốn, thời điểm có thể liên lạc với ngài.”

“Tại văn phòng của tôi vào bất cứ tối nào, tầm năm đến sáu giờ,” Hugo nói. “Anh tuyệt đối không bao giờ được gọi tới nhà tôi, trừ trường hợp khẩn cấp.” Anh ta vừa nói vừa lấy ra cây bút.

“Chỉ nói cho tôi biết các con số thôi, thưa ngài, đừng viết ra.”

“**N**gài có định về dự tiệc sinh nhật cậu Giles không?” cô Potts hỏi.

Hugo nhìn vào lịch nhắc việc của anh ta. Dòng chữ *Giles, sinh nhật mười hai tuổi, 3 giờ chiều, Manor House* được viết bằng chữ đậm ngay đầu trang.

“Tôi có thời gian mua một món quà trên đường về nhà không?”

Cô Potts rời khỏi phòng, và trở lại một lát sau mang theo một gói quà lớn bọc giấy bóng màu đỏ óng ánh và buộc ruy băng.

“Bên trong là cái gì vậy?” Hugo hỏi.

“Chiếc radio hiệu Roberts mới nhất; thứ mà cậu ấy đã nói với ngài khi ngài tới bệnh xá thăm cậu ấy tháng trước.”

“Cảm ơn cô, cô Potts,” Hugo nói. Anh ta xem đồng hồ. “Tốt nhất là tôi nên về ngay nếu muốn kịp thấy con trai tôi cắt bánh sinh nhật.”

Cô Potts đặt một tập tài liệu dày vào trong ca táp của anh ta, và trước khi Hugo kịp hỏi, cô thư ký nói, “Những ghi chú về tình hình kinh doanh của ngài cho buổi họp hội đồng quản trị ngày mai. Ngài có thể xem qua chúng sau khi cậu Giles quay lại St. Bede. Như thế chiều nay ngài sẽ không phải quay trở về đây.”

“Cảm ơn cô, cô Potts,” Hugo nói. “Cô luôn nghĩ tới mọi thứ.”

Trên đường lái xe xuyên qua thành phố để về nhà, Hugo nhận thấy số lượng xe hơi trên xa lộ dường như đã tăng lên rất nhiều so với một năm trước. Người đi bộ đã trở nên cảnh giác hơn nhiều khi băng qua đường kể từ khi chính phủ nâng giới hạn tốc độ lên 30 dặm một giờ. Một con ngựa nhảy chồm lên khi Hugo lao vụt qua một

cỗ xe ngựa chở khách khá đẹp. Anh tự hỏi chúng có thể hy vọng tồn tại được thêm bao lâu nữa khi giờ đây hội đồng thành phố đã cho phép những chiếc taxi đầu tiên vào hoạt động.

Sau khi đã đi qua thành phố, Hugo tăng tốc, không muốn bị muộn bữa tiệc sinh nhật của cậu con trai. Cậu bé lớn mới nhanh làm sao. Giles giờ đã cao hơn mẹ cậu. Liệu rồi cậu bé có cao hơn cả bố mình hay không?

Một năm nữa, khi Giles rời St. Bede và giành lấy chỗ của mình tại Eton, Hugo cảm thấy tự tin rằng tình bạn của con trai anh ta với thằng nhóc Clifton kia sẽ nhanh chóng chìm vào quên lãng, cho dù anh ta ý thức được vẫn còn những khó khăn khác cần được thu xếp ổn thỏa trước đó.

Anh giảm tốc độ khi lái xe qua cổng lãnh địa của gia đình mình. Anh luôn thích quãng đường dài chạy giữa hai hàng cây sồi dẫn tới Manor House. Jenkins đang đứng trên bậc cấp trên cùng khi Hugo ra khỏi xe. Ông ta giữ cửa trước mở và nói, “Bà Barrington hiện đang ở trong phòng khách, thưa ngài, cùng cậu Giles và hai người bạn học của cậu ấy.”

Anh vừa bước vào tiền sảnh, cô bé Emma lao xuống cầu thang và dang rộng hai cánh tay ra ôm chầm lấy bố.

“Có gì trong này vậy bố?” cô bé hỏi.

“Là quà sinh nhật của anh trai con.”

“Vâng, nhưng đó là thứ gì vậy?”

“Con sẽ phải đợi và xem, tiểu thư thân mến,” bố cô bé nói kèm theo một nụ cười trước khi đưa ca táp cho người quản gia. “Jenkins, cất nó lên phòng làm việc của tôi,” Hugo nói trong khi Emma cầm lấy tay anh và bắt đầu kéo anh về phía phòng khách.

Nụ cười của Hugo tan biến ngay khoảnh khắc anh mở cửa và nhìn thấy người đang ngồi trên sofa.

Giles đứng bật dậy chạy về phía bố cậu, anh đưa cho con trai gói quà và nói, “Chúc sinh nhật vui vẻ, con trai.”

“Con cảm ơn bố,” cậu bé nói, trước khi giới thiệu các bạn mình.

Hugo bắt tay Deakins, nhưng khi Harry chìa tay ra, anh chỉ nói, “Xin chào cậu, Clifton,” và ngồi xuống chiếc ghế ưa thích của mình.

Hugo chăm chú quan sát trong lúc Giles tháo dây ruy băng buộc gói quà và cả hai bố con lần đầu tiên nhìn thấy món quà. Thậm chí cả niềm vui vô bờ không thể kiềm chế nổi của cậu con trai với chiếc radio mới của cậu cũng không mang lại nổi nụ cười trên môi Hugo. Anh có một điều cần phải hỏi Clifton, nhưng phải làm sao để câu trả lời của cậu nhóc không có vẻ gì là quan trọng.

Anh vẫn im lặng trong khi ba cậu bé thay nhau chĩnh sang hai đài phát khác nhau và chăm chú lắng nghe những giọng nói xa lạ và tiếng nhạc vang lên từ trong loa. Tiếp theo sau là những tiếng cười hay tiếng vỗ tay hoan hô.

Bà Barrington nói chuyện với Harry về buổi trình diễn mới đây của vở *Messiah* mà bà đã tham dự, nói thêm về sự tán thưởng bà dành cho phần trình diễn bài *Con biết Người Chuộc Tội của con vẫn sống* của cậu.

“Cảm ơn bà, bà Barrington,” Harry nói.

“Cậu hy vọng sẽ vào học tại Bristol Grammar School sau khi rời St. Bede chứ, Clifton?” Hugo lên tiếng khi thấy có một cơ hội.

“Chỉ nếu như cháu nhận được học bổng, thưa ông,” cậu bé nói.

“Nhưng sao điều đó lại quan trọng đến thế?” bà Barrington hỏi. “Chắc chắn cháu sẽ nhận được lời mời vào học như các học sinh khác chứ?”

“Vì mẹ cháu không thể chi trả được các khoản phí, thưa bà Barrington. Mẹ cháu là nhân viên phục vụ tại khách sạn Royal.”

“Nhưng chẳng lẽ bố cháu không...”

“Bố cháu không còn nữa,” Harry nói. “Ông đã tử trận trong chiến tranh.”

“Cô rất xin lỗi,” bà Barrington nói. “Cô không hề biết.”

Đúng lúc ấy cửa mở, người phụ việc của quản gia bước vào, bê một chiếc bánh sinh nhật lớn để trên khay bạc. Sau khi Giles đã thành công trong việc thổi tắt mười hai cây nến chỉ trong một hơi, tất cả mọi người cùng vỗ tay.

“Sinh nhật cậu là khi nào vậy, Clifton?” Hugo hỏi.

“Vào tháng trước, thưa ông,” Harry đáp.

Sau khi Giles cắt bánh, Hugo đứng dậy rời khỏi phòng mà không nói thêm lời nào.

Anh đi thẳng lên phòng làm việc, nhưng rồi không tài nào tập trung tâm trí được vào tập tài liệu cần cho cuộc họp hội đồng quản trị sáng hôm sau. Câu trả lời của Clifton cũng có nghĩa là anh cần tìm kiếm tư vấn từ một luật sư chuyên về luật thừa kế.

Sau chừng một giờ đồng hồ, anh nghe thấy tiếng người nói dưới tiền sảnh, sau đó là tiếng cửa trước đóng lại và âm thanh của một chiếc xe hơi chạy đi. Vài phút sau có tiếng gõ vào cửa phòng làm việc, và Elizabeth bước vào.

“Tại sao anh lại đột ngột bỏ đi như thế?” cô hỏi. “Và tại sao anh không xuống chào tạm biệt khi anh biết Giles và khách mời của con ra về?”

“Anh có một cuộc họp hội đồng quản trị rất đau đầu vào sáng mai,” anh nói, không buồn ngẩng đầu lên.

“Đó không phải là lý do để không chào tạm biệt con trai anh, nhất lại là vào ngày sinh nhật của nó.”

“Anh có quá nhiều thứ phải nghĩ trong đầu,” Hugo nói, vẫn nhìn xuống các ghi chú của anh.

“Chắc chắn chẳng có gì quan trọng đến mức làm anh phải cộc cằn với khách đến thế. Anh đối xử với Harry Clifton còn bất lịch sự hơn so với một người làm trong nhà.”

Lần đầu tiên Hugo ngẩng đầu lên. “Rất có thể vì anh coi Clifton còn thấp kém hơn cả người làm trong nhà chúng ta.” Elizabeth có vẻ sốc. “Em có biết bố thằng nhóc đó là công nhân bến tàu còn mẹ nó là hầu bàn không? Anh không dám chắc nó là thứ bạn bè Giles nên giao du cùng.”

“Giles rõ ràng lại không nghĩ thế, và xuất thân của cậu bé có thể nào đi nữa, Harry cũng là một cậu bé đáng mến. Em không hiểu tại sao anh lại có ác cảm với cậu bé đến thế. Anh không hề cư xử với Deakins theo cách đó, và bố cậu ta cũng chỉ là người bán báo.”

“Cậu ta là một học sinh được học bổng toàn phần.”

“Còn Harry được hưởng học bổng đồng ca, như tất cả các con chiên ngoan đạo ở Bristol đều biết. Lần sau khi anh gặp cậu bé, em hy vọng anh sẽ cư xử lịch thiệp hơn.” Không nói thêm lời nào, Elizabeth rời khỏi phòng, đóng sập mạnh cửa lại sau lưng cô.

* * *

Sir Walter Barrington vẫn ngồi tại vị trí chủ tịch của ông tại bàn họp hội đồng quản trị khi con trai ông bước vào.

“Con ngày càng thấy lo ngại hơn về dự luật mới của chính phủ về mức thuế suất nhập khẩu,” Hugo vừa nói vừa ngồi vào chỗ bên phải bố anh ta, “cũng như tác động nó có thể gây ra trên bảng quyết toán của chúng ta.”

“Đó là lý do tại sao chúng ta lại có một luật sư trong hội đồng quản trị,” Sir Walter nói, “để người này có thể tư vấn cho chúng ta trong những vấn đề như thế.”

“Nhưng con đã tính toán thấy chúng ta sẽ mất hai mươi nghìn bảng mỗi năm nếu dự luật đó chính thức trở thành luật. Bố không cho rằng chúng ta nên tham khảo ý kiến tư vấn thứ hai sao?”

“Bố nghĩ là bố có thể trao đổi một chút với Sir James Amhurst vào lần tới bố lên London.”

“Con sẽ lên London vào thứ Ba để dự bữa dạ tiệc hàng năm của Hiệp hội các Chủ tàu Anh Quốc,” Hugo nói. “Vì ông ấy là chuyên gia tư vấn luật hàng hải, có lẽ con cần trao đổi vài lời cùng ông ấy.”

“Chỉ trong trường hợp con thấy chuyện này cần thiết,” Sir Walter nói. “Và đừng quên Amhurst tính phí tư vấn theo giờ, kể cả trong các bữa dạ tiệc.”

* * *

Buổi dạ tiệc của Hiệp hội các Chủ tàu Anh Quốc được tổ chức tại Grosvenor House, với sự tham dự của hàng nghìn thành viên và khách mời.

Hugo đã gọi điện trước cho người thư ký Hiệp hội và hỏi liệu anh ta có thể được xếp ngồi cạnh Sir James Amhurst không. Người thư ký thoạt đầu nhượng mảy, nhưng rồi cũng đồng ý sắp xếp lại chỗ cho quan khách ở bàn trên. Nói cho cùng, ông già Joshua Barrington từng là một thành viên sáng lập của Hiệp hội.

Sau khi ông Giám mục thành phố Newcastle đọc xong lời cầu nguyện trước khi vào tiệc, Hugo không tìm cách ngắt lời vị khách danh giá ngồi cạnh mình khi ông ta bận trò chuyện với người ngồi kế bên phải. Tuy vậy, khi vị luật sư cuối cùng cũng chuyển sự chú ý sang vị khách lạ mặt được xếp ngồi bên trái mình, Hugo không vòng vo mà đi thẳng vào việc.

“Bố tôi, Sir Walter Barrington,” anh ta bắt đầu lên tiếng, thu hút sự chú ý của người đối thoại với mình, “rất quan ngại về dự luật thuế suất nhập khẩu sắp được thông qua tại Hạ viện cũng như những tác động nó có thể gây ra với ngành hàng hải. Ông băn khoăn không rõ có thể tìm kiếm sự tư vấn từ ngài trong lần tới ông lên London hay không.”

“Rất sẵn sàng thôi, chàng trai,” Sir James nói. “Chỉ cần lưu ý thư ký của ông ấy liên lạc trước với trợ lý của tôi, và tôi sẽ đảm bảo để mình không bận gì vào dịp bố cậu lên thủ đô.”

“Cảm ơn ngài, thưa ngài,” Hugo nói. “Còn một chuyện nhỏ nữa, tôi không rõ ngài đã từng đọc qua tác phẩm nào của Agatha Christie chưa?”

“Tôi không thể nói là rồi,” Sir James nói. “Truyện của cô ta có hay không?”

“Tôi rất thích tác phẩm mới nhất của tác giả này, *Nơi có một bản di chúc*,” Hugo nói, “nhưng tôi không dám chắc câu chuyện trong đó có đúng vững được trước một phiên tòa hay không.”

“Quý cô này đã đưa ra giả thiết gì vậy?” Amhurst hỏi trong lúc một miếng bít tết được nướng chín kỹ để trên một cái đĩa lạnh tanh được để xuống trước mặt ông.

“Theo cô Christie, thì con đầu của một hiệp sĩ có tước hiệu được thừa kế sẽ đương nhiên được hưởng tước vị của bố anh ta, thậm chí dù đó có là con ngoài giá thú.”

“À, đây quả thực là một vấn đề tư pháp học búa rất lý thú,” Sir James nói. “Trên thực tế, ủy ban Tư pháp Thượng viện mới đây đã phải phân xử một trường hợp như thế. Vụ Benson chống lại Castairs, nếu tôi nhớ không nhầm. Nó vẫn hay được báo chí nhắc đến như là một vụ ‘tu chính án con hoang’.”

“Và Ủy ban đã đi tới kết luận thế nào thưa ông?” Hugo hỏi, cố tỏ ra như không quan tâm lắm.

“Nếu không tìm thấy kẻ hở nào trong bản di chúc ban đầu, họ sẽ đưa ra phán quyết có lợi cho người được sinh ra trước, cho dù anh chàng trẻ tuổi được nói đến có là con ngoài giá thú.” Thêm một câu trả lời nữa mà Hugo không hề muốn nghe. “Tuy nhiên,” Sir James nói tiếp, “các thành viên ủy ban cũng quyết định chừa lại đường lui cho họ, và thêm vào một điều khoản bổ sung quy định mỗi trường hợp cụ thể cần được phán xử theo những đặc thù riêng của nó, và cũng chỉ sau khi vụ việc đã được Đại thần Nghi lễ thẩm tra. Chuyện thường tình ở ủy ban Tư pháp,” vị luật sư nói thêm trước khi cầm dao nĩa lên và tập trung vào miếng bít tết. “Luôn sợ tạo nên tiền lệ, nhưng lúc nào cũng sẵn sàng đẩy trách nhiệm cho người khác.”

Khi Sir James lại quay sang vị khách bên phải, Hugo ngẫm nghĩ đến những hệ lụy sẽ đến nếu Harry Clifton biết được rằng rất có thể cậu ta có quyền thừa kế không chỉ công ty vận tải hàng hải Barrington, mà cả lãnh địa của gia đình này. Buộc phải thừa nhận anh có một đứa con ngoài giá thú cũng đã đủ tồi tệ, nhưng ý nghĩ Harry Clifton sẽ thừa kế tước vị của gia đình sau khi anh chết và trở thành Sir Harry quả là không thể chịu đựng nổi. Anh sẵn sàng làm bất cứ điều gì trong khả năng của mình để đảm bảo viễn cảnh ấy không trở thành hiện thực.

Hugo Barrington đang ngồi ăn sáng trong lúc đọc lá thư của thầy hiệu trưởng trường St. Bede kêu gọi đóng góp một nghìn bảng để xây một khu sân cricket mới cho đội cricket của trường. Anh mở quyển séc ra và vừa mới ghi con số 100 lên tấm séc thì có tiếng một chiếc xe hơi dừng lại trên con đường rải sỏi phía bên ngoài.

Hugo bước tới bên cửa sổ để xem ai lại tới thăm anh ta sớm đến thế vào một buổi sáng thứ Bảy. Hugo ngỡ ngàng không hiểu chuyện gì đang xảy ra khi thấy con trai mình bước ra từ phía sau một chiếc taxi, xách theo vali trong khi anh đang trông đợi được theo dõi Giles đánh cú mở đầu cho trường trong trận cricket cuối cùng với đội Avonhurst vào buổi chiều hôm đó.

Jenkins xuất hiện vừa kịp lúc Giles bước lên tới bậc cấp trên cùng. “Chúc buổi sáng tốt lành, cậu Giles,” ông ta lên tiếng chào, như thể đang chờ đợi cậu bé.

Hugo hồi hải bước ra ngoài phòng ăn sáng và thấy con trai mình đang đứng ngoài tiền sảnh, mặt cúi gằm, vali để sát bên. “Con đang làm gì ở nhà vậy?” anh hỏi. “Chẳng phải còn một tuần nữa mới hết học kỳ hay sao?”

“Con bị đình chỉ tạm thời,” Giles nói cụt lủn.

“Bị đình chỉ tạm thời?” bố cậu lặp lại. “Và bố có thể biết con đã làm gì để bị như thế không?”

Giles đưa mắt nhìn Jenkins, người vẫn đứng im lặng bên cửa chính. “Tôi sẽ mang vali của cậu Giles lên phòng của cậu ấy,” người quản gia nói rồi cầm lấy vali và chậm rãi bước lên cầu thang.

“Đi theo bố,” Hugo nói khi người quản gia đã đi khuất.

Không ai trong hai bố con nói gì cho đến khi Hugo đã đóng cửa phòng làm việc sau lưng anh lại. “Con đã làm gì để cho nhà trường phải viện đến một biện pháp nghiêm khắc như thế?” ông bố vừa ngồi xuống ghế vừa hỏi.

“Con bị bắt quả tang ăn cắp trong cửa hàng bánh kẹo,” Giles nói, cậu con trai vẫn phải đứng im giữa phòng.

“Đây là một lời giải thích đơn giản nhỉ? Như một sự hiểu lầm chẳng hạn?”

“Không, không có hiểu lầm nào hết, thưa bố,” Giles nói, cố kìm nước mắt lại.

“Con có gì để biện hộ cho mình không?”

“Không, thưa bố,” Giles do dự. “Ngoại trừ...”

“Ngoại trừ cái gì?”

“Con luôn cho đi bánh kẹo, thưa bố. Con không bao giờ giữ lại cho mình.”

“Hẳn là cho Clifton rồi, không nghi ngờ gì nữa.”

“Và cho cả Deakins nữa,” Giles nói.

“Có phải lúc đầu chính Clifton đã xúi con làm thế không?”

“Không, không phải thế,” Giles quả quyết đáp. “Thực ra, khi Harry phát hiện ra việc con làm, cậu ấy luôn mang chỗ kẹo con cho cậu ấy và Deakins đi trả lại cửa hàng. Thậm chí cậu ấy còn nhận tội khi ông Frobisher buộc tội cậu ấy ăn cắp chúng.”

Sau đó là một khoảng im lặng kéo dài trước khi bố cậu lên tiếng.

“Vậy là con đã bị buộc tạm thôi học, chứ không phải là bị đuổi học?”

Giles gật đầu.

“Con có nghĩ họ sẽ cho phép con trở lại trường học kỳ tới không?”

“Con không nghĩ thế ạ,” Giles nói.

“Điều gì khiến con cảm thấy chắc chắn vậy?”

“Vì con chưa bao giờ thấy thầy hiệu trưởng phản nộ đến thế.”

“Vẫn chưa là gì so với mẹ con đâu khi mẹ con biết chuyện.”

“Bố ơi, làm ơn đừng nói cho mẹ biết,” Giles òa khóc, van nài.

“Vậy thì con nghĩ bố sẽ giải thích với mẹ như thế nào về lý do khiến con quay về nhà sớm một tuần và thậm chí rất có thể không quay trở lại được St. Bede học kỳ tới?”

Giles không tìm cách trả lời mà chỉ tiếp tục khóc thút thít.

“Và chỉ có Chúa mới biết các ông bà của con sẽ nói gì,” ông bố nói thêm, “khi bố buộc phải cho họ biết tại sao rốt cuộc con sẽ không vào học tại Eton.”

Theo sau là một quãng im lặng dài nữa.

“Hãy về phòng con và đừng có nghĩ tới chuyện xuống dưới nhà cho tới khi bố cho phép.”

“Vâng, thưa bố,” Giles nói. Cậu bé quay lại chuẩn bị đi ra.

“Và cho dù con có làm gì đi nữa, không được nhắc tới chuyện này với bất kỳ ai, nhất là trước mặt người làm trong nhà.”

“Vâng, thưa bố,” Giles nói rồi chạy ra khỏi phòng, thiếu chút nữa là va phải Jenkins khi cậu chạy vọt qua ông ta lên cầu thang.

Hugo cúi người ra trước trên ghế của anh ta, cố nghĩ xem có cách nào để cứu vãn tình thế trước khi anh ta phải đối diện với cuộc điện thoại không thể tránh khỏi từ ông hiệu trưởng. Hugo chống hai khuỷu tay lên mặt bàn, hai bàn tay ôm lấy mặt, nhưng phải một lúc lâu sau, mắt anh ta mới tập trung nhìn vào tấm séc.

Một nụ cười thoáng qua trên môi Hugo khi anh ta viết thêm một số 0 nữa trước khi ký tấm séc.

Mitchell đang ngồi ở góc phía xa của phòng chờ, đọc tờ *Bristol Evening Post* khi Hugo bước tới ngồi bên cạnh. Gió thổi mạnh đến mức Hugo giữ nguyên hai bàn tay trong túi quần.

“Đối tượng,” Mitchell nói, hai mắt vẫn dán vào tờ báo, “đang cố tìm cách huy động năm trăm bảng để khởi đầu một hoạt động kinh doanh.”

“Là loại hình kinh doanh nào mà có thể khiến cô ta quan tâm đến thế?”

“Tiệm trà Tilly’s,” Mitchell đáp. “Dường như đối tượng từng làm việc ở đó trước khi chuyển tới Palm Court ở Royal. Cô Tilly gần đây mới nhận được lời đề nghị mua lại tiệm với giá năm trăm bảng từ một người có tên là Edward Atkins. Cô Tilly không thích Atkins và đã nói rõ với đối tượng rằng nếu cô ta có thể huy động được một khoản tương tự, bà sẽ thích đối tượng kế thừa hoạt động kinh doanh của mình hơn.”

“Liệu cô ta có thể hy vọng huy động được từng ấy tiền từ đâu?”

“Rất có thể là từ ai đó muốn nắm quyền kiểm soát cô ta về mặt tài chính, một việc nhiều khả năng sẽ là lợi thế sau này thì sao?”

Hugo vẫn im lặng. Mitchell không hề rời mắt khỏi tờ báo.

“Cô ta đã thử tiếp cận ai đó để vay tiền chưa?” Cuối cùng thì Hugo cũng hỏi.

“Cô ta hiện đang trông cậy vào sự tư vấn của một người tên là Patrick Casey, đại diện của Dillon & Co., một công ty tài chính có trụ

sở tại Dublin. Công ty này chuyên thực hiện việc huy động vốn cho các khách hàng tư nhân.”

“Tôi có thể tiếp cận Casey bằng cách nào?”

“Tôi sẽ không khuyên ngài làm thế,” Mitchell nói.

“Tại sao lại không?”

“Anh ta ghé qua Bristol mỗi tháng một lần, và luôn thuê phòng tại khách sạn Royal.”

“Tôi không nhất thiết phải gặp anh ta tại Royal.”

“Người đàn ông này có một mối quan hệ cá nhân khá gần gũi với đối tượng. Bất cứ khi nào tới đây, anh ta đều đưa cô ta đi ăn tối hoặc tới nhà hát, và gần đây đã có người thấy cô ta quay về khách sạn cùng người đàn ông này, tại đó hai người họ qua đêm cùng nhau trong phòng 371.”

“Thật ấn tượng,” Hugo nói. “Còn gì nữa không?”

“Có thể ông cũng muốn biết đối tượng mở tài khoản tại ngân hàng National Provincial, số 49 phố Corn. Giám đốc điều hành là ông Prendergast. Tài khoản của cô ta hiện tại có số dư mười hai bảng và chín shiling.”

Hugo rất muốn hỏi bằng cách nào Mitchell thu thập được những thông tin đó, nhưng rồi hài lòng bằng việc nói, “Tuyệt lắm. Khi nào anh biết thêm bất cứ điều gì, dù nhỏ nhặt tới đâu, hãy gọi cho tôi.” Anh ta lấy một chiếc phong bì dày ra khỏi túi áo khoác và đẩy sang phía Mitchell.

“Chuyến tàu đang vào ga tại đường tàu số chín là chuyến tàu lúc bảy giờ hai mươi hai từ Taunton.”

Mitchell nhét phong bì vào túi, gập tờ báo của anh ta lại và đứng dậy rời khỏi phòng chờ. Anh ta không hề nhìn về phía người thuê mình, dù chỉ một lần.

* * *

Hugo đã không thể tìm nổi cơn thịnh nộ của mình khi anh ta biết được lý do thực sự khiến Giles không giành được một chỗ tại Eton. Anh ta gọi cho ông hiệu trưởng, người từ chối không nghe máy, cho

người đáng lẽ là giáo viên phụ trách nhà nội trú của con trai mình, ông này tỏ vẻ thông cảm nhưng không hy vọng có thể cứu vãn được tình hình, và thậm chí cho cả ông chủ tịch trường, ông này nói sẽ gọi lại nhưng không làm vậy. Cho dù Elizabeth và hai cô con gái không hiểu lý do gì đã khiến Hugo gần đây trở nên hay cáu bẳn như thế và chẳng vì nguyên do nào rõ ràng, họ tiếp tục chịu đựng chuyện không may của Giles một cách bình thản.

Hugo miễn cưỡng tháp tùng Giles tới Bristol Grammar School vào ngày đầu tiên của năm học mới, cho dù ông bố không cho phép cả Emma lẫn Grace đi theo, bất chấp việc Emma vùng vằng khóc lóc.

Khi Hugo dừng xe lại trên phố College, người đầu tiên anh ta nhìn thấy đang đứng bên ngoài cổng trường là Harry Clifton. Thậm chí từ trước khi ông bố kịp đạp phanh, Giles đã nhồm dậy lao ra khỏi xe chạy tới gặp bạn.

Hugo tránh gia nhập vào cùng các phụ huynh khác, trong khi Elizabeth dường như rất vui vẻ trò chuyện với họ, và khi vô tình đi qua bên cạnh Clifton, anh ta kiên quyết không bắt tay cậu bé.

Trên đường quay về Manor House, Elizabeth hỏi chồng cô vì sao anh ta lại cư xử với người bạn thân nhất của Giles một cách khinh thị như thế. Hugo nhắc lại với vợ mình rằng đáng lẽ ra con trai họ phải tới Eton, nơi cậu thiếu niên sẽ được làm quen với con cái các nhà gia thế khác chứ không phải với con trai của những người buôn bán nhỏ tại địa phương hay, với trường hợp của Clifton, thậm chí còn tệ hại hơn. Elizabeth rút lui về vị trí an toàn tương đối của sự im lặng, như gần đây cô vẫn thường phải làm.

“Tiệm trà địa phương bị đốt trụi! Cảnh sát nghi ngờ là một vụ cố ý gây hỏa hoạn!” Cậu bé bán báo ở góc đường Broad lớn tiếng rao.

Hugo đập phanh, chui ra khỏi xe và đưa cho cậu nhóc một đồng nửa penny. Anh ta vừa quay trở lại xe vừa bắt đầu đọc trang nhất.

Tiệm trà Tilly's, một địa chỉ quen thuộc của Bristol, nơi các công dân địa phương thường xuyên lui tới, đã bị cháy trụi hoàn toàn vào lúc sáng sớm. Cảnh sát đã bắt giữ một người đàn ông ngoài ba mươi tuổi và buộc tội anh ta cố ý gây hỏa hoạn. Cô Tilly, người hiện đang sống tại Cornwall...

Hugo mỉm cười khi trông thấy bức ảnh chụp Maisie và các nhân viên của cô đứng trên vỉa hè, rầu rĩ quan sát đồng đồ nát cháy đen còn lại của tiệm Tilly's. Các vị thần rõ ràng đã đứng về phía anh ta.

Anh ta chui vào trong xe, để tờ báo lên ghế dành cho khách và tiếp tục lái xe tới Vườn bách thú Bristol. Anh ta cần phải sắp xếp một cuộc gặp sớm với ông Prendergast.

Mitchell đã khuyên anh ta rằng nếu vẫn muốn hy vọng tiếp tục giữ bí mật việc mình chính là người cấp vốn cho đối tượng, mọi cuộc gặp với Prendergast cần diễn ra tại phòng làm việc của Barrington, và tốt nhất là sau khi cô Potts đã về nhà. Hugo cũng chẳng buồn giải thích với Mitchell rằng anh không chắc liệu cô Potts có về nhà buổi tối hay không nữa. Anh nóng lòng chờ đợi cuộc gặp với Prendergast, khi đó anh ta sẽ thực hiện cú ra đòn cuối cùng, nhưng còn một người nữa anh cần gặp trước khi có thể thực hiện việc đó.

* * *

Mitchell đang cho Rosie ăn khi anh ta tới nơi.

Hugo thông thả bước lại gần, tựa người vào lan can và làm ra vẻ quan tâm đến con voi Ấn Độ mà Vườn bách thú Bristol vừa mới nhận được từ Uttar Pradesh, và đã kịp thu hút một lượng lớn khách tham quan. Mitchell tung một miếng bánh mì lên và Rosie dùng vòi hút lấy miếng bánh cho vào miệng trong một cử chỉ uyển chuyển.

“Đối tượng đã quay lại làm việc ở khách sạn Royal,” Mitchell nói như thể đang trò chuyện với con voi. “Cô ta làm ca đêm tại Palm Court từ mười giờ đêm đến sáu giờ sáng ngày hôm sau. Cô ta được trả ba bảng một tuần, cộng thêm bất cứ món tiền thưởng nào có được, khoản này, vì có rất ít khách hàng buổi tối, cũng không đáng kể.” Anh ta ném thêm mấy mẩu bánh cho con voi. “Một người có tên Bob Burrows đã bị bắt và buộc tội cố ý gây hỏa hoạn. Burrows là người cung cấp bánh ngọt cho cô ta trước khi bị đối tượng cắt hợp đồng. Anh ta đã thú tội tất cả, thậm chí thừa nhận anh ta định cầu hôn đối tượng và đã mua cả nhẫn đính hôn, song đối tượng từ chối anh ta; hay ít nhất đó là câu chuyện của anh chàng này.”

Một nụ cười lướt qua trên môi Hugo. “Và ai là người phụ trách cuộc điều tra?”

“Thám tử thanh tra Blakemore,” Mitchell nói. Nụ cười của Hugo chuyển thành một cái cau mày. “Cho dù ban đầu Blakemore có nghĩ là đối tượng có thể là đồng phạm của Burrows,” Mitchell nói tiếp, “nhưng sau đó anh ta đã báo với Công ty Bảo hiểm Bristol và Tây Anh rằng cô ta không còn bị tình nghi nữa.”

“Thật đáng tiếc,” Hugo, mặt vẫn cau lại.

“Không hẳn thế,” Mitchell nói. “Công ty bảo hiểm sẽ chuyển cho bà Clifton một tám séc trị giá sáu trăm bảng để thanh toán dứt điểm toàn bộ yêu cầu bảo hiểm của cô ta.”

Hugo mỉm cười.

“Tôi không biết cô ta đã báo cho con trai mình biết chưa,” Hugo nói, gần như cho chính mình.

Nếu Mitchell có nghe thấy câu nói, thì anh ta vẫn tảng lờ. “Thông tin duy nhất còn lại có thể sẽ làm ngài quan tâm ít nhiều,” anh ta nói

tiếp, “là ông Patrick Casey đặt phòng tại khách sạn Royal tối thứ Sáu, và đưa đối tượng tới Plimsoll Line ăn tối. Sau đó họ quay về khách sạn, tại đây cô ta cùng người đàn ông lên phòng anh ta, phòng số 371, và mãi đến sau bảy giờ sáng hôm sau một chút mới chịu rời khỏi phòng.”

Sau đó là một quãng thời gian im lặng dài, luôn là dấu hiệu cho biết Mitchell đã kết thúc bản báo cáo hàng tháng của anh ta. Hugo lấy từ trong túi ra một chiếc phong bì và tuồn cho Mitchell, người không có vẻ gì thừa nhận hành động này trong lúc đưa miếng bánh mì cuối cùng cho chú voi Rosie đang rất thỏa mãn.

* * *

“Ông Prendergast muốn gặp ngài,” cô Potts nói, rồi đứng tránh sang bên để ông giám đốc ngân hàng bước vào phòng làm việc của giám đốc điều hành.

“Ông thật tử tế khi tới tận đây như thế này,” Hugo nói. “Tôi tin chắc ông sẽ hiểu tại sao tôi lại không muốn trao đổi một vấn đề bí mật như thế này tại ngân hàng.”

“Tôi hiểu,” Prendergast nói, mở cặp hiệu Gladstone và lấy ra một tập tài liệu dày thậm chí trước cả khi ngồi xuống. Ông ta đưa một tờ giấy qua bàn cho ông Barrington.

Hugo đọc qua dòng dưới cùng, trước khi ngồi ngay ngắn lại trên ghế.

“Để tôi tóm tắt lại nhé,” Prendergast nói. “Ngài đã dựng nên một nguồn quỹ tổng cộng là năm trăm bảng, cho phép bà Clifton mua lại cơ sở kinh doanh có tên là Tilly’s, một tiệm trà trên phố Broad. Hợp đồng cho vay đã ký kết có giá trị cho toàn bộ khoản tiền kể trên, cộng thêm mức lãi suất năm phần trăm một năm, cần được trả lại toàn bộ cho người cho vay trong vòng năm năm.”

“Cho dù tiệm Tilly’s đã có được mức lợi nhuận nhỏ trong năm đầu tiên và cả năm thứ hai dưới sự điều hành của bà Clifton, chưa bao giờ có được một khoản lợi tức đủ lớn để bà ấy có thể trả lãi hay hoàn lại một phần khoản tiền vốn gốc, vì vậy vào thời điểm xảy ra hỏa hoạn, bà Clifton nợ ông 572 bảng 16 shiling. Khoản tiền này,

cộng thêm phí dịch vụ ngân hàng là 20 bảng nữa, nâng tổng số tiền lên thành 592 bảng và 16 shilling. Số tiền này đương nhiên là có thể được trang trải đầy đủ với số tiền bảo hiểm chi trả, điều đó có nghĩa là trong khi số vốn đầu tư của ngài được bảo đảm an toàn, bà Clifton gần như sẽ không còn lại gì.”

“Thật không may làm sao,” Hugo nói. “Tôi có thể biết vì sao những con số tổng kết cuối cùng dường như không bao gồm bất cứ khoản phí nào phải trả cho ông Casey không?” anh ta hỏi sau khi xem xét kỹ lưỡng các con số.

“Vì ông Casey đã thông báo với ngân hàng rằng ông ấy không gửi tới bất cứ hóa đơn nào yêu cầu thanh toán cho phần dịch vụ của ông ta.”

Hugo cau mày. “Ít nhất cũng có một tin mừng cho người phụ nữ khốn khổ.”

“Quả vậy. Nhưng dù thế, tôi e rằng bà ấy sẽ không thể tiếp tục trang trải được các khoản phí cho con trai mình tại Bristol Grammar School trong học kỳ tới.”

“Thật đáng buồn,” Hugo nói. “Vậy là cậu bé sẽ phải thôi học?”

“Tôi rất tiếc phải nói đó là kết cục không thể tránh khỏi,” Prendergast nói. “Thật đáng buồn, vì bà ấy rất yêu quý con trai mình, và tôi tin bà ấy sẵn sàng chấp nhận hy sinh tất cả để cậu bé tiếp tục được theo học tại đó.”

“Thật đáng buồn vô cùng,” Hugo nói trong lúc anh ta đóng tập tài liệu lại và đứng dậy khỏi ghế. “Tôi sẽ không giữ ông lâu hơn nữa, ông Prendergast,” anh ta nói thêm. “Tôi có một cuộc hẹn trong thành phố sau khoảng nửa giờ nữa. Tôi đưa ông về cùng được chứ?”

“Ngài thật chu đáo, ngài Barrington, nhưng không cần vậy đâu. Tôi đã tự lái xe đến đây.”

“Ông lái xe gì vậy?” Hugo vừa hỏi vừa cầm ca táp lên và bước ra phía cửa.

“Một chiếc Morris Oxford,” Prendergast nói, nhanh chóng thu lại một số giấy tờ cho vào cặp của ông ta và đi theo Hugo ra khỏi phòng làm việc.

“Chiếc xe quốc dân,” Hugo nói. “Tôi nghe nói rằng, cũng giống như ông, ông Prendergast ạ, chiếc xe này rất đáng tin cậy.” Cả hai

người đàn ông cùng bật cười trong lúc đi xuống cầu thang. “Một chuyện thật đáng buồn, vụ bà Clifton đó,” Hugo nói khi họ đi ra khỏi tòa nhà. “Nhưng thực ra, tôi không hoàn toàn tán thành chuyện phụ nữ tham gia kinh doanh. Điều đó không hề thuận với tự nhiên.”

“Tôi hoàn toàn tán thành,” Prendergast nói khi hai người dừng bước cạnh chiếc xe của Barrington. “Ngài biết đấy,” ông giám đốc ngân hàng nói, “ngài đã làm tất cả những gì có thể cho người phụ nữ đó rồi.”

“Ông thật tử tế khi nói vậy, ông Prendergast,” Hugo nói. “Nhưng bất chấp điều đó, tôi vẫn sẽ rất biết ơn nếu việc can dự của tôi được giữ kín giữa hai chúng ta.”

“Tất nhiên rồi, thưa ngài,” Prendergast nói trong lúc hai người bắt tay, “ngài có thể trông cậy vào tôi.”

“Hãy giữ liên lạc với tôi, ông bạn thân mến,” Hugo nói trong khi chui vào trong xe. “Tôi tin chắc sẽ có lúc tôi lại phải cần đến dịch vụ ngân hàng.”

Prendergast mỉm cười.

Trong khi Hugo lái xe vào thành phố, suy nghĩ của anh quay trở lại với Maisie Clifton. Anh đã giáng cho người phụ nữ một đòn khiến cô khó lòng gượng dậy nổi, nhưng giờ anh dự định sẽ tung ra cú đòn chí tử.

Trên đường lái xe vào thành phố Bristol. Anh tự hỏi lúc này Maisie đang ở đâu. Nhiều khả năng là đang ngồi xuống cùng con trai để giải thích cho cậu nhóc vì sao cậu ta sẽ phải rời khỏi Bristol Grammar School vào cuối học kỳ hè. Liệu cô ta có khi nào, dù chỉ là thoáng qua, từng hình dung rằng Harry vẫn có thể cứ tiếp tục việc học hành như thể chưa có chuyện gì xảy ra cả? Hugo quyết định anh sẽ không động tới chủ đề này với Giles cho tới khi con trai anh kể cho bố biết tin buồn về việc cậu bạn Harry sẽ không thể quay trở lại Bristol Grammar School để cùng học với cậu học kỳ thứ sáu.

Ngay cả ý nghĩ con trai anh phải theo học tại Bristol Grammar School vẫn còn khiến Hugo giận sôi người, nhưng anh không bao giờ để lộ cho Elizabeth hay bố mình biết lý do thực sự đã khiến Giles không giành được một chỗ tại Eton.

Sau khi đã lái xe quá nhà thờ, anh tiếp tục chạy ngang qua College Green trước khi rẽ sang lối vào khách sạn Royal. Anh đến

sớm vài phút so với giờ hẹn, song tin chắc ông giám đốc điều hành sẽ không buộc anh phải đợi. Anh đi qua cửa quay, băng qua tiền sảnh, không cần ai chỉ chỗ văn phòng của ông Frampton.

Thư ký của ông giám đốc lập tức đứng dậy ngay khi Hugo bước chân vào phòng. “Tôi sẽ báo cho ông Frampton biết ngài đang ở đây,” cô ta nói, đi mà như đang chạy sang văn phòng ngay bên cạnh. Một thoáng sau, ông giám đốc điều hành xuất hiện.

“Rất hân hạnh được gặp ngài, ngài Barrington,” ông ta lên tiếng, mời vị khách vào trong phòng làm việc của mình. “Tôi hy vọng ngài và bà Barrington vẫn khỏe.”

Hugo gật đầu, ngồi xuống ghế đối diện với ông giám đốc khách sạn, nhưng không bắt tay ông này.

“Khi ngài nói muốn gặp tôi, tôi đã mạo muội kiểm tra qua việc chuẩn bị cho bữa dạ tiệc hàng năm của công ty ngài,” Frampton nói. “Theo tôi hiểu sẽ có khoảng hơn ba trăm quan khách tham dự?”

“Tôi không quan tâm đến việc có bao nhiêu khách tham dự,” Hugo nói. “Đó không phải là lý do tôi tới gặp ông, ông Frampton. Tôi muốn trao đổi về một vấn đề riêng tư khiến tôi thấy hết sức bất bình.”

“Tôi lấy làm tiếc được biết như thế,” Frampton nói, ngồi thẳng người dậy.

“Một trong các giám đốc của chúng tôi có nghỉ lại khách sạn này tối thứ Năm, và đến hôm sau ông ấy có một cáo buộc nghiêm trọng đến mức tôi cảm thấy mình có trách nhiệm phải lưu ý với ông.”

“Vâng, tất nhiên rồi,” Frampton nói, lau hai lòng bàn tay dấm mồ hôi lên ống quần. “Làm phật ý một trong những khách hàng quý giá nhất của mình là điều cuối cùng chúng tôi muốn.”

“Tôi rất mừng được biết vậy,” Hugo nói. “Quý ông tôi đang nhắc tới đã tới khách sạn thuê phòng sau khi nhà hàng đóng cửa, và tới Palm Court với hy vọng được phục vụ đồ ăn nhẹ.”

“Một dịch vụ do chính tôi lập nên,” Frampton nói, tự cho phép mình mỉm cười gượng gạo.

“Ông ấy gọi món với một người phụ nữ có vẻ như đang phụ trách tối hôm đó,” Hugo nói tiếp, tăng lờ câu nói của ông giám đốc khách sạn.

“Vâng, hẳn đó là bà Clifton của chúng tôi.”

“Tôi không rõ đó là ai,” Hugo nói. “Tuy nhiên, trong khi người phụ nữ mang một tách cà phê cùng mấy chiếc sandwich tới phục vụ ông ấy, một quý ông khác bước vào Palm Court, đưa ra yêu cầu và hỏi liệu đồ ăn có thể được mang lên tận phòng cho ông ta hay không. Điều duy nhất bạn tôi nhớ được về quý ông nọ là ông ta hơi có khẩu âm của Ireland. Bạn tôi sau đó ký hóa đơn và về phòng nghỉ. Ông ấy dậy sớm vào sáng hôm sau, vì muốn ăn sáng và xem lại giấy tờ trước cuộc họp hội đồng quản trị. Khi ra khỏi phòng, ông ấy nhìn thấy đúng người phụ nữ tới hôm trước, vẫn mặc đồng phục của khách sạn, rời khỏi phòng 371. Sau đó cô này đi tới cuối hành lang, leo qua cửa sổ và trèo xuống theo lối thoát hiểm.”

“Tôi thực sự ngỡ ngàng, thưa ngài. Tôi...”

“Thành viên kể trên của hội đồng quản trị đã yêu cầu bất cứ khi nào ông ấy tới Bristol trong tương lai, ông ấy phải được đặt phòng tại một khách sạn khác. Tôi không muốn tỏ ra quá khát khe, Frampton, nhưng Royal vẫn luôn là nơi tôi từng sẵn lòng đưa vợ con tôi đến.”

“Xin ngài hãy yên tâm, ngài Barrington, nhân viên ngài vừa nói đến sẽ bị sa thải ngay lập tức, và không được cấp giấy giới thiệu. Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đối với ngài vì đã lưu ý tôi về chuyện này.”

Hugo đứng dậy khỏi ghế. “Tất nhiên tôi không muốn có lời nào đề cập đến tôi hay công ty của tôi trong trường hợp ông cảm thấy cần thiết phải sa thải người nhân viên chúng ta đang nói tới.”

“Ngài có thể yên tâm về sự kín đáo của tôi,” Frampton nói.

Hugo mỉm cười lần đầu tiên. “Có việc này vui vẻ hơn, cho phép tôi được nói tất cả chúng tôi đều nóng lòng trông đợi bữa dạ tiệc hàng năm, một sự kiện chắc chắn sẽ được tổ chức đúng đẳng cấp quen thuộc của các ông. Năm tới, chúng tôi sẽ kỷ niệm một trăm năm ngày thành lập công ty, vì thế tôi cảm thấy bố tôi sẽ muốn tổ chức đặc biệt hoành tráng.”

Cả hai người đàn ông cùng bật cười hơi quá lớn.

“Ngài có thể đặt niềm tin vào chúng tôi, ngài Barrington,” Frampton nói trong lúc tiễn vị khách ra khỏi phòng làm việc của mình.

“Còn việc này nữa, Frampton,” Hugo nói trong khi hai người đi qua tiền sảnh. “Tôi nghĩ tốt hơn ông không nên nói gì về chuyện này với Sir Walter. Bố tôi có phần hơi bảo thủ trong những chuyện như thế, vì vậy tôi nghĩ chỉ nên giữ riêng lại giữa hai chúng ta.”

“Tôi cũng không mong gì hơn, ngài Barrington,” Frampton nói. “Ngài có thể tin chắc tôi sẽ đích thân xử trí việc này.”

Trong khi Hugo bước qua cửa quay, anh không khỏi tự hỏi Mitchell đã bỏ ra bao nhiêu giờ tại Royal trước khi viên cựu cảnh sát có thể cung cấp cho anh một thông tin vô giá như thế.

Anh chui lại vào trong xe, khởi động động cơ và tiếp tục cuộc hành trình trở về nhà. Anh ta vẫn đang tiếp tục nghĩ tới Maisie Clifton khi cảm thấy bị ai đó vỗ lên vai. Hugo trải qua một khoảnh khắc kinh hoàng tột độ khi quay đầu lại và nhìn thấy người ngồi trên băng ghế sau. Thậm chí anh ta còn tự hỏi liệu có phải bằng cách nào đó người phụ nữ này biết được cuộc gặp của anh ta với Frampton.

“Cô muốn gì?” anh hỏi, không hề chạy chậm lại vì sợ ai đó nhìn thấy hai người họ ở cùng nhau.

Trong khi nghe yêu cầu của người phụ nữ, anh chỉ có thể tự hỏi làm thế nào cô ta biết nhiều đến thế. Khi người phụ nữ nói xong, anh sẵn sàng đồng ý với những yêu sách của cô ta, hiểu rằng đó là cách dễ nhất để tổng khứ cô ta ra khỏi xe.

Bà Clifton đặt một phong bì mỏng màu nâu lên ghế hành khách cạnh anh. “Tôi sẽ đợi hồi âm của ông,” cô nói.

Hugo nhét chiếc phong bì vào túi áo trong. Anh chỉ chạy chậm lại khi tới một đường hẻm tối tăm, nhưng chỉ dừng hẳn khi đã chắc chắn không ai để ý đến họ. Anh ra khỏi xe, bước tới mở cửa sau. Khi anh nhìn thấy vẻ mặt người phụ nữ, có thể thấy rõ cô ta nghĩ rằng mình đã đạt được nhiều hơn mong đợi.

Hugo cho phép cô ta được tận hưởng một khoảnh khắc đắc thắng, rồi mới chộp lấy vai người phụ nữ lắc mạnh như thể đang muốn lay một quả táo bướng bỉnh trên cây phải rụng xuống. Sau khi đã cho Maisie hiểu rõ chuyện gì sẽ đến với cô nếu cô còn quấy rầy anh lần nữa, Hugo lấy hết sức bình sinh đâm vào mặt cô. Người phụ nữ khụy xuống, co tròn người lại như một quả bóng, và không ngừng run rẩy. Hugo nghĩ đến chuyện đá vào bụng cô nhưng không

muốn mạo hiểm với nguy cơ bị người đi đường nhìn thấy. Anh lái xe đi, không nghĩ gì đến người phụ nữ nữa.

GIÀ JACK TAR



1925 - 1936

Vào một buổi chiều thứ Năm mát dịu ở miền Bắc xứ Transvaal, tôi đã giết chết mười một người, và quốc gia đầy biết ơn đã trao tặng cho tôi huân chương Chữ thập Victoria vì thành tích phục vụ xuất sắc vượt quá tiếng gọi của danh dự. Kể từ ngày đó, tôi chưa bao giờ có được một tối yên giấc.

Nếu tôi giết một người Anh tại quê hương mình, một vị thẩm phán nào đó hẳn sẽ kết án treo cổ tôi. Thay vào đó, tôi đã bị kết án tù chung thân, vì tôi vẫn nhìn thấy khuôn mặt của mười một người thanh niên tội nghiệp kia mỗi ngày, giống như hình dập nổi trên một đồng tiền xu không bao giờ mờ đi. Tôi vẫn hay nghĩ tới chuyện tự sát, nhưng làm vậy là lựa chọn lối thoát của những kẻ hèn nhát.

Trong lời ca ngợi đăng trên tờ *The Times*, người ta viết rằng hành động của tôi đã giúp cứu sống hai sĩ quan, năm hạ sĩ quan và mười bảy người lính thuộc trung đoàn Hoàng gia Gloucesters. Một trong số họ là trung úy Walter Barrington, người đã giúp tôi có thể chịu đựng hình phạt với ít nhiều tự trọng.

Vài tuần sau chiến công của mình, tôi được xuống tàu về Anh, và vài tháng sau đó, tôi được giải ngũ trong danh dự bởi tình trạng mà ngày nay có thể được gọi là suy nhược thần kinh. Sau khi trải qua sáu tháng trong quân y viện, tôi được gửi trả lại thế giới bên ngoài. Tôi thay tên đổi họ, tránh xa thị trấn quê hương là thành phố Wells ở vùng Somerset và tới sống tại Bristol. Không giống như một đứa con trai hoang đàng biết tìm đường về, tôi từ chối vượt qua quãng đường vài dặm để đi sang hạt kế bên, nơi tôi đã có thể tận hưởng sự bình yên trong ngôi nhà của cha mình.

Ban ngày, tôi lang thang trên khắp phố phường Bristol, lục lọi các thùng rác tìm đồ ăn thừa, trong khi vào ban đêm phòng ngủ của tôi là công viên, giường nằm của tôi là một băng ghế, chuông báo thức của tôi là tiếng chim hót đầu tiên báo bình minh đến. Khi trời quá lạnh hay có mưa, tôi tìm đến phòng chờ của nhà ga địa phương, tại đó tôi qua đêm trên một băng ghế và thức giấc trước khi chuyển tàu đầu tiên vào bến sáng hôm sau. Khi đêm trở nên dài hơn, tôi đăng ký để trở thành một vị khách không phải trả tiền của Hội Cứu tế trên phố Little George, nơi những người phụ nữ hảo tâm cho tôi suất ăn gồm bánh mì cứng đơ và thứ súp loãng trước khi tôi ngủ thiếp đi trên tấm đệm lông ngựa dưới một lớp chăn mỏng. Quả là xa xỉ.

Năm tháng dần trôi, tôi hy vọng rằng các đồng đội cũ và các sĩ quan cùng đơn vị đều nghĩ tôi đã chết. Tôi không hề muốn họ phát hiện ra đây chính là nhà tù tôi lựa chọn để thi hành bản án chung thân của mình. Và rất có thể mọi thứ vẫn sẽ cứ tiếp tục như thế, nếu không có một chiếc Rolls-Royce phanh két lại giữa đường. Cửa sau xe mở toang, và một người đàn ông đã rất nhiều năm tôi chưa gặp chui ra.

“Đại úy Tarrant!” anh ta kêu lên trong lúc bước về phía tôi. Tôi quay mặt đi, hy vọng anh ta nghĩ mình đã nhầm. Nhưng tôi nhớ quá rõ rằng Walter Barrington không phải là người hay nghi ngờ về bản thân. Anh ta giữ lấy vai tôi, nhìn tôi chằm chằm một lúc trước khi nói, “Làm sao lại có thể thế này được, ông bạn cũ?”

Tôi càng cố thuyết phục anh ta rằng tôi không cần sự giúp đỡ của anh ta, thì anh ta càng kiên quyết muốn trở thành người cứu vớt tôi.

Cuối cùng tôi cũng đành nhượng bộ, nhưng chỉ sau khi anh ta đã chấp nhận các đòi hỏi và điều kiện của tôi.

Thoạt đầu, anh ta khẩn khoản mời tôi tới ở cùng vợ chồng anh ta ở Manor House, nhưng tôi đã tồn tại đủ lâu mà không cần phải có một mái nhà che đầu, đủ để nhìn nhận tất cả những thứ tiện nghi đó chỉ như một gánh nặng không hơn không kém. Thậm chí anh ta còn đề nghị dành cho tôi một vị trí trong hội đồng quản trị của công ty vận tải hàng hải mang họ của anh ta.

“Tôi có thể có ích lợi gì cho cậu chứ?” Tôi hỏi.

“Chỉ sự hiện diện của anh thôi, Jack à, cũng là nguồn động viên lớn lao cho chúng tôi rồi.”

Tôi cảm ơn anh ta, nhưng giải thích rằng tôi vẫn chưa hoàn tất bản án tôi phải chịu vì cái chết của mười một con người. Song anh ta vẫn không nhượng bộ.

Cuối cùng tôi chấp nhận công việc làm người gác đêm trên bến tàu, với tiền công ba bảng một tuần và được cung cấp toàn bộ nơi ăn chốn ở: một toa xe lửa bỏ đi hiệu Pullman giờ đây trở thành buồng giam của tôi. Tôi đoán chắc mình sẽ tiếp tục bản án chung thân ấy đến lúc chết, nếu tôi không gặp cậu Harry Clifton.

Nhiều năm sau đó, Harry có nói chính tôi đã định hình nên cả cuộc đời cậu ấy. Sự thật thì, chính cậu bé đã cứu vớt cuộc đời tôi.

Lần đầu tiên tôi trông thấy Harry, cậu bé khi ấy chắc mới chỉ bốn hay năm tuổi. “Vào đi, chàng trai,” tôi đã gọi khi nhìn thấy cậu bé đang bò trên hai tay và đầu gối về phía toa xe. Nhưng cậu ta đã ngay lập tức vùng dậy và bỏ chạy.

Ngày thứ Bảy tiếp theo, khoảng cách xa nhất mà cậu bé tiến lại là nhìn vào qua ô cửa sổ. Tôi lại thử lần nữa. “Sao cháu không vào trong đi, chàng trai? Ta sẽ không cắn cháu đâu,” tôi nói, cố trấn an cậu bé. Lần này, cậu bé chấp nhận lời mời của tôi và mở cửa ra, nhưng vừa kịp nói vài lời, cậu bé lại bỏ chạy. Chẳng lẽ trông tôi đáng sợ đến thế sao?

Đến thứ Bảy tiếp sau, cậu bé không chỉ mở cửa mà còn đứng giơ chân ra trên bậc cửa, nhìn tôi chằm chằm đầy thách thức. Chúng tôi trò chuyện cả tiếng đồng hồ, về mọi thứ trên đời từ chuyện về đội Bristol FC cho tới tại sao rắn lại lột da và ai đã xây dựng cầu treo Clifton, trước khi cậu bé nói, “Bây giờ cháu phải về, ông Tar, mẹ cháu đang đợi cháu về ăn chiều.” Lần này cậu bé bước đi, nhưng ngoái lại nhìn vài lần.

Sau buổi hôm đó, Harry tới thăm tôi vào tất cả các ngày thứ Bảy cho tới lúc cậu đi học ở trường Tiểu học Merrywood, khi ấy cậu nhóc bắt đầu xuất hiện gần như vào mọi buổi sáng. Tôi phải mất một thời gian mới thuyết phục được cậu bé rằng cậu nên ở lại trường và học đọc học viết. Thành thực mà nói, tôi không thể thành công trong việc đó nếu không có sự giúp đỡ của cô Monday, ông Holcombe và người mẹ kiên cường của Harry. Phải cần đến cả một nhóm những con người cừ khôi để giúp Harry Clifton nhận ra tiềm năng của cậu bé, và tôi biết chúng tôi đã thành công khi thêm một lần nữa cậu bé

chỉ tìm được thời gian để đến thăm tôi vào các buổi sáng thứ Bảy vì cậu đang mãi chuẩn bị thi để giành lấy một suất học bổng đồng ca tại trường St. Bede.

Sau khi Harry đã vào học trường mới, tôi không trông đợi sẽ được gặp lại cậu cho tới tận kỳ nghỉ Lễ Giáng sinh. Nhưng tôi đã có một phen kinh ngạc khi thấy cậu bé đứng bên ngoài cửa toa xe lửa của tôi ngay trước lúc mười một giờ tối ngày thứ Sáu đầu tiên của học kỳ.

Cậu bé nói cho tôi biết cậu rời khỏi St. Bede vì có một giám thị đang bắt nạt cậu - quý bắt tôi đi nếu tôi còn nhớ tên anh chàng nọ - và cậu ta định sẽ bỏ trốn trên một con tàu ra khơi. Nếu cậu ấy đã làm thế thật, tôi ngờ rằng Harry có thể sẽ trở thành đô đốc. Nhưng thật may là cậu bé đã nghe theo lời khuyên của tôi và quay lại trường cho kịp giờ ăn sáng vào sáng hôm sau.

Bởi vì cậu ấy luôn đi tới bến tàu cùng Stan Tancock, phải mất một thời gian sau tôi mới nhận ra Harry chính là con trai của Arthur Clifton. Cậu bé từng có lần hỏi tôi có biết bố cậu không, tôi trả lời cậu bé là có, bố cậu là một người lương thiện tử tế với thành tích chiến đấu tốt trong chiến tranh. Và rồi cậu ấy hỏi tôi có biết bố cậu đã chết như thế nào. Tôi nói tôi không biết. Đó là lần duy nhất tôi từng nói dối cậu bé. Tôi không thể làm ngơ những nguyện vọng của mẹ cậu ấy.

* * *

Tôi đang đứng trên cầu tàu khi công nhân đổi ca. Thậm chí chẳng ai buồn nhìn tôi đến lần thứ hai, như thể tôi không hề hiện diện ở đó, và tôi biết có một số người thậm chí nghĩ tôi chẳng có mặt ở đó. Tôi không làm gì để thay đổi tình hình đó, vì nó cho phép tôi thi hành bản án của mình một cách ẩn danh.

Arthur Clifton từng là một công nhân giỏi, một trong những người khá nhất, và anh ta nhìn nhận công việc của mình một cách nghiêm túc, không giống người bạn thân nhất của mình, Stan Tancock, với anh này điểm đến đầu tiên trên đường về nhà luôn là quán Pig & Whistle. Đó là vào những tối mà anh ta lần mò được đến nhà.

Tôi nhìn theo Clifton khi anh ấy biến mất vào bên trong vỏ thân con tàu *Maple Leaf* để kiểm tra lại lần cuối trước khi các thợ hàn bắt tay vào hàn kín phần đáy kép. Tiếng còi tan ca lanh lảnh rít lên hẳn đã làm tất cả mọi người phân tâm; một ca ra về, một ca khác vào làm, và đám thợ hàn cần bắt tay vào việc ngay lập tức nếu muốn hoàn tất công việc vào cuối ca và giành được tiền thưởng. Không ai để ý xem liệu Clifton đã leo ra khỏi phần đáy kép hay chưa, kể cả tôi.

Tất cả chúng tôi đều cho rằng anh ta hẳn cũng đã nghe thấy tiếng còi và hòa vào cùng hàng trăm công nhân đang ùn ùn đi qua cổng về nhà. Không giống như ông anh vợ mình, Clifton hiếm khi rẽ vào uống một vại ở quán Pig & Whistle mà thường thích đi thẳng về Still House Lane cùng vợ và con trai. Vào những ngày đó, tôi không hề biết vợ hay con anh ta, và có thể đã chẳng bao giờ biết nếu Arthur Clifton trở về nhà vào hôm ấy.

Ca thứ hai đang miệt mài làm việc thì tôi nghe thấy Tancock la hét om sòm. Tôi thấy anh ta chỉ tay vào vỏ thân tàu nhưng Haskins, người chánh đốc công, chỉ xua anh ta sang bên như thể anh ta là một con ong bắp cày phiền toái.

Tancock nhận thấy rằng sẽ chẳng đi tới đâu được với Haskins, anh ta dùng dùng lao xuống cầu ván và bắt đầu chạy theo bờ cầu tàu về phía Barrington House. Khi Haskins nhận ra Tancock đang đi đâu, anh ta vội chạy theo người công nhân và thiếu chút nữa bắt kịp khi Stan lao qua cánh cửa xông vào trụ sở của công ty hàng hải.

Trong sự ngạc nhiên của tôi, chỉ vài phút sau Tancock lại chạy ra khỏi tòa nhà, và tôi còn ngạc nhiên hơn nữa khi thấy Haskins và giám đốc điều hành của công ty bám sát theo sau anh này. Tôi không thể tưởng tượng ra điều gì có thể khiến Hugo rời khỏi phòng làm việc chỉ sau một cuộc nói chuyện ngắn ngủi như vậy với Stan Tancock.

Không lâu sau tôi biết được lý do, vì ngay khi Hugo tới cầu tàu, anh ta lập tức ra lệnh cho cả ca làm việc buông dụng cụ xuống, ngừng mọi chuyện và giữ im lặng, như thể đây là ngày Chủ nhật Tưởng Nhớ. Và chỉ khoảng một phút sau, Haskins lại ra lệnh cho tất cả công nhân quay lại làm việc.

Chính lúc ấy, lần đầu tiên tôi nghĩ tới khả năng Arthur Clifton có thể vẫn còn kẹt lại bên trong lớp đáy kếp. Nhưng chắc chắn không ai lại nhận tâm đến mức vẫn bỏ đi nếu như anh ta nghĩ, cho dù chỉ trong thoáng chốc, có ai đó đang bị chôn sống bên trong nắm mô bằng thép do chính họ tạo ra.

Khi những người thợ hàn quay lại làm việc, Hugo lại nói gì đó với Tancock trước khi anh ta đi ra khỏi cổng khu cầu tàu và biến mất khỏi tầm nhìn. Tôi quay lại xem Haskins có đuổi theo anh ta hay không, nhưng rõ ràng viên chánh đốc công đang mãi bận tâm với việc đốc thúc mọi người cật lực để bù lại thời gian đã mất, giống như một quản nô trên thuyền có mái chèo đang đốc thúc các nô lệ của mình. Một lát sau, Hugo bước xuống cầu ván, leo lên xe của anh ta và lái đi.

Lần tiếp theo ngó qua cửa sổ, tôi thấy Tancock đang chạy trở lại và lại một lần nữa lao về phía Barrington House. Lần này phải nửa tiếng sau mới quay ra, và này anh ta không còn mặt đỏ tía tai đầy phần nộ, mà trông có vẻ bình thản hơn nhiều. Tôi cho rằng hẳn anh ta đã tìm thấy Clifton và chỉ đơn giản là muốn báo cho Hugo biết.

Tôi ngược mắt nhìn lên phòng làm việc của Hugo và thấy anh ta đứng bên cửa sổ quan sát Tancock ra về. Viên giám đốc chỉ rời khỏi khung cửa sổ cho tới khi anh này khuất bóng. Vài phút sau, Hugo rời khỏi tòa nhà, bước tới xe của mình và lái đi.

Tôi sẽ không bao giờ bận tâm nghĩ tới chuyện đó nếu Arthur Clifton chấm công vào ca sáng hôm sau, nhưng anh ấy không hề xuất hiện, và chẳng bao giờ xuất hiện nữa.

Sáng hôm sau, thám tử thanh tra Blakemore tìm tới toa xe lửa gặp tôi. Bạn thường có thể đoán biết được tính cách một con người qua cách anh ta đối xử với đồng loại. Blakemore là một trong số hiếm hoi những người có thể nhìn quá được sống mũi của mình.

“Ông nói ông thấy Stan Tancock rời khỏi Barrington House vào khoảng giữa bảy giờ và bảy giờ ba mươi phút tối hôm qua?”

“Vâng, đúng thế,” tôi nói với anh ta.

“Trông anh ta có vẻ vội vã, lo lắng hay muốn âm thầm lên ra không để ai nhìn thấy hay không?”

“Ngược lại là đằng khác,” tôi nói. “Tôi nhớ lúc ấy đã nghĩ là trông anh ta có vẻ vô tư đến mức đáng ngạc nhiên trong hoàn cảnh ấy.”

“Trong hoàn cảnh ấy à?” Blakemore lặp lại.

“Chỉ chừng một giờ đồng hồ trước, anh ta đã lớn tiếng cho rằng người bạn Arthur Clifton của mình đã bị mắc kẹt bên trong đáy kếp của chiếc tàu *Maple Leaf*, và người ta đã không làm gì để giúp anh ấy.”

Blakemore viết những lời tôi nói vào sổ ghi chú của anh ta.

“Ông có biết Tancock đi đâu sau đó không?”

“Không,” tôi trả lời. “Lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh ta, anh ta đang bá vai bá cổ một người bạn đi ra cổng.”

“Xin cảm ơn ngài,” người thám tử thanh tra nói. “Sự hợp tác của ngài thực sự hữu ích.” Đã lâu lắm mới có người gọi tôi là ngài. “Ngài có thể vui lòng, khi nào thuận tiện với ngài, tới đồn để viết một bản khai được không?”

“Tôi muốn không phải đi thì hơn, thanh tra,” tôi nói với anh ta, “vì lý do cá nhân. Nhưng tôi sẵn lòng viết một bản khai mà ông có thể qua đây lấy bất cứ lúc nào thích hợp với ông.”

“Ngài thật chu đáo, thưa ngài.”

Người thám tử thanh tra mở ca táp, lấy ra một bản tờ khai của cảnh sát và đưa cho tôi. Sau đó anh ta nhắc mũ lên và nói, “Cảm ơn ngài, thưa ngài, tôi sẽ liên lạc lại sau.” Nhưng tôi không bao giờ gặp lại anh ta nữa.

Sáu tuần sau, Stan Tancock bị kết án ba năm tù vì tội trộm cắp, với Hugo Barrington là nhân chứng chính của công tố viên. Tôi tới dự tất cả các ngày có phiên tòa, và trong tâm trí tôi không còn chút nghi ngờ nào về chuyện đầu mới là bên có tội.

“Đừng bao giờ quên rằng anh đã cứu mạng tôi.”

“Tôi đã dành cả hai mươi sáu năm qua để cố quên điều đó,” Già Jack nhắc ông ta.

“Nhưng anh cũng là người đã cứu mạng hai mươi bốn người đồng hương vùng West Country của chúng ta. Anh vẫn là một người anh hùng trong thành phố này và dường như hoàn toàn không hề ý thức được việc đó. Vì thế tôi buộc phải hỏi, Jack, anh còn định giày vò bản thân bao lâu nữa đây?”

“Cho đến khi tôi không còn thấy mùi một người mà tôi đã giết một cách rõ ràng như tôi đang nhìn thấy cậu lúc này.”

“Nhưng anh chỉ làm đúng trách nhiệm của mình cơ mà?”

“Vào lúc ấy tôi cũng đã nghĩ thế,” Jack thừa nhận.

“Vậy điều gì đã thay đổi?”

“Nếu tôi có thể trả lời câu hỏi đó,” Jack đáp, “chúng ta đã không có cuộc trò chuyện này.”

“Nhưng anh vẫn có thể làm được rất nhiều điều cho đồng bào của mình. Như cậu bạn nhỏ kia của anh chẳng hạn. Anh kể với tôi rằng cậu bé liên tục trốn học, nhưng nếu cậu ta biết anh là đại úy Jack Tarrant thuộc trung đoàn Hoàng gia Gloucestershire, người được tặng thưởng huân chương Chữ thập Victoria, anh không nghĩ có thể cậu bé sẽ lắng nghe anh một cách kính trọng hơn hay sao?”

“Cũng có thể cậu ta sẽ lại bỏ chạy,” Jack trả lời. “Dù thế nào đi nữa, tôi có những kế hoạch khác cho cậu bé Harry Clifton.”

“Clifton, Clifton...” Sir Walter nói. “Tại sao cái họ này lại có vẻ quen vậy nhỉ?”

“Bố Harry bị mắc kẹt trong đáy kếp của chiếc *Maple Leaf*, và không ai tới cứu anh ta...”

“Đó không phải là những gì tôi nghe được,” Sir Walter nói, giọng thay đổi hẳn. “Người ta nói với tôi Clifton bỏ vợ vì cô này, nếu muốn chọn một cách diễn đạt không quá nghiệt ngã, là một phụ nữ buông thả.”

“Vậy thì cậu đã bị lừa,” Jack nói, “vì tôi có thể nói với cậu rằng bà Clifton là một phụ nữ thú vị và thông minh, và người đàn ông nào đủ may mắn lấy được cô ấy sẽ không bao giờ muốn rời cô ấy.”

Sir Walter có vẻ bị sốc thực sự, và phải một lúc sau ông mới nói tiếp. “Chắc chắn anh sẽ không tin vào câu chuyện vợ vẫn rằng Clifton bị mắc kẹt dưới tầng đáy kếp chứ?” Ông khẽ hỏi.

“Tôi sợ là có đấy, Walter. Cậu biết đấy, tôi đã tận mắt chứng kiến tất cả từ đầu đến cuối.”

“Vậy tại sao khi đó anh không nói gì về chuyện này?”

“Tôi nói rồi đấy chứ. Ngày hôm sau khi thám tử thanh tra Blakemore tới thăm vấn tôi, tôi đã nói với anh ta tất cả những gì tôi trông thấy, và theo yêu cầu của anh ta tôi đã viết một bản khai.”

“Vậy tại sao bản khai của anh không được đưa ra làm chứng trong phiên tòa xử Tancock?”

“Vì tôi không bao giờ nhìn thấy Blakemore nữa. Và khi tới đồn cảnh sát, người ta cho tôi biết anh ta không còn phụ trách cuộc điều tra nữa, còn người thay thế anh ta đã từ chối gặp tôi.”

“Tôi đã tác động để Blakemore bị đình chỉ phụ trách điều tra,” Sir Walter nói. “Tay khốn đó gần như công khai buộc tội Hugo đã đưa tiền cho Tancock để bịt miệng về chuyện xảy ra với Clifton.” Già Jack vẫn im lặng. “Chúng ta hãy thôi không nói gì về chuyện này nữa,” Sir Walter nói. “Tôi biết con trai tôi còn lâu mới là người hoàn hảo, nhưng tôi từ chối tin rằng...”

“Hoặc có thể cậu không muốn tin,” Già Jack nói.

“Jack, anh đang đứng về phía ai vậy?”

“Về phía công lý. Cũng giống như cậu vào lần đầu chúng ta gặp nhau vậy.”

“Và tôi vẫn là như thế,” Sir Walter nói. Nhưng rồi ông im lặng một lát trước khi nói thêm, “tôi muốn anh hứa với tôi một điều, Jack. Nếu có lúc nào đó anh phát hiện ra điều gì về Hugo mà anh nghĩ có thể làm tổn thương đến danh tiếng của gia đình, anh sẽ không do dự mà báo ngay cho tôi biết.”

“Cậu có lời hứa danh dự của tôi về việc này.”

“Và tôi cũng hứa danh dự với anh, ông bạn già, là tôi sẽ không do dự giao Hugo cho cảnh sát nếu tôi biết rằng nó phạm pháp.”

“Hãy hy vọng sẽ không còn chuyện gì khiến điều đó xảy ra.”

“Tôi cũng mong thế, ông bạn già. Chúng ta hãy nói về chuyện gì đó vui vẻ hơn đi. Anh còn cần thêm gì nữa không? Tôi vẫn có thể...”

“Cậu còn bộ đồ cũ nào không mặc đến nữa không?”

Sir Walter nhướn mày. “Tôi có thể biết để làm gì không?”

“Không, cậu không cần biết,” Già Jack nói. “Nhưng tôi cần tới thăm một nhân vật đặc biệt, và tôi cần phải mặc cho đúng mực.”

* * *

Già Jack đã gầy đi nhiều đến mức trang phục của Sir Walter trên người ông thùng thình như treo trên một cái sào, và cũng như Sir Andrew Aguecheek, ông cao hơn người bạn cũ của mình vài thước, vì thế ông cần hạ hết cỡ gấu quần xuống, và ngay cả khi đó ống quần cũng chưa chạm nổi tới mắt cá chân ông. Nhưng ông lão cảm thấy bộ đồ bằng vải tuyết, chiếc áo sơ mi kẻ ca rô và chiếc cà vạt kẻ sọc sẽ làm tròn được vai trò của chúng trong cuộc gặp đặc biệt này.

Khi Jack bước ra khỏi khu cầu tàu lần đầu tiên sau bấy nhiêu năm, một vài khuôn mặt quen thuộc hiếm hoi phải ngoái lại nhìn tới lần thứ hai trước người đàn ông xa lạ ăn mặc chỉnh chu kia.

Khi chuông báo bốn giờ của trường học reo lên, Già Jack đứng lui vào dưới bóng râm trong khi những đứa trẻ ồn ã, huyên náo ủa ra qua cổng trường Tiểu học Merrywood như thể chúng đang được giải phóng khỏi nhà tù.

Bà Clifton đã đứng đợi ở đó được mười phút, và khi Harry nhìn thấy mẹ mình, cậu bé miễn cưỡng để mẹ cầm tay. Một người phụ

nữ thật hấp dẫn, Già Jack thềm nghĩ trong lúc nhìn hai mẹ con bước đi. Harry, như mọi khi, không ngừng nhảy nhót, mồm mép tép nhảy, đầy năng lượng chẳng kém gì chiếc đầu máy Rocket của Stephenson.

Già Jack đợi cho tới khi họ khuất khỏi tầm nhìn rồi ông mới băng qua đường và bước vào sân trường. Nếu vẫn mặc nguyên trên người quần áo cũ, hẳn ông đã bị ai đó có trách nhiệm ngăn lại từ lâu trước khi tới được cánh cửa trước. Ông già ngó nghiêng nhìn hai bên hành lang và thấy một giáo viên đi về phía mình.

“Tôi xin lỗi phải làm phiền ông,” Già Jack nói, “tôi đang tìm ông Holcombe.”

“Cửa thứ ba bên trái, thưa ông,” người giáo viên nói, chỉ tay về phía dãy hành lang.

Khi Già Jack tới bên ngoài phòng học của ông Holcombe, ông gõ nhẹ lên cửa.

“Mời vào.”

Già Jack mở cửa và nhìn thấy một người đàn ông trẻ tuổi mặc áo thun đen dài dính đầy bụi phấn, đang ngồi tại bàn phía trước những dãy bàn ghế học sinh trống vắng, chăm chú chấm những quyển vở bài tập. “Tôi rất xin lỗi phải làm phiền ông,” Già Jack nói, “tôi muốn tìm ông Holcombe.”

“Vậ thì ông không cần phải tìm đâu nữa,” người thầy giáo vừa nói vừa đặt bút xuống.

“Tôi tên là Tar,” ông già nói, “nhưng bạn bè vẫn gọi tôi là Jack.”

Khuôn mặt thầy Holcombe sáng lên. “Tôi tin ông chính là người Harry Clifton vẫn tới thăm vào hầu hết các buổi sáng.”

“Tôi e rằng đúng là thế,” Già Jack thừa nhận. “Tôi xin lỗi.”

“Không cần phải vậy,” Thầy Holcombe nói. “Tôi chỉ ước gì mình cũng có được ảnh hưởng lên cậu bé như ông.”

“Đó chính là lý do tôi tới gặp thầy, thầy Holcombe. Tôi tin chắc Harry là một đứa trẻ xuất sắc và nên được tạo mọi cơ hội cần thiết để cậu bé có thể phát huy tốt nhất tài năng của mình.”

“Tôi hoàn toàn đồng ý với ông,” Thầy Holcombe nói. “Và tôi ngờ rằng cậu ấy có một tài năng thậm chí cả ông cũng không biết.”

“Và đó là gì vậy?”

“Cậu bé có giọng hát của một thiên thần.”

“Harry không phải là thiên thần,” Già Jack vừa nói vừa cười.

“Tôi hoàn toàn đồng ý, nhưng đó rất có thể là cơ hội tốt nhất của chúng ta để phá vỡ sự chống cự của cậu bé.”

“Ông đang có ý tưởng gì trong đầu vậy?” Già Jack hỏi.

“Cậu bé có khả năng sẽ bị cảm dỗ với việc gia nhập ban đồng ca tại nhà thờ Holy Nativity. Vậy nên nếu ông có thể thuyết phục Harry lên lớp đều đặn hơn, tôi biết chắc tôi có thể dạy cậu bé đọc và viết.”

“Sao chuyện đó lại quan trọng đến thế với một ban đồng ca nhà thờ?”

“Đó là yêu cầu bắt buộc tại Holy Nativity, và cô Monday, người phụ trách ban đồng ca, từ chối tạo ra bất cứ ngoại lệ nào.”

“Vậy là tôi chỉ cần đảm bảo làm sao để cậu bé tới dự các lớp học của ông, phải không nào?” Già Jack nói.

“Ông có thể làm nhiều hơn thế. Vào những ngày cậu bé không tới trường, ông có thể tự mình dạy cậu ấy.”

“Nhưng tôi đâu có được đào tạo để dạy ai.”

“Harry Clifton không bị ấn tượng trước bằng cấp, và cả hai chúng ta đều biết cậu bé chịu nghe ông. Có thể chúng ta sẽ tạo thành một đội.”

“Nhưng nếu Harry phát hiện ra ý định của chúng ta, sẽ không ai trong chúng ta còn nhìn thấy mặt thẳng bé nữa đâu.”

“Ông hiểu cậu bé mới rõ làm sao,” người thầy giáo thờ dài.
“Chúng ta cần phải đảm bảo để cậu bé không phát hiện ra.”

“Điều đó rất có thể sẽ là một thử thách đấy,” Già Jack nói, “nhưng tôi sẵn sàng thử xem sao.”

“Cảm ơn ông,” Thầy Holcombe nói. Người thầy giáo ngừng lại một lát trước khi nói thêm, “tôi không biết có được phép bắt tay ông hay không.” Già Jack nhìn có vẻ vô cùng ngạc nhiên khi người thầy giáo chìa tay ra. Già Jack hồ hởi bắt lấy bàn tay ấy. “Và xin hãy cho phép tôi nói được gặp ông với tôi thực sự là một hân hạnh, thưa đại úy Tarrant.”

Già Jack có vẻ sững sốt. “Làm sao mà ông có thể...”

“Bố tôi có một bức ảnh của ông vẫn còn treo trên tường phòng khách nhà chúng tôi.”

“Nhưng tại sao?” Già Jack hỏi.

“Ông đã cứu sống bố tôi, thưa ông.”

* * *

Những lần Harry tới thăm Già Jack trở nên thưa dần trong vài tuần tiếp theo, cho tới khi thời điểm duy nhất hai người gặp nhau là vào sáng thứ Bảy. Già Jack biết là thầy Holcombe đã thành công trong kế hoạch của mình khi Harry hỏi liệu ông có thể tới nhà thờ Holy Nativity vào Chủ nhật tới để nghe cậu hát hay không.

Vào sáng Chủ nhật, Già Jack dậy sớm, dùng phòng vệ sinh riêng của Sir Walter trên lầu năm tòa nhà Barrington House để tắm dưới vòi hoa sen, một phát minh mới gần đây, trước khi mặc lên người bộ đồ còn lại Sir Walter đã cho ông.

Tới nhà thờ Holy Nativity vừa kịp lúc buổi lễ bắt đầu, ông lão tìm hàng ghế dưới cùng và ngồi xuống ghế cuối hàng. Ông nhìn thấy bà Clifton ở hàng ghế thứ ba, ngồi giữa hai người mà chỉ có thể là bố mẹ cô. Về phần cô Monday, ông có thể nhận ra bà giữa cả nghìn người.

Thầy Holcombe đã không nói quá về giọng hát của Harry. Một giọng hát cũng tuyệt vời ngang với bất kỳ giọng hát nào ông lão còn nhớ được kể từ những ngày ông dự lễ tại nhà thờ Wells. Ngay sau khi cậu bé cất giọng hát bài *Hãy dẫn dắt con, Ơi Chúa*, Già Jack không còn chút nghi ngờ nào về việc cậu bé mà ông bảo trợ quả thực có một tài năng thiên phú hiếm có.

Sau khi mục sư Watts đã nói những lời ban phước cuối cùng, Già Jack lặng lẽ rời khỏi nhà thờ và nhanh chóng quay về khu cầu tàu. Ông sẽ phải đợi tới thứ Bảy tới mới có thể nói cho cậu bé biết ông thích giọng hát của cậu nhường nào.

Trên đường quay về, Già Jack chợt nhớ lại những lời chê trách của Sir Walter. “Anh sẽ còn làm được rất nhiều cho cậu bé Harry nếu anh chịu dừng việc tự dày vò bản thân này đi.” Ông cẩn thận

cân nhắc những lời Sir Walter nói, nhưng có lẽ ông vẫn chưa sẵn sàng rũ bỏ được xiềng xích của mặc cảm tội lỗi. Tuy vậy, đúng là ông có biết một người có thể làm thay đổi cuộc đời Harry, một người đã sát cánh bên ông vào cái ngày kinh hoàng kia, một người đã hơn hai mươi lăm năm ông chưa gặp lại. Người đó hiện đang dạy tại trường học chuyên cung cấp học sinh cho dàn đồng ca của St. Mary Redcliff. Thật không may, trường tiểu học Merrywood không phải là một điểm đến quen thuộc cho việc lựa chọn học sinh được trao học bổng đồng ca hàng năm, vậy nên người đàn ông kia cần được dẫn dắt theo đúng hướng.

Nỗi lo âu duy nhất của Già Jack là rất có thể trung úy Frobisher không còn nhớ ông là ai.

Già Jack đợi cho tới khi Hugo đã rời khỏi Barrington House, nhưng phải nửa giờ nữa trôi qua thì ánh đèn trong phòng cô Potts mới tắt hẳn.

Jack ra khỏi toa xe lửa, chậm rãi bước về phía Barrington House, ý thức được ông có nửa giờ trước khi các lao công tới làm việc. Ông lặng lẽ lẻn vào trong tòa nhà tối om và leo lên lầu năm; trong suốt hai mươi lăm năm qua được Sir Walter nhắm mắt làm ngơ, không khác gì một con mèo, ông có thể tự tìm được đường đến cánh cửa có dòng chữ “Giám đốc điều hành.”

Ông ngồi xuống bàn làm việc của Hugo, rồi bật đèn lên; nếu ai đó thấy đèn sáng, hẳn họ sẽ đơn giản cho rằng cô Potts đang làm việc muộn. Ông lão lần giở theo danh bạ điện thoại cho đến khi bắt gặp “St. Andrew, St. Bartholomew, St. Beatrice, St. Bede.”

Lần đầu tiên trong đời, ông cầm điện thoại lên, không mấy chắc chắn nên làm gì tiếp theo. Trên đường dây vang lên một giọng nói. “Xin cho biết số muốn gọi.”

“TEM 8612,” Jack nói, ngón tay trỏ của ông đặt ngay dưới số điện thoại.

“Cảm ơn ngài.” Trong lúc ông chờ đợi, từng phút trôi qua càng làm Già Jack bồn chồn hơn. Ông sẽ nói sao nếu một người khác tới nghe máy? Khi đó ông sẽ dập máy. Ông lão lấy một mảnh giấy ra khỏi túi, giở ra và đặt xuống bàn làm việc trước mặt mình. Sau đó, ông nghe thấy tiếng đổ chuông, sau đó là tiếng nhắc ống điện thoại, rồi đến lượt một giọng đàn ông. “Nhà Frobisher đây.”

“Có phải Noel Frobisher không?” Ông lão hỏi, nhớ lại truyền thống tại St. Bede đặt tên các nhà nội trú theo họ của các giáo viên phụ trách đương nhiệm. Ông nhìn xuống bản viết tay đã chuẩn bị; mỗi dòng đều đã được viết cẩn thận và nhắm đi nhắm lại nhiều lần.

“Là tôi đây,” Frobisher nói, rõ ràng rất ngạc nhiên khi nghe thấy một giọng nói mà ông không nhận ra đang gọi mình bằng tên thánh. Sau đó là một quãng im lặng dài. “Có ai ở đó không vậy?” Frobisher hỏi, giọng đã có chút bực bội.

“Vâng, tôi là đại úy Jack Tarrant.”

Thêm một quãng im lặng nữa thậm chí còn dài hơn, trước khi Frobisher cuối cùng cũng lên tiếng, “Xin chào ngài.”

“Thứ lỗi cho tôi vì gọi điện vào lúc khuya khoắt thế này, anh bạn, nhưng tôi cần tới lời khuyên của cậu.”

“Không có gì phải thứ lỗi hết, thưa ngài. Quả là một hân hạnh lớn lao khi lại được nói chuyện với ngài sau ngần ấy năm.”

“Cậu thật tử tế khi nói thế,” Già Jack nói. “Tôi sẽ cố không làm tốn quá nhiều thời gian của cậu, nhưng tôi cần biết liệu có phải St. Bede vẫn cung cấp các giọng ca solo giọng kim cho ban đồng ca của St. Mary Redcliff hay không?”

“Đúng thế, thưa ngài. Bất chấp quá nhiều sự việc đã thay đổi trong thế giới hiện đại này, đó là một truyền thống vẫn được duy trì.”

“Và vào thời của tôi,” Già Jack nói, “nhà trường trao suất học bổng đồng ca hàng năm cho một giọng kim thể hiện được tài năng xuất chúng đặc biệt.”

“Chúng tôi vẫn làm vậy, thưa ngài. Trên thực tế, chúng tôi sẽ bắt đầu xem xét các đơn đăng ký làm ứng viên cho suất học bổng này trong vài tuần tới.”

“Từ tất cả các trường trong hạt chứ?”

“Vâng, từ bất cứ trường nào có thể cung cấp một giọng kim có chất lượng ngoại hạng. Nhưng các ứng viên cũng phải có kết quả học tập tốt.”

“À, nếu đúng là vậy,” Già Jack nói, “thì tôi có một ứng viên muốn đề cử để cậu xem xét.”

“Đương nhiên là được rồi, thưa ngài. Hiện tại cậu bé đang học trường nào vậy?”

“Tiểu học Merrywood.”

Thêm một quãng im lặng dài nữa. “Tôi phải thú thực đây là lần đầu tiên chúng tôi có một ứng viên từ trường này. Liệu ngài có tình cờ biết tên thầy dạy nhạc của cậu bé này không?”

“Trường này không có giáo viên dạy nhạc,” Già Jack nói, “nhưng cậu nên liên lạc với giáo viên của cậu bé, thầy Holcombe, ông ta sẽ giới thiệu cậu với cô phụ trách ban đồng ca của cậu bé này.”

“Tôi có thể biết tên cậu bé này không?” Frobisher hỏi.

“Harry Clifton. Nếu cậu muốn nghe cậu bé hát, tôi khuyên cậu tới dự buổi lễ tại nhà thờ Holy Nativity vào sáng Chủ nhật.”

“Ngài sẽ có mặt ở đó chứ?”

“Không,” Già Jack nói.

“Tôi có thể liên lạc với ngài bằng cách nào sau khi đã nghe cậu bé hát?” Frobisher hỏi.

“Cậu không được làm thế,” Già Jack cương quyết nói và dập máy. Trong lúc gấp tờ giấy lại để cất vào túi, ông cảm thấy có nghe thấy tiếng bước chân phía khoảng sân rải sỏi bên ngoài tòa nhà. Ông vội tắt đèn, rời khỏi phòng làm việc của Hugo và ra ngoài hành lang.

Ông nghe thấy tiếng cửa mở và tiếng người nói trên cầu thang. Điều cuối cùng ông lo muốn là bị nhìn thấy trên tầng năm, nơi không ai được bén mảng lên ngoài các nhân sự điều hành công ty và cô Potts. Ông không muốn Sir Walter phải khó xử.

Ông bắt đầu bước vội xuống thang. Xuống tới lầu ba thì ông nhìn thấy bà Nettles, một tay cầm cây lau, tay kia cầm xô, bên cạnh bà ta là một phụ nữ mà ông không nhận ra.

“Xin chào bà, bà Nettles,” Già Jack nói. “Và quả là một đêm đẹp trời với ca gác đêm của tôi.”

“Chào lão, Jack Già,” bà lao công đáp trả trong lúc thông thả đi qua ông. Sau khi rẽ vào khúc quanh, ông dừng lại, chăm chú lắng nghe. “Đó là Jack Già,” ông nghe thấy bà Nettles nói. “Người ta vẫn gọi lão là tay gác đêm. Lão ta gàn dở hết chỗ nói, nhưng được cái vô hại. Vì thế nếu cô gặp lão, cứ lờ tịt lão đi...” Già Jack tắc lưỡi trong lúc giọng bà lao công nhỏ dần theo mỗi bước bà đi.

Trên đường quay trở về toa xe lửa, ông lão tự hỏi sẽ mất bao lâu trước khi Harry đến gặp ông để tìm lời khuyên về việc cậu có nên ghi danh trở thành ứng viên cho suất học bổng đồng ca tại trường St. Bede không.

Harry gõ cửa toa xe lửa, bước vào và ngồi xuống chiếc ghế đối diện với Già Jack trong khoang hạng nhất.

Trong thời gian học tại St. Bede, Harry chỉ có thể tới thăm Già Jack đều đặn vào các buổi sáng thứ Bảy. Jack đáp lại sự quan tâm này bằng cách tới dự buổi lễ sáng tại St. Mary Redcliff, tại đây, từ hàng ghế sau cùng, ông khoan khoái quan sát ông Frobisher và thầy Holcombe rạng rỡ đầy tự hào với cậu bé mà ông bảo trợ.

Vào những kỳ nghỉ, Già Jack không biết chắc lúc nào thì Harry xuất hiện, vì cậu bé đã coi toa xe lửa như ngôi nhà thứ hai của cậu. Mỗi khi cậu bé quay lại St. Bede vào đầu học kỳ mới, Jack Già lại thấy nhớ người bạn nhỏ tuổi của ông vô cùng. Ông rất cảm động khi bà Clifton mô tả ông như người bố mà Harry chưa bao giờ có. Kỳ thực, Harry chính là cậu con trai ông luôn ao ước.

“Hôm nay giao báo xong sớm à?” Già Jack vừa hỏi vừa đưa tay dụi đôi mắt đang nửa khép nửa mở khi Harry bước vào toa xe sáng thứ Bảy đó.

“Không ạ, chỉ là ông ngủ muộn thôi, ông lão ơi,” Harry nói, đưa cho ông lão một tờ báo *Times* số phát hành ngày hôm trước.

“Còn cháu thì ngày càng hồn hào hơn đấy, chàng trai,” Già Jack cười nói. “Thế nào, chuyện giao báo có tốt không?”

“Tốt ạ. Cháu nghĩ có thể sẽ dành dụm được đủ tiền để mua cho mẹ cháu một chiếc đồng hồ đeo tay.”

“Một món quà hay đấy, đặc biệt là với công việc mới của mẹ cháu. Nhưng liệu cháu có đủ tiền không?”

“Cháu đã để dành được bốn shiling rồi,” Harry nói. “Cháu chắc đến cuối kỳ nghỉ sẽ có được khoảng sáu shiling.”

“Cháu đã nhắm được chiếc đồng hồ nào ưng ý chưa?”

“Rồi ạ. Nó ở trong tủ bày hàng tại cửa hàng của ông Deakins, nhưng nó sẽ không ở đó lâu nữa đâu ạ,” Harry cười toe toét.

Deakins. Một cái tên mà Già Jack sẽ không bao giờ quên được. “Nó có giá bao nhiêu?” Ông lão hỏi.

“Cháu không biết,” Harry nói. “Cháu sẽ không hỏi ông Deakins cho tới ngày cuối trước khi cháu quay lại trường.”

Già Jack không biết làm thế nào để nói với cậu bé rằng sáu shiling sẽ không đủ để mua một chiếc đồng hồ đeo tay, vậy nên ông chuyển chủ đề. “Ta hy vọng việc đi giao báo không làm ảnh hưởng tới việc học. Ta chắc ta không cần phải nhắc cháu rằng các kỳ thi đang tới gần hơn với mỗi ngày trôi qua.”

“Ông còn tệ hơn cả thầy Frob,” Harry nói, “nhưng chắc ông sẽ rất vui khi biết cháu dành hai giờ mỗi buổi sáng ở thư viện cùng Deakins, và thêm hai giờ nữa vào hầu hết các buổi chiều.”

“Hầu hết các buổi chiều ư?”

“À, thực ra thỉnh thoảng Giles và cháu có đi xem cricket, và khi Gloucestershire đấu với Yorkshire trên sân nhà vào tuần tới, bọn cháu sẽ có cơ hội xem Herberth Sutcliffe thi đấu.”

“Chắc cháu sẽ rất nhớ Giles khi cậu ấy tới Eton học,” Già Jack nói.

“Cậu ấy vẫn đang tìm cách thuyết phục bố cho phép cậu ấy tới học tại Bristol Grammar School cùng cháu và Deakins.”

“Deakins và cháu ư,” Già Jack nói. “Nhưng hãy cẩn thận đấy, nếu ông Hugo đã quyết ý, thì một mình Giles là không đủ để lay chuyển ông ta đâu.”

“Ông Barrington không thích cháu,” Harry nói, khiến Già Jack kinh ngạc.

“Điều gì khiến cháu nói vậy?”

“Ông ấy cư xử với cháu khác hẳn với các cậu khác ở trường St. Bede. Cứ như thể cháu không xứng đáng để làm bạn với con trai ông ấy vậy.”

“Cháu rồi sẽ phải đương đầu với vấn đề này suốt đời, Harry ạ,” Jack Già nói. “Người Anh là giống người hợm hĩnh nhất trên thế giới, và trong phần lớn trường hợp hoàn toàn vô duyên vô cớ. Càng bất tài lại càng hợm hĩnh, theo kinh nghiệm của ta. Đó là cách duy nhất giúp các tầng lớp vẫn được gọi là thượng lưu có hy vọng tồn tại. Hãy nhớ lấy, chàng trai, họ không ưa một kẻ xuất thân thấp kém như cháu gia nhập vào câu lạc bộ của họ khi không được mời đâu.”

“Nhưng ông đâu có xử sự với cháu như thế,” Harry nói.

“Đó là vì ta không thuộc tầng lớp thượng lưu,” Già Jack nói rồi phá lên cười.

“Có thể là không, nhưng mẹ cháu nói ông đúng là hạng nhất,” Harry nói, “thế nên đó là thứ mà cháu muốn trở thành.”

Già Jack không thấy thoải mái khi ông không thể cho Harry biết lý do thực khiến Hugo luôn cư xử thù địch như thế. Đôi lúc ông lão thậm ước gì mình đã không có mặt sai chỗ vào sai thời điểm, và phải chứng kiến những gì đã thực sự xảy ra vào ngày bố cậu bé chết.

“Ông lại ngủ gật rồi sao, ông lão?” Harry nói. “Cháu không thể la cà ở đây huyền thuyên với ông cả ngày được đâu. Cháu đã hứa với mẹ là sẽ tới gặp mẹ tại hiệu Clarks trên phố Broad, vì mẹ muốn mua cho cháu một đôi giày mới. Dù rằng cháu chẳng thấy có gì là không ổn với đôi giày cháu đang đi cả.”

“Quả là một người phụ nữ đặc biệt, mẹ cháu ấy,” Già Jack nói.

“Chính vì thế mà cháu sẽ mua tặng mẹ một chiếc đồng hồ đeo tay,” Harry nói.

* * *

Chiếc chuông gắn trên cửa kêu leng keng khi ông bước vào cửa hàng. Già Jack hy vọng thời gian trôi qua đã đủ dài để cho binh nhì Deakins không còn nhớ ra ông nữa.

“Chúc buổi sáng tốt lành, thưa ngài. Tôi có thể giúp gì cho ngài?”

Già Jack nhận ra ông Deakins ngay lập tức. Ông mỉm cười và bước tới tủ bày hàng và ngắm nghía hai chiếc đồng hồ đeo tay nằm

ở tầng giá trên cùng. “Tôi chỉ cần biết giá tiền chiếc đồng hồ hiệu Ingersoll này.”

“Mẫu dành cho nam hay nữ, thưa ngài?” Ông Deakins hỏi, đồng thời bước tới từ phía sau quầy.

“Mẫu dành cho nữ,” Jack Già nói.

Deakins mở cánh cửa tủ trưng bày với cánh tay duy nhất còn lại của ông, cẩn thận lấy chiếc đồng hồ ra khỏi giá, xem nhãn ghi giá và nói, “Mười sáu shiling, thưa ngài.”

“Được rồi.” Già Jack nói, và đặt một tờ bạc mười shiling lên mặt quầy. Ông Deakins trông càng bối rối tợn. “Khi Harry Clifton hỏi ông chiếc đồng hồ đeo tay này giá bao nhiêu, ông Deakins, làm ơn hãy nói với cậu bé là sáu shiling, vì đó là số tiền cậu ấy có thể dành dụm được khi kết thúc công việc với ông, và tôi biết cậu bé đang hy vọng mua chiếc đồng hồ đó làm quà tặng mẹ.”

“Chắc hẳn ngài là Già Jack,” Deakins nói. “Cậu bé sẽ rất cảm động nếu biết ông...”

“Nhưng ông không bao giờ được nói cho cậu bé biết,” Già Jack nói, nhìn thẳng vào mắt ông Deakins. “Tôi muốn cậu bé tin rằng giá chiếc đồng hồ là sáu shiling.”

“Tôi hiểu,” ông Deakins nói, cất chiếc đồng hồ trở lại chỗ cũ.

“Thế còn chiếc đồng hồ nam có giá bao nhiêu?”

“Một bảng thưa ông.”

“Ông có thể cho phép tôi đặt trước mười shiling nữa, sau đó gửi dần cho ông nửa crown mỗi tuần trong tháng tiếp theo cho tới khi tôi trả đủ chứ?”

“Hoàn toàn có thể được, thưa ngài. Nhưng ngài có muốn đeo thử trước không?”

“Không, cảm ơn ông,” Già Jack nói. “Chiếc đồng hồ này không phải dành cho tôi. Tôi sẽ tặng nó cho Harry khi cậu bé giành được học bổng vào Bristol Grammar School.”

“Tôi cũng đang có cùng suy nghĩ đó,” ông Deakins nói, “nếu Algy con trai tôi may mắn dành được một suất học bổng.”

“Vậy thì ông nên khẩn trương yêu cầu thêm một chiếc nữa thật nhanh đi thôi,” Già Jack nói, “vì Harry nói với tôi con trai ông coi như hoàn toàn chắc thắng trong cuộc đua rồi.”

Ông Deakins bật cười, rồi sau đó nhìn Già Jack chăm chú hơn. “Liệu có phải trước đây chúng ta từng gặp nhau rồi không, thưa ngài?”

“Tôi không nghĩ vậy,” Già Jack nói, và rời khỏi cửa hàng mà không nói thêm lời nào.

Nếu Muhammad không đến với ngọn núi... Già Jack vừa tự cười với chính mình khi ông đứng dậy chào đón thầy Holcombe và mời thầy giáo ngồi.

“Cậu sẵn lòng vào trong nhà ăn dùng một tách trà với tôi chứ?” Già Jack hỏi. “Bà Clifton đã rất tử tế cung cấp cho tôi một túi Earl Grey có chất lượng khá tuyệt hảo.”

“Cảm ơn ông, nhưng tôi mới vừa ăn sáng rồi,” thầy Holcombe nói.

“Vậy là cậu bé đã để tuột mất suất học bổng trong gang tấc,” Già Jack nói, đoán rằng đây chính là lý do khiến người thầy tới gặp ông.

“Với Harry thì kết quả đó là một thất bại,” thầy Holcombe nói, “bất chấp việc đứng thứ mười bảy trong số ba trăm thí sinh, và được dành cho một suất học khối A của trường vào tháng Chín này.”

“Nhưng liệu cậu bé có thể nhận lời mời này hay không? Nó chỉ đè nặng thêm gánh nặng tài chính cho mẹ cậu bé.”

“Chừng nào không có chuyện bất thường gì quá lớn xảy ra, bà ấy hoàn toàn có khả năng chu cấp cho Harry trong suốt năm năm tới.”

“Dẫu vậy, Harry sẽ không thể đáp ứng được những khoản phụ phí cho các hoạt động ngoại khóa mà phần lớn những cậu bé khác đều coi là chuyện đương nhiên.”

“Có thể lắm, nhưng tôi đã xoay xở để trang trải một số chi phí vặt của cậu bé trong bản danh mục mà nhà trường đưa ra, vì thế mà cậu bé có thể cân nhắc tới ít nhất hai trong số ba hoạt động ngoại khóa mà cậu ấy rất muốn đăng ký.”

“Để tôi đoán xem nào,” Già Jack nói. “Ban đồng ca, câu lạc bộ sân khấu và...”

“Cảm thụ hội họa,” Thầy Holcombe nói. “Cô Monday và cô Tilly sẽ chịu trách nhiệm chi trả cho bất cứ chuyến đi nào của ban đồng ca, tôi phụ trách phần câu lạc bộ sân khấu và...”

“Vậy là tôi sẽ lo phần cảm thụ hội họa,” Già Jack nói. “Đam mê mới của cậu nhóc. Tôi vẫn có thể đối phó được với Harry khi nói đến Rembrandt hay Vermeer, thậm chí cả anh chàng mới toanh Matisse. Còn bây giờ cậu ta đang cố làm tôi quan tâm tới một anh chàng người Tây Ban Nha có tên là Picasso, nhưng tôi không cảm nhận gì được.”

“Tôi chưa bao giờ nghe nói tới họa sĩ này,” thầy Holcombe thừa nhận.

“Và tôi ngờ là sẽ chẳng bao giờ ta biết được,” Già Jack nói, “nhưng đừng có nói với Harry là tôi nói thế.” Ông lão cầm lên một cái hộp thiếc nhỏ, mở nắp, lấy ra ba tờ giấy bạc cùng phần lớn số tiền xu ông đang sở hữu.

“Không, không,” thầy Holcombe gạt tay và nói, “đó không phải là lý do tôi đến gặp ông. Thực ra, tôi đã lên kế hoạch tới gặp ông Craddick chiều nay, và tôi tin chắc là ông ấy...”

“Tôi nghĩ cậu sẽ thấy là tôi đã đi trước ông Craddick một bước,” Già Jack vừa nói vừa đưa số tiền cho thầy Holcombe.

“Ông thật hào phóng.”

“Món tiền này được tiêu vào đúng nơi đúng chỗ,” Già Jack nói, “dù đây là con trai một bà góa. Ít nhất bố tôi hẳn sẽ tán thưởng,” ông nói thêm sau một lát trầm ngâm.

“Bố ông ư?” Thầy Holcombe lặp lại.

“Ông ấy là giáo sĩ quản hạt tại nhà thờ lớn Wells.”

“Ồ, thế mà tôi không biết,” Thầy Holcombe nói. “Vậy thì ông thỉnh thoảng cũng có thể ghé thăm ông ấy.”

“Đáng buồn là không. Tôi e mình chính là hình mẫu hiện đại của người con hoang đàng,” Già Jack nói. Không muốn nói nhiều hơn về chuyện này, ông nói, “Vậy hãy cho tôi biết, chàng trai trẻ, tại sao cậu lại muốn gặp tôi?”

“Tôi không còn nhớ nổi lần cuối cùng ai đó gọi tôi là chàng trai trẻ nữa.”

“Vậy thì hãy lấy làm biết ơn vì vẫn còn có người gọi cậu như thế,” Già Jack nói.

Thầy Holcombe bật cười. “Tôi có hai vé xem vở kịch biểu diễn tại trường, vở *Julius Caesar*. Vì Harry có tham gia biểu diễn, tôi nghĩ có thể ông muốn tới xem đêm diễn mở màn cùng tôi.”

“Tôi biết cậu nhóc có diễn tập thử,” Già Jack nói. “Cậu ta diễn vai nào vậy?”

“Cậu ấy diễn vai Cinna,” thầy Holcombe nói.

“Vậy là chúng ta sẽ nhận ra được cậu nhóc qua dáng đi của cậu ta.”

Thầy Holcombe cúi thấp đầu xuống. “Như thế có nghĩa là ông sẽ đi xem cùng tôi chứ?”

“Tôi e là không,” Già Jack vừa nói vừa giơ một bàn tay lên. “Cậu quả là vô cùng tử tế khi nghĩ đến tôi, Holcombe ạ, nhưng tôi vẫn chưa sẵn sàng cho một buổi trình diễn trước công chúng, kể cả khi tôi chỉ là một người trong đám đông khán giả.”

* * *

Già Jack rất thất vọng vì đã để lỡ màn trình diễn của Harry trong vở kịch tại trường và đành tự thỏa mãn bằng việc nghe cậu bé kể lại về buổi diễn. Vào năm tiếp theo, khi thầy Holcombe đề xuất có lẽ Già Jack nên tới xem vì Harry ngày càng nhận được nhiều vai quan trọng hơn, ông thiếu chút nữa đã nhượng bộ, nhưng phải đến tận khi Harry vào vai Puck vào một năm sau đó, thì ông lão mới cho phép giấc mơ của mình trở thành hiện thực.

Cho dù ông vẫn e sợ đám đông, Già Jack quyết định rằng ông sẽ kín đáo lên vào và ngồi phía cuối hội trường, nơi không ai có thể nhìn thấy ông hay tệ hơn thế, là nhận ra ông.

Chính vào lúc đang tĩa lại bộ râu của mình trong phòng vệ sinh trên lầu năm của Barrington House, ông lão chợt để ý thấy hàng tit giắt gân trên một tờ báo địa phương bị ai đó bỏ lại. *Tiệm trà Tilly's* bị

cháy trại. Nghi ngờ cố ý gây hỏa hoạn. Khi nhìn thấy bức ảnh dưới hàng tít, ông không khỏi cảm thấy choáng váng; bà Clifton đang đứng trên vỉa hè, xung quanh là các nhân viên, chúng kiến đồng tro tàn còn sót lại của cửa tiệm. *Xem toàn bài ở trang 11.* Jack Già làm theo lời chỉ dẫn, nhưng trang 11 không còn ở đó nữa.

Ông vội vàng rời khỏi phòng vệ sinh, hy vọng tìm thấy trang báo còn thiếu trên bàn làm việc của cô Potts. Ông không mấy ngạc nhiên khi thấy mặt bàn làm việc của cô thư ký sạch trơn, sọt đựng giấy bỏ đi cũng đã được dọn hết. Ông dè dặt mở cánh cửa dẫn vào phòng làm việc của giám đốc điều hành, ngó vào trong và thấy trang báo còn thiếu được trải ra trên mặt bàn làm việc của Hugo. Ông ngồi xuống chiếc ghế bành bọc da có lưng dựa cao và bắt đầu đọc.

Phản ứng đầu tiên của Jack khi đọc xong bài báo là thầm tự hỏi liệu Harry có phải rời khỏi trường không.

Bài báo cho hay trừ khi công ty bảo hiểm chi trả toàn bộ, bà Clifton sẽ đối mặt với nguy cơ phá sản. Người phóng viên viết tiếp cho hay một người phát ngôn của Công ty bảo hiểm Bristol và Tây Anh đã nêu rõ công ty này sẽ không chi trả dù chỉ một xu cho tới khi cảnh sát đã loại trừ mọi đối tượng nghi vấn khỏi cuộc điều tra của họ. Còn điều gì có thể trở nên tồi tệ hơn nữa với người phụ nữ khốn khổ này được nữa, Già Jack tự nhủ.

Tác giả bài báo đã thận trọng không nhắc tới tên Maisie, nhưng Già Jack không nghi ngờ gì về lý do tại sao bức ảnh của cô lại ở vị trí dễ thu hút ngay trang nhất như thế. Ông đọc nốt bài báo. Khi ông lão biết được thám tử thanh tra Blakemore là người phụ trách cuộc điều tra, ông cảm thấy có đôi chút hy vọng. Sẽ không mất nhiều thời gian để người thám tử này biết được rằng bà Clifton không phải là người xây dựng cái gì lên để rồi thiêu trại nó.

Trong khi Già Jack đặt lại tờ báo trở về bàn làm việc của Hugo, ông lần đầu tiên nhìn thấy một lá thư. Đáng ra hẳn ông lão đã bỏ qua nó, vì nó chẳng liên quan gì tới ông, nếu ông không nhìn thấy mấy từ “bà Clifton” viết ở đoạn đầu tiên.

Ông bắt đầu đọc lá thư, và cảm thấy thật khó tin khi Hugo Barrington chính là người đã bỏ ra năm trăm bảng cho phép bà Clifton có thể mua lại Tilly’s. Tại sao anh ta lại muốn giúp Maisie, ông lão tự hỏi. Chẳng lẽ anh ta cảm thấy chút ân hận vì cái chết của

chồng cô chẳng? Hay anh ta cảm thấy xấu hổ vì đã đẩy một người vô tội vào tù vì một tội danh người đó không hề phạm phải? Đúng là anh ta đã dành cho Tancock chỗ làm cũ của anh này khi người này được thả. Giờ Jack bắt đầu băn khoăn liệu ông có nên gạt bỏ mối nghi ngờ đối với Hugo hay không. Ông nhớ lại lời của Sir Walter: “Nó không hoàn toàn xấu, anh biết đấy.”

Ông đọc lại lá thư thêm một lần nữa. Nó được gửi tới từ ông Prendergast, giám đốc điều hành của Ngân hàng National Provincial, ông này viết là ông ta đang hỏi thúc công ty bảo hiểm thực hiện bổn phận của họ và đền bù cho bà Clifton toàn bộ giá trị hợp đồng bảo hiểm, tương đương sáu trăm bảng. Bà Clifton, Prendergast chỉ ra, là người vô tội, và thám tử thanh tra Blakemore mới đây vừa thông báo với ngân hàng là cô không còn nằm trong đối tượng tình nghi của ông ta nữa.

Trong đoạn cuối cùng của lá thư, Prendergast đề xuất ông ta và Barrington nên sớm gặp nhau để giải quyết dứt điểm vấn đề này, để bà Clifton có thể nhận được toàn bộ khoản tiền đền bù. Jack Già ngược mắt lên nhìn khi chiếc đồng hồ nhỏ trên bàn làm việc đổ bầy hồi chuông.

Ông tắt đèn, chạy ra ngoài hành lang và lao xuống cầu thang. Ông không muốn bị muộn buổi biểu diễn của Harry.

Khi Già Jack trở về nhà tối khuya hôm đó, ông cầm lấy tờ *The Times* mà Harry đã để lại cho ông cách đây mấy hôm. Ông chưa bao giờ để tâm tới các mục quảng cáo cá nhân trên trang đầu vì ông không hề cần một cái mũ quả dưa mới, một cặp đai đeo quần hay một bản in lần đầu tiên của cuốn tiểu thuyết *Đôi gió hú*.

Ông lật trang và thấy một bức ảnh của vua Edward đệ Bát, lúc ấy đang tận hưởng kỳ nghỉ trên du thuyền ở bờ biển Địa Trung Hải. Đứng bên nhà vua là một phụ nữ Mỹ được gọi là bà Simpson. Bài báo đầy ắp những cách diễn đạt lấp lửng, song ngay cả Thunderer cũng thấy khó lòng ủng hộ nổi ông vua trẻ với mong ước kết hôn với một phụ nữ đã ly dị của nhà vua. Điều này làm Già Jack thấy buồn, vì ông vốn ngưỡng mộ Edward, nhất là sau chuyến đi thăm các thợ mỏ xứ Wales, khi nhà vua rõ ràng đã rất xúc động trước tình cảnh khó khăn của họ. Nhưng như bà vú già của ông từng nói, lúc nào chả có nước mắt trong câu chuyện kể trước giờ ngủ.

Sau đó Già Jack bỏ ra khá nhiều thời gian đọc một bài báo viết về dự luật cải cách thuế suất, dự luật này vừa mới vượt qua được lần xem xét thứ hai tại Hạ viện, bất chấp một Winston Churchill cay độc tuyên bố rằng nó là một thứ “nửa dơi nửa chuột,” và đến kỳ bầu cử thì sẽ chẳng có ai được hưởng lợi gì từ nó, bao gồm cả chính phủ. Ông thực sự nóng lòng muốn được nghe quan điểm không chút nhân nhượng của Sir Walter về chủ đề đặc biệt này.

Ông lật thêm một trang và biết được Tập đoàn Phát thanh Anh quốc đã thực hiện buổi phát truyền hình đầu tiên của họ từ cung điện Alexandra. Đây là một khái niệm ông không tài nào hiểu nổi.

Làm cách nào người ta có thể truyền một bức ảnh tới tận nhà bạn? Ông thậm chí còn không có nổi một cái radio, và không thể mong muốn có một cái máy thu hình rồi.

Ông lật tiếp sang các trang thể thao, và thấy một bức ảnh chụp Fred Perry ăn mặc lịch sự dưới tiêu đề, *Tay vợt ba lần vô địch Wimbledon hướng tới chiến thắng tại Giải Mỹ mở rộng*. Phóng viên phụ trách chuyên trang về tennis tiếp tục với việc bản tin về khả năng một số tay vợt nước ngoài sẽ mặc quần soóc thi đấu tại Forest Hills, lại là một khái niệm nữa mà Jack chẳng thể nào hiểu nổi.

Như ông vẫn làm mỗi khi đọc *The Times*, Già Jack dành phần cáo phó lại cuối cùng. Ông đã đến tuổi có những người trẻ hơn ông dần qua đời, và không chỉ trong chiến tranh.

Khi ông lật trang, khuôn mặt ông tái nhợt đi, và một nỗi buồn vô biên trào dâng trong lòng. Jack từ tốn đọc bản cáo phó của Mục sư Thomas Alexander Tarrant, giáo sĩ quản hạt tại nhà thờ lớn xứ Wells, được mô tả như một con người thánh thiện. Khi Già Jack đọc xong cáo phó của cha mình, ông bỗng cảm thấy hổ thẹn.

* * *

“Bảy bảng và bốn shiling?” Già Jack lặp lại. “Nhưng tôi nghĩ là bà nhận được một tám séc trị giá sáu trăm bảng từ Công ty bảo hiểm Bristol và Tây Anh, ‘cho việc đền bù trọn gói và dứt điểm’, nếu như tôi nhớ chính xác từng từ.”

“Đúng thế,” Maisie nói, “nhưng sau khi tôi trả lại khoản vay ban đầu, cùng với tổng số tiền lãi dồn của khoản vay đó, cũng như phần phí ngân hàng, tôi chỉ còn lại bảy bảng và bốn shiling.”

“Tôi thật ngây thơ,” Già Jack nói. “Và thử nghĩ xem trong một khoảnh khắc, chỉ một khoảnh khắc thôi, tôi từng nghĩ là Barrington đang cố giúp đỡ bà.”

“Ông vẫn chưa ngây thơ bằng tôi rồi,” Maisie nói. “Vì nếu tôi từng nghi ngờ, cho dù chỉ trong một khoảnh khắc thôi, rằng người đàn ông kia có nhúng tay vào, tôi đã không đời nào động đến dù chỉ một cắc tiền của ông ta, và chính vì làm thế, giờ đây tôi mất mọi thứ. Ngay cả việc làm của tôi ở khách sạn cũng mất.”

“Nhưng tại sao?” Già Jack hỏi. “Ông Frampton vẫn luôn nói bà là người không thể thay thế được.”

“À, giờ thì có vẻ không còn là thế nữa. Khi tôi hỏi tại sao tôi lại bị sa thải, ông ấy từ chối đưa ra một lý do cụ thể mà chỉ nói rằng ông ấy nhận được một lời than phiền về tôi từ một ‘nguồn không thể chê trách được’. Không thể có chuyện trùng hợp ngẫu nhiên khi tôi bị sa thải chỉ một ngày sau khi cái ‘nguồn không thể chê trách được’ kia ghé vào khách sạn Royal để nói chuyện với giám đốc điều hành.”

“Bà có thấy Barrington đi vào khách sạn không?” Già Jack hỏi.

“Không, tôi không thấy, nhưng tôi thấy ông ta đi ra. Ông đừng quên lúc đó tôi đang nấp trong xe của ông ta để chờ chính ông ta.”

“Phải rồi,” Già Jack nói. “Vậy chuyện gì xảy ra khi bà mặt đối mặt với ông ta về chuyện của Harry?”

“Trong khi chúng tôi ở trong xe.” Maisie nói, “ông ta gần như đã thừa nhận mình có trách nhiệm với cái chết của Arthur.”

“Cuối cùng ông ta cũng đã nói trắng ra sau ngần ấy năm ư?” Già Jack nói với vẻ không tin nổi.

“Không hẳn là thế,” Maisie nói. “Mà là lẽ lẽ thì đúng hơn, nhưng khi tôi để chiếc phong bì có hóa đơn chi phí của nhà trường cho học kỳ tới lên ghế trước xe của ông ta, ông ta đã nhét nó vào túi áo và nói rằng ông ta sẽ xem có thể làm gì để giúp tôi không.”

“Và bà đã mắc câu à?”

“Tin sai cổ,” Maisie thừa nhận, “vì khi ông ta dừng xe lại, thậm chí ông ta còn ra mở cửa sau cho tôi. Nhưng ngay khi tôi bước ra khỏi xe, ông ta đã đâm tôi ngã khụy xuống đất, xé vụn phong bì và lái xe đi.”

“Và đó là nguyên do mắt bà tím bầm thế kia?”

Maisie gật đầu. “Và ông ta còn dọa sẽ tống tôi vào trại thương điên nếu tôi dám nghĩ tới chuyện liên lạc với vợ ông ta.”

“Đó chỉ là một lời hù dọa suông thôi,” Già Jack nói, “vì nếu làm thế ông ta cũng không thể yên thân được.”

“Có thể ông nói đúng,” Maisie nói, “nhưng tôi sẽ không mạo hiểm với chuyện đó.”

“Và ngay cả khi bà có nói với phu nhân Barrington rằng chồng bà ấy là kẻ phải chịu trách nhiệm về cái chết của Arthur,” Già Jack nói,

“thì tất cả những gì ông ta phải làm là cho vợ biết rằng bà là em gái Stan Tancock, và vợ ông ta sẽ phủ nhận lập tức những gì bà nói.”

“Có thể lắm.” Maisie nói. “Nhưng rất có thể bà ấy sẽ không phủ nhận lập tức nếu tôi cho bà ấy biết chồng bà ấy rất có thể là bố của Harry...”

Già Jack chìm trong im lặng trong lúc ông lão ngẫm nghĩ về hệ lụy của những lời Maisie vừa nói. “Tôi không chỉ ngây thơ,” cuối cùng ông cố gắng lên tiếng, “mà tôi còn ngu ngốc đến khôn khổ. Hugo Barrington sẽ chẳng buồn bận tâm tới chuyện vợ ông ta có tin hay không việc ông ta can dự tới cái chết của chồng bà. Nỗi sợ lớn nhất của ông ta là có lúc nào đó Harry biết được ông ta là bố nó...”

“Nhưng tôi sẽ không bao giờ nói cho Harry biết,” Maisie nói. “Điều cuối cùng tôi muốn là để thằng bé phải trải qua phần còn lại của cuộc đời bần khổ tự hỏi bố nó là ai.”

“Đó cũng chính là điều Barrington đang trông cậy vào. Và giờ đây, khi ông ta đã đánh gục được bà, ông ta sẽ tìm mọi cách để hủy hoại Harry.”

“Nhưng tại sao?” Maisie hỏi. “Harry chưa từng làm gì có hại cho ông ta cả.”

“Tất nhiên là không rồi, nhưng nếu Harry có thể chứng minh được cậu ấy là con trai cả của Hugo Barrington, con trai bà rất có thể ở vào vị thế được thừa kế không chỉ tước hiệu, mà cả mọi thứ đi kèm với nó, và trong lúc đó Giles sẽ tay trắng.”

Lúc này đến lượt Maisie không nói nên lời.

“Vậy là bây giờ chúng ta đã biết được lý do thật sự khiến Barrington bằng mọi giá tìm cách đẩy Harry ra khỏi trường học, tôi nghĩ đã đến lúc tôi cần tới gặp Sir Walter và nói cho ông ấy biết vài sự thật chẳng hay ho gì về con trai ông ấy.”

“Không, làm ơn đừng làm thế,” Maisie van nài.

“Tại sao không? Đó có thể là cơ hội duy nhất của chúng ta để Harry được ở lại Bristol Grammar School.”

“Có thể lắm, nhưng điều đó cũng đảm bảo anh trai Stan của tôi sẽ bị sa thải, và có Chúa mới biết Barrington còn có thể làm được những gì nữa.”

Một hồi lâu Già Jack không trả lời. Sau cùng ông nói, “Nếu bà không cho phép tôi nói với Sir Walter sự thật, tôi sẽ phải bắt đầu tìm cách lần mò vào trong chốn cố rãnh nơi mà Hugo Barrington đang ngự trị.”

“Ông muốn cái gì cơ?” cô Potts hỏi, không chắc cô ta đã nghe đúng những gì ông nói.

“Một cuộc gặp riêng với ông Hugo,” Già Jack nói.

“Và tôi có thể được phép hỏi mục đích của cuộc gặp này là gì không?” cô thư ký nói, không thềm tìm cách che giấu vẻ mỉa mai trong giọng của mình.

“Tương lai của con trai ông ấy.”

“Ông đợi ở đây một lát. Tôi sẽ xem liệu ông Barrington có sẵn lòng gặp ông hay không.”

Cô Potts khẽ gõ lên cửa phòng làm việc của giám đốc điều hành và biến mất vào trong. Một lúc sau cô ta quay ra với vẻ ngạc nhiên lộ rõ trên nét mặt.

“Ông Barrington sẽ tiếp ông ngay bây giờ,” cô ta nói, tay giữ cho cánh cửa mở.

Già Jack không thể kìm được một nụ cười khi ông đi qua cô thư ký. Hugo Barrington ngẩng lên nhìn từ sau bàn làm việc. Anh ta không hề mời ông ngồi, và cũng không có vẻ gì muốn bắt tay ông.

“Ông có thể có lý do gì để quan tâm đến tương lai của Giles?” Barrington hỏi.

“Không gì cả,” Già Jack thừa nhận. “Tương lai cậu con trai còn lại của anh mới là điều làm tôi quan tâm.”

“Ông đang nói chuyện quái quỷ gì vậy?” Barrington hỏi, có phần hơi quá to tiếng.

“Nếu anh không biết tôi đang nói về người nào, thì hẳn anh đã không đồng ý gặp tôi rồi,” Già Jack trả lời đầy khinh miệt.

Khuôn mặt Barrington bỗng tái nhợt. Già Jack thậm chí còn tự hỏi liệu anh ta có sắp ngất xỉu hay không. “Ông muốn gì ở tôi?” cuối cùng anh ta hỏi.

“Cả đời mình anh đã là một con buôn,” Già Jack nói. “Tôi đang nắm trong tay một thứ anh sẽ muốn trao đổi.”

“Và thứ đó có thể là gì đây?”

“Vào hôm sau cái ngày Arthur Clifton bị mất tích một cách bí ẩn và Stan Tancock bị bắt vì một tội trạng anh ta không hề phạm phải, thám tử thanh tra Blakemore có yêu cầu tôi làm một tờ khai tường trình lại mọi thứ tôi chứng kiến buổi tối hôm ấy. Bởi vì anh đã khiến Blakemore bị gạt ra khỏi cuộc điều tra, tờ khai đó vẫn còn nằm trong tay tôi. Tôi có cảm giác đó sẽ là một tài liệu rất thú vị nếu có lúc nào đó nó đi sai chỗ đến tay ai đó.”

“Tôi nghĩ ông sẽ thấy chuyện này là tổng tiền,” Barrington nói, gần mạnh từng tiếng, “và có thể khiến ông phải ngồi tù lâu đấy.”

“Có những người sẽ coi việc một tư liệu như thế được công bố công khai chỉ đơn thuần là vấn đề trách nhiệm công dân.”

“Và theo ông ai sẽ thêm quan tâm tới những lời mê sảng của một ông già? Chắc chắn không phải báo giới rồi, một khi các luật sư của tôi giải thích về luật truy tố việc vu khống cho họ. Và vì cảnh sát đã khép hồ sơ cuộc điều tra lại từ vài năm trước, tôi không thấy tại sao ông cảnh sát trưởng lại nhọc công bỏ thời gian và chi phí ra để thẩm tra lại nó chỉ dựa trên lời nói của một ông già mà khá nhất cũng chỉ có thể coi là lập dị, và tệ nhất có thể coi là kẻ tâm thần. Vậy thì tôi buộc phải hỏi rằng còn ai nữa ông định sẽ tìm đến chia sẻ những nghi ngờ vô lý của ông đây?”

“Bố anh,” Già Jack nói, một lời nói dối, song Barrington đâu biết về lời hứa của ông với Maisie.

Barrington lùi ra phía sau, anh ta hiểu quá rõ ảnh hưởng của Già Jack với bố mình, cho dù anh ta không bao giờ hiểu nổi nguyên do tại sao. “Ông muốn tôi trả bao nhiêu cho tờ khai đó?”

“Ba trăm bảng.”

“Như thế là ăn cướp trắng trợn ngay giữa ban ngày ban mặt.”

“Đó không hơn không kém khoản tiền cần thiết để trang trải học phí và các khoản phụ phí nhỏ sẽ cho phép Harry Clifton ở lại Bristol Grammar School trong hai năm tới.”

“Tại sao tôi không thể đơn giản trả học phí cho cậu ta vào đầu mỗi học kỳ, giống như tôi vẫn làm cho con trai tôi?”

“Bởi vì anh sẽ ngừng trả học phí cho một trong hai đứa con trai của anh ngay khi anh chạm được tay lên tờ khai.”

“Ông sẽ phải lấy tiền mặt,” Barrington nói, lấy từ trong túi áo ra một chiếc chìa khóa.

“Không, cảm ơn anh,” Già Jack nói. “Tôi vẫn nhớ quá rõ chuyện gì đã xảy ra với Stan Tancock sau khi anh đưa tiền cho anh ta. Và tôi không hề có ý trải qua ba năm tới trong tù về một tội lỗi tôi không hề phạm phải.”

“Vậy tôi sẽ phải gọi cho ngân hàng nếu tôi cần viết một tờ séc có giá trị lớn đến thế.”

“Cứ tự nhiên,” Già Jack nói, chỉ tay về phía chiếc điện thoại trên bàn làm việc của Barrington.

Barrington do dự trong giây lát trước khi nhắc ống nghe lên. Anh ta đợi một giọng nói vang lên trên đường dây. “TEM 3731,” anh ta nói.

Thêm một quãng chờ đợi nữa trước khi một giọng nói khác vang lên, “Vâng?”

“Có phải ông đó không, Prendergast?”

“Không, thưa ngài,” giọng nói nọ trả lời.

“Tốt, ông đúng là người tôi cần nói chuyện,” Barrington đáp. “Tôi sẽ gửi một ông Tar tới gặp ông trong vòng một giờ nữa, cùng với một tờ séc trị giá ba trăm bảng do Bristol Municipal Charities thanh toán. Ông hãy đảm bảo giao dịch được thực hiện ngay lập tức, và nhớ gọi lại cho tôi ngay lập tức.”

“Nếu ông muốn tôi gọi lại cho ông, chỉ cần nói ‘Phải, đúng thế’, và tôi sẽ gọi cho ông sau vài phút,” giọng nói trên đường dây đáp.

“Phải, đúng thế,” Barrington nói, và gác máy.

Anh ta mở ngăn kéo bàn làm việc, lấy ra một cuốn séc và viết lên một tờ *Thanh toán cho Bristol Municipal Charities* rồi sau đó viết tiếp

lên một dòng khác, *Ba trăm bảng*. Sau đó anh ta ký tấm séc rồi đưa nó cho Già Jack, ông lão xem xét cẩn thận rồi gật đầu.

“Tôi sẽ cho nó vào một cái phong bì,” Barrington nói. Anh ta bấm nút gọi thư ký dưới bàn làm việc. Già Jack đưa mắt nhìn cô Potts khi cô ta bước vào phòng.

“Vâng, thưa ngài?”

“Ông Tar đây chuẩn bị tới ngân hàng,” Barrington nói, cho tấm séc vào trong phong bì. Anh ta dán lại và đề gửi tới ông Prendergast, thêm từ CÁ NHÂN viết bằng chữ đậm, sau đó đưa cho Già Jack.

“Cảm ơn,” Jack nói. “Tôi sẽ đích thân đưa tờ khai cho anh ngay khi tôi quay về.”

Barrington gật đầu, đúng lúc điện thoại trên bàn bắt đầu đổ chuông. Anh ta đợi đến khi Già Jack rời khỏi phòng rồi mới nhắc máy.

Già Jack quyết định đi tàu điện vào Bristol, cảm thấy khoản chi phí tàu điện là hoàn toàn xứng đáng vào một dịp như thế này. Hai mươi phút sau, khi ông bước chân vào ngân hàng, ông nói cậu thanh niên trẻ tuổi ngồi ở quầy tiếp tân là ông có một bức thư gửi cho ông Prendergast. Người nhân viên tiếp tân có vẻ không mấy bận tâm cho tới khi Già Jack nói thêm, “thư của ông Hugo Barrington gửi.”

Người đàn ông trẻ lập tức đứng dậy khỏi chỗ của anh ta, dẫn Già Jack qua tiền sảnh của ngân hàng, đi dọc theo một hành lang dài tới phòng làm việc của giám đốc điều hành. Anh ta gõ cửa, mở cửa và lên tiếng thông báo, “Quý ông đây có một lá thư gửi từ ông Barrington, thưa ngài.”

Ông Prendergast đứng dậy từ sau bàn làm việc, bắt tay ông lão và mời ông ngồi xuống chiếc ghế ở phía đối diện của bàn. Già Jack đưa phong bì cho Prendergast, đồng thời nói, “Ông Barrington yêu cầu tôi đích thân đưa cái này cho ông.”

“Vâng, tất nhiên rồi,” Prendergast nói, ông ta ngay lập tức nhận ra nét chữ quen thuộc do một trong những khách hàng giá trị nhất của mình viết. Vị giám đốc mở phong bì và lấy tấm séc ra. Ông ta nhìn nó giây lát trước khi nói. “Chắc hẳn phải có một nhầm lẫn nào đó.”

“Không có nhầm lẫn nào hết,” Già Jack nói. “Ông Barrington muốn toàn bộ khoản tiền được chi trả cho Bristol Municipal Charities sớm

nhất có thể được, như ông ấy đã yêu cầu với ông qua điện thoại cách đây nửa giờ.”

“Nhưng sáng nay tôi chưa hề nói chuyện với ông Barrington,” Prendergast nói và đưa trả tấm séc lại cho Già Jack.

Già Jack nhìn chằm chằm không tin nổi vào tấm séc trắng trơn. Ông chỉ mất giây lát để hiểu ra Barrington hẳn đã đánh tráo hai tấm séc khi cô Potts bước vào phòng. Chi tiết khôn khéo nhất của anh ta là đề rõ phong bì gửi cho ông Prendergast đồng thời ghi chú cá nhân lên đó, nhờ vậy đảm bảo nó sẽ không bị mở ra cho tới khi được trao tận tay ông giám đốc điều hành. Nhưng có một bí ẩn Jack không thể lý giải được: ai đã nghe máy ở đầu kia của đường dây điện thoại?

Già Jack hồi hải rời khỏi phòng làm việc mà không nói thêm một lời nào với Prendergast. Ông đi qua tiền sảnh của ngân hàng, ra ngoài phố. Ông chỉ phải đợi vài phút để có một chuyến tàu điện tới khu bến tàu. Ông chỉ vắng mặt không quá một giờ đồng hồ cho tới thời điểm ông đi qua cổng vào khu cầu tàu.

Một người ông lão không quen biết bước đi về phía ông. Anh ta có dáng vẻ của một quân nhân và Già Jack thầm tự hỏi liệu có phải dáng đi tập tễnh của anh ta là hậu quả từ một vết thương anh ta gặp phải trong Cuộc Chiến Vĩ Đại hay không.

Già Jack bước vội qua anh ta và tiếp tục hướng về phía cuối cầu tàu. Ông thấy nhẹ nhõm khi cửa toa xe lửa vẫn còn khóa, và khi mở cửa, ông lão còn mừng hơn khi thấy mọi thứ vẫn y nguyên như lúc ông rời khỏi. Ông quỳ xuống nhấc góc tấm thảm trải sàn lên, nhưng tờ khai ông viết cho cảnh sát đã không còn ở đó. Thám tử thanh tra Blakemore chắc hẳn sẽ mô tả vụ trộm như việc làm của một tay chuyên nghiệp.

Già Jack ngồi xuống hàng ghế thứ năm trong đám đông, hy vọng không ai nhận ra ông. Nhà thờ đông đến mức những người không tìm được chỗ ngồi trong các nhà nguyện ở hai bên đành đứng trong các hàng ghế và chen chúc nhau ở phía cuối.

Ngài Giám mục của Bath và Wells khiến Già Jack ứa nước mắt khi ông này nói về niềm tin không gì lay chuyển nổi của bố ông vào Chúa, cũng như cách người giáo sĩ, kể từ sau cái chết quá sớm của vợ ông, luôn tận tụy cống hiến cho việc phụng sự cộng đồng. “Bằng chứng của điều đó,” ngài Giám mục tuyên bố, đồng thời đưa hai cánh tay ông ra để thừa nhận đám đông đang hiện diện, “có thể thấy qua số lượng những người có mặt, những người đã tới đây để tưởng niệm ông từ biết bao mảnh đời, và cũng để bày tỏ sự tôn trọng của họ.”

“Và mặc dù ông hoàn toàn xa lạ với mọi sự phù phiếm, ông không hề giấu diếm niềm tự hào về người con trai duy nhất của mình, Jack, người với lòng can đảm quên mình, sự dũng cảm sẵn sàng hy sinh tính mạng của bản thân tại Nam Phi trong cuộc Chiến tranh Boer đã cứu sống rất nhiều đồng đội của anh, và giúp anh được tặng thưởng Chữ thập Victoria.” Ông ngừng lời, nhìn xuống hàng ghế thứ năm và nói, “Và tôi thật vui mừng biết bao khi nhìn thấy người con trai đó trong các bạn hôm nay.”

Một số người bắt đầu quay sang nhìn người đàn ông trước đây họ chưa bao giờ nhìn thấy, Jack cúi gằm mặt xuống đầy hổ thẹn.

Đến cuối buổi lễ, nhiều người trong đám đông dự lễ tìm tới bày tỏ với đại úy Tarrant họ ngưỡng mộ bố ông đến mức nào. Các từ “cống

hiến,” “quên mình,” “rộng lượng” và “yêu thương” vang lên trên môi tất cả mọi người.

Jack cảm thấy tự hào được là con trai của bố ông, đồng thời thật hổ thẹn vì đã gạt bỏ bố ra khỏi cuộc đời mình, cũng giống như cách ông đã xử sự với những người thân thuộc khác.

Khi chuẩn bị ra về, ông nghĩ vừa nhận ra một quý ông cũng đã đứng tuổi đứng bên cửa lớn, rõ ràng đang đợi để nói chuyện với ông. Người đàn ông đó bước tới, nhắc mũ lên. “Đại úy Tarrant phải không?” ông hỏi với giọng nói của một người có uy quyền.

Jack đáp lại lời chào. “Vâng, còn ngài?”

“Tên tôi là Edwin Trent. Tôi có hân hạnh là luật sư riêng của bố ông, và tôi cũng muốn tự cho rằng mình là một trong những người bạn vong niên thân thiết nhất của cụ nhà.”

Jack nồng nhiệt bắt tay ông luật sư. “Tôi còn nhớ như in, thưa ngài. Ngài đã dạy tôi tình yêu dành cho Trollope và sự ngưỡng mộ những đường bóng bowling tinh tế.”

“Ông thật tử tế khi vẫn còn nhớ,” Trent tặc lưỡi. “Tôi không rõ có thể đi cùng ông trên đường quay lại ga được không?”

“Tất nhiên là được rồi.”

“Như ông cũng biết đấy,” Trent nói trong lúc hai người bắt đầu đi bộ vào thành phố, “bố ông là giáo sĩ quản hạt tại nhà thờ lớn này trong suốt chín năm vừa qua. Ông rồi cũng sẽ thấy ông cụ không hề bận tâm gì tới của cải trần tục, và thậm chí còn chia sẻ chút của cải ít ỏi ông cụ có với những cảnh ngộ khó khăn hơn mình. Nếu ông cụ nhà được phong thánh, chắc chắn cụ sẽ là vị thánh bảo trợ cho những người vô gia cư.”

Già Jack mỉm cười. Ông nhớ lại cái lần ông phải đến trường vào buổi sáng mà không có bữa ăn sáng vì có ba người lang thang ngủ ngoài lối đi, và như mẹ ông nói, những người này đã ăn sạch hẳn nhà họ.

“Vì thế, khi di chúc của cụ được công bố,” Trent nói tiếp, “nó sẽ cho thấy nếu như cụ đã chào đời với hai bàn tay trắng, thì bố ông cũng ra đi không để lại gì - ngoài một nghìn người bạn, và hẳn cụ đã coi những người bạn này như một gia tài thực sự. Trước khi qua đời, cụ đã ủy thác cho tôi một việc nhỏ trong trường hợp ông tới dự

tang lễ của cụ, đó là chuyển lại cho ông lá thư cuối cùng cụ viết.” Vị luật sư lấy từ túi trong áo khoác ra một chiếc phong bì và đưa cho Già Jack, nhấc mũ lên chào một lần nữa và nói, “Tôi đã thực hiện được lời ủy thác của cụ thân sinh, và rất hân hạnh được gặp lại con trai cụ một lần nữa.”

“Tôi rất biết ơn ngài, thưa ngài. Tôi chỉ ước gì mình đã không khiến cha mình phải viết lá thư này.” Jack nhấc mũ lên chào đáp lễ, và hai người đàn ông chia tay.

Già Jack quyết định ông sẽ không đọc lá thư của bố mình cho tới khi ông đã ở trên tàu, và bắt đầu hành trình quay trở lại Bristol. Khi đoàn tàu bắt đầu di chuyển rời bến, phun ra những đám mây hơi nước, Jack ổn định chỗ ngồi trong một khoang hạng ba. Khi còn nhỏ, ông nhớ có lần hỏi bố tại sao ông lại luôn đi trên toa hạng ba, và nhận được câu trả lời, “Bởi vì không có toa hạng bốn.” Thật mỉa mai thay, trong suốt ba mươi năm vừa qua, Jack đã sống trong một toa hạng nhất.

Ông chậm rãi mở phong bì, và ngay cả sau khi đã lấy lá thư ra, ông vẫn để nó nguyên như cũ trong lúc tiếp tục nghĩ tới bố mình. Không người con trai nào có thể đòi hỏi một người hướng dẫn hay một người bạn tốt hơn thế. Khi ông nhìn lại cuộc đời mình, mọi hành động, phán quyết và quyết định của ông chẳng qua chỉ là sự bắt chước mờ nhạt từ bố ông.

Cuối cùng khi Jack mở lá thư ra, thêm một làn sóng hồi ức nữa ùa về vào khoảnh khắc ông nhìn thấy những nét chữ viết tay rần rỏi, đều đặn như in bằng mực đen nhánh. Ông bắt đầu đọc.

The Close

Nhà thờ lớn Wells

Wells, Sommerset

Ngày 26 tháng Tám, 1936

Con trai yêu quý của bố,

Nếu con vui lòng tới dự tang lễ của bố, giờ đây hẳn con đang đọc lá thư này.

Hãy cho phép bố bắt đầu bằng việc cảm ơn con đã có mặt trong số những người dự lễ.

Già Jack ngẩng đầu lên và nhìn ra ngoài khung cảnh đồng quê đang trôi dần qua. Thêm một lần nữa ông cảm thấy có lỗi vì đã cư xử với bố mình một cách thiếu chu đáo và vô tâm như thế, và giờ đây đã quá muộn để cầu xin sự tha thứ của ông. Đôi mắt ông quay trở lại với lá thư.

Khi con được tặng thưởng Chữ thập Victoria, bố chính là người tự hào nhất ở nước Anh, và bài báo đăng tin con được khen thưởng vẫn còn nằm trên bàn làm việc của bố cho tới tận hôm nay. Nhưng rồi sau đó, khi năm tháng trôi qua, tâm trạng hạnh phúc của bố chuyển thành phiền muộn, và bố đã hỏi Chúa của chúng ta rằng bố đã làm gì để bị trừng phạt bằng cách mất đi không chỉ người mẹ yêu quý của con, mà còn mất cả con, đứa con duy nhất của bố.

Bố chấp nhận việc con chắc hẳn phải có mục đích cao cả nào đó khi ngoảnh mặt và khép kín trái tim của con lại với thế giới này, nhưng bố vẫn ước gì con đã chia sẻ với bố lý do khiến con làm thế. Nhưng, nếu có lúc nào đó con đọc lá thư này, có thể con sẽ cho bố được toại nguyện một mong ước cuối cùng.

Già Jack lấy khăn mùi soa ra khỏi túi ngực trên áo và lau mắt trước khi ông có thể đọc tiếp.

Chúa đã ban cho con khiêu lãnh đạo đáng chú ý và khả năng truyền cảm hứng cho những người xung quanh con, vì thế bố mong con sẽ không xuống mồ mà phải mang theo ý thức rằng khi đến thời khắc con đối diện với đáng tạo hóa, con sẽ, giống như trong tiết Matthew 25, câu 14-30, phải thú nhận rằng con đã chôn vùi đi năng khiếu mà Người đã ban cho con.

Thay vào đó, hãy sử dụng năng lực ấy vì lợi ích của đồng loại, để khi thời khắc của con tới, và chắc chắn nó sẽ tới, và cũng những con người ấy tới dự tang lễ của con, Chữ thập Victoria sẽ không phải là điều duy nhất họ nhớ đến khi họ nghe nhắc tới tên Jack Tarrant.

Bố yêu quý của con.

“Ông vẫn ổn chứ, thưa ông?” một người phụ nữ vừa di chuyển từ phía bên kia sang ngồi cạnh Già Jack hỏi.

“Vâng, cảm ơn bà,” ông nói, nước mắt trào xuống thành dòng trên khuôn mặt. “Chỉ là tôi mới vừa được trả tự do khỏi nhà tù ngày hôm nay.”

GILES BARRINGTON



1936 - 1938

Tôi mừng đến gai người khi trông thấy Harry bước qua cổng trường vào ngày đầu tiên của học kỳ mới. Tôi đã trải qua kỳ nghỉ hè tại biệt thự của gia đình tại Tuscany, vì thế đã không có mặt ở Bristol khi tiệm Tilly's bị thiêu trụi và chỉ biết chuyện khi trở về Anh vào dịp cuối tuần trước khi năm học bắt đầu. Tôi rất muốn Harry đi nghỉ cùng chúng tôi ở Italia, nhưng bố tôi nhất định không đồng ý.

Tôi chưa từng gặp ai không thích Harry, chỉ có mỗi bố tôi là ngoại lệ, ông thậm chí còn không cho phép nhắc đến tên cậu ấy trong nhà. Tôi từng có lần hỏi mẹ tại sao ông lại có ác cảm dữ dội đến thế, song dường như mẹ tôi cũng không biết gì nhiều hơn.

Tôi cũng không nằn nì quá nhiều với bố về chuyện đó, vì trong mắt ông không phải lúc nào tôi cũng là một cậu con trai đáng để ông tự hào. Tôi suýt nữa thì bị đuổi ra khỏi trường nội trú vì tội ăn cắp - có Chúa mới hiểu nỗi ông đã làm cách nào để xoay sở giải quyết được vụ đó - rồi sau đó tôi lại khiến ông thất vọng vô cùng khi không vào được Eton. Tôi nói với bố sau khi ra khỏi phòng thi là tôi đã cố hết khả năng của mình, và đúng là thế thật. À phải, một nửa sự thật chứ. Đáng ra tôi có thể thoát được nếu kẻ đồng mưu với tôi biết giữ mồm giữ miệng, ít nhất vụ này cũng dạy cho tôi một bài học đơn giản: nếu bạn đồng hội đồng thuyền với một gã ngốc, đừng ngạc nhiên khi thấy hắn hành động một cách ngu ngốc.

Kẻ đồng loã với tôi là Percy, con trai của bá tước Bridport. Anh chàng này còn phải đối diện với một tình thế nan giải hơn cả tôi, vì bầy thế hệ của gia tộc Bridport đã được giáo dục tại Eton, và có vẻ

anh chàng Percy trẻ tuổi sẽ làm hỏng mắt truyền thống tương đối đáng tự hào đó.

Eton vẫn được biết đến với việc uốn cong luật lệ đối với các thành viên của giới quý tộc và sẽ thỉnh thoảng cho phép một cậu nhóc ngớ ngẩn làm tối đi những cánh cửa của nó, và đây cũng chính là lý do tại sao tôi lựa chọn Percy làm công cụ cho màn lừa đảo nhỏ của mình ngay từ đầu. Quyết định này được đưa ra sau khi tôi nghe lỏm được cuộc nói chuyện của thầy Frob nói với một giáo viên khác, “Nếu Bridport khá hơn chút nữa, cậu ta có thể coi là người khờ khạo,” lúc ấy tôi biết ngay mình không cần tìm kiếm kẻ đồng lõa ở đâu xa nữa.

Percy cũng khổ sở muốn kiếm được một chỗ tại Eton bằng mọi giá hết như tôi muốn bị loại, vì vậy tôi thấy đây chính là cơ hội để cả hai chúng tôi đạt được mong muốn của mình.

Tôi không hề thảo luận kế hoạch của mình với Harry hay Deakins. Harry kiểu gì cũng sẽ phản đối, cậu ta quả là một anh chàng chính trực, còn Deakins sẽ chẳng tài nào hiểu nổi tại sao lại có ai đó muốn thi trượt.

Vào trước hôm diễn ra kỳ thi, bố tôi đưa tôi đến Eton trên chiếc Bugatti mới của ông, chiếc xe có thể phóng tới một trăm dặm một giờ, và khi chúng tôi ra tới xa lộ A4, bố tôi đã chứng thực điều đó. Chúng tôi nghỉ đêm tại Swann Arms, cũng là khách sạn ông đã nghỉ lại hơn hai mươi năm trước trước khi ông dự kỳ thi đầu vào. Trong bữa tối, bố tôi cho thấy rõ ông mong mỏi được thấy tôi vào học tại Eton đến mức nào, và suýt chút nữa tôi đã yếu lòng vào phút chót, song tôi đã hứa với Percy Bridport, và cảm thấy tôi không thể thất hứa với cậu ta.

Percy và tôi đã bắt tay thỏa thuận với nhau tại St. Bede, nhất trí rằng khi vào phòng thi, mỗi chúng tôi sẽ đăng ký bài thi bằng tên của người kia. Tôi thực sự rất khoái khi được tất cả mọi người gọi là “ngài,” cho dù chỉ là trong vài giờ.

Các bài thi không khó bằng những bài tôi đã phải làm nửa tháng trước khi thi vào Bristol Grammar School, và tôi cảm thấy mình đã làm nhiều hơn mức cần thiết để đảm bảo Percy sẽ được học tại Eton vào tháng Chín. Tuy nhiên, chúng vẫn đủ khó để tôi cảm thấy tự tin rằng ngài bá tước trẻ sẽ không làm tôi thất vọng.

Sau khi chúng tôi đã nộp bài thi và trở lại với danh tính thật của mình, tôi đi ăn chiều cùng bố tại Windsor. Khi ông hỏi tôi chuyện thi cử thế nào, tôi trả lời ông là tôi đã làm tốt nhất trong khả năng của mình. Ông dường như hài lòng với câu trả lời đó, và thậm chí còn bắt đầu tỏ ra thư thái, một điều khiến tôi cảm thấy có lỗi nhiều hơn. Tôi không mấy vui vẻ trong chuyến trở về Bristol, và còn cảm thấy tệ hại hơn nữa khi mẹ tôi cũng đưa ra những câu hỏi tương tự.

Mười ngày sau, tôi nhận được một lá thư *Tôi lấy làm tiếc phải thông báo với ngài từ trường Eton*. Tôi chỉ đạt được 32%, Percy đạt 56% và giành được một suất học vào học kỳ thu, một thông báo làm bố cậu ta mừng khôn tả và khiến thầy Frob không tài nào tin nổi.

Mọi thứ đáng lẽ đã có thể thuận buồm xuôi gió, nếu Percy không kể cho một người bạn của cậu ta cách nào mà cậu đã thi đỗ được vào Eton. Cậu bạn này lại kể với một cậu khác, anh chàng này lại kể cho một cậu bạn nữa, cậu ta đến lượt mình lại kể cho bố của Percy. Bá tước Bridport, vốn là một người trọng danh dự, lập tức thông báo cho hiệu trưởng của Eton. Kết quả của việc này là Percy bị đuổi học từ trước khi anh chàng kịp đặt chân vào trường. Nếu không có sự can thiệp trực tiếp của thầy Frob, rất có thể tôi đã phải chịu chung số phận tại Bristol Grammar School.

Bố tôi đã cố thuyết phục ông hiệu trưởng trường Eton rằng đó chỉ là một nhầm lẫn tên họ đơn thuần, và rằng vì trên thực tế tôi đã dành được mức kết quả 56% trong kỳ thi, tôi nên được ghi danh thế chỗ Bridport. Thứ lập luận này đã bị bác bỏ bằng cách gửi trả thư qua đường bưu điện, vì Eton không phải đang trong lúc cần thêm một tuyển thủ cricket nữa. Vậy là tôi đúng hẹn có mặt tại Bristol Grammar School vào ngày đầu tiên của học kỳ mới.

* * *

Trong năm đầu tiên, tôi ít nhiều đã khôi phục lại được danh tiếng của mình bằng cách ghi ba điểm một trăm cho đội cricket của trường và đến cuối mùa được nhận vào đội chính. Harry diễn vai Ursula trong vở *Quá nhiều rắc rối chẳng vì cái gì*, còn Deakins vẫn

là Deakins, vì thế chẳng ai ngạc nhiên khi cậu ta dành giải thưởng Học sinh Xuất sắc nhất Học kỳ Một.

Trong năm thứ hai của mình, tôi trở nên ý thức rõ hơn những khó khăn về tài chính mà mẹ Harry chắc đang phải trải qua khi tôi nhận ra cậu đi giày mà không buộc dây, và cậu ta thừa nhận không còn chỗ để buộc dây nữa vì đôi giày đã trở nên quá chật.

Vì thế, khi tiệm Tilly's bị cháy trụi chỉ vài tuần trước khi chúng tôi bước vào học kỳ thứ sáu, tôi không hoàn toàn ngạc nhiên khi biết Harry nghĩ rất có thể cậu không thể tiếp tục theo học ở trường. Tôi nghĩ tới việc sẽ hỏi bố xem liệu ông có thể giúp đỡ được gì hay không, nhưng mẹ nói làm thế chỉ mất thời gian vô ích. Vì vậy tôi rất mừng khi thấy cậu ta bước qua cổng trường vào ngày đầu tiên của học kỳ.

Cậu nói với tôi rằng mẹ cậu đã bắt đầu một công việc mới tại khách sạn Royal, làm việc ca đêm, và công việc này hóa ra đem lại thu nhập khả quan hơn nhiều so với những gì bà nghĩ ban đầu.

Trong kỳ nghỉ hè tiếp theo, thêm một lần nữa, tôi lại muốn mời Harry đi cùng gia đình tôi đến Tuscany, nhưng tôi biết bố tôi sẽ không chấp nhận ý tưởng đó. Nhưng vì Hiệp hội cảm thụ mỹ thuật, mà Harry đang là thư ký, đang lên kế hoạch cho một chuyến đi tới Rome, chúng tôi đã thống nhất sẽ gặp nhau ở đó, cho dù điều đó đồng nghĩa với việc tôi phải tới thăm biệt thự Borghese.

* * *

Mặc dù đang sống trong một cái bong bóng nho nhỏ của riêng chúng tôi ở vùng West Country, người ta không thể nào không biết đến những gì đang diễn ra trên lục địa.

Việc phong trào Quốc xã lên nắm quyền tại Đức, cũng như đảng Phát xít tại Ý, dường như không ảnh hưởng gì đến một người Anh bình thường, người vẫn bình thản thưởng thức một cốc rượu táo và một chiếc sandwich pho mát tại quán quen của anh ta vào một ngày Chủ nhật, trước khi tới xem, hay trong trường hợp của tôi là thi đấu, một trận cricket trên bãi cỏ của thị trấn vào buổi chiều. Trong nhiều năm trời, nhịp sống êm đềm này đã có thể tiếp tục duy trì vì một

cuộc chiến tranh nữa với nước Đức là điều chẳng ai nghĩ tới. Những người bố của chúng tôi đã chiến đấu trong cuộc chiến tranh để chấm dứt mọi cuộc chiến tranh, nhưng giờ đây điều không ai muốn nhắc tới dường như lại xuất hiện trên môi tất cả mọi người.

Harry nói với tôi một cách rạch ròi rằng nếu chiến tranh được tuyên bố, cậu ta sẽ không tới trường đại học mà nhập ngũ ngay lập tức, giống như bố và bác cậu ta đã làm chừng hai mươi năm trước. Bố tôi đã “bỏ lỡ cơ hội,” như cách ông nói, vì thật không may ông bị mù màu, và các nhà cầm quyền nghĩ ông sẽ phụng sự tốt hơn cho đất nước bằng cách ở lại vị trí của ông, giữ một vai trò quan trọng tại bến cảng. Cho dù tôi chưa bao giờ biết chắc chắn vai trò quan trọng ấy là gì.

* * *

Trong năm cuối của chúng tôi tại Bristol Grammar School, cả Harry và tôi đều quyết định sẽ đăng ký xin nhập học ở Oxford; Deakins đã được trao một học bổng tại Balliol College. Tôi muốn tới House, nhưng được người chuyên gia tư vấn cho sinh viên mới cho biết một cách lịch sự rằng trường này hiếm khi tuyển học sinh từ các trường như nơi tôi học, vậy nên tôi nhắm tới Brasenose, nơi từng được Bertie Wooster mô tả là một ngôi trường “nơi những bộ óc luôn ở đâu ở đâu.”

Vì Brasenose cũng là trường có nhiều sinh viên ưa thích môn cricket nhất, và tôi đã ghi được ba điểm một trăm trong năm cuối cùng làm đội trưởng của Bristol Grammar School, một trong số đó là tại Lord cho một trận của giải Public Schools XI, tôi cảm thấy mình hẳn sẽ có một cơ hội. Trên thực tế, thầy chủ nhiệm của tôi, tiến sĩ Paget, nói với tôi rằng khi tới dự phỏng vấn, nhiều khả năng người ta sẽ ném một quả bóng cricket về phía tôi khi tôi bước vào phòng. Nếu bắt được nó, tôi sẽ được nhận. Nếu bắt được chỉ bằng một tay, tôi sẽ có một suất học bổng. Chuyện này cuối cùng chỉ là nói đùa cho vui. Tuy nhiên, tôi buộc phải thừa nhận rằng trong lúc uống cùng ông hiệu trưởng, ông ta đã hỏi tôi về Hutton nhiều hơn Horace.

Còn có nhiều biến cố vui buồn lẫn lộn nữa diễn ra trong hai năm cuối tôi học tại trường: Jesse Owens dành bốn huy chương vàng tại Thế vận hội ở Berlin, ngay trước mũi Hitler, chắc chắn là một chuyện vui, trong khi việc Edward VIII thoái vị vì ông muốn cưới một phụ nữ Mỹ đã ly hôn, thì chắc chắn là một sự kiện đáng buồn.

Cả quốc gia dường như bị chia rẽ về việc nhà vua có nên thoái vị hay không, và giữa Harry và tôi cũng thế. Tôi không hiểu nổi tại sao một người đàn ông sinh ra để làm vua lại có thể sẵn sàng hy sinh ngai vàng để cưới một phụ nữ đã ly dị. Harry có vẻ đồng cảm hơn nhiều với nỗi khổ của nhà vua, cậu ta nói chúng tôi sẽ không thể hiểu những gì người đàn ông đáng thương kia đang phải trải qua cho tới khi chính chúng tôi biết thế nào là yêu. Tôi bác bỏ lý lẽ đó như một chuyện tầm phào, cho tới khi chuyển đi tới Rome đó làm thay đổi cuộc đời của cả hai chúng tôi.

Nếu Giles nghĩ rằng cậu ta đã học hành chăm chỉ trong những ngày cuối học tại St. Bede, vào hai năm cuối cùng tại Bristol Grammar School, cả cậu và Harry đã phải trở nên quen dần với giờ giấc mà chỉ có Deakins từng quen thuộc.

Tiến sĩ Paget, thầy chủ nhiệm của họ vào năm học này, đã nói rất rõ ràng với họ rằng nếu hai chàng trai hy vọng có được một chỗ tại Oxford hay Cambridge, họ cần phải quên đi mọi hoạt động khác, vì sẽ cần đến mọi khoảnh khắc mở mắt của mình để chuẩn bị cho kỳ thi tuyển sinh.

Giles đang hy vọng được trở thành đội trưởng đội cricket của trường vào năm cuối, trong khi Harry háo hức nhắm tới vai chính trong vở kịch của trường. Tiến sĩ Paget nhướng mày lên khi ông nghe tới điều này, cho dù *Romeo và Juliet* là tác phẩm được Oxford lựa chọn năm đó. “Hãy đảm bảo chắc chắn rằng em không đăng ký thêm hoạt động nào khác,” ông kiên quyết nói.

Harry miễn cưỡng chia tay ban đồng ca, việc này giúp cậu có thêm hai buổi tối rảnh rỗi mỗi tuần để học. Tuy nhiên, có một hoạt động không học sinh nào được miễn trừ: vào tất cả các ngày thứ Ba và thứ Năm, đúng bốn giờ chiều, tất cả các chàng trai cần có mặt tại sân diễu hành, ăn mặc chỉnh tề, sẵn sàng để điếm danh với tư cách thành viên Lực lượng Học viên sĩ quan Liên hợp.

“Chúng ta không thể cho phép Đám thanh niên của Hitler nghĩ rằng nếu nước Đức đủ ngu ngốc để tuyên chiến với chúng ta thêm một lần thứ hai, chúng ta sẽ chưa sẵn sàng chào đón chúng,” viên thượng sĩ hô lớn.

Mỗi lần cựu thượng sĩ Robert nói những lời này, một cơn phấn khích đến gai người lại lan đi trong hàng ngũ các chàng trai trẻ, những người nhận ra sau từng ngày trôi qua rằng nhiều khả năng họ sẽ trở thành sĩ quan cấp thấp phục vụ ngoài tiền tuyến tại một chiến trường ngoại quốc nào đó thay vì đến các trường đại học bắt đầu cuộc đời sinh viên.

Harry đón nhận những lời nói của ông thượng sĩ một cách nghiêm túc và nhanh chóng được thăng lên làm học viên phụ trách. Giles thì đón nhận chúng một cách hời hợt hơn, biết rằng nếu được gọi nhập ngũ, giống như bố mình, cậu có thể chọn cho mình một lối thoát dễ dàng và nhắc nhà chức trách nhớ tới chứng mù màu để tránh phải ra trận đối diện với kẻ thù.

Deakins không mấy quan tâm tới toàn bộ quá trình này, tuyên bố với sự chắc chắn không cho phép đưa ra bất cứ lý lẽ tranh luận nào, “Cậu sẽ không cần phải biết cách tháo lắp một khẩu súng Bren như thế nào khi phục vụ trong lực lượng tình báo.”

Đến khi những đêm mùa hè dài dằng dặc dần kết thúc, tất cả các học sinh đều đã sẵn sàng cho kỳ nghỉ hè trước khi quay trở lại trường cho năm học cuối, vào cuối năm học này họ sẽ thêm một lần nữa phải bước vào các kỳ thi. Trong vòng một tuần sau khi học kỳ kết thúc, cả ba chàng trai đều đã lên đường đi nghỉ hè: Giles đi cùng gia đình đến biệt thự của họ tại Tuscany, Harry tới Rome cùng Hiệp hội Cảm thụ Mỹ thuật của trường, còn Deakins vui đầu trong Thư viện Trung tâm Bristol, tránh mọi liên hệ với bất cứ thành viên nào khác của nhân loại, bất chấp việc cậu ta vốn đã được dành cho một chỗ tại Oxford.

* * *

Theo năm tháng, Giles dần phải chấp nhận rằng nếu cậu muốn gặp Harry vào kỳ nghỉ, cậu cần đảm bảo bố mình không biết được cậu đang có ý định gì, nếu không cả những dự định hay ho nhất... Nhưng để làm được thế, cậu thường phải viện đến cô em gái Emma tham gia vào âm mưu, và cô nàng chẳng bao giờ bỏ lỡ cơ hội bắt

cậu hy sinh một cái gì đó của mình trước khi chấp nhận làm kẻ đồng lõa.

“Nếu em chịu mở lời gọi chuyện trong bữa tối, anh sẽ hưởng ứng theo,” Giles nói sau khi cậu ta đã tiết lộ kế hoạch mới nhất của mình cho cô em.

“Nghe có vẻ hợp lý đấy,” Emma đáp đầy mỉa mai.

Sau khi món ăn đầu tiên đã được đưa lên, Emma ngây thơ hỏi mẹ cô rằng liệu bà có thể đưa cô tới thăm biệt thự Borghese vào ngày hôm sau hay không, vì cô giáo dạy mỹ thuật của cô đã nói với cô rằng đó là một nơi nhất thiết phải ghé thăm. Cô bé biết thừa mẹ cô đã có kế hoạch khác.

“Mẹ rất xin lỗi, con gái yêu quý,” bà nói, “nhưng bố con và mẹ sẽ tới ăn trưa với gia đình Henderson ở Arezzo vào ngày mai mất rồi. Bố mẹ sẽ rất hoan nghênh nếu con đi cùng.”

“Không có gì ngăn cản Giles đưa con tới Rome cả,” bố cô chen vào từ phía bên kia bàn ăn.

“Con nhất thiết phải làm việc đó sao?” Giles lên tiếng, cậu vốn vừa định đưa ra lời đề nghị tương tự.

“Đúng vậy, con phải làm thế,” bố cậu kiên quyết nói.

“Nhưng để làm gì kia bố? Vừa đến nơi, bọn con sẽ lại phải quay về. Thật chẳng bõ công.”

“Không cần phải vậy nếu các con nghỉ qua đêm tại khách sạn Plaza. Sáng mai việc đầu tiên bố làm là sẽ gọi điện cho họ và đặt trước hai phòng.”

“Anh chắc chúng đã đủ trưởng thành cho việc này rồi chứ?” bà Barrington hỏi, không khỏi có chút lo lắng.

“Vài tuần nữa là Giles sẽ mười tám tuổi. Đã đến lúc nó cần tỏ ra trưởng thành và gánh vác một chút trách nhiệm.”

Giles cúi gằm mặt xuống như thể miễn cưỡng chịu nhượng bộ.

Sáng hôm sau, một chiếc taxi chờ cậu và Emma tới nhà ga địa phương vừa kịp giờ để đón chuyến tàu sớm buổi sáng tới Rome.

“Hãy chăm sóc cẩn thận cho em gái con,” là những lời cuối cùng của ông bố trước khi hai anh em rời biệt thự.

“Được mà bố,” Giles hứa trong lúc chiếc xe chuyển bánh.

Vài người đàn ông đứng dậy nhường chỗ cho Emma khi cô bước chân lên toa tàu, còn Giles phải đứng trong suốt chuyến đi. Tới Rome, hai anh em thuê một chiếc taxi tới Via del Corso, và sau khi lấy phòng khách sạn, họ tiếp tục lên đường tới biệt thự Borghese. Giles không khỏi ngạc nhiên khi thấy có rất nhiều thanh niên không hơn tuổi cậu ta là mấy đang mặc quân phục, và hầu như tất cả các cây cột và trụ đèn hai anh em nhìn thấy đều dán một bức chân dung của Mussolini.

Sau khi xuống taxi, hai anh em cùng tản bộ qua các khu vườn, đi ngang qua thêm nhiều người mặc quân phục và nhiều bức chân dung nữa của Il Duce trước khi tới được tòa biệt thự Borghese đồ sộ như một cung điện.

Harry đã viết thư cho Giles báo cho cậu biết rằng họ sẽ chính thức bắt đầu chuyến tham quan vào lúc mười giờ sáng. Giles xem đồng hồ - đã quá mười một giờ được vài phút, nếu cậu gặp may thì tua tham quan cũng sắp kết thúc. Cậu mua hai vé, đưa một vé cho Emma, vội vã lao lên các bậc cấp, vào trong phòng trưng bày và tìm kiếm đoàn tham quan của trường. Emma tức tặc ngắm nghía chiêm ngưỡng những bức tượng của Bernini chiếm vị trí nổi bật trong bốn căn phòng đầu tiên, nhưng vậy đấy, cô đâu có gì phải vội. Giles đi từ phòng trưng bày này sang phòng trưng bày khác cho tới khi trông thấy một nhóm các chàng trai trẻ mặc áo vét sẫm màu và quần vải flannel màu đen, đang đứng xúm quanh bức chân dung một người đàn ông lớn tuổi mặc áo tu sĩ màu kem và đội một chiếc mũ tế màu trắng.

“Họ kia rồi,” cậu lên tiếng nhưng không còn thấy bóng dáng Emma đâu nữa. Không bận tâm nghĩ ngợi gì thêm tới cô em gái, cậu hướng tới phía nhóm người đang chăm chú lắng nghe lời thuyết minh. Ngay khi nhìn thấy cô gái đó, chàng thanh niên gần như quên biến lý do khiến cậu ta tới Rome.

“Caravaggio đã được yêu cầu vẽ bức chân dung này của Giáo hoàng Paul V vào năm 1605,” cô gái nói, với một khẩu âm nhẹ nhàng. “Các bạn có thể thấy bức tranh vẫn chưa hoàn thành, và nguyên do là vì họa sĩ đã phải chạy trốn khỏi Rome.”

“Tại sao vậy, thưa cô?” một cậu trai trẻ đứng trên hàng đầu cất tiếng hỏi, anh chàng rõ ràng đang có ý định thế chỗ Deakins vào một

thời điểm nào đó trong tương lai.

“Bởi vì ông ta can dự vào một vụ ẩu đả trong lúc say rượu, và rốt cục đã giết chết một người.”

“Người ta có bắt giữ ông ta không?” vẫn cậu trai kia hỏi tiếp.

“Không,” cô nữ hướng dẫn viên nói, “Caravaggio luôn kịp tẩu thoát tới thành phố tiếp theo trước khi lực lượng thực thi luật pháp đuổi kịp ông ta, và cuối cùng thì Đức Thánh Cha đã quyết định ân xá cho ông ta.”

“Tại sao?” vẫn là cậu thanh niên kia.

“Vì ông ta muốn Caravaggio vẽ thêm vài bức tranh nữa cho mình. Một trong số đó nằm trong số mười bảy tác phẩm mà chúng ta vẫn có thể thấy ở Rome ngày nay.”

Vào khoảnh khắc đó, Harry thấy Giles đang nhìn chăm chú đầy ngưỡng mộ về phía bức tranh. Cậu rời khỏi nhóm học sinh, bước lại phía bạn mình. “Cậu đứng đó bao lâu rồi?” cậu hỏi.

“Đủ lâu để bắt đầu yêu,” Giles nói, đôi mắt vẫn nhìn chăm chăm về phía cô nàng hướng dẫn viên.

Harry bật cười khi nhận ra không phải Giles đang chăm chú nhìn vào bức tranh, mà là cô gái trẻ thanh lịch đầy kiêu kỳ đang giới thiệu cho đám học sinh. “Tớ nghĩ quý cô này hơi nằm ngoài độ tuổi của chúng ta,” Harry nói, “và thậm chí tớ còn nghi ngờ cả đẳng cấp của cậu nữa.”

“Tớ sẵn sàng mạo hiểm,” Giles nói trong lúc cô nàng hướng dẫn viên dẫn nhóm khách tham quan của mình sang căn phòng bên cạnh. Giles ngoan ngoãn bám theo và chọn cho cậu ta một vị trí để có thể nhìn rõ được cô gái, trong khi các thành viên còn lại trong nhóm chăm chú chiêm ngưỡng bức tượng *Paolina Borghese* của Canova, “rất có thể là nhà điêu khắc vĩ đại nhất từ trước tới nay,” cô nói. Giles đương nhiên sẽ không bắt đồng quan điểm với cô nàng.

“Vậy là chúng ta đã đi tới điểm cuối của tua tham quan,” cô thông báo. “Nhưng nếu các bạn có thêm bất cứ câu hỏi nào, tôi sẽ vẫn ở lại đây thêm vài phút nữa, vì thế đừng ngần ngại đặt câu hỏi.”

Giles không hề do dự.

Harry quan sát với vẻ đầy thú vị trong lúc bạn cậu sải bước tới bên cô gái trẻ người Ý và bắt đầu huyền thoại trò chuyện với cô

nàng như thể họ là hai người bạn cũ. Thậm chí cậu trai đứng trên hàng đầu cũng không dám chen ngang ngắt lời anh chàng. Giles quay lại bên Harry sau đó vài phút, trên khuôn mặt rạng rỡ một nụ cười.

“Nàng đã nhận lời đi ăn tối với tớ đêm nay.”

“Tớ không tin đâu,” Harry nói.

“Nhưng có một rắc rối nhỏ,” Giles nói thêm, phớt lờ hoàn toàn vẻ ngờ vực trên khuôn mặt bạn mình.

“Tớ ngờ là nhiều hơn một đấy.”

“... có thể khắc phục được với sự trợ giúp của cậu.”

“Cậu cần một người tháp tùng,” Harry đoán, “để phòng trường hợp mọi thứ trở nên ngoài vòng kiểm soát.”

“Không phải thế, đồ ngốc. Tớ muốn cậu trông coi em gái tớ trong lúc Caterina giới thiệu đời sống về đêm của Rome với tớ.”

“Quên đi,” Harry nói. “Tớ không đi tới tận Rome chỉ để làm chân trông trẻ cho cậu.”

“Nhưng cậu là bạn thân nhất của tớ,” Giles nài nỉ. “Nếu cậu không giúp tớ, tớ biết trông cậy vào ai đây?”

“Sao cậu không thử Paolina Borghese? Tớ nghĩ cô ta chưa có kế hoạch nào tối nay đâu.”

“Tất cả những gì cậu phải làm là dẫn nó đi ăn tối, và đảm bảo nó lên giường đi ngủ trước mười giờ tối.”

“Thứ lỗi cho tớ vì đã nhắc lại, Giles, nhưng tớ nghĩ cậu đến Rome để ăn tối với tớ kia mà?”

“Tớ sẽ đưa cậu một nghìn lira nếu cậu trông coi con bé giúp tớ. Và chúng ta vẫn có thể ăn sáng với nhau tại khách sạn của tớ vào sáng mai.”

“Tớ không dễ bị mua chuộc vậy đâu.”

“Và,” Giles nói, đưa ra lá bài tẩy của cậu ta, “tớ sẽ tặng cậu luôn cái đĩa của Caruso ghi âm bài hát *Cô gái Boheme* của tớ.”

Harry quay sang và nhìn thấy một cô gái trẻ đang đứng bên cạnh mình.

“Nhân đây,” Giles nói, “xin giới thiệu với cậu em gái tớ, Emma.”

“Xin chào,” Harry nói. Quay trở lại Giles, cậu nói, “Cậu vừa đạt được một thỏa thuận.”

* * *

Harry tới khách sạn Plaza để ăn sáng cùng Giles vào ngày hôm sau, người bạn chào đón cậu vẫn với nụ cười huênh hoang thường thấy mỗi khi cậu ta thực hiện được cú ghi điểm một trăm.

“Vậy Caterina thế nào?” Harry hỏi, không thực sự muốn nghe câu trả lời cho lắm.

“Hơn cả những giấc mơ điên rồ nhất của tớ.”

Harry vừa định hỏi cụ thể hơn thì một người phục vụ xuất hiện bên cạnh cậu. “*Cappuccino, per favore.*” Sau đó cậu hỏi, “Vậy cô nàng để cậu đi xa tới đâu?”

“Từ A đến Z,” Giles nói.

Harry há hốc miệng, nhưng không có lời nói nào phát ra. “Cậu đã...”

“Tớ đã làm gì cơ?”

“Cậu đã...” Harry cố thử lại.

“Sao cơ?”

“Nhìn thấy cô ta khỏa thân?”

“Phải, tất nhiên rồi.”

“Cả người sao?”

“Đương nhiên,” Giles đáp trong khi một tách cà phê được đặt xuống trước mặt Harry.

“Từ trên xuống dưới à?”

“Tất tần tật,” Giles nói. “Và ý tớ là tất tần tật.”

“Cậu có được sờ ngực cô ta không?”

“Thực ra là tớ còn được liếm đầu ngực nàng cơ,” Giles nói, rồi uống một ngụm cà phê.

“Cậu làm gì cơ?”

“Cậu nghe tớ nói rồi còn gì,” Giles nói.

“Nhưng chẳng lẽ cậu đã, ý tớ là, cậu đã...”

“Phải, tớ đã làm chuyện đó.”

“Bao nhiêu lần?”

“Tớ cũng không nhớ nổi nữa,” Giles đáp. “Nàng quả là không biết thỏa mãn. Bảy, có khi là tám lần. Nàng không cho tớ ngủ chút nào. Và chắc tớ vẫn còn ở đó giờ này nếu nàng không phải có mặt tại bảo tàng Vatican vào lúc mười giờ sáng để giới thiệu cho đám khách du lịch tiếp theo.”

“Nhưng nếu cô nàng có thai thì sao?” Harry hỏi.

“Đừng ngây thơ thế chứ Harry. Hãy cố nhớ nàng là người Ý.” Sau một ngụm cà phê nữa, Giles hỏi. “Thế em gái tớ cư xử thế nào?”

“Thức ăn tuyệt vời, và cậu còn nợ tớ cái đĩa Caruso.”

“Tệ đến mức đó sao? Chà, không thể có chuyện ai cũng là người thắng được.”

Không ai trong hai chàng trai để ý thấy Emma bước vào căn phòng cho tới khi cô gái đã đứng cạnh họ. Harry đứng dậy, nhường chỗ cho cô gái ngồi. “Rất xin lỗi phải chia tay hai người,” cậu nói, “nhưng tớ phải có mặt tại bảo tàng Vatican trước mười giờ.”

“Hãy gửi tới Caterina tình yêu của tớ,” Giles lớn tiếng gọi với theo trong lúc Harry gần như chạy ra khỏi phòng ăn sáng.

Giles đợi cho tới khi Harry đi khuất trước khi hỏi em gái, “VẬY TÔI QUÁ THẾ NÀO?”

“Còn có thể tệ hơn nữa sao,” cô gái đáp, cầm lấy một cái bánh sừng bò. “Ông bạn của anh, anh ta có vẻ hơi nghiêm túc quá thì phải?”

“Em phải gặp Deakins cơ.”

Emma bật cười, “Ừ thì, ít nhất thức ăn cũng rất tuyệt. Nhưng đừng quên, bây giờ em là chủ nhân cái máy quay đĩa của anh.”

Sau này Giles đã mô tả rằng đó là buổi tối đáng nhớ nhất trong đời cậu - và vì những lý do hoàn toàn sai lầm.

Buổi trình diễn kịch hàng năm là một trong những sự kiện quan trọng nhất trong thời gian biểu của Bristol Grammar School, không đơn thuần chỉ vì thành phố luôn tự hào về lịch sử sân khấu đáng ngưỡng mộ của mình, và vì năm 1937 đã chứng tỏ là một năm đáng ghi nhớ.

Trường học này, cũng như nhiều trường khác trong hạt, dàn dựng một trong những vở kịch đã được ấn định của Shakespeare cho năm học. Sự lựa chọn giữa *Romeo và Juliet* với *Giấc mộng đêm hè*. Tiến sĩ Paget đã chọn vở bi kịch thay vì hài kịch, không đơn thuần chỉ vì ông đã có trong tay một Romeo và không có Bottom nào.

Lần đầu tiên trong lịch sử của trường, các quý cô trẻ tuổi đến từ trường nữ sinh Red Maids tọa lạc phía bên kia thành phố được mời tham gia đóng các vai nữ, nhưng cũng chỉ sau khi vài cuộc thương thảo đã diễn ra với cô Webb, bà hiệu trưởng trường nữ sinh, người đã nhất quyết đòi hỏi một loạt các yêu cầu quy định chặt chẽ có thể khiến ngay cả mẹ bè trên cũng phải ấn tượng.

Vở kịch sẽ được trình diễn trong ba tối liên tiếp vào tuần cuối cùng của học kỳ. Như thường lệ, buổi diễn tối thứ Bảy luôn được bán hết vé trước tiên, vì các cựu học sinh cũng như phụ huynh của các diễn viên đều muốn tới xem đêm biểu diễn cuối cùng.

Giles đang bồn chồn đứng ngoài tiền sảnh, chốc chốc lại nhìn đồng hồ trong lúc sốt ruột chờ bố mẹ và em gái tới. Cậu hy vọng

Harry sẽ lại có một màn trình diễn xuất sắc nữa, và cuối cùng bố cậu cũng sẽ chấp nhận Harry.

Những lời bình luận trên tờ *Bristol Evening World* mô tả khả năng diễn xuất của Harry là “trường thành hơn so với độ tuổi”, nhưng người phóng viên đã dành những lời ca ngợi nhiệt thành nhất cho Juliet nhấn mạnh rằng anh ta chưa từng được chứng kiến cảnh cái chết được diễn xúc động hơn thế, ngay cả tại Stratford.

Giles bắt tay thầy Frobisher khi ông này bước vào tiền sảnh. Người thầy phụ trách nhà nội trú cũ của cậu giới thiệu vị khách ông mời tới cùng, một ông Holcombe nào đó, trước khi hai người cùng đi vào trong khán phòng để tìm tới chỗ ngồi của họ.

Một tràng rì rào vang lên trong đám đông khán giả khi đại úy Tarrant bước dọc theo lối đi giữa khán phòng và ngồi xuống chỗ của ông ngay hàng ghế đầu. Việc bổ nhiệm ông vào hội đồng quản trị của nhà trường gần đây đã nhận được sự tán thành tuyệt đối. Trong lúc ông cúi người sang bên nói vài lời với ông chủ tịch hội đồng, ông nhìn thấy Maisie Clifton đang ngồi cách mình vài hàng ghế ở phía sau. Ông dành cho cô một nụ cười ấm áp, nhưng không nhận ra người đàn ông ngồi cạnh cô. Điều ngạc nhiên tiếp theo tới khi ông xem qua danh sách diễn viên.

Ông hiệu trưởng và bà Barton là hai trong số những khán giả cuối cùng bước vào khán phòng lớn. Họ ngồi vào chỗ trên hàng ghế đầu bên cạnh Sir Walter Barrington và đại úy Tarrant.

Mỗi phút trôi qua, Giles lại trở nên bồn chồn hơn. Cậu bắt đầu băn khoăn không biết liệu bố mẹ mình có kịp xuất hiện trước khi mở màn hay không.

“Mẹ xin lỗi, Giles,” mẹ cậu nói khi cuối cùng họ cũng xuất hiện. “Là tại mẹ, mẹ đã quên không để ý đến thời gian,” bà nói thêm trong lúc bà và Grace hối hả đi vào trong khán phòng. Bố cậu đi cách sau đó khoảng một yard và nhướn mày lên khi ông ta nhìn thấy con trai. Giles không đưa cho bố cậu tờ chương trình vì cậu muốn buổi trình diễn trở thành một điều ngạc nhiên, mặc dù cậu đã chia sẻ chuyện này với mẹ cậu, người cũng giống như con trai mình, hy vọng rằng chồng bà cuối cùng cũng sẽ cư xử với Harry như thể cậu là một người bạn của gia đình chứ không phải một kẻ xa lạ.

Màn được kéo lên chỉ giây lát sau khi gia đình Barrington ngồi vào ghế của họ, và một âm thanh xì xầm chờ đón lan ra trong khán phòng chật kín khán giả.

Khi Harry lần đầu tiên bước ra sân khấu, Giles đưa mắt nhìn về phía bố mình. Vì không có phản ứng tức thời nào xuất hiện, lần đầu tiên trong cả buổi tối, cậu bắt đầu cảm thấy nhẹ nhõm. Nhưng trạng thái đáng phấn khởi này chỉ được duy trì cho tới cảnh vũ hội, nơi Romeo, cũng như Hugo, lần đầu tiên được trông thấy Juliet.

Một số khán giả ngồi gần chỗ gia đình Barrington bắt đầu cảm thấy khó chịu vì một người đàn ông ồn ào làm hỏng mất buổi thưởng thức nghệ thuật của họ với những lời lảm bảm lớn tiếng và không ngớt đòi xem một tờ chương trình. Họ còn trở nên bức dọc hơn sau khi Romeo nói, “Chẳng phải nàng ấy là con gái của nhà Capulet sao?” vì vào thời điểm đó Hugo Barrington đứng bật dậy, àm àm lao ra khỏi hàng ghế, chẳng buồn để ý xem ông ta có dẫm lên chân ai hay không. Sau đó, ông ta bước theo lối đi ở giữa khán phòng, lao qua khung cửa đẩy và biến mất ngoài màn đêm. Phải mất một lúc sau Romeo mới hoàn toàn trấn tĩnh lại được.

Sir Walter cố gắng tạo ra ấn tượng như thể ông không hề nhận thấy có chuyện gì vừa xảy ra sau lưng mình, và cho dù đại úy Tarrant cau mày, ông lão vẫn không hề rời mắt khỏi sân khấu. Nếu quay người lại, hẳn ông đã thấy bà Clifton cũng hoàn toàn tảng lờ cuộc ra về bất thành linh của Barrington, vì Maisie đang để cả tâm trí dõi theo từng lời hai người tình trẻ nói trên sân khấu.

Trong thời gian nghỉ giải lao, Giles chạy đi tìm bố cậu nhưng không thể tìm thấy ông. Cậu kiểm tra ngoài bãi xe, nhưng không thấy bóng dáng chiếc Bugatti đâu. Khi chàng thanh niên quay lại tiền sảnh, cậu thấy ông nội đang cúi xuống thì thầm gì đó vào tai mẹ cậu.

“Chẳng lẽ Hugo phát điên rồi sao?” Sir Walter hỏi.

“Không, anh ấy vẫn đủ tỉnh táo đấy ạ,” Elizabeth nói, không hề che giấu sự tức giận của mình.

“Vậy thì có Chúa chứng giám nó nghĩ mình đang làm gì vậy chứ?”

“Con không rõ.”

“Chẳng lẽ việc này lại có gì liên quan tới cậu bé Clifton kia hay sao?” Elizabeth hẳn đã trả lời nếu Jack Tarrant không bước tới bên

họ. “Con gái cô quả là một tài năng đáng chú ý, Elizabeth,” ông nói sau khi hôn tay người thiếu phụ, “cũng như lợi thế được thừa hưởng vẻ đẹp của cô.”

“Và ông quả là một kẻ tăng bốc già đời, Jack,” bà nói, trước khi nói thêm, “Tôi không nghĩ ông từng gặp con trai tôi, Giles.”

“Chúc ông một buổi tối tốt lành, thưa ông,” Giles nói. “Quả là một ân hạnh lớn lao khi được gặp ông. Cho phép cháu được chúc mừng việc đề bạt gần đây của ông.”

“Cảm ơn cậu, chàng trai,” Tarrant nói. “Cậu thấy thế nào về màn trình diễn của bạn mình?”

“Rất ấn tượng, nhưng ông có biết...”

“Xin chào bà, bà Barrington.”

“Xin chào thầy, thầy hiệu trưởng.”

“Chắc tôi đang phải gia nhập vào một hàng dài những người mong muốn được bày tỏ...”

Giles nhìn theo trong khi đại úy Tarrant tách ra khỏi đám đông tìm đến bên mẹ Harry, và thầm tự hỏi hai người đã quen nhau như thế nào.

“Thật vui được gặp ông, đại úy Tarrant.”

“Tôi cũng rất vui được gặp lại bà, bà Clifton, và trông bà tối nay thật lộng lẫy làm sao. Nếu Cary Grant biết rằng có một nhan sắc như thế này tồn tại ở Bristol, chắc anh ta sẽ không bao giờ rời bỏ chúng ta để tới Hollywood.” Sau đó ông hạ giọng xuống. “Bà có biết việc Emma Barrington sẽ diễn vai Juliet không?”

“Không, Harry không hề nói cho tôi biết,” Maisie nói. “Mà suy cho cùng sao nó lại phải nói chứ?”

“Chúng ta hãy hy vọng rằng cảm tình hai đứa dành cho nhau trên sân khấu không là gì khác hơn là diễn xuất tốt, bởi nếu đó là những gì chúng thực sự cảm thấy về nhau, có thể chúng ta đang gặp phải một rắc rối nghiêm trọng hơn nhiều.” Ông lão nhìn quanh để đảm bảo không ai nghe thấy cuộc trò chuyện của họ. “Tôi đoán bà vẫn chưa nói gì với Harry đúng không?”

“Không một lời,” Maisie nói. “Và từ thái độ khó chịu của Barrington, có vẻ như chính anh ta cũng bị bắt ngờ.”

“Chúc buổi tối tốt lành, đại úy Tarrant,” cô Monday lên tiếng, chạm nhẹ lên cánh tay Jack. Cô Tilly đang đứng bên cạnh bà. “Ông thật chu đáo khi cất công đi từ tận London xuống đây xem truyền nhân của ông trình diễn.”

“Cô Monday thân mến của tôi,” Tarrant nói, “Harry cũng là chàng trai được cô bảo trợ ở mức độ chẳng kém gì tôi, và cậu ấy sẽ rất vui khi biết cô đi cả quãng đường từ Cornwall tới đây xem cậu ấy biểu diễn.” Khuôn mặt cô Monday sáng lên rạng rỡ, đúng lúc tiếng chuông vang lên báo với khán giả đã tới lúc quay lại chỗ ngồi.

Sau khi mọi người đã trở lại chỗ, màn được kéo lên cho phần thứ hai của vở diễn, cho dù còn một ghế ở hàng thứ sáu vẫn còn bị bỏ trống. Cảnh cái chết khiến một số khán giả chưa bao giờ khóc ở chỗ đông người phải ứa nước mắt, trong khi cô Monday chưa bao giờ khóc nhiều đến thế kể từ ngày Harry vỡ giọng.

Khi màn hạ, toàn bộ khán giả nhất loạt đứng dậy. Harry và Emma được chào đón bằng một tràng hoan hô vang dội khi họ bước ra trước sân khấu, tay trong tay, và những người đàn ông trưởng thành, vốn hiếm khi để lộ cảm xúc, hào hứng tán thưởng nhiệt liệt.

Khi hai diễn viên chính quay sang cúi chào nhau, bà Barrington mỉm cười và đỏ mặt. “Lạy Chúa lòng lành, không phải chúng đang diễn xuất,” bà thốt lên, đủ lớn để Giles nghe thấy. Ý nghĩ tương tự cũng lóe lên trong đầu Maisie Clifton và Jack Tarrant từ lâu trước khi các diễn viên ra cúi chào lần cuối cùng.

Bà Barrington, Giles và Grace đi tới sau cánh gà và tìm thấy Romeo và Juliet vẫn còn đang cầm tay nhau trong khi khán giả xếp thành hàng chờ tới lượt dành cho họ những lời khen ngợi.

“Cậu tuyệt lắm,” Giles nói, vỗ mạnh lên lưng bạn mình.

“Mình cũng thường thôi,” Harry nói, “nhưng Emma thì quả là kỳ diệu.”

“Vậy chuyện này đã bắt đầu từ bao giờ hả?” Giles thì thầm hỏi.

“Ở Rome,” Harry thừa nhận với một nụ cười đầy ngụ ý.

“Hãy thử nghĩ xem tớ đã phải hy sinh đĩa hát Caruso của tớ, chưa kể đến cái máy quay đĩa nữa, để đưa hai người lại với nhau.”

“Cũng như trả tiền cho bữa tối hẹn hò đầu tiên của bọn mình.”

“Bố đâu rồi anh?” Emma vừa hỏi vừa nhìn quanh.

Grace vừa định nói cho chị gái biết chuyện gì đã xảy ra thì đại úy Tarrant xuất hiện.

“Chúc mừng, chàng trai của ta,” ông nói. “Trông cháu hôm nay ấn tượng lắm.”

“Cháu cảm ơn ông,” Harry nói, “nhưng cháu không nghĩ ông đã gặp qua ngôi sao thực sự của buổi diễn.”

“Đúng là chưa, nhưng cho phép tôi đoán chắc với cô, thưa tiểu thư, nếu tôi trẻ lại bốn mươi tuổi, tôi sẽ đảm bảo để tất cả đối thủ của mình phải cuốn gói.”

“Ông không có đối thủ nào hết trong tình cảm của cháu,” Emma nói. “Harry không chịu ngưng kể ông đã làm cho anh ấy nhiều đến thế nào.”

“Đó là một con đường hai chiều,” Jack nói trong khi Harry nhìn thấy mẹ cậu và lao tới ôm chầm lấy bà.

“Mẹ rất tự hào về con,” Maisie nói.

“Con cảm ơn mẹ. Nhưng mẹ cho phép con giới thiệu mẹ với Emma Barrington,” cậu nói, đồng thời đưa một cánh tay ôm quanh hông Emma.

“Bây giờ thì cháu biết tại sao con trai cô lại đẹp trai đến thế,” Emma nói trong lúc cô gái bắt tay mẹ Harry. “Cho phép cháu giới thiệu mẹ cháu,” cô nói thêm.

Đây là một cuộc gặp gỡ Maisie đã nghĩ đến suốt nhiều năm qua, nhưng cô chưa bao giờ từng nghĩ tới hoàn cảnh này. Cô có phần e dè khi bắt tay Elizabeth Barrington, nhưng được chào đón bằng một nụ cười nồng hậu đến mức cô có thể nhanh chóng thấy rõ người phụ nữ này không hề biết đến khả năng về một mối liên hệ nào đó giữa họ.

“Còn đây là ông Atkins,” Maisie nói, giới thiệu người đàn ông vẫn ngồi cạnh cô trong suốt buổi biểu diễn.

Harry chưa bao giờ gặp qua ông Atkins trước đây. Nhìn vào chiếc áo khoác lông thú của mẹ, cậu tự hỏi có phải Atkins chính là lý do khiến cậu giờ đây có ba đôi giày hay không.

Chàng thanh niên đang định bắt chuyện với ông Atkins thì tiến sĩ Paget chen ngang vào, ông này rất háo hức muốn giới thiệu cậu với giáo sư Henry Wyld. Harry ngay lập tức nhận ra cái tên này.

“Tôi được biết cậu đang hy vọng tới Oxford để học Anh văn,” giáo sư Wyld nói.

“Chỉ nếu như em được thầy giảng dạy, thưa giáo sư.”

“Tôi có thể thấy sức hấp dẫn của Romeo đã không bị bỏ lại trên sân khấu.”

“Và đây là Emma Barrington, thưa giáo sư.”

Vị giáo sư Ngôn ngữ và Văn học Anh của trường Merton thuộc Oxford khẽ cúi đầu. “Cô thật sự tuyệt vời, thưa tiểu thư.”

“Xin cảm ơn thầy, thưa giáo sư,” Emma nói. “Em cũng đang hy vọng có dịp được giáo sư giảng dạy,” cô gái nói thêm. “Em đã nộp đơn xin đăng ký vào Somerville vào năm học tới.”

Jack Tarrant đưa mắt về phía bà Clifton, và bắt gặp vẻ kinh hoàng không giấu nổi trên đôi mắt cô.

“Ông nội,” Giles lên tiếng khi chủ tịch hội đồng quản lý tới gia nhập với họ. “Cháu chắc ông chưa biết bạn cháu, Harry Clifton.”

Sir Walter nồng nhiệt bắt tay Harry trước khi đưa cánh tay ôm chầm lấy cháu gái mình. “Hai đứa cháu đã làm một ông lão cảm thấy vô cùng tự hào,” ông nói.

Với Jack và Maisie, sự thật đã trở nên rõ ràng một cách đau đớn là “hai người tình có ngôi sao định mệnh gặp nhau” không hề biết gì về những rắc rối họ vừa bắt đầu tạo nên.

* * *

Sir Walter ra lệnh cho lái xe riêng của ông đưa bà Barrington và các con trở về Manor House. Bất chấp màn trình diễn tuyệt vời của Emma, mẹ cô không hề cố gắng che giấu cảm xúc của bà trong lúc chiếc xe lao đi trên con đường hướng về phía Chew Valley. Khi xe chạy qua cánh cổng và dừng lại trước tòa nhà, Giles nhận thấy đèn ngoài phòng khách vẫn sáng.

Sau khi người lái xe mời họ xuống xe, Elizabeth bảo Giles, Emma và Grace lên phòng đi ngủ với giọng nói chưa ai trong mấy anh em từng nghe thấy từ nhiều năm qua, trong khi bà đi về phía phòng khách. Giles và Emma miễn cưỡng bước lên bậc cầu thang rộng

nhưng ngồi xuống bậc thang trên cùng ngay khi bà mẹ đi khuất khỏi tầm nhìn, trong khi Grace ngoan ngoãn quay về phòng. Giles thậm chí còn tự hỏi liệu có phải mẹ cậu đã cố ý để cửa phòng hé mở.

Khi Elizabeth bước vào phòng, chồng bà thậm chí còn không buồn đứng dậy. Bà nhìn thấy một chai whisky đã vơi mất một nửa và một cái cốc lớn trên bàn cạnh ông ta.

“Hắn anh phải có lời giải thích nào đó cho cách cư xử không thể chấp nhận được của mình chứ?”

“Tôi không cần phải giải thích bất cứ việc làm nào của mình với cô.”

“Emma bằng cách nào đó đã vượt qua được cách cư xử đầy tai tiếng tôi nay của anh.”

Barrington rót cho ông ta thêm một cốc đầy whisky nữa và uống một ngụm lớn. “Tôi đã sắp xếp để Emma rời khỏi trường Red Maids ngay lập tức. Học kỳ tới, con bé sẽ vào học ở một trường ở đủ xa để đảm bảo nó không bao giờ thấy mặt thằng bé đó nữa.”

Trên cầu thang, Emma òa lên khóc. Giles đưa một cánh tay quàng qua vai em gái.

“Harry Clifton đã làm gì để khiến anh cư xử một cách đáng xấu hổ đến thế?”

“Không phải chuyện của cô.”

“Tất nhiên đây là chuyện của tôi,” Elizabeth nói, cố giữ bình tĩnh. “Chúng ta đang nói chuyện về con gái chúng ta và người bạn thân nhất của con trai chúng ta. Nếu Emma đã yêu Harry, và tôi ngờ là như thế, tôi không thể nghĩ tới một cậu thanh niên đáng mến hay đáng hoàng hơn để con bé có thể yêu.”

“Harry Clifton là con trai một ả điếm. Đó là lý do tại sao chồng cô ta đã bỏ cô ta. Và tôi nhắc lại, Emma sẽ không bao giờ được cho phép liên lạc với thằng con hoang khốn kiếp đó nữa.”

“Tôi sẽ đi nghỉ trước khi mất bình tĩnh,” Elizabeth nói. “Và anh đừng nghĩ tới chuyện tới ngủ cùng giường với tôi ở trạng thái hiện tại.”

“Tôi chẳng hề nghĩ tới việc tới ngủ cùng cô cho dù ở bất cứ trạng thái nào đi nữa,” Barrington nói, tự rót cho mình thêm một cốc

whisky. “Cô không còn tạo cho tôi chút hứng thú nào trong phòng ngủ lâu đến mức tôi chẳng thể nhớ nổi là từ bao giờ nữa.”

Emma đứng bật dậy và chạy về phòng của mình, khóa trái cửa lại. Giles không hề nhúc nhích.

“Rõ ràng anh đang say rồi,” Elizabeth nói. “Chúng ta sẽ thảo luận về việc này vào buổi sáng, khi anh đã tỉnh táo hơn.”

“Sẽ không có thảo luận gì vào sáng mai hết,” Barrington líu lợm lè nhè trong lúc vợ ông ta rời khỏi phòng. Một lát sau, đầu ông ta ngật ra sau trên ghế bành và Hugo bắt đầu ngáy.

* * *

Khi Jenkins mở các cánh cửa chớp của phòng khách ngay trước lúc tám giờ sáng hôm sau, ông ta không thể hiện chút ngạc nhiên nào khi thấy ông chủ của mình đang ngồi ngủ mê mệt trên một chiếc ghế bành và vẫn còn mặc nguyên bộ đồ dạ tiệc.

Ánh mặt trời buổi sáng làm Barrington cựa mình tỉnh dậy. Ông ta chớp mắt, nhìn chằm chằm vào người quản gia trước khi nhìn đồng hồ đeo tay của mình.

“Sẽ có một chiếc xe tới đón cô Emma sau khoảng một giờ nữa, Jenkins, vậy hãy đảm bảo để cô chủ chuẩn bị sẵn sàng.”

“Cô Emma không còn ở đây nữa, thưa ngài.”

“Cái gì? Vậy nó đang ở đâu?” Barrington hỏi trong lúc ông ta gắng đứng dậy, nhưng chỉ loạng choạng đứng dậy được giây lát trước khi ngồi phịch xuống ghế.

“Tôi không biết, thưa ngài. Cô nhà và bà Barrington đã rời khỏi nhà ngay sau lúc nửa đêm.”

“Cậu nghĩ họ đã đi đâu?” Harry hỏi, sau khi Giles thuật lại những gì đã xảy ra sau khi cậu ta quay về Manor House.

“Tớ không biết,” Giles nói. “Tớ ngủ khi họ rời khỏi nhà. Tất cả những gì tớ moi được từ Jenkins là có một chiếc taxi đã đưa hai người họ ra ga ngay lúc quá nửa đêm.”

“Và theo cậu nói, bố cậu đã say khi cậu quay về nhà tối hôm qua?”

“Say mèm, và ông ấy vẫn còn chưa tỉnh hẳn khi tớ xuống nhà ăn sáng sáng nay. Ông ấy đang la hét, chửi bới bất cứ ai dám bén mảng lại gần. Thậm chí ông ấy còn định trách cứ tớ về mọi chuyện. Đó là lúc tớ quyết định sẽ tới sống cùng ông bà nội.”

“Cậu có nghĩ ông nội cậu biết họ đi đâu không?”

“Tớ không nghĩ thế, cho dù ông dường như chẳng mấy ngạc nhiên khi tớ kể lại cho ông biết chuyện đã xảy ra. Bà nội tớ nói tớ có thể ở lại cùng ông bà bao lâu tùy ý.”

“Họ không thể ở Bristol được,” Harry nói, “nếu chiếc taxi đưa họ ra ga.”

“Giờ thì họ có thể ở bất cứ đâu rồi,” Giles nói.

Không ai nói gì trong một hồi lâu, cho tới khi Harry đề xuất, “có thể tới biệt thự của gia đình cậu tại Tuscany chẳng?”

“Chắc không phải đâu,” Giles nói. “Đó là nơi đầu tiên bố tớ sẽ nghĩ tới, vì thế họ không thể được an toàn lâu tại đó.”

“Vậy thì hẳn phải là một nơi bố cậu cần suy nghĩ cân nhắc trước khi định tới tìm họ.” Cả hai chàng trai lại im lặng, cho tới khi Harry nói, “Tớ đang nghĩ tới một người rất có thể biết họ đang ở đâu.”

“Ai vậy?”

“Già Jack,” Harry nói, cậu vẫn không tài nào quen được với việc gọi ông là đại úy Tarrant. “Tớ biết ông ấy đã trở thành một người bạn của mẹ cậu, và chắc chắn là mẹ cậu tin tưởng ông.”

“Cậu có biết bây giờ ông ấy ở đâu không?”

“Bất cứ ai đọc tờ *The Times* đều biết,” Harry nói với vẻ mỉa mai.

Giles đấm lên cánh tay bạn cậu. “Vậy thì ông ấy đang ở đâu, ông bạn thông thái?”

“Ông ấy hẳn đang có mặt tại văn phòng của mình tại London. Quảng trường Soho, nếu tớ nhớ không nhầm.”

“Tớ luôn muốn có một cái cớ để được lên London một ngày,” Giles nói. “Tiếc một nỗi tớ đã để hết tiền ở nhà.”

“Không vấn đề gì,” Harry nói. “Tớ đang rùng rình. Quý ông Atkins kia vừa cho tớ năm bảng, cho dù quả tình ông ta có nói tớ phải dùng số tiền này để mua sách.”

“Đừng lo,” Giles nói, “tớ có thể nghĩ tới một kế hoạch khác.”

“Là gì vậy?” Harry hỏi, có vẻ đầy hy vọng.

“Bọn mình có thể chỉ cần ngồi đây đợi Emma viết thư cho cậu.”

Đến lượt Harry dành cho ông bạn quý hóa một quả thụi. “Được rồi,” cậu nói. “Nhưng tốt hơn hết bọn mình nên lên đường ngay trước khi ai đó phát hiện ra ý định của bọn mình.”

* * *

“Tớ không quen đi trên toa hạng ba,” Giles nói khi đoàn tàu chuyển bánh rời khỏi Temple Meads.

“À, tốt hơn cậu nên cố mà quen đi khi tớ là người chi tiền,” Harry nói.

“Giờ hãy nói cho tớ biết, Harry, ông bạn đại úy Tarrant của cậu đang làm gì vậy? Tớ biết chính phủ đã chỉ định ông ấy làm Giám

đốc Cơ quan Di trú Công dân, một danh xưng khá ấn tượng, nhưng tớ không rõ thực sự thì ông ấy làm gì.”

“Đúng như tên gọi của cơ quan đó,” Harry nói. “Ông ấy chịu trách nhiệm tìm nơi ở cho người tị nạn, nhất là các gia đình chạy trốn khỏi ách độc tài của Đức Quốc xã. Ông ấy nói mình đang tiếp bước sự nghiệp của bố ông.”

“Quả là một con người cao cả, đại úy Tarrant của cậu.”

“Cậu chưa biết được đến một nửa đâu,” Harry nói.

“Xin cho xem vé.”

Hai chàng trai dành phần lớn thời gian chuyến đi cố phỏng đoán xem Emma và bà Barrington có thể đang ở đâu, nhưng tới khi đoàn tàu vào ga Paddington, họ vẫn chưa thể đi tới một kết luận chắc chắn nào.

Hai chàng thanh niên đi tàu điện ngầm tới Quảng trường Leicester, xuất hiện trở lại dưới ánh mặt trời và bắt tay vào tìm kiếm Quảng trường Soho. Trong lúc hai người đi qua khu West End, Giles trở nên bị phân tâm bởi những ánh đèn nê-ông rực rỡ và những ô kính cửa hiệu bày đầy ắp những món hàng cậu ta chưa từng nhìn thấy trước đó đến nỗi thỉnh thoảng Harry lại phải nhắc nhở bạn mình nhớ lý do họ tới London.

Khi hai chàng thanh niên tới được Quảng trường Soho, không ai trong họ có thể không thấy một dòng dài dằng dặc liên tục những người đàn ông, phụ nữ và trẻ nhỏ chen chúc nhau, đầu cúi gằm, hối hả đi vào và đi ra từ một tòa nhà lớn ở phía bên kia quảng trường.

Hai thanh niên mặc đồng phục áo khoác blazer, quần vải flannel và đeo cà vạt trông có vẻ không tương đồng một cách kỳ lạ với bối cảnh xung quanh khi họ bước vào bên trong tòa nhà và đi theo các mũi tên chỉ dẫn lên lầu ba. Một số người tị nạn đứng dẹp sang một bên cho hai chàng trai đi qua, vì đoán rằng họ hẳn tới vì có công chuyện quan trọng.

Giles và Harry gia nhập vào hàng người dài xếp trước cửa phòng làm việc của giám đốc, và rất có thể đã phải đứng đó đến hết ngày nếu một người thư ký không đi ra ngoài và để ý tới hai cậu thanh niên. Cô này bước ngay tới chỗ Harry và hỏi có phải cậu tới gặp đại úy Tarrant không.

“Phải ạ,” Harry nói. “Ông ấy là một người bạn cũ của em.”

“Tôi biết,” người phụ nữ nói. “Tôi nhận ra cậu ngay lập tức.”

“Bằng cách nào vậy?” Harry hỏi.

“Ông ấy có một bức ảnh của cậu trên bàn làm việc,” người thư ký trả lời. “Đi theo tôi. Đại úy Tarrant sẽ rất vui được gặp hai cậu.”

Khuôn mặt Già Jack sáng lên khi ông nhìn thấy hai cậu bé - mà cũng đã đến lúc ông nên thôi nghĩ về họ như hai cậu bé, vì giờ đây họ đã trở thành hai người chàng thanh niên - bước vào phòng làm việc của ông. “Thật tốt được gặp cả hai cậu,” ông vừa nói vừa đứng bật dậy từ sau bàn làm việc tới chào đón hai vị khách. “Vậy lần này hai cậu đang chạy trốn khỏi ai đây?” ông nói thêm với một nụ cười.

“Bố cháu ạ,” Giles khẽ nói.

Già Jack bước tới đóng cửa lại, chỉ hai cậu thanh niên tới ngồi xuống một chiếc ghế sofa không mấy thoải mái. Ông kéo một cái ghế lại gần rồi ngồi xuống chăm chú lắng nghe trong khi hai vị khách trẻ tuổi kể cho ông biết mọi chuyện đã xảy ra từ lúc họ gặp ông tại buổi biểu diễn tối hôm trước.

“Ta thấy bố cậu rời khỏi khán phòng, tất nhiên rồi,” Già Jack nói, “nhưng ta chưa bao giờ nghĩ ông ấy có thể đối xử với mẹ và em gái cậu một cách đáng phẫn nộ như thế.”

“Ông có biết hiện tại hai người họ có thể đang ở đâu không, thưa ông?” Giles hỏi.

“Không. Nhưng nếu ta phải đoán, ta sẽ đoán là họ đang ở cùng ông của cậu.”

“Không đâu, thưa ông, cháu đã ở cạnh ông nội cả buổi sáng, và thậm chí ông còn không biết hai người họ ở đâu.”

“Ta đã nói là người ông nào đâu,” Jack nói.

“Huân tước Harvey sao?” Harry lên tiếng.

“Đó sẽ là phỏng đoán của ta,” Jack nói. “Hai mẹ con họ sẽ cảm thấy an toàn bên cạnh ông ấy, và tự tin rằng Barrington sẽ phải nghĩ ngợi cẩn thận trước khi đuổi theo họ tới đó.”

“Nhưng theo cháu biết thì ông ngoại ít nhất có ba nơi ở,” Giles nói. “Vậy nên cháu không biết nên bắt đầu tìm từ đâu nữa.”

“Tớ mới ngốc làm sao,” Harry thốt lên. “Tớ biết chính xác ông ấy ở đâu.”

“Cậu biết thật sao?” Giles hỏi. “Ở đâu vậy?”

“Tại dinh thự ở vùng nông thôn của ông ngoại cậu ở Scotland.”

“Nghe cháu nói có vẻ rất chắc chắn,” Jack nói.

“Chỉ đơn giản vì tuần trước ông có viết cho Emma vài dòng để giải thích vì sao ông không thể tới xem buổi trình diễn vở kịch của trường. Có vẻ như ông luôn dành tháng Mười hai và tháng Một ở Scotland. Nhưng quý bắt cháu đi, cháu không tài nào nhớ nổi địa chỉ nữa.”

“Lâu đài Mulgerie, gần Mulgerie, Highlands,” Giles nói.

“Ấn tượng lắm,” Jack nói.

“Không thực sự đâu, thưa ông. Chỉ là kết quả của không biết bao nhiêu năm mẹ yêu cầu cháu viết thư cảm ơn tới tất cả họ hàng vào Lễ Tặng quà cuối năm. Nhưng vì cháu chưa bao giờ đặt chân đến Scotland, cháu cũng chịu không biết nơi đó ở đâu nữa.”

Già Jack đứng dậy và lấy ra một tập bản đồ lớn từ trên giá sách phía sau bàn làm việc của ông. Ông lão lần tìm Mulgerie trên danh sách địa danh, lật tìm qua vài trang rồi sau đó để tập bản đồ xuống cái bàn phía trước mình. Lướt một ngón tay theo con đường từ London tới Scotland, ông nói, “Hai đứa sẽ phải đi chuyến tàu đêm tới Edinburg, sau đó chuyển sang một chuyến tàu địa phương để tới Mulgerie.”

“Cháu không nghĩ bọn cháu còn đủ tiền để thực hiện chuyến đi này,” Harry nói sau khi kiểm tra ví.

“Vậy thì ta sẽ phải viết cho cả hai đứa giấy chứng nhận cho phép đi tàu rồi, phải không nào?” Jack nói. Ông mở ngăn kéo bàn làm việc, lấy ra một tập phiếu màu vàng sẫm và xé ra hai tờ. Ông điền thông tin vào đó, ký tên và đóng dấu. “Xét cho cùng,” ông nói thêm, “hai cậu rõ ràng là hai kẻ vô gia cư lang thang đang đi tìm chỗ trú chân.”

“Cảm ơn ông,” Giles nói.

“Thêm một lời khuyên cuối cùng nữa,” Già Jack nói trong lúc đứng dậy sau bàn làm việc. “Hugo Barrington không phải là người thích bị người khác qua mặt, và trong khi ta có thể tin chắc rằng ông ấy sẽ

không dám làm gì phật ý Lord Harvey, chuyện đó không nhất thiết sẽ tương tự với cháu, Harry. Vậy cháu hãy cảnh giác cho tới khi đã an toàn ở bên trong lâu đài Mulgerie. Nếu có lúc nào đó cháu bắt gặp một người đàn ông đi tập tễnh,” ông lão nói thêm, “hãy cẩn thận với hắn. Hắn làm việc cho bố của Giles. Hắn là một kẻ thông minh và ma mãnh, nhưng quan trọng hơn nữa, hắn không trung thành với ai ngoài ông chủ trả tiền cho hắn.”

Giles và Harry được chỉ dẫn tới một toa hạng ba khác, nhưng cả hai đều đã mệt rũ người, nên bắt chắp việc cửa toa đóng mở liên tục trong đêm, tiếng va đập của các bánh sắt lên những khớp nối đường ray và tiếng còi tàu thỉnh thoảng lại rít lên, hai chàng thanh niên đều ngủ rất say.

Giles giật mình tỉnh giấc khi đoàn tàu vào ga Newcastle lúc gần sáu giờ. Cậu nhìn qua cửa sổ toa và nhìn thấy trước mắt mình một bầu trời u ám cùng những hàng dài binh lính lên tàu. Một viên thượng sĩ giơ tay chào một thiếu úy trông không già dặn hơn Giles là mấy và nói. “Xin cho phép chuyển quân lên tàu, thưa ngài?” Người sĩ quan trẻ chào lại và trả lời bằng giọng nhẹ nhàng hơn. “Tiến hành đi, thượng sĩ,” và những người lính bắt đầu theo hàng lên tàu.

Mối đe dọa luôn hiện hữu của chiến tranh, cùng câu hỏi liệu cậu và Harry có phải mặc quân phục lên người trước khi họ có cơ hội tới Oxford hay không luôn quanh quẩn trong tâm trí Giles. Bác Nicholas của cậu, một người bác mà Giles chưa bao giờ được gặp, cũng từng là một sĩ quan giống như người thanh niên dưới ke ga, và ông đã dẫn đầu một trung đội xung phong rồi bị bắn gục tại Ypres. Giles thầm tự hỏi rồi đây những cái tên nào sẽ trở thành các bãi chiến trường được kỷ niệm hàng năm với những bông anh túc nếu lại xảy ra một Cuộc chiến Vĩ đại để chấm dứt mọi cuộc chiến tranh nữa.

Dòng suy nghĩ của chàng trai bị gián đoạn khi cậu thoáng nhìn thấy một hình ảnh phản chiếu qua cửa sổ toa tàu. Giles quay người lại, và bóng người nọ đã không còn ở đó. Có lẽ nào lời cảnh báo

của đại úy Tarrant đã làm cậu trở nên đa nghi thái quá, hay đó chỉ đơn thuần là một trùng hợp ngẫu nhiên?

Giles đưa mắt nhìn sang Harry, người vẫn đang ngủ say, nhưng thực ra, cậu bạn của Giles đã không hề chớp mắt suốt hai đêm trước. Khi đoàn tàu dần dừng lại ở ga Berwick-on-Tweed. Giles để ý thấy cũng vẫn người đàn ông lúc trước đi ngang qua toa tàu của hai người. Chỉ một ánh mắt thoáng qua, và rồi ông ta lại đi tiếp; không còn là ngẫu nhiên nữa rồi. Liệu có phải người đàn ông kia đang kiểm tra xem hai chàng trai xuống tàu ở ga nào?

Harry cuối cùng cũng tỉnh dậy, chớp mắt và vươn vai. “Tớ sắp chết đói rồi đây,” chàng trai nói.

Giles ghé người sang thì thầm, “Tớ nghĩ có ai đó trên tàu đang muốn bám theo chúng ta.”

“Điều gì làm cậu nghĩ thế?” Harry hỏi, đột nhiên tỉnh táo hẳn.

“Tớ đã thấy cùng một người đi qua toa của chúng ta hơi thường xuyên quá.”

“Xin cho xem vé!”

Giles và Harry đưa giấy đi tàu của mình cho người soát vé. “Đoàn tàu sẽ dừng lại ở mỗi ga trong bao lâu?” Giles hỏi sau khi người soát vé đã bấm lỗ lên giấy đi tàu.

“Hiện tại tất cả phụ thuộc vào việc chúng ta có đang chạy đúng giờ hay không,” ông ta trả lời với thái độ hơi uể oải, “nhưng quy định của công ty là không bao giờ ít hơn bốn phút.”

“Tiếp theo là ga nào?” Giles hỏi.

“Dunbar. Chừng ba mươi phút nữa là chúng ta sẽ tới đó. Nhưng cả hai cậu đều được cấp giấy đi tàu tới Mulgerie,” ông này nói thêm trước khi đi sang toa bên.

“Tất cả những câu hỏi đó để làm gì?” Harry hỏi.

“Tớ đang cố xác định xem có đúng chúng ta bị bám theo không,” Giles nói, “và phần tiếp theo trong kế hoạch của tớ sẽ cần tới sự tham gia của cậu.”

“Lần này tớ sẽ vào vai nào vậy?” Harry hỏi, nhích người ra ngồi ở mép ghế của mình.

“Chắc chắn không phải Romeo rồi,” Giles nói. “Khi tàu dừng tại Dunbar, tớ muốn cậu xuống tàu trong khi tớ quan sát xem có ai bám

theo cậu hay không. Sau khi xuống đến sân ga, hãy đi thật nhanh về phía cửa soát vé, sau đó quay trở lại, vào phòng chờ và mua một tách trà. Đừng quên cậu chỉ có bốn phút để quay trở lại toa trước khi đoàn tàu tiếp tục chuyển bánh. Và dù cậu có đang làm gì, đừng ngoái lại nhìn đằng sau, nếu không hẳn sẽ biết chúng ta đã phát hiện ra hắn.”

“Nhưng nếu có ai đó bám theo chúng ta, chắc chắn hẳn phải quan tâm đến cậu nhiều hơn tớ chứ?”

“Tớ không nghĩ vậy,” Giles nói, “và chắc chắn là không phải thế nếu đại úy Tarrant đúng, bởi vì tớ có cảm giác là ông bạn của cậu biết nhiều hơn những gì ông ấy muốn thừa nhận.”

“Chuyện này khó có thể nói là khiến tớ thấy tự tin hơn,” Harry nói.

Nửa giờ đồng hồ sau, đoàn tàu dừng bánh tại Dunbar. Harry mở cửa toa, bước xuống sân ga và hướng đến lối ra.

Giles hầu như chỉ kịp thoáng thấy bóng người đàn ông nọ đang vội vã bám theo Harry.

“Tóm được mày rồi nhé,” Giles nói, sau đó ngả người ra sau và nhắm mắt lại, tin chắc một khi người đàn ông kia nhận ra Harry chỉ xuống tàu để mua một tách trà, hẳn sẽ chuyển hướng chú ý về phía cậu để đảm bảo chắc chắn không phải Giles cũng xuống tàu.

Giles lại mở mắt ra khi Harry quay lại toa, chìa cho cậu ta một thanh socola.

“Thế nào,” Harry hỏi, “cậu có phát hiện được ai không?”

“Chắc chắn là có rồi,” Giles nói. “Trên thực tế, hẳn cũng mới vừa quay trở lại tàu.”

“Trông hẳn thế nào?” Harry hỏi, cố không tỏ ra lo lắng.

“Tớ chỉ thoáng nhìn thấy hắn,” Giles nói, “nhưng tớ cho rằng hắn khoảng bốn mươi tuổi, cao hơn sáu foot một chút, ăn mặc chỉnh chu, tóc cắt rất ngắn. Chi tiết cậu không thể nhầm được là dáng đi tập tễnh của hắn.”

“Vậy bây giờ khi chúng ta đã biết mình phải đối phó với kẻ nào, Sherlock, kế hoạch tiếp theo sẽ là gì?”

“Thứ nhất. Watson, điều quan trọng là cần nhớ chúng ta có trong tay một vài lợi thế.”

“Tớ không nghĩ ra nổi lấy một điều,” Harry nói.

“À, trước hết, chúng ta biết là chúng ta đang bị theo dõi, nhưng hẳn thì lại không biết rằng chúng ta biết điều đó. Chúng ta cũng biết chúng ta đang đi đâu, điều này thì rõ ràng hẳn không biết. Chúng ta cũng lành lặn khỏe mạnh, và chỉ bằng nửa tuổi hẳn. Và với cái chân tập tễnh đó, hẳn khó lòng di chuyển nhanh được bằng chúng ta.”

“Cậu có vẻ khá trong chuyện này đấy,” Harry nói.

“Đúng là tớ có một lợi thế nội tại,” Giles nói. “Tớ là con trai của bố tớ.”

* * *

Khi đoàn tàu dừng bánh tại ga Waverley ở Edinburg, Giles đã bàn đi bàn lại cùng Harry cả chục lần kế hoạch của cậu. Hai chàng trai bước xuống tàu, thong thả bước đi trên ke ga về phía cửa ra.

“Đừng có nghĩ tới việc nhìn lại phía sau,” Giles nói trong lúc trình giấy đi tàu của cậu ta, sau đó hướng tới một hàng xe taxi.

“Khách sạn Royal,” Giles nói với người lái taxi. “Và anh có thể báo cho tôi biết nếu có một chiếc taxi khác bám theo chúng ta chứ?” cậu nói thêm trước khi leo lên băng ghế sau ngồi cạnh Harry.

“Được thôi,” người lái xe nói trong lúc đánh xe rời khỏi hàng xe và hòa vào dòng xe cộ trên đường.

“Làm sao cậu biết có một khách sạn Royal ở Edinburg hả?” Harry hỏi.

“Luôn có một khách sạn Royal ở mọi thành phố,” Giles nói.

Vài phút sau, người lái taxi nói, “Tôi không thể nói chắc hoàn toàn, nhưng chiếc taxi chuyển bánh ngay sau chúng ta cũng không cách chúng ta xa lắm đâu.”

“Tốt,” Giles nói. “Giá tiền tới khách sạn Royal là bao nhiêu?”

“Là hai shiling, thưa ngài.”

“Tôi sẽ cho anh bốn đồng nếu có thể cắt đuôi được cái xe đó.”

Người lái xe lập tức đạp chân ga, khiến cả hai vị khách cùng bị đạp mạnh người vào lưng ghế. Giles nhanh chóng trấn tĩnh và ngoái lại nhìn qua khung cửa sau và thấy chiếc taxi đằng sau họ cũng tăng

tốc. Họ đã bút lên được sáu mươi hay bảy mươi yard, nhưng Giles nhận ra lợi thế đó sẽ không duy trì được lâu.

“Tài xế, hãy rẽ trái ở ngã rẽ tiếp theo rồi sau đó chạy chậm lại một lát. Sau khi chúng tôi nhảy ra, tôi muốn ông tiếp tục lái xe tới khách sạn Royal và không dừng lại cho đến khi ông đến khách sạn.” Một cánh tay chìa ra. Harry đặt lên lòng bàn tay bốn shiling.

“Khi tớ nhảy ra,” Giles nói, “hãy nhảy theo tớ, và làm chính xác theo tớ.” Harry ra dấu.

Chiếc taxi rẽ vào góc đường và chạy chậm lại trong chốc lát khi Giles mở cửa. Cậu ta lao người lên vỉa hè, lộn nhào rồi nhanh chóng đứng dậy, lao vọt tới cửa hiệu gần nhất, gần như nằm hẫ xuống sàn. Harry theo sau chỉ vài giây, đóng sập cửa lại sau lưng cậu và nằm đo sà bên cạnh bạn mình đúng lúc chiếc taxi thứ hai rẽ vào góc đường.

“Tôi có thể giúp gì cho hai người không?” một cô nhân viên bán hàng hỏi trong lúc đứng chống tay vào hông nhìn xuống hai chàng trai trẻ đang nằm bò ra dưới sàn.

“Cô đã giúp rồi đấy,” Giles nói, đứng dậy và dành cho cô gái một nụ cười ấm áp. Cậu ta vuốt lại tóc, nói tiếp “Cảm ơn” rồi rời khỏi cửa hiệu mà không nói thêm lời nào.

Khi Harry đứng dậy, cậu thấy mình đối diện với một hình ma-nơ-canh có vòng eo thon thả chỉ mặc áo ngực. Chàng trai đỏ bừng mặt, chạy ra khỏi cửa hiệu tới bên Giles ngoài vỉa hè.

“Tớ không nghĩ là gã tập tễnh kia sẽ thuê phòng nghỉ lại khách sạn Royal tối nay,” Giles nói, “vì thế tốt nhất bọn mình nên đi thôi.”

“Nhất trí,” Harry đáp trong lúc Giles vẫy một chiếc taxi khác. “Ga Waverley,” cậu ta nói trước khi leo lên băng ghế sau.

“Cậu học cách làm những trò này từ đâu vậy?” Harry hỏi đầy ngưỡng mộ trong lúc hai chàng trai quay lại nhà ga.

“Cậu biết không, Harry, cậu nên đọc ít Joseph Conrad đi và đọc nhiều John Buchan lên một chút nếu cậu muốn biết cách thực hiện một cuộc hành trình tại Scotland trong khi bị một kẻ xấu xa đáng gờm truy đuổi.”

Chuyến đi tới Mulgerie diễn ra chậm chạp hơn đáng kể và cũng ít phần kích thích hơn nhiều so với chuyến tàu tới Edinburg, và

chắc chắn là không còn bóng dáng của một người đàn ông đi tập tễnh. Khi đầu tàu cuối cùng cũng kéo được bốn toa xe của nó cùng hai vị hành khách trẻ tuổi tới nhà ga nhỏ, mặt trời đã khuất hẳn sau ngọn núi cao nhất. Ông trưởng ga đang đứng cạnh lối ra chờ soát vé của hai chàng trai khi họ xuống khỏi chuyến tàu cuối cùng trong ngày.

“Liệu có hy vọng tìm được taxi không thưa ông?” Giles hỏi trong lúc hai cậu thanh niên đưa giấy đi tàu cho ông trưởng ga.

“Không, thưa ngài,” ông trưởng ga đáp. “Jock về nhà ăn chiều vào khoảng sáu giờ, và phải một tiếng sau anh ta mới quay lại.”

Giles ngẫm nghĩ cân nhắc một chút về việc giải thích về nguyên do dẫn tới thói quen của Jock cho ông trưởng ga, rồi mới lên tiếng hỏi, “Vậy ông có thể vui lòng cho chúng tôi biết cách đi đến lâu đài Mulgelrie chứ.”

“Các cậu sẽ phải đi bộ thôi,” ông trưởng ga cung cấp một câu trả lời thật hữu ích.

“Và theo hướng nào vậy?” Giles hỏi, cố không tỏ ra thất vọng.

“Chừng ba dặm theo hướng kia,” ông trưởng ga vừa nói vừa chỉ tay lên phía trên đồi. “Các cậu sẽ không thể nào bỏ lỡ nó được đâu.”

“Theo hướng kia” cuối cùng hóa ra là mẫu thông tin chính xác duy nhất ông trưởng ga cung cấp, vì sau khi hai chàng trai đã cuốc bộ hơn một giờ đồng hồ, màn đêm buông xuống đen kịt và vẫn chẳng có bóng dáng của bất cứ tòa lâu đài nào.

Giles bắt đầu tự hỏi liệu có phải họ sẽ phải trải qua đêm đầu tiên ở vùng cao nguyên Highlands bằng cách ngủ ngoài đồng chỉ với một bầy cừu làm bạn hay không thì Harry reo lên, “Kia rồi!”

Giles căng mắt nhìn chăm chăm qua màn đêm mù sương, và cho dù cậu vẫn chưa thấy rõ hẳn bóng dáng của một tòa lâu đài, tinh thần chàng trai đã phấn chấn hơn hẳn khi trông thấy những chấm sáng nhấp nháy tỏa ra từ vài khung cửa sổ. Hai người bạn tiếp tục nặng nhọc lê bước cho tới khi đến trước hai cánh cửa lớn bằng sắt uốn không bị khóa. Trong lúc hai chàng trai bước dọc theo lối đi dài dẫn vào lâu đài, Giles có thể nghe thấy tiếng chó sủa, nhưng cậu không nhìn thấy con chó nào. Sau chừng một dặm nữa, họ tới một cây cầu bắc qua một con hào, và ở bên kia cầu là một cánh cửa gỗ sồi nặng nề trông không có vẻ gì hào hứng chào mừng người lạ.

“Hãy để chuyện giao tiếp cho tớ,” Giles nói trong khi hai cậu thanh niên uể oải lê bước qua cầu và dừng lại trước cánh cửa.

Giles dùng nắm tay đấm ba lần lên cửa, và giây lát sau cánh cửa mở ra để lộ một người đàn ông khổng lồ mặc váy truyền thống Scotland cùng một chiếc áo vét sẫm màu, áo sơ mi và nơ trắng.

Người chánh quản gia nhìn xuống hai sinh vật phờ phạc, thần thờ đang đứng trước mặt mình. “Chúc buổi tối tốt lành, cậu Giles,” ông ta nói, cho dù Giles chưa bao giờ thấy người đàn ông này trước đây. “Huân tước đã đợi cậu được một lúc lâu rồi, và rất muốn biết cậu có muốn dùng bữa tối cùng ngài hay không?”

GILES VÀ HARRY CLIFTON ĐANG TRÊN ĐƯỜNG TỚI
MULGERIE - (CHẤM) - SẼ ĐẾN NƠI VÀO KHOẢNG SÁU GIỜ -
(CHẤM) -

Lord Harvey đưa bức điện cho Giles và tặc lười. “Được gửi tới từ người bạn chung của chúng ta, đại úy Tarrant. Và hóa ra ông ấy chỉ sai về thời gian hai đưa đến nơi.”

“Bọn cháu đã phải đi bộ suốt từ ga tới đây,” Giles phản đối giữa hai lần nhai miệng đầy thức ăn.

“Phải, ta cũng đã nghĩ tới việc cho xe tới đón hai đưa sau chuyến tàu cuối,” Lord Harvey nói, “nhưng chẳng gì có thể sánh nổi một cuộc đi bộ lành mạnh trên đất cao nguyên Highlands để giúp người ta cảm thấy ngon miệng.”

Harry mỉm cười. Cậu hầu như không nói gì kể từ lúc hai chàng trai xuống ăn tối, và vì Emma được xếp ngồi ở tận đầu bên kia của bàn ăn, cậu đành tự hài lòng với việc thỉnh thoảng đưa mắt nhìn cô buồn bã, tự hỏi rồi liệu có lúc nào hai người được ở riêng bên nhau hay không.

Món đầu tiên là một thứ canh hầm đặc của vùng Highlands, mà Harry giải quyết có phần hơi quá chóng vánh, nhưng khi Giles được phục vụ thêm suất thứ hai, cậu cũng cho phép bát của mình được múc đầy trở lại. Harry có lẽ đã xin thêm suất thứ ba nếu không phải tất cả những người khác đều tiếp tục lịch sự chuyện trò trong lúc chờ cậu và Giles ăn xong để món chính có thể được mang ra.

“Hai đứa không cần phải lo lắng về chuyện có ai đó vẫn còn chưa biết các cháu đang ở đâu,” Lord Harvey nói, “vì ta đã gửi điện tín cho Sir Walter và bà Clifton, bảo đảm với họ rằng cả hai cháu đều an toàn khỏe mạnh. Ta vẫn còn chưa liên lạc với bố cháu, Giles ạ,” ông nói thêm mà không đưa ra bình luận nào. Giles nhìn sang phía bên kia bàn và thấy mẹ cậu đang cắn môi.

Một lát sau, cửa phòng ăn mở ra, mấy người gia nhân mặc chế phục bước vào và mang các bát đựng canh hầm đi. Theo sau họ là ba gia nhân nữa, mang những chiếc khay bạc trên đó có đặt thứ gì đó mà với Harry trông có vẻ giống sáu con gà nhỏ.

“Ta hy vọng cháu thích gà gô trắng, cậu Clifton,” Lord Harvey nói, ông là người đầu tiên từng gọi chàng trai là “cậu”, trong lúc một suất chim được đặt xuống trước mặt cậu. “Ta đã tự mình săn được chúng đấy.”

Harry không thể nghĩ ra được một câu trả lời hợp lý. Cậu quan sát trong lúc Giles cầm lấy dao nĩa và bắt đầu cắt những miếng nhỏ trên người con chim, những cử chỉ làm sống lại ký ức về bữa ăn chung đầu tiên của hai người tại St. Bede. Cho tới khi những cái đĩa được mang đi, Harry mới chỉ cắt được khoảng ba miếng và tự hỏi cậu cần phải đợi đến khi bao nhiêu tuổi để có thể tự tin nói, “Không, cảm ơn, tôi thích có thêm một bát súp nữa hơn.”

Tình hình được cải thiện thêm ít nhiều khi một chiếc đĩa lớn đựng các loại quả khác nhau, một số trong đó Harry chưa từng thấy bao giờ, được đặt xuống giữa bàn ăn. Cậu những muốn hỏi vị chủ nhà tên và xuất xứ của chúng, nhưng rồi trong tâm trí chàng trai lại lóe lên ký ức về quả chuối đầu tiên, khi cậu đã có sự nhầm lẫn tệ hại. Chàng trai trẻ hài lòng với việc làm theo gương của Giles, quan sát cẩn thận để xem loại quả nào cần gọt vỏ, loại nào cần cắt và loại nào bạn có thể cầm lấy và ăn luôn.

Khi ăn xong, một gia nhân xuất hiện và đặt một bát nước bên cạnh đĩa của Harry. Cậu vừa định nhắc nó lên để uống thì thấy phu nhân Harvey nhúng các ngón tay vào bát nước của bà và lát sau một gia nhân đưa cho bà chiếc khăn bằng vải lanh để bà lau khô tay. Harry nhúng các ngón tay của cậu vào nước, và như có phép màu, một chiếc khăn lập tức hiện ra.

Sau bữa tối, các quý bà rút lui ra khỏi phòng khách. Harry muốn đi theo họ để ít nhất thì cậu có thể tới bên Emma và kể cho cô biết mọi chuyện đã xảy ra kể từ khi cô uống thuốc độc. Nhưng cô gái vừa rời phòng thì Lord Harvey lại ngồi xuống bàn, dấu hiệu để người giúp việc cho quản gia mang một chiếc xì gà tới cho vị huân tước, trong khi một gia nhân khác rót cho ông một ly Cognac lớn.

Sau khi nhấp một hớp, ông ra dấu và ngay lập tức hai ly rượu được đặt xuống trước mặt Giles và Harry. Người quản gia đóng hộp chống ẩm đựng xì gà lại trước khi rót brandy vào ly cho hai chàng trai.

“Được rồi,” Lord Harvey nói sau khi rít thêm hai hay ba hơi xì gà nữa. “Theo ta hiểu là cả hai người đang hy vọng tới Oxford học?”

“Harry thì coi như chắc rồi,” Giles nói. “Nhưng cháu sẽ cần ghi được thêm một đôi cú ghi điểm một trăm nữa trong kỳ hè, và nhất là tại Lord nếu muốn các thành viên hội đồng tuyển sinh mắt nhắm mắt mở với những khiếm khuyết hiển nhiên của cháu.”

“Giles đang khiêm tốn thôi, thưa ngài,” Harry nói. “Cậu ấy cũng có cơ hội giành được một suất vào học chẳng kém gì cháu cả. Nói cho cùng, cậu ấy không chỉ là đội trưởng đội cricket, cậu ấy còn là đại diện học sinh của trường.”

“Chà, nếu hai đứa thành công, ta có thể cam đoan hai đứa sẽ được trải nghiệm ba năm hạnh phúc nhất của cuộc đời mình. Đó là giả thiết rằng Herr Hitler không điên rồ đến mức khăng khăng đòi chơi lại cuộc chiến tranh vừa qua với hy vọng lố bịch là ông ta sẽ có thể đảo ngược được kết quả.”

Cả ba người cùng nâng ly và Harry nhấp hớp brandy đầu tiên trong đời mình. Cậu không hề thấy thích vị của nó và đang tự hỏi liệu mình có bị coi là bất lịch sự không nếu cậu không uống hết thì chính Lord Harvey đã giải vây cho chàng trai.

“Có lẽ đã đến lúc chúng ta tới gia nhập cùng các quý bà,” ông vừa nói vừa uống cạn ly của mình. Huân tước dúi chiếc xì gà của ông vào một cái gạt tàn, rời khỏi chỗ và bước ra ngoài phòng ăn, không đợi thêm một lời đề xuất thứ hai nào và hai chàng trai theo sau ông qua tiền sảnh tới phòng khách.

Lord Harvey ngồi xuống cạnh Elizabeth, trong khi Giles nháy mắt với Harry và đi tới bên bà ngoại cậu ta. Harry ngồi xuống bên Emma

trên ghế sofa.

“Anh thật lịch sự khi tìm đến tận đây, Harry,” cô nói, nắm lấy tay cậu.

“Anh rất xin lỗi vì những gì xảy ra sau buổi biểu diễn. Anh chỉ hy vọng là mình không phải là người gây ra những rắc rối này ngay từ đầu.”

“Sao anh lại có thể là người phải chịu trách nhiệm được, Harry? Anh chưa từng làm bất cứ điều gì có thể khiến bố em nói với mẹ theo cách đó.”

“Nhưng ai cũng biết là bố em không nghĩ chúng ta nên gần gũi nhau, thậm chí là trên sân khấu.”

“Hãy nói về chuyện đó vào sáng mai,” Emma thì thầm. “Chúng mình có thể đi dạo thật lâu trên đồi và được riêng tư, chỉ có những bầy gia súc vùng Highlands nghe lén chúng mình thôi.”

“Anh sẽ mong đợi đến lúc ấy,” Harry nói. Cậu rất muốn cầm tay cô, nhưng ở đó có quá nhiều con mắt liên tục nhìn về phía họ.

“Hẳn hai chàng trai trẻ đều đã mệt nhoài sau chuyến đi vất vả đến thế,” phu nhân Harvey nói. “Sao hai đứa cháu không lên giường đi ngủ đi, và chúng ta sẽ gặp lại các cháu vào bữa sáng mai.”

Harry không muốn phải đi ngủ; cậu muốn ở lại bên Emma và cố tìm hiểu xem cô đã khám phá ra lý do khiến bố cô luôn phản đối việc hai người họ ở bên nhau chưa. Nhưng Giles lập tức đứng dậy, hôn lên má bà ngoại và mẹ cậu ta và chúc họ ngủ ngon, làm Harry không còn lựa chọn nào khác ngoài việc làm theo cậu bạn. Cậu quay người và hôn lên má Emma, cảm ơn vị chủ nhà vì buổi tối tuyệt vời rồi đi theo Giles rời khỏi phòng.

Trong lúc hai người đi qua tiền sảnh, Harry đang đứng nán lại để chiêm ngưỡng một bức tranh vẽ giỏ quả của một họa sĩ có tên Peploe thì Emma lao vội ra khỏi phòng khách, đưa hai cánh tay ôm quanh cổ chàng trai và khẽ hôn lên môi cậu.

Giles tiếp tục bước lên cầu thang như thể không nhìn thấy gì, trong khi Harry luôn để mắt về phía cửa phòng khách. Emma buông cậu ra khi cô nghe thấy tiếng mở cửa sau lưng mình.

“Tạm biệt, tạm biệt anh, chia tay quả là nỗi phiền muộn ngọt ngào,” cô thì thầm.

“Vì thế anh sẽ nói tạm biệt cho tới khi đến ngày mai,” Harry đáp lại.

* * *

“Hai đứa định đi đâu vậy?” Elizabeth Barrington hỏi khi bà đi ra khỏi phòng ăn sáng.

“Bọn con sẽ leo lên đồi Crag Cowen,” Emma nói. “Đừng đợi bọn con, vì có thể mẹ sẽ không bao giờ gặp lại bọn con đâu.”

Mẹ cô bật cười. “Vậy hãy đảm bảo con mặc đủ ấm, vì ở vùng Highlands này thậm chí cả cừu cũng cảm lạnh đấy.” Bà mẹ đợi cho tới khi Harry đã đóng cửa lại sau lưng đôi bạn trẻ rồi mới nói tiếp, “Giles, ông ngoại con muốn gặp mẹ và con trong phòng làm việc của ông vào lúc mười giờ.” Với Giles, câu nói có vẻ là một mệnh lệnh hơn là một đề nghị.

“Vâng thưa mẹ,” cậu đáp, trước khi nhìn qua cửa sổ và quan sát Harry cùng Emma đang bước theo con đường mòn dẫn tới Crag Cowen. Hai người chỉ vừa đi được vài yard thì Emma đã nắm lấy tay Harry. Giles mỉm cười khi thấy hai người rẽ vào góc ngoặt và biến mất sau rặng cây thông.

Khi đồng hồ ngoài sảnh bắt đầu đổ chuông, Giles vội sải bước thật nhanh theo hành lang để đảm bảo cậu có mặt trong phòng làm việc của ông ngoại trước tiếng chuông thứ mười. Ông bà ngoại và mẹ cậu ngừng trò chuyện khi chàng thanh niên bước vào phòng. Rõ ràng họ đang đợi cậu.

“Ngồi xuống đi, cháu yêu,” ông ngoại cậu nói.

“Cháu cảm ơn ông,” Giles đáp rồi ngồi xuống một chiếc ghế giữa mẹ và bà ngoại cậu.

“Ta cho rằng cuộc họp này tốt nhất nên mô tả như một hội đồng chiến tranh,” Lord Harvey nói, ngược mắt nhìn lên từ chiếc ghế bành bọc da có lưng tựa cao của ông như thể đang phát biểu trước một cuộc họp hội đồng. “Ta sẽ cố cập nhật tình hình cho tất cả mọi người trước khi chúng ta quyết định xem nên hành động như thế nào là tốt

nhất.” Giles không khỏi thấy tự hào khi giờ đây ông ngoại coi cậu như một thành viên chính thức trong cuộc họp gia đình.

“Tôi qua ta đã gọi điện thoại cho Walter. Ông ấy cũng phần nộ về cách cư xử của Hugo tại buổi biểu diễn không kém gì ta khi Elizabeth kể cho ta biết chuyện xảy ra lúc ấy, cho dù ta vẫn phải cho ông ấy biết thêm những gì đã xảy ra khi hai người quay về Manor House.” Mẹ Giles cúi đầu, nhưng không cắt ngang. “Sau đó ta cho ông ấy biết ta đã có một cuộc trò chuyện rất lâu với con gái mình, và rằng chúng ta cảm thấy chỉ có hai hướng hành động là khả thi.”

Giles tựa lưng vào ghế, nhưng vẫn không thấy thoải mái hơn.

“Ta nói rõ với Walter rằng nếu để Elizabeth cân nhắc tới việc quay về Manor House, Hugo cần phải thực hiện một số điều kiện. Thứ nhất, anh ta nhất định phải xin lỗi vô điều kiện về cách hành xử đáng phần nộ của mình.”

Bà ngoại Giles gật đầu tán đồng.

“Thứ hai, anh ta sẽ không bao giờ, và ta nhắc lại, không bao giờ, được nói đến chuyện Emma cần được đưa khỏi trường con bé đang học, và trong tương lai anh ta phải ủng hộ trọn vẹn nỗ lực của con bé nhằm giành lấy một chỗ tại Oxford. Chúa mới biết với một người đàn ông nỗ lực đạt điểm chuẩn đã khó khăn thế nào rồi, và với phụ nữ thì càng gần như là chuyện bất khả thi.”

“Yêu cầu thứ ba và quan trọng nhất của ta, và về vấn đề này ta rất cương quyết, là anh ta phải giải thích cho tất cả chúng ta biết tại sao anh ta đối xử với Harry Clifton một cách đáng bất bình như thế. Ta ngờ rằng chuyện này hẳn ít nhiều có liên quan tới việc bác Harry đã ăn cắp của Hugo. Tội lỗi của người bố là một chuyện, nhưng còn một ông bác... ta từ chối chấp nhận lý do, như anh ta vẫn hay nói với Elizabeth, là anh ta coi Clifton là người không xứng đáng qua lại với con cái của anh ta chỉ vì bố thằng bé là công nhân bến tàu và mẹ nó là người phục vụ bàn. Có lẽ Hugo đã quên rằng chính ông của ta cũng chỉ là chân bàn giấy quên tại một công ty buôn bán rượu vang, trong khi ông nội của chính anh ta đã phải thôi học vào năm mười hai tuổi và bắt đầu kiếm sống với công việc làm công nhân bến tàu giống như bố cậu Clifton trẻ tuổi, và, và xin nhắc luôn trong trường hợp có ai đó đã quên, ta là Lord Harvey đầu tiên trong gia đình này, và như vậy địa vị cao quý này không thể mới mẻ hơn.”

Giles những muốn reo lên.

“Còn bây giờ, hẳn không ai trong chúng ta lại không nhận ra,” Lord Harvey nói tiếp, “tình cảm Emma và Harry dành cho nhau, một điều kỳ thực chẳng mấy ngạc nhiên vì hai đứa là hai con người trẻ tuổi xuất sắc hiếm có. Nếu đến lúc nào đó, mối quan hệ giữa hai đứa đơm hoa kết trái, sẽ không ai có thể vui mừng hơn Victoria và ta. Về chuyện này, Walter cũng hoàn toàn nhất trí với ta.”

Giles mỉm cười. Cậu thích cái viễn cảnh Harry trở thành một thành viên trong gia đình, cho dù cậu không tin là bố cậu có thể chấp nhận được chuyện này.

“Ta đã nói với Walter,” ông ngoại chàng trai tiếp tục, “rằng nếu Hugo cảm thấy không thể chấp nhận được những điều kiện này, Elizabeth sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc ngay lập tức bắt đầu quá trình ly hôn. Ta cũng sẽ phải rút lui khỏi hội đồng quản trị của công ty Barrington, đồng thời công bố công khai những lý do của hành động này.”

Giles không khỏi buồn phiền khi nghe những lời nói này, vì cậu biết trong cả hai gia đình chưa từng bao giờ có một vụ ly hôn nào.

“Walter đã vui lòng đồng ý phản hồi lại cho ta trong vài ngày tới, sau khi ông đã có thời gian để trao đổi mọi thứ với con trai mình, nhưng ông cũng nói với ta rằng Hugo đã hứa sẽ thôi uống rượu, và anh ta có vẻ thực sự ăn năn. Hãy cho phép ta kết thúc bằng cách nhắc lại với mọi người rằng đây là chuyện nội bộ của gia đình và không được đem ra trao đổi với người ngoài trong bất cứ hoàn cảnh nào. Chúng ta cần hy vọng rằng cuối cùng chuyện này chẳng qua chỉ là một biến cố đáng tiếc sẽ sớm bị lãng quên.”

* * *

Sáng hôm sau, bố Giles gọi điện thoại tới đề nghị được nói chuyện với cậu con trai. Ông ta khẩn khoản xin lỗi, bày tỏ rất lấy làm ân hận đã trách móc Giles vì một việc vốn hoàn toàn là lỗi của ông ta. Người bố cầu khẩn Giles hãy làm tất cả những gì cậu có thể để thuyết phục mẹ cậu và Emma quay trở về Manor House. Ông ta cũng bày tỏ hy vọng, cũng giống như bố vợ ông ta từng đề xuất,

rằng biến cố này sẽ nhanh chóng bị lãng quên. Hugo không nhắc gì tới Harry Clifton.

Sau khi họ xuống tàu ở ga Temple Meads, Giles và mẹ cậu ngồi đợi trong xe trong lúc Emma tạm biệt Harry.

“Hai người bọn họ vừa có chín ngày qua ở bên nhau,” Giles nói. “Không lẽ hai anh chị này quên mất rằng ngày mai họ sẽ lại gặp nhau rồi sao?”

“Có thể cả ngày tiếp theo cũng thế,” mẹ Giles nói. “Nhưng đừng quên rằng, cho dù chuyện này nghe có vẻ thật viễn vông, song một ngày nào đó nó cũng sẽ xảy ra với con đấy.”

Cuối cùng thì Emma cũng vào trong xe với mẹ và anh trai, song cô vẫn tiếp tục ngoái lại nhìn qua khung cửa sau và không thôi vẫy tay cho đến lúc Harry đã khuất hẳn khỏi tầm mắt.

Giles nóng lòng muốn trở về nhà và khám phá xem Harry đã làm gì để khiến cho bố cậu cư xử với người bạn thân nhất của con trai ông tàn nhẫn như thế suốt bao năm qua. Chắc chắn chuyện đó chẳng thể tệ hơn việc ăn cắp ở cửa hàng bánh kẹo hay cố tình thi hỏng được. Chàng trai hình dung ra cả tá khả năng khác nhau, nhưng chẳng có khả năng nào nghe hợp lý cả. Giờ thì, cậu hy vọng rằng cuối cùng thì cũng biết được sự thật. Giles đưa mắt nhìn sang mẹ mình. Cho dù bà hiếm khi để lộ cảm xúc ra ngoài, rõ ràng mẹ cậu đang ngày một bồn chồn hơn khi họ về tới gần Chew Valley.

Bố của Giles đang đứng trên bậc cấp cao nhất chờ đợi để chào đón vợ và các con ông khi chiếc xe dừng lại phía trước tòa dinh thự: không thấy bóng dáng Jenkins đâu. Hugo lập tức xin lỗi Elizabeth,

rồi sau đó là các con ông ta, trước khi nói với họ ông ta nhớ tất cả bọn họ đến mức nào.

“Trà đã được chuẩn bị sẵn trong phòng khách rồi,” ông ta nói. “Mời ba mẹ con vào trong đó cùng bố khi mọi người đã sẵn sàng.”

Giles là người đầu tiên quay xuống dưới nhà và gượng gạo ngồi xuống chiếc ghế đối diện với bố mình. Trong khi hai bố con ngồi đợi Emma và mẹ cậu tới gia nhập cùng họ, ông bố chăm chú hỏi Giles liệu cậu có thích Scotland hay không, đồng thời cho biết cô bảo mẫu đã đưa Grace vào trung tâm Bristol để mua đồng phục đi học cho cô bé. Suốt khoảng thời gian đó Hugo không hề dǎ động tới Harry. Vài phút sau, khi mẹ và em gái Giles bước vào phòng, bố cậu lập tức đứng dậy. Khi hai người phụ nữ đã ngồi xuống, ông ta tự tay rót cho mỗi người một tách trà. Rõ ràng Hugo không hề muốn người làm nghe được những điều ông ta sắp sửa hé lộ.

Sau khi những người còn lại đã yên vị, bố Giles ngồi xuống mép ghế của ông ta và bắt đầu nhẹ giọng lên tiếng.

“Hãy cho bố bắt đầu bằng việc thừa nhận với mẹ và các con rằng cách cư xử của bố vào buổi tối tất cả mọi người đều mô tả như một màn trình diễn thành công rực rỡ của Emma quả thực là không thể chấp nhận được. Nguyên việc bố của con không có mặt ở đó khi màn hạ đã đủ tồi tệ rồi, Emma,” ông ta nói, nhìn thẳng về phía con gái, “nhưng cách bố hành xử với mẹ các con khi mọi người quay về nhà tối hôm đó thực sự không thể tha thứ được, và bố biết sẽ phải mất một thời gian trước khi một tổn thương sâu sắc như thế có thể nguôi ngoai.”

Hugo Barrington đưa hai bàn tay ôm lấy hai bên đầu, và Giles thấy bố cậu đang run rẩy. Cuối cùng ông ta cũng trấn tĩnh lại được.

“Tất cả mọi người, vì những lý do khác nhau, chắc đều muốn biết tại sao bố lại đối xử với Harry Clifton đầy thành kiến như thế trong suốt những năm qua. Đúng là bố không thể chịu đựng nổi sự hiện diện của cậu ấy, nhưng lỗi hoàn toàn là do bố gây ra. Khi mọi người biết được lý do, có lẽ mọi người sẽ có thể bắt đầu thấu hiểu, thậm chí thông cảm.”

Giles nhìn sang mẹ cậu, bà đang ngồi cứng người lại trên ghế. Không thể biết bà đang cảm thấy thế nào.

“Nhiều năm trước,” Barrington nói tiếp, “khi bố vừa mới trở thành giám đốc điều hành của công ty, bố đã thuyết phục hội đồng quản trị rằng chúng ta có thể lấn sân sang lĩnh vực đóng tàu, bất chấp sự phản đối của ông nội. Bố đã ký hợp đồng với một công ty Canada để đóng một con tàu chở hàng có tên là *Maple Leaf*. Hợp đồng này cuối cùng lại không chỉ là một thảm họa tài chính cho công ty, mà còn là một tai họa với cá nhân bố, một cơn ác mộng mà cho tới giờ bố vẫn chưa thể vượt qua được, và bố không chắc là sẽ có ngày bố vượt qua được. Hãy cho bố được giải thích.”

“Vào một buổi chiều nọ, một công nhân làm việc tại cầu tàu hùng hổ lao vào phòng làm việc của bố, nhất quyết khẳng định rằng bạn anh ta đã bị mắc kẹt lại trong vỏ thân tàu *Maple Leaf*, và nếu bố không lập tức ra lệnh mở vỏ tàu ra, bạn anh ta chắc chắn sẽ chết. Tất nhiên là bố lập tức đi tới cầu tàu, và người đốc công tại đó cam đoan với bố toàn bộ câu chuyện anh chàng công nhân kia kể đều không đúng sự thật. Dẫu thế, bố vẫn ra lệnh yêu cầu tất cả ngừng tay để chúng ta có thể nghe thấy bất cứ âm thanh nào vọng ra từ trong thân tàu. Bố đã đợi một thời gian khá lâu, nhưng vì không có âm thanh nào vang lên, bố liền ra lệnh cho mọi người trở lại làm việc, vì lúc đó công việc đã bị chậm tiến độ mất mấy tuần so với dự kiến.”

“Bố cứ nghĩ là người công nhân bị coi là mắc kẹt đấy sẽ lại có mặt chằm công vào ca sáng hôm sau. Nhưng anh ta không những chẳng hề xuất hiện, mà còn không còn ai thấy anh ta nữa. Khả năng rằng anh ta đã chết luôn đè nặng lên lương tâm bố kể từ dạo đó.” Hugo ngừng lời, ngẩng đầu lên và nói, “Tên người đàn ông đó là Arthur Clifton, và Harry là con trai duy nhất của anh ta.”

Emma bắt đầu thẫn thức.

“Bố muốn mọi người hãy cố hình dung, nếu có thể, cảm giác bố phải trải qua mỗi khi nhìn thấy cậu ấy, và nghĩ tới việc cậu ấy sẽ cảm thấy thế nào nếu đến lúc nào đó phát hiện ra rất có thể bố là người phải chịu trách nhiệm về cái chết của bố cậu ấy. Việc Harry Clifton trở thành người bạn thân nhất của Giles, và cũng là người yêu của con gái bố, quả thực đúng là một điều mà ta vốn chỉ thấy trong các vở bi kịch Hy Lạp mà thôi.”

Thêm một lần nữa, Hugo gục đầu vào hai lòng bàn tay, không nói thêm gì nữa trong suốt một hồi lâu. Cuối cùng, khi ngẩng đầu lên, ông ta nói, “Nếu mọi người muốn hỏi bố bất cứ câu hỏi nào, bố sẽ cố hết sức để trả lời.”

Giles đờ ị mẹ cậu lên tiếng trước. “Anh có bao giờ đồn một người vô tội vào tù vì một tội lỗi người đó không hề phạm phải hay không?” Elizabeth khẽ hỏi.

“Không, em yêu,” Barrington nói. “Anh hy vọng em hiểu anh đủ rõ để nhận thấy anh không có khả năng làm một chuyện như thế. Stan Tancock là một kẻ trộm vặt, anh ta đã đột nhập vào phòng làm việc của anh và ăn cắp tiền của anh. Chính vì anh ta là anh vợ của Arthur Clifton, chứ không phải vì lý do nào khác, mà anh đã nhận anh ta trở lại làm việc sau khi anh ta được thả ra tù.”

Lần đầu tiên Elizabeth mỉm cười.

“Bố, con không biết mình có được phép hỏi một câu không?” Giles lên tiếng.

“Có chứ, tất nhiên rồi.”

“Có đúng bố đã cho người theo dõi Harry và con khi chúng con đi tới Scotland không?”

“Phải, bố có làm thế, Giles. Bố nóng lòng muốn biết mẹ con và Emma đang ở đâu để bố có thể xin lỗi họ vì cách cư xử đáng xấu hổ của bố. Làm ơn hãy thứ lỗi cho bố.”

Tất cả mọi người đều chuyển sự chú ý sang Emma, cho tới lúc này cô vẫn chưa nói gì. Khi cô lên tiếng, những lời cô nói khiến tất cả kinh ngạc. “Bố sẽ phải nói cho Harry biết mọi thứ bố đã nói với anh em con và mẹ,” cô thì thầm khe khẽ, “và nếu anh ấy sẵn lòng tha thứ cho bố, khi đó bố sẽ phải đón nhận anh ấy đến với gia đình ta.”

“Bố sẽ rất vui được chào đón cậu ấy đến với gia đình ta, con yêu, cho dù cũng có thể hiểu được nếu cậu ấy không bao giờ muốn nói chuyện với bố nữa. Nhưng bố không thể cho cậu ấy biết sự thật về chuyện đã xảy đến với bố cậu ấy.”

“Tại sao lại không?” Emma hỏi.

“Vì mẹ của Harry đã nói rõ với bố rằng bà ấy không muốn có lúc nào đó con trai bà ấy biết bố mình đã chết như thế nào, vì cậu ấy

luôn được cho hay và cũng luôn tin rằng bố mình là một người đàn ông dũng cảm đã tử trận trong chiến tranh. Cho tới giờ phút này, bố đã giữ lời hứa không bao giờ để lộ cho bất cứ ai biết chuyện đã xảy ra vào cái ngày khủng khiếp đó.”

Elizabeth Barrington đứng dậy, bước tới bên chồng và dịu dàng hôn ông ta. Barrington như suy sụp và bật khóc. Một lát sau, Giles tới bên bố mẹ cậu và quàng một cánh tay lên vai ông bố.

Riêng Emma không hề suy sụp.

“Có phải mẹ cậu vẫn luôn đẹp thế hay không nhỉ?” Giles nói. “Hay chỉ đơn giản là tớ đang già đi?”

“Tớ không rõ,” Harry nói. “Tất cả những gì tớ có thể nói là mẹ cậu trông vẫn luôn lịch lãm như thế.”

“Cho dù tớ rất yêu quý mẹ mình, nhưng bà quả thực trông như đến từ thời tiền sử nếu so với mẹ cậu,” Giles nói trong lúc Elizabeth Barrington, một tay cầm ô, một tay cầm xác, đang nhìn về phía hai chàng trai.

Giles, giống như tất cả các học sinh nam khác, đã không khởi phát ồm lên khi nghĩ tới chuyện không biết mẹ mình sẽ lựa chọn trang phục ra sao. Còn về chuyện chọn mũ đội đầu, kết quả còn khủng khiếp hơn cả Ascot, nơi tất cả các bà mẹ và các cô con gái ganh đua đều cố tỏ ra nổi trội hơn kẻ khác.

Harry quan sát mẹ cậu kỹ lưỡng hơn trong lúc bà trò chuyện với tiến sĩ Paget. Cậu buộc phải thừa nhận rằng mẹ mình thu hút nhiều sự chú ý hơn hẳn các bà mẹ khác, một điều khiến cậu cảm thấy hơi bối rối. Nhưng cậu cũng thấy nhẹ lòng vì bà dường như không còn bị những nỗi lo lắng về tài chính đè nặng lên vai nữa, và đoán rằng người đàn ông đứng bên phải mẹ cậu hẳn có ít nhiều liên quan tới chuyển biến đáng mừng này.

Cho dù biết ơn ông Atkins, cậu cũng không thích thú gì ý tưởng ông ta sẽ trở thành bố dượng của mình. Có thể trong quá khứ ông Barrington đã tỏ ra quá quyết liệt trong việc bao bọc con gái, nhưng

Harry chẳng thể phủ nhận được cậu cũng có cảm giác tương tự khi chuyện liên quan tới mẹ mình.

Gần đây bà có nói với cậu rằng ông Frampton rất hài lòng với công việc bà thực hiện tại khách sạn, chính vì thế ông này đã chỉ định bà làm người quản lý ca đêm và tăng thêm một bậc lương cho bà. Và chắc chắn Harry sẽ không còn phải đợi tới khi quần của cậu trở nên quá ngắn trước khi chúng được thay thế nữa. Nhưng dẫu vậy cậu vẫn không khỏi ngạc nhiên khi bà không bình luận gì về chi phí cho chuyến đi tới Rome của cậu cùng Hiệp hội cảm thụ mỹ thuật.

“Thật vui được gặp cháu, Harry, vào ngày vinh quang của cháu,” bà Barrington nói. “Hai giải thưởng, nếu cô nhớ không nhầm. Cô chỉ lấy làm tiếc Emma không thể có mặt cùng chúng ta để chung vui với thành công của cháu, nhưng như cô Webbs đã nói, các học sinh của bà ấy không được phép xin nghỉ học cả buổi sáng để dự ngày trao phần thưởng của ai đó, cho dù anh trai của cô nữ sinh này có là đại diện cho học sinh của trường đi nữa.”

Ông Barrington bước tới bên họ, và Giles chăm chú theo dõi bố mình trong lúc ông này bắt tay Harry, vẫn có sự gì đó xa cách lạnh lùng từ phía bố cậu, cho dù không ai có thể phủ nhận ông ta đã cố hết sức để giấu đi thái độ này.

“Vậy khi nào thì cậu dự kiến sẽ nhận được lời hồi đáp từ Oxford, Harry?” Barrington hỏi.

“Chắc là trong tuần sau, thưa ngài.”

“Tôi tin chắc họ sẽ dành cho cậu một chỗ, cho dù tôi dám ngờ rằng chuyện này với Giles sẽ rất sít sao.”

“Ngài đừng quên cậu ấy cũng có phút vinh quang của riêng mình,” Harry nói.

“Cô không thể nhớ ra khoảnh khắc ấy,” bà Barrington nói.

“Con nghĩ Harry đang nhắc tới cú ghi điểm một trăm con thực hiện được tại Lord đấy, mẹ ơi.”

“Cho dù đó quả là một thành tích đáng ngưỡng mộ, bố quả thực không thể hình dung được bằng cách nào mà nó có thể giúp con vào được Oxford,” bố Giles nói.

“Bình thường chắc con sẽ phải đồng ý với bố,” Giles nói, “nếu không phải lúc đó ông giáo sư Lịch sử đang ngồi cạnh ông chủ tịch của MCC.”

Tiếng cười vang lên sau đó bị át đi bởi tiếng chuông. Các cậu học sinh bắt đầu hối hả đi về phía hội trường lớn, trong khi bố mẹ họ trật tự theo sau cách vài bước chân.

Giles và Harry ngồi vào chỗ dành cho các giám thị và học sinh đoạt giải thưởng ở ba hàng ghế trên cùng.

“Cậu còn nhớ ngày đầu tiên của bọn mình ở St. Bede không?” Harry nói, “khi tất cả bọn mình đều ngồi trên hàng ghế trên cùng, sợ tiến sĩ Oakshott đến mức gần như mất vía?”

“Tớ chưa bao giờ sợ thầy Shot cả,” Giles nói.

“Không, hẳn là cậu không sợ rồi,” Harry nói.

“Nhưng tớ còn nhớ khi bọn mình xuống ăn sáng vào buổi sáng đầu tiên, cậu đã liếm bát cháo của cậu.”

“Và tớ vẫn nhớ cậu đã thề không bao giờ nhắc lại chuyện đó nữa,” Harry thì thào.

“Và tớ xin hứa sau này sẽ không bao giờ nhắc lại nữa,” Giles đáp lại không hề thì thào. “Tên của cái anh chàng giám thị kinh khủng đã dùng dép đánh cậu tối đầu tiên là gì ấy nhỉ?”

“Fisher,” Harry đáp. “Và chuyện đó xảy ra vào buổi tối thứ hai.”

“Không biết bây giờ hẳn ta đang làm gì nhỉ?”

“Có thể hẳn đang làm giám thị tại một trại thanh niên Quốc xã.”

“Vậy là một lý do đủ tốt để ra trận rồi,” Giles nói trong lúc tất cả mọi người trong hội trường đứng dậy chào ông chủ tịch hội đồng quản lý cùng các thành viên trong hội đồng.

Một đoàn những người đàn ông ăn mặc lịch lãm chậm rãi bước xuống theo lối đi và bước lên sân khấu. Người cuối cùng ngồi xuống là ông Barton, hiệu trưởng, nhưng chỉ sau khi ông đã mời vị khách danh dự ngồi xuống chiếc ghế trung tâm dưới hàng ghế đầu.

Khi mọi người đều đã yên vị, ông hiệu trưởng đứng dậy để chào mừng các bậc cha mẹ học sinh và khách mời, trước khi đọc báo cáo tổng kết hàng năm của trường. Ông bắt đầu bằng việc mô tả năm 1938 là một năm thành công rực rỡ, và trong hai mươi phút tiếp theo, ông hiệu trưởng ra sức minh họa cho tuyên bố kể trên, đưa ra

những chi tiết về thành quả trong học tập và thi đấu thể thao. Ông kết thúc bài phát biểu bằng việc mời quý ông Nghị sĩ Winston Churchill, Chủ tịch của Đại học Bristol và Nghị sĩ đại diện cho vùng Epping lên phát biểu với toàn trường và trao các phần thưởng.

Ông Churchill chậm rãi đứng dậy khỏi chỗ của mình và đưa mắt nhìn về phía đám đông thính giả một lúc trước khi bắt đầu nói.

“Một số vị khách danh dự sẽ bắt đầu bài diễn thuyết của họ bằng cách nói với thính giả rằng họ không bao giờ dành được giải thưởng nào khi còn đi học, rằng thực ra họ luôn xếp đội sổ trong lớp. Tôi sẽ không đưa ra một tuyên bố như thế: dù cho chắc chắn là tôi chưa bao giờ dành được một giải thưởng nào, ít nhất tôi cũng không bao giờ đội sổ trong lớp - tôi là người thứ nhì từ dưới lên trên.” Các cậu học sinh cười rộ lên và hoan hô, trong khi các giáo viên mỉm cười. Chỉ mình Deakins vẫn dửng dưng.

Sau khi tiếng cười đã lắng xuống, Churchill nghiêm mặt lại. “Hiện nay đất nước chúng ta đang đối diện với một trong những thời khắc lớn lao của lịch sử, khi người Anh rất có thể một lần nữa lại được yêu cầu phải đưa ra quyết định cho số phận của thế giới tự do. Rất nhiều người trong các bạn có mặt tại hội trường này...” Vị khách danh dự hạ giọng xuống và tập trung sự chú ý vào những hàng ghế ngồi đầy các cậu thanh niên trẻ trước mặt ông, và không nhìn về phía bố mẹ họ lấy một lần.

“Những ai trong chúng ta từng sống qua Cuộc Chiến Vĩ Đại sẽ không bao giờ quên những mất mát bi thương mà đất nước chúng ta đã phải chịu đựng, cũng như hậu quả nó gây lên cả một thế hệ. Trong số hai mươi chàng trai cùng lớp với tôi tại Harrow ra trận phục vụ ngoài tiền tuyến, chỉ có ba người sống đủ lâu để được bầu cử. Tôi chỉ hy vọng rằng bất cứ ai được vinh dự thực hiện bài phát biểu này sau hai mươi năm nữa sẽ không còn cần phải nhắc tới sự lãng phí sinh mạng một cách dã man và vô ích đó như là Thế Chiến Thứ Nhất. Với niềm hy vọng duy nhất đó, tôi chúc tất cả các bạn một cuộc sống dài lâu, hạnh phúc và thành đạt.”

Giles là một trong những người đầu tiên đứng dậy dành cho vị khách danh dự một tràng vỗ tay hoan hô nhiệt thành trong lúc ông trở về chỗ ngồi. Cậu cảm thấy nếu nước Anh bị đẩy tới chỗ không còn lựa chọn nào khác ngoài chiến tranh, thì đây chính là con người

nên thay thế Neville Chamberlain và trở thành thủ tướng. Khi tất cả mọi người đã ngồi xuống trở lại vài phút sau, ông hiệu trưởng mời ông Churchill lên trao các phần thưởng.

Giles và Harry reo lên khi ông Barton không chỉ tuyên bố Deakins là học sinh xuất sắc nhất của năm mà còn nói thêm, “Sáng nay tôi vừa nhận được một bức điện tín từ hiệu trưởng Balliol College tại Oxford, cho hay Deakins đã được trao học bổng cao cấp truyền thống. Tôi cũng xin nói thêm,” ông Barton nói tiếp, “chàng trai này chính là học sinh đầu tiên nhận được vinh dự này trong suốt lịch sử bốn trăm năm của nhà trường.”

Giles và Harry lập tức đứng bật dậy, trong khi một cậu thanh niên gầy gò cao sáu foot hai inches đeo đôi kính dày cộp, mặc một bộ áo vét rộng thùng thình treo trên người cậu như thể chưa bao giờ rời khỏi giá treo từ tốn bước lên sân khấu. Ông Deakins muốn đứng dậy và chụp một kiểu ảnh con trai ông đang được ông Churchill trao phần thưởng, nhưng rồi đã không làm thế, vì sợ ông có thể bị mọi người cau mày khó chịu.

Harry nhận được một màn chào đón nồng nhiệt khi cậu được tặng giải thưởng Anh ngữ, cũng như giải thưởng đọc sách của trường. Ông hiệu trưởng nói thêm, “Sẽ không ai trong chúng ta quên được màn trình diễn của chàng trai này trong vai Romeo. Tất cả chúng ta hãy cùng hy vọng rằng Harry sẽ là một trong những người nhận được một bức điện tín trong tuần sau mời vào học tại Oxford.”

Khi ông Churchill trao giải thưởng cho Harry, ông thì thầm, “Tôi chưa bao giờ được tới trường đại học. Tôi ước gì mình từng có cơ hội đó. Chúng ta hãy hy vọng cậu nhận được bức điện, Clifton. Chúc may mắn.”

“Cảm ơn ngài,” Harry nói.

Nhưng màn hoan hô vang dội nhất của ngày hôm ấy được dành cho Giles Barrington khi chàng trai trẻ bước lên nhận giải thưởng của hiệu trưởng dành cho đại diện học sinh của trường và đội trưởng đội cricket. Trước sự ngạc nhiên của vị khách danh dự, ông chủ tịch hội đồng quản lý đứng dậy bắt tay Giles trước khi cậu tới được chỗ ông Churchill.

“Đây là cháu trai tôi, thưa ngài,” Sir Walter giải thích, không giấu nổi vẻ tự hào.

Churchill mỉm cười, nắm lấy tay Giles, ngược lên nhìn chàng trai và nói, “Hãy chắc rằng cậu sẽ phụng sự tổ quốc mình cũng xuất sắc như cách mà rõ ràng cậu đã cống hiến cho trường của cậu.”

Đây chính là khoảnh khắc mà Giles biết chính xác mình sẽ làm gì nếu nước Anh tham chiến.

Sau khi buổi lễ kết thúc, các học sinh, các bậc cha mẹ cùng các giáo viên đồng loạt đứng dậy hát bài *Carmen Bristoliense*.

Sit clarior, sit dignior, quotquot labuntur menses:

Sit primus nobis hic decor, Sumus Bristolienses.

(Hãy làm cho nó nổi tiếng hơn, hãy làm cho nó xứng danh hơn, cho dù bao năm tháng trôi qua:

Hãy để đây là niềm tự hào thứ nhất của chúng ta, chúng ta là những người Bristol.)

Sau khi đoạn điệp khúc cuối cùng đã lắng xuống, ông hiệu trưởng dẫn vị khách danh dự và các giáo viên của trường rời khỏi sân khấu, đi từ trong hội trường ra ngoài ánh hoàng hôn. Một lát sau, tất cả những người còn lại cùng ra ngoài bãi cỏ, gia nhập vào họ để dự bữa tiệc chiều. Có ba chàng trai trẻ đặc biệt được chú ý vây quanh bởi những người muốn ngỏ lời chúc mừng, cũng như một nhóm các cô gái nghĩ rằng Giles “thật dễ thương.”

“Đây là ngày đáng tự hào nhất trong đời mẹ,” mẹ Harry nói khi bà ôm chầm lấy con trai.

“Tôi biết cảm xúc của bà, bà Clifton,” Già Jack nói, trong lúc ông bắt tay Harry. “Ta chỉ ước gì cô Monday sống đủ lâu để nhìn thấy cậu hôm nay, vì ta tin chắc nếu thế hẳn hôm nay cũng sẽ là ngày hạnh phúc nhất trong cuộc đời bà ấy.”

Thầy Holcombe đứng qua một bên và kiên nhẫn chờ đợi để tới lượt góp thêm lời chúc mừng của mình. Harry giới thiệu thầy giáo cũ của mình với đại úy Tarrant, không hề hay biết rằng hai người vốn là bạn lâu năm.

Khi ban nhạc đã ngừng chơi, khi các vị khách quan và các bậc phụ mẫu đã rời khỏi, Giles, Harry và Deakins ngồi bên nhau trên bãi cỏ, hồi tưởng lại những gì đã qua, khi giờ đây họ không còn là những cậu học sinh nữa.

Một bức điện được học sinh lớp dưới mang tới phòng học cho Harry vào chiều thứ Năm. Giles và Deakins kiên nhẫn chờ đợi bạn mình mở phong bì ra, nhưng thay vì làm thế Harry lại đưa cái phong bì nhỏ màu nâu cho Giles.

“Lại trút gánh nặng sang người khác,” Giles nói trong lúc mở phong bì ra. Cậu ta không giấu nổi ngạc nhiên khi đọc nội dung bức điện.

“Cậu đã không thành công,” Giles nói, giọng có vẻ choáng váng. Harry buông mình nặng nề xuống ghế. “Trong việc giành một học bổng toàn phần. Tuy nhiên,” Giles đọc tiếp bức điện thật lớn tiếng, *“Chúng tôi rất vui mừng được dành cho anh một học bổng tài năng của Brasenose College, Oxford. Nhiệt liệt chúc mừng anh. Các chi tiết sẽ được thông báo sau vài ngày tới, W.T.S. Stallybrass, Hiệu trưởng.* Không tồi, nhưng rõ ràng cậu không ở cùng đẳng cấp với Deakins.”

“Thế còn cậu ở đẳng cấp nào?” Harry nói, và ngay lập tức thấy ân hận những lời vừa nói ra.

“Một sinh viên học bổng toàn phần, một sinh viên học bổng thành tích...”

“Học bổng tài năng,” Deakins chữa lại.

“Và một học sinh thường,” Giles nói tiếp, tảng lờ câu đính chính của cậu bạn. “Quả là một vòng tròn vừa vặn đẹp đẽ.”

Thêm mười một bức điện nữa được chuyển tới các ứng viên thành công tại Bristol Grammar School ngày hôm ấy, nhưng không

có bức điện nào được gửi cho Giles Barrington.

“Cậu cần phải cho mẹ cậu biết,” Giles nói khi ba người bạn tới nhà ăn để ăn tối. “Có khi mẹ cậu đã mất ngủ cả tuần, bồn chồn lo lắng về chuyện này đấy.”

Harry nhìn đồng hồ. “Quá muộn rồi, bây giờ mẹ tớ chắc đã đi làm rồi. Tớ sẽ không thể cho mẹ biết cho tới tận sáng mai.”

“Sao bọn mình không tới khách sạn và làm mẹ cậu bất ngờ nhỉ?” Giles nói.

“Tớ không thể làm thế. Bà luôn cho rằng việc quấy rầy bà trong lúc bà đang làm việc là không hay, và tớ không nghĩ là tớ có thể tạo ra một ngoại lệ, kể cả vì cái này,” chàng trai nói, vẫy bức điện trên tay đầy đắc thắng.

“Nhưng cậu không nghĩ mẹ cậu có quyền được biết sao?” Giles nói. “Nói cho cùng, mẹ cậu đã hy sinh mọi thứ để giúp chuyện này có thể trở thành hiện thực với cậu. Thẳng thắn mà nói, nếu người ta dành cho tớ một chỗ ở Oxford, tớ sẽ quấy quả mẹ tớ cho dù bà đang phát biểu trước Hiệp hội các bà mẹ. Cậu có đồng ý thế không hả Deakins?”

Deakins gỡ kính ra và bắt đầu dùng khăn mùi soa lau kính, một dấu hiệu cho thấy cậu ta đang chăm chú suy nghĩ, “Tớ sẽ đi hỏi Paget, và nếu ông ấy không phản đối...”

“Ý kiến hay đấy,” Giles nói. “Vậy bọn mình cùng đi gặp Paget.”

“Cậu cũng đi chứ, Deakins?” Harry hỏi, nhưng rồi nhận ra cặp kính của Deakins đã quay trở lại ngự trên sống mũi của cậu, một dấu hiệu cho biết cậu đã bị mang tới một thế giới khác.

“Nhiệt liệt chúc mừng em,” tiến sĩ Paget nói sau khi ông đã đọc qua bức điện. “Và vô cùng xứng đáng, nếu tôi có thể bày tỏ quan điểm của mình.”

“Em cảm ơn thầy,” Harry nói. “Em không biết mình có thể tới khách sạn Royal để báo cho mẹ biết tin này được không?”

“Tôi không thấy có bất cứ lý do nào khiến em không thể làm vậy, Clifton.”

“Em có thể đi cùng cậu ấy không ạ?” Giles hỏi với vẻ vô hại.

Paget do dự. “Được, em có thể, Barrington. Nhưng đừng có nghĩ tới chuyện uống rượu hay hút thuốc trong khi ở khách sạn đấy.”

“Thậm chí một ly sâm-panh cũng không được sao, thưa thầy?”

“Không, Barrington, ngay cả một ly rượu táo cũng không,” Paget nghiêm khắc nói.

Trong khi hai chàng trai trẻ rảo bước ra khỏi cổng trường, họ đi ngang qua một người đốt đèn đang đứng trên chiếc xe đạp của anh ta, vươn người lên để thắp một ngọn đèn đường. Hai người bạn trò chuyện về kỳ nghỉ hè, khi Harry có thể lần đầu tiên đi cùng gia đình Giles tới Tuscany, và nhất trí rằng họ sẽ phải quay về kịp thời gian để xem đội Australia thi đấu với đội Gloucestershire tại sân nhà. Hai chàng trai thảo luận về khả năng, hay theo như Harry, về triển vọng chiến tranh sẽ được tuyên bố khi giờ đây tất cả mọi người đều đã được phát mặt nạ phòng hơi độc. Nhưng không ai trong họ đụng chạm tới một chủ đề đang lớn vồn trong tâm trí của cả hai: liệu Giles có tới Oxford cùng Harry và Deakins vào tháng Chín hay không?

Khi đôi bạn tới gần khách sạn, Harry lại cảm thấy ngần ngại với việc quấy rầy mẹ cậu trong lúc bà đang làm việc, nhưng Giles đã bước qua cánh cửa quay và đang đứng chờ cậu trong tiền sảnh.

“Sẽ chỉ mất vài phút thôi,” Giles nói khi Harry tới bên cậu ta. “Hãy chỉ nói với mẹ cậu tin vui và thế là chúng ta có thể ngay lập tức quay về trường.”

Harry gật đầu.

Giles hỏi người gác cửa Palm Court nằm ở đâu, và ông này chỉ hai cậu thanh niên về phía một khu có nền tôn cao ở cuối tiền sảnh. Sau khi leo lên sáu bậc cấp, Giles tới bên bàn tiếp tân và hạ giọng hỏi, “Chúng tôi có thể nói nhanh vài lời với bà Clifton được không?”

“Bà Clifton ư?” cô gái hỏi lại. “Bà ấy đã đặt chỗ trước chưa ạ?” Cô lướt ngón tay lần xuống một bản danh sách.

“Không, bà ấy làm việc ở đây,” Giles nói.

“Ồ, tôi mới vào làm,” cô gái nói, “nhưng tôi sẽ hỏi người trong tổ phục vụ bàn. Chắc họ sẽ biết.”

“Cảm ơn cô.”

Harry vẫn đứng lại ở bậc cấp dưới cùng, đưa mắt nhìn quanh phòng tìm kiếm mẹ mình.

“Hattie,” cô gái tiếp tân hỏi một người phục vụ bàn đi ngang qua, “có bà Clifton nào làm việc ở đây không?”

“Bà ấy không còn làm ở đây nữa,” câu trả lời xuất hiện ngay lập tức. “Bà ấy đã thôi việc chừng hai năm trước rồi. Từ dạo đó tôi không còn nghe nói gì đến bà ấy nữa.”

“Chắc phải có một nhầm lẫn nào đó,” Harry nói, lao lên các bậc cấp tới bên cạnh bạn mình.

“Cô có biết liệu chúng tôi có thể tìm bà ấy ở đâu không?” Giles hỏi, luôn hạ giọng xuống thật khẽ.

“Không,” Hattie nói. “Nhưng cậu có thể hỏi qua Doug, người gác ca đêm. Ông ấy đã làm ở đây lâu lắm rồi.”

“Cảm ơn cô,” Giles nói, rồi quay sang Harry, cậu nói thêm, “Hãy phải có một lời giải thích đơn giản nào đó, nhưng nếu cậu muốn để yên mọi chuyện...”

“Không, chúng ta hãy thử xem Doug có biết mẹ tớ ở đâu không.”

Giles từ tốn bước tới bàn của người gác cửa, dành cho Harry đủ thời gian để cậu thay đổi ý định, song Harry vẫn không nói gì. “Ông có phải là Doug không ạ?” cậu hỏi một người đàn ông mặc chiếc áo khoác màu xanh đã bạc màu với hàng khuy cài không còn bóng nữa.

“Vâng, chính tôi đây,” ông này đáp. “Tôi có thể giúp gì được cho cậu?”

“Chúng tôi tìm bà Clifton.”

“Maisie không còn làm việc ở đây nữa. Bà ấy đã thôi không còn làm ở đây có lẽ phải đến hai năm rồi.”

“Ông có biết bây giờ bà ấy làm việc ở đâu không?”

“Tôi không biết.”

Giles móc ví, lấy ra một đồng nửa crown và đặt lên bàn. Người gác cửa nhìn nó một lát trước khi nói. “Có thể cậu sẽ tìm thấy bà ấy tại *Câu lạc bộ đêm của Eddie*.”

“Eddie Atkins ư?” Harry hỏi.

“Tôi tin đúng là thế.”

“À, chuyện này giải thích mọi thứ,” Harry nói. “Và *Câu lạc bộ đêm của Eddie* nằm ở đâu vậy?”

“Ở Welsh Back, thưa cậu,” người gác cửa nói trong lúc cho đồng nửa crown vào túi.

Harry rời khỏi khách sạn không nói thêm một lời và lao lên băng ghế sau một chiếc taxi đang đợi sẵn. Giles chui vào ngồi xuống bên cạnh. “Cậu không nghĩ bọn mình nên quay lại trường sao?” Giles vừa nói vừa nhìn đồng hồ. “Kiểu gì cậu cũng có thể báo cho mẹ cậu biết vào sáng mai.”

Harry lắc đầu. “Chính cậu đã nói mình sẽ sẵn sàng quấy quả mẹ cậu cho dù bà đang phát biểu trước Hiệp hội các bà mẹ,” Harry nhắc lại với bạn mình. “Làm ơn cho chúng tôi tới *Câu lạc bộ đêm Eddie*,” cậu kiên quyết nói.

Harry không nói gì trong suốt chuyến đi ngắn. Khi chiếc taxi rẽ vào một đường hẻm tối tăm và dừng lại bên ngoài *Câu lạc bộ Eddie*, cậu chui ra khỏi xe và bước về phía lối vào.

Harry gõ mạnh lên cửa. Một ô cửa sập mở ra và một cặp mắt xuất hiện, nhìn chằm chằm vào hai chàng trai trẻ. “Phí vào cửa là năm shiling mỗi người,” một giọng nói vang lên đằng sau đôi mắt. Giles đưa một tờ bạc mười shiling qua khe cửa. Cửa mở ra ngay lập tức.

Hai chàng trai bước xuống một cầu thang được chiếu sáng lờ mờ và tới một tầng hầm. Giles nhìn thấy bà trước và vội vã quay lại để rời đi, nhưng đã quá muộn. Harry đang nhìn chằm chằm, sững sờ như hóa đá, về phía một hàng các cô gái ngồi trên ghế đầu chân cao ở quầy bar, vài người đang tán chuyện cùng những người đàn ông, vài người khác ngồi một mình. Một trong số họ, mặc áo trắng trong suốt, một chiếc váy da ngắn màu đen và đi tất đen, lập tức bước lại gần hai cậu thanh niên và nói, “Tôi có thể giúp gì các cậu không, các quý ông trẻ tuổi?”

Harry tăng lờ cô ta. Đôi mắt cậu nhìn chằm chằm vào một người phụ nữ ngồi ở phía xa của quầy bar, lúc này đang chăm chú lắng nghe một người đàn ông có tuổi trong khi bàn tay ông này đặt trên đùi cô ta. Cô gái nhìn theo để xem người chàng trai đang ngó chăm chú là ai. “Tôi phải nói là cậu có con mắt tinh đời đó,” cô ta nói. “Nhắc luôn để cậu hay, Maisie có thể rất kén chọn đấy, và tôi cũng phải cảnh báo cậu là cô ta không rẻ đâu.”

Harry quay người lại, lao thốc lên các bậc thang, đẩy cửa và chạy ra ngoài đường, trong lúc Giles vội vã đuổi theo bạn. Sau khi đứng lại trên vỉa hè, Harry khụy xuống hai đầu gối và bắt đầu nôn thốc

nôn tháo. Giles cúi xuống, quàng một cánh tay quanh người Harry, cố an ủi bạn mình.

Một người đàn ông từ nãy vẫn đứng trong bóng tối bên kia đường tập tễnh rời đi.

EMMA BARRINGTON



1932 - 1939

Tôi sẽ không bao giờ quên lần đầu tiên tôi trông thấy anh.

Anh tới dùng bữa chiều tại Manor House để mừng ngày sinh nhật thứ mười hai của anh trai tôi. Anh thật lạnh lẽ, giữ ý tới mức tôi thậm tự hỏi làm thế nào anh có thể trở thành người bạn thân nhất của Giles được. Người bạn còn lại của anh trai tôi, Deakins, quả thực là kỳ lạ. Anh ta không ngừng ăn dù chỉ một giây và cả buổi chiều hầu như chẳng nói lấy một lời.

Và rồi sau đó Harry lên tiếng, một giọng nói nhẹ nhàng, êm ái khiến bạn muốn lắng nghe. Bữa tiệc sinh nhật có vẻ đã diễn ra suôn sẻ cho tới khi bố tôi lao vào phòng, và sau đó anh hầu như không nói gì nữa. Tôi chưa từng thấy bố tôi mất bình tĩnh đến thế với ai bao giờ, và tôi không thể hiểu nổi tại sao ông lại cư xử như vậy với một người hoàn toàn xa lạ. Nhưng còn khó giải thích hơn nữa là phản ứng của bố khi ông hỏi Harry ngày sinh nhật của anh là khi nào. Tại sao một câu hỏi vô thưởng vô phạt như thế lại có thể gây ra phản ứng cực đoan đến vậy chứ? Một lát sau thì bố tôi đứng dậy rời khỏi phòng, thậm chí còn không chào tạm biệt Giles và hai người bạn của anh. Tôi có thể thấy mẹ rất bối rối trước cách xử sự của bố, cho dù bà rót thêm một tách trà nữa và giả bộ như không thấy gì.

Vài phút sau, anh trai tôi và hai người bạn quay trở lại trường. Anh quay lại mỉm cười với tôi trước khi ra về, nhưng giống như mẹ, tôi giả bộ như không để ý. Nhưng khi cửa trước đóng lại, tôi đứng bên cửa sổ phòng khách dõi theo trong lúc chiếc xe chạy xa dần trên lối đi rồi khuất khỏi tầm nhìn. Tôi nghĩ mình đã nhìn thấy anh ngoái lại nhìn qua khung cửa sau xe, song tôi không dám chắc.

Sau khi họ đi khỏi, mẹ đi thẳng vào phòng làm việc của bố và tôi có thể nghe thấy hai người to tiếng với nhau, việc ngày càng trở nên thường xuyên hơn dạo gần đây. Khi mẹ quay ra, bà mỉm cười với tôi như chưa hề có chuyện gì bất thường xảy ra.

“Tên của anh bạn thân nhất của anh Giles là gì vậy mẹ?” tôi hỏi.

“Harry Clifton,” mẹ tôi trả lời.

* * *

Lần tiếp theo tôi nhìn thấy Harry Clifton là trong buổi lễ Mùa vọng tại St. Mary Redcliffe. Anh đã hát bài *Ôi thành Bethlehem nhỏ bé*, và cô bạn thân nhất của tôi, Jessica Braithwaite, buộc tội tôi đã xỉ đi như thể anh là Bing Crosby mới vậy. Tôi cũng chẳng buồn chối nữa. Tôi thấy anh tán chuyện với Giles sau buổi lễ, và hẳn tôi đã có thể bước tới chúc mừng anh, song dường như bố lại rất vội muốn về nhà. Khi chúng tôi ra về, tôi thấy mẹ anh đang ôm chầm lấy anh.

Tôi cũng có mặt tại St. Mary Redcliffe vào buổi tối anh bị vỡ giọng, nhưng lúc ấy tôi không hiểu tại sao lại có quá nhiều cái đầu quay đi quay lại và vài người trong đám đông dự lễ bắt đầu thì thầm trao đổi với nhau. Tất cả những gì tôi biết là sau đó tôi không bao giờ còn được nghe anh hát nữa.

Khi Giles được đưa tới trường trung học vào ngày nhập trường, tôi khẩn khoản xin mẹ cho tôi đi cùng, chỉ vì tôi muốn gặp Harry. Nhưng bố tôi nhất định không đồng ý, và bất chấp chuyện tôi òa lên khóc một cách rất có kiểm soát, họ vẫn để tôi lại trên bậc thềm cao nhất cùng cô em gái Grace của tôi. Tôi biết bố đang bực vì chuyện anh Giles không giành được một chỗ học tại Eton, một điều tôi không thể hiểu nổi, vì vô khối anh chàng còn đầu đất hơn anh trai tôi nhiều đã qua được kỳ thi đó. Mẹ dường như không mấy bận tâm với việc Giles sẽ vào học trường nào, trong khi tôi rất vui vì anh trai mình tới học tại Bristol Grammar School, vì điều này đồng nghĩa với việc tôi sẽ có nhiều cơ hội hơn để gặp lại Harry.

Trên thực tế, chắc hẳn tôi đã có cơ hội gặp anh ít nhất cả chục lần trong ba năm sau đó, nhưng anh chẳng bao giờ nhớ được bất cứ lần nào trong những dịp đó, cho tới khi chúng tôi gặp nhau ở Rome.

Cả nhà tôi đang ở biệt thự của gia đình tại Tuscany mùa hè năm ấy thì Giles kéo tôi sang một bên và nói anh cần đến lời khuyên của tôi. Ông anh tôi luôn làm thế mỗi khi anh muốn điều gì đó. Nhưng lần này hóa ra đó lại là một chuyện tôi cũng mong muốn chẳng kém gì anh.

“Vậy lần này anh muốn em làm gì đây?” tôi hỏi.

“Anh cần một cái cớ để đến Rome ngày mai,” ông anh tôi nói, “vì anh đang định hẹn gặp Harry.”

“Harry nào cơ?” tôi giả bộ dừng dưng.

“Harry Clifton, đồ ngốc. Cậu ấy đang có chuyến đi tới Rome do trường tổ chức và anh đã hứa sẽ lên đó chơi với cậu ấy một ngày.” Anh tôi chẳng cần phải nói thẳng ra rằng, chắc chắn bố sẽ không đồng ý. “Tất cả những gì em phải làm,” anh tôi nói tiếp, “là hỏi mẹ xem bà ấy có thể đưa em tới Rome ngày mai được không.”

“Nhưng mẹ sẽ cần biết tại sao em muốn tới Rome.”

“Hãy nói với mẹ là em vẫn luôn muốn tới thăm biệt thự Borghese.”

“Nhưng sao lại là biệt thự Borghese?”

“Bởi vì đó là nơi Harry sẽ có mặt lúc mười giờ sáng mai.”

“Nhưng nếu mẹ đồng ý đưa em đi thì sao? Lúc đó coi như anh công toi.”

“Không thể nào. Bố mẹ đã hẹn ăn trưa với gia đình Henderson ở Arezzo ngày mai, vì thế anh sẽ tình nguyện làm người tháp tùng em.”

“Và để đổi lại em sẽ được gì nào?” tôi hỏi, vì tôi không muốn Giles biết tôi háo hức được gặp Harry đến thế nào.

“Cái máy quay đĩa của anh,” ông anh tôi nói.

“Cho hẳn, hay chỉ cho mượn thôi?”

Giles không nói gì một lúc lâu. “Cho hẳn,” anh miễn cưỡng nói.

“Đưa nó cho em ngay bây giờ,” tôi nói, “hoặc anh có thể quên chuyện này đi.” Trước sự ngạc nhiên của tôi, anh chấp nhận làm vậy thật.

Tôi thậm chí còn ngạc nhiên hơn khi mẹ tôi quả thực mắc lừa mẹo nhỏ của anh ấy. Anh Giles thậm chí còn chẳng phải tự xưng phong làm người tháp tùng tôi; bố kiên quyết buộc anh phải đi cùng. Ông

anh ma mãnh của tôi trưng ra một màn cự nự phản đối, nhưng rồi cuối cùng cũng đành cam chịu.

Tôi dậy sớm vào sáng hôm sau và dành ra một thời gian khá lâu để ngẫm nghĩ xem nên mặc gì. Món đồ đó cần phải tương đối đứng đắn nếu không muốn mẹ trở nên nghi ngờ, nhưng mặt khác tôi lại muốn đoán chắc là Harry sẽ để mắt tới mình.

Trong khi đi tàu đến Rome, tôi chui vào trong buồng vệ sinh, xỏ vào một đôi tất lụa của mẹ và thoa một chút son lên môi, vừa đủ để Giles không nhận thấy.

Sau khi hai anh em nhận phòng khách sạn, Giles muốn tới biệt thự Borghese ngay lập tức. Và tôi cũng vậy.

Trong lúc chúng tôi đi bộ qua các khu vườn hướng về phía tòa biệt thự, một người lính quay lại nhìn tôi. Đây là lần đầu tiên chuyện này diễn ra, và tôi có thể cảm thấy hai má mình đỏ bừng lên.

Anh em tôi vừa vào trong phòng trưng bày là Giles lập tức lao đi tìm Harry. Tôi nán lại phía sau, giả bộ rất say sưa chiêm ngưỡng các bức họa và những pho tượng. Tôi cần thực hiện một màn ra mắt đúng điệu.

Khi tôi cuối cùng cũng bắt kịp được với họ, tôi thấy Harry đang trò chuyện với anh trai mình, cho dù Giles thậm chí còn chẳng buồn giả bộ lắng nghe bạn nói, vì anh ấy rõ ràng đã bị cô nàng hướng dẫn viên hút hết cả hồn vía. Nếu anh hỏi ý kiến tôi, tôi đã có thể cho anh ấy biết anh sẽ chẳng có chút cơ hội nào hết. Nhưng các ông anh trai hiếm khi chịu lắng nghe em gái họ về những chuyện liên quan tới phụ nữ; tôi hẳn đã khuyên anh ấy dành lời tán thưởng đôi giày cô nàng đang đi, một thứ thực sự khiến tôi ghen tỵ. Đám đàn ông luôn nghĩ người Ý chỉ nổi tiếng về thiết kế xe hơi. Một ngoại lệ cho quy luật này là đại úy Tarrant, người biết chính xác nên cư xử với một quý bà như thế nào. Anh tôi có thể học được rất nhiều từ ngài đại úy. Giles chỉ coi tôi như cô em gái vụng về của anh, mà kỳ thực anh ấy cũng chẳng hiểu vụng về thực sự có nghĩa là thế nào.

Tôi lựa chọn thời điểm thích hợp, rồi bước tới và đợi Giles giới thiệu hai chúng tôi với nhau. Thử hình dung xem tôi đã ngạc nhiên nhường nào khi Harry mời tôi đi ăn tối với anh vào tối hôm đó. Ý nghĩ duy nhất hiện lên trong đầu tôi là mình đã không mang theo một bộ váy phù hợp để đi ăn tối. Trong bữa tối, tôi được biết là anh

tra mình đã trả Harry một nghìn lira để giúp tách tôi ra khỏi anh ấy, nhưng anh đã từ chối cho tới khi Giles cũng phải đồng ý chia tay với chiếc đĩa hát Caruso của mình. Tôi nói với Harry rằng anh có đĩa hát còn tôi có máy quay đĩa. Anh đã không hiểu được ẩn ý của tôi.

Trong lúc hai chúng tôi băng qua đường quay về khách sạn, đó là lần đầu tiên anh cầm lấy tay tôi, và khi chúng tôi sang đến bên kia đường, tôi không buông tay anh ra nữa. Tôi dám chắc đó là lần đầu tiên Harry cầm tay một cô gái, vì anh bối rối đến mức toát cả mồ hôi.

Tôi cố tạo điều kiện thuận lợi để anh có thể hôn tôi khi chúng tôi quay về đến khách sạn, nhưng anh chỉ bắt tay và chào tạm biệt như thể hai đứa là hai người bạn lâu năm. Tôi lấp lửng rằng biết đâu chúng tôi lại chạm mặt sau khi trở về Bristol. Lần này anh phản ứng tích cực hơn, và thậm chí còn đề xuất địa điểm lãng mạn nhất trên đời cho lần hẹn hò tiếp theo: thư viện trung tâm thành phố. Anh giải thích rằng đó là nơi Giles sẽ không bao giờ bắt gặp chúng tôi. Tôi vui vẻ đồng ý.

Lúc đó mới chỉ hơn mười giờ, khi Harry ra về còn tôi lên phòng mình. Vài phút sau, tôi nghe thấy tiếng Giles mở cửa phòng ngủ của anh. Tôi không khỏi mỉm cười. Buổi tối của ông anh tôi với Caterina chắc chắn không đáng một đĩa hát Caruso và một cái máy quay đĩa.

Khi chúng tôi trở lại Chew Valley hai tuần sau đó, có ba lá thư chờ đợi tôi trên bàn ngoài tiền sảnh, cả ba đều mang cùng nét chữ viết tay trên phong bì. Nếu bố tôi có nhận ra, ông cũng đã không nói gì.

Trong tháng tiếp theo, Harry và tôi trải qua vô số thời gian hạnh phúc bên nhau trong thư viện thành phố mà không làm ai nghi ngờ, và một trong những nguyên nhân là do anh đã khám phá ra một căn phòng kín đáo khó có khả năng ai đó tìm thấy chúng tôi, kể cả Deakins.

Sau khi học kỳ mới bắt đầu, chúng tôi không thể gặp nhau thường xuyên như trước, tôi nhanh chóng nhận ra tôi nhớ Harry đến nhường nào. Cứ cách ngày tôi và anh lại viết thư cho nhau, và cố thu xếp ở cạnh nhau vài giờ vào mỗi dịp cuối tuần. Hẳn chuyện đó đã có thể tiếp diễn, nếu không vì sự can thiệp vô tình của tiến sĩ Paget.

Bên tách cà phê tại tiệm Carwardine vào một buổi sáng thứ sáu, Harry, lúc này đã trở nên khá bạo dạn, nói với tôi rằng thầy dạy Anh

văn của anh đã thuyết phục được cô Webbs cho phép các nữ sinh của bà tham gia vào vở kịch của Bristol Grammar School năm đó. Khi buổi thử vai được tổ chức ba tuần sau đó, tôi đã thuộc lòng vai Juliet. Tiến sĩ Paget ngây thơ tội nghiệp không thể tin nổi vào vận may của mình.

Những buổi diễn tập không chỉ có nghĩa là hai chúng tôi được ở bên nhau ba buổi chiều mỗi tuần, mà còn có nghĩa là chúng tôi được phép vào vai của những người trẻ tuổi đang yêu. Khi màn sân khấu được kéo lên trong đêm diễn đầu tiên, hai chúng tôi không phải đang diễn nữa.

Hai buổi diễn đầu thành công đến mức tôi nóng lòng chờ tới thời điểm bố mẹ tôi đến dự đêm diễn cuối, mặc dù tôi không hề nói với bố là mình đang diễn vai Juliet, vì tôi muốn đó là một điều bất ngờ. Không lâu sau khi tôi bước ra sân khấu lần đầu, tôi trở nên bị phân tâm vì tiếng ai đó rời khỏi khán phòng một cách âm ỉ. Nhưng tiến sĩ Paget đã nhiều lần căn dặn chúng tôi không bao giờ được nhìn xuống khán giả, vì làm như thế sẽ làm mất đi mạch diễn xuất, vậy là tôi không thể biết ai đã bỏ về công khai đến thế. Tôi cầu mong đó không phải là bố, nhưng khi ông không xuất hiện ở hậu trường sau buổi diễn, tôi hiểu ra lời cầu nguyện của mình đã không được hồi đáp. Điều khiến tôi cảm thấy buồn phiền hơn nữa là cảm giác chắc chắn về sự bực bội của bố tôi là nhắm vào Harry, cho dù tôi vẫn không rõ nguyên do.

Khi chúng tôi quay về nhà tối hôm ấy, Giles và tôi ngồi lại trên bậc cầu thang và lắng nghe bố mẹ tôi thêm một lần to tiếng nữa với nhau. Nhưng lần này rất khác, vì tôi chưa bao giờ thấy bố cư xử thô lỗ như thế với mẹ. Khi không thể chịu đựng hơn nữa, tôi chạy về phòng và giam mình lại.

Tôi đang nằm trên giường và nghĩ về Harry thì nghe thấy tiếng gõ nhẹ. Khi tôi ra mở cửa, mẹ không hề cố giấu chuyện bà đã khóc, rồi bảo tôi hãy chuẩn bị hành lý vì chúng tôi chuẩn bị ra đi. Một chiếc taxi đưa hai mẹ con ra ga, và chúng tôi đến nơi vừa kịp để bắt chuyến tàu chở sữa lúc sáng sớm lên London. Trong chuyến đi, tôi viết thư cho Harry để báo cho anh biết chuyện gì đã xảy ra cũng như nơi anh có thể liên lạc với tôi. Tôi bỏ thư vào một thùng thư ở nhà

ga King's Cross trước khi hai mẹ con lên một chuyến tàu khác đi Edinburg.

Thử hình dung xem tôi đã ngạc nhiên tới mức nào khi tối hôm sau, Harry và anh trai tôi xuất hiện tại lâu đài Mulgerie, vừa đúng giờ để dự bữa tối. Chúng tôi đã có chín ngày tuyệt vời không ngờ bên nhau tại Scotland. Tôi không muốn phải quay trở lại Chew Valley, cho dù bố đã gọi điện và khẩn khoản xin lỗi về cách xử sự của ông vào hôm diễn ra buổi biểu diễn cuối.

Nhưng tôi biết cuối cùng kiểu gì chúng tôi cũng phải về nhà. Tôi hứa với Harry vào một trong những chuyến tản bộ dài buổi sáng của hai đứa là tôi sẽ cố tìm hiểu xem nguyên nhân nào khiến bố luôn tỏ ra thù địch với anh.

Khi chúng tôi quay về Manor House, bố đã tỏ ra ân hận một cách rất chân thành. Ông cố giải thích tại sao mình đã cư xử với Harry tệ đến thế trong suốt những năm qua, mẹ tôi cũng như Giles dường như chấp nhận lời giải thích của bố. Nhưng tôi không tin ông đã kể cho chúng tôi biết toàn bộ sự thật.

Điều làm mọi thứ trở nên khó xử hơn là chuyện bố cấm tôi kể với Harry sự thật về cái chết của bố anh, vì mẹ anh đã kiên quyết yêu cầu chuyện này cần được giữ kín như một bí mật gia đình. Tôi có cảm giác bà Clifton biết lý do thực sự khiến bố không tán thành việc Harry và tôi đến với nhau. Và tôi rất muốn nói với cả hai người rằng không điều gì và không ai có thể chia rẽ chúng tôi. Tuy nhiên, mọi chuyện lại đi theo một hướng tôi không bao giờ ngờ tới.

Tôi cũng bồn chồn chẳng kém gì Harry và muốn biết liệu anh có giành được một chỗ học tại Oxford hay không, chúng tôi đã hẹn sẽ gặp nhau bên ngoài thư viện vào buổi sáng sau khi anh nhận được bức điện báo kết quả.

Tôi đến muộn vài phút vào buổi sáng thứ Sáu đó, và khi tôi nhìn thấy anh ngồi trên bậc cấp cao nhất, hai bàn tay ôm lấy đầu, tôi đã cho rằng hẳn anh đã thất bại.

Harry đứng dậy, giang hai cánh tay ôm chầm lấy Emma ngay khi anh thấy cô. Anh tiếp tục ôm lấy cô, một cử chỉ trước đây anh chưa từng làm ở nơi công cộng, điều này càng khiến cô thêm đoán chắc anh có tin xấu để báo cho cô.

Không nói với nhau một lời nào, anh nắm tay cô, đưa cô vào bên trong tòa nhà, xuống một cầu thang gỗ xoáy tròn ốc, đi theo một hành lang hẹp xây bằng gạch cho tới khi đến trước một cánh cửa mang tấm biển “Sách cổ.” Anh ngó vào trong để chắc rằng không có thêm ai khác đã khám phá ra nơi ẩn náu này của hai người.

Họ ngồi xuống đối diện nhau tại một chiếc bàn nhỏ, nơi hai người đã dành ra không biết bao nhiêu giờ cùng học trong suốt năm vừa qua. Harry đang run rẩy, và không phải vì không khí lạnh lẽo trong căn phòng không cửa sổ, bốn phía đều kê kín những cái giá xếp đầy các cuốn sách bọc bìa da phủ bụi dày, một số trông như thể đã nhiều năm chưa hề được giở ra. Theo thời gian, chúng rồi cũng sẽ trở thành đồ cổ nhờ vào sự cũ kỹ của chính bản thân chúng.

Phải mất một lúc lâu sau Harry mới lên tiếng.

“Em có nghĩ rằng sẽ có điều gì đó anh nói hay làm có thể khiến em thôi yêu anh không?”

“Không đâu, anh yêu,” Emma nói, “tuyệt đối không.”

“Anh đã hiểu vì sao bố em kiên quyết muốn chia cắt chúng ta như thế.”

“Em biết rồi,” Emma nói, hơi cúi đầu xuống, “và em xin hứa với anh nó không tạo ra bất cứ khác biệt nào cả.”

“Làm thế nào em biết được?” Harry hỏi.

“Bố đã nói với mẹ con em vào ngày em từ Scotland trở về, nhưng ông đã yêu cầu mọi người phải thề sẽ giữ bí mật.”

“Ông ấy cho em biết mẹ anh là một ả điếm đúng không?”

Emma sững sờ. Phải một hồi lâu sau cô mới có đủ trấn tĩnh để nói. “Không, bố em không nói thế,” cô hồi hải trả lời. “Làm sao anh có thể nói ra những lời tàn nhẫn như thế chứ?”

“Bởi vì đó là sự thật,” Harry nói. “Mẹ anh không hề làm việc tại khách sạn Royal trong hai năm vừa qua như anh vẫn nghĩ, mà tại một hộp đêm có tên là Eddie’s.”

“Việc đó đâu có khiến mẹ anh trở thành gái điếm,” Emma nói.

“Người đàn ông ngồi tại quầy bar với một tay cầm cốc whisky, tay kia đặt lên đùi mẹ anh chắc hẳn không chỉ để nói chuyện.”

Emma cúi người qua bàn, dịu dàng áp bàn tay lên má Harry. “Em rất tiếc, anh yêu,” cô nói, “nhưng chuyện đó không làm thay đổi tình cảm em dành cho anh, và tình cảm đó sẽ không bao giờ thay đổi.”

Harry cố mỉm cười yếu ớt, nhưng Emma im lặng, cô biết rõ chỉ còn vài khoảnh khắc nữa trước khi anh hỏi cô câu hỏi không thể tránh khỏi.

“Nếu điều đó không phải là bí mật bố em yêu cầu em giữ kín,” anh nói, giọng điệu đột nhiên trở nên nghiêm túc, “vậy ông ấy đã nói với em điều gì?”

Lúc này đến lượt Emma đưa hai tay lên ôm đầu, biết rõ anh sẽ không để cho cô bất cứ lựa chọn nào ngoài việc phải nói cho anh biết sự thật. Giống mẹ mình, cô không có năng khiếu nói dối.

“Ông ấy đã nói gì với em?” Harry lặp lại, giọng quyết liệt hơn.

Emma nắm lấy cạnh bàn trong khi cô cố trấn tĩnh lại. Cuối cùng, cô cũng có đủ can đảm để ngược lên nhìn thẳng vào Harry. Dù anh chỉ cách cô một cái bàn, cô chưa bao giờ thấy anh cách xa mình đến thế. “Em cần hỏi anh đúng câu hỏi anh đã hỏi em,” Emma nói. “Liệu có điều gì em nói hay làm sẽ khiến anh thôi yêu em không?”

Harry cúi người qua bàn, nắm lấy tay cô. “Tất nhiên là không,” anh nói.

“Bố anh không phải tử trận trong chiến tranh,” cô khẽ nói. “Và nhiều khả năng bố em phải chịu trách nhiệm về cái chết của bố

anh.” Cô nắm lấy tay anh thật chặt trước khi thổ lộ tất cả những gì bố cô đã kể cho mấy mẹ con nghe vào ngày họ từ Scotland trở về.

Khi cô kể xong, Harry ngỡ ngàng, không thể nói nên lời. Anh cố đứng dậy nhưng hai chân như đã mềm nhũn ra, không khác gì một võ sĩ quyền Anh bị trúng nhiều cú đánh, và Harry ngồi phịch trở lại xuống ghế.

“Anh đã biết từ trước là bố anh không thể chết trong chiến tranh được,” Harry khẽ nói, “nhưng điều cho tới giờ anh vẫn không hiểu là tại sao mẹ anh lại không thể đơn giản nói cho anh biết sự thật.”

“Và bây giờ anh đã biết sự thật rồi,” Emma nói, cố kìm nước mắt, “em có thể hiểu nếu anh muốn chấm dứt mối quan hệ của chúng ta sau những gì bố em gây ra cho gia đình anh.”

“Đó không phải là lỗi của em,” Harry nói, “nhưng anh sẽ không bao giờ tha thứ cho ông ấy.” Anh ngừng lại trước khi nói tiếp. “Và anh cũng không thể đối diện với ông ấy một khi ông ấy biết được sự thật về mẹ anh.”

“Ông ấy không bao giờ cần phải biết,” Emma nói, một lần nữa lại nắm lấy tay Harry. “Đây sẽ mãi là bí mật giữa hai chúng ta.”

“Điều đó là không thể nữa rồi,” Harry nói.

“Tại sao lại không?”

“Bởi vì Giles đã trông thấy người đàn ông bám theo bọn anh tới Edinburg đứng dưới một khung cửa đối diện *Câu lạc bộ đêm Eddie's*.”

“Vậy thì bố em mới là người đáng khinh bỉ,” Emma nói, “bởi vì ông ấy không chỉ lại nói dối chúng ta lần nữa, mà ông ấy lại còn nuốt lời hứa.”

“Lời hứa nào kia?”

“Bố em đã hứa với Giles là người đàn ông nọ sẽ không bao giờ bám theo anh ấy nữa.”

“Kẻ đó không quan tâm tới Giles,” Harry nói. “Anh nghĩ hẳn đang bám theo mẹ anh.”

“Nhưng tại sao?”

“Bởi vì nếu bố em có được bằng chứng về cách mẹ anh kiếm sống, hẳn ông ấy nghĩ điều đó sẽ thuyết phục được em từ bỏ anh.”

“Ông ấy hiểu về con gái mình thật ít làm sao,” Emma nói, “vì bây giờ em càng thêm quyết tâm rằng không gì có thể chia rẽ chúng ta được nữa. Và chắc chắn bố em không thể ngăn em ngưỡng mộ mẹ anh còn hơn cả trước đây nữa.”

“Làm sao em có thể nói vậy được?” Harry nói.

“Mẹ anh đã làm nhân viên phục vụ bàn để nuôi sống gia đình, và cuối cùng bà đã có được tiệm Tilly’s, rồi khi nó bị hỏa hoạn thiêu trụi, mẹ anh đã bị buộc tội cố ý phóng hỏa, nhưng vẫn đang hoàng ngẩng cao đầu vì biết rõ mình vô tội. Bà tìm cho mình một việc làm khác tại khách sạn Royal, và khi bị sa thải, mẹ anh vẫn không chấp nhận buông xuôi. Bà nhận được một tấm séc sáu trăm bảng, trong một khoảnh khắc bà tin rằng mọi rắc rối của mình đã được giải quyết, chỉ để rồi phát hiện ra trên thực tế bà không còn một xu dính túi đúng vào lúc mẹ anh cần tiền để đảm bảo anh có thể được ở lại trường. Trong lúc cùng quẫn, hẳn bà đã tìm đến...”

“Nhưng anh chắc chắn không muốn bà phải...”

“Mẹ anh cũng biết thế, Harry, nhưng bà vẫn cảm thấy đó là một sự hy sinh đáng giá.”

Sau một hồi lâu im lặng nữa. “Ôi, Chúa ơi,” Harry nói. “Làm sao anh có thể nghĩ xấu về mẹ như thế chứ.” Anh ngước mắt lên nhìn Emma. “Anh cần em làm một việc giúp anh.”

“Bất cứ việc gì.”

“Em có thể tới gặp mẹ anh được không? Dùng bất cứ cơ nào, nhưng hãy cố tìm hiểu xem liệu bà có nhìn thấy anh ở cái nơi kinh khủng đó tối hôm qua không.”

“Làm thế nào em biết được, nếu bà không sẵn lòng thừa nhận?”

“Em sẽ biết thôi,” Harry khẽ nói.

“Nhưng nếu mẹ anh có nhìn thấy anh thật, thế nào bà cũng hỏi em anh làm gì ở đó.”

“Lúc ấy anh đang đi tìm bà.”

“Nhưng vì sao?”

“Để báo cho bà biết rằng con trai của bà đã giành được một chỗ tại Oxford.”

* * *

Emma lên vào ngồi ở hàng ghế cuối của nhà thờ Holy Nativity và đợi cho tới khi buổi lễ kết thúc. Cô có thể thấy bà Clifton ngồi ở hàng ghế thứ ba, bên cạnh một bà lão. Harry dường như đã bớt căng thẳng hơn một chút so với lúc chưa gặp cô buổi sáng hôm đó. Anh nói rất rõ ràng điều anh cần tìm ra, và cô đã hứa sẽ không đi quá những gì được ủy thác. Hai người đã tập đi tập lại mọi viễn cảnh có thể xảy ra nhiều lần, cho tới khi cô đã thuộc lòng một cách hoàn hảo.

Sau khi vị mục sư già nói xong lời ban phước cuối cùng, Emma bước ra lối đi giữa nhà thờ và đợi để bà Clifton không thể không thấy cô. Khi Maisie nhìn thấy Emma, bà không giấu nổi vẻ ngạc nhiên, nhưng rồi nó nhanh chóng được thay thế bằng một nụ cười chào đón. Bà bước nhanh về phía cô gái và giới thiệu bà lão đi cùng với mình. “Mẹ, đây là Emma Barrington, cô ấy là bạn của Harry.”

Bà lão dành cho Emma một nụ cười móm mém. “Có sự khác biệt lớn giữa chuyện là bạn thằng bé và là bạn gái của nó. Vậy cháu là thế nào?” bà hỏi.

Bà Clifton bật cười, nhưng Emma có thể thấy rõ là bà cũng quan tâm tới câu trả lời của cô không kém gì mẹ mình.

“Cháu là bạn gái anh ấy,” Emma tự hào nói.

Bà lão dành cho cô thêm một nụ cười nữa, còn Maisie không hề mỉm cười.

“À, vậy thì tốt rồi, phải không nào?” bà ngoại Harry nói, trước khi nói thêm, “Ta không thể đứng đây tán chuyện cả ngày được, ta còn phải chuẩn bị bữa tối nữa.” Bà dợm bước quay đi, nhưng rồi lại quay lại và hỏi, “Cháu có muốn tới dùng bữa cùng chúng ta không, tiểu thư?”

Đây là một câu hỏi Harry đã lường trước, và anh đã chuẩn bị sẵn một câu trả lời. “Cháu cảm ơn bà,” Emma nói, “nhưng bố mẹ cháu đang đợi cháu về dùng bữa.”

“Cũng đúng thôi,” bà lão nói. “Cháu nên nghe lời bố mẹ. Mẹ sẽ gặp lại con sau, Maisie.”

“Cháu có thể đi cùng cô một quãng không, cô Clifton?” Emma hỏi trong lúc họ đi ra khỏi nhà thờ.

“Tất nhiên là được rồi, cháu yêu.”

“Harry đã nhờ cháu tới gặp cô, vì anh ấy biết cô rất muốn được biết tin anh ấy đã có một chỗ tại Oxford.”

“Ồ, đó quả là tin tuyệt vời,” cô Maisie kêu lên, giang tay ôm lấy Emma. Rồi bà đột ngột buông cô ra và hỏi, “Nhưng tại sao nó không tự đến nói cho cô biết?”

Thêm một câu trả lời nữa đã được soạn sẵn. “Anh ấy đang bị quản thúc,” Emma nói, hy vọng nghe giọng nói của cô không có vẻ học thuộc lòng lộ liễu quá, “ngồi viết các đoạn trích từ tác phẩm của Shelley. Cháu sợ rằng lỗi là do anh trai cháu. Cô biết đấy, sau khi anh ấy nghe được tin vui, anh cháu đã lén mang một chai sâm-panh vào trường, và hai người họ bị bắt quả tang trong lúc đang ăn mừng tại phòng tự học tối hôm qua.”

“Chuyện đó nghiêm trọng đến thế sao?” Maisie vừa cười vừa hỏi.

“Tiến sĩ Paget dường như nghĩ vậy. Harry rất ân hận.”

Maisie phá lên cười lớn tới mức Emma tin chắc bà không hề biết chuyện con trai mình đã tới chỗ hộp đêm tối hôm trước. Cô muốn hỏi thêm một câu hỏi nữa vẫn khiến cô băn khoăn, nhưng Harry đã nhấn mạnh không thể rõ ràng hơn: “Nếu mẹ anh không muốn anh biết bố mình đã chết như thế nào, thì cứ để vậy đi.”

“Cô rất tiếc cháu không thể ở lại ăn trưa,” Maisie nói, “vì có một chuyện cô muốn nói với cháu. Có lẽ để lần khác vậy.”

Harry trải qua suốt tuần lễ sau đó chờ đợi một tin tức kinh ngạc nữa xuất hiện. Và khi nó tới, anh reo hò âm ỉ.

Giles nhận được bức điện vào ngày cuối cùng của học kỳ, cho biết anh được dành cho một chỗ tại Brasenose College, Oxford, để học chuyên ngành Lịch sử.

“Ghi điểm vào phút chót,” là cách diễn đạt tiến sĩ Paget sử dụng khi ông thông báo với hiệu trưởng.

Hai tháng sau, một sinh viên được học bổng toàn phần, một sinh viên được học bổng tài năng và một sinh viên thường cùng đến thành phố đại học cổ kính bằng các phương tiện giao thông khác nhau để bắt đầu ba năm học tại đây.

Harry đăng ký vào hiệp hội kịch và khóa đào tạo sĩ quan, Giles tham gia hiệp hội sinh viên và câu lạc bộ cricket, trong khi Deakins giam mình dưới tầng hầm của thư viện Bodleian, và không khác gì một con chuột chũi, chẳng mấy khi xuất hiện trên mặt đất. Nhưng thế đấy, chàng thanh niên đã quyết định rằng Oxford sẽ là nơi anh trải qua phần đời còn lại của mình.

Harry không dám chắc mình sẽ làm gì trong phần đời còn lại, còn ngài thủ tướng vẫn tiếp tục bay đi bay về tới nước Đức, cuối cùng ông ta về tới sân bay Heston với nụ cười trên khuôn mặt, tay vung vẩy một tờ giấy và nói với người dân điều họ muốn nghe. Harry không còn chút nghi ngờ nào về việc nước Anh đang bên bờ vực chiến tranh. Khi Emma hỏi anh tại sao anh lại quả quyết đến thế, anh trả lời, “Em không nhận ra Herr Hitler chẳng bao giờ nhọc công

tới thăm chúng ta sao? Chúng ta luôn đóng vai kẻ quấy quả xin xỏ, và cuối cùng chúng ta sẽ bị đá đít.” Emma tảng lờ quan điểm của người yêu, song vậy đấy, cũng giống như ông Chamberlain, cô không muốn tin rằng có thể anh đúng.

Emma viết thư cho Harry hai lần mỗi tuần, có lúc ba lần, bất chấp việc lúc này cô đang phải bù đầu chuẩn bị cho kỳ thi đầu vào Oxford của chính mình.

* * *

Khi Harry quay lại Bristol vào kỳ nghỉ Giáng sinh, hai người dành nhiều thời gian nhất có thể để ở bên nhau, cho dù Harry luôn cẩn thận tránh không phải gặp ông Barrington.

Emma bỏ qua cơ hội trải qua kỳ nghỉ ở Tuscany cùng các thành viên khác trong nhà, không hề giấu diếm bố cô việc mình thích ở bên Harry hơn.

Khi kỳ thi đầu vào của cô tới gần hơn, số giờ Emma trải qua trong căn phòng “Sách cổ” hẳn phải khiến cả Deakins nể trọng, còn Harry đã đi tới kết luận rằng cô rồi sẽ gây ấn tượng với hội đồng giám khảo không kém gì anh bạn thích hướng nội của anh một năm trước. Bất cứ lúc nào anh mang ý tưởng này ra nói với Emma, cô lại nhắc nhở anh rằng tại Oxford cứ hai mươi sinh viên nam mới có một sinh viên nữ.

“Em vẫn có thể chọn tới Cambridge,” Giles đề xuất một cách ngắn gọn.

“Tại đó bọn họ còn cổ hủ hơn nữa kia,” Emma trả lời. “Bọn họ vẫn chưa chấp nhận trao bằng cho phụ nữ.”

Nỗi lo lớn nhất của Emma không phải là chuyện cô sẽ không giành được một suất vào học tại Oxford, mà là rất có thể khi cô nhập học chiến tranh đã nổ ra, và Harry có khi đã nhập ngũ và lên đường tới một chiến trường nước ngoài nào đó cách xa nước Anh. Suốt cuộc đời mình cô đã liên tục được nhắc nhở về Cuộc Chiến Vĩ Đại qua số lượng những người phụ nữ cho tới lúc này vẫn ngày ngày mặc đồ đen để tưởng nhớ tới chồng, người yêu, anh em trai hay con

traị đã không bao giờ trở về từ mặt trận, cho cái mà giờ đây không còn ai gọi đó là cuộc chiến để chấm dứt mọi cuộc chiến nữa.

Cô đã cầu xin Harry đừng tình nguyện nhập ngũ nếu chiến tranh nổ ra, mà ít nhất hãy đợi cho tới khi anh được gọi đi quân dịch. Nhưng sau khi Hitler đã tiến quân vào Tiệp Khắc và thôn tính vùng Sudetenland, Harry không bao giờ tỏ ra dao động với niềm tin của anh rằng chiến tranh với nước Đức là không thể tránh khỏi, và khi nó nổ ra, ngay ngày hôm sau anh sẽ mang trên mình bộ quân phục.

Khi Harry mời Emma cùng anh tới dự dạ hội Kỷ niệm thành lập trường vào cuối năm học thứ nhất của anh, cô quyết định sẽ không đã động gì tới khả năng nổ ra chiến tranh nữa. Và cô còn có thêm một quyết định nữa.

* * *

Emma tới Oxford vào buổi sáng hôm diễn ra dạ hội và lấy phòng tại khách sạn Randolph. Cô dành ra phần còn lại của ngày hôm ấy để Harry dẫn đi thăm thú quanh vùng Somerville, Ashmolean và Bodleian, anh hoàn toàn tin tưởng rằng chỉ trong ít tháng nữa thôi, cô cũng sẽ tới đây làm sinh viên giống như anh.

Emma quay trở về khách sạn, cho mình thoải mái thời gian để chuẩn bị cho buổi dạ hội. Harry đã hẹn sẽ tới đón cô lúc tám giờ.

Anh bước qua tiền sảnh khách sạn trước giờ hẹn mấy phút. Harry mặc một bộ vét dạ hội màu xanh sẫm hợp thời mà mẹ anh vừa tặng nhân dịp sinh nhật thứ mười chín. Anh gọi cho Emma từ bàn tiếp tân để báo cho cô biết anh đang ở dưới và sẽ đợi cô ngoài tiền sảnh.

“Em sẽ xuống ngay,” cô hứa.

Mỗi phút dần trôi, Harry bắt đầu đi đi lại lại phía ngoài sảnh, tự hỏi ý Emma là sao khi cô nói sẽ “xuống ngay.” Nhưng Giles vẫn thường nói với bạn mình rằng em gái cậu ta đã học được cách diễn đạt về thời gian từ bà mẹ.

Thế rồi anh nhìn thấy cô, đang đứng trên bậc cầu thang trên cùng. Anh không hề nhúc nhích trong khi cô chậm rãi bước xuống, chiếc váy lụa không có dải đeo vai màu xanh ngọc làm nổi bật lên thân

hình duyên dáng của cô. Tất cả đám thanh niên ngoài tiền sảnh trông đều có vẻ như họ sẽ rất hạnh phúc nếu được đổi chỗ với Harry.

“Ái chà,” anh thốt lên khi cô bước xuống bậc dưới cùng. “Ai cần Vivien Leigh chứ? Nhân tiện xin nói luôn là anh rất thích đôi giày.” Emma cảm thấy phần đầu tiên trong kế hoạch của cô đã diễn ra suôn sẻ.

Họ rời khỏi khách sạn, tay trong tay bước về phía quảng trường Radcliffe. Khi hai người bước qua cổng trường của Harry, mặt trời đã bắt đầu lặn xuống sau dãy Bodleian. Không ai bước chân vào Brasenose buổi tối hôm ấy có thể ngờ rằng nước Anh chỉ còn vài tuần nữa sẽ bước vào một cuộc chiến và hơn nửa số các chàng trai trẻ khiêu vũ tối nay sẽ không bao giờ có thể tốt nghiệp.

Nhưng không có gì xa xôi hơn thực tế đó trong tâm trí những đôi trai gái trẻ trung vui vẻ đang khiêu vũ theo âm nhạc của Cole Porter và Jerome Kern. Trong khi mấy trăm sinh viên cùng các khách mời của họ thỏa sức tận hưởng những kết rượu sâm-panh và hăng hái tấn công cả núi sandwich kẹp cá hồi hun khói, Harry hầu như không để Emma lọt ra khỏi tầm mắt anh, sợ rằng một kẻ phá bĩnh thiếu lịch sự nào đó sẽ cuỗm cô đi mất.

Giles đã uống sâm-panh có phần hơi quá nhiều, ăn không biết bao nhiêu hào và không khiêu vũ với cô gái nào đến lần thứ hai trong suốt cả buổi tối.

Đến hai giờ sáng, ban nhạc Billy Cotton Dance Band chơi điệu van-xơ cuối cùng. Harry và Emma quấn lấy nhau trong lúc quay theo điệu nhạc.

Khi người nhạc trưởng vung dũa chỉ huy lên để bắt đầu cử Quốc ca, Emma nhận thấy tất cả các chàng trai trẻ đứng quanh cô, cho dù đã say hay còn tỉnh, đều đứng nghiêm trang khi họ hát vang bài “*Chúa ban phước cho nhà vua.*”

Harry và Emma cùng thong thả quay về khách sạn Randolph, cùng nhau trò chuyện vu vơ, cả hai đều chỉ muốn tối hôm ấy kéo dài mãi mãi.

“Chà, ít nhất thì nửa tháng nữa là em sẽ quay lại đây để dự kỳ thi đầu vào,” Harry nói trong lúc hai người bước lên bậc thềm khách sạn, “thế nên không lâu nữa anh sẽ được gặp lại em.”

“Đúng thế,” Emma nói, “nhưng sẽ không có thời gian để phân tâm cho tới khi em hoàn thành môn thi cuối cùng. Sau khi kỳ thi kết thúc chúng mình có thể dành trọn phần còn lại của dịp cuối tuần để ở bên nhau.”

Harry đang định hôn tạm biệt Emma thì cô khẽ nói, “Anh có muốn lên phòng em không? Em có một món quà cho anh. Em không muốn anh nghĩ rằng em đã quên mất ngày sinh nhật của anh.”

Harry có vẻ bất ngờ, cũng như người gác cổng dưới sảnh khi bọn họ tay trong tay cùng nhau đi lên cầu thang. Khi hai người tới phòng Emma, cô luống cuống loay hoay một lúc với chìa khóa trước khi mở được cửa.

“Em sẽ ra ngay thôi,” cô nói trước khi biến mất trong phòng tắm.

Harry ngồi xuống chiếc ghế duy nhất trong phòng và cố nghĩ xem mình thích gì nhất cho ngày sinh nhật. Khi cửa phòng tắm mở ra, Emma hiện lên giữa ánh sáng lờ mờ. Chiếc váy dạ hội trang nhã đã được thay thế bằng chiếc khăn tắm của khách sạn.

Harry có thể nghe thấy tiếng tim mình đập thình thịch khi cô từ từ bước về phía anh.

“Em nghĩ anh mặc hơi nhiều đồ quá đấy, anh yêu,” Emma nói trong lúc cô cởi chiếc áo vét của anh ra, để mặc nó rơi xuống sàn. Sau đó, cô tháo chiếc nơ trước khi cởi khuy áo sơ mi, và cả hai thứ cùng tới với chiếc áo vét dưới sàn. Tiếp theo đến lượt đôi giày và hai chiếc tất, trước khi cô chậm rãi kéo quần anh xuống. Cô đang chuẩn bị gỡ bỏ nốt chướng ngại vật duy nhất còn lại trên con đường của mình thì anh bế thốc cô lên và mang cô vào phòng ngủ.

Trong lúc anh ném cô xuống giường không chút nương tay, chiếc khăn tắm rơi xuống sàn. Emma vẫn thường hình dung ra khoảnh khắc này từ khi hai người từ Rome quay về, và đoán rằng lần yêu đương đầu tiên của cô chắc sẽ rất lúng túng vụng về. Nhưng Harry thực sự dịu dàng và ân cần, cho dù anh cũng hồi hộp không kém gì cô. Sau khi đã làm tình với nhau, cô nằm im trong vòng tay anh, không muốn chìm vào giấc ngủ.

“Anh có thích quà sinh nhật của mình không?” cô hỏi.

“Có chứ, anh thích chứ,” Harry nói. “Nhưng anh hy vọng không phải mất đến một năm nữa để được mở quà lần tiếp theo. À nhắc mới nhớ là anh cũng có một món quà cho em.”

“Nhưng hôm nay đâu phải sinh nhật em.”

“Đây không phải là một món quà sinh nhật.”

Anh nhảy ra khỏi giường, nhặt chiếc quần của mình lên từ sàn nhà và hồi hải lục tìm trong mấy cái túi cho đến khi tìm thấy một hộp da nhỏ. Anh quay về bên giường, quỳ xuống trên một đầu gối và nói, “Emma, tình yêu của anh, đồng ý cưới anh nhé?”

“Trông anh thật ngớ ngẩn,” Emma cau mày nói. “Quay trở lại giường ngay đi trước khi anh bị chết cứng.”

“Không đời nào, cho tới khi em đã trả lời câu hỏi của anh.”

“Đừng có ngốc thế, Harry. Em đã quyết định rằng chúng mình sẽ cưới nhau ngay hôm anh tới Manor House dự sinh nhật lần thứ mười hai của anh Giles rồi.”

Harry phá lên cười trong lúc anh đeo chiếc nhẫn lên ngón áp út bàn tay trái của cô.

“Anh xin lỗi vì nó chỉ là một viên kim cương nhỏ thế này,” anh nói.

“Nó cũng lớn như viên Ritz vậy,” cô nói khi anh leo trở lại giường. “Và vì có vẻ như anh đã thu xếp mọi thứ rất chu đáo,” cô trêu anh, “vậy anh đã chọn được ngày cưới của chúng mình chưa?”

“Thứ Bảy, ngày Hai mươi chín tháng Bảy, vào lúc ba giờ chiều.”

“Sao lại là hôm đó?”

“Đó là ngày cuối cùng của năm học, và dù thế nào đi nữa, chúng mình cũng không thể đặt chỗ tại nhà thờ của trường sau khi anh nghỉ hè.”

Emma ngồi dậy, vớ lấy cây bút chì và tập giấy ghi chú trên mặt bàn đầu giường và bắt đầu viết.

“Em đang làm gì vậy?”

“Em đang lên danh sách khách mời. Nếu chúng ta chỉ còn bảy tuần...”

“Chuyện đó có thể đợi,” Harry nói, kéo cô trở lại vòng tay anh. “Anh lại cảm thấy một sinh nhật nữa đang tới rồi.”

* * *

“Con bé còn quá trẻ để nghĩ tới chuyện hôn nhân,” bố Emma nói, như thể cô không có mặt trong phòng.

“Con bé bằng tuổi em khi anh cầu hôn em đấy,” Elizabeth nhắc lại với chồng bà.

“Nhưng khi ấy em không sắp bước vào kỳ thi quan trọng nhất của đời mình, chỉ nửa tháng trước đám cưới.”

“Cũng chính vì thế mà em sẽ chịu trách nhiệm thu xếp mọi thứ,” Elizabeth nói. “Như thế Emma sẽ không phải phân tâm cho tới khi kỳ thi kết thúc.”

“Chắc chắn sẽ tốt hơn nếu hoãn đám cưới lại vài tháng. Nói cho cùng, sao phải vội thế chứ?”

“Quả là một ý kiến hay, thưa bố,” Emma nói, lần đầu tiên lên tiếng. “Có lẽ chúng ta cũng có thể hỏi Herr Hitler xem ông ta có thể vui lòng hoãn chiến tranh lại thêm vài tháng, vì con gái bố muốn lấy chồng.”

“Thế bà Clifton nghĩ sao về chuyện này?” bố cô hỏi, tảng lờ lời bình luận của cô con gái.

“Tại sao bà ấy lại phải có suy nghĩ nào khác ngoài sự vui mừng trước tin tức này chứ?” Elizabeth hỏi chồng.

Hugo không trả lời.

* * *

Một thông báo về đám cưới sắp diễn ra giữa Emma Barrington và Harry Arthur Clifton được đăng trên tờ *The Times* mười ngày sau đó. Việc công bố hôn sự được mục sư Styler đọc lên lần đầu từ bục giảng kinh nhà thờ St. Mary vào ngày thứ Bảy tiếp theo, và hơn ba trăm thiệp mời được gửi đi trong tuần sau đó. Không ai ngạc nhiên khi Harry đề nghị Giles làm phù rể cho anh, với đại úy Tarrant và Deakins làm người tháp tùng chính.

Nhưng Harry đã choáng váng khi anh nhận được một lá thư từ Già Jack từ chối lời đề nghị đầy chân tình của anh, vì ông không thể rời khỏi vị trí của mình trong hoàn cảnh hiện tại. Harry viết thư trả lời, nài nỉ ông hãy nghĩ lại và ít nhất cũng tới dự hôn lễ, cho dù ông

cảm thấy không thể đảm nhiệm được vai trò người thắp đèn. Câu trả lời của Già Jack còn khiến Harry bối rối hơn nữa: “Ta có cảm giác rằng sự hiện diện của ta có thể sẽ là một điều phiền toái.”

“Ông ấy đang nói gì vậy?” Harry nói. “Chắc chắn ông biết là chúng mình sẽ rất vinh dự nếu ông tới dự.”

“Ông ấy tệ cũng gần như bố em vậy,” Emma nói. “Bố em từ chối để em đi lấy chồng, và nói ông thậm chí không chắc có đến dự hôn lễ hay không.”

“Nhưng em đã nói với anh là bố em hứa sẽ ủng hộ chúng mình hơn trong tương lai kia mà?”

“Vâng, nhưng tất cả đều thay đổi ngay khoảnh khắc bố em biết chúng mình đã đính hôn.”

“Anh cũng không thể giả bộ rằng mẹ anh tỏ ra rất phấn khởi hào hứng khi anh báo tin cho bà,” Harry thừa nhận.

* * *

Emma không gặp lại Harry cho tới khi cô tới Oxford để dự kỳ thi của mình, và thậm chí không gặp anh cho tới khi cô đã hoàn tất môn thi cuối cùng. Khi cô ra khỏi phòng thi, vị hôn phu của cô đang đứng đợi ở bậc cấp trên cùng, một tay cầm chai sâm-panh, còn trong tay kia là hai chiếc ly.

“Thế nào, em nghĩ mình đã làm bài ra sao?” anh hỏi trong lúc rót đầy ly cho cô.

“Em không biết nữa,” Emma thờ dãi, trong lúc hàng tá các cô gái khác ùa ra khỏi phòng thi. “Em không hề nhận ra mình đang phải tranh đua với những ai cho tới khi nhìn thấy họ.”

“À, ít nhất em cũng có một thứ để giúp khuây khỏa trong lúc chờ kết quả.”

“Chỉ còn ba tuần nữa,” Emma nhắc anh. “Vẫn còn thừa đủ thời gian để anh đổi ý.”

“Nếu em không giành được học bổng, rất có thể anh đành phải cân nhắc lại vị thế của mình. Nói cho cùng, không thể có chuyện anh cưới một sinh viên thường.”

“Và nếu em thực sự giành được học bổng toàn phần, có lẽ em sẽ phải cân nhắc lại vị thế của mình và tìm một chàng trai được học bổng toàn phần khác.”

“Deakins vẫn còn tự do đấy,” Harry nói, trong lúc anh cụng ly với cô.

“Đến lúc đó thì đã quá muộn rồi,” Emma nói.

“Sao vậy?”

“Vì kết quả dự kiến sẽ được công bố vào buổi sáng diễn ra lễ cưới của chúng mình.”

Emma và Harry dành phần lớn dịp cuối tuần nhốt mình trong căn phòng khách sạn nhỏ của cô, mê mải xem đi xem lại việc chuẩn bị đám cưới những lúc không làm tình với nhau. Đến tối Chủ nhật, Emma đã đi tới một kết luận.

“Mẹ em thật tuyệt vời,” cô nói, “một điều mà em khó lòng có thể nói về bố mình.”

“Em có nghĩ ông ấy sẽ đến dự không?”

“Ồ, có chứ. Mẹ đã thuyết phục được ông tới dự, nhưng ông vẫn từ chối không muốn trao em cho anh. Còn tình hình Già Jack sao rồi anh?”

“Ông ấy còn chưa trả lời lá thư gần đây nhất của anh cơ,” Harry nói.

“Có phải con hơi tăng cân đúng không, con yêu?” mẹ Emma hỏi trong lúc bà cố cài chiếc móc cuối cùng trên lưng váy cưới của con gái mình.

“Con không nghĩ thế,” Emma trả lời, chăm chú ngắm mình đầy nghiêm khắc trong chiếc gương toàn thân.

“Đẹp đến sững sờ,” là phán quyết của Elizabeth khi bà lui về sau để ngắm nhìn và ngưỡng mộ trang phục của cô dâu.

Hai mẹ con đã lên London vài lần để chiếc váy cưới được chỉnh sửa dưới đôi tay của Quý bà Renee, chủ nhân một tiệm thời trang nhỏ rất được ưa chuộng trên phố Mayfair, và người ta đồn rằng bà chủ tiệm rất được Hoàng hậu Mary và Hoàng hậu Elizabeth tôn sùng. Quý bà Renee đích thân chỉ đạo mỗi lần mặc thử, và những tấm đăng ten mang phong cách Victoria trên cổ và tay áo, một nét cổ xưa, hòa nhập một cách tự nhiên với phần thân áo bằng lụa và chiếc váy chuông kiểu để chế rất được ưa chuộng vào năm đó, là nét mới mẻ. Chiếc mũ nhỏ nhắn màu kem, như quý bà Renee đã cam đoan với hai mẹ con họ, là thứ những người phụ nữ thời thượng sẽ đội vào năm tới. Lời bình luận duy nhất của bố Emma về bộ váy cưới chỉ được đưa ra khi ông nhìn thấy hóa đơn thanh toán.

Elizabeth Barrington đưa mắt nhìn đồng hồ đeo tay của bà. Ba giờ kém mười chín phút. “Không cần phải vội,” bà nói với Emma khi có tiếng gõ cửa vang lên. Bà tin chắc rằng mình đã treo tấm biển Không Làm Phiền lên núm xoay cửa và dặn người lái xe là họ sẽ không xuống trước ba giờ. Trong lần tập thử một ngày trước, chuyến đi từ khách sạn tới nhà thờ kéo dài bảy phút. Elizabeth dự

kiến Emma sẽ hơi trễ một chút theo đúng phong cách lịch sự thượng lưu. “Cứ để họ đợi thêm vài phút, nhưng đừng khiến họ có lý do phải lo lắng.” Thêm tiếng gõ cửa thứ hai.

“Để mẹ mở cửa,” Elizabeth nói, và bước về phía cửa. Một nhân viên phục vụ trẻ trong bộ đồng phục đồ lịch sự đưa cho bà một bức điện, bức điện thứ mười một họ nhận được ngày hôm ấy. Bà đang định đóng cửa lại thì anh ta nói, “Tôi được yêu cầu báo lại với bà, thưa bà, rằng bức điện này rất quan trọng.”

Ý nghĩ đầu tiên của Elizabeth là liệu có phải ai đó thông báo không thể dự đám cưới vào phút chót hay không. Bà chỉ hy vọng bức điện này không đồng nghĩa với việc phải sắp xếp lại khách mời ở bàn khách cao cấp trong buổi tiệc cưới. Bà xé mở bức điện ra và đọc nội dung của nó.

“Thư của ai vậy mẹ?” Emma hỏi, chỉnh lại chiếc mũ của cô thêm một chút nữa và bắn khoản tự hỏi kiểu đội mũ lúc này của mình có hơi mạo hiểm quá không.

Elizabeth đưa cho con gái bức điện. Sau khi Emma đọc xong, cô òa lên khóc.

“Chúc mừng con, con gái yêu quý,” mẹ cô nói, lấy một chiếc khăn mùi soa từ xách tay ra lau khô nước mắt cho con gái bà. “Mẹ rất muốn ôm hôn con, song mẹ không muốn làm nhàu váy cưới.”

Sau khi Elizabeth hoàn toàn hài lòng cho rằng Emma đã sẵn sàng, bà dành ra một lát ngắm nghía lại trang phục của mình trong gương. Quý bà Renee đã tuyên bố, “Bà không nên lộng lẫy hơn con gái bà vào ngày trọng đại của cô ấy, nhưng đồng thời bà không thể để cho mình rơi vào cảnh không thu hút.” Elizabeth đặc biệt thích chiếc mũ hiệu Norman Hartnell, cho dù nó không phải là thứ mà đám thanh niên đang gọi là “thời thượng.”

“Đến lúc phải đi rồi,” bà tuyên bố sau khi nhìn đồng hồ thêm lần nữa. Emma mỉm cười khi cô liếc về phía bộ trang phục dành cho thời điểm lên đường mà cô sẽ thay ngay khi buổi tiệc cưới kết thúc, khi đó cô và Harry sẽ tới Scotland cho kỳ trăng mật của hai người. Lord Harvey đã dành cho đôi uyên ương lâu đài Mulgerie trong nửa tháng, với lời hứa rằng không thành viên nào khác trong gia đình được phép lại gần khu lãnh địa trong phạm vi dưới mười dặm trong suốt quãng thời gian đó, và một lời hứa nữa có lẽ còn quan trọng

hơn, đó là Harry có thể yêu cầu ba suất món canh hầm Highlands mỗi tối, và sẽ không phải thử qua món gà lôi nữa.

Emma đi theo mẹ cô ra khỏi khu phòng khách sạn, dọc theo hành lang. Khi cô ra tới đầu cầu thang, Emma cảm thấy chắc chắn đôi chân mình sắp khụy xuống. Trong lúc cô thiếu nữ bước xuống cầu thang, những người khách khác đều tránh sang bên để không có gì cản đường cô.

Một người gác cửa mở cửa trước cho cô, trong khi người lái xe riêng của Sir Walter đứng bên cửa sau chiếc Rolls-Royce để giúp cô dâu có thể tới ngồi cạnh ông nội cô. Khi Emma ngồi xuống bên cạnh ông, cẩn thận chỉnh lại chiếc váy cô đang mặc, Sir Walter đeo mắt kính không gọng của ông lên mắt phải và tuyên bố, “Trông cháu quả là đẹp, tiểu thư ạ. Harry đúng là một chàng trai may mắn.”

“Cháu cảm ơn ông,” cô nói, rồi hôn lên má ông. Emma liếc mắt nhìn qua khung cửa sau xe và thấy mẹ cô chui vào một chiếc Rolls-Royce thứ hai, và chỉ một khoảnh khắc sau đó hai chiếc xe cùng nổ máy hòa vào dòng xe cộ buổi chiều, bắt đầu chuyến đi tới nhà thờ St. Mary của trường đại học.

“Bố cháu có mặt ở nhà thờ chưa ông?” Emma hỏi, cố gắng để không tỏ ra quá lo lắng.

“Một trong những người đầu tiên có mặt,” ông nội cô trả lời. “Ông tin rằng bố cháu lúc này chắc đã hối tiếc vì cho phép ông có được vinh hạnh là người đưa cháu tới ban thờ Chúa.”

“Còn Harry ạ?”

“Chưa bao giờ ông thấy cậu ta bòn chòn đến thế. Nhưng dường như Giles đã kiểm soát được tình hình rồi, và chuyện này hẳn là một điều xảy đến lần đầu tiên. Ông biết anh cháu đã dành ra cả tháng trời để chuẩn bị bài diễn văn cho phù rể của nó.”

“Chúng cháu thật may mắn khi cùng có chung người bạn tốt nhất,” Emma nói. “Ông biết không, cháu từng có lần đọc được rằng tất cả các cô dâu đều có những ý nghĩ vẩn vơ khác vào buổi sáng ngày cưới của họ.”

“Chuyện đó cũng tự nhiên thôi, cháu yêu của ông.”

“Nhưng cháu chẳng hề có ý nghĩ vẩn vơ nào khác Harry,” Emma nói, vừa hay chiếc xe của hai ông cháu dừng lại bên ngoài

nhà thờ của trường đại học. “Cháu biết chúng cháu sẽ sống bên nhau suốt phần đời còn lại.”

Cô đợi ông nội mình bước ra khỏi xe trước khi cô cầm lấy váy và bước ra đứng cạnh ông trên vỉa hè.

Mẹ cô vội vàng bước tới kiểm tra lại váy cưới của Emma thêm một lần cuối cùng trước khi bà cho phép con gái bước vào trong nhà thờ. Elizabeth đưa cho cô một bó hoa hồng nhỏ màu hồng nhạt trong khi hai cô phù dâu, em gái Grace của Emma và người bạn học Jessica của cô cầm lấy đuôi chiếc khăn voan.

“Tiếp theo sẽ là con đây, Grace ạ,” bà mẹ nói, cúi xuống vuốt cho phẳng phiu chiếc váy của cô phù dâu.

“Con hy vọng là không,” Grace nói, đủ lớn để mẹ cô nghe thấy.

Elizabeth lùi lại và gật đầu. Hai người giữ cửa kéo hai cánh cửa nặng nề, dấu hiệu để người chơi đàn organ bắt đầu cử bản nhạc *Hành khúc Hôn lễ* của Mendelssohn, và đám đông trong nhà thờ đồng loạt đứng dậy đón chào cô dâu.

Khi Emma bước vào trong nhà thờ, cô không khỏi ngạc nhiên khi thấy có tận từng ấy người đã tới Oxford để chung vui với cô. Cô từ từ bước đi theo lối đi chính, tựa người trên cánh tay của ông nội, và các vị khách quay sang mỉm cười với cô trong lúc cô bước tới trước lễ đài.

Cô thấy thầy Frobisher đang ngồi cạnh thầy Holcombe bên hàng ghế bên phải. Cô Tilly, đội một chiếc mũ khá táo bạo, hẳn đã đi thẳng từ Cornwall tới tận đây, trong khi tiến sĩ Paget dành cho cô nụ cười chúc mừng ấm áp nhất. Nhưng không gì có thể so sánh được với nụ cười xuất hiện trên khuôn mặt cô khi cô trông thấy đại úy Tarrant, đầu cúi xuống, mặc một bộ đồ dự lễ có vẻ không hoàn toàn vừa vặn với ông. Bà Clifton ngồi trên hàng ghế đầu, bà rõ ràng đã dành khá nhiều thời gian lựa chọn trang phục cho mình vì trông bà rất hợp thời trang. Một nụ cười lướt qua trên môi Emma, nhưng cô ngạc nhiên và thấy thất vọng khi mẹ chồng tương lai không hề quay sang nhìn cô khi cô bước qua bà.

Và rồi cô nhìn thấy Harry, đứng trên bậc cấp của ban thờ cạnh anh trai cô, cùng chờ đợi cô dâu. Emma tiếp tục bước đi theo lối đi chính trong tay một người ông, trong khi người ông còn lại của cô đang đứng thẳng người trên hàng ghế đầu tiên cạnh bố cô, người

cô nghĩ trông có vẻ hơi ủ rũ. Có lẽ ông thực sự đang hối tiếc quyết định không tự mình đưa con gái tới ban thờ.

Sir Walter đứng tránh sang bên trong khi Emma bước lên bốn bậc cấp để tới bên người chồng tương lai của cô. Cô ghé người sang anh và thì thầm, “Thiếu chút nữa là em đã thay lòng đổi dạ.” Harry cố không bật cười trong khi anh đợi câu chốt của cô. “Nói cho cùng, các sinh viên có học bổng toàn phần của trường đại học này không thể thành hôn với người dưới đẳng cấp của họ được.”

“Anh rất tự hào về em, em yêu,” anh nói. “Chúc mừng em.”

Giles cúi xuống thật thấp trong sự ngưỡng mộ chân thành, và nhiều tiếng xì xào vang lên giữa những người dự lễ cưới trong lúc tin mới lan ra từ hàng ghế này tới hàng ghế khác.

Âm nhạc tạm ngừng, và vị giáo sĩ của trường giơ hai bàn tay lên rồi nói, “*Các con yêu quý, chúng ta cùng có mặt ở đây dưới sự chứng kiến của Đức Chúa, và trước mặt của những người dự buổi lễ này, để kết hợp người Đàn ông và người Phụ nữ này trong mối dây hôn nhân thiêng liêng...*”

Emma đột nhiên cảm thấy bồn chồn. Cô đã học thuộc lòng mọi câu trả lời nhưng giờ đây không thể nhớ nổi bất cứ câu nào.

“*Trước hết, nó được tạo nên để sinh con đẻ cái...*”

Emma cố tập trung vào những lời nói của vị giáo sĩ, nhưng cô vẫn không khỏi nóng lòng muốn thoát khỏi nơi này và được một mình ở bên Harry. Có lẽ hai người họ đáng ra nên tới Scotland từ tối hôm trước và trốn tới Gretna Green; như thế sẽ thuận tiện hơn cho lâu đài Mulgerie, cô đã chỉ ra cho Harry thấy.

“*Và hai con người đang hiện diện tại đây giờ sẽ được kết hợp lại trong mối liên hệ thiêng liêng ấy. Vì thế, nếu có bất cứ ai có thể đưa ra bất cứ lý do chính đáng nào cho biết tại sao họ không thể được kết hợp với nhau một cách hợp pháp, mời người ấy hãy nói ra ngay bây giờ, hoặc từ nay về sau giữ im lặng mãi mãi...*”

Vị giáo sĩ ngừng lời, cho phép một quãng thời gian theo đúng thông lệ trôi qua trước khi nói lên những từ, *Ta yêu cầu và bắt buộc cả hai con*, thì một giọng nói vang lên thật rõ ràng, “Tôi phản đối!”

Cả Emma và Harry cùng ngoái đầu lại để nhìn xem ai có thể nói ra những lời đáng nguyền rủa như thế.

Vị giáo sĩ ngược mắt lên như thể không tin nổi, bấn khoăn trong khoảnh khắc liệu có phải ông vừa nghe nhầm hay không, nhưng trong khắp nhà thờ, vô số cái đầu đều đang quay đi trong lúc quan khách cố xem xem ai là người đã can thiệp vào buổi lễ một cách bất ngờ như thế. Vị giáo sĩ chưa bao giờ trải qua một biến cố như thế này trước đây, và cố gắng một cách vô vọng để nhớ lại xem ông cần làm gì trong hoàn cảnh này.

Emma gục đầu lên vai Harry trong lúc anh tìm kiếm trong đám đông đang xôn xao bàn tán, cố xác định xem ai là người đã gây ra tình trạng hỗn loạn này. Anh đoán đó hẳn là bố của Emma, nhưng khi nhìn xuống hàng ghế đầu tiên anh thấy ngay Hugo Barrington, mặt trắng bệch không còn giọt máu, cũng đang cố tìm hiểu xem ai đã khiến buổi lễ bị cắt ngang đột ngột như vậy.

Mục sư Styler buộc phải lớn tiếng để người ta có thể nghe thấy giọng nói của ông giữa cảnh xôn xao huyên náo. “Đề nghị quý ông vừa phản đối hôn lễ này hãy làm ơn xuất hiện.”

Một thân hình cao ráo thẳng người bước ra lối đi giữa nhà thờ. Mọi con mắt đều đổ dồn vào đại úy Jack Tarrant trong lúc ông bước về phía ban thờ trước khi dừng lại trước mặt vị giáo sĩ. Emma bám chặt lấy Harry, sợ rằng anh sắp bị giật khỏi tay cô.

“Thưa ngài, liệu có phải tôi nên hiểu,” vị giáo sĩ nói, “rằng ngài cảm thấy không nên cho phép tiến hành hôn lễ này?”

“Đúng vậy, thưa giáo sĩ,” Già Jack khẽ nói.

“Vậy tôi buộc phải yêu cầu ngài, cô dâu chú rể cùng các thành viên trong gia đình hai họ cùng tôi vào trong phòng thay đồ lễ.” Cất cao giọng, vị giáo sĩ nói thêm, “Những người dự lễ nên nán lại ở chỗ của mình cho tới khi tôi đã xem xét xong lời phản đối, và đưa ra quyết định.”

Những người được yêu cầu theo vị giáo sĩ vào trong phòng thay đồ lễ, theo sau là Harry và Emma. Không ai trong bọn họ nói gì, cho dù những người dự lễ vẫn tiếp tục bàn tán ồn ã.

Sau khi cả hai gia đình chen chúc cùng nhau trong phòng thay đồ lễ chật chội, mục sư Styler đóng cửa lại.

“Đại úy Tarrant,” mục sư bắt đầu nói, “tôi buộc phải nhắc nhở ông rằng chỉ mình tôi được pháp luật trao cho quyền quyết định xem liệu hôn lễ này có được tiếp tục hay không. Tất nhiên tôi sẽ không đi tới

bất cứ quyết định nào cho tới khi đã nghe xong lời phản đối của ông.”

Người duy nhất trong căn phòng đông chật người ấy có vẻ bình thản là Già Jack. “Cảm ơn ngài, thưa mục sư,” ông bắt đầu nói. “Trước hết, tôi cần xin lỗi tất cả mọi người, và đặc biệt là Emma cũng như Harry, vì sự can thiệp của tôi. Tôi đã trải qua mấy tuần vừa qua vật lộn với lương tâm của mình trước khi đi tới quyết định bất hạnh này. Tôi đã có thể lựa chọn con đường lui dễ dàng và chỉ cần tìm một cái cớ nào đó để không tham dự buổi lễ ngày hôm nay. Tôi đã giữ im lặng tới tận giờ với hy vọng rằng cùng với thời gian bất cứ sự phản đối nào cũng sẽ trở nên không cần thiết. Nhưng thật đáng buồn, thực tế đã chứng minh rằng không phải như thế, vì tình yêu Harry và Emma dành cho nhau đã lớn lên theo thời gian chứ không hề giảm đi, và đó cũng là lý do khiến tôi không thể im lặng lâu hơn nữa.”

Tất cả mọi người đều bị hút vào những lời nói của Già Jack nên chỉ mình Elizabeth Barrington nhận thấy chồng bà đang lặng lẽ chuồn ra ngoài theo cửa sau của phòng thay đồ lễ.

“Cảm ơn ngài, đại úy Tarrant,” mục sư Styler nói. “Trong khi tôi chấp nhận việc ngài can thiệp là dựa trên thiện chí, tôi vẫn cần biết lời buộc tội cụ thể nào ngài muốn đưa ra chống lại hai người trẻ tuổi này.”

“Tôi không có gì để buộc tội Harry và Emma, cả hai đứa tôi đều yêu mến và ngưỡng mộ, và tôi tin rằng cả hai cũng đều không hay biết gì giống như các quý vị ở đây. Không, lời buộc tội của tôi là chống lại Hugo Barrington, người đã biết từ nhiều năm qua rằng có khả năng ông ta chính là bố đẻ của cả hai đứa trẻ bất hạnh này.”

Một tiếng ồ ngỡ ngàng lan đi quanh phòng trong lúc tất cả mọi người cố nắm bắt sự nghiêm trọng của lời tuyên bố. Vị giáo sĩ không nói gì cho tới khi ông có thể lấy lại sự chú ý của mọi người. “Liệu tại đây có ai có thể xác nhận hay phủ nhận lời tuyên bố của đại úy Tarrant không?”

“Không thể có chuyện đó,” Emma kêu lên, vẫn ôm chặt lấy Harry. “Chắc hẳn phải có nhầm lẫn nào đó. Chắc chắn bố em không thể...”

Chính lúc ấy mọi người đều nhận ra bố cô dâu không còn có mặt ở đó nữa. Vị giáo sĩ quay sang bà Clifton, người đang lặng lẽ sụt

sùi.

“Tôi không thể phủ nhận nghi ngờ của đại úy Tarrant,” bà ngập ngừng nói. Phải mất một lúc trước khi bà nói tiếp, “Tôi thừa nhận đúng là từng có quan hệ với ông Barrington một lần.” Bà lại ngừng lời. “Chỉ một lần duy nhất, nhưng thật không may, chuyện đó xảy ra chỉ vài tuần trước khi tôi cưới chồng mình,” bà từ từ ngẩng đầu lên, “vì thế tôi không thể nào biết được ai mới là bố của Harry.”

“Tôi cần chỉ ra cho tất cả mọi người,” Già Jack nói, “là Hugo Barrington đã hơn một lần đe dọa bà Clifton nếu như bà nói ra bí mật tệ hại của ông ta.”

“Bà Clifton, tôi có thể hỏi bà một câu được không?” Sir Walter nhẹ nhàng nói.

Maisie gật đầu, cho dù bà vẫn cúi gằm mặt.

“Người chồng đã quá cố của bà có mắc bệnh mù màu không?”

“Theo tôi biết thì không,” người phụ nữ trả lời, gần như chỉ vừa đủ to để nghe được.

Sir Walter quay sang Harry. “Nhưng ta tin rằng cháu thì có, đúng không chàng trai?”

“Vâng, đúng thế thưa ngài,” Harry nói ngay không chút do dự. “Tại sao điều đó lại quan trọng ạ?”

“Vì chính ta cũng bị mù màu,” Sir Walter nói. “Hệt như con trai và cháu trai ta. Đó là một nét di truyền gây phiền toái cho gia đình chúng ta đã vài thế hệ.”

Harry ôm lấy Emma trong vòng tay anh. “Anh thề với em, em yêu, anh không hề biết gì về việc này.”

“Tất nhiên là cháu không biết rồi,” Elizabeth Barrington nói, lần đầu tiên lên tiếng. “Người duy nhất biết chuyện là chồng cô, và ông ta đã không có đủ can đảm để đứng ra thừa nhận điều đó. Nếu ông ta làm thế, tất cả chuyện này đã không xảy ra. Bố,” bà nói tiếp, quay về phía Lord Harvey, “con có thể nhờ bố giải thích cho quan khách tại sao buổi lễ sẽ không được tiếp tục không?”

Lord Harvey gật đầu. “Hãy để chuyện đó cho ta, con gái,” ông nói, dịu dàng đặt bàn tay lên cánh tay con gái mình. “Nhưng con định sẽ làm gì?”

“Con sẽ đưa con gái của con tránh khỏi nơi này càng xa càng tốt.”

“Con không muốn đi càng xa càng tốt,” Emma nói, “trừ khi cùng với Harry.”

“Mẹ sợ rằng bố con đã không cho chúng ta lựa chọn nào khác,” Elizabeth nói, dịu dàng cầm lấy tay con gái. Nhưng Emma tiếp tục ôm lấy Harry cho tới khi anh thì thầm, “Anh sợ rằng mẹ em nói đúng, em yêu. Nhưng có một điều bố em sẽ không bao giờ có thể làm được, đó là khiến anh thôi yêu em, và cho dù có phải cần đến tất cả phần đời còn lại của anh đi nữa, anh sẽ chứng minh được ông ấy không phải là bố anh.”

“Có lẽ bà sẽ muốn ra về theo lối cửa sau hơn, bà Barrington,” vị giáo sĩ đề xuất. Emma miễn cưỡng buông Harry ra và để mẹ kéo cô đi.

Vị giáo sĩ dẫn hai mẹ con rời khỏi phòng thay đồ lễ, đi xuống một hành lang hẹp tới một cánh cửa, ông lấy làm ngạc nhiên khi thấy nó không khóa. “Cầu Chúa đi cùng các con, các con của ta,” ông nói trước khi để họ ra ngoài.

Elizabeth đưa con gái bà vòng ra bên ngoài nhà thờ, tới chiếc xe Rolls-Royce đã đợi sẵn. Bà tặng lời những vị khách mời đang tha thân bên ngoài để hít thở khí trời hay hút một điếu thuốc và lúc này đang thể hiện rõ vẻ ngạc nhiên khi thấy hai người phụ nữ âm thầm chui vào sau chiếc xe.

Elizabeth mở cửa chiếc Rolls-Royce thứ nhất và đưa con gái bà ngồi vào băng ghế sau trước khi người lái xe nhìn thấy họ. Anh ta đã đứng bên cửa chính nhà thờ vì nghĩ rằng cô dâu chú rể ít nhất cũng phải nửa giờ nữa mới quay ra, khi một hồi chuông sẽ vang lên thông báo về hôn lễ của ông bà Harry Clifton tới cả thế giới. Ngay khi người lái xe nghe thấy tiếng cánh cửa đóng sập vào, anh ta dụi điếu thuốc của mình, chạy về phía chiếc xe và ngồi xuống trước vô lăng.

“Hãy đưa chúng tôi quay trở lại khách sạn,” Elizabeth nói.

Không ai trong họ nói gì thêm cho tới khi đã yên ổn quay về phòng. Emma nằm khóc rùng trên giường trông khi Elizabeth vuốt tóc cô, giống như bà vẫn làm khi con gái mình còn nhỏ.

“Con sẽ phải làm gì đây?” Emma nức nở. “Con không thể đột nhiên ngừng yêu Harry.”

“Mẹ chắc là không rồi,” mẹ cô nói, “nhưng định mệnh đã quyết định các con sẽ không thể ở bên nhau cho tới khi có thể chứng minh được ai là bố của Harry.”

Bà mẹ tiếp tục vuốt tóc cô con gái, và nghĩ có lẽ cô đã ngủ thiếp đi, cho tới khi Emma khẽ nói thêm, “Con biết nói sao với con của con khi nó hỏi bố nó là ai đây?”

HARRY CLIFTON



1939 - 1940

Điều tôi nhớ nhất sau khi Emma và mẹ rời khỏi nhà thờ là dường như tất cả mọi người đều có vẻ rất bình tĩnh. Không một tiếng la hét cuồng loạn, không ai ngất xỉu, thậm chí không ai to tiếng. Một vị khách có thể hoàn toàn được tha thứ vì đã không nhận ra rằng có bao nhiêu cuộc đời vừa bị tổn thương vô phương cứu chữa, thậm chí bị hủy hoại. Thật đậm chất Anh làm sao, tất cả vẻ bình thản cao ngạo đến cứng nhắc đó; không ai chịu thừa nhận rằng đời tư của họ vừa tan nát chỉ trong vòng một giờ đồng hồ duy nhất. Vậy đấy, ít nhất tôi phải thừa nhận rằng cuộc đời tôi đã tan nát.

Tôi đứng đó trong sự im lặng đờ đẫn giữa lúc các vai diễn khác thực hiện phần của họ. Già Jack đã làm đúng những gì ông coi là bổn phận của mình, không hơn không kém, cho dù vẻ tái nhợt và những nếp nhăn sâu trên khuôn mặt lại cho biết điều khác hẳn. Ông hoàn toàn có thể chọn cách dễ dàng và chỉ cần đơn giản là từ chối lời mời dự đám cưới, nhưng những người được tặng thưởng Chữ thập Victoria không lảng lảng tránh.

Elizabeth Barrington như được rèn đúc nên từ kim loại khi qua thử thách đã cho thấy bà không hề thua kém bất cứ người đàn ông nào: một Portia thực thụ, song đáng buồn thay đã không lấy được một Brutus.

Trong lúc tôi nhìn quanh căn phòng thay đồ lễ để đợi vị giáo sĩ quay trở lại, tôi cảm thấy buồn nhất cho Sir Walter, người đã dẫn cháu ông tới ban thờ, không những không có thêm một đứa cháu trai mà có vẻ còn mất đi một người con trai như Già Jack đã cảnh

báo với tôi từ nhiều năm trước, “không được cắt ra từ cùng thứ vải” với cha mình.

Người mẹ yêu dấu của tôi phản ứng thật rụt rè và lo lắng khi tôi cố ôm lấy bà trong vòng tay và cam đoan về tình yêu tôi dành cho bà. Rõ ràng mẹ tôi tin rằng chỉ mình bà là người đáng trách trong mọi chuyện xảy ra ngày hôm ấy.

Và Giles, bạn tôi đã trở thành một người đàn ông khi bố anh lén lút lẩn ra khỏi phòng thay đồ lễ để trốn sau một tầng đá nào đó, bỏ lại trách nhiệm cho những người khác chịu về việc làm của ông ta. Theo thời gian, những người có mặt ở đây dần nhận ra những gì xảy ra ngày hôm đó cũng đem đến hậu quả tàn khốc với Giles không kém gì với Emma.

Cuối cùng, lại là Lord Harvey. Ông là tấm gương cho tất cả chúng ta học tập về cách ứng xử trong tai họa. Sau khi giáo sĩ quay trở lại và giải thích những quy định pháp lý của việc có liên hệ huyết thống với chúng tôi, tất cả chúng tôi đều nhất trí rằng Lord Harvey sẽ là người đại diện cho hai bên gia đình thông báo với quan khách đang chờ đợi.

“Tôi đề nghị Harry đứng bên phải tôi,” ông nói, “vì tôi muốn tất cả mọi người có mặt đều hiểu rõ, đúng như con gái Elizabeth của tôi đã nói rất rõ ràng, là cậu ấy không hề có lỗi trong việc này.”

“Bà Clifton,” ông vừa nói vừa quay sang mẹ tôi, “tôi hy vọng bà sẽ vui lòng đứng bên trái tôi. Lòng can đảm trong nghịch cảnh của bà đã là một tấm gương cho tất cả chúng ta, nhất là cho một người trong chúng ta.”

“Tôi hy vọng đại úy Tarrant sẽ đứng bên cạnh Harry: chỉ một kẻ ngốc mới trách móc người báo tin. Giles sẽ đứng cạnh ngài đại úy. Sir Walter, có lẽ mời ngài đứng cạnh bà Clifton, trong khi các thành viên còn lại trong gia đình sẽ đứng sau chúng ta. Cho phép tôi được làm rõ với tất cả mọi người,” ông nói tiếp, “tôi chỉ có một mục đích duy nhất trong sự cố đáng buồn này, đó là để đảm bảo tất cả mọi người có mặt tại nhà thờ này hôm nay sẽ không có chút nghi ngờ nào về sự nhất trí của chúng ta trong vấn đề này, như thế sẽ không ai có thể nói chúng ta bị chia rẽ.”

Không nói thêm một lời nào, ông dẫn nhóm người nhỏ của mình rời khỏi phòng thay đồ lễ.

Khi đám đông đang xì xào nhìn thấy chúng tôi đi thành hàng quay trở ra, Lord Harvey không cần phải lên tiếng kêu họ im lặng nữa. Mỗi người trong chúng tôi đều đứng vào vị trí đã được sắp xếp trước trên các bậc cấp của ban thờ như thể chúng tôi chuẩn bị chụp một bức ảnh gia đình sau đó sẽ được đưa vào album ảnh cưới.

“Các bạn thân mến, xin cho phép tôi được mạo muội tuyên bố,” Lord Harvey bắt đầu nói, “tôi đã được ủy thác trách nhiệm báo cho các vị biết, nhân danh hai gia đình chúng tôi rằng hôn lễ giữa cháu gái tôi, Emma Barrington, và cậu Harry Clifton, thật đáng buồn, sẽ không diễn ra hôm nay, cũng như vào bất cứ ngày nào khác.” Tám từ cuối cùng mang trong chúng một âm hưởng đoạn tuyệt thật ớn lạnh khi bạn là người duy nhất có mặt vẫn còn bám lấy một tia hy vọng mong manh rằng trở ngại này, đến một ngày kia rồi sẽ được giải quyết. “Tôi đành phải xin tất cả các vị thứ lỗi,” ông nói tiếp, “nếu các vị đã bị làm phiền về bất cứ phương diện nào, điều chắc chắn đó không phải là chuyện chúng tôi mong muốn. Cho phép tôi kết thúc với lời cảm ơn các vị vì sự hiện diện tại đây hôm nay, và chúc tất cả các vị một chuyến trở về nhà an toàn.”

Tôi không dám chắc việc gì sẽ xảy đến tiếp theo, nhưng rồi một hai người trong đám đông quan khách đứng dậy khỏi chỗ của họ và bắt đầu chậm rãi rời khỏi nhà thờ; chỉ sau vài khoảnh khắc, vài người lác đác ban đầu đã trở thành một dòng người liên tục, cho tới khi cuối cùng chỉ còn lại chúng tôi đứng trên các bậc cấp của ban thờ.

Lord Harvey ngỏ lời cảm ơn vị giáo sĩ, chân thành bắt tay tôi trước khi đưa vợ ông bước xuống lối đi chính và ra khỏi nhà thờ.

Mẹ tôi quay sang tôi, cố nói gì đó, nhưng hoàn toàn bị các cảm xúc của bà khống chế. Già Jack tìm đến giúp chúng tôi, nhẹ nhàng cầm lấy tay mẹ đưa bà ra về, trong khi Sir Walter quan tâm tới Grace và Jessica. Quả thực đó không phải là một ngày mà các bà mẹ và các cô phù dâu muốn nhắc đến trong suốt phần đời còn lại của họ.

Giles và tôi là những người cuối cùng ra về. Cậu đã bước vào nhà thờ với tư cách là phù rể cho tôi, và giờ đây rời đi với bản khoản tự hỏi liệu cậu có phải là em trai cùng cha khác mẹ với tôi hay không. Có một số người bên bạn vào những giờ phút đen tối nhất của bạn,

trong khi những người khác ngoảnh mặt bước đi; chỉ một số ít ỏi bước về phía bạn và trở thành những người bạn còn thân thiết hơn nữa.

Sau khi chúng tôi đã chào từ biệt mục sư Styler, người dường như không biết nói sao để bày tỏ sự buồn bã của ông, Giles và tôi uể oải bước đi trên con đường lát gạch và quay trở lại trường của chúng tôi. Hai chúng tôi không nói với nhau lời nào trong khi leo lên những bậc cầu thang bằng gỗ về phòng của mình, ngồi phịch xuống những chiếc ghế tựa bọc da cũ kỹ và sự im lặng phiền muộn mới mẻ.

Chúng tôi ngồi bên nhau trong khi ngày dần chuyển sang đêm. Thịnh thoảng nói vài câu trò chuyện vô nghĩa không đầu không đuôi. Khi những cái bóng trải dài đầu tiên xuất hiện, kẻ báo hiệu của bóng tối vẫn thường giúp những cái lười được thả lỏng, Giles hỏi tôi một câu hỏi mà bản thân tôi không hề nghĩ tới suốt nhiều năm qua.

“Cậu còn nhớ lần đầu tiên cậu và Deakins tới thăm Manor House không?”

“Làm sao tớ quên được? Hôm ấy là sinh nhật mười hai tuổi của cậu, và bố cậu đã từ chối bắt tay tớ.”

“Cậu có bao giờ tự hỏi vì sao không?”

“Tớ nghĩ hôm nay chúng ta đã biết lý do,” tôi nói, cố không tỏ vẻ quá vô cảm.

“Không, chưa đâu,” Giles khẽ nói. “Điều chúng ta phát hiện ra hôm nay là khả năng Emma có thể là em gái cùng cha khác mẹ với cậu. Giờ đây tớ hiểu ra lý do bố tớ giữ bí mật về lần quan hệ với mẹ cậu suốt bao năm qua là vì ông lo sợ hơn nhiều việc cậu có thể biết được rằng cậu là con trai ông ấy.”

“Tớ không hiểu sự khác biệt,” tôi nói, tròn mắt nhìn cậu ta.

“Vậy thì việc cậu cần nhớ lại là câu hỏi duy nhất bố tớ hỏi hôm ấy nó đặc biệt quan trọng.”

“Ông ấy hỏi sinh nhật tớ là khi nào.”

“Đúng thế, và khi ông ấy biết cậu chỉ hơn tớ có mấy tuần, bố tớ lập tức rời đi mà không nói thêm lời nào nữa. Và sau đó, khi bọn mình phải quay trở lại trường, ông ấy đã không ra khỏi phòng làm

việc để tới tạm biệt, cho dù hôm ấy là ngày sinh nhật tới. Mãi tới tận hôm nay tới mới hiểu ra ý nghĩa của những hành động ấy.”

“Làm thế nào một biến cố nhỏ nhỏ như vậy vẫn còn quan trọng sau bấy nhiêu năm được?” tôi hỏi.

“Bởi vì chính vào khoảnh khắc ấy bố tới hiểu ra rất có thể cậu là con trai cả của ông, và khi ông qua đời, có thể sẽ là cậu, chứ không phải tới, là người thừa kế tước hiệu của gia đình, công việc kinh doanh, và tất cả tài sản của ông ấy.”

“Nhưng chắc chắn bố cậu có thể để lại tài sản của ông ấy cho bất cứ ai mà ông thích, và chắc chắn người đó không phải là tới rồi.”

“Tới ước gì mọi sự đơn giản như thế,” Giles nói, “nhưng như ông nội tới vẫn thường xuyên nhắc, bố của ông, Sir Joshua Barrington, được nữ hoàng Victoria phong tước hiệp sĩ năm 1877 vì những cống hiến cho ngành công nghiệp hàng hải. Trong di chúc của mình, cụ đã nói rõ toàn bộ tước vị, danh hiệu và tài sản của cụ phải được để lại cho người con trai lớn nhất còn sống tới lúc trưởng thành, và tiếp tục như thế trong các thế hệ sau.”

“Nhưng tới không có chút hứng thú nào với việc đòi hỏi những thứ rõ ràng chẳng phải của tới,” tôi nói, cố trấn an cậu.

“Tới chắc là không rồi,” Giles nói, “nhưng có lẽ cậu sẽ không có lựa chọn nào khác trong vấn đề này, vì đến thời điểm nào đó, luật pháp sẽ yêu cầu cậu nhận lấy vị trí người đứng đầu của gia đình Barrington.”

* * *

Giles chia tay tôi sau nửa đêm để lái xe tới Gloucestershire. Cậu hứa sẽ tìm hiểu xem Emma có sẵn lòng gặp tôi hay không, vì hai chúng tôi đã chia tay nhau mà thậm chí chưa kịp nói lời tạm biệt, và nói cậu sẽ quay lại Oxford ngay khi có được bất cứ tin tức nào.

Tối hôm ấy tôi không hề chớp mắt. Có quá nhiều suy nghĩ đang vùn vụt lao qua tâm trí tôi, và trong một khoảnh khắc, chỉ một khoảnh khắc thôi, thậm chí tôi đã nghĩ tới chuyện tự sát. Nhưng tôi

không cần đến Già Jack để nhắc nhở mình rằng đó là lối thoát dành cho những kẻ hèn nhát.

Tôi không rời khỏi phòng mình trong suốt ba ngày sau đó. Tôi không trả lời những cái gõ cửa khe khẽ. Tôi không nhắc máy khi điện thoại đổ chuông. Tôi không mở ra xem những lá thư được nhét dưới khe cửa. Có thể tôi đã thật vô tâm khi không hồi đáp những người chỉ có thiện ý, nhưng đôi khi quá nhiều sự thông cảm còn kinh khủng hơn cả sự cô độc.

Giles quay về Oxford vào ngày thứ tư. Cậu ấy không cần phải nói chuyện với tôi để tôi nhận ra rằng tin cậu mang về sẽ không đem đến bất cứ sự an ủi nào. Hóa ra thực tế còn ảm đạm hơn những gì tôi lường trước. Emma và mẹ đã tới ở tại lâu đài Mulgerie, nơi chúng tôi định trải qua kỳ trăng mật, với không người thân nào được lại gần dưới mười dặm. Bà Barrington đã yêu cầu các luật sư bắt đầu thủ tục ly hôn, nhưng họ không thể chuyển bất cứ giấy tờ nào tới chồng bà vì không ai nhìn thấy ông ta kể từ khi ông lén trốn ra khỏi phòng thay đồ lễ. Lord Harvey và Già Jack đều đã từ chức khỏi hội đồng quản trị của công ty Barrington, nhưng vì tôn trọng Sir Walter, cả hai người đều không công bố công khai lý do của họ - song chuyện này cũng chẳng ngăn nổi những kẻ ngồi lê đôi mách có một ngày tưng bừng mở hội. Mẹ tôi đã rời khỏi *Câu lạc bộ đêm Eddie's* và chuyển sang làm nhân viên phục vụ bàn tại khách sạn Grand.

“Emma thế nào rồi?” tôi hỏi. “Cậu đã hỏi cô ấy...”

“Tớ thậm chí còn chẳng có cơ hội nói chuyện với nó,” Giles nói. “Mẹ tớ và nó đã lên đường đi Scotland trước khi tớ đến nơi. Nhưng em gái tớ để lại cho cậu một lá thư trên bàn ngoài tiền sảnh.” Tôi có thể cảm thấy tim mình đập nhanh hơn khi cậu ta đưa cho tôi chiếc phong bì mang nét chữ viết tay quen thuộc của cô. “Nếu lát nữa cậu thấy muốn ăn tối, thì tớ sẽ chờ trong phòng tớ.”

“Cảm ơn cậu,” tôi khẽ nói.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế đang kê cạnh khung cửa sổ nhìn xuống sân trong của khu nhà Cobb, không muốn mở một lá thư tôi biết sẽ không đem tới cho tôi dù chỉ một tia hy vọng. Cuối cùng tôi cũng xé phong bì và lấy ra ba trang giấy kín nét chữ viết tay gọn gàng của

Emma. Ngay cả khi ấy, phải mất một lúc tôi mới có thể đọc những lời cô viết.

*Manor House
Chew Valley
Gloucestershire
Ngày 29 tháng Bảy, 1939*

Harry yêu dấu của em,

Bây giờ đang là nửa đêm, và em đang ngồi trong phòng ngủ của mình viết cho người đàn ông duy nhất em sẽ mãi yêu.

Nỗi căm hận bố, người em sẽ không bao giờ có thể tha thứ, đã được thay thế bằng một tâm trạng bình an đột ngột, vì thế em cần phải viết ra những dòng này trước khi những cảm xúc cay đắng quay trở lại nhắc nhở em rằng con người tráo trở ấy đã làm hai ta mất mát nhiều đến thế nào.

Em chỉ mong chúng mình được chia tay nhau như những người yêu, chứ không phải như hai kẻ xa lạ trong một căn phòng đông đúc, vì số mệnh đã quyết định chúng ta sẽ không bao giờ được nói ra những lời 'cho tới khi cái chết chia lìa chúng ta', cho dù em biết chắc em sẽ xuống mồ mà chỉ yêu một người duy nhất.

Em sẽ không bao giờ chịu hài lòng chỉ với ký ức về tình yêu của anh, vì nếu còn một tia hy vọng dù nhỏ nhất rằng Arthur Clifton là bố anh, hãy tin em, anh yêu, rằng em sẽ mãi thủy chung.

Mẹ em tin rằng một khi cùng với thời gian, ký ức về anh, giống như mặt trời lúc hoàng hôn, sẽ phai nhạt dần, và cuối cùng tan biến, trước khi báo hiệu một bình minh mới. Không lẽ mẹ đã quên rằng bà từng nói với em vào ngày diễn ra đám cưới của em rằng tình yêu chúng ta dành cho nhau thật trong sáng, đơn thuần và hiếm có đến mức chắc chắn nó sẽ vượt qua được thử thách của thời gian, điều mẹ thừa nhận rằng bà chỉ có thể ghen với em, vì bà chưa bao giờ được trải nghiệm một niềm hạnh phúc như thế.

Nhưng cho tới khi em có thể trở thành vợ anh, anh yêu dấu, em đã quyết định chúng ta phải tạm xa nhau, trừ khi, và chỉ cho tới khi, chúng ta có thể được liên hệ với nhau một cách hợp pháp. Không ai

khác có thể hy vọng dành lấy vị trí của anh, và nếu cần, em sẽ sống độc thân còn hơn chấp nhận yên vị bên một kẻ thay thế nào đó.

Em không rõ liệu rồi sẽ có ngày em không đưa tay ra, trông đợi có anh ở bên em, và liệu có lúc nào đó em có thể thiếp đi mà không thềm gọi tên anh.

Em sẵn sàng hy sinh phần đời còn lại của mình để có thêm một năm nữa giống như năm chúng mình vừa có bên nhau, và không luật lệ nào do Chúa hay con người tạo ra có thể thay đổi điều đó. Em sẽ vẫn cầu nguyện rồi đến một ngày kia khi chúng mình có thể được kết hợp cùng nhau dưới sự chứng kiến của Đức Chúa và những con người kia, nhưng cho tới lúc đó, anh yêu quý, em sẽ vẫn luôn là người vợ yêu dấu của anh, chỉ trừ trên danh nghĩa.

Emma.

Khi Harry cuối cùng cũng đủ trấn tĩnh lại để mở cả đồng thư rải đầy dưới sàn nhà, anh bắt gặp một lá thư do thư ký của Già Jack gửi tới từ London.

Quảng trường Soho

London

Thứ Hai, ngày 2 tháng Tám, 1939

Ông Clifton thân mến,

Có thể ông sẽ không nhận được lá thư này cho tới khi ông quay về sau kỳ nghỉ trắng mắt tại Scotland, nhưng tôi đang băn khoăn không rõ liệu đại úy Tarrant có lưu lại ở Oxford sau lễ cưới hay không. Ngài đại úy đã không quay lại văn phòng vào sáng thứ Hai, và kể từ lúc đó ông chưa hề xuất hiện, vì vậy không rõ ông có biết có thể liên lạc với ngài đại úy ở đâu hay không.

Tôi rất mong nhận được hồi âm của ông.

Chân thành cảm ơn ông,

Phyllis Watson.

Rõ ràng Già Jack đã quên không báo cho cô Watson biết rằng ông sẽ xuống Bristol chơi vài ngày cùng Sir Walter để cho thấy, mặc dù ông đã khiến hôn lễ bị bãi bỏ, đồng thời cũng từ chức khỏi hội đồng quản trị của công ty Barrington nhưng ông vẫn là một người

bạn thân của ngài chủ tịch. Vì không có lá thư thứ hai nào của cô Watson trong chồng thư chưa mở của anh, Harry đoán hẳn Già Jack đã quay về quảng trường Soho và trở về phía sau bàn làm việc của ông.

Harry dành cả buổi sáng trả lời những lá thư anh vẫn chưa hồi đáp; có rất nhiều người tử tế bày tỏ sự thông cảm - không phải lỗi của họ nếu họ gọi lại cho anh những hồi ức bất hạnh. Đột nhiên Harry quyết định phải đi khỏi Oxford càng xa càng tốt. Anh nhắc điện thoại, nói với nhân viên tổng đài rằng anh muốn thực hiện một cuộc gọi đường dài lên London. Nửa giờ đồng hồ sau, cô này gọi lại báo cho anh biết số điện thoại này liên tục bận. Sau đó, anh thử gọi tới Barrington House cho Sir Walter, nhưng chỉ có chuông điện thoại reo mãi. Thất vọng vì không liên lạc được với cả hai người, Harry quyết định làm theo một câu tôn chỉ của Già Jack: *Hãy nhắc mộng dậy và làm gì đó tích cực.*

Anh vớ lấy chiếc vali đã chuẩn bị sẵn cho kỳ trăng mật ở Scotland, đi qua tiền sảnh và nói với người gác cửa rằng anh sẽ lên London và chỉ trở lại khi học kỳ mới bắt đầu. “Nếu Giles Barrington hỏi tôi đi đâu,” anh nói thêm, “làm ơn hãy nói với anh ấy tôi đi làm cho Già Jack.”

“Già Jack,” người gác cửa nhắc lại, ghi cái tên xuống một mảnh giấy.

Trong lúc ngồi trên chuyến tàu tới ga Paddington, Harry đọc trên tờ *The Times* những thông điệp mới nhất đang được trao đi gửi lại giữa Bộ Ngoại giao tại London và Bộ Ngoại giao của Đế chế tại Berlin. Anh bắt đầu nghĩ ông Chamberlain là người duy nhất còn tin vào khả năng hòa bình trong bối cảnh hiện tại. *The Times* tiên đoán nước Anh sẽ ở trong tình trạng chiến tranh chỉ sau ít ngày nữa và ngài Thủ tướng sẽ khó lòng hy vọng tiếp tục tại vị nếu người Đức bắt chấp tối hậu thư của ông ta và tiến quân vào Ba Lan.

The Thunderer tiếp tục với việc đề xuất rằng ngay cả trong trường hợp đó, chắc hẳn một chính phủ liên hiệp sẽ được thành lập, đứng đầu là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Lord Halifax (một quân bài an toàn), chứ không phải Winston Churchill (không thể đoán trước và nóng nảy). Bất chấp sự khó chịu ra mặt mà tờ báo dành cho Churchill, Harry không tin nước Anh cần đến một “quân bài an toàn”

vào thời điểm cụ thể này của lịch sử, mà là ai đó không sợ phải ra tay hung bạo với một kẻ hung bạo.

Khi Harry bước xuống tàu tại ga Paddington, anh bắt gặp cả một rừng những bộ quân phục đủ màu sắc ùa về phía mình từ mọi hướng. Anh đã quyết định xong mình sẽ gia nhập binh chủng nào khi chiến tranh nổ ra. Một ý nghĩ âm đạm thoáng lướt qua tâm trí Harry trong lúc anh lên xe buýt tới Piccadilly Circus: nếu anh bị giết trong khi phụng sự tổ quốc mình, chuyện đó sẽ giải quyết hết mọi rắc rối của gia đình Barrington - ngoại trừ một người. Khi chiếc xe buýt tới Piccadilly, Harry nhảy xuống và bắt đầu lách đi qua giữa những chú hề tạo nên các gánh xiếc khu West End, qua khoảng đất của rạp xiếc, những nhà hàng đặc quyền và hộp đêm đất đỏ, tất cả có vẻ như đều quyết tâm tàng lờ bất cứ biểu hiện nào liên quan tới chiến tranh. Hàng cửa những người phải bỏ nhà cửa đi di tản đi ra đi vào tòa nhà trên quảng trường Soho có vẻ còn dài hơn, nhếch nhác hơn so với lần đầu Harry ghé thăm. Thêm một lần nữa, khi anh leo cầu thang lên lầu ba, một số người tị nạn đứng tránh sang bên, đoán rằng anh chắc phải là một nhân viên của văn phòng. Anh hy vọng mình sẽ như vậy trong vòng một giờ nữa.

Khi lên tới lầu ba, Harry hướng thẳng tới phòng làm việc của cô Watson. Anh thấy bà đang bận rộn điền các biểu mẫu, phân phát giấy bảo lãnh đi tàu, thu xếp nơi ở và cung cấp những khoản tiền mặt nhỏ cho những người lâm vào cảnh tuyệt vọng. Khuôn mặt bà sáng lên khi bà nhìn thấy Harry. “Hãy cho tôi biết rằng đại úy Tarrant đi cùng cậu nhé,” là những lời đầu tiên bà nói.

“Không đâu, ông ấy không đi cùng tôi,” Harry nói. “Tôi đoán ông ấy đã trở về London, và vì thế mà tôi có mặt tại đây. Tôi không biết bà có cần thêm người giúp nữa hay không.”

“Cậu thật tử tế, Harry,” bà thư ký nói, “nhưng điều hữu ích nhất cậu có thể làm giúp tôi lúc này là tìm đại úy Tarrant. Nơi này sắp rối tung lên khi vắng mặt ông ấy rồi.”

“Lần cuối cùng tôi nghe được tin về đại úy, thì ông ấy đang ở nhà Sir Walter Barrington tại Bristol,” Harry nói, “nhưng chuyện đó cũng từ cách đây ít nhất nửa tháng trước rồi.”

“Chúng tôi chưa hề thấy ông ấy kể từ ngày ông ấy tới Oxford dự lễ cưới của cậu,” cô Watson nói trong lúc cố tìm cách an ủi hai

người nhập cư không thể nói được nổi một từ tiếng Anh.

“Đã có ai thử gọi điện tới căn hộ xem ông ấy có ở đó chưa?” Harry hỏi.

“Ông ấy không có điện thoại,” cô Watson nói, “và tôi hầu như chưa đặt chân về nhà của chính mình trong suốt hai tuần vừa qua,” bà nói thêm, hát hàm về phía một hàng dài người đến hút tầm mắt.

“Vậy bà nghĩ sao nếu tôi tới đó kiểm tra, và báo lại cho bà?”

“Cậu sẵn lòng chứ?” cô Watson hỏi trong khi hai cô bé con bắt đầu khóc. “Đừng khóc, mọi thứ rồi sẽ ổn cả thôi,” bà an ủi hai đứa trẻ trong khi quỳ xuống đưa một cánh tay ôm lấy chúng.

“Ông ấy sống ở đâu?” Harry hỏi.

“Số hai mươi ba, Prince Edward Mansions, Lambeth Walk. Hãy đi xe buýt số mười một đến Lambeth, sau đó cậu sẽ phải hỏi đường. Và cảm ơn cậu, Harry.”

Harry quay lại đi về phía cầu thang. Có điều gì đó không ổn, anh nghĩ. Già Jack sẽ không bao giờ rời khỏi vị trí của ông mà không báo trước lý do với cô Watson.

“Tôi quên không hỏi,” cô Watson lớn tiếng gọi với theo chàng trai, “kỳ trăng mật của cậu thế nào?”

Harry cảm thấy anh đã cách đủ xa để không nghe thấy bà.

Quay lại Piccadilly Circus, anh lên một chiếc xe buýt hai tầng chật cứng binh lính. Chiếc xe chạy tới Whitehall, nơi này đông nghịt sĩ quan, và tiếp tục qua Quảng trường Quốc hội, nơi một đám đông nghe ngóng đang chờ đợi bất cứ mẩu tin tức nào có thể lọt ra từ Hạ viện. Chiếc xe buýt tiếp tục lộ trình của nó qua cầu Lambeth, và Harry xuống xe khi nó đi tới kè Albert.

Một cậu bé bán báo đang lớn tiếng rao “Nước Anh chờ đợi câu trả lời của Hitler” bảo Harry hãy đi theo con phố thứ hai bên trái, sau đó là con phố thứ ba bên phải, và nói thêm cho ăn chắc, “Em cứ nghĩ là ai cũng biết Lambeth Walk ở đâu chứ.”

Harry bắt đầu chạy trời chết và không dừng lại cho tới khi anh đến bên một khu chung cư trông tàn tạ đến mức Harry chỉ còn biết tự hỏi rằng nó đã được đặt tên theo Hoàng tử Edward nào. Anh đẩy một cánh cửa sẽ không trụ trên mấy cái bản lề thêm được bao lâu nữa

và vội vàng bước lên cầu thang, nhanh nhẹn bước chân qua những đồng rác đã nhiều ngày chưa được dọn.

Khi anh lên tới lầu hai, Harry dừng lại bên ngoài phòng số 23 và gõ mạnh lên cửa, song không có ai trả lời. Anh gõ cửa lần nữa, mạnh hơn, nhưng vẫn không có trả lời. Anh chạy xuống cầu thang đi tìm ai đó làm việc trong tòa nhà, và khi xuống tới tầng trệt anh tìm thấy một ông lão đang ngồi ủ ê trên một cái ghế thậm chí trông còn già nua hơn, hút một điếu thuốc lá cuộn và lật qua từng trang tờ *Daily Mirror*.

“Gần đây ông có gặp đại úy Tarrant không?” Harry nghiêm giọng hỏi.

“Trong vài tuần vừa qua thì không, thưa ông,” ông già nói, nhồm người dậy và gần như đứng nghiêm khi nghe thấy giọng của Harry.

“Ông có chìa khóa dự phòng có thể mở cửa căn hộ đó không?” Harry hỏi.

“Tôi có, thưa ông, nhưng tôi không được phép dùng đến ngoại trừ trường hợp khẩn cấp.”

“Tôi có thể cam đoan với ông đây là một trường hợp khẩn cấp,” Harry nói, rồi lập tức quay người lại hối hả lao lên cầu thang, không đợi ông già trả lời.

Ông già đi theo sau anh ngay lập tức, cho dù không được nhanh bằng. Sau khi tới nơi, ông lão mở cửa ra. Harry hối hả đi từ phòng này sang phòng khác, nhưng không thấy bóng dáng Già Jack đâu. Cánh cửa cuối cùng anh tìm đến bị đóng kín. Anh khẽ gõ lên cửa, thảm sợ điều tồi tệ nhất. Không có tiếng trả lời, anh thận trọng bước vào, và tìm thấy một chiếc giường được dọn gọn gàng và không thấy bóng dáng ai. Hẳn ông lão vẫn còn ở chỗ Sir Walter là ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong đầu Harry.

Anh cảm ơn người gác cửa, quay xuống cầu thang và ra phố trong lúc cố sắp xếp lại các suy nghĩ trong đầu. Anh vẫy một chiếc taxi vì không muốn mất thêm thời gian trên xe buýt tại một thành phố xa lạ.

“Tới ga Paddington. Tôi đang vội.”

“Dạo gần đây ai cũng có vẻ vội vàng.” Tài xế lái xe vừa nói vừa phóng xe đi.

Hai mươi phút sau, Harry đang đứng trên đường ke số 6, nhưng phải mất năm mươi phút nữa đoàn tàu mới chuyển bánh đi Temple Meads. Anh dùng thời gian này dùng vội một chiếc sandwich và một tách trà - “Chỉ có pho mát thôi, thưa ông” - rồi gọi điện cho cô Watson báo cho bà hay Già Jack vẫn chưa quay về căn hộ của ông. Nếu anh để ý đúng thì, nghe giọng bà thư ký có vẻ còn bồn chồn hơn cả lúc trước. “Tôi đang trên đường đi Bristol,” anh nói với bà. “Tôi sẽ gọi cho bà ngay khi tôi gặp được đại úy.”

Trong khi đoàn tàu rời khỏi thủ đô, đi qua các đường phố mù sương của thành phố tới vùng không gian thoáng đãng của đồng quê, Harry quyết định anh không còn lựa chọn nào khác ngoài đi thẳng tới phòng làm việc của Sir Walter tại bến tàu, cho dù điều đó đồng nghĩa với việc phải chạm mặt Hugo Barrington. Tìm ra Già Jack rõ ràng quan trọng hơn mọi điều khác.

Khi đoàn tàu dừng bánh tại Temple Meads, Harry biết hai chuyến xe buýt anh cần phải đi mà không cần hỏi cậu nhóc bán báo đang đứng ở góc đường lấy hết sức hét to “*Nước Anh chờ đợi câu trả lời của Hitler.*” Cùng đầu đề, nhưng lần này là bằng thổ âm Bristol. Ba mươi phút sau, Harry đã có mặt trước cổng bến tàu.

“Tôi có thể giúp gì ông?” người bảo vệ không nhận ra anh hỏi.

“Tôi có cuộc hẹn gặp với Sir Walter,” Harry nói, hy vọng cái cờ này không bị vụn vẹo.

“Tất nhiên rồi, thưa ông. Ông biết đường tới văn phòng chủ tịch rồi chứ ạ?”

“Vâng, cảm ơn ông,” Harry nói. Anh bắt đầu chậm rãi đi về phía tòa nhà anh chưa một lần đặt chân vào. Anh bắt đầu nghĩ xem mình sẽ làm gì nếu đối mặt với Hugo Barrington trước khi tới được văn phòng của Sir Walter.

Anh rất mừng khi thấy chiếc Rolls-Royce đậu ở vị trí quen thuộc của nó, và thậm chí còn thấy nhẹ nhõm hơn khi không thấy bóng dáng chiếc Bugatti của Hugo Barrington đâu. Anh vừa định bước vào Barrington House thì liếc mắt về phía toa xe lửa ở ngoài xa. Liệu có thể nào không? Anh đổi hướng và bước về phía toa xe lửa hiệu Pullman, như Già Jack vẫn hay mô tả về nó sau ly whisky thứ hai.

Khi Harry bước tới toa xe, anh gõ nhẹ lên khung cửa kính như thể đây là một ngôi nhà lớn. Không có người quản gia nào xuất hiện,

vậy là anh tự mở cửa bước vào. Anh đi dọc lối đi tới khoang hạng nhất, và ông lão đang ở đó, ngồi trên chiếc ghế quen thuộc của ông.

Đây là lần đầu tiên Harry từng thấy Già Jack đeo Chữ thập Victoria.

Harry ngồi xuống chiếc ghế đối diện với bạn anh, nhớ lại lần đầu tiên anh ngồi tại đây. Có lẽ lúc đó anh mới chừng năm tuổi và đôi chân anh còn chưa chạm được tới sàn. Sau đó, anh nghĩ tới lần anh chạy trốn khỏi St. Bede, và ông lão cao thượng tinh tế đã thuyết phục anh quay về trường vừa kịp giờ ăn sáng. Anh nhớ lại lúc Già Jack tới nghe anh hát solo tại nhà thờ, cái lần anh bị vỡ giọng. Già Jack đã gạt chuyện đó sang một bên như một biến cố nhỏ nhất. Rồi đến ngày anh biết mình đã không giành được học bổng của Bristol Grammar School, một biến cố nghiêm trọng. Bất chấp thất bại của anh, Già Jack vẫn tặng anh chiếc đồng hồ hiệu Ingersoll mà anh vẫn đeo cho tới tận hôm nay. Nó chắc đã buộc ông lão phải bỏ ra đến đồng penny cuối cùng. Vào năm cuối Harry học ở trường, Già Jack đã từ London lặn lội xuống để xem anh vào vai Romeo, và Harry đã giới thiệu ông với Emma lần đầu tiên. Và anh sẽ không bao giờ quên ngày trao thưởng cuối năm học cuối cùng, khi Jack ngồi trên sân khấu trong hội đồng quản trị ngôi trường cũ ông từng học, chứng kiến Harry được trao tặng giải thưởng Anh văn.

Và lúc này đây, Harry sẽ không bao giờ còn có thể cảm ơn ông về không biết bao nhiêu cử chỉ đong đầy tình cảm trong suốt bao năm qua và không thể đền đáp được. Anh nhìn chăm chăm vào người đàn ông anh yêu quý và từng nghĩ sẽ không bao giờ chết. Trong khi họ ngồi đó cùng nhau trong khoang hạng nhất, mặt trời lặn xuống trên cuộc đời trẻ trung của chàng trai.

Harry nhìn theo chiếc cáng được đưa lên xe cứu thương. Một cơn đau tim, ông bác sĩ nói, trước khi chiếc xe cứu thương chạy đi.

Harry không cần phải đi tìm và báo cho Sir Walter biết Già Jack đã chết, vì khi anh thức dậy sáng hôm sau, ông chủ tịch của công ty Barrington đã đang ngồi bên cạnh anh.

“Ông ấy nói với ông rằng ông ấy không còn lý do nào để sống nữa,” là những lời đầu tiên của Sir Walter. “Cả hai chúng ta đều vừa mất đi một người bạn gần gũi và thân thiết.”

Phản ứng của Harry khiến Sir Walter ngạc nhiên. “Bây giờ ông sẽ làm gì với toa xe này, khi Già Jack không còn nữa?”

“Không ai sẽ được phép bén mảng lại gần nó, chùng nào ông còn làm chủ tịch,” Sir Walter nói. “Nó chứa đựng quá nhiều kỷ niệm cá nhân với ông.”

“Cả cháu cũng vậy,” Harry nói. “Hồi còn nhỏ, cháu đã dành nhiều thời gian ở đây hơn ở chính nhà mình.”

“Hay ở lớp học, nếu nói tới chuyện này,” Sir Walter nói kèm theo một nụ cười buồn. “Ông vẫn hay quan sát cháu từ cửa sổ phòng làm việc của ông. Ông đã nghĩ rằng cháu hẳn phải là một cậu bé ấn tượng nhường nào thì Già Jack mới chịu dành nhiều thời gian đến thế.”

Harry mỉm cười khi anh nhớ lại Già Jack đã làm cách nào để đưa ra một lý do thuyết phục anh quay lại trường và học đọc học viết.

“Bây giờ cháu sẽ làm gì, Harry? Trở về Oxford và tiếp tục học chứ?”

“Không, thưa ông. Cháu sợ rằng chúng ta sẽ tham chiến trước khi...”

“Tầm cuối tháng này sẽ là dự đoán của ông,” Sir Walter nói.

“Vậy thì cháu sẽ rời Oxford ngay lập tức và gia nhập hải quân. Cháu đã nói với thầy quản lý của cháu tại trường, thầy Bainbridge, rằng đó là những gì cháu dự định. Ông ấy cam đoan rằng cháu có thể quay về tiếp tục học ngay sau khi chiến tranh kết thúc.”

“Điều hiển nhiên với Oxford,” Sir Walter nói. “Họ luôn nhìn xa. Vậy là cháu sẽ tới Dartmouth tham gia khóa huấn luyện sĩ quan hải quân?”

“Không, thưa ông, cháu đã ở quanh những con tàu suốt đời mình. Dù thế nào đi nữa, Già Jack cũng đã bắt đầu từ một anh binh nhất và dần vươn lên qua từng cấp, vậy thì cháu sao lại không làm thế chứ?”

“Quả thực, sao lại không chứ?” Sir Walter nói. “Trên thực tế, đó là một trong các lý do ông ấy luôn được coi là ở đẳng cấp trên hẳn bọn ông, những người đồng ngũ với ông ấy.”

“Cháu không hề biết hai người từng đồng ngũ.”

“Ồ, phải đấy, ông đã tại ngũ cùng đại úy Tarrant ở Nam Phi,” Sir Walter nói. “Ông là một trong số hai mươi bốn người được ông ấy cứu mạng vào ngày ông được tặng thưởng Chữ thập Victoria.”

“Điều đó giải thích nhiều điều cháu chưa bao giờ thực sự hiểu,” Harry nói. Sau đó anh lại làm Sir Walter bất ngờ thêm một lần thứ hai. “Liệu cháu có biết thêm ai khác nữa không ạ?”

“Là thầy Frob,” Sir Walter nói. “Nhưng vào thời đó ông ấy là trung úy Frobisher. Hạ sĩ Holcombe, là bố của thầy Holcombe. Và binh nhì Deakins trẻ tuổi.”

“Là bố của bạn Deakins ạ?” Harry hỏi.

“Phải đấy. Sprogg, như bọn ông vẫn hay gọi cậu ta. Một người lính trẻ tuổi cừ khôi. Cậu ta không bao giờ nói nhiều, nhưng lại là người rất dũng cảm. Cậu ta bị mất một cánh tay vào cái ngày khủng khiếp đó.”

Cả hai người cùng im lặng, mỗi người đều đắm chìm trong những ký ức của mình về Già Jack, trước khi Sir Walter hỏi, “Vậy nếu cháu không tới Dartmouth, chàng trai, ông có thể hỏi cháu dự định lên kế

hoạch ra sao để đơn thương độc mã giành thắng lợi trong cuộc chiến này đây?”

“Cháu sẽ phục vụ trên bất cứ con tàu nào chấp nhận cháu, thưa ông, chừng nào họ sẵn lòng ra khơi tìm kiếm kẻ thù của nước Anh.”

“Vậy thì có thể ông sẽ giúp được đấy.”

“Ông thật tốt quá, thưa ông, nhưng cháu muốn phục vụ trên một chiến hạm chứ không phải một tàu chở khách hay một tàu vận tải ạ.”

Sir Walter lại mỉm cười. “Và sẽ là như thế, chàng trai thân mến. Đừng quên rằng ông luôn được thông báo về mọi con tàu đến hoặc đi khỏi các bến tàu này, và ông quen hầu hết các thuyền trưởng của chúng. Mà nếu nói cho cùng, ông còn quen cả bố họ khi những ông bố này còn là thuyền trưởng cơ. Tại sao chúng ta không lên phòng làm việc của ông và cùng tìm hiểu xem trong mấy ngày tới có những tàu nào cập cảng và ra khơi, và quan trọng hơn, là xem xem liệu có con tàu sẵn sàng nhận cháu lên tàu không?”

“Ông thật chu đáo, thưa ông, nhưng cháu muốn qua thăm mẹ cháu trước được không ạ? Nhiều khả năng cháu sẽ không có cơ hội gặp lại bà trong thời gian tới.”

“Hoàn toàn đúng đắn và hợp lẽ thôi chàng trai,” Sir Walter nói. “Và sau khi cháu gặp mẹ rồi, hãy qua phòng làm việc của ông vào chiều nay được không? Như thế ông sẽ có đủ thời gian để kiểm tra lại các bản danh sách tàu mới nhất.”

“Cảm ơn ông. Cháu sẽ quay lại ngay sau khi cho mẹ cháu biết những gì cháu dự định làm.”

“Khi cháu quay trở lại, chỉ cần nói với người gác cổng là cậu có hẹn với ngài chủ tịch, như thế cậu sẽ không gặp rắc rối gì với kiểm soát an ninh đâu.”

“Cảm ơn ông,” Harry nói, cố giấu nụ cười.

“Và hãy giúp tôi gửi tới mẹ cháu những lời thăm hỏi chân thành nhất. Một người phụ nữ đáng ngưỡng mộ.”

Harry thêm một lần nữa hiểu vì sao Sir Walter lại là bạn thân nhất của Già Jack.

* * *

Harry bước vào khách sạn Grand, một tòa nhà sang trọng theo phong cách Victoria nằm ở trung tâm thành phố, và hỏi người gác cửa hướng đi tới phòng ăn lớn. Anh bước qua tiền sảnh, và ngạc nhiên khi thấy một hàng người trước bàn của người phụ trách, đợi đến lượt được xếp bàn. Anh đứng vào cuối hàng, nhớ lại rằng mẹ luôn không tán thành việc anh ghé qua tìm gặp bà ở tiệm Tilly's hay khách sạn Royal trong giờ làm việc.

Trong lúc đứng đợi, Harry nhìn một vòng, lúc này sảnh đang chật kín thực khách rôm rả trò chuyện, không ai trông có vẻ như họ đang phải chờ đợi cảnh thiếu thốn thực phẩm, hay nghĩ tới chuyện gia nhập quân đội trong trường hợp đất nước tham chiến. Những chiếc khay bạc xếp đầy thức ăn được hối hả mang ra mang vào qua các cánh cửa gạt trên, trong khi một người mặc bộ đồ đầu bếp đang đẩy một chiếc xe từ bàn này qua bàn khác, cắt ra từng lát bít tết, đồng thời có một người khác theo sau ông ta mang một bát nước sốt.

Harry không thấy bóng dáng mẹ anh đâu. Thậm chí anh bắt đầu băn khoăn liệu có phải Giles đã chỉ nói cho anh biết những gì anh muốn nghe thì đột nhiên bà bước qua cửa gạt, ba đĩa đồ ăn xếp trên tay bà. Bà đặt chúng xuống trước mặt thực khách nhẹ nhàng đến mức hầu như họ không hề nhận thấy sự hiện diện của bà, rồi sau đó quay trở vào bếp. Một lát sau mẹ anh lại quay ra, mang theo ba đĩa rau. Khi Harry tới đầu hàng, anh đã hoàn toàn hiểu ra ai mới là người cho anh nguồn năng lượng dồi dào anh đang sở hữu, cùng sự nhiệt huyết không nề hà và một tinh thần không cam chịu thất bại. Làm sao anh có thể đền đáp được người phụ nữ đáng ngưỡng mộ này cùng tất cả những hy sinh bà đã trải qua.

“Tôi rất xin lỗi đã khiến ngài phải đợi, thưa ngài,” người phụ trách lên tiếng làm ngắt quãng dòng suy nghĩ của anh, “nhưng tôi không còn bàn nào trống vào lúc này. Ngài có thể vui lòng quay lại sau hai mươi phút nữa chăng?”

Harry không buồn nói với ông ta kỳ thực anh không muốn có một bàn, và không chỉ vì mẹ anh là một trong số nhân viên phục vụ, mà vì anh không có khả năng để thanh toán cho bất cứ món gì trên thực đơn, có lẽ chỉ trừ món nước sốt.

“Tôi sẽ quay lại sau,” Harry nói, cố tỏ vẻ thất vọng. Sau chừng mười năm nữa, anh thầm nghĩ, khi đó anh ngờ rằng rất có thể mẹ

anh đã trở thành người phụ trách. Anh rời khách sạn với nụ cười trên khuôn mặt và bắt xe buýt quay trở lại bến tàu.

* * *

Anh được người thư ký của Sir Walter đưa thẳng vào phòng làm việc của ông, và bắt gặp ông chủ tịch đang đứng tựa vào bàn làm việc, chăm chú nhìn lịch của cảng, thời gian biểu và các hải đồ nằm rải kín cả mặt bàn.

“Ngồi đi, chàng trai thân mến,” Sir Walter nói, trước khi đeo lại mắt kính không gọng trên mắt phải và nghiêm nghị nhìn Harry. “Ông đã có chút thời gian để suy nghĩ về cuộc trao đổi sáng nay,” ông nói tiếp, giọng rất nghiêm chỉnh, “và trước khi chúng ta bàn kĩ hơn, ông cần được thuyết phục là cháu đang đưa ra quyết định đúng đắn.”

“Cháu hoàn toàn chắc chắn,” Harry nói không chút do dự.

“Có thể lắm, nhưng ông cũng tin chắc không kém là Jack hẳn sẽ khuyên cháu quay lại Oxford đợi cho tới khi cháu được gọi nhập ngũ.”

“Có thể ông ấy sẽ làm thế, thưa ông, nhưng chắc chắn ông ấy sẽ không làm theo lời khuyên của chính mình đâu ạ.”

“Cháu biết ông ấy mới rõ làm sao,” Sir Walter nói. “Thực ra thì đây chính xác là những gì ông trông đợi cháu sẽ nói. Hãy để ông cho cháu biết những gì ông đã tìm hiểu được cho tới lúc này,” ông nói tiếp, hướng sự chú ý trở lại đám giấy tờ nằm đầy trên mặt bàn làm việc của ông. “Tin tốt là thiết giáp hạm HMS *Resolution* của Hải quân Hoàng gia dự kiến sẽ cập cảng Bristol sau khoảng một tháng nữa, lúc đó nó sẽ tiếp nhiên liệu trước khi chờ lệnh tiếp theo.”

“Một tháng ư?” Harry nói, không hề tìm cách giấu sự thất vọng của mình.

“Kiên nhẫn chút nào, chàng trai,” Sir Walter nói. “Lý do ông lựa chọn *Resolution* là vì hạm trưởng của nó là một người bạn cũ của ông, do đó ông tin mình có thể thuyết phục họ cho cháu lên tàu làm thủy thủ, chừng nào những phần khác trong kế hoạch của ông diễn ra suôn sẻ.”

“Nhưng liệu hạm trưởng của chiến hạm *Resolution* có cân nhắc tới chuyện nhận ai đó không hề có kinh nghiệm đi biển hay không ạ?”

“Nhiều khả năng là không, nhưng nếu mọi thứ còn lại diễn ra đúng như dự kiến, khi bước chân lên boong chiếc *Resolution* cháu đã là một con sói biển thực thụ rồi.”

Nhớ lại một trong những câu triết lý ưa thích của Già Jack, *Ta nhận ra mình không học hỏi được bao nhiêu khi mãi nói*, Harry quyết định thôi ngắt lời và bắt đầu lắng nghe.

“Bây giờ,” Sir Walter tiếp tục nói, “ông đã xác định được ba con tàu sắp rời Bristol trong vòng hai mươi tư giờ tới và dự kiến sẽ quay về trong vòng từ ba đến bốn tuần nữa, như thế sẽ cho cháu thừa đủ thời gian để đạt yêu cầu làm thủy thủ trên chiến hạm *Resolution*.”

Harry muốn ngắt lời ông, nhưng rồi lại thôi.

“Hãy bắt đầu từ lựa chọn số một của ông. Chiếc *Devonian* sẽ lên đường đi Cuba, mang theo quần áo vải bông, khoai tây và xe đạp hiệu Raleigh Lenton, nó dự kiến sẽ trở lại Bristol sau bốn tuần, mang theo hàng hóa gồm thuốc lá, đường và chuối.”

“Con tàu thứ hai trong danh sách rút gọn của ông là chiếc SS *Kansas Star*, một con tàu chở khách sẽ tới New York vào đợt thủy triều đầu tiên của sáng mai. Con tàu này đã được chính phủ Hoa Kỳ trưng dụng để chở các công dân Mỹ hồi hương trước khi nước Anh tuyên chiến với Đức.”

“Con tàu thứ ba là một tàu chở dầu chưa có hàng, chiếc SS *Princess Beatrice*, đang trên đường quay lại Amsterdam tiếp nhiên liệu và sẽ trở về Bristol chứa đầy hàng trước cuối tháng này. Cả ba thuyền trưởng đều hiểu rất rõ họ cần an toàn quay lại cảng càng nhanh càng tốt, vì nếu chiến tranh nổ ra, hai chiếc tàu chở hàng kể trên sẽ trở thành mồi ngon cho người Đức, trong khi chỉ mình chiếc *Kansas Star* được an toàn trước những tàu ngầm Đức đang lượn lờ trên Đại Tây Dương chờ lệnh nhấn chìm bất cứ chiếc tàu nào treo cờ đỏ hay xanh.

“Những con tàu này cần thành viên nào cho thủy thủ đoàn vậy?” Harry hỏi. “Chính xác mà nói, cháu không có nhiều kinh nghiệm cho lắm.”

Sir Walter lại tìm kiếm trên bàn làm việc của ông, trước khi lấy ra một tờ giấy khác. “Chiếc *Princess Beatrice* thiếu một thủy thủ, chiếc *Kansas Star* tìm một vị trí làm việc trong nhà bếp, và điều này hầu như luôn có nghĩa là một chân rửa bát đĩa hay chạy bàn, trong khi chiếc *Devonian* cần một sĩ quan thứ tư.”

“Vậy thì có thể loại con tàu đó khỏi danh sách rút gọn được rồi.”

“Kể cũng buồn cười,” Sir Walter nói, “đó lại là vị trí mà ông nghĩ là thích hợp nhất với cháu. Chiếc *Devonian* có thủy thủ đoàn gồm ba mươi bảy người, và hiếm khi ra khơi với một sĩ quan học việc, vì thế sẽ không ai trông đợi cháu là ai khác ngoài một tay mơ đâu.”

“Nhưng tại sao ông thuyên trưởng lại cân nhắc tới cháu?”

“Vì ông đã nói với ông ấy rằng cháu là cháu trai ông.”

Harry đi theo bờ kè về phía tàu *Devonian*. Chiếc vali nhỏ anh mang theo làm Harry có cảm giác như anh là một cậu học sinh vào đầu năm học mới. Ông hiệu trưởng mới sẽ thế nào? Liệu anh sẽ ngủ cạnh giường với một Giles hay một Deakins? Liệu anh có gặp một Già Jack nào không? Liệu trên tàu có Fisher nào hay không?

Cho dù Sir Walter đã đề nghị đi cùng anh để giới thiệu Harry với thuyền trưởng, song Harry cảm thấy đó không phải là cách lý tưởng nhất để gây thiện cảm với các đồng nghiệp mới trên tàu.

Anh dừng lại giây lát và chăm chú ngắm nhìn con tàu cũ kỹ mà anh sẽ làm việc trong suốt một tháng tới. Sir Walter đã cho anh hay chiếc *Devonian* được đóng vào năm 1913, khi các đại dương còn nằm dưới sự thống trị của những cánh buồm, và một con tàu vận tải có động cơ vẫn còn được nghĩ tới như một điều mới mẻ. Nhưng đến giờ, hai mươi sáu năm sau, chẳng còn mấy thời gian trước khi con tàu này không còn được sử dụng nữa và bị đưa tới khu bến tàu nơi những con tàu cũ được xẻ ra bán sắt vụn.

Sir Walter cũng đã cho anh biết vì thuyền trưởng Havens chỉ còn một năm phục vụ nữa trước khi nghỉ hưu, rất có thể các chủ tàu sẽ giải nhiệm ông ta cùng lúc với con tàu.

Các điều khoản hợp đồng của *Devonian* cho thấy con tàu có thủy thủ đoàn gồm ba mươi bảy người, nhưng cũng giống như trên nhiều tàu vận tải khác, con số này không hoàn toàn chính xác: một đầu bếp và một người rửa bát tuyển mộ tại Hồng Kông không xuất hiện trên bảng lương, cũng như một hai thủy thủ thời vụ vốn là những kẻ chạy trốn pháp luật và không có ý định quay trở lại quê hương.

Harry thong thả bước theo cầu ván lên tàu. Sau khi đặt chân lên boong, anh không bước tiếp cho tới khi được cho phép lên tàu. Sau bấy nhiêu năm lang thang quanh bến tàu, Harry đã hiểu quá rõ các nguyên tắc hàng hải. Anh nhìn lên đài chỉ huy và đoán người đàn ông anh thấy đang ra lệnh hẳn là thuyền trưởng Havens. Sir Walter đã cho anh biết sĩ quan chỉ huy trên một tàu chở hàng trên thực tế là một thủy thủ giàu kinh nghiệm, nhưng trên tàu luôn phải xưng hô với ông ta là thuyền trưởng. Thuyền trưởng Havens cao gần sáu foot, và trông có vẻ trạc tuổi năm mươi hơn là sáu mươi. Ông có thân hình vạm vỡ chắc nịch, với khuôn mặt dãi dầu r ám nắng và một bộ râu đen tĩa đều tăm tắp, và người đàn ông này cũng bắt đầu bị hói, khiến ông ta có ngoại hình giống như George V.

Khi ông trông thấy Harry đứng đợi ở đầu cầu ván, ông thuyền trưởng ra một mệnh lệnh dứt khoát cho người sĩ quan đứng cạnh mình trên đài chỉ huy trước khi bước xuống boong.

“Tôi là thuyền trưởng Havens,” ông ta nói với giọng mạnh mẽ. “Hẳn cậu là Harry Clifton. Ông thuyền trưởng nồng nhiệt bắt tay Harry. “Chào mừng cậu lên tàu *Devonian*. Cậu được giới thiệu rất tích cực.”

“Tôi cần nói rõ với ông, thưa ông,” Harry bắt đầu nói, “đây là lần đầu tiên tôi...”

“Tôi biết chuyện đó,” Havens nói, hạ giọng xuống, “nhưng là tôi thì tôi sẽ giữ cho riêng mình chuyện đó nếu cậu không muốn thời gian trên tàu của mình trở thành một địa ngục thực sự. Và cho dù cậu có làm gì đi nữa, đừng có nói cậu từng ở Oxford, vì phần lớn những người này,” ông thuyền trưởng nói, chỉ về phía các thủy thủ đang làm việc trên boong, “sẽ nghĩ đó chỉ là tên của một con tàu khác. Đi theo tôi. Tôi sẽ chỉ cho cậu buồng của sĩ quan thứ tư.”

Harry đi theo sau thuyền trưởng, ý thức được đang có cả tá cặp mắt đầy nghi ngờ đang dõi theo nhất cử nhất động của anh.

“Còn hai sĩ quan nữa trên tàu của tôi,” ông thuyền trưởng nói khi Harry đã bắt kịp ông. “Jim Patterson, thợ máy chính, dành phần lớn thời gian của anh ta dưới hầm nồi hơi, vì thế cậu sẽ chỉ gặp anh ta vào các bữa ăn, và đôi khi ngay cả vào các bữa ăn cũng không gặp. Anh ta đã phục vụ trên con tàu này mười bốn năm nay với tôi rồi, và chân thành mà nói, tôi ngờ rằng con tàu cũ kỹ này khó lòng còn có

thể vượt qua nửa Eo biển Anh, chứ đừng nói gì tới chuyện vượt Đại Tây Dương, nếu anh ta không có mặt dưới đó lo phần nhiên liệu. Sĩ quan thứ ba của tôi, Tom Bradshaw, đang ở trên đài chỉ huy. Anh ta mới phục vụ cùng tôi được ba năm nay, vậy nên vẫn chưa được tin tưởng. Anh ta luôn kín tiếng, nhưng người nào đã huấn luyện anh ta quả là biết việc họ làm, vì anh chàng này quả là một sĩ quan cừ khôi.”

Havens bắt đầu leo xuống một cầu thang sắt hẹp dẫn xuống boong dưới. “Đây là buồng của tôi,” ông ta nói trong lúc tiếp tục bước đi theo hành lang, “và kia là buồng của Patterson.” Ông thuyền trưởng dừng lại trước nơi trông có vẻ như buồng đựng chổi. “Đây là buồng của cậu.” Ông đẩy cửa, nhưng nó chỉ nhích được vài inch trước khi va phải một cái giường gỗ hẹp. “Tôi sẽ không vào vì trong đó không đủ chỗ cho cả hai chúng ta. Cậu sẽ tìm thấy vài bộ quần áo trên giường. Sau khi thay đồ, hãy lên đài chỉ huy gặp tôi. Chúng ta sẽ nhổ neo trong vòng một giờ nữa. Rồi khỏi vịnh có lẽ sẽ là phần thú vị nhất của chuyến đi cho tới khi chúng ta cập cảng ở Cuba.”

Harry lách qua cánh cửa mở hé hé và phải đóng nó lại sau lưng mình để có đủ không gian thay quần áo. Harry xem qua chỗ quần áo đã được để lại, gấp gọn ghẽ trên giường của anh: hai chiếc áo len dày màu xanh nước biển, hai áo sơ mi trắng, hai cái quần dài xanh nước biển, ba đôi tất len xanh nước biển và một đôi giày vải bạt có đế cao su dày. Tất cả có một điểm chung: trông có vẻ như chúng đã được vài người mặc qua trước Harry. Anh nhanh chóng thay sang bộ đồ thủy thủ, sau đó mở vali ra cất đồ.

Vì chỉ có một ngăn kéo duy nhất, Harry để chiếc vali nhỏ, đựng đầy quần áo dân sự của anh xuống dưới gầm giường - nơi duy nhất trong gian buồng vừa vặn hoàn toàn. Anh mở cửa, quay ra hành lang và đi tìm cầu thang sắt. Tìm được nó, anh leo trở lên mặt boong. Lại có thêm vài cặp mắt nghi ngờ dõi theo bước đi của chàng trai.

“Ông Clifton,” ông thuyền trưởng nói khi Harry lần đầu tiên bước vào đài chỉ huy, “đây là Tom Bradshaw, sĩ quan thứ ba, người sẽ lái tàu ra khỏi vịnh ngay sau khi chúng ta được nhà chức trách cho phép rời bến. Nhân đây, ông Bradshaw,” thuyền trưởng Havens nói, “một trong những nhiệm vụ của chúng ta trong chuyến đi này là dạy

cậu học sinh trẻ tuổi đây mọi thứ chúng ta biết, để khi quay về Bristol sau một tháng nữa, thủy thủ đoàn của chiến hạm HMS *Resolution* sẽ tưởng lầm cậu ta là một con sói biển dày dạn.”

Nếu Bradshaw có đưa ra vài lời bình luận thì những lời nói của anh ta cũng bị át đi bởi hai hồi còi dài, một âm thanh Harry đã nghe không biết bao nhiêu lần trong nhiều năm qua, báo hiệu hai chiếc tàu lai dắt đã vào vị trí và sẵn sàng hộ tống chiếc *Devonian* ra khỏi vịnh. Ông thuyền trưởng nhồi một ít thuốc lá vào cái tẩu đã mòn vẹt của mình, trong lúc ông Bradshaw trả lời tín hiệu kia bằng hai hồi còi của tàu, xác nhận *Devonian* đã sẵn sàng khởi hành.

“Chuẩn bị rời bến, ông Bradshaw,” thuyền trưởng Havens nói, đồng thời quẹt một que diêm.

Ông Bradshaw mở chụp che chiếc ống nói bằng đồng thau mà mãi tới lúc này Harry mới nhìn thấy. “Tất cả các động cơ tiến chậm, ông Patterson. Các tàu lai dắt đã vào vị trí và sẵn sàng đưa chúng ta ra khỏi vịnh,” anh ta nói thêm, để lộ chút thổ âm Mỹ rất nhẹ.

“Tất cả động cơ tiến nhẹ, ông Bradshaw,” một giọng nói từ buồng nồi hơi vọng lên.

Harry nhìn xuống qua bên mạn đài chỉ huy và quan sát trong lúc thủy thủ đoàn thực hiện các nhiệm vụ được phân công của họ. Bốn người, hai trước mũi và hai sau đuôi, đang tháo những sợi chèo to khỏi các trụ néo trên bến tàu. Hai người nữa đang kéo cầu ván lên. “Hãy chú ý quan sát hoa tiêu,” ông thuyền trưởng nói giữa hai lần rít tẩu. “Anh ta có trách nhiệm đưa chúng ta ra khỏi vịnh và an toàn tiến vào Eo biển Anh. Sau khi anh ta hoàn thành việc này, ông Bradshaw sẽ tiếp quản tay lái. Nếu cậu thực sự có chút gì đó hữu dụng, cậu Clifton, có thể cậu sẽ được phép thay thế vị trí của anh ta sau khoảng một năm nữa, nhưng chỉ sau khi tôi đã nghỉ hưu và ông Bradshaw đã trở thành thuyền trưởng.” Vì Bradshaw thậm chí chẳng buồn nhếch mép cười, Harry vẫn giữ im lặng và tiếp tục quan sát mọi thứ diễn ra quanh anh. “Không ai được phép điều khiển cô nàng của tôi vào ban đêm,” thuyền trưởng Havens nói tiếp, “trừ khi tôi chắc chắn anh ta không làm trò gì thái quá với nàng.” Lại một lần nữa, Bradshaw không hề cười, nhưng hẳn là trước đây anh ta cũng đã nghe câu này nhiều lần.

Harry nhận ra anh đang ngẩn người kinh ngạc trước sự trôi chảy của toàn bộ hoạt động đang được thực hiện. Chiếc *Devonian* thong thả rời khỏi bờ kè, và với sự trợ giúp của hai chiếc tàu lai dắt, dần dần quay mũi khỏi bến tàu, đi dọc theo sông Avon và chạy qua bên dưới chiếc cầu treo.

“Cậu có biết ai đã xây cây cầu đó không, cậu Clifton?” Ông thuyền trưởng hỏi, nhắc tẩu ra khỏi miệng.

“Isambard Kingdom Brunel, thưa ông,” Harry nói.

“Và tại sao ông ta không thể sống để chứng kiến ngày nó được khánh thành?”

“Vì hội đồng địa phương cạn tiền, và ông ta chết trước khi cây cầu được hoàn tất.”

Ông thuyền trưởng cau mày. “Tiếp theo cậu sẽ nói với tôi rằng nó được đặt tên theo cậu,” ông ta nói, đưa chiếc tẩu trở lại miệng. Ông thuyền trưởng không nói gì cho tới khi hai chiếc tàu lai dắt tới đảo Barry, nơi chúng kéo hai hồi còi dài nữa, thả dây kéo và quay về cảng.

Chiếc *Devonian* có thể là một con tàu cũ kỹ, nhưng chẳng mấy chốc Harry nhận thấy rõ rằng thuyền trưởng Havens và thủy thủ đoàn của ông biết chính xác cần điều khiển nó như thế nào.

“Hãy cầm lái đi ông Bradshaw,” ông thuyền trưởng nói, vừa lúc có thêm một cặp mắt nữa xuất hiện trên đài chỉ huy, chủ nhân của nó bê theo hai cốc trà nóng. “Sẽ có ba sĩ quan trên đài chỉ huy trong chuyến đi này, Lu, vậy hãy nhớ để cậu Clifton đây cũng có một cốc trà.” Tay người Hoa gạt đầu và biến mất xuống dưới boong.

Sau khi ánh đèn trong vịnh đã chìm khuất phía bên kia đường chân trời, những con sóng ngày một lớn dần, làm con tàu tròng trành từ bên này sang bên kia. Havens và Bradshaw đứng thẳng, hai bàn chân cách xa nhau, như thể dính chặt xuống sàn, trong khi Harry thấy anh liên tục phải bám vào thứ gì đó để không bị ngã nhào. Khi người Hoa xuất hiện trở lại mang theo cốc trà thứ ba, Harry quyết định không đề cập với thuyền trưởng là nó đã nguội ngắt, và rằng mẹ anh thường cho thêm một cục đường vào trà.

Ngay khi Harry bắt đầu cảm thấy tự tin hơn một chút, gần như thấy thích thú với trải nghiệm, ông thuyền trưởng nói, “Tối nay cũng không còn gì nhiều hơn để cậu có thể làm đâu, cậu Clifton. Sao cậu

không về buồng mình và cố chớp mắt một chút. Hãy quay lại đài chỉ huy trước bảy giờ hai mươi phút để nhận ca trực sáng.” Harry vốn định phản đối thì lần đầu tiên một nụ cười xuất hiện trên khuôn mặt Bradshaw.

“Chúc ông buổi tối tốt lành, thưa thuyền trưởng,” Harry nói trước khi leo theo các bậc thang xuống mặt boong. Anh chậm chạp lão đảo bước đi về phía cầu thang sắt hẹp, cảm thấy theo từng bước đi rằng lúc này thậm chí còn có nhiều cặp mắt hơn đang dõi theo mình. Một giọng nói cất lên, đủ lớn để anh nghe thấy, “Hẳn anh chàng kia là một hành khách.”

“Không, cậu ta là một sĩ quan đấy,” một giọng nói thứ hai vang lên.

“Thế thì có gì khác?” Vài người bật cười.

Sau khi về tới buồng của mình, anh cởi quần áo và leo lên chiếc giường gỗ chật chội. Harry cố tìm lấy một tư thế thoải mái mà không bị rơi xuống đất hay đập người vào vách trong khi con tàu lắc lư từ bên này sang bên kia, đồng thời liên tục dềnh lên ngụp xuống. Thậm chí anh còn chẳng có một cái chậu rửa để nôn vào, hay một lỗ cửa để nôn qua.

Trong khi Harry nằm thao thức, suy nghĩ của anh lại quay về với Emma. Anh tự hỏi liệu cô vẫn còn ở Scotland hay đã quay về Manor House, hay có lẽ cô đã chuyển tới sống tại Oxford. Liệu Giles vẫn băn khoăn về chuyện anh đang ở đâu, hay Sir Walter đã cho cậu ta biết anh đã ra khơi và sẽ gia nhập chiến hạm *Resolution* ngay khi anh quay trở về Bristol? Và liệu có phải mẹ đang tự hỏi anh ở đâu? Có lẽ anh nên phá vỡ nguyên tắc vàng của bà và gặp mẹ ngay trong lúc bà đang làm việc. Cuối cùng, anh nghĩ tới Già Jack, và đột nhiên cảm thấy có lỗi khi nhận ra anh không thể trở về kịp để dự tang lễ của ông.

Điều Harry không thể biết là tang lễ của anh còn diễn ra trước cả Già Jack.

Harry bị đánh thức bởi âm thanh của bốn tiếng chuông. Anh nhồm dậy, cụng đầu lên trần, vội vàng mặc quần áo, lao ra hành lang, phi một mạch lên cầu thang, chạy vội qua mặt boong và hối hả lao lên các bậc thang tới đài chỉ huy.

“Xin lỗi tôi đến muộn, thưa ông, chắc là tôi đã ngủ quá giờ.”

“Cậu không phải gọi tôi là ông khi chỉ có mình chúng ta,” Bradshaw nói, “và tên tôi là Tom. Và thực tế là cậu đến sớm cả nửa tiếng. Ông thuyền trưởng hẳn đã quên cho cậu hay có bảy tiếng chuông báo ca trực ăn sáng, và bốn tiếng chuông cho ca trực lúc sáu giờ. Nhưng vì cậu đã ở đây rồi, sao không cầm lấy bánh lái trong lúc tôi đi vệ sinh một lát.” Harry choáng váng nhận ra Bradshaw không hề đùa. “Chỉ cần đảm bảo kim la bàn luôn chỉ hướng nam - tây nam, như thế cậu chẳng thể chệch hướng xa được,” anh ta nói thêm, thổ âm Mỹ nghe càng rõ hơn.

Harry dùng cả hai bàn tay nắm lấy bánh lái và chăm chú nhìn mũi tên nhỏ màu đen trong lúc anh cố giữ cho con tàu vượt qua các con sóng theo một đường thẳng. Khi anh ngoái lại đằng sau, Harry nhận thấy đường thẳng tấp gọn ghẽ mà Bradshaw đã đạt được một cách có vẻ rất nhàn nhã đã biến thành một thứ đường cong gợi cho người ta nhớ tới Mae West nhiều hơn. Dù Bradshaw mới rời đi có vài phút, Harry hiếm có lúc nào lại cảm thấy phấn khởi khi nhìn thấy ai đó trở lại đến thế.

Bradshaw đón lấy bánh lái và dải đường thẳng không chút gián đoạn nhanh chóng xuất hiện trở lại, cho dù anh ta chỉ để có một tay lên bánh lái.

“Hãy nhớ, cậu đang đối xử với một quý bà,” Bradshaw nói. “Cậu không được ghì chặt lấy cô nàng, mà cần dịu dàng vuốt ve. Nếu cậu có thể làm được thế, cô nàng sẽ tiến theo một đường thẳng tắp. Giờ hãy thử lại xem, trong lúc tôi ghi lại vị trí lúc vang lên bảy tiếng chuông của chúng ta lên hải trình hàng ngày.”

Khi một tiếng chuông vang lên hai mươi lăm phút sau và ông thuyền trưởng xuất hiện trên đài chỉ huy để thay ca cho Bradshaw, lộ trình của con tàu do Harry vạch ra trên đại dương có thể chưa hoàn toàn thẳng hẳn, song ít nhất nó không còn có vẻ như con tàu đang do một gã thủy thủ say khướt cầm lái nữa.

* * *

Trong bữa sáng, Harry được giới thiệu với một người chỉ có thể là thợ máy chính. Nước da nhợt nhạt như ma của Jim Patterson khiến ông ta trông có vẻ như đã trải qua phần lớn cuộc đời dưới hầm tàu, và cái bụng của ông ta khiến người ta nghĩ ông thợ máy đã dành cả phần đời còn lại chỉ để ăn. Không giống như Bradshaw, ông ta không lúc nào ngừng nói, và Harry nhanh chóng thấy rõ ông ta và ông thuyền trưởng là bạn lâu năm.

Anh chàng người Hoa xuất hiện mang ba chiếc đĩa đáng ra cần phải sạch hơn. Harry tránh món thịt muối đầy mỡ cùng khoai tây rán và dành sự ưu ái cho miếng bánh mì nướng cháy xém và một quả táo.

“Sao cậu không dành nốt buổi sáng đi tìm hiểu quanh con tàu nhỉ, cậu Clifton,” ông thuyền trưởng gợi ý sau khi những chiếc đĩa đã được mang đi. “Thậm chí cậu có thể tới chỗ ông Patterson dưới buồng máy và thử xem cậu có thể sống sót được dưới đó bao nhiêu phút.” Patterson bật cười, vò lấy hai miếng bánh mì nướng cuối cùng và nói, “Nếu cậu nghĩ thứ này đã bị cháy, hãy đợi cho tới khi cậu ở cạnh tôi vài phút nhé.”

* * *

Giống như một chú mèo được bỏ lại một mình trong ngôi nhà mới, Harry bắt đầu lang thang quanh con tàu trong lúc anh cố làm quen với vương quốc mới của mình.

Anh biết con tàu này dài 475 foot với chiều rộng thân 56 foot, và tốc độ tối đa của nó là mười lăm hải lý một giờ, nhưng anh không thể ngờ được là có nhiều góc ngách xó xỉnh đến thế, cho dù chắc chắn là chúng phải phục vụ một mục đích nào đó mà anh sẽ biết dần theo thời gian. Harry cũng nhận thấy không có phần nào trên boong tàu mà thuyền trưởng không thể để mắt đến từ trên đài chỉ huy, vì thế không có chốn ẩn thân nào cho một anh chàng thủy thủ lười biếng.

Harry theo cầu thang sắt đi xuống boong giữa. Phần cuối là nơi bố trí khu buồng ngủ của sĩ quan, phần giữa là bếp, và phần trước là một khu vực mở rất rộng có mắc võng treo. Làm thế nào để ai đó có thể ngủ được trên một trong những chiếc võng này nằm ngoài khả năng hình dung của anh. Sau đó anh nhìn thấy sáu thủy thủ, những người hẳn đã hết ca trực, lúc này đang nhẹ nhàng đu đưa từ bên này qua bên kia theo nhịp dao động của con tàu và ngủ một cách say sưa.

Một cầu thang sắt hẹp dẫn xuống tầng boong dưới, nơi có các thùng gỗ chứa 144 chiếc xe đạp Raleigh, một nghìn bộ đồ bằng vải bông và hai tấn khoai tây, tất cả đều được chằng buộc an toàn, và sẽ không được mở ra cho tới khi tàu cập cảng tại Cuba.

Cuối cùng, anh bước xuống một cầu thang hẹp dẫn tới buồng nồi hơi và là lãnh địa của ông Patterson. Anh đẩy cánh cửa kim loại nặng nề mở ra và, giống như Shadrach, Meshach và Abednego, bạo dạn bước vào lò lửa hừng hực bên trong. Anh đứng đó, quan sát trong khi sáu người thợ đốt lò, những người đàn ông cơ bắp vạm vỡ, áo trên người nheo nhuốc bụi đen, lưng nhể nhại mồ hôi túa thành dòng, dùng xẻng xúc than đá trút vào hai cái miệng luôn há ngoác cần phải được cho ăn hơn bốn bữa một ngày.

Như thuyền trưởng Havens đã tiên đoán, chỉ vài phút sau Harry đã phải lảo đảo chạy trở lại hành lang, mồ hôi nhể nhại, miệng há hốc lấy hơi. Phải một lúc sau anh mới hồi lại đủ để có thể leo lên mặt boong, tại đó chàng thanh niên quỳ sụp xuống hai đầu gối và hít lấy hít để không khí trong lành. Anh chỉ có thể tự hỏi làm thế nào

những người kia có thể sống sót được trong những điều kiện như thế và phải thực hiện hai ca làm việc dài hai giờ mỗi ngày, suốt cả bảy ngày trong tuần.

Sau khi Harry đã hồi phục, anh quay lên đài chỉ huy, mang theo cả trăm câu hỏi, từ chuyện ngôi sao nào trong chòm sao Đại Hùng Tinh chỉ tới Sao Bắc Đẩu, cho tới chuyện con tàu này có thể vượt qua được trung bình bao nhiêu hải lý mỗi ngày, hay cần bao nhiêu tấn than để... Ông thuyền trưởng vui vẻ trả lời tất cả, không một lần tỏ ra ngán ngẩm trước cơn khát kiến thức không thể thỏa mãn của anh chàng sĩ quan thứ tư trẻ tuổi. Kỳ thực, thuyền trưởng Havens đã nhận xét với ông Bradshaw trong quãng thời gian nghỉ của Harry rằng, điều khiến ông ấn tượng nhất về chàng thanh niên là anh không bao giờ hỏi một câu hỏi đến lần thứ hai.

* * *

Trong mấy ngày tiếp theo, Harry học cách kiểm tra đối chiếu la bàn với đường hải trình bằng nét đứt trên hải đồ, cách xác định hướng gió nhờ quan sát những con hải âu, và cách lái tàu vượt qua một con sóng cồn mà vẫn giữ được đúng hướng. Đến cuối tuần đầu tiên, anh đã được phép cầm lái mỗi khi có một sĩ quan nghỉ dùng bữa. Vào ban đêm, ông thuyền trưởng dạy anh tên của các vì sao, những vật mốc chỉ đường cũng đáng tin cậy không kém gì la bàn, nhưng ông cũng thừa nhận kinh nghiệm của bản thân chỉ giới hạn ở bán cầu bắc, vì chiếc *Devonian* chưa bao giờ vượt qua xích đạo trong suốt hai mươi sáu năm lênh đênh trên biển cả của nó.

Sau mười ngày trên biển, ông thuyền trưởng gần như hy vọng có một cơn bão xuất hiện, không chỉ để chấm dứt chuỗi vô tận những câu hỏi mà còn để xem liệu có điều gì có thể khiến cậu thanh niên này cạn hứng. Jim Patterson đã cho ông hay rằng cậu Clifton đã trụ được cả một giờ trong buồng nồi hơi sáng hôm đó và hạ quyết tâm trụ lại được trọn một ca làm việc trước khi họ cập bến tại Cuba.

“Ít nhất dưới đó ông cũng không phải chịu những câu hỏi liên tục bất tận của cậu ta,” ông thuyền trưởng bình luận.

“Tuần này thôi,” người thợ máy chính đáp.

Thuyền trưởng Havens tự hỏi đến lúc nào tới lượt ông học được một điều gì đó từ anh chàng sĩ quan thứ tư này hay không. Việc này xảy ra vào ngày thứ mười hai của chuyến đi, ngay sau khi Harry hoàn tất ca làm việc hai giờ đầu tiên của anh dưới buồng nồi hơi.

“Ông có biết ông Patterson sưu tập tem không, thưa thuyền trưởng?” Harry hỏi.

“Có, tôi có biết,” ông thuyền trưởng tự tin trả lời.

“Và bộ sưu tập của ông ấy bây giờ đã vượt quá con số bốn nghìn, bao gồm một con tem một penny màu đen không dập lỗ viền và một con tem hình tam giác của Nam Phi vẽ hình mũi Hảo Vọng?”

“Có, tôi biết,” ông thuyền trưởng lặp lại.

“Và bộ sưu tập đó giờ đây có giá trị còn lớn hơn ngôi nhà của ông ấy ở Mablethorpe?”

“Khỉ thật, đó chỉ là một căn nhà nhỏ thôi,” ông thuyền trưởng nói, cố gắng giữ bình tĩnh, và trước khi Harry kịp đưa ra câu hỏi tiếp theo, ông nói thêm, “Tôi sẽ thấy hứng thú hơn nhiều nếu cậu có thể tìm hiểu về Tom Bradshaw nhiều thông tin hơn so với những gì cậu đã moi ra được về thợ máy chính của tôi. Bởi vì, thành thực mà nói, Harry, tôi biết về cậu sau mười hai ngày còn nhiều hơn những gì tôi biết về sĩ quan thứ ba của tôi sau ba năm, và cho tới bây giờ, tôi chưa bao giờ nghĩ người Mỹ là một dân tộc kín tiếng.”

Càng nghĩ về nhận xét của ông thuyền trưởng, Harry càng nhận ra anh biết về Tom ít đến thế nào, bất chấp việc đã cùng trải qua nhiều giờ với anh ta trên đài chỉ huy. Anh không biết anh ta có anh em trai hay chị em gái hay không, bố anh ta làm nghề gì, bố mẹ anh ta sống ở đâu, hay liệu anh ta có bạn gái không. Và chỉ có thổ âm của anh ta để lộ ra rằng đó là một người Mỹ, Harry không biết anh ta đến từ thành phố nào, hay thậm chí tiểu bang nào.

Bảy tiếng chuông vang lên. “Cậu có thể cầm lấy bánh lái được không, cậu Clifton,” ông thuyền trưởng nói, “trong khi tôi cùng ông Patterson và ông Bradshaw ăn tối? Đừng do dự báo cho tôi biết nếu cậu phát hiện thấy bất cứ điều gì,” ông nói thêm trước khi rời đài chỉ huy, “nhất là nếu nó lớn hơn chúng ta.”

“Rõ, thưa thuyền trưởng,” Harry nói, thích thú vì được giao quyền điều khiển con tàu, cho dù chỉ trong bốn mươi phút, cho dù bốn mươi phút đó đang được kéo dài ra thêm sau mỗi ngày.

* * *

Khi Harry hỏi ông xem còn bao nhiêu ngày nữa thì họ tới được Cuba, thuyền trưởng Havens hiểu ra cậu thanh niên sớm trưởng thành này đã cảm thấy chán. Ông bắt đầu cảm thấy ái ngại cho hạm trưởng của chiến hạm *Resolution*, người không hề biết ông ta đã để mình dính phải chuyện gì.

Harry gần đây đã đảm nhiệm phụ trách bánh lái sau bữa tối để các sĩ quan khác có thể nhâm nhi vài ly gin trước khi trở lại đài chỉ huy. Và mỗi khi anh chàng người Hoa mang trà đến cho Harry, nó luôn nóng hổi, với một viên đường đúng như yêu cầu.

Ông Patterson từng nói với thuyền trưởng vào một buổi tối là nếu cậu Clifton có quyết định giành lấy quyền chỉ huy con tàu trước khi họ quay về Bristol, ông ta sẽ không dám chắc mình ngã về bên nào.

“Và ông đang nghĩ tới chuyện kích động một cuộc nổi loạn sao Jim?” Havens hỏi trong lúc rót cho người thợ máy chính của ông một ly gin.

“Không, nhưng tôi phải cảnh báo trước với ông, thuyền trưởng, là anh chàng trẻ tuổi kia đã sắp xếp lại các ca làm việc dưới buồng nồi hơi rồi đấy. Vì thế tôi biết các cậu dưới quyền tôi sẽ ngã về bên nào.”

“Vậy thì điều tối thiểu chúng ta có thể làm,” Havens nói, đồng thời tự rót cho mình một ly gin, “là yêu cầu sĩ quan phụ trách cờ tín hiệu gửi thông báo tới chiến hạm *Resolution*, cảnh báo cho họ biết họ phải đối phó với kiểu người nào.”

“Nhưng chúng ta đâu có sĩ quan phụ trách cờ tín hiệu,” Patterson nói.

“Vậy thì chúng ta cần phải xích cậu ta lại,” ông thuyền trưởng nói.

“Ý tưởng hay đấy, thuyền trưởng. Tiếc thay là chúng ta không có xiềng.”

“Càng đáng tiếc hơn nữa. Hãy nhắc tôi kiểm lấy vài bộ ngay khi chúng ta quay trở lại Bristol.”

“Nhưng dường như ông đã quên mất là Clifton sẽ rời chúng ta lên chiến hạm *Resolution* ngay khi chúng ta cập bến,” Patterson nói.

Ông thuyền trưởng uống một ngụm lớn gin trước khi lặp lại, “Càng đáng tiếc hơn nữa.”

Harry có mặt trên đài chỉ huy vài phút trước khi bảy tiếng chuông reo để thay cho ông Bradshaw, như thế anh này có thể cùng thuyền trưởng ăn tối.

Độ dài quãng thời gian Tom để anh phụ trách trên đài chỉ huy mỗi lúc một dài hơn theo mỗi ca trực, nhưng Harry không bao giờ phàn nàn, vì anh thích cái cảm giác rằng mỗi ngày có một giờ con tàu nằm dưới sự chỉ huy của anh.

Anh kiểm tra kim la bàn và lái theo hải trình đã được thuyền trưởng thiết lập. Thậm chí anh còn được giao nhiệm vụ ghi lại vị trí của họ trên hải đồ và ghi nhật ký hải trình trước khi hết ca trực.

Trong lúc Harry đứng một mình trên đài chỉ huy, một mặt trăng ngày rằm, một mặt biển yên ả và cả nghìn hải lý đại dương trải ra phía trước anh, những suy nghĩ của chàng trai lại quay trở về nước Anh. Anh tự hỏi Emma đang làm gì vào khoảnh khắc ấy.

Emma đang ngồi trong phòng của cô tại Sommerville College, Oxford, chính chiếc radio của cô tới Bản tin Quốc nội để cô có thể nghe thấy ông Neville Chamberlain phát biểu trước toàn dân.

“Đây là BBC từ London. Tiếp theo đây các bạn sẽ nghe một bài phát biểu của Thủ tướng.”

“Tôi đang nói chuyện với các bạn từ Văn phòng phủ Thủ tướng, số Mười phố Downing. Sáng hôm nay, đại sứ Anh tại Berlin đã trao cho chính quyền Đức một tối hậu thư nói rõ trừ khi chúng ta nhận được hồi đáp trước mười một giờ rằng họ đang chuẩn bị rút quân khỏi Ba Lan ngay lập tức, tình trạng chiến tranh sẽ xảy ra giữa hai quốc gia.

Đến lúc này, tôi buộc phải thông báo với các bạn rằng chúng ta đã không nhận được bất cứ lời hồi đáp nào như vậy, và do đó, đất nước này hiện đang ở trong tình trạng chiến tranh với nước Đức.”

Nhưng vì đài radio trên tàu *Devonian* không bắt được đài BBC, mọi người trên tàu tiếp tục công việc của họ như thể hôm ấy chỉ là một ngày bình thường.

Harry vẫn còn đang nghĩ tới Emma khi quả ngư lôi đầu tiên lao vút qua cạnh thành tàu. Harry không dám chắc anh nên làm gì. Anh không thích quấy quả thuyền trưởng trong lúc ông ăn tối, sợ bị quạt cho một trận vì làm lãng phí thời gian của ông. Harry đã tỉnh hẳn khi anh nhìn thấy quả ngư lôi thứ hai, và lần này anh không còn chút nghi ngờ nào về chuyện đó là thứ gì. Harry quan sát trong lúc vật thể thon dài sáng lóa kia lướt đi dưới mặt nước hướng về phía mạn tàu. Theo bản năng, anh quay bánh lái qua phải nhưng con tàu lại quành sang trái. Kết quả này không hẳn là điều anh muốn, song sai lầm này lại cho chàng trai đủ thời gian kéo còi báo động vì vật thể kia lại vút qua bên mạn tàu, chỉ chệch con tàu có vài yard.

Lần này Harry không còn do dự nữa mà ấn mạnh lòng bàn tay xuống nút còi, và lập tức làm vang lên một tiếng còi chói tai. Vài khoảnh khắc sau ông Bradshaw xuất hiện trên mặt boong và bắt đầu chạy về phía đài chỉ huy, theo sát gót là ông thuyền trưởng, vừa chạy vừa mặc áo khoác.

Lần lướt từng người một, các thành viên còn lại của thủy thủ đoàn hồi hả chui ra khỏi bụng con tàu lao về phía vị trí của họ, đoán rằng đây là một buổi diễn tập chữa cháy không báo trước.

“Có chuyện gì vậy, cậu Clifton?” thuyền trưởng Havens bình tĩnh hỏi khi ông bước vào đài chỉ huy.

“Tôi nghĩ tôi đã nhìn thấy một quả ngư lôi, thưa thuyền trưởng, nhưng vì tôi chưa bao giờ thấy ngư lôi trước đây, nên tôi không dám chắc.”

“Có thể nào đó là một con cá heo đang tận hưởng chỗ thức ăn thừa của chúng ta không?” ông thuyền trưởng đề xuất.

“Không, thưa thuyền trưởng, đó không phải là một con cá heo.”

“Tôi cũng chưa bao giờ nhìn thấy ngư lôi,” Havens thú thực trong lúc cầm lấy bánh lái. “Nó xuất hiện từ hướng nào?”

“Bắc - đông bắc.”

“Ông Bradshaw,” ông thuyền trưởng nói, “toàn bộ thủy thủ đoàn về vị trí khẩn cấp, chuẩn bị hạ xuống cứu sinh theo lệnh của tôi.”

“Rõ, thưa thuyền trưởng,” Bradshaw nói, rồi tụt thang xuống mặt boong và lập tức bắt đầu chỉ huy thủy thủ đoàn.

“Cậu Clifton, hãy chú ý quan sát mặt biển và báo cho tôi ngay khi cậu phát hiện thấy bất cứ thứ gì.”

Harry vớ lấy ống nhòm và bắt đầu từ từ quan sát một vòng. Cùng lúc, ông thuyền trưởng lớn tiếng hét vào ống nói, “Tắt cả máy lùi, ông Patterson, tắt cả máy lùi, và giữ nguyên chờ lệnh tiếp theo.”

“Rõ, thưa thuyền trưởng,” ông thợ máy chính đang sửng sờ vội đáp, ông đã không còn nghe thấy lệnh này kể từ năm 1918.

“Một quả nữa,” Harry nói. “Bắc - đông bắc, hướng thẳng về phía chúng ta.”

“Tôi thấy rồi,” ông thuyền trưởng nói. Ông đánh bánh lái sang trái và quả ngư lôi đi chệch khỏi tàu chỉ vài foot. Ông biết mình khó lòng lặp lại được cách này thêm lần nữa.

“Cậu nói đúng, cậu Clifton. Đó không phải là một con cá heo,” Havens nói một cách tỉnh bơ. Ông khẽ nói thêm, “Hẳn chúng ta đã tham chiến. Kẻ thù có ngư lôi, còn tất cả những gì tôi có là một trăm bốn mươi bốn cái xe đạp Raleigh, vài bịch khoai tây và dăm bộ quần áo vải bông.”

Harry vẫn chăm chú quan sát.

Ông thuyền trưởng vẫn bình tĩnh đến mức Harry hầu như không hề cảm thấy sự nguy hiểm. “Quả thứ tư đang lao thẳng về phía chúng ta, thưa ông,” anh nói. “Vẫn là bắc - đông bắc.”

Havens thử cầu may điều khiển con tàu già nua né tránh thêm lần nữa, nhưng lần này nó không đáp ứng lại lời yêu cầu không mấy hoan hỉ của ông đủ nhanh và quả ngư lôi đâm xuyên vào mạn tàu. Vài phút sau, ông Patterson báo cáo có một đám cháy bùng lên dưới đường mớn nước và người của ông ta không thể dập tắt lửa với những vòi phun bọt cỏ lỗ của con tàu. Ông thuyền trưởng không cần phải được nhắc nhở rằng ông đang đối diện với một tình thế vô vọng.

“Ông Bradshaw, chuẩn bị bỏ tàu. Tất cả thủy thủ đoàn tập trung cạnh xuồng cứu sinh đợi lệnh tiếp theo.”

“Rõ, thưa thuyền trưởng,” Bradshaw gào lên từ dưới mặt boong.

Havens hét vào ông nói. “Ông Patterson, ông và người của ông rời khỏi đó ngay lập tức, tôi nhắc lại là ngay lập tức, và tới tập trung cạnh xuồng cứu sinh.”

“Chúng tôi lên đây, thưa thuyền trưởng.”

“Thêm một quả nữa, thưa thuyền trưởng,” Harry nói. “Bắc - tây bắc, hướng vào mạn trái, giữa thân tàu.”

Ông thuyền trưởng đánh xoay bánh lái một lần nữa, nhưng ông biết rõ lần này ông không thể giành phần thắng. Vài giây sau, quả ngư lôi đâm xuyên vào con tàu, lúc này đã bắt đầu nghiêng về một phía.

“Bỏ tàu!” Thuyền trưởng Havens hét lên, vớ lấy loa. “Bỏ tàu!” ông ta lặp lại vài lần nữa, trước khi quay sang Harry, lúc đó vẫn đang dùng ống nhòm quan sát mặt biển.

“Hãy chạy tới xuồng cứu sinh gần nhất, cậu Clifton, và nhanh lên. Việc ở lại trên đài không ích gì nữa.”

“Rõ, thưa thuyền trưởng,” Harry nói.

“Thuyền trưởng,” một giọng nói vọng lên từ phòng máy, “khoang số bốn bị kẹt. Tôi bị kẹt trong lòng tàu cùng năm người nữa.”

“Chúng tôi tới ngay, ông Patterson. Chúng tôi sẽ đưa mọi người ra khỏi đó ngay. Thay đổi kế hoạch, cậu Clifton. Theo tôi.”

Ông thuyền trưởng tụt xuống thang, chân ông hầu như không chạm vào các bậc thang, với Harry bám theo sát gót.

“Ông Bradshaw,” ông thuyền trưởng lớn tiếng gọi trong lúc vật lộn vượt qua những đám lửa cháy dầu lúc này đã lan tới tận boong trên, “cho mọi người lên xuồng cứu sinh ngay và bỏ tàu.”

“Rõ, thưa ngài,” Bradshaw nói trong lúc bám lấy lan can thành tàu.

“Tôi cần một mái chèo. Và hãy đảm bảo anh có một xuồng cứu sinh chuẩn bị sẵn sàng để đón ông Patterson cùng người của ông ấy từ buồng nôi hơi lên.”

Bradshaw vớ lấy một mái chèo từ một xuồng cứu sinh, và với sự giúp đỡ của một thủy thủ khác, đưa được nó cho ông thuyền

trưởng. Harry và ông thuyền trưởng mỗi người cầm lấy một đầu mái chèo, chạy qua mặt boong tới cửa khoang số bốn. Harry không hiểu nổi một mái chèo liệu có ích lợi gì khi đối phó với những quả ngư lôi, nhưng giờ không phải là lúc đưa ra các câu hỏi.

Ông thuyền trưởng tiếp tục lao đi, chạy qua anh chàng người Hoa, lúc này đang quỳ trên hai đầu gối, đầu cúi gằm, cầu khẩn các vị thần của anh ta.

“Xuống xuống cứu sinh ngay, đồ ngốc kia!” Havens gất lên. Ông Lu loạng choạng đứng lên, nhưng vẫn không nhúc nhích. Khi Harry lao đảo chạy qua, anh đẩy anh chàng này về phía người sĩ quan thứ ba, làm Lu đổ nhào về đằng trước và gần như lao ập vào vòng tay của ông Bradshaw.

Khi ông thuyền trưởng tới khung cửa trên khoang số bốn, ông cài phần cán của mái chèo vào một cái móc cong, nhảy lên và đề toàn bộ sức nặng của mình lên phần bơi chèo. Harry nhanh chóng tới cạnh ông, và hai người đã cùng nhau nâng được tấm cửa sắt dày lên cho tới khi có một khe hở cao chừng một foot.

“Cậu kéo mọi người qua, cậu Clifton, trong khi tôi cố giữ cửa sập mở,” Havens nói, trong khi hai bàn tay xuất hiện thò qua khe hở.

Harry buông mái chèo ra, quỳ gối xuống, cúi gập người về phía khe cửa hé mở. Trong lúc anh tóm lấy vai người đàn ông nọ, một cơn sóng hất ào qua người anh và trút thẳng xuống khoang. Anh lôi người thủy thủ ra và lớn tiếng bảo anh ta chạy thẳng tới chỗ xuống cứu sinh. Người thứ hai nhanh nhẹn hơn và đã tự mình chui qua được mà không cần Harry trợ giúp, trong khi người thứ ba đang hoảng loạn đến mức anh ta lao vọt qua khe hở, đập đầu vào cánh cửa trước khi lao đảo chạy theo người phía trước. Hai người tiếp theo nhanh chóng theo ra và loạng choạng bò cả bằng hai chân hai tay về phía xuống cứu sinh còn lại. Harry đợi ông thợ máy chính xuất hiện, nhưng không thấy tăm hơi ông này đâu. Con tàu ngày càng nghiêng hơn, và Harry đã phải bám vào mặt boong để không bị rơi cắm đầu xuống khoang tàu.

Anh nhìn xuống bóng tối phía dưới và trông thấy một bàn tay vươn lên. Anh cúi đầu qua khe hở và cúi xuống hết cỡ có thể mà không bị lộn xuống dưới, song vẫn không thể nắm lấy được các ngón tay của viên Sĩ quan thứ hai. Ông Patterson đã cố nhảy lên

mấy lần, nhưng lần nào nỗ lực của ông cũng bị ngăn cản vì nước liên tục ào vào đội xuống đầu ông. Thuyền trưởng Havens thấy rõ rắc rối song không thể giúp họ, vì nếu ông buông mái chèo, cửa sập sẽ lập tức rơi xuống người Harry.

Patterson, lúc này đã đứng ngập đến đầu gối trong nước, hét lớn, “Vì Chúa, hai người hãy xuống xuống cứu sinh mau, trước khi quá muộn.”

“Không đời nào,” ông thuyền trưởng nói. “Cậu Clifton, hãy xuống dưới đó lôi lão con hoang đó lên, sau đó cậu có thể theo sau.”

Harry không hề do dự. Anh quay người lại thả mình xuống khoang, chân trước tiên, dùng các ngón tay bám lấy rìa khung cửa. Cuối cùng, anh buông tay và rơi vào bóng tối. Thứ nước sóng sánh nhìn dầu, lạnh như băng ngăn cú rơi của anh lại, và ngay khi lấy lại được thăng bằng, chàng trai hạ thấp người xuống nước, tay bám sang hai bên, và nói, “Leo lên lưng tôi, thưa ông, như thế ông có thể bám được vào cửa.”

Người thợ máy chính tuân lệnh vị sĩ quan thứ tư, nhưng khi ông ta vươn người lên, Patterson vẫn còn cách khung cửa vài inch. Harry dồn hết sức bình sinh đẩy Patterson lên cao hơn cho tới khi ông ta có thể bám vào khung cửa khoang và đu đưa trên các ngón tay. Nước lúc này đang ào ào tuôn vào, trong khi con tàu không ngừng nghiêng mạnh hơn. Harry áp một bàn tay lên mỗi bên hông của ông Patterson và bắt đầu đẩy như một vận động viên cử tạ cho tới khi đầu ông thợ máy chính lộ lên trên mặt boong.

“Thật vui được thấy anh, Jim,” ông thuyền trưởng hàm hồ trong lúc tiếp tục cố dùng hết sức nặng của cơ thể đè lên mái chèo.

“Tôi cũng thế, Arnold,” ông thợ máy chính đáp trong lúc từ từ chui lên khỏi khoang.

Đúng vào khoảnh khắc ấy quả ngư lôi cuối cùng đâm trúng vào con tàu đang chìm dần. Chiếc mái chèo gãy làm đôi và tằm cửa khoang bằng sắt lao thẳng xuống người thợ máy. Giống như lưỡi rìu dao phủ thời trung cổ, bằng một nhát chém nó chặt phẳng thật ngọt cái đầu của ông ta và đóng chặt lại. Phần thân của Patterson rơi trở vào trong khoang, đập xuống nước ngay cạnh Harry.

Harry thầm cảm ơn Chúa vì anh không thể nhìn thấy Patterson trong bóng tối lúc này đang bao trùm xung quanh anh. Ít nhất nước

cũng đã ngừng tràn vào, cho dù điều đó đồng nghĩa với việc giờ đây không còn đường nào để thoát ra.

Trong khi chiếc *Devonian* bắt đầu bị lật úp, Harry đoán hẳn ông thuyền trưởng cũng đã chết, nếu không chắc chắn ông đã đập mạnh vào cửa khoang cố tìm cách đưa anh thoát ra. Trong lúc ngồi sụp xuống nước, Harry chợt nghĩ thật mỉa mai làm sao khi anh lại phải xuống mồ giống như bố anh, bị chôn sống trong bụng một con tàu. Anh bám lấy thành khoanh trong nỗ lực cuối cùng nhằm thoát khỏi cái chết. Trong khi chàng trai đợi nước dâng lên từng inch một quá vai anh, rồi lên quá cổ, rồi quá đầu, vô vàn khuôn mặt chợt hiện lên trước mắt anh. Những ý nghĩ thật lạ lùng luôn xuất hiện khi ta biết ta chỉ còn thêm vài khoảnh khắc để sống.

Ít nhất cái chết của anh cũng sẽ giải quyết được rắc rối cho rất nhiều người anh yêu quý. Emma sẽ được giải phóng khỏi lời hứa bỏ qua những người đàn ông khác suốt phần đời còn lại của cô. Sir Walter sẽ không còn phải lo lắng về việc thực hiện di chúc của bố ông. Theo thời gian, Giles rồi sẽ thừa kế tước hiệu của gia đình cùng toàn bộ tài sản tràn tục của bố cậu ta. Thậm chí cả Hugo Barrington giờ đây cũng có thể sống thoải mái khi ông ta không còn cần phải chứng minh mình không phải là bố của Harry. Chỉ có người mẹ thân yêu của anh...

Đột nhiên có một tiếng nổ rung trời vang lên. Chiếc *Devonian* gãy làm đôi và vài giây sau cả hai nửa cùng dựng ngược lên như một con ngựa lồng, trước khi con tàu vỡ đôi chìm nghiêng xuống đáy đại dương.

Tay thuyền trưởng tàu ngầm Đức quan sát qua kính tiềm vọng của y cho tới khi chiếc *Devonian* đã biến mất dưới những con sóng, để lại đằng sau nó hàng nghìn bộ quần áo vải bông màu sắc sặc sỡ cùng vô số xác chết đang dập dềnh trên mặt biển, xung quanh là những củ khoai tây.

“Ông có thể cho tôi biết tên không?” Harry ngược mắt nhìn lên cô y tá nhưng không thể cử động được môi. “Ông có nghe thấy tôi nói không?” cô này hỏi. Thêm một giọng Mỹ nữa.

Harry cố gắng khẽ gật đầu, và cô gái mỉm cười. Anh nghe thấy tiếng cửa mở, và cho dù anh không nhìn thấy ai bước vào buồng bệnh, cô y tá rời khỏi anh ngay lập tức, vậy thì đó phải là ai đó có thẩm quyền. Cho dù không nhìn thấy họ, anh có thể nghe thấy những gì họ nói. Chuyện này làm anh có cảm giác như mình là một kẻ nghe lén.

“Chào cô, y tá Craven,” giọng nói của một người lớn tuổi vang lên.

“Chào ông, bác sĩ Wallace,” cô y tá đáp lại.

“Hai bệnh nhân của chúng ta thế nào rồi?”

“Một người đang có dấu hiệu tiến triển rõ rệt. Người còn lại vẫn hôn mê.”

Vậy là ít nhất còn hai người trong thủy thủ đoàn sống sót, Harry nghĩ. Anh muốn reo lên, song cho dù môi anh mấp máy, nhưng không có lời nào vang lên.

“Và chúng ta vẫn chưa biết họ là ai?”

“Vẫn chưa, nhưng thuyền trưởng Parker lúc trước có ghé qua xem tình trạng của họ, và khi tôi đưa ông ấy xem những gì còn lại từ quần áo của họ, ông ấy đoán chắc cả hai người đều là sĩ quan.”

Tim Harry đập rộn khi anh nghĩ tới khả năng thuyền trưởng Havens vẫn còn sống. Anh nghe thấy tiếng bước chân của ông bác sĩ bước tới giường bệnh còn lại, nhưng chàng thanh niên không thể

ngoảnh đầu để xem ai đang nằm đó. Vài khoảnh khắc sau, anh nghe thấy, “Anh chàng khốn khổ, tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu anh ta qua khỏi đêm nay.”

Vậy thì ông chưa biết thuyền trưởng Havens rồi, Harry muốn nói với ông ta, vì ông thuyền trưởng không để bị giết một cách dễ dàng như thế đâu.

Người bác sĩ quay lại bên giường Harry và bắt đầu khám cho anh. Harry chỉ có thể nhìn thấy một người đàn ông trung niên với khuôn mặt nghiêm túc, trầm ngâm. Sau khi bác sĩ Wallace khám xong, ông quay sang nói với cô y tá, “Tôi cảm thấy có hy vọng hơn nhiều với người này, cho dù cơ hội của anh ta vẫn không khá hơn năm mươi - năm mươi sau những gì anh ta đã trải qua. Hãy tiếp tục tranh đấu, chàng trai,” ông nói, quay sang nhìn Harry, cho dù ông không chắc người bệnh có thể nghe thấy mình nói. “Chúng tôi sẽ làm mọi thứ có thể để giành lại mạng sống cho cậu.” Harry muốn cảm ơn ông ta, nhưng tất cả những gì anh có thể làm là một cái gật đầu khe khẽ, trước khi ông bác sĩ bước đi. “Nếu có ai trong họ qua đời tối nay,” anh nghe thấy ông bác sĩ khẽ nói với cô y tá, “cô đã quen thuộc với quy trình chuẩn rồi chứ?”

“Vâng, thưa bác sĩ. Thuyền trưởng sẽ được thông báo ngay, và thi thể được chuyển xuống nhà xác.” Harry muốn hỏi liệu đã có bao nhiêu người phục vụ trên cùng tàu với anh đã ở dưới đó.

“Và tôi cũng muốn được thông báo,” Wallace nói thêm, “cho dù tôi đã đi ngủ.”

“Tất nhiên rồi, thưa bác sĩ. Tôi có thể hỏi thuyền trưởng đã quyết định làm gì với những con người khốn khổ đã chết khi chúng ta vớt lên chưa?”

“Ông ấy đã ra lệnh vì tất cả họ đều là thủy thủ, họ sẽ được an táng dưới biển, vào lúc rạng đông ngày mai.”

“Tại sao phải sớm vậy?”

“Ông ấy không muốn hành khách biết đã có bao nhiêu sinh mạng bị mất đi đêm qua,” ông bác sĩ nói thêm trước khi bước đi. Harry nghe thấy tiếng một cánh cửa mở ra. “Chúc cô buổi tối tốt lành, y tá.”

“Chúc ông buổi tối tốt lành, bác sĩ,” cô y tá chào đáp lễ, và cửa đóng lại.

Y tá Craven quay lại ngồi xuống cạnh giường Harry. “Tôi không thèm quan tâm đến tỷ lệ,” cô nói. “Cậu sẽ phải sống.”

Harry ngược mắt nhìn lên một người y tá lấp ló trong bộ áo blouse trắng hồ bột và chiếc mũ trắng, nhưng bất chấp điều đó anh vẫn không thể không thấy sự tin tưởng kiên định trong đôi mắt cô.

* * *

Lần tiếp theo Harry tỉnh dậy, căn phòng chìm trong bóng tối trừ một vầng sáng mờ mờ ở tận góc xa, có lẽ là từ một căn phòng khác hắt vào. Ý nghĩ đầu tiên của anh là về thuyền trưởng Havens, lúc này đang vật lộn để dành giật lại sự sống trên chiếc giường bên cạnh. Anh cầu nguyện mong ông qua khỏi và họ có thể cùng nhau quay về nước Anh, khi đó ông thuyền trưởng có thể nghỉ hưu còn Harry có thể đăng ký lên bất cứ con tàu nào của Hải quân Hoàng gia mà Sir Walter thu xếp được cho anh.

Những ý nghĩ của anh lại một lần nữa quay về với Emma, cũng như việc cái chết của anh có thể giúp giải quyết được bao nhiêu rắc rối cho gia đình Barrington, giờ đây thì những rắc rối này lại tiếp tục quay trở lại ám ảnh họ.

Harry nghe thấy cửa lại mở ra, rồi ai đó với tiếng bước chân lẹ lể bước vào phòng bệnh. Mặc dù anh không thể nhìn thấy người đó là ai, tiếng đôi giày người đó đi gợi ý hai điều: đó là một người đàn ông, và anh ta biết mình đi tới đâu. Thêm một cánh cửa nữa mở ra ở phía xa của căn phòng, và quầng sáng trở nên sáng hơn.

“Chào, Kristin,” giọng người đàn ông cất lên.

“Xin chào, Richard,” đến lượt câu trả lời của cô y tá. “Anh đến muộn,” cô ta nói, giọng trêu đùa, không hề có chút bực dọc nào.

“Xin lỗi, em yêu. Tất cả sĩ quan phải có mặt trên đài chỉ huy cho tới khi việc tìm kiếm những người sống sót cuối cùng chấm dứt.”

Cánh cửa đóng lại, và ánh sáng lại tối đi trở lại. Harry không có cách nào biết được bao nhiêu thời gian đã trôi qua trước khi cánh cửa một lần nữa mở ra - nửa giờ, mà cũng có thể là một giờ - và anh nghe thấy giọng nói của hai người kia.

“Cà vạt của anh không thẳng kìa,” cô y tá nói.

“Như thế sẽ không ổn,” người đàn ông đáp. “Ai đó có thể sẽ đoán ra chúng ta vừa làm gì.” Cô y tá bật cười trong khi anh ta bắt đầu bước đi về phía cửa. Đột nhiên người đàn ông dừng lại. “Hai người này là ai vậy?”

“Ông A và ông B. Những người sống sót duy nhất từ hoạt động cứu hộ tối qua.”

Tôi là ông C, Harry muốn nói với cô y tá trong khi hai người kia bước về phía giường của anh. Harry nhắm mắt lại; anh không muốn họ nghĩ rằng anh đã nghe được cuộc trò chuyện của họ. Cô y tá kiểm tra mạch của anh.

“Em nghĩ ông B ngày càng khỏe lên. Anh biết đấy, em không chịu nổi ý nghĩ không thể cứu sống được ít nhất một trong hai người họ.” Cô gái rời Harry và bước tới giường còn lại.

Harry mở mắt ra và hơi quay đầu để nhìn thấy một người đàn ông trẻ mặc đồ sĩ quan màu trắng lịch sự với cầu vai vàng. Không hề báo trước, y tá Craven bắt đầu khóc nức nở. Người đàn ông trẻ dịu dàng đưa một cánh tay quàng lấy vai cô gái, cố an ủi cô. Không, không, Harry muốn hét lên, thuyền trưởng Havens không thể chết. Chúng ta sẽ cùng nhau quay về Anh quốc mà.

“Quy trình trong những trường hợp như thế này sẽ ra sao?” viên sĩ quan trẻ hỏi, nghe có vẻ khá bình thản.

“Em cần thông báo ngay cho thuyền trưởng, sau đó đánh thức bác sĩ Wallace dậy. Sau khi tất cả giấy tờ đã được ký và việc di chuyển được phê chuẩn, thi thể sẽ được đưa xuống nhà xác để chuẩn bị cho lễ an táng vào ngày mai.”

Không, không, không, Harry hét lên, nhưng không ai trong hai người kia nghe thấy anh.

“Em xin cầu nguyện bất cứ vị Chúa nào,” cô y tá nói tiếp, “mong sao nước Mỹ không bị dính líu vào cuộc chiến tranh này.”

“Chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra đâu, em yêu,” anh chàng sĩ quan trẻ nói. “Roosevelt quá khôn ngoan để khiến mình bị dính líu vào thêm một cuộc chiến tranh nữa ở châu Âu.”

“Lần trước các chính trị gia cũng nói thế,” Kristin nhắc nhở anh ta.

“Này, chuyện gì làm em nghĩ ngợi vậy?” người đàn ông có vẻ quan tâm.

“Ông A cũng cùng trạc tuổi anh,” cô y tá nói. “Có lẽ ông ta cũng có một vị hôn thê ở nhà.”

Harry nhận ra rằng nằm trên giường bên cạnh không phải là thuyền trưởng Havens, mà là Tom Bradshaw. Đó là lúc anh đi đến quyết định.

* * *

Khi Harry tỉnh lại, anh có thể nghe thấy nhiều giọng nói vọng lại từ phòng bên cạnh. Một lát sau, bác sĩ Wallace và y tá Craven bước vào phòng bệnh.

“Chắc hẳn là rất đau lòng,” cô y tá nói.

“Không hề vui vẻ chút nào,” ông bác sĩ thừa nhận. “Và còn đáng buồn hơn vì tất cả bọn họ đều xuống mồ một cách vô danh, cho dù tôi buộc phải đồng ý với ông thuyền trưởng, rằng hẳn một thủy thủ sẽ muốn được an táng theo cách đó.”

“Có tin gì từ tàu còn lại chưa?” cô y tá hỏi.

“Có, bên họ tình hình khá hơn một chút. Mười một người chết, nhưng ba người sống sót: một người Hoa và hai người Anh.”

Harry thắc mắc liệu một trong hai người Anh đó có thể là thuyền trưởng Havens không.

Ông bác sĩ cúi xuống cởi khuy áo pyjama của Harry ra. Ông ta áp một cái ống nghe lạnh ngắt lên vài nơi trên ngực anh và cẩn thận lắng nghe. Sau đó, cô y tá nhét một cái nhiệt kế vào miệng Harry.

“Thân nhiệt anh ta đã hạ nhiều rồi, thưa bác sĩ,” cô y tá nói sau khi cô xem nhiệt kế.

“Tuyệt vời. Cô có thể thử cho anh ta ăn một ít súp loãng.”

“Vâng, được ạ. Ông có cần tôi giúp đỡ cho hành khách nào khác không?”

“Không đâu, cảm ơn cô, công việc quan trọng nhất của cô là đảm bảo người này sống sót. Tôi sẽ gặp lại cô sau vài giờ nữa.”

Sau khi cánh cửa đóng lại, cô y tá quay lại bên giường Harry. Cô ngồi xuống và mỉm cười. “Anh có thể cho tôi biết tên mình không?”
“Tom Bradshaw,” anh trả lời.

“Tom này,” bác sĩ Wallace nói sau khi đã khám xong cho Harry, “tôi không rõ cậu có thể cho tôi biết tên người sĩ quan đồng nghiệp của cậu vừa qua đời tối qua. Tôi muốn viết thư cho mẹ anh ta, hay vợ anh ta nếu anh ta đã có vợ.”

“Tên anh ấy là Harry Clifton,” Harry nói, giọng phải lắng tai mới nghe được. “Anh ấy chưa kết hôn, nhưng tôi biết mẹ anh ấy khá rõ. Tôi định sẽ tự viết thư cho bà.”

“Cậu thật tử tế,” Wallace nói, “nhưng tôi vẫn muốn gửi thư cho bà ấy. Cậu có địa chỉ của bà không?”

“Có, tôi có địa chỉ,” Harry nói. “Nhưng sẽ tốt hơn nếu trước hết bà biết tin từ tôi, chứ không phải từ một người hoàn toàn xa lạ,” anh đề xuất.

“Nếu cậu nghĩ vậy,” Wallace nói, nghe không có vẻ do dự.

“Vâng, tôi nghĩ thế,” Harry nói, lần này giọng đã kiên quyết hơn. “Ông luôn có thể gửi lá thư của tôi khi chiếc *Kansas Star* quay lại Bristol. Đó là trong trường hợp ông thuyền trưởng vẫn lên kế hoạch quay về Anh, khi lúc này chúng ta đã ở vào tình trạng chiến tranh với Đức.”

“Chúng ta đâu có trong tình trạng chiến tranh với Đức,” Wallace nói.

“À không, tất nhiên là không,” Harry nói, nhanh chóng tự đính chính. “Và hãy hy vọng chuyện đó không bao giờ xảy ra.”

“Đồng ý,” Wallace nói, “song điều đó cũng không ngăn được chiếc *Kansas Star* thực hiện chuyến quay trở lại. Vẫn còn hàng trăm

người Mỹ đang mắc kẹt tại Anh, không có cách nào khác để quay về nhà.”

“Chẳng phải như thế có phần rủi ro sao?” Harry hỏi. “Nhất là với những gì chúng ta vừa trải qua.”

“Không, tôi không nghĩ vậy,” Wallace nói. “Điều cuối cùng người Đức muốn là đánh chìm một tàu chở khách Mỹ, động thái chắc chắn sẽ kéo chúng ta vào cuộc chiến. Tôi khuyên cậu hãy ngủ một chút, Tom, vì tôi đang hy vọng là ngày mai cô y tá có thể đưa cậu đi dạo một vòng trên boong. Bắt đầu chỉ là một vòng thôi,” ông nhấn mạnh.

Harry nhắm mắt lại, nhưng không hề cố thử tìm giấc ngủ trong lúc anh suy nghĩ về quyết định của mình, và ảnh hưởng của nó đến bao nhiêu cuộc đời khác. Bằng cách nhận lấy danh tính của Tom Bradshaw, anh đã cho phép mình có chút thời gian thư thả để cân nhắc tới tương lai của mình. Một khi người ta biết tin Harry Clifton đã chết ngoài biển, Sir Walter và những thành viên còn lại của gia đình Barrington sẽ được giải thoát khỏi mọi ràng buộc họ có thể đang cảm thấy, và Emma sẽ được tự do bắt đầu một cuộc sống mới. Một quyết định anh cảm thấy hẳn Già Jack sẽ tán thưởng, cho dù anh vẫn chưa hình dung ra hết hệ lụy của nó.

Tuy nhiên, việc Tom Bradshaw từ cõi chết trở về đương nhiên sẽ tạo nên những rắc rối của chính nó, và anh sẽ phải luôn cảnh giác. Việc anh hầu như không biết gì về Bradshaw chẳng hề giúp được gì, vậy là mỗi khi y tá Craven hỏi anh về quá khứ, anh lại phải bịa ra chuyện gì đó hoặc thay đổi chủ đề.

Bradshaw đã tỏ ra rất giỏi trong việc gạt đi bất cứ câu hỏi nào anh ta không muốn trả lời, và luôn thực sự là một người khép kín. Anh ta đã không đặt chân lên đất nước mình ít nhất được ba năm rồi, thậm chí có lẽ còn lâu hơn, vì thế gia đình anh ta hẳn không có cách nào biết được lần trở về đột ngột này của anh ta. Ngay khi chiếc *Kansas Star* cập bến New York, Harry dự định sẽ quay về Anh lập tức trên con tàu đầu tiên sẵn có. Vấn đề nan giải nhất của chàng trai là làm cách nào để tránh cho mẹ anh phải trải qua đau khổ không cần thiết khi bà nghĩ đã mất đi đứa con trai độc nhất. Bác sĩ Wallace đã phần nào giúp anh giải quyết việc này khi ông hứa sẽ gửi một lá thư cho Maisie ngay khi ông trở lại Anh. Nhưng Harry vẫn còn phải viết lá thư đó.

Anh dành ra hàng giờ ngẫm nghĩ những gì sẽ viết trong đầu, thế nên khi anh đủ hồi phục để có thể viết những suy nghĩ của mình lên giấy, Harry hầu như đã thuộc lòng nội dung bức thư.

New York

Ngày 8 tháng Chín, 1939

Mẹ thân yêu nhất của con,

Con đã làm mọi điều có thể trong khả năng của mình để đảm bảo mẹ sẽ nhận được lá thư này trước khi ai đó kịp nói với mẹ là con đã chết trên biển.

Như ngày tháng trên lá thư này đã cho thấy, con đã không chết khi chiếc Devonian bị đắm chìm hôm mùng 4 tháng Chín. Trên thực tế, con được một tàu Mỹ vớt lên và vẫn còn sống khỏe mạnh. Tuy nhiên, một cơ hội xuất hiện cho phép con mượn lấy danh tính của một người khác, và con đã làm thế, với hy vọng nó sẽ giải thoát cả mẹ và gia đình Barrington khỏi rất nhiều rắc rối mà dường như con đã vô tình gây ra trong những năm qua.

Điều quan trọng là con muốn mẹ hiểu tình yêu con dành cho Emma không hề giảm đi; ngược lại là khác. Nhưng con không cảm thấy mình có quyền trông đợi cô ấy dành cả phần đời còn lại bám lấy hy vọng mong manh rằng đến một lúc nào đó trong tương lai con có thể chứng minh được Arthur Clifton, chứ không phải Hugo Barrington, mới là bố con. Như thế, ít nhất cô ấy có thể cân nhắc tới tương lai bên cạnh một ai đó. Con thấy ghen tỵ với người đàn ông ấy.

Con dự định sẽ trở về Anh trong tương lai gần. Nếu mẹ nhận được bất cứ thư tín nào từ một người có tên là Tom Bradshaw, thì đó chính là con.

Con sẽ liên lạc với mẹ ngay khi con đặt chân lên đất Anh, nhưng cho tới lúc ấy, con mong mẹ hãy giữ kín bí mật này như mẹ đã giữ kín bí mật của chính mình trong suốt bấy nhiêu năm.

Con trai yêu quý của mẹ,

Harry.

Anh đọc lại lá thư vài lần trước khi cho nó vào một phong bì có ghi chú “Tuyệt đối riêng tư và bí mật.” Harry viết địa chỉ người nhận thư là bà Arthur Clifton, số 27 Still House Lane, Bristol.

Sáng hôm sau, anh đưa lá thư cho bác sĩ Wallace.

* * *

“Anh có nghĩ mình đã sẵn sàng thử đi bộ một cử ngón quanh boong chưa?” Kristin hỏi.

“Chắc chắn rồi,” Harry đáp, cố thử một cách diễn đạt anh từng nghe thấy bạn trai cô dùng, cho dù anh vẫn cảm thấy không tự nhiên khi thêm vào hai từ “em yêu.”

Trong những giờ dài đằng đẵng nằm trên giường, Harry đã cẩn thận lắng nghe bác sĩ Wallace, và mỗi khi có một mình, anh lại thử bắt chước khẩu âm của ông, thứ khẩu âm mà anh đã nghe thấy Kristin mô tả với Richard là giọng của bờ biển miền đông. Harry thầm cảm ơn những giờ anh trải qua cùng tiến sĩ Paget học về các kỹ năng giọng mà anh từng cho rằng chỉ có ích trên sân khấu. Hiện giờ anh đang ở trên sân khấu. Tuy nhiên, anh vẫn còn một vấn đề là làm cách nào đối phó với sự tò mò vô tư của Kristin về gia đình và thời thơ ấu của anh.

Harry được trợ giúp nhờ một cuốn tiểu thuyết của Horatio Alger và một cuốn khác của Thornton Wilder, hai cuốn sách duy nhất được để tại trong phòng bệnh. Từ chúng, anh đã có thể dựng nên một gia đình tưởng tượng sinh trưởng tại Bridgeport, Connecticut. Họ gồm một người bố là giám đốc chi nhánh ngân hàng tại một thành phố nhỏ cho Connecticut Trust & Savings, một người mẹ là một bà nội trợ chu toàn, vốn từng về nhì trong cuộc thi sắc đẹp hàng năm của thành phố, cùng một người chị gái, Sally, đã có một gia đình hạnh phúc cùng Jake, người quản lý cửa hàng bán đồ nội thất tại địa phương. Anh thầm mỉm cười với chính mình khi nhớ lại nhận xét của tiến sĩ Paget rằng với trí tưởng tượng của mình, nhiều khả năng cuối cùng anh sẽ trở thành một nhà văn hơn là diễn viên.

Harry dè dặt đặt chân xuống sàn, và với sự giúp đỡ của Kristin, từ từ đứng dậy. Sau khi đã mặc lên người một chiếc áo ngủ, anh cảm

tay cô y tá và tập tễnh bước về phía cửa, leo lên mấy bậc thang và ra ngoài mặt boong.

“Đã bao lâu rồi anh chưa về nhà?” Kristin hỏi trong lúc hai người bắt đầu chậm rãi đi quanh mặt boong.

Harry luôn cố gắng bám lấy chút thông tin ít ỏi anh thực sự biết về Bradshaw, thêm vào đó vài nét chấm phá từ cuộc sống của gia đình tưởng tượng của anh. “Hơn ba năm một chút,” anh nói. “Gia đình tôi chưa bao giờ phàn nàn, bởi vì ai cũng biết tôi thích đi biển từ khi còn nhỏ.”

“Nhưng thế nào mà anh lại phục vụ trên một con tàu Anh vậy?”

Một câu hỏi thật hay, Harry thầm nghĩ. Anh chỉ ước gì mình biết được câu trả lời. Anh vấp chân để cho mình thêm chút thời gian nhằm tìm ra một câu trả lời thuyết phục. Kristin cúi xuống đỡ anh.

“Tôi không sao,” anh nói, sau khi đã lại cầm lấy tay Kristin. Sau đó anh bắt đầu hắt hơi liên tục.

“Có lẽ đã tới lúc đưa anh về phòng,” Kristin đề xuất. “Chúng ta không thể để anh bị cảm lạnh. Chúng ta có thể thử lại vào ngày mai.”

“Như ý cô thôi,” Harry nói, thấy nhẹ nhõm vì cô y tá không hỏi thêm câu hỏi nào nữa.

Sau khi cô đã giúp anh lên giường cẩn thận như một bà mẹ giúp một đứa con nhỏ, Harry nhanh chóng ngủ thiếp đi.

* * *

Harry đi được mười một vòng quanh mặt boong vào hôm trước ngày tàu *Kansas Star* về tới vịnh New York. Cho dù anh không thể thừa nhận điều này với bất cứ ai, chàng trai cảm thấy khá phấn khích với viễn cảnh được nhìn thấy nước Mỹ lần đầu tiên.

“Anh sẽ về thẳng Bridgeport sau khi chúng ta cập bến chứ?” Kristin hỏi trong vòng đi dạo cuối cùng của anh. “Hay anh dự định ở lại New York?”

“Tôi vẫn chưa nghĩ nhiều đến chuyện đó,” Harry nói, mặc dù trên thực tế anh đã suy nghĩ rất nhiều về việc này. “Tôi nghĩ tất cả phụ

thuộc vào việc chúng ta cập bến lúc nào,” anh nói thêm, trong lúc cố đoán trước câu hỏi tiếp theo của cô gái.

“Thế này nhé, nếu anh muốn nghỉ đêm ở căn hộ của Richard tại khu Eastside, như thế sẽ rất tuyệt đấy.”

“Ồ, tôi không muốn gây bất cứ rắc rối nào cho anh ấy đâu.”

Kristin bật cười. “Anh biết không, Tom, có những lúc anh có vẻ giống người Anh hơn người Mỹ đấy.”

“Tôi đoán là sau từng ấy năm phục vụ trên những con tàu Anh, cuối cùng người ta luôn có xu hướng bị họ gây ảnh hưởng.”

“Và đó cũng là lý do khiến anh cảm thấy không thể chia sẻ vấn đề của mình với chúng tôi sao?” Harry đột ngột dừng lại: lần này thì vấp chân hay hắt hơi sẽ không thể cứu được anh. “Nếu anh chỉ cần thẳng thắn hơn một chút ngay từ đầu, chúng tôi đã có thể vui vẻ giúp anh giải quyết khó khăn. Nhưng, vì hoàn cảnh bây giờ đã vậy, chúng tôi không còn lựa chọn nào ngoài thông báo với thuyền trưởng Parker để ông ấy quyết định xem nên làm gì.”

Harry ngòai phịch xuống cái ghế gần nhất trên boong, nhưng vì Kristin không hề có ý định tới giúp đỡ, anh biết mình đã thua cuộc. “Chuyện này còn rắc rối hơn so với hình dung của cô nhiều,” anh bắt đầu nói. “Nhưng tôi có thể giải thích vì sao tôi không muốn ai khác can dự vào.”

“Không cần,” Kristin nói. “Ông thuyền trưởng đã quyết định sẽ giúp đỡ chúng ta rồi. Nhưng ông ấy thực sự muốn hỏi anh định giải quyết vấn đề lớn hơn như thế nào.”

Harry cúi đầu xuống. “Tôi sẵn sàng trả lời bất cứ câu hỏi nào thuyền trưởng muốn hỏi,” anh nói, cảm thấy gần như nhẹ nhõm rằng mình đã bị bại lộ.

“Giống như tất cả chúng tôi, ông ấy muốn biết anh định rời khỏi tàu thế nào khi anh không hề có lấy một bộ quần áo hay một xu dính túi?”

Harry mỉm cười. “Tôi đoán người New York có thể sẽ coi một chiếc áo ngủ của tàu *Kansas Star* là khá tiện lợi.”

“Thành thực mà nói, sẽ không mấy người New York để ý cho dù anh có mặc áo ngủ đi dọc Đại lộ số Năm,” Kristin nói. “Và những người để ý có khi sẽ nghĩ rằng đó là một thời trang mới nhất. Nhưng

trong trường hợp họ không nghĩ thế, Richard đã tìm được hai chiếc áo sơ mi trắng và một chiếc áo khoác thể thao. Tiếc là anh ấy cao hơn anh nhiều, nếu không anh ấy đã có thể cho anh cả một cái quần nữa. Bác sĩ Wallace có thể nhường lại một đôi giày mũi bẹt màu nâu, một đôi tất và một cái cà vạt. Như thế chúng ta vẫn còn thiếu quần, nhưng ông thuyền trưởng có một chiếc quần soóc ông ấy không còn mặc vừa nữa.” Harry phì cười. “Chúng tôi hy vọng anh không cảm thấy phật ý, Tom, nhưng chúng tôi cũng đã tổ chức một cuộc quyên góp nhỏ trong thủy thủ đoàn,” cô nói thêm, và đưa cho anh một phong bì dày. “Tôi nghĩ anh sẽ tìm thấy trong này thừa đủ để trở về Connecticut.”

“Làm thế nào tôi có thể cảm ơn cô được?” Harry hỏi.

“Không cần đâu, Tom. Tất cả chúng tôi đều vui vì anh qua khỏi. Tôi chỉ ước gì chúng tôi có thể cứu được cả người bạn Harry Clifton của anh. Tuy thế, hẳn anh sẽ rất mừng khi biết thuyền trưởng Parker đã yêu cầu bác sĩ Wallace đích thân mang lá thư của anh đến cho mẹ anh ta.”

Harry là một trong những người đầu tiên có mặt trên boong sáng hôm ấy, chừng hai giờ trước khi chiếc *Kansas Star* dự kiến cập bến vào vịnh New York. Phải bốn mươi phút nữa trôi qua trước khi mặt trời tìm đến anh, và tới khi đó chàng trai đã dự liệu chính xác mình sẽ trải qua ngày đầu tiên trên đất Mỹ như thế nào.

Anh đã chào tạm biệt bác sĩ Wallace, sau khi cố gắng, một cách chưa thỏa đáng lắm, cảm ơn ông vì tất cả những điều ông đã làm. Wallace cam đoan với anh là ông sẽ gửi lá thư cho bà Clifton ngay khi ông tới Bristol, đồng thời miễn cưỡng thừa nhận có lẽ trực tiếp tới thăm bà sẽ là không khôn ngoan, sau khi Harry hé lộ mẹ của bạn anh vốn là người có thần kinh yếu.

Harry thực sự cảm động khi thuyền trưởng Parker xuống phòng bệnh đưa cho anh chiếc quần sóc và chúc anh may mắn. Sau khi ông đã quay lên đài chỉ huy, Kristin kiên quyết nói, “Đã đến lúc anh phải đi ngủ, Tom. Anh sẽ cần đến tất cả sức lực của mình nếu muốn quay về Connecticut ngày mai.” Tom Bradshaw hẳn sẽ muốn dành một hai ngày cùng Richard và Kristin ở Manhattan, nhưng Harry Clifton không thể để lãng phí thêm bất cứ giây phút nào, khi giờ đây nước Anh đã tuyên chiến với Đức.

“Khi anh thức dậy sáng mai,” Kristin nói tiếp, “hãy cố lên mặt boong trước bình minh, khi đó anh có thể thấy mặt trời mọc trong lúc chúng ta cập bến New York. Tôi biết anh đã nhìn cảnh đó nhiều lần rồi, Tom, nhưng nó chưa bao giờ khiến tôi hết xúc động.”

“Tôi cũng vậy,” Harry nói.

“Và khi chúng ta đã cập bến,” Kristin nói tiếp, “sao anh không đợi đến khi Richard và tôi xong việc, sau đó chúng ta cùng xuống tàu?”

* * *

Mặc trên người chiếc áo khoác thể thao và áo sơ mi, có phần hơi rộng, của Richard, cùng cái quần soóc, có phần hơi quá dài, của ông thuyền trưởng, đi đôi giày và tất của ông bác sĩ, cả hai món đều hơi chật, Harry nóng lòng chờ tới lúc được lên bờ.

Nhân viên điện tín trên tàu đã gửi điện báo trước cho Cơ quan Di trú New York rằng họ có thêm một hành khách trên tàu, một công dân Mỹ có tên Tom Bradshaw. Cơ quan Di trú New York đã gửi điện lại yêu cầu ông Bradshaw cần đến trình diện với một trong các nhân viên phụ trách nhập cảnh, và họ sẽ đảm nhận tiếp từ đó.

Sau khi Richard thả anh xuống ở nhà ga Grand Central, Harry dự định sẽ nán lại trong nhà ga ít lâu trước khi quay lại bến tàu, tại đây anh dự định đi thẳng tới văn phòng điều vận để tìm xem có những con tàu nào sắp tới Anh. Những con tàu này có hướng tới cảng nào cũng không quan trọng, miễn rằng đó không phải là Bristol.

Sau khi đã tìm được một con tàu thích hợp, anh sẽ đăng ký làm bất cứ việc gì có thể. Anh không bận tâm liệu mình sẽ làm việc trên đài chỉ huy hay dưới buồng nồi hơi, lau boong tàu hay gọt khoai tây, miễn là được trở về Anh. Nếu không có việc nào sẵn có, anh sẽ đặt vé hành khách rẻ nhất để hồi hương. Harry đã kiểm tra ruột chiếc phong bì trắng căng phồng Kristin đưa cho anh, và trong đó có thừa đủ để trả tiền cho một cái giường hành khách không thể nhỏ hơn cái phòng cất chổi nơi anh từng ngủ trên tàu *Devonian*.

Harry cảm thấy buồn vì khi về Anh anh sẽ không thể liên lạc với bất cứ ai trong số bạn bè cũ, và anh sẽ phải thận trọng ngay cả khi liên lạc với mẹ mình. Nhưng ngay khi Harry đặt chân lên bờ, mục tiêu duy nhất của anh sẽ là gia nhập một chiến hạm của Hải quân Hoàng gia và tham gia chiến đấu chống lại kẻ thù của nhà vua, cho dù anh biết bất cứ khi nào chiến hạm đó cập cảng, anh sẽ phải ở yên trên tàu như một kẻ tội phạm đang chạy trốn.

Dòng suy nghĩ của Harry bị một quý bà cắt ngang. Anh chăm chú ngắm nhìn đầy ngưỡng mộ khi lần đầu tiên trông thấy Tượng Nữ thần Tự do hé lộ trước mặt mình qua làn sương sớm. Anh đã từng thấy các bức ảnh chụp thẳng cảnh này, nhưng chúng không thể đem đến cảm nhận về kích thước thực sự của bức tượng đang đứng sừng sững cao hẳn phía trên tàu *Kansas Star*, chào đón khách tham quan, người di cư và cả các đồng bào tới với Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

Trong lúc con tàu tiếp tục di chuyển về vịnh, Harry tìm người vào lan can nhìn về phía Manhattan, thất vọng khi thấy những tòa nhà chọc trời có vẻ như cũng không cao hơn vài tòa nhà anh còn nhớ đã từng thấy ở Bristol. Nhưng rồi với mỗi phút trôi qua, chúng lớn dần, lớn dần lên cho tới khi có vẻ như đang vút thẳng lên tận thiên đường, và chàng trai phải đưa tay lên che mắt cho khỏi chói khi anh ngược mắt nhìn lên các tòa nhà.

Một chiếc tàu lai dắt thuộc Ban Quản lý cảng New York tới gặp họ và dẫn *Kansas Star* an toàn cập vào chỗ của nó ở kè số bảy. Khi Harry nhìn thấy đám đông đang vui vẻ hò reo, lần đầu tiên anh bắt đầu cảm thấy lo lắng, cho dù chàng thanh niên vừa cập cảng New York sáng hôm đó đã già dặn hơn nhiều so với người sĩ quan thứ tư rời cảng Bristol chỉ mới ba tuần trước.

“Cười lên nào, Tom.”

Harry quay lại, trông thấy Richard đang cúi xuống một chiếc máy ảnh Kodak Brownie Box. Anh này đang chụp một bức ảnh của Tom, với hậu cảnh là đường chân trời của Manhattan.

“Anh sẽ là một hành khách mà chắc chắn tôi sẽ không thể nào mà quên ngay được,” Kristin nói trong lúc cô bước tới bên anh để Richard có thể chụp một kiểu ảnh thứ hai của cả hai người. Cô đã thay áo blouse y tá bằng một bộ váy chấm bi lịch sự, thắt lưng trắng và giày trắng.

“Và tôi cũng sẽ khó quên được cô,” Harry nói, hy vọng không ai trong hai người kia cảm nhận được anh đang bồn chồn đến mức nào.

“Đã tới lúc chúng ta lên bờ rồi,” Richard nói, đóng cửa sập máy ảnh của anh ta lại.

Ba người cùng đi theo cầu thang rộng dẫn xuống boong dưới, nơi một số hành khách đã bắt đầu rời tàu để tới đoàn tụ cùng những người thân đang thở phào nhẹ nhõm và những người bạn đang lo lắng. Trong lúc họ bước xuống cầu ván, tinh thần Harry đã phấn chấn lên hẳn nhờ rất nhiều hành khách và thành viên thủy thủ đoàn muốn bắt tay anh và chúc anh may mắn.

Sau khi đặt chân xuống bến tàu, Harry, Richard và Kristin đi về phía cửa nhập cảnh, tại đây họ nhập vào một trong số bốn hàng người dài. Harry đưa mắt nhìn theo mọi hướng, và anh có rất nhiều điều muốn hỏi, song bất cứ câu nào cũng ngay lập tức làm lộ ra đây là lần đầu tiên anh đặt chân lên đất Mỹ.

Điều đầu tiên đập vào mắt anh là những màu da đa dạng tạo thành dân tộc Mỹ. Anh mới chỉ nhìn thấy một người da đen tại Bristol, và nhớ anh đã dừng lại nhìn người đó chằm chằm. Già Jack đã nói với anh rằng làm thế vừa thô lỗ vừa vô tâm, và nói thêm, “Cháu sẽ cảm thấy thế nào nếu ai cũng dừng lại nhìn cháu chằm chằm chỉ vì cháu là người da trắng?” Nhưng chính tiếng ồn, nhịp sống hối hả và tốc độ chóng mặt của mọi thứ xung quanh anh là thứ tác động mạnh nhất tới trí tưởng tượng của Harry, khiến cho Bristol dường như đang lùi lại ở một thời kỳ xa xăm đã qua.

Anh thực sự bắt đầu ước gì mình đã nhận lời mời của Richard về việc đến ngủ qua đêm ở chỗ của anh ta và thậm chí dành ra vài ngày trong một thành phố anh nhận thấy thật hấp dẫn ngay cả trước khi anh rời khỏi bờ kè.

“Để tôi lên đầu nhé?” Richard nói khi họ lên đầu hàng. “Như thế tôi có thể đi lấy xe của mình và gặp cả hai người bên ngoài cửa ra.”

“Ý kiến hay đấy,” Kristin nói.

“Tiếp theo!” một nhân viên nhập cảnh lớn tiếng gọi.

Richard bước tới bàn, đưa hộ chiếu của anh cho người nhân viên, ông này nhìn qua bức ảnh một chút trước khi đóng dấu. “Chào mừng ông về nhà, trung úy Tibbet.”

“Tiếp theo!”

Harry bước lên trước, ý thức một cách gượng gạo rằng anh không có hộ chiếu, không giấy tờ tùy thân và đang mạo danh người khác.

“Tên tôi là Tom Bradshaw,” anh nói với vẻ tự tin mà anh đang cố tạo ra. “Tôi nghĩ nhân viên điện tín trên tàu *Kansas Star* đã điện trước để báo tôi sẽ lên bờ.”

Người nhân viên nhập cảnh chăm chú nhìn Harry, sau đó cầm lấy một tờ giấy và bắt đầu lần xem một bản danh sách dài những cái tên. Cuối cùng, ông ta đánh dấu vào bên một cái tên trước khi quay ra phía sau và gạt đầu. Lần đầu tiên Harry nhận thấy hai người đàn ông đứng ở bên kia rào chắn, mặc những bộ đồ xám và đội mũ xám giống hệt nhau. Một trong hai người mỉm cười với anh.

Người nhân viên nhập cảnh đóng dấu lên một tờ giấy và đưa nó cho Harry. “Chào mừng ông quay về, ông Bradshaw. Đúng là đã lâu rồi.”

“Hửn rồi,” Harry nói.

“Tiếp theo!”

“Tôi sẽ đợi cô,” Harry nói trong lúc Kristin bước tới bàn.

“Tôi sẽ nhanh thôi,” cô hứa.

Harry đi qua rào chắn và lần đầu tiên nhập cảnh vào Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

Hai người đàn ông mặc đồ xám bước tới trước. Một người trong họ nói, “Chúc buổi sáng tốt lành, thưa ông. Có phải ông là ông Thomas Bradshaw không?”

“Chính là tôi,” Harry nói.

Những lời đó chỉ vừa kịp thoát ra khỏi miệng anh thì người còn lại chộp lấy anh và bẻ quặt hai cánh tay anh ra sau lưng, trong khi người thứ nhất còng tay anh lại. Tất cả diễn ra nhanh tới mức Harry thậm chí không kịp có thời gian để phản đối.

Bề ngoài anh vẫn tỏ ra bình tĩnh, vì anh đã lường tới khả năng ai đó có thể đã phát giác ra anh không phải là Tom Bradshaw, mà trên thực tế là một người Anh có tên Harry Clifton. Mặc dù vậy, anh vẫn đoán điều tệ nhất người ta có thể làm là dành cho anh một lệnh trục xuất và tổng anh lên tàu gửi về Anh. Và vì đó chính xác là điều anh dự kiến kiểu gì cũng sẽ làm, Harry không hề chống cự.

Harry nhìn thấy hai chiếc xe đợi bên vỉa hè. Chiếc thứ nhất là một xe cảnh sát màu đen, với cửa sau được một người đàn ông mặc đồ

xám nữa, khuôn mặt lạnh tanh, đứng mở sẵn. Chiếc thứ hai là một xe hơi thể thao màu đỏ, với Richard đang ngồi sau tay lái mỉm cười.

Khi Richard nhìn thấy Tom đã bị còng tay và đang bị giải đi, anh ta bật dậy và bắt đầu chạy về phía anh. Cùng lúc đó, một trong hai nhân viên cảnh sát bắt đầu đọc cho ông Bradshaw nghe các quyền của ông ta, còn người kia tiếp tục giữ chặt lấy khuỷu tay Harry. “Ông có quyền giữ im lặng. Bất cứ điều gì ông nói có thể và sẽ được dùng chống lại ông tại tòa. Ông có quyền mời một luật sư.”

Một khoảnh khắc sau, Richard đã tới bên họ. Anh ta trừng mắt nhìn mấy viên cảnh sát và nói, “Các vị nghĩ các vị đang làm cái quái gì vậy?”

“Nếu ông không thể thuê luật sư, một luật sư sẽ được chỉ định cho ông,” người cảnh sát thứ nhất tiếp tục đọc, trong khi người thứ hai tăng lòe Richard.

Richard rõ ràng rất kinh ngạc trước thái độ bình thản của Tom, gần như thể anh này không hề ngạc nhiên khi bị bắt. Nhưng chàng sĩ quan trẻ vẫn quyết tâm làm tất cả những gì anh có thể để giúp bạn mình. Anh bước tới trước, cản đường hai người cảnh sát và nghiêm giọng hỏi, “Thưa các ông, các ông đang buộc ông Bradshaw vào tội gì vậy?”

Người thám tử cao cấp dừng bước, nhìn thẳng vào mặt Richard và nói, “Tội giết người cấp độ một.”

MỤC LỤC

1. MAISIE CLIFTON 1919
 1. VÀO TRUYỆN
2. HARRY CLIFTON 1920 - 1933
 1. 1
 2. 2
 3. 3
 4. 4
 5. 5
 6. 6
 7. 7
 8. 8
 9. 9
 10. 10
3. MAISIE CLIFTON 1920 - 1936
 1. 11
 2. 12
 3. 13
 4. 14
 5. 15
 6. 16
 7. 17
 8. 18
 9. 19
4. HUGO BARRINGTON 1921 - 1936
 1. 20
 2. 21
 3. 22
 4. 23
 5. 24
 6. 25

7. [26](#)
5. [GIÀ JACK TAR 1925 - 1936](#)
 1. [27](#)
 2. [28](#)
 3. [29](#)
 4. [30](#)
 5. [31](#)
 6. [32](#)
 7. [33](#)
 8. [34](#)
6. [GILES BARRINGTON 1936 - 1938](#)
 1. [35](#)
 2. [36](#)
 3. [37](#)
 4. [38](#)
 5. [39](#)
 6. [40](#)
 7. [41](#)
 8. [42](#)
 9. [43](#)
7. [EMMA BARRINGTON 1932 - 1939](#)
 1. [44](#)
 2. [45](#)
 3. [46](#)
 4. [47](#)
8. [HARRY CLIFTON 1939 - 1940](#)
 1. [48](#)
 2. [49](#)
 3. [50](#)
 4. [51](#)
 5. [52](#)
 6. [53](#)
 7. [54](#)
 8. [55](#)
 9. [56](#)

Table of Contents

MAISIE CLIFTON 1919

VÀO TRUYỀN

HARRY CLIFTON 1920 - 1933

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

MAISIE CLIFTON 1920 - 1936

11

12

13

14

15

16

17

18

19

HUGO BARRINGTON 1921 - 1936

20

21

22

23

24

25

26

GIÀ JACK TAR 1925 - 1936

27

28

29

30

31

32

33

34

GILES BARRINGTON 1936 - 1938

35

36

37

38

39

40

41

42

43

EMMA BARRINGTON 1932 - 1939

44

45

46

47

HARRY CLIFTON 1939 - 1940

48

49

50

51

52

53

54

55

56